ĐINH THẾ LỤC (Tổng Chủ biên)
PHAN DOÃN THOẠI (Chủ biên)
NGUYỄN PHƯƠNG ANH

Toán 1

SÁCH GIÁO VIÊN

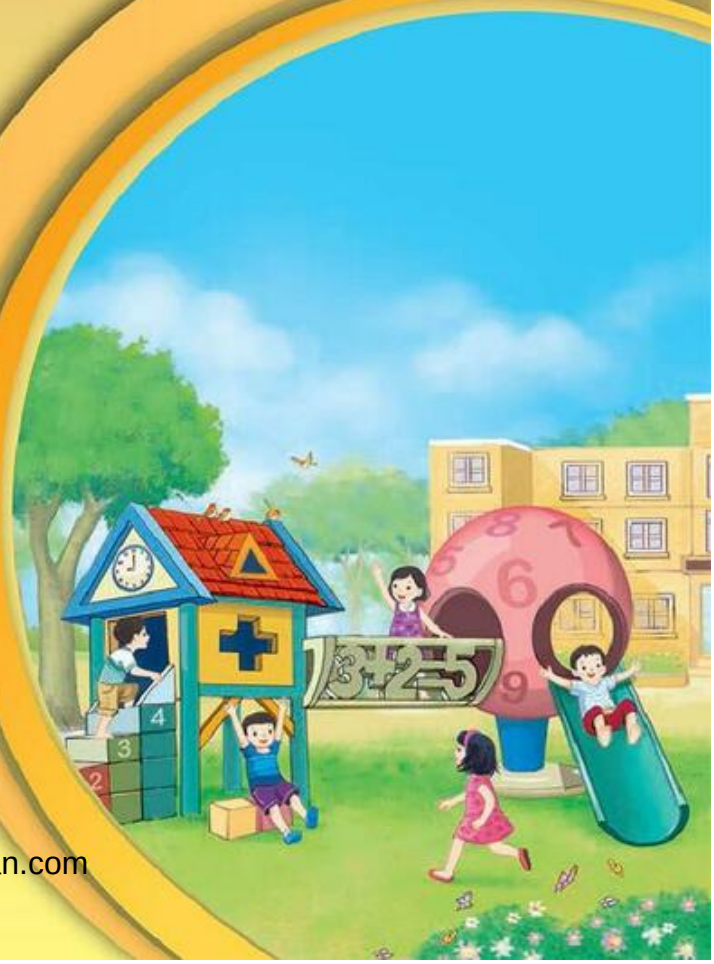

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

timdapan.com

ĐINH THẾ LỤC (Tổng Chủ biên) - PHAN DOÃN THOẠI (Chủ biên)
NGUYỄN PHƯƠNG ANH

Toán 1

SÁCH GIÁO VIÊN

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

timdapan.com

Mục lục

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MÔN TOÁN LỚP 1	5
HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC TOÁN 1	10
Tiết học đầu tiên	10
PHẦN A. Các số đến 10. So sánh các số trong phạm vi 10	11
Chủ đề 1. Các số đến 10	12
Đếm đến 10	14
Số 1, số 2, số 3	16
Số 4, số 5	18
Số 6, số 7	20
Số 8, số 9	22
Số 0	24
Số 10	26
Ôn tập 1	28
Chủ đề 2. So sánh các số trong phạm vi 10	30
Số lượng bằng nhau	32
Nhiều hơn, ít hơn	34
Lớn hơn, bé hơn. Dấu >,<	36
Sắp thứ tự các số trong phạm vi 10	38
Ôn tập 2	40
Ôn tập chung	42
PHẦN B. Cộng, trừ trong phạm vi 10	45
Chủ đề 3. Cộng trong phạm vi 10	46
Gộp lại, thêm vào. Cộng	48
Phép cộng. Dấu +, dấu =	50
Cộng trong phạm vi 3	52
Cộng trong phạm vi 6	54
Cộng bằng cách đếm tiếp	58
Cộng trong phạm vi 9	60
Cộng trong phạm vi 10	64
Cộng ba số	66
Ôn tập 3	68
Chủ đề 4. Trừ trong phạm vi 10	70
Bớt đi. Phép trừ, dấu –	72
Trừ bằng cách đếm lùi	74
Trừ trong phạm vi 5	76
Trừ trong phạm vi 8	78
Trừ trong phạm vi 10	82
Ôn tập 4	86
Ôn tập chung	88
PHẦN C. Các số đến 20. Cộng, trừ trong phạm vi 20	91
Chủ đề 5. Các số đến 20	92
Đếm đến 20	94
Chục và đơn vị	96
So sánh các số trong phạm vi 20	98
Ôn tập 5	100
Chủ đề 6. Cộng, trừ trong phạm vi 20	102
Phép tính cộng dạng 10 + 3	104
Phép tính cộng dạng 14 + 3	106
Phép tính trừ dạng 17 – 3	108
Ôn tập 6	110
Ôn tập chung	112
Ôn tập học kì 1	116
Các số đến 20	118
So sánh các số trong phạm vi 20	120
Cộng, trừ trong phạm vi 20	122

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

timdapan.com

PHẦN D. Hình học	**126**
Chủ đề 7. Hình phẳng	**127**
Hình chữ nhật, hình vuông	128
Hình tam giác, hình tròn	130
Thực hành xếp, ghép hình	132
Chủ đề 8. Hình khối	**135**
Vị trí	136
Khối hộp chữ nhật, khối lập phương	138
Thực hành xếp, ghép hình	140
Ôn tập chung	142
PHẦN E. Các số đến 100. Cộng, trừ trong phạm vi 100	**145**
Chủ đề 9. Các số đến 100	**146**
Đếm đến 50	148
Các số đến 50	150
Đếm theo chục. Số tròn chục	152
Đếm đến 100	154
Các số có hai chữ số	156
So sánh các số có hai chữ số	158
Sắp thứ tự ba số	160
Sắp thứ tự các số trong phạm vi 100	162
Ôn tập 9	164
Chủ đề 10. Cộng, trừ trong phạm vi 100	**166**
Cộng, trừ các số tròn chục	170
Phép tính cộng dạng 23 + 4	172
Phép tính trừ dạng 27 – 4	174
Luyện tập	176
Phép tính cộng dạng 49 + 20	178
Phép tính trừ dạng 49 – 20	180
Luyện tập	182
Phép tính cộng dạng 25 + 34	184
Vận dụng phép tính cộng	186
Phép tính trừ dạng 65 – 34	188
Vận dụng phép tính trừ	190
Ôn tập 10	192
Ôn tập chung	194
PHẦN G. Độ dài. Thời gian	**197**
Chủ đề 11. Độ dài	**198**
Dài hơn, ngắn hơn	200
Dài bao nhiêu	202
Xăng-ti-mét	204
Thực hành đo độ dài	206
Chủ đề 12. Thời gian	**209**
Các ngày trong tuần	210
Đồng hồ. Xem giờ	212
Thực hành nói thời gian	214
Ôn tập chung	218
Ôn tập cuối năm học	**220**
Các số đến 100	222
So sánh các số trong phạm vi 100	224
Cộng, trừ trong phạm vi 100	226
Hình phẳng, hình khối. Dài, ngắn. Đo độ dài. Đọc giờ trên đồng hồ, xem lịch tuần	230

timdapan.com

Các chữ viết tắt

Học sinh	HS
Giáo viên	GV
Sách học sinh	SHS
Sách giáo viên	SGV
Hoạt động	HĐ
Hướng dẫn	HD
Vở bài tập	VBT
Đồ dùng học toán	ĐDHT
Đồ dùng dạy toán	ĐDDT
Năng lực	NL

QUA HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

timdapan.com

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MÔN TOÁN LỚP 1

I. MỤC TIÊU DẠY HỌC MÔN TOÁN LỚP 1

Dạy học toán lớp 1 nhằm giúp học sinh đạt các mục tiêu chủ yếu sau đây.

1 Có những kiến thức và kĩ năng toán học cơ bản ban đầu, thiết yếu về:

a. Số và phép tính: Các số tự nhiên trong phạm vi 100 và các phép tính cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100.

b. Hình học và Đo lường: Quan sát, nhận biết hình dạng hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác, hình tròn; khối lập phương và khối hộp chữ nhật; Độ dài và đo độ dài bằng những vật thông dụng; Tuần lễ và các ngày trong tuần; Đọc giờ đúng trên đồng hồ.

2 Góp phần hình thành và phát triển năng lực toán học với yêu cầu cần đạt:

a. Về năng lực tư duy và lập luận toán học: Thực hiện được những thao tác tư duy đơn giản, biết quan sát, tìm kiếm sự giống nhau và khác nhau trong những tình huống quen thuộc và mô tả được kết quả của việc quan sát. Trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề.

b. Về năng lực mô hình hoá toán học: Lựa chọn được mô hình số, phép tính cộng hoặc trừ, hình phẳng hoặc hình khối để nói hoặc viết được các nội dung, ý tưởng của tình huống xuất hiện trong một bài toán thực tế đơn giản. Giải quyết được vấn đề xuất hiện trong sự lựa chọn trên. Nêu được câu trả lời cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tế.

c. Về năng lực giải quyết vấn đề toán học: Nhận biết vấn đề cần giải quyết đã được nêu dưới dạng câu hỏi hoặc lệnh. Biết cách giải quyết vấn đề, ví dụ, muốn trả lời câu hỏi "có bao nhiêu" thì phải đếm, "có tất cả bao nhiêu" thì phải làm tính cộng,... Nói hoặc viết được câu trả lời cho vấn đề cần giải quyết.

d. Về năng lực giao tiếp toán học: Nghe, đọc, hoặc trao đổi, hiểu được những thông tin toán học, từ đó nhận biết vấn đề cần giải quyết; trả lời được câu hỏi sau khi giải quyết được vấn đề. Sử dụng được những thuật ngữ toán học ở lớp 1 và ngôn ngữ thông thường để mô tả một tình huống toán học đơn giản.

e. Về năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học: Nhận biết tên gọi, tác dụng, cách sử dụng, cách thức bảo quản các đồ dùng học toán. Sử dụng được đồ dùng học toán, các phương pháp toán học (so sánh, sắp xếp, cộng, trừ,...) để thực hiện những nhiệm vụ học tập đơn giản.

3 Cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác như Tiếng Việt 1, Đạo đức 1, Tự nhiên và Xã hội 1, Hoạt động trải nghiệm 1, góp phần giúp học sinh hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực chung.

II. CHƯƠNG TRÌNH TOÁN LỚP 1

Chương trình toán lớp 1 là một bộ phận của Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tháng 12 năm 2018.

1 Chương trình được thiết kế để dạy học năm ngày trong một tuần, hai buổi trong một ngày. Thời lượng tối thiểu để dạy học Toán ở lớp 1 là 3 tiết học mỗi tuần lễ; mỗi tiết học kéo dài trong 35 phút. Như vậy, thời lượng dạy học Toán ở lớp 1 gồm:

3 tiết/tuần x 35 tuần = 105 tiết.

Trong đó, thời lượng dạy học Số và các phép tính là 80% tương đương 84 tiết; Hình học và Đo lường là 15% tương đương 16 tiết; Hoạt động thực hành và trải nghiệm là 5%, tương đương 5 tiết.

2 Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt trong mỗi mảng kiến thức và hoạt động trải nghiệm của môn Toán lớp 1 như sau:

timdapan.com

(a) SỐ VÀ PHÉP TÍNH

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
Số tự nhiên	Đếm, đọc, viết các số trong phạm vi 100	– Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 10; phạm vi 20; phạm vi 100. – Nhận biết được chục và đơn vị, số tròn chục.
	So sánh các số trong phạm vi 100	Nhận biết được cách so sánh, sắp thứ tự các số (trong một nhóm có không quá 4 số) trong phạm vi 100.
Các phép tính với số tự nhiên	Phép cộng, phép trừ	– Nhận biết được ý nghĩa của phép cộng, phép trừ. – Thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ) các số trong phạm vi 100. – Làm quen với việc tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).
	Tính nhẩm	– Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10. – Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm các số tròn chục.
	Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến phép tính cộng, trừ	– Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính cộng, trừ thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn. – Nhận biết và viết được phép tính cộng hoặc trừ phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn.

(b) HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
Hình phẳng và hình khối	Quan sát, nhận biết hình dạng của một số hình phẳng và hình khối đơn giản	– Nhận biết được vị trí, định hướng trong không gian: trên-dưới, phải-trái, trước-sau, ở giữa. – Nhận dạng được hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác, hình tròn thông qua sử dụng bộ đồ dùng học toán hoặc vật thật. – Nhận dạng được khối lập phương, khối hộp chữ nhật thông qua sử dụng bộ đồ dùng học toán hoặc vật thật.
	Thực hành lắp ghép, xếp hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đơn giản	Nhận biết và thực hiện được việc lắp ghép, xếp hình gắn với sử dụng bộ đồ dùng học toán hoặc vật thật.
Đo lường	Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng	– Nhận biết được về dài hơn, ngắn hơn. – Nhận biết đơn vị đo độ dài: xăng-ti-mét (cm); đọc, viết được số đo độ dài đến 100 cm. – Nhận biết được mỗi tuần lễ có 7 ngày, tên gọi và thứ tự các ngày (thứ) trong tuần. – Nhận biết được giờ đúng trên đồng hồ.
	Thực hành đo đại lượng	– Thực hiện được việc đo và ước lượng độ dài theo đơn vị đo tự quy ước (gang tay, bước chân,...). – Thực hiện được việc đo độ dài bằng thước thẳng với đơn vị đo xăng-ti-mét (cm). – Thực hiện được việc đọc giờ đúng trên đồng hồ. – Xác định được thứ, ngày trong tuần khi xem lịch (lịch tờ hằng ngày). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến đo độ dài, đọc giờ đúng và xem lịch (lịch tờ hằng ngày).

timdapan.com

(c) HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

Nhà trường tổ chức cho học sinh một số hoạt động sau và có thể bổ sung các hoạt động khác tuỳ vào điều kiện cụ thể.

Hoạt động 1. Thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn, chẳng hạn:

– Thực hành đếm, nhận biết số, thực hiện phép tính trong một số tình huống thực tiễn hằng ngày.
– Thực hành các hoạt động liên quan đến vị trí, định hướng trong không gian.
– Thực hành đo và ước lượng độ dài một số đồ vật trong thực tế gắn với đơn vị đo cm; đọc giờ đúng trên đồng hồ; xem lịch tờ hằng ngày.

Hoạt động 2. Tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khoá, liên quan đến ôn tập, củng cố kiến thức cơ bản.

III. SÁCH GIÁO KHOA VÀ TÀI LIỆU BỔ TRỢ MÔN TOÁN LỚP 1

1 Sách giáo khoa

(a) Sách giáo khoa Cùng học để phát triển năng lực Toán 1 gồm hai tập dùng cho hai học kì. Nội dung mỗi tập được chia thành ba phần, mỗi phần gồm hai chủ đề và một bài ôn tập chung (bài ôn tập phần). Để học sinh dễ sử dụng, tên phần chỉ đưa vào sách giáo viên; trong sách giáo khoa chỉ ghi tên và số thứ tự các chủ đề. Mỗi chủ đề gồm trang mở đầu, các bài học và bài ôn tập cuối chủ đề. Một số hoạt động trải nghiệm được đưa vào cuối một số bài, cuối một số chủ đề.

(b) Nội dung Toán 1 được thể hiện chủ yếu bằng hình vẽ. Các khái niệm, tính chất toán học đều không trình bày sẵn, mà được mô tả bằng hình ảnh, mô hình trực quan hoặc một tình huống cụ thể. Thông qua các hình ảnh, tình huống đó HS hiểu rõ các khái niệm, tính chất và từng bước biết thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn học tập và sinh hoạt.

(c) Toán 1 được thiết kế theo mô hình hoạt động. Nội dung mỗi bài được thể hiện bằng một hệ thống những hoạt động học tập. Học sinh, với sự hướng dẫn của giáo viên và trao đổi nhóm, thực hiện các hoạt động này để chiếm lĩnh tri thức. Toán 1 chủ yếu gồm hai loại bài học: Bài hình thành kiến thức, kĩ năng, phương pháp mới; Bài luyện tập, ôn tập.

Với bài hình thành kiến thức, kĩ năng, phương pháp mới, hoạt động học thường bắt đầu từ việc quan sát một tình huống điển hình, mô hình hoá (tình huống này) để hình thành kiến thức mới (Hoạt động khám phá); tiếp theo, học sinh thực hành kiến thức mới trên những tình huống, vấn đề cụ thể (Hoạt động luyện tập, thực hành); Cuối cùng, học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng vào giải quyết một số vấn đề thực tiễn (Hoạt động vận dụng). Các hoạt động này không được ghi tên, nhưng có chỉ định màu để giúp GV và phụ huynh hướng dẫn HS học tập.

Với bài luyện tập, ôn tập, các bài tập, tình huống, vấn đề được thiết kế để học sinh từng bước củng cố, phát triển kiến thức kĩ năng đã hình thành.

Như vậy, có thể nói, vấn đề trọng tâm của SGK Toán 1 là thiết kế các hoạt động học của HS. Thực hiện các hoạt động học này, HS từng bước hình thành kĩ năng, phương pháp tự học.

2 Sách giáo viên

SGK thiết kế các hoạt động học của HS; SGV thiết kế hướng dẫn GV tổ chức các hoạt động học đó.

(a) SGV gồm hai phần chính: Giới thiệu chung về môn Toán lớp 1; Hướng dẫn tổ chức dạy học Toán 1.

(b) Hướng dẫn tổ chức dạy học Toán 1 – Phần chủ yếu của SGV, có cấu trúc tương ứng với cấu trúc SGK, nhưng các phần, chủ đề, bài đều được ghi rõ tên, số thứ tự. Ví dụ: Phần A. Các số đến 10; Chủ đề 1. Các số đến 10, Chủ đề 2,...

Đầu mỗi phần có trang giới thiệu chung về phần đó. GV nên xem kĩ để nắm rõ mục tiêu, yêu cầu cần đạt và các năng lực hướng tới của từng chủ đề; các hoạt động mà HS sẽ được trải nghiệm khi học phần này.

Đầu mỗi chủ đề cũng có trang giới thiệu chung về chủ đề, đó là kế hoạch dạy học của chủ đề này.

(c) Kế hoạch bài học được viết cho từng bài. Mỗi bài trong SGK là một hệ thống những hoạt động học tập. Tương ứng, SGV hướng dẫn tổ chức các hoạt động đó. Để thuận tiện cho việc hướng dẫn trực tiếp, các trang sách HS được thu nhỏ và nhúng vào trang tương ứng của SGV. Mỗi bài thường có bốn nhóm tổ chức hoạt động học tập:

Tổ chức hoạt động khởi động

Tổ chức hoạt động khám phá

timdapan.com

Tổ chức hoạt động luyện tập

Tổ chức hoạt động vận dụng

Hoạt động khởi động không được thiết kế trong SGK, nhưng có tổ chức trong SGV. Sự bất ngờ, mới mẻ sẽ thu hút HS chuẩn bị tham gia vào bài học.

Trong SGV, mỗi hoạt động học thường có ba bước: mục tiêu; các bước tiến hành; kết quả. Đó là một kịch bản ngắn, trong đó gồm chủ yếu là các hoạt động học và gợi ý tổ chức các hoạt động học tương tác (cá nhân, cặp đôi, nhóm) của HS, xen kẽ là những gợi ý, dẫn dắt của GV.

Hướng dẫn tổ chức hoạt động học là một đổi mới căn bản trong dạy học nhằm mục tiêu phát triển năng lực. GV nên nghiên cứu kĩ, để tổ chức dạy học một cách hiệu quả.

3 Học liệu bổ trợ SGK

Để hỗ trợ HS đạt kết quả cao trong học tập, ngoài SGK, còn có những học liệu sau đây.

(a) **Vở bài tập.** Các chủ đề, các bài trong VBT tương ứng với các chủ đề, các bài trong SGK. Mỗi bài học trong VBT gồm những câu hỏi, bài tập để củng cố, khắc sâu và phát triển những kiến thức, kĩ năng đã hình thành trong SHS. Do đó, VBT có thể dùng để HS học buổi 2, hoặc cho những HS đã hoàn thành sớm bài học trên lớp.

(b) **Đồ dùng học toán.** Bộ đồ dùng học toán lớp 1 được thiết kế để HS sử dụng (theo cá nhân hoặc theo nhóm) trong các tiết học toán. Trong mỗi tiết học, GV hướng dẫn HS lựa chọn đồ dùng thích hợp để thực hiện các hoạt động học tập. Cũng có bộ đồ dùng dạy học Toán 1 dành riêng cho GV, giúp GV hướng dẫn HS trên lớp.

(c) **Học liệu điện tử.** SGK, VBT cũng có học liệu điện tử dưới dạng Sách mềm đi kèm, cụ thể là:

Sách mềm Toán 1 - Tự kiểm tra, đánh giá: gồm một số câu hỏi và bài tập giúp HS tự kiểm tra, đánh giá nhanh ở mỗi bài, mỗi chủ đề.

Sách mềm Toán 1 - VBT: gồm các bài tập có tương tác được chuyển thể từ VBT, giúp HS rèn kĩ năng tính toán và giao tiếp toán học.

Tư liệu bài giảng điện tử Toán 1: Gồm các bài giảng mẫu dành cho GV.

IV. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN 1

1 Các yêu cầu cơ bản đối với phương pháp dạy học Toán 1

(a) Phù hợp với tiến trình nhận thức của HS lớp 1 (từ cụ thể đến trừu tượng, từ dễ đến khó).

(b) Quán triệt tinh thần lấy "người học làm trung tâm", phát huy tính tích cực, tự giác, chú ý phát triển năng lực mỗi cá nhân; tổ chức quá trình dạy học theo hướng kiến tạo, trong đó HS được trải nghiệm qua các hoạt động học tập, từng bước biết tìm tòi, phát hiện, giải quyết vấn đề.

(c) Linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực; kết hợp nhuần nhuyễn với phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; kết hợp các hoạt động dạy học trên lớp với thực hành, trải nghiệm, vận dụng kiến thức toán học vào thực tiễn.

(d) Sử dụng hiệu quả các phương tiện, đồ dùng dạy học tối thiểu đối với môn Toán lớp 1; tăng cường áp dụng công nghệ thông tin, các phương tiện, thiết bị điện tử một cách phù hợp và hiệu quả.

2 Phương pháp tổ chức các hoạt động học tập trong mỗi bài

GV tổ chức các hoạt động học tập của HS theo tiến trình đã được thiết kế trong SGK.

(a) Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG. Hoạt động khởi động nhằm giúp HS chia sẻ những kiến thức kĩ năng đã có và tiếp cận với vấn đề sẽ khám phá trong bài học mới. GV tổ chức các cuộc thi tập thể, trò chơi, ..., tạo không khí học tập sôi nổi để bước vào hoạt động khám phá.

(b) Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ. Hoạt động này giúp HS tìm hiểu kiến thức mới thông qua những tình huống thực tế điển hình. GV tổ chức cho HS hoạt động theo các bước:

– HS tìm hiểu vấn đề đặt ra trong tình huống điển hình; HS tự mình hoặc qua trao đổi với bạn, gợi ý của GV nhận ra cách thức giải quyết vấn đề.

– HS quan sát mô hình để nhận ra và nói được vấn đề vừa nêu trong tình huống điển hình đã được khái quát thành kiến thức mới.

Khi cần, GV có thể chia nhỏ các hoạt động để HS dễ thực hiện.

(c) Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP. Hoạt động này giúp HS thực hành từng phần hoặc toàn bộ kiến thức vừa hình thành với những tình huống cụ thể. Qua đó HS được củng cố và hiểu rõ hơn kiến thức đã học. GV tổ chức cho HS hoạt động theo các bước:

– HS tìm hiểu vấn đề cần giải quyết; liên hệ với kiến thức vừa hình thành; từ đó tìm ra lời giải cho vấn đề. GV theo dõi, gợi ý cho HS (khi cần) để hoạt động đạt kết quả.

timdapan.com

– HS được chỉ định trình bày trước lớp cách làm và kết quả vừa thực hiện; GV và HS trong lớp trao đổi, nhận xét để xác định kết quả.

(d) Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG. Hoạt động này giúp HS sử dụng tổng hợp kiến thức, kĩ năng đã có vào giải quyết một tình huống trong thực tiễn đời sống, học tập của HS. GV tổ chức cho HS hoạt động theo các bước:

– HS tìm hiểu vấn đề đặt ra trong tình huống đã cho. Phân tích để thấy vấn đề này tương tự vấn đề đã biết cách giải quyết. Từ đó, tự thực hiện giải quyết vấn đề. GV có thể gợi ý để hỗ trợ HS trong quá trình tìm hiểu, phân tích, giải quyết vấn đề.

– Kết quả thực hiện của mỗi HS, cần được trao đổi chung trong lớp. Trên cơ sở đó, HS thấy có thể có những cách giải quyết khác nhau và có thể vận dụng vào những tình huống khác.

(e) Chú ý:

– Một số hoạt động: Cùng chơi, bạn có biết,... xem như những hoạt động trải nghiệm.

– Tuỳ thuộc vào điều kiện cụ thể, GV có thể tổ chức các hoạt động vận dụng trong giờ học buổi 1 hay buổi 2.

V. ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC TOÁN 1

1 Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục môn Toán lớp 1 là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự phát triển năng lực và sự tiến bộ của HS trên cơ sở yêu cầu cần đạt đã nêu trong chương trình môn Toán ở lớp 1.

2 Hai hình thức đánh giá

(a) Đánh giá quá trình (hay đánh giá thường xuyên) đi liền với tiến trình học tập của HS, đảm bảo mục tiêu vì sự tiến bộ của HS.

– Khi theo dõi HS tự giải quyết vấn đề ở mỗi hoạt động trong bài học, GV đánh giá vốn kiến thức, kĩ năng của HS, từ đó kịp thời giúp mọi HS đạt yêu cầu.

– Mỗi bài học trong SGK đều có một hay hai hoạt động mà HS được đánh giá mức độ nắm vững kiến thức trên sản phẩm HS tự làm ra: trình bày lời giải cho vấn đề đặt ra của hoạt động luyện tập hoặc vận dụng. Hoạt động này cũng được chỉ ra trong mỗi bài của SGV.

– GV đánh giá HS về mức độ nhuần nhuyễn từng phần kiến thức kĩ năng đã học qua theo dõi HS tự giải quyết vấn đề của các hoạt động trong bài ôn tập chủ đề, ôn tập chung (ôn tập phần).

(b) Đánh giá định kì (hay đánh giá tổng kết) có mục đích chính là đánh giá việc thực hiện các mục tiêu học tập của mỗi học kì, của năm học. Nhà trường tổ chức thực hiện việc đánh giá này để phục vụ công tác quản lí hoạt động dạy học, đảm bảo chất lượng giáo dục. Kết quả đánh giá được sử dụng để chứng nhận cấp độ học tập, công nhận thành tích của HS.

Trong cả hai hình thức đánh giá, cần đảm bảo nguyên tắc: HS bộc lộ được phẩm chất, năng lực cá nhân.

(c) Để hỗ trợ HS tự kiểm tra, đánh giá; Phụ huynh và GV theo dõi việc học của HS, còn có thêm học liệu điện tử Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá.

3 Đánh giá năng lực HS thông qua các bằng chứng biểu hiện kết quả đạt được trong quá trình HS thực hiện các hoạt động. Cần chú trọng lựa chọn phương pháp, công cụ đánh giá các thành tố của năng lực toán học. Cụ thể:

– Đánh giá năng lực tư duy và lập luận Toán học: có thể sử dụng một số phương pháp, công cụ đánh giá như câu hỏi (nói hoặc viết), bài tập,...đòi hỏi HS phải trình bày, so sánh, phân tích,... hay vận dụng kiến thức toán học để giải thích.

– Đánh giá năng lực mô hình hoá toán học: lựa chọn một tình huống thực tiễn làm xuất hiện vấn đề cần giải quyết. Từ đó đòi hỏi HS phải xác định mô hình toán học của tình huống này; đánh giá khả năng mô hình hoá và khả năng diễn giải kết quả của vấn đề đặt ra trong tình huống thực tiễn.

– Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề toán học: đưa ra một tình huống thực tiễn, yêu cầu HS nhận dạng tình huống, phát hiện vấn đề cần giải quyết; mô tả cái đã biết, cái cần tìm; lựa chọn phương pháp giải; đưa ra kết quả. Theo dõi HS trong quá trình giải quyết vấn đề, từ đó đưa ra kết quả đánh giá.

– Đánh giá năng lực giao tiếp toán học: có thể yêu cầu HS nghe hiểu, đọc hiểu, ghi chép, nói được những thông tin toán học trong một bài toán có lời văn; có thể yêu cầu HS sử dụng thuật ngữ toán học để diễn tả một tình huống thực tế,...

– Đánh giá năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học: có thể đưa ra một tình huống cần sử dụng đồ dùng học toán hoặc một phương tiện toán học (phép tính, mô hình số, ...) để kiểm tra khả năng lựa chọn và sử dụng đồ dùng, phương tiện để giải quyết vấn đề của tình huống.

Đánh giá năng lực cần được tiến hành thường xuyên cũng như phải đánh giá trong cả quá trình học tập của HS. Trong mỗi giai đoạn (cuối mỗi phần, cuối học kì), GV có thể đánh giá được mức độ đạt được năng lực hướng tới của mỗi HS.

timdapan.com

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC TOÁN 1

TIẾT HỌC ĐẦU TIÊN

Thời gian: Học kì 1; Tuần 1; Số tiết 1.

MỤC TIÊU

- HS biết tiến hành từng hình thức hoạt động trong giờ học toán: Hoạt động cá nhân; Hoạt động cặp đôi; Hoạt động nhóm nhiều hơn 2 bạn; Hoạt động chung cả lớp.
- HS biết Bộ đồ dùng học Toán 1 gồm những gì, tên gọi từng đồ dùng được sử dụng thường xuyên và cách sử dụng chúng.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS hiểu và nhớ lần lượt từng bước theo quy định của GV trong hoạt động học theo mỗi hình thức như: Cách phối hợp giữa các thành viên trong nhóm khi hoạt động nhóm (cặp đôi hoặc nhóm nhiều hơn 2 bạn), phân nhóm, cử nhóm trưởng điều hành nhóm; Cách nêu ý kiến khi thảo luận chung; ...
- HS bước đầu biết cách sử dụng, giữ gìn SGK.
- HS thuộc tên gọi những đồ dùng được sử dụng thường xuyên trong các hoạt động học toán: Bảng con; Hình vuông vàng và các thanh hình vuông vàng (thanh 2 hình vuông, thanh 3 hình vuông, thanh 4 hình vuông, thanh 5 hình vuông, thanh 10 hình vuông - thanh 1 chục); Que tính; Thẻ số, ...
- HS biết cách sử dụng đồ dùng như: Dán hình, dán thẻ vào bảng con; Cách giơ bảng; ...

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

1. HS thực hành với đồ dùng học toán.

- HS nhắc lại theo lời GV giới thiệu để thuộc tên gọi những đồ dùng học toán thường xuyên được sử dụng: bảng con, que tính, hình vuông vàng, ...
- HS tập dán hình vuông vàng, thẻ vào bảng con theo lệnh của GV.
- HS thực hành giơ bảng theo lệnh của GV. *GV quy định và hướng dẫn HS cách cầm bảng, giơ cao mức độ nào, lệnh giơ bảng thế nào (ví dụ khi nghe tiếng gõ thước thì đồng loạt giơ bảng cho đều, ...).*
- HS kết hợp dán hình, thẻ vào bảng với giơ bảng cho đúng và đều,...
- HS nhận biết và gọi tên hình: hình chữ nhật, hình vuông, hình tam giác, hình tròn.

2. HS thực hành các bước hoạt động học theo mỗi hình thức.

GV tạo những hoạt động đơn giản theo mỗi hình thức (Hoạt động cá nhân; Hoạt động cặp đôi; Hoạt động nhóm nhiều hơn 2 bạn; Hoạt động chung cả lớp), HS thực hành sao cho nhớ những quy định để hình thành nền nếp, biết cách phối hợp giữa các thành viên làm việc hiệu quả, nhóm trưởng biết phân công điều hành, ...

timdapan.com

A

CÁC SỐ ĐẾN 10.
SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10

Thời gian: Học kì 1; Tuần 1 – 6; Số tiết 16.

CHỦ ĐỀ BÀI ÔN TẬP	NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
Chủ đề 1. Các số đến 10	1. NL mô hình hoá toán học: từ vật thật chuyển sang mô hình số; từ số lượng dẫn đến khái niệm số, ... 2. NL giao tiếp toán học: đếm, đọc, viết và nói được số lượng vật của một nhóm; biết trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu?",... 3. NL sử dụng công cụ, phương tiện toán học: sử dụng mô hình số (hình vuông, que tính,...) để biểu diễn số lượng một nhóm vật hoặc so sánh hai số lượng,...	– Biết cách đếm và đếm thành thạo một nhóm có đến 10 vật. – Biết phân loại các vật thành các nhóm theo những đặc điểm nào đó và đếm số lượng vật trong mỗi nhóm đó. – Hiểu rằng một số là biểu thị số lượng vật của một nhóm. Nhận biết số 0 như là số lượng vật của một nhóm không có vật nào. Biết đọc và viết số. – Biết dùng số để diễn đạt những tình huống đơn giản hằng ngày.
Chủ đề 2. So sánh các số trong phạm vi 10		– Biết so sánh số lượng vật giữa hai nhóm bằng cách nối các vật của chúng. Từ đó biết so sánh hai số. – Nhận ra thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé của các số trong phạm vi 10. – Biết sắp xếp một nhóm số (không quá 4 số) theo thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé.
Ôn tập chung		Thông qua các bài ôn tập, kiểm tra xem HS có khả năng: – Phân loại các vật thành các nhóm và đếm số lượng của mỗi nhóm. Biết lấy ra một nhóm vật có số lượng đã định trước. – Đọc, viết các số từ 0 đến 10; – Biết sắp thứ tự một nhóm số (không quá 4 số) trong phạm vi 10; – Nhận ra việc phân loại, đếm và sắp thứ tự là quan trọng trong cuộc sống hằng ngày. Biết sử dụng để diễn đạt những tình huống thực tế.

Trong quá trình học phần này, học sinh sẽ được trải nghiệm:

– Đếm số lượng vật của một nhóm có không quá 10 vật.

– Phân loại các vật thành các nhóm theo yêu cầu và xác định số lượng vật của mỗi nhóm.

– Thực hành sắp xếp các nhóm đối tượng theo số lượng từ bé đến lớn / từ lớn đến bé.

– Liên hệ sự tương ứng về số lượng của những nhóm đối tượng trong cuộc sống hằng ngày.

– Tham gia những trò chơi có liên quan đến số: lấy ra một nhóm vật có số lượng đã định trước; tìm nhanh thẻ số; ...

timdapan.com

CHỦ ĐỀ 1
CÁC SỐ ĐẾN 10

Thời gian: Học kì 1; Tuần 1 - 4; Số tiết 9.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Bài 1. Đếm đến 10 (1 tiết)	– Đếm số vật trong một nhóm có không quá 10 vật. – Nguyên tắc đếm: mỗi vật được đếm đúng một lần. – Hỏi và trả lời câu hỏi: Có bao nhiêu?	– Quan sát, nhận biết mỗi nhóm vật. Biết phân loại các vật theo một tiêu chí. – Biết cách đếm: thuộc thứ tự số đếm; đếm không bỏ sót, không lặp lại. – Kĩ năng diễn đạt: hỏi và trả lời.	– SHS, Bài 1. – VBT, Bài 1. – Sách mềm - VBT, Bài 1. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 1. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 1. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 1. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 2. Số 1, số 2, số 3 (1 tiết)	– Hình thành khái niệm số: mỗi số 1, 2, 3 là số lượng của một nhóm vật. Đọc, viết số. – Thực hành xác định số lượng vật của một nhóm; lấy đúng số lượng vật đã định trước.	– Biết nối mỗi nhóm vật với một số. – Lấy được nhóm vật có số lượng cho trước. – Kĩ năng viết các chữ số 1, 2, 3.	– SHS, Bài 2. – VBT, Bài 2. – Sách mềm - VBT, Bài 2. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 2. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 2. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 2. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 3. Số 4, số 5 (1 tiết)	– Hình thành và củng cố khái niệm số: mỗi số 1, 2, 3, 4, 5 là số lượng của một nhóm vật. Đọc, viết số 4, 5. – Thực hành xác định số lượng vật của một nhóm; lấy đúng số lượng vật đã định trước.	– Kĩ năng xác định số lượng của nhóm vật, đọc và nhận biết số. – Lấy được nhóm vật có số lượng cho trước. – Kĩ năng viết các chữ số 4, 5.	– SHS, Bài 3. – VBT, Bài 3. – Sách mềm - VBT, Bài 3. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 3. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 3. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 3. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 4. Số 6, số 7 (1 tiết)	– Hình thành và củng cố khái niệm số: mỗi số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 là số lượng của một nhóm vật. Đọc, viết số 6, 7. – Thực hành xác định số lượng vật của một nhóm; lấy đúng số lượng vật đã định trước.	– Kĩ năng xác định số lượng của nhóm vật, đọc và nhận biết số. – Lấy được nhóm vật có số lượng cho trước. – Kĩ năng viết các chữ số 6, 7.	– SHS, Bài 4. – VBT, Bài 4. – Sách mềm - VBT, Bài 4. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 4. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 4. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 4. – ĐDDT: Mô hình số.

timdapan.com

Bài 5. **Số 8, số 9** (1 tiết)	– Hình thành và củng cố khái niệm số: mỗi số từ 1 đến 9 là số lượng của một nhóm vật. Đọc, viết số 8, 9. – Thực hành xác định số lượng vật của một nhóm; lấy đúng số lượng vật đã định trước.	– Kĩ năng xác định số lượng của nhóm vật, đọc và nhận biết số. – Lấy được nhóm vật có số lượng cho trước. – Kĩ năng viết các chữ số 8, 9.	– SHS, Bài 5. – VBT, Bài 5. – Sách mềm - VBT, Bài 5. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 5. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 5. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 5. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 6. **Số 0** (1 tiết)	– Hình thành khái niệm số 0: là số lượng của một nhóm không có vật nào. – Cách đọc, cách viết chữ số 0.	– Kĩ năng xác định số lượng của nhóm vật, đọc và nhận biết số. – Lấy được nhóm vật có số lượng cho trước. – Kĩ năng viết chữ số 0.	– SHS, Bài 6. – VBT, Bài 6. – Sách mềm - VBT, Bài 6. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 6. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 6. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 6. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 7. **Số 10** (1 tiết)	– Hình thành và củng cố khái niệm số: mỗi số từ 1 đến 10 là số lượng của một nhóm vật. Đọc, viết số 10. – Thực hành xác định số lượng vật của một nhóm; lấy đúng số lượng vật đã định trước.	– Kĩ năng xác định số lượng của nhóm vật, đọc và nhận biết số. – Lấy được nhóm vật có số lượng cho trước. – Kĩ năng đọc, viết số 10.	– SHS, Bài 7. – VBT, Bài 7. – Sách mềm - VBT, Bài 7. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 7. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 7. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 7. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 8. **Ôn tập 1** (2 tiết)	– Ôn tập và vận dụng các kiến thức đã học vào các bài toán thực tế. – Hoạt động trải nghiệm: Cùng chơi.	Biết xác định đối tượng đếm; đếm thành thạo để trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu?".	– SHS, Bài 8. – VBT, Bài 8. – Sách mềm - VBT, Bài 8. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 8. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 8. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 8. – ĐDDT: Mô hình số.

timdapan.com

Đếm đến 10

MỤC TIÊU

- **Học sinh biết đếm thành thạo một nhóm vật có đến 10 vật.**
- **Học sinh biết trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu?".**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

- **Bao nhiêu?**
- **Đếm.**

Đếm đến 10

Hãy xem kĩ bức tranh và nghe cô giáo đọc thơ.

Một. Chú voi kia có một cái vòi.
Một, hai. Hai tai to như hai quạt mo.
Một, hai, ba. Ba bó mía chú ăn cho no.
Một, hai, ba, bốn. Bốn chân giống bốn cột gỗ to.
Trong khu vườn chim hót líu lo,
Cùng với voi còn gì nữa nhỉ?
Các bạn ơi hãy nhìn cho kĩ
Rồi đếm to, đếm đúng đi nào!

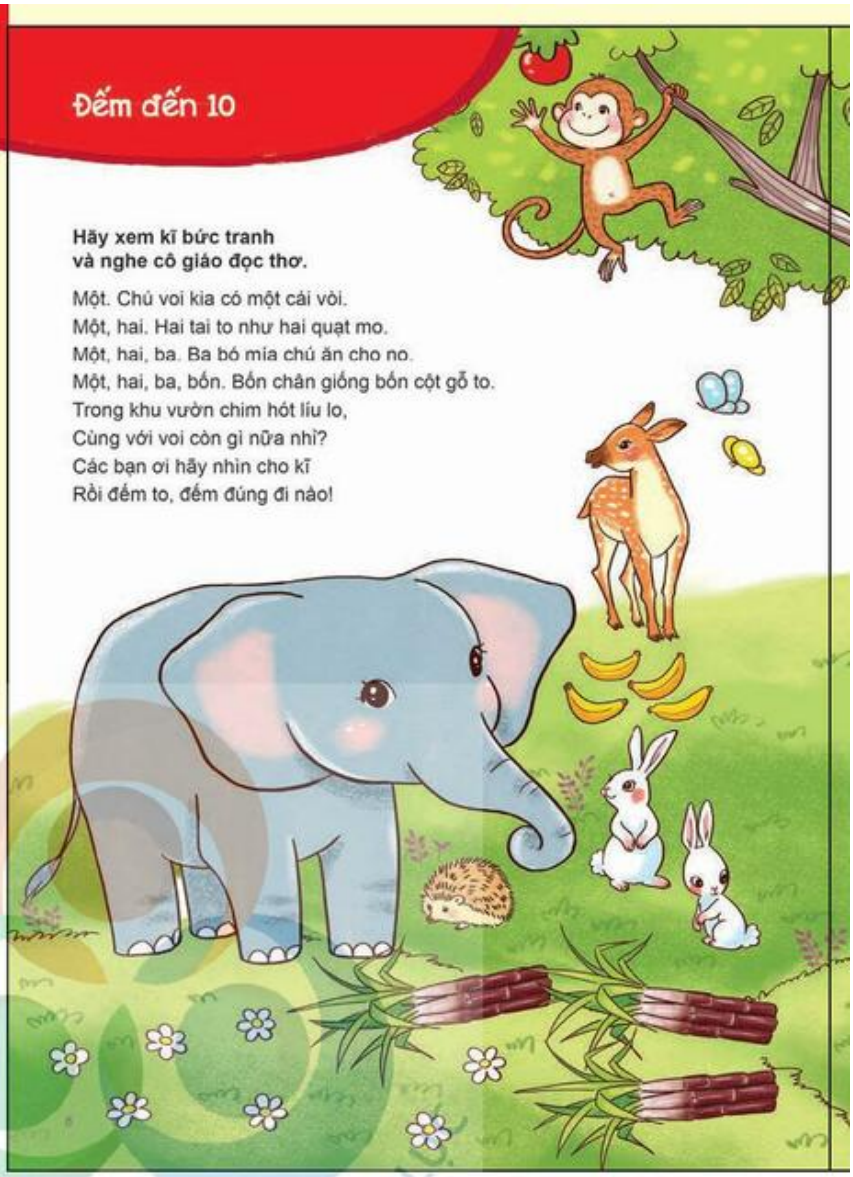

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu?". Ví dụ: "Phòng học của lớp mình có bao nhiêu cửa sổ?", "Em làm gì để biết được phòng học của lớp mình có … cửa sổ". Khởi động với vài câu hỏi tương tự như vậy.

Sau các trả lời của HS, *GV hướng HS tới nhận biết vấn đề:* muốn biết **"có bao nhiêu …"** thì phải **"đếm"**.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

(Cá nhân hoặc cặp đôi)

1. **HS đếm đến 4, nhận biết rằng muốn biết "có bao nhiêu" thì phải đếm hết, mỗi vật chỉ được đếm một lần** (không bỏ sót vật nào, không lặp lại). Các bước:

– HS quan sát tranh, chú ý quan sát kĩ con voi và tự trả lời từng câu hỏi "Con voi có bao nhiêu cái vòi?", "Con voi có bao nhiêu cái tai?", "Con voi có bao nhiêu cái chân?", "Có bao nhiêu bó mía cạnh con voi?". *GV theo dõi xem HS nào biết đếm, HS nào lúng túng khi đếm và có thể hướng dẫn ngay cho những HS đó.*

– Lần lượt bốn HS đếm số vòi, số tai, số bó mía, số chân voi trước cả lớp. Mỗi lần một HS đếm xong GV đều nhấn mạnh rằng phải đếm hết (không bỏ sót) vật, ví dụ: *GV đếm số chân voi, chỉ đếm đến ba chân và kết luận voi có ba chân, khi đó HS sẽ phát hiện ra kết quả sai do đếm chưa hết (còn bỏ sót) chân voi.* Với yêu cầu không được đếm lặp lại cũng vậy.

– HS nghe GV đọc bốn câu đầu tiên của bài thơ, theo dõi tay GV chỉ trên tranh và đếm. Đây chính là việc xác nhận kết quả đúng của hoạt động **1**.

2. **HS đếm đến 10, nhận biết rằng muốn biết "có bao nhiêu" thì phải đếm hết** (không bỏ sót vật nào) **và mỗi vật chỉ được đếm một lần** (không lặp lại). Các bước:

– HS nghe GV đọc tiếp bài thơ vui (chú ý ngữ điệu khi đếm, khi hỏi sao cho rõ nghĩa).

– HS tự đếm và trả lời sáu câu hỏi trong bài thơ. *Mỗi lần GV đọc lại một câu thơ để hỏi (ví dụ: Bao nhiêu chú khỉ trên cây cao?) thì HS lại đếm rồi tự trả lời. GV quan sát những HS lúc trước đếm còn lúng túng để tiếp tục giúp đỡ.*

– Lần lượt sáu HS đếm và trả lời sáu câu hỏi trước cả lớp. Các HS khác nhận xét đúng hay sai.

GV nhấn mạnh rằng phải đếm không bỏ sót và không lặp lại, ví dụ: đếm chưa hết số con khỉ và kết luận sai, khi đó HS sẽ phát hiện kết quả sai do đếm không hết; đếm hết năm con

timdapan.com

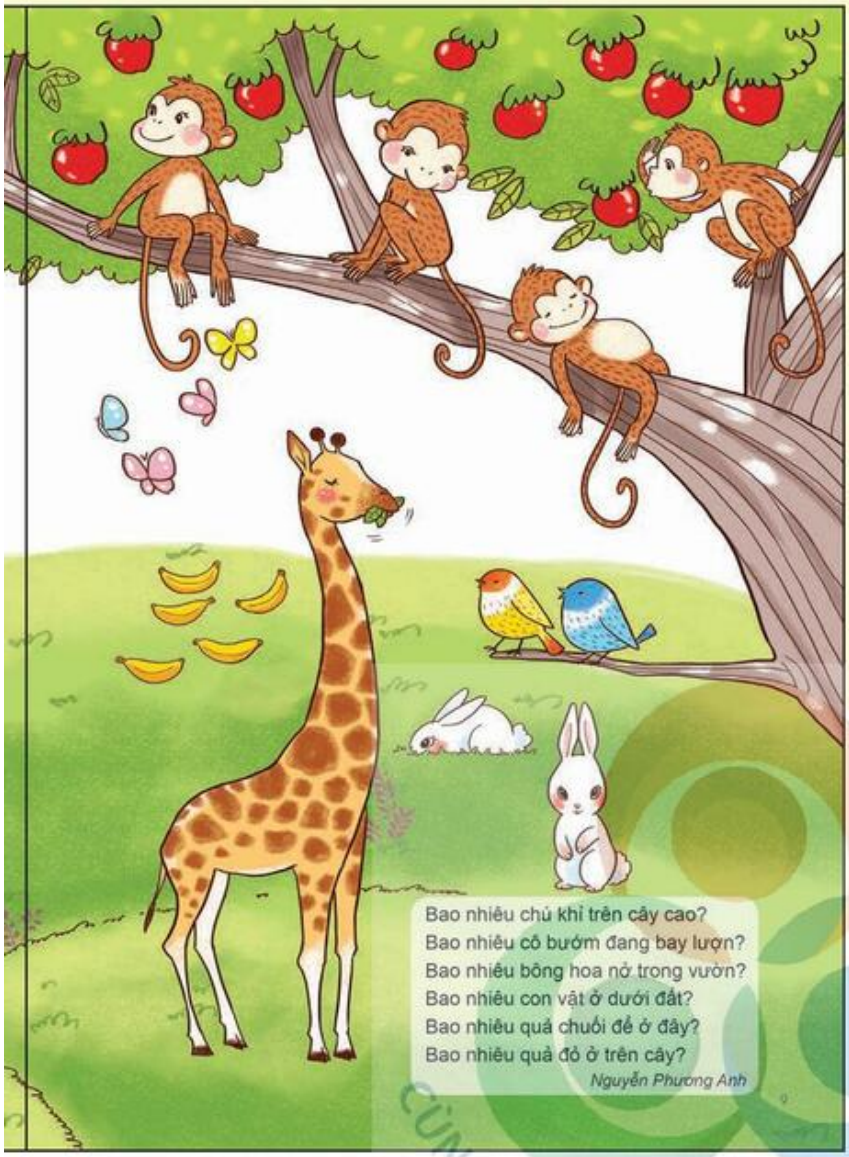

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Xác định đúng đối tượng cần đếm.**
- **Thuộc thứ tự đếm đến 10.**
- **Đếm không bỏ sót, không lặp lại.**
- **Biết trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu?".**

khỉ rồi đếm lại thành nhiều hơn năm con khỉ, khi đó HS sẽ phát hiện kết quả sai do lặp lại.

– HS nghe GV xác nhận kết quả đúng bằng việc đọc những câu thơ trả lời:

Có năm chú khỉ trên cây cao.
Có sáu cô bướm đang bay lượn.
Có bảy bông hoa nở trong vườn.
Có tám con vật ở dưới đất.
Có chín quả chuối để ở đây.
Có mười quả đỏ ở trên cây.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Hoạt động cặp đôi) **HS đọc các số đếm từ 1 đến 10 đúng thứ tự**. Mỗi cặp một HS đọc và HS kia theo dõi, nếu thấy bạn đọc sai thì nhắc, rồi đổi lại vai trò.
2. (Cá nhân) **HS đếm và trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu hình tam giác màu đỏ trong bộ đồ dùng học toán của em?"**, ... HĐ này nhằm luyện HS **xác định đúng đối tượng đếm** (ví dụ với câu hỏi trên thì đối tượng đếm là các hình tam giác màu đỏ trong bộ đồ dùng học toán), **đếm đúng** (đọc đúng thứ tự các số đếm, đếm không bỏ sót và không lặp lại). Các bước:

– HS mở bộ đồ dùng, nghe GV đọc câu hỏi và yêu cầu.

– HS tự đếm thành lời, trả lời câu hỏi. GV theo sát từng HS xem có xác định đúng là chỉ đếm các hình tam giác màu đỏ không, có đọc đúng thứ tự các số đếm không, ...

– HS được chỉ định thực hiện trước lớp. HS khác nhận xét.

GV xác nhận kết quả đúng, khen các HS học tốt.

timdapan.com

Số 1, số 2, số 3

MỤC TIÊU

- **Nhận biết được những nhóm có số lượng 1, 2, 3.**
- **Đọc, viết được các chữ số 1, 2, 3.**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

- **Số 1. Số 2. Số 3.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu?". Ví dụ: GV giơ một ngón tay lên và hỏi "Cô giơ bao nhiêu ngón tay?", giơ một cánh tay lên và hỏi "Cô giơ bao nhiêu cánh tay?". Tiếp tục, GV lần lượt giơ hai ngón tay rồi giơ hai cánh tay, ..., mỗi lần giơ đều hỏi như trên.

GV làm lại và yêu cầu HS cùng nói "một ngón tay", "một cánh tay" rồi hỏi có gì chung trong hai kết quả đó. Từ đó GV giới thiệu với HS rằng từ "một" là chỉ số lượng (như số lượng ngón tay giơ lên, số lượng cánh tay giơ lên, ...).

GV giới thiệu: Bài học hôm nay là về **số một, số hai, số ba.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

(Cá nhân hoặc cặp đôi)

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. **Nhận biết số lượng "một", viết số 1 và cách đọc.** Các bước:

– HS quan sát cột thứ nhất tranh của mục Khám phá trong SHS, tự trả lời các câu hỏi: "Có bao nhiêu chiếc cặp sách?", "Có bao nhiêu chiếc hộp bút?", "Có bao nhiêu hình vuông màu vàng?".

– Một số HS được chỉ định trả lời lần lượt các câu hỏi trên. HS khác nhận xét.

– HS nghe GV giới thiệu rằng số lượng mỗi nhóm đồ vật ở đây đều là "một" và đều được viết là 1, được đọc là "một".

– HS nói và đọc vài lần theo tay GV chỉ: "Một chiếc cặp sách", "Một chiếc hộp bút", "Một hình vuông màu vàng", "một" (hay "số một").

2. **Nhận biết số lượng "hai", viết số 2 và cách đọc.** Các bước tương tự như mục **1** với cột thứ hai của tranh.
3. **Nhận biết số lượng "ba", viết số 3 và cách đọc.** Các bước tương tự như mục **1** với cột thứ ba của tranh.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Hoạt động chung cả lớp với GV) *Mỗi HS lấy ra ba thẻ số*

1	2	3

Mỗi lần GV gắn trên bảng một hoặc hai hoặc ba đồ vật thì HS giơ thẻ số thích hợp.

HS được chỉ định lên gắn thẻ số cạnh nhóm vật, đếm số vật để khẳng định mình gắn thẻ số đúng rồi đọc số. Cả lớp đọc số.

timdapan.com

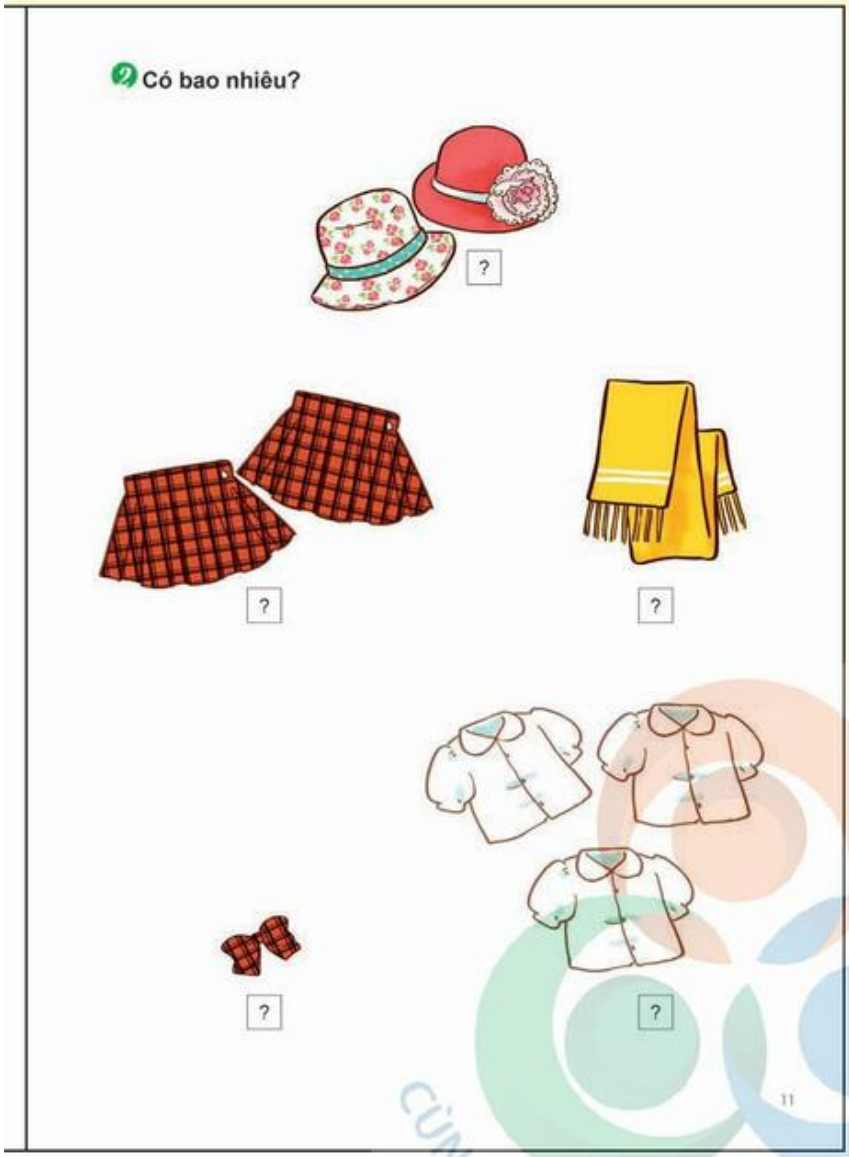

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Nhận biết số lượng của một nhóm có 1, 2, 3 đồ vật và những số lượng đó được viết là 1, 2, 3.**
- **Đọc, viết được các số 1, 2, 3.**
- **Lấy được một số lượng 1 hoặc 2 hoặc 3 đồ vật.**

HS nào giơ thẻ sai phải đổi lại thẻ đúng. *Với mỗi số làm như vậy hai lần với loại đồ vật khác, không theo thứ tự về số lượng.*

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS nhận ra số lượng đồ vật và cách viết số (1, 2, 3) tương ứng. Các bước:

– HS nhận biết yêu cầu của HĐ1 qua mẫu, tự thực hiện HĐ1. GV theo sát từng HS để kịp thời hướng dẫn: **đếm để biết số lượng**.

– Một số HS được chỉ định lên thực hiện trước lớp: đếm và nói số lượng mỗi nhóm vật rồi chỉ tay vào số. HS khác nhận xét, cùng GV xác nhận kết quả đúng. HS sai sửa bài.

3. (Cá nhân) **HS tập viết số 1, số 2, số 3.**

Các bước tập viết số 1:

– HS theo dõi GV viết mẫu số 1 lên bảng: điểm bắt đầu, hướng viết mỗi nét trên số 1.

– HS "viết lên không khí" để thuộc hướng viết số, sau đó dùng ngón trỏ tay phải đặt lên điểm bắt đầu và tô theo số mẫu.

– HS tự viết số vào trong vở.

Hoạt động tương tự với số 2, số 3.

4. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** GV nói cho HS yêu cầu của HĐ, HS nhắc lại yêu cầu đó. Với mỗi nhóm vật, HS tự đếm và viết số vào bảng con, giơ lên để GV xem. GV đánh giá từng HS về kĩ năng đếm, xác định số lượng và viết số. Cuối cùng một số HS được chỉ định trình bày kết quả thực hiện trước lớp. HS làm sai thì đếm lại các vật của nhóm, viết lại số trên bảng con. HS viết số lượng mỗi nhóm vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Cá nhân) HS lấy đủ số hình vuông màu vàng theo yêu cầu của GV (lần lượt là 1, 2, 3) rồi xếp vào bảng con theo cột.

Một HS thực hiện việc này với hình vuông to của GV, gắn trên bảng. *Đây là một mô hình của ba số 1, 2, 3.*

GV yêu cầu HS chỉ vào từng cột và đọc số. Hoạt động này chốt lại bài học.

timdapan.com

Số 4, số 5

MỤC TIÊU

- **Nhận biết được những nhóm có số lượng 4, 5.**
- **Đọc, viết được các chữ số 4, 5.**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

- **Số 4. Số 5.**

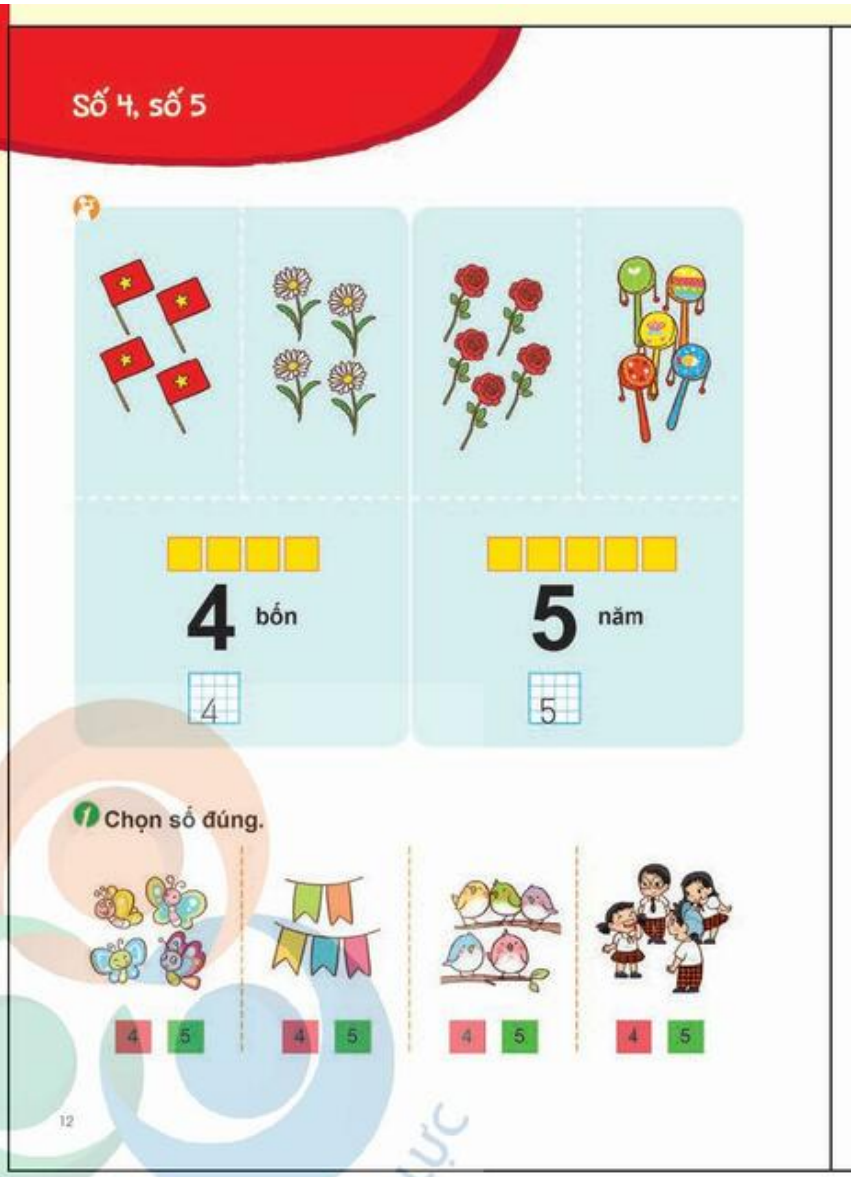

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu?". Ví dụ: GV gắn từng hình vuông lên bảng, HS đếm theo, đủ 4 hình thì dừng lại. GV vẽ khoanh bao 4 hình vuông và hỏi: "Có bao nhiêu hình vuông?". Tương tự như vậy với 4 hình tròn.

GV chỉ vào từng nhóm hình và yêu cầu HS cùng nói "bốn hình vuông", "bốn hình tròn" rồi hỏi có gì chung trong hai kết quả đó, từ đó GV giới thiệu với HS rằng từ "bốn" là chỉ số lượng (như số lượng hình vuông, số lượng hình tròn)...

GV giới thiệu: Bài học hôm nay là về **số bốn, số năm.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

(Cá nhân hoặc cặp đôi)

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. **Nhận biết số lượng "bốn", viết số 4 và cách đọc.** Các bước:

– HS xem kĩ cột bên trái, tự trả lời các câu hỏi: "Có bao nhiêu lá cờ?", "Có bao nhiêu bông hoa cúc?", "Có bao nhiêu hình vuông màu vàng?".

– Một số HS được chỉ định trả lời các câu hỏi trước lớp, một số học sinh khác nhận xét.

GV giới thiệu rằng số lượng mỗi nhóm đồ vật ở đây đều là "bốn" và đều được viết là 4, đọc là "bốn".

– HS nói vài lần theo tay cô chỉ từ trên xuống: "bốn lá cờ", "bốn bông hoa cúc", "bốn hình vuông", "bốn" (hay "số bốn").

2. **Nhận biết số lượng "năm", viết số 5 và cách đọc.** Các bước tương tự như mục **1** với cột bên phải của tranh.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Hoạt động chung cả lớp với GV) *Mỗi HS lấy ra năm thẻ số*

1	2	3	4	5

Mỗi lần GV gắn trên bảng một nhóm có từ một đến năm đồ vật thì HS giơ thẻ số thích hợp. Một HS lên gắn thẻ số cạnh nhóm vật, đếm số vật của nhóm để khẳng định mình gắn thẻ số đúng, rồi đọc số. Cả lớp đọc số. HS nào giơ thẻ sai phải đổi lại thẻ đúng. *Với mỗi số từ 1 đến 5 làm như vậy một lần, không theo thứ tự về số lượng.*

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS nhận ra số lượng đồ vật và cách viết số (4, 5) tương ứng. Các bước:

timdapan.com

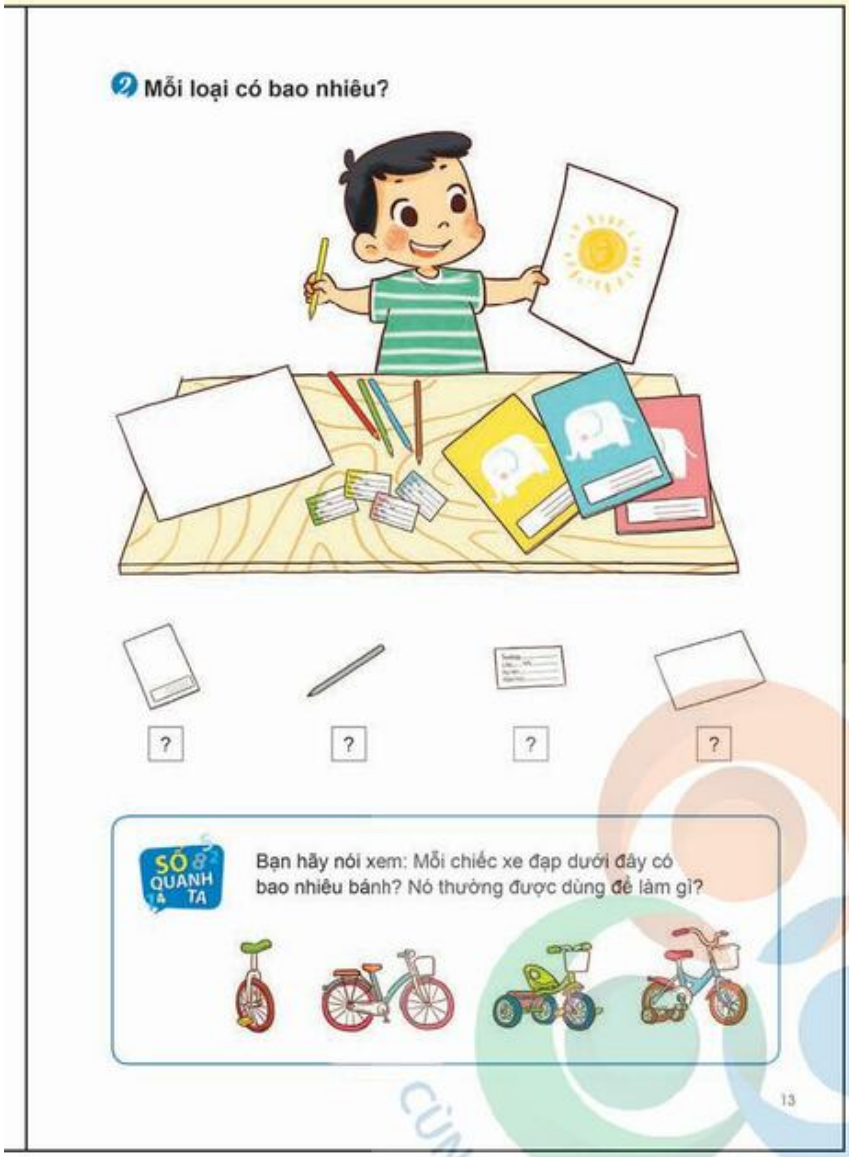

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Nhận biết số lượng của một nhóm có 4, 5 đồ vật và những số lượng đó được viết là 4, 5.**
- **Đếm, đọc, viết được các số 1, 2, 3, 4, 5.**
- **Lấy được một số lượng từ 1 đến 5 đồ vật.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** *GV nói cho HS yêu cầu của HĐ* để HS tự xác định số lượng mỗi loại và viết số vào vở. *GV đánh giá từng HS qua sản phẩm học tập này.* Cuối cùng một số HS được chỉ định trình bày kết quả thực hiện trước lớp. HS làm sai thì sửa. Kết quả viết số vào ô từ trái sang phải là 3, 5, 4, 2.
2. (Hoạt động cặp đôi) HS1 nói "bốn" ("năm") thì HS2 vỗ tay đúng 4 (5) lần, sau đó đổi vai trò ngược lại. *GV quan sát từng cặp để giúp HS chưa biết làm.*
3. (Cá nhân) HS lấy đủ số hình vuông màu vàng theo yêu cầu của GV (lần lượt là 1, 2, 3, 4, 5) rồi xếp trên bảng con theo cột.

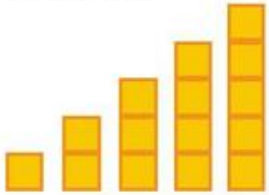

Một HS thực hiện việc này với hình vuông to của GV, gắn trên bảng. *Đây là một mô hình của năm số 1, 2, 3, 4, 5. GV yêu cầu* HS chỉ vào từng cột và đọc số. *Hoạt động này chốt lại bài học.*

4. GV hướng dẫn HS về nhà thực hiện SỐ 8 QUANH TA trong SHS.

– HS nhận biết yêu cầu của HĐ1 (*GV hướng dẫn*), tự thực hiện HĐ1. *GV theo sát từng HS để kịp thời hướng dẫn:* **đếm để biết số lượng.**

– Một số HS được chỉ định lên thực hiện trước lớp: đếm và nói số lượng mỗi nhóm vật rồi chỉ tay vào số. HS khác nhận xét, cùng GV xác nhận kết quả đúng. HS sai phải làm lại.

3. (Cá nhân) **HS tập viết số 4, số 5.**

Các bước tập viết chữ số 4:

– HS theo dõi GV viết mẫu số 4 lên bảng: điểm bắt đầu, hướng viết mỗi nét trên số 4.

– HS "viết lên không khí" để thuộc hướng viết chữ số, sau đó dùng ngón trỏ tay phải đặt lên điểm bắt đầu và tô theo số mẫu.

– HS tự viết số vào trong vở.

Hoạt động tương tự như vậy với số 5.

timdapan.com

Số 6, số 7

MỤC TIÊU

- **Nhận biết được những nhóm có số lượng 6, 7.**
- **Đọc, viết được các chữ số 6, 7.**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

- **Số 6. Số 7.**

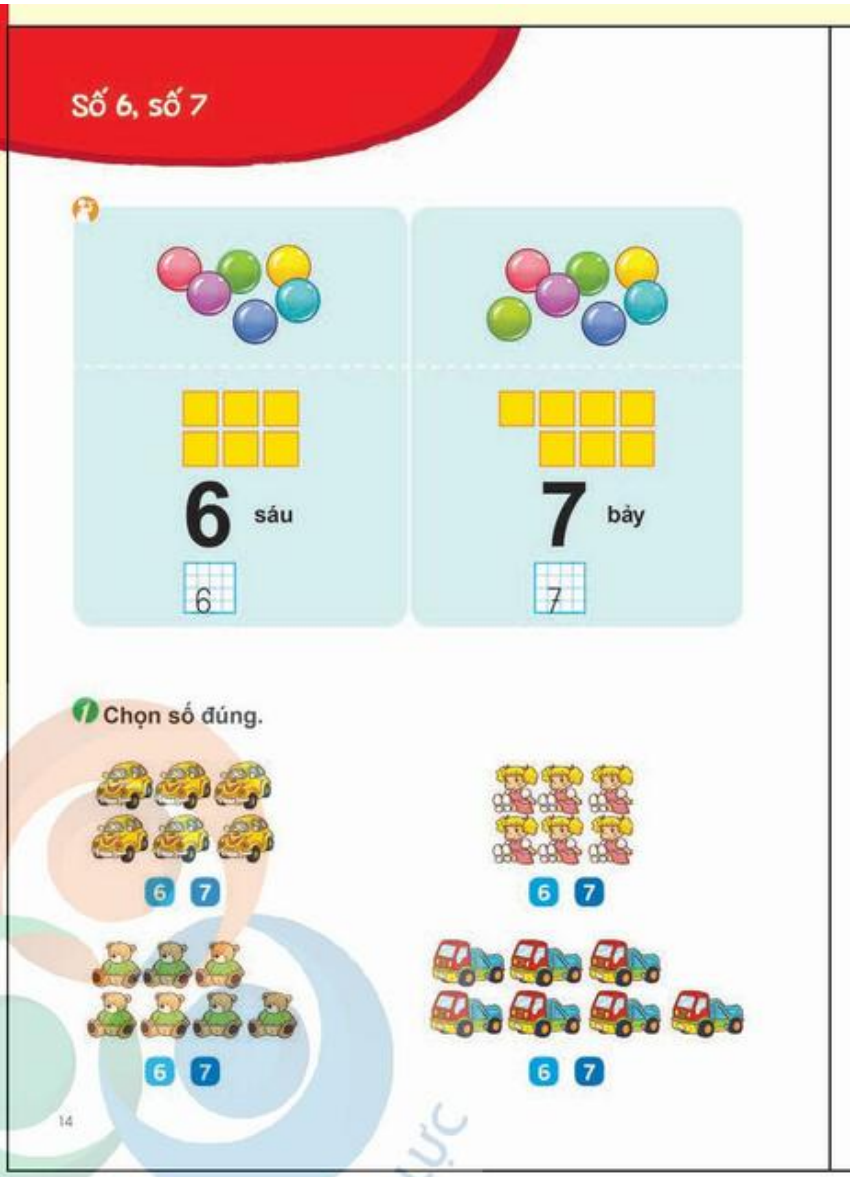

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu?". Ví dụ: GV mời 6 HS xếp hàng ngang hướng trước lớp, lần lượt từng HS bước lên, HS dưới lớp cùng đếm rồi trả lời câu hỏi của GV: "Có bao nhiêu bạn?". GV đưa cho mỗi HS một lá cờ và GV cũng cầm một lá lần lượt giơ lên và đếm, cả lớp đếm cùng rồi trả lời câu hỏi của GV: "Có bao nhiêu lá cờ?".

GV giới thiệu: Bài học hôm nay là về **số sáu, số bảy.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

(Cá nhân hoặc cặp đôi)

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. **Nhận biết số lượng "sáu", viết số 6 và cách đọc.** Các bước:

– HS xem kĩ cột bên trái, tự trả lời các câu hỏi: "Có bao nhiêu quả bóng?", "Có bao nhiêu hình vuông màu vàng?".

– Một số HS được chỉ định trả lời các câu hỏi trước lớp, một số học sinh khác nhận xét.

GV giới thiệu rằng số lượng mỗi nhóm đồ vật ở đây đều là "sáu" và đều được viết là 6, đọc là "sáu".

– HS nói, đọc vài lần theo tay cô chỉ từ trên xuống: "sáu quả bóng", "sáu hình vuông", "sáu" (hay "số sáu").

2. **Nhận biết số lượng "bảy", viết số 7 và cách đọc.** Các bước tương tự như mục 1 với cột bên phải của tranh.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Hoạt động chung cả lớp với GV) *Mỗi HS lấy ra bảy thẻ số*

1	2	3	4	5	6	7

Mỗi lần GV gắn trên bảng một nhóm có từ một đến bảy đồ vật thì HS giơ thẻ số thích hợp. Một HS lên gắn thẻ số cạnh nhóm vật, đếm số vật của nhóm để khẳng định mình gắn thẻ số đúng, rồi đọc số. Cả lớp đọc số. HS nào giơ thẻ sai phải đổi lại thẻ đúng. *Với mỗi số từ 1 đến 5 làm như vậy nhiều nhất một lần; với mỗi số 6, 7 làm như vậy một lần, không theo thứ tự về số lượng.*

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS nhận ra số lượng đồ vật và cách viết số (6, 7) tương ứng. Các bước:

timdapan.com

2 Mỗi loại có bao nhiêu?

SỐ QUANH TA

Bạn đã chơi trò chơi cá ngựa bao giờ chưa? Dưới đây là con xúc xắc trong trò chơi cá ngựa.
Con xúc xắc này có 6 mặt với các chấm như hình bên dưới. Mỗi mặt có bao nhiêu chấm?

15

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Nhận biết số lượng của một nhóm có 6, 7 đồ vật và những số lượng đó được viết là 6, 7.**
- **Đếm, đọc, viết được các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.**
- **Lấy được một số lượng từ 1 đến 7 đồ vật.**

– HS nhận biết yêu cầu của HĐ1 (*GV hướng dẫn*), tự thực hiện HĐ1. *GV theo sát từng HS để kịp thời hướng dẫn:* **đếm để biết số lượng**.

– Một số HS được chỉ định lên thực hiện trước lớp: đếm và nói số lượng mỗi nhóm vật rồi chỉ tay vào số. HS khác nhận xét, cùng GV xác nhận kết quả đúng. HS sai phải làm lại.

3. (Cá nhân) **HS tập viết số 6, số 7.**

Các bước tập viết số 6:

– HS theo dõi GV viết mẫu số 6 lên bảng: điểm bắt đầu, hướng viết mỗi nét trên số 6.

– HS "viết lên không khí" để thuộc hướng viết số, sau đó dùng ngón trỏ tay phải đặt lên điểm bắt đầu và tô theo số mẫu.

– HS tự viết số vào vở.

Hoạt động tương tự như vậy với số 7.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** *GV nói cho HS yêu cầu của HĐ* để HS tự xác định số lượng mỗi loại và viết số vào vở. *GV đánh giá từng HS qua sản phẩm học tập này.* Cuối cùng một số HS được chỉ định trình bày kết quả thực hiện trước lớp. HS làm sai thì sửa. Kết quả viết số vào ô từ trái sang phải là 1, 2, 7, 6.

2. (Hoạt động cặp đôi) HS1 nói số lượng vật nào thì HS2 lấy đủ số đồ vật đó (trong hộp đồ dùng học Toán) đặt lên bàn. Ví dụ: "lấy ra sáu thẻ số", "Lấy ra bảy hình tròn", ... Đổi vai trò giữa hai HS.

3. (Cá nhân) HS lấy đủ số hình vuông màu vàng theo yêu cầu của GV (lần lượt là 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) rồi xếp vào bảng con theo cột.

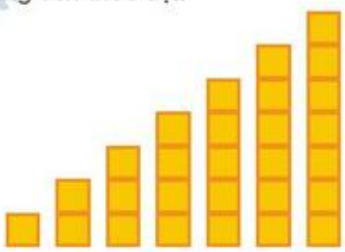

Một HS thực hiện việc này với hình vuông to của GV, gắn trên bảng. *Đây là một mô hình của bảy số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.* GV yêu cầu HS chỉ vào từng cột và đọc số. *Hoạt động này chốt lại bài học.*

4. GV hướng dẫn HS về nhà thực hiện SỐ QUANH TA trong SHS.

timdapan.com

Số 8, số 9

MỤC TIÊU

- **Nhận biết được những nhóm có số lượng 8, 9.**
- **Đọc, viết được các số 8, 9.**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

- **Số 8. Số 9.**

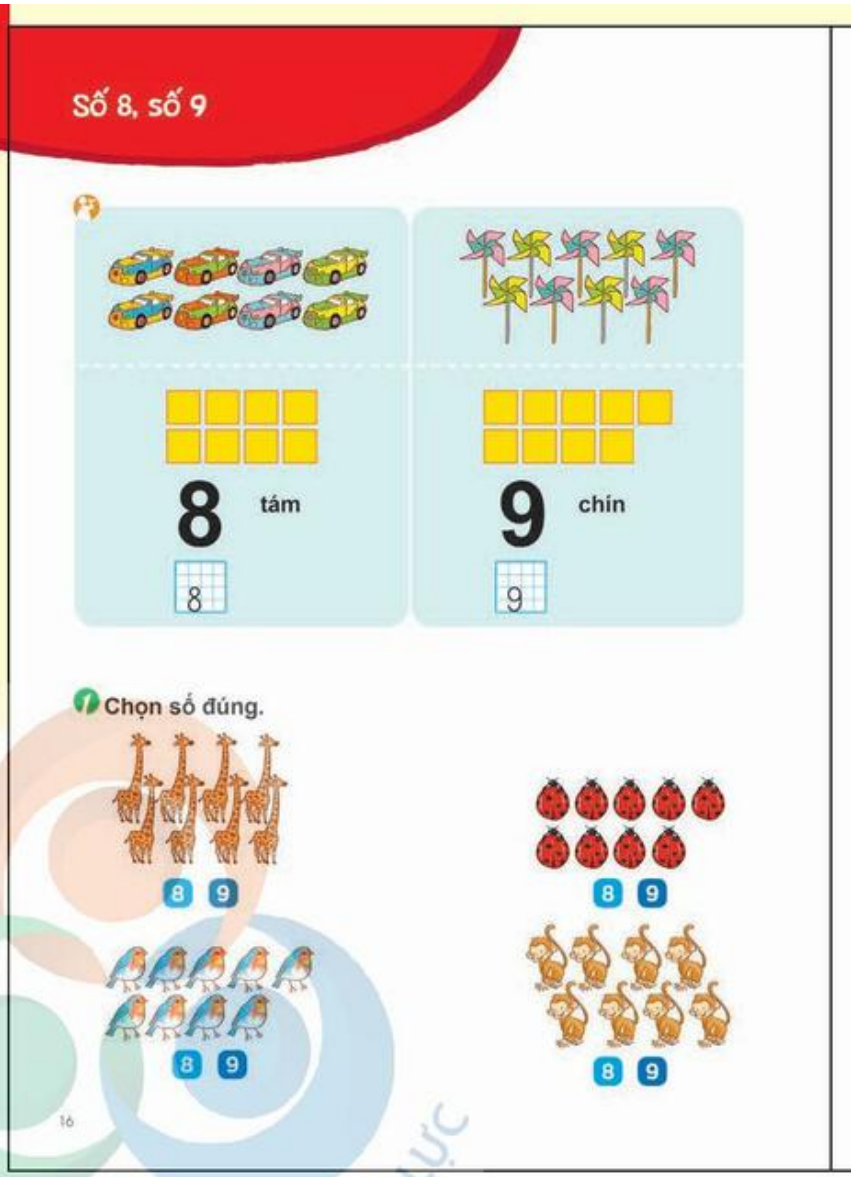

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG VÀ KHÁM PHÁ

1. (Hoạt động chung cả lớp) GV gợi ý để HS kể về công viên với những gì mà các em thấy, các trò chơi mà các em đã trải nghiệm hoặc biết qua phim, ảnh, truyện, ... GV cũng giới thiệu thêm với HS rồi vào bài : "Bài học hôm nay các em sẽ được học tiếp về số và sẽ biết đọc, viết số lượng những con vật, những đồ vật, những bạn chơi trò chơi trong công viên."

   GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

2. **Nhận biết số lượng "tám", viết số 8 và cách đọc.** Các bước:

– HS quan sát tranh cột bên trái, tự trả lời các câu hỏi: "Có bao nhiêu chiếc ô tô?", "Có bao nhiêu hình vuông màu vàng?".

– Một số HS được chỉ định trả lời các câu hỏi trước lớp, một số học sinh khác nhận xét.

GV giới thiệu rằng số lượng mỗi nhóm đồ vật ở đây đều là "tám" và đều được viết là 8, đọc là "tám".

– HS nói, đọc vài lần theo tay cô chỉ từ trên xuống: "tám chiếc ô tô", "tám hình vuông", "tám" (hay "số tám").

3. **Nhận biết số lượng "chín", viết số 9 và cách đọc.** Các bước tương tự mục **2** với cột tranh bên phải.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Hoạt động chung cả lớp với GV) *Mỗi HS lấy ra chín thẻ số*

1	2	3	4	5	6	7	8	9

Mỗi lần GV gắn trên bảng một nhóm có từ một đến chín đồ vật thì HS giơ thẻ số thích hợp. Một HS lên gắn thẻ số cạnh nhóm vật, đếm số vật của nhóm để khẳng định mình gắn thẻ số đúng, rồi đọc số. Cả lớp đọc số. HS nào giơ thẻ sai phải đổi lại thẻ đúng. *Với mỗi số từ 1 đến 7 làm như vậy nhiều nhất một lần; với mỗi số 8, 9 làm như vậy một lần, không theo thứ tự về số lượng.*

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS nhận ra số lượng đồ vật và cách viết số (8, 9) tương ứng. Các bước:

– HS nhận biết yêu cầu của HĐ1 (*GV hướng dẫn*), tự thực hiện HĐ1. *GV theo sát từng HS để kịp thời hướng dẫn:* **đếm để biết số lượng**.

– Một số HS được chỉ định lên thực hiện trước lớp: đếm và nói số lượng mỗi nhóm vật rồi chỉ tay vào số. HS khác nhận xét, cùng GV xác nhận kết quả đúng. HS sai làm lại.

timdapan.com

2 Mỗi loại có bao nhiêu?

SỐ QUANH TA

Dưới đây là ảnh của những bông hoa có 8 cánh. Bạn hãy tìm xem những loại hoa nào có 5 cánh, 6 cánh nhé.

17

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Nhận biết số lượng của một nhóm có 8, 9 đồ vật và những số lượng đó được viết là 8, 9.**
- **Đếm, đọc, viết được các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.**
- **Lấy được một số lượng có từ 1 đến 9 đồ vật.**

3. (Cá nhân) **HS tập viết số 8, số 9.**

Các bước tập viết số 8:

– HS theo dõi GV viết mẫu số 8 lên bảng: điểm bắt đầu, hướng viết mỗi nét trên số 8.

– HS "viết lên không khí" để thuộc hướng viết số, sau đó dùng ngón trỏ tay phải đặt lên điểm bắt đầu và tô theo số mẫu.

– HS tự viết số vào vở.

Hoạt động tương tự như vậy với số 9.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** *GV nói cho HS yêu cầu của HĐ* để HS tự xác định số lượng mỗi loại và viết số vào vở. *GV đánh giá từng HS qua sản phẩm học tập này.* Cuối cùng một số HS được chỉ định trình bày kết quả thực hiện trước lớp. HS làm sai thì sửa. Kết quả viết số vào ô từ trái sang phải là 6, 8, 9.

2. (Hoạt động chung cả lớp) HS lấy đủ số đồ vật (là đồ dùng cá nhân) theo yêu cầu của GV rồi giơ lên. Ví dụ: "lấy ra tám que tính!", "Lấy ra chín hình vuông trong hộp đồ dùng học Toán!", ... *Mỗi số lượng 8, 9 làm hai lần, mỗi lần lại thay đổi đồ vật.*

3. (Cá nhân) HS lấy đủ số hình vuông màu vàng theo yêu cầu của GV (lần lượt là 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9) rồi xếp vào bảng con theo cột.

Một HS thực hiện việc này với hình vuông to của GV, gắn trên bảng. *Đây là một mô hình của chín số từ 1 đến 9.* GV yêu cầu HS chỉ vào từng cột và đọc số. *Hoạt động này chốt lại bài học.*

4. GV hướng dẫn HS về nhà thực hiện SỐ QUANH TA trong SHS.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

timdapan.com

Số 0

MỤC TIÊU

- **Nhận biết được số 0 là số lượng của nhóm không có vật nào.**
- **Đọc, viết được số 0.**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

- **Số 0.**

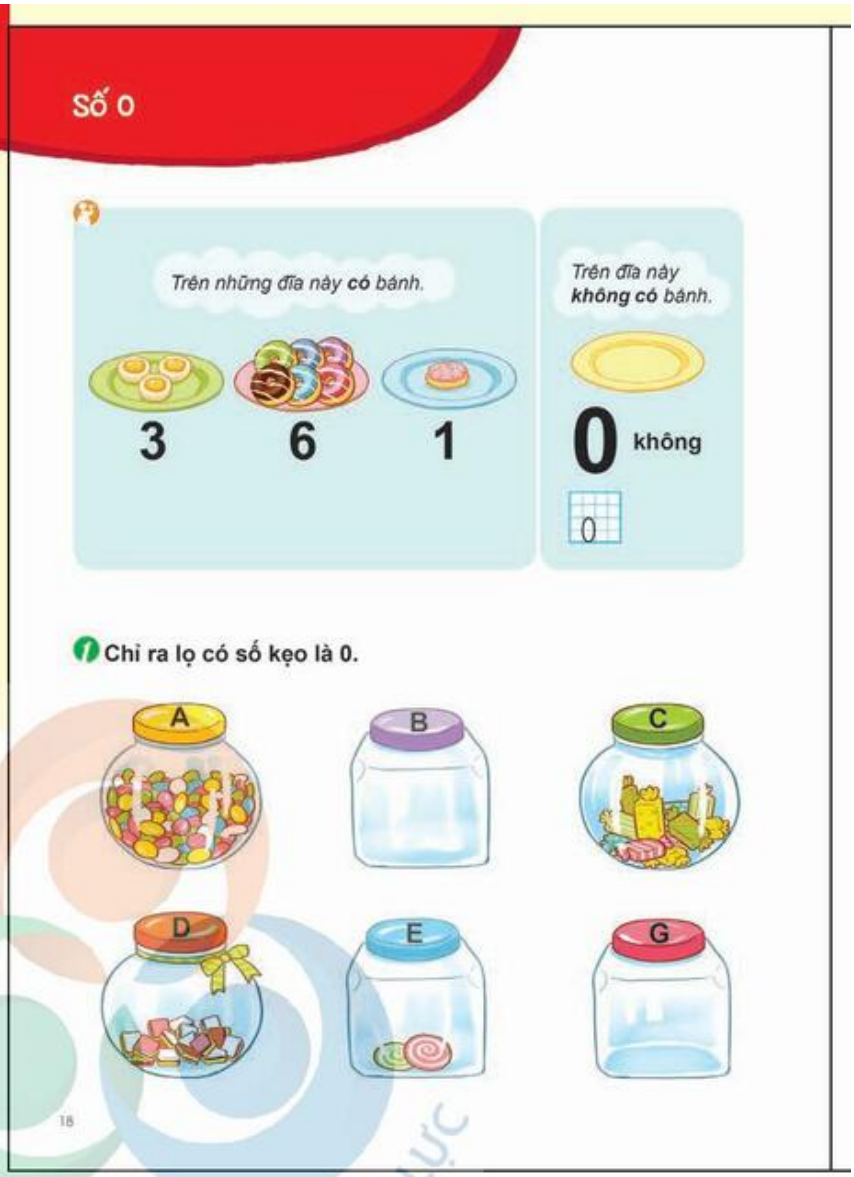

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu?". Ví dụ: *GV chuẩn bị 4 chiếc hộp trong đó có 3 hộp đựng đồ vật (số lượng khác nhau trong phạm vi 9), còn 1 hộp không đựng gì bên trong.* GV hỏi: "Mỗi hộp đựng bao nhiêu đồ vật?". Bốn HS được chọn đứng trước lớp, mỗi HS cầm 1 hộp (nên để HS cuối cùng cầm hộp không có gì) và lần lượt mở hộp cho cả lớp xem bên trong. Mỗi lần như vậy các HS khác nói số lượng đồ vật có bên trong.

GV giới thiệu bài học mới: (ví dụ) hộp đựng 3 đồ vật thì ta nói số lượng đồ vật trong hộp là 3, ... Hộp không có đồ vật nào thì ta nói số lượng đồ vật trong hộp là gì? Ta sẽ biết điều đó trong bài học hôm nay.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

Nhận biết số lượng "không", viết số 0 và cách đọc. Các bước:

– HS quan sát kĩ hình bên trái và bên phải trong tranh, tự trả lời các câu hỏi: "Đĩa ở khung hình bên phải có gì khác với các đĩa ở khung hình bên trái?", "Hãy nói số lượng bánh ở mỗi chiếc đĩa bên trái!", "Nói số lượng bánh ở đĩa bên phải!".

– Với mỗi câu hỏi, một số HS trả lời trước lớp, HS khác nhận xét.

– HS nghe GV giới thiệu: đĩa bên phải **không có chiếc bánh nào**, ta nói **số lượng bánh ở đĩa bên phải là "không"** và được viết là **0**, đọc là "không".

– HS nói vài lần theo tay cô chỉ "đĩa này không có chiếc bánh nào", "số lượng bánh trên chiếc đĩa này là không", "không" (hay "số không").

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Hoạt động chung cả lớp với GV) *Mỗi HS lấy ra các thẻ số*

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9

Mỗi lần GV khoanh trên bảng và gắn một nhóm đồ vật trong khoanh đó, hoặc không gắn gì trong khoanh đó và hỏi "Có bao nhiêu vật?" thì HS giơ thẻ số thích hợp. Một HS lên gắn thẻ số cạnh khoanh, đếm số vật trong khoanh để khẳng định mình gắn thẻ số đúng, rồi đọc số. Cả lớp đọc số. HS nào giơ thẻ sai phải đổi lại thẻ đúng. *Với mỗi số từ 1 đến 9 làm như vậy nhiều nhất một lần, với số 0 làm hai lần.*

timdapan.com

2 Trả lời câu hỏi.

a. Mỗi đĩa có bao nhiêu quả?

b. Mỗi đĩa có bao nhiêu quả ?

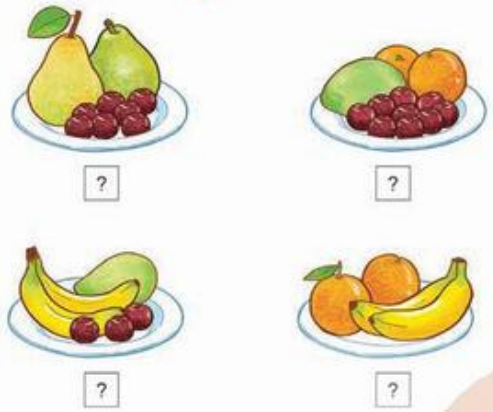

SỐ QUANH TA

Nhà bạn có nuôi những con vật dưới đây không? Mỗi loại có bao nhiêu con?

19

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Nhận biết được một cách trực quan số 0 như là số lượng phần tử của một tập rỗng, ví dụ: một cái hộp, một cái đĩa không chứa thứ gì hoặc không chứa vật cần đếm số lượng.**
- **Đọc, viết được số 0.**
- **Đọc, viết thành thạo các số từ 0 đến 9.**

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ 1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS nhận ra số lượng "không" và cách viết số 0. Các bước:

– HS nhận biết yêu cầu của HĐ1 *(GV hướng dẫn)*, tự thực hiện HĐ1. *GV theo sát từng HS để biết HS có nhận biết đúng lọ kẹo có số chiếc kẹo là 0 không, giúp HS chậm.*

– Một số HS được chỉ định nói trước lớp tên lọ kẹo có số lượng là 0.

– HS khác nhận xét, cùng GV xác nhận kết quả đúng. HS sai làm lại: nói tên lọ kẹo có số lượng 0 và giải thích.

3. (Cá nhân) **HS tập viết số 0.** Các bước tập viết số 0 tương tự như việc tập viết các số khác đã học.

4. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.**

a. **HĐ2a** nhằm cho HS thấy một tình huống xuất hiện số 0 là bớt dần các vật của một nhóm vật đến khi hết. *GV nói cho HS yêu cầu của HĐ* để HS tự viết số vào vở. *GV đánh giá từng HS qua sản phẩm học tập này.* Cuối cùng một số HS được chỉ định trình bày trước lớp: đếm số quả ở mỗi đĩa rồi viết số vào vở. HS làm sai thì sửa. Kết quả viết số vào ô từ trái sang phải là 3, 2, 1, 0.

b. **HĐ2b** nhằm luyện cho HS kĩ năng phân loại và đếm. GV nói cho HS yêu cầu của HĐ để HS tự làm, lưu ý rằng **chỉ đếm quả nào?** Kết quả viết số vào ô từ trái sang phải và từ trên xuống dưới là 7, 9, 3, 0. HS nào viết số đúng vào các ô là đã rất vững về xác định đối tượng đếm và các số lượng đã học. *GV theo dõi từng HS, khen HS làm đúng.* HS làm sai thì đếm lại và sửa kết quả.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cả lớp) HS lấy một số đồ vật (theo yêu cầu của GV) rồi giơ lên và trả lời câu hỏi của GV. Ví dụ: "Em có bao nhiêu quyển vở?", "Em có bao nhiêu chiếc bút chì?", ... Bất ngờ GV hỏi về thứ mà HS không có. Mỗi câu, GV chỉ định một số HS trả lời.

2. GV hướng dẫn HS về nhà thực hiện SỐ QUANH TA trong SHS: đếm số con vật mỗi loại và viết số vào vở.

timdapan.com

Số 10

MỤC TIÊU

- **Nhận biết được nhóm vật nào có số lượng 10.**
- **Đọc, viết được số 10.**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Số 10.

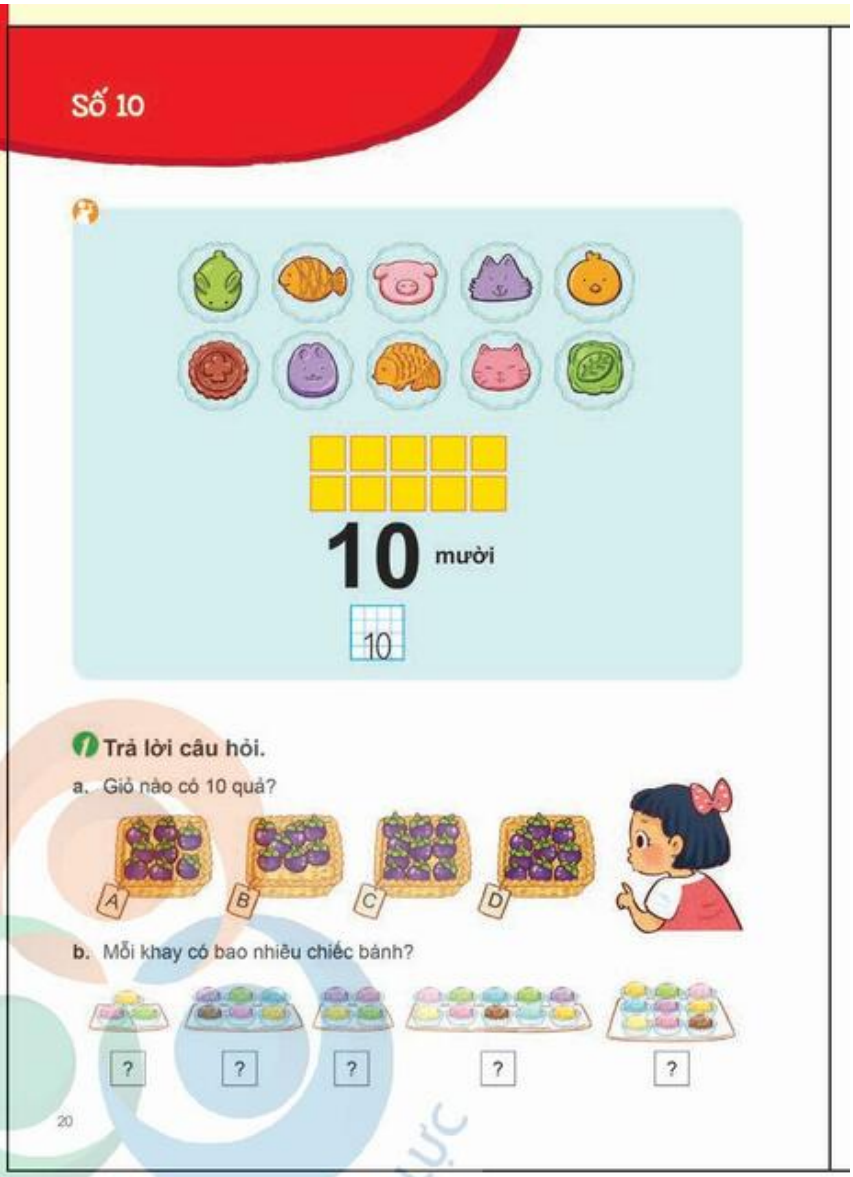

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu?". Ví dụ: GV xoè cả hai bàn tay (10 ngón tay) giơ lên và hỏi " Cô giơ bao nhiêu ngón tay?". HS đếm, một số cá nhân trả lời rồi cả lớp cùng nói "mười ngón tay", từ đó GV giới thiệu với HS rằng từ "mười" là chỉ số lượng (như số lượng ngón tay giơ lên)...

GV giới thiệu: Bài học hôm nay là về **số mười**.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

(Cá nhân hoặc cặp đôi)

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

Nhận biết số lượng "mười", viết số 10 và cách đọc. Các bước:

– HS xem kĩ phần trên của khung kiến thức, tự trả lời các câu hỏi: "Có bao nhiêu chiếc bánh?", "Có bao nhiêu hình vuông màu vàng?".

– Một số HS được chỉ định trả lời các câu hỏi trước lớp, một số học sinh khác nhận xét.

GV giới thiệu rằng số lượng mỗi nhóm đồ vật ở đây đều là "mười" và đều được viết là 10 (gồm chữ số 1 đứng trước và chữ số 0 đứng sau), đọc là "mười".

– HS nói, đọc vài lần theo tay cô chỉ từ trên xuống: "mười chiếc bánh", "mười hình vuông", " mười" (hay "số mười").

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Hoạt động chung cả lớp với GV) *Mỗi HS lấy ra mười thẻ số*

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Mỗi lần GV gắn trên bảng một nhóm có từ một đến mười đồ vật thì HS giơ thẻ số thích hợp. Một HS lên gắn thẻ số cạnh nhóm vật, đếm số vật của nhóm để khẳng định mình gắn thẻ số đúng, rồi đọc số. Cả lớp đọc số. HS nào giơ thẻ sai phải đổi lại thẻ đúng. *Với mỗi số từ 1 đến 9 làm như vậy nhiều nhất một lần; với số 10 làm hai lần, thay đổi loại đồ vật, không theo thứ tự về số lượng.*

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS nhận ra số lượng đồ vật (bằng việc đếm), đặc biệt nhận ra một số lượng 10 đồ vật (10 quả, 10 chiếc bánh).

Các bước phần **a**:

– HS nhận biết yêu cầu của HĐ1 (*GV hướng dẫn*), tự thực hiện HĐ1. *GV theo sát từng HS để kịp thời hướng dẫn:* **đếm để biết số lượng**.

timdapan.com

2 Mỗi loại có bao nhiêu quả?

BẠN CÓ BIẾT

10 còn được gọi là một chục (1 chục), như

một chục trứng gà *một chục cam*

Bạn nói xem, còn có những vật gì thường được xếp theo 1 chục.

21

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Nhận biết được số lượng của một nhóm đồ vật có 10 vật và số lượng đó được biểu thị bằng 10 (gồm chữ số 1 và chữ số 0 viết liền nhau).**
- **Đọc, viết được số 10.**
- **Viết thành thạo các số từ 0 đến 10.**

– HS được chỉ định nói trước lớp tên giỏ có 10 quả. Cả lớp cùng đếm và xác nhận kết quả đúng: Giỏ C có 10 quả. HS sai đếm lại để xác định số quả của từng giỏ.

Các bước phần **b**: HS nhận biết yêu cầu của HĐ, tự xác định số lượng chiếc bánh của từng khay và viết số vào ô trong vở. HS được chỉ định thực hiện trước lớp. HS khác cùng GV xác nhận đúng. Kết quả đúng:

3 6 4 10 9

3. (Cá nhân) HS tập viết số 10 vào vở theo hướng dẫn của GV. GV theo sát từng HS để giúp đỡ.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** GV nói cho HS yêu cầu của HĐ để HS tự đếm từng loại quả rồi viết số vào vở. *GV đánh giá từng HS qua sản phẩm học tập này.*

Cuối cùng một số HS được chỉ định trình bày trước lớp đếm và nói số quả từng loại. HS làm sai thì đếm lại, sửa số viết trong vở. Kết quả viết số vào ô từ trái sang phải là 9, 7, 8, 10, 10, 10.

2. (Cá nhân) HS lấy đủ số hình vuông màu vàng theo yêu cầu của GV (lần lượt từ 1 đến 10) rồi xếp vào bảng con theo cột.

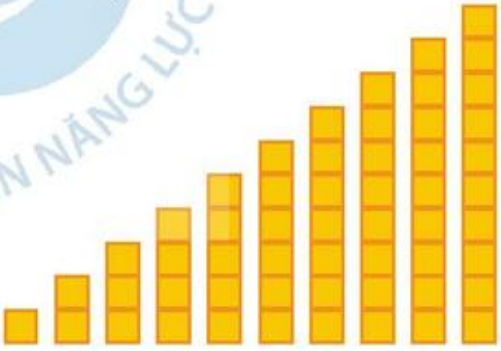

Một HS thực hiện việc này với hình vuông to của GV, gắn trên bảng. *Đây là một mô hình của 10 số 1, 2, 3, ..., 10. GV yêu cầu HS chỉ vào từng cột và đọc số. Hoạt động này chốt lại bài học.*

3. GV hướng dẫn HS về nhà thực hiện BẠN CÓ BIẾT trong SHS.

CÙNG HỌC SỐ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

timdapan.com

Ôn tập 1

MỤC TIÊU

- **Đếm, đọc, viết thành thạo từ 1 đến 10 và nhận biết số 0 là số lượng vật của nhóm không có vật nào.**
- **Xác định được số lượng vật của một nhóm và lấy được một số lượng vật đã định trước.**

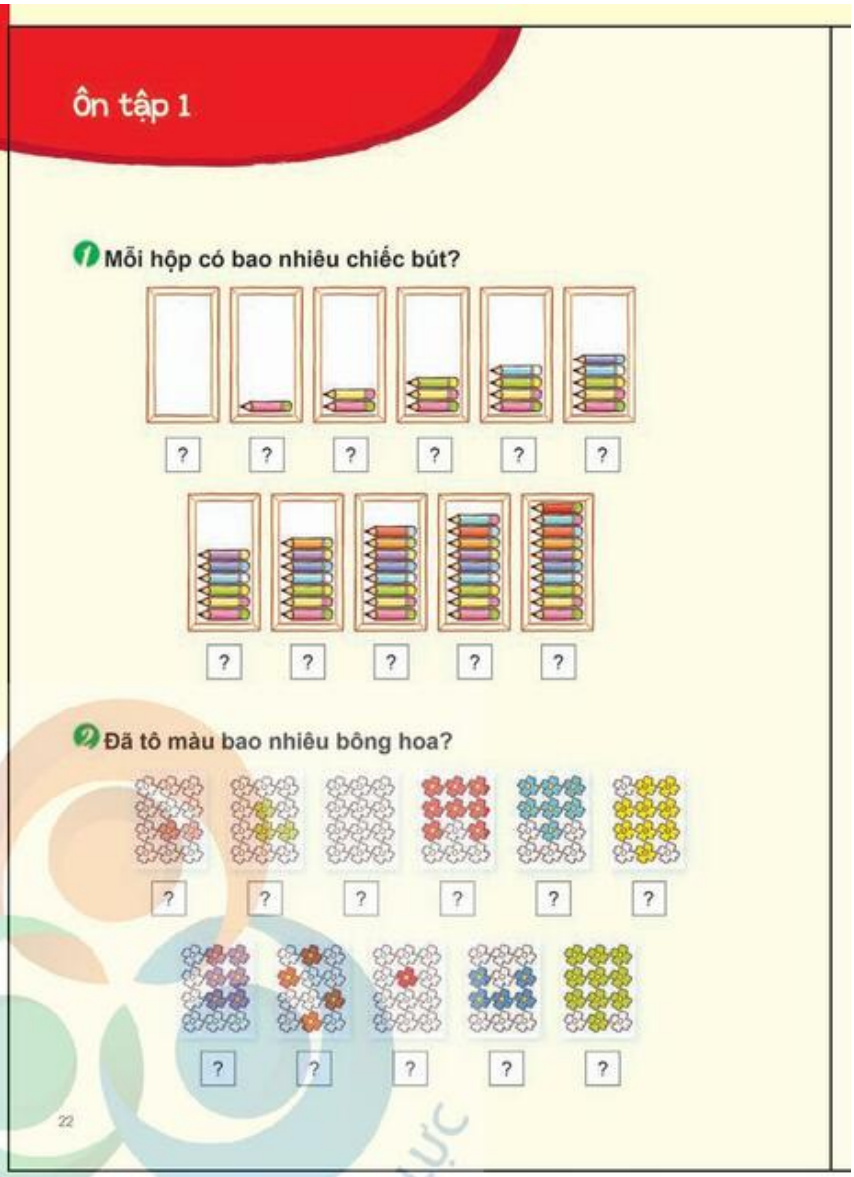

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

1. **HS trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu?".** Ví dụ: Trò chơi "Điểm số":

– *GV phổ biến cách chơi:* Nhóm HS được chọn (không quá 10 HS) xếp hàng dọc, HS làm nhóm trưởng đứng đầu hàng. GV hỏi nhóm trưởng: **"Nhóm em có bao nhiêu bạn?"**, khi đó nhóm trưởng quay xuống nói: "Cả nhóm chú ý điểm số!" và quay lại vị trí ban đầu rồi bắt đầu việc điểm số như sau: Nhóm trưởng đầu hàng giơ tay phải lên và nói **"Một"**, người tiếp theo giơ tay phải lên và nói **"Hai"**, ..., **người cuối cùng** cũng làm như vậy và nói, ví dụ: "**Tám,** hết!". Tiếp theo nhóm trưởng bước lên 1 bước nói với GV: "Thưa cô, nhóm em có 8 bạn ạ".

– Nhóm này chơi xong GV chọn nhóm khác chơi, số lượng HS các nhóm không bằng nhau. Các HS khác theo dõi, nhận xét nhóm trưởng báo cáo kết quả có đúng không, nếu sai thì chỉ ra vì sao lại sai, ví dụ: có bạn đếm sai, ...

2. **Sau trò chơi HS trả lời một số câu hỏi:**

– Muốn biết một nhóm **có bao nhiêu** bạn thì phải làm gì?

– Hãy đọc các số đếm đến 10!

– Khi đếm, có được đếm lặp lại bạn nào không? Có được bỏ sót bạn nào không?

HS được chỉ định trả lời trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

GV chốt: Câu hỏi "Có bao nhiêu?" là hỏi số lượng của một nhóm đồ vật hoặc người. Muốn biết số lượng của nhóm đó thì phải đếm. Cách đếm đúng là: đếm đúng thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ,10; đếm không lặp lại và không bỏ sót.

GV giới thiệu nội dung bài hôm nay: Chúng ta đã học đếm đến 10 và đã biết các số lượng (hay là các số): 1, 2, ..., 10. Ngoài ra ta còn biết số nào nữa? (HS trả lời. Câu trả lời đúng là: số 0). Hôm nay chúng ta sẽ luyện tập về các số đó.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS ôn luyện: đếm để nhận ra số lượng của một nhóm đồ vật (số bút chì trong mỗi hộp), viết số và đọc số. *GV treo tranh của HĐ1 lên.* Các bước hoạt động:

– HS quan sát tranh, nghe GV nói yêu cầu của HĐ1.

– HS tự tìm câu trả lời (trong khoảng 2 phút). *GV theo sát những HS chưa vững, có thể gợi ý như "Muốn biết hộp này có bao nhiêu chiếc bút thì phải làm gì?", "Hãy đếm các bút trong hộp."*, ...

timdapan.com

Xem tranh rồi trả lời câu hỏi.

a. Có bao nhiêu con gà?

b. Có bao nhiêu con mèo?

c. Có bao nhiêu con bướm?

d. Có bao nhiêu con thỏ?

23

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Xác định được đối tượng cần đếm. Biết đếm để tìm ra số lượng vật của một nhóm vật.**
- **Đọc, viết thành thạo các số từ 0 đến 10.**
- **Biết lấy một nhóm vật có số lượng bằng một số cho trước không quá 10.**

– HS được chỉ định lên bảng đếm số bút trong hộp được chỉ ra, viết số vào ô dưới hộp rồi trả lời câu hỏi trước lớp. HS khác nhận xét, cùng GV xác nhận cách làm và kết quả đúng.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS ôn luyện: **xác định đối tượng đếm** (trên mỗi tranh vẽ hoa chỉ đếm các bông hoa đã được tô màu); **đếm để nhận ra số lượng của một nhóm đồ vật** (số bông hoa đã được tô màu trên mỗi tranh); **nhận ra kí hiệu số.** Với việc trả lời câu hỏi, HS được luyện kĩ năng diễn đạt, giao tiếp.

GV treo tranh của HĐ2 lên. Các bước hoạt động:

– HS quan sát tranh và nghe GV nói yêu cầu của HĐ2. HS nhắc lại rõ yêu cầu của HĐ2.

– HS tự viết số vào vở. *GV đánh giá HS về yêu cầu cần đạt 1 và 2 qua kết quả HĐ2 của mỗi HS.*

– HS được chỉ định đếm số bông hoa đã được tô màu trong tranh được chỉ ra, trả lời câu hỏi trước lớp. HS khác nhận xét, cùng GV xác nhận cách làm và kết quả đúng từ trái sang phải, từ trên xuống, số bông hoa đã được tô màu là: 2, 3, 0, 8, 7, 9, 6, 4, 1, 5, 10.

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ này tiếp tục cho HS ôn luyện: xác định đối tượng đếm (đếm các con vật từng loại: mèo, gà, thỏ, bướm), đếm để nhận ra số lượng của mỗi nhóm con vật. Với việc trả lời câu hỏi, HS được luyện kĩ năng diễn đạt, giao tiếp.

GV chiếu hoặc treo tranh của HĐ3 lên. Các bước hoạt động: tương tự như HĐ1 và HĐ2, rồi trả lời câu hỏi (để luyện kĩ năng diễn đạt, giao tiếp).

Kết quả: 10 con gà, 3 con mèo, 7 con bướm, 0 con thỏ.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cả lớp) *GV nêu yêu cầu **lấy vật gì, số lượng bao nhiêu** thì HS lấy đúng như vậy. GV quan sát để phát hiện HS làm sai và yêu cầu làm lại. GV cho HS làm như vậy với số lần cần thiết để đánh giá HS về yêu cầu cần đạt 3.*

2. **CÙNG CHƠI.** Trò chơi **"Lấy đúng, lấy nhanh"** (ở trang cuối của chủ đề 1) nhằm để HS luyện tập yêu cầu cần đạt 3. Các bước:

– HS lắng nghe GV phổ biến để biết cách chơi.

– HS chơi với số lần phù hợp thời gian cho phép. Trò chơi này có thể tổ chức ngoài giờ học.

timdapan.com

CHỦ ĐỀ 2
SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10

Thời gian: Học kì 1; Tuần 4 - 5; Số tiết 5.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Bài 1. **Số lượng bằng nhau** (1 tiết)	Hình thành khái niệm hai nhóm có số lượng vật bằng nhau bằng cách nối, ghép mỗi vật của nhóm này với một vật của nhóm kia.	– Biết nối ghép một vật ở nhóm này với một vật ở nhóm kia phù hợp thực tế. – Sau khi nối ghép, nhận biết và nói được rằng không thừa ra vật nào và biết kết luận rằng hai nhóm có số lượng bằng nhau. – Nhận ra trong thực tế xung quanh những nhóm vật có số lượng như nhau.	– SHS, Bài 1. – VBT, Bài 1. – Sách mềm - VBT, Bài 1. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 1. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 1. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 1. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 2. **Nhiều hơn, ít hơn** (1 tiết)	Hình thành khái niệm nhóm này có nhiều/ít vật hơn nhóm kia bằng cách nối, ghép mỗi vật của nhóm này với một vật của nhóm kia.	– Nối ghép thành thạo, có thể không vẽ đường nối mà vẫn nhận biết được nhóm nào có vật thừa ra. – Sau khi nối ghép, nhận biết và nói được rằng nhóm nào có vật thừa ra và biết kết luận rằng nhóm này có nhiều/ít vật hơn nhóm kia.	– SHS, Bài 2. – VBT, Bài 2. – Sách mềm - VBT, Bài 2. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 2. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 2. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 2. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 3. **Lớn hơn, bé hơn. Dấu >, <** (1 tiết)	So sánh hai số trong phạm vi 10, bằng cách xem mỗi số như số lượng của một nhóm vật. Nhóm nào có nhiều vật hơn thì có số lượng lớn hơn. Sử dụng các dấu >, < thay cho diễn đạt bằng lời.	– Biết chuyển từ cách nói "số lượng ... nhiều/ít hơn số lượng ..." sang "số ... lớn/bé hơn số...". – Nhận biết và nói được "Số ... lớn (bé) hơn số ...", với hai số bất kì từ 0 đến 10. – Biết sử dụng dấu >, < để biểu thị số này lớn hơn, bé hơn số kia.	– SHS, Bài 3. – VBT, Bài 3. – Sách mềm - VBT, Bài 3. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 3. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 3. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 3. – ĐDDT: Mô hình số.

timdapan.com

Bài 4. **Sắp thứ tự các số trong phạm vi 10** (1 tiết)	Sắp thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé một nhóm số có không quá 4 số trong phạm vi 10.	– Nhận biết và nhớ được thứ tự các số từ bé đến lớn từ 0 đến 10, từ lớn đến bé từ 10 đến 0. – Biết sắp xếp một nhóm số trong phạm vi 10 theo thứ tự từ bé đến lớn/từ lớn đến bé. – Biết tìm số lớn nhất, số bé nhất trong một nhóm số từ 0 đến 10.	– SHS, Bài 4. – VBT, Bài 4. – Sách mềm - VBT, Bài 4. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 4. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 4. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 4. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 5. **Ôn tập 2** (1 tiết)	– Luyện tập về so sánh số lượng hai nhóm vật, nói và viết được kết quả so sánh. – Luyện tập sắp thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé một nhóm số bằng các cách có thể.	– Thuộc kết quả so sánh hai số (trong phạm vi 10). – Kĩ năng nói kết quả: chuyển từ lớn hơn / bé hơn sang nhiều hơn / ít hơn và ngược lại. – Thành thạo việc sắp thứ tự một nhóm số theo chiều từ bé đến lớn (từ lớn đến bé) và xác định được số bé (lớn) nhất trong nhóm số đó.	– SHS, Bài 5. – VBT, Bài 5. – Sách mềm - VBT, Bài 5. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 5. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 5. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 5. – ĐDDT: Mô hình số.

ÔN TẬP PHẦN A

Thời gian: Học kì 1; Tuần 6; Số tiết 2.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Ôn tập chung (OTC) (2 tiết)	– Ôn tập tổng hợp các kiến thức cơ bản về các số đến 10 và so sánh, sắp thứ tự các số. – Kết hợp nhuần nhuyễn các kiến thức cơ bản để giải quyết một vấn đề về số lượng và so sánh số lượng của các nhóm đồ vật.	– Thành thạo việc xác định số lượng của một nhóm vật có từ 0 đến 10 đồ vật. – Thành thạo đọc, viết các số từ 0 đến 10. – Thuộc thứ tự các số từ 0 đến 10 và sắp xếp nhanh một nhóm số theo thứ tự từ bé đến lớn (từ lớn đến bé), tìm được số bé (lớn) nhất trong nhóm số đã cho. – Sử dụng thành thạo các dấu >, < . – Biết lấy một số lượng vật đã định trước. – Sử dụng kết quả so sánh hai số để nói được trong hai nhóm vật, nhóm nào nhiều / ít vật hơn.	– SHS, Bài OTC. – VBT, Bài OTC. – Sách mềm - VBT, Bài OTC. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài OTC. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số (các hình vuông).	– SGV, Bài OTC. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài OTC. – ĐDDT: Mô hình số.

timdapan.com

Số lượng bằng nhau

MỤC TIÊU

Biết nối ghép một vật ở nhóm này với một vật ở nhóm kia và nhận biết được hai nhóm có số lượng vật bằng nhau.

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

- **Nối.**
- **Số lượng bằng nhau.**

Số lượng bằng nhau

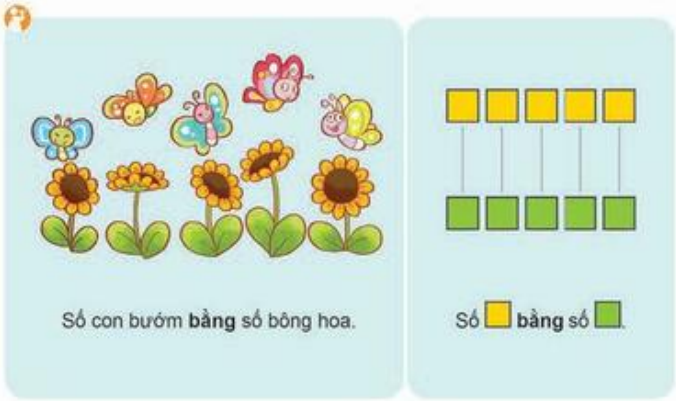

1 Hình nào có số con ếch bằng số chiếc lá?

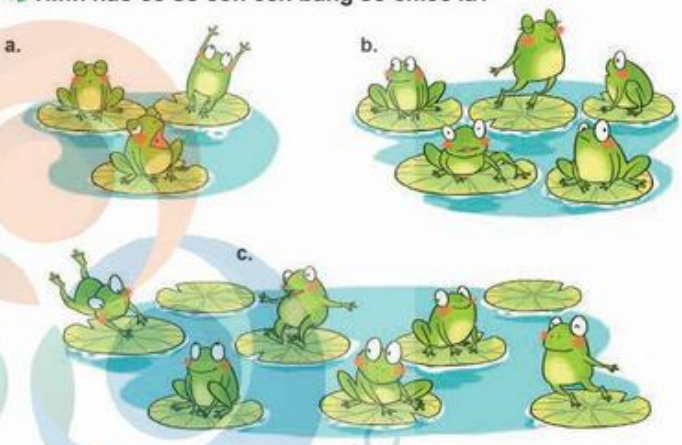

26

Tổ chức
HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG
(Hoạt động chung cả lớp)

GV chuẩn bị 6 quyển vở và 6 chiếc bút giơ lên cho cả lớp xem. HS nghe GV nói: **"Cô có một số quyển vở và một số chiếc bút. Hãy giúp cô cài vào mỗi quyển vở một chiếc bút!"**. Ba HS lên cài bút vào vở rồi giơ lên. HS cả lớp quan sát và trả lời câu hỏi: **"Có chiếc bút nào thừa ra không? Có quyển vở nào không được cài bút không?"**

GV giới thiệu bài mới: Có hai nhóm vật, ta ghép đôi mỗi vật của nhóm này với một vật của nhóm kia mà vừa vặn, không nhóm nào có vật thừa ra, như nhóm vở và nhóm bút ta vừa thấy, thì ta sẽ nói gì về hai nhóm đồ vật đó? Bài học hôm nay sẽ cho chúng ta biết về điều đó.

Tổ chức
HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ
(Cá nhân hoặc cặp đôi)

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

Các bước:

– HS xem kĩ hình hoa và bướm, tự trả lời câu hỏi: **"Nếu cứ một bông hoa có một con bướm đậu thì có thừa ra con bướm nào không, có thừa ra bông hoa nào không?"**.

– Một số HS trả lời trước lớp. HS khác xác nhận câu trả lời đúng.

– HS nghe GV hướng dẫn: *Cứ một con bướm đậu một bông hoa mà vừa vặn, không bị thừa ra bướm hay hoa nên cứ 1 bông hoa thì có 1 con bướm; 2 bông hoa thì có 2 con bướm.*

– HS tự nói tiếp: 3 bông hoa thì có … con bướm, 4 bông hoa thì có … con bướm, 5 bông hoa thì có … con bướm. Một số HS nói trước lớp, HS khác xác nhận câu nói đúng.

– *GV chốt:* Như vậy *"Số con bướm bằng số bông hoa"*. HS nói nhiều lần câu nói trên.

3. **Chốt kiến thức bằng mô hình.** *GV gắn hoặc vẽ 5 hình vuông vàng và 5 hình vuông xanh như trong SHS lên bảng. HS cũng xếp như vậy trên bảng con.* Các bước:

– HS tự thực hiện theo lệnh: **"Hãy nối một hình vuông vàng với một hình vuông xanh!"**. Một HS thực hiện việc nối trên bảng, các HS khác nhận xét, xác nhận việc nối đã đúng.

– HS tự trả lời câu hỏi: **"Số hình vuông vàng và số hình vuông xanh có bằng nhau không, vì sao?"** (câu trả lời đúng: như câu dưới mô hình hình vuông trong SHS). HS nói đồng thanh nhiều lần câu dưới mô hình.

timdapan.com

2 Chỉ ra các nhóm có số lượng bằng nhau.

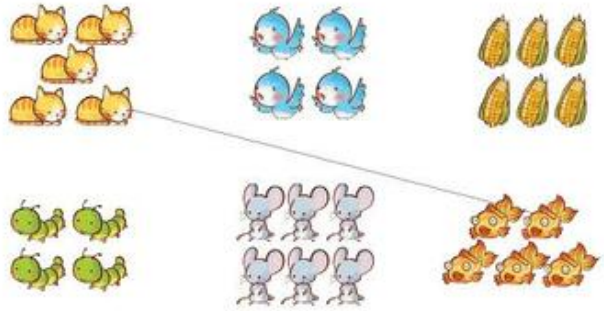

3 Mỗi con sóc ôm một quả thông.
Có bao nhiêu con sóc?
Có bao nhiêu quả thông?

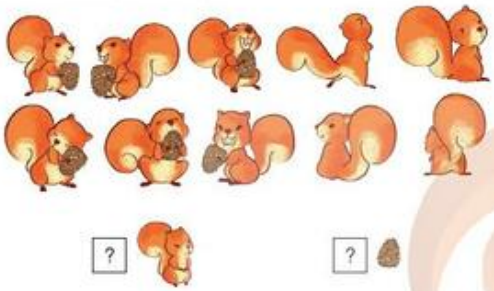

BẠN CÓ BIẾT

Hãy đếm số chân của mỗi con vật dưới đây. Còn có những con vật nào có cùng số chân với mỗi con vật này?

27

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết nối ghép một vật ở nhóm này với một vật ở nhóm kia phù hợp thực tế.
- Sau khi nối ghép, nhận biết và nói được rằng không thừa ra vật nào và biết kết luận rằng hai nhóm có số lượng vật bằng nhau.
- Nhận ra trong thực tế xung quanh những nhóm vật có số lượng bằng nhau.

Kết quả nối:

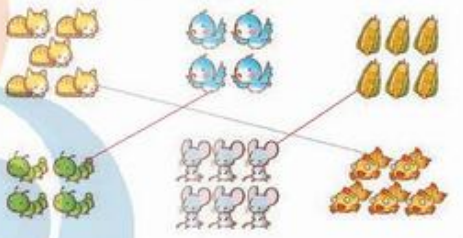

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cặp đôi) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ1 nhằm củng cố cho HS cách xác định hai nhóm vật có số lượng bằng nhau. Các bước:

– Mỗi cặp HS trao đổi, tìm kết quả. GV theo sát từng cặp, gợi ý nếu cần.

– Một số đại diện cặp đôi nói kết quả và giải thích trước lớp. HS khác nhận xét.

– *GV xác nhận đúng* (Kết quả đúng: hình a và hình b có số con ếch bằng số chiếc lá; 2 cách giải thích: **"nối"** mỗi con ếch với một lá thấy **không thừa ếch và không thừa lá** hoặc **đếm** thấy **số lượng con ếch và số lượng lá** như nhau: **a.** Số con ếch và số chiếc lá đều là 3; **b.** Số con ếch và số chiếc lá đều là 5).

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ2 nhằm củng cố cho HS cách xác định hai nhóm vật có số lượng bằng nhau. Các bước tương tự như HĐ1. Trong 2 cách xác định, cách nhanh và dễ hơn là **đếm số lượng**.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** Chú ý: mỗi con sóc đều ôm một quả thông tức là: "nối" mỗi con sóc với một quả thông thì không thừa quả và không có con sóc nào không có quả, vì vậy có bao nhiêu con sóc thì có bấy nhiêu quả. Kết quả: Có 10 con sóc, có 10 quả thông. Các bước như các HĐ khác.
2. GV hướng dẫn HS về nhà thực hiện BẠN CÓ BIẾT trong SHS.

timdapan.com

Nhiều hơn, ít hơn

MỤC TIÊU

Nhận biết nhóm nào có nhiều vật hơn trong hai nhóm đồ vật cho trước.

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

- **Nhiều hơn.**
- **Ít hơn.**

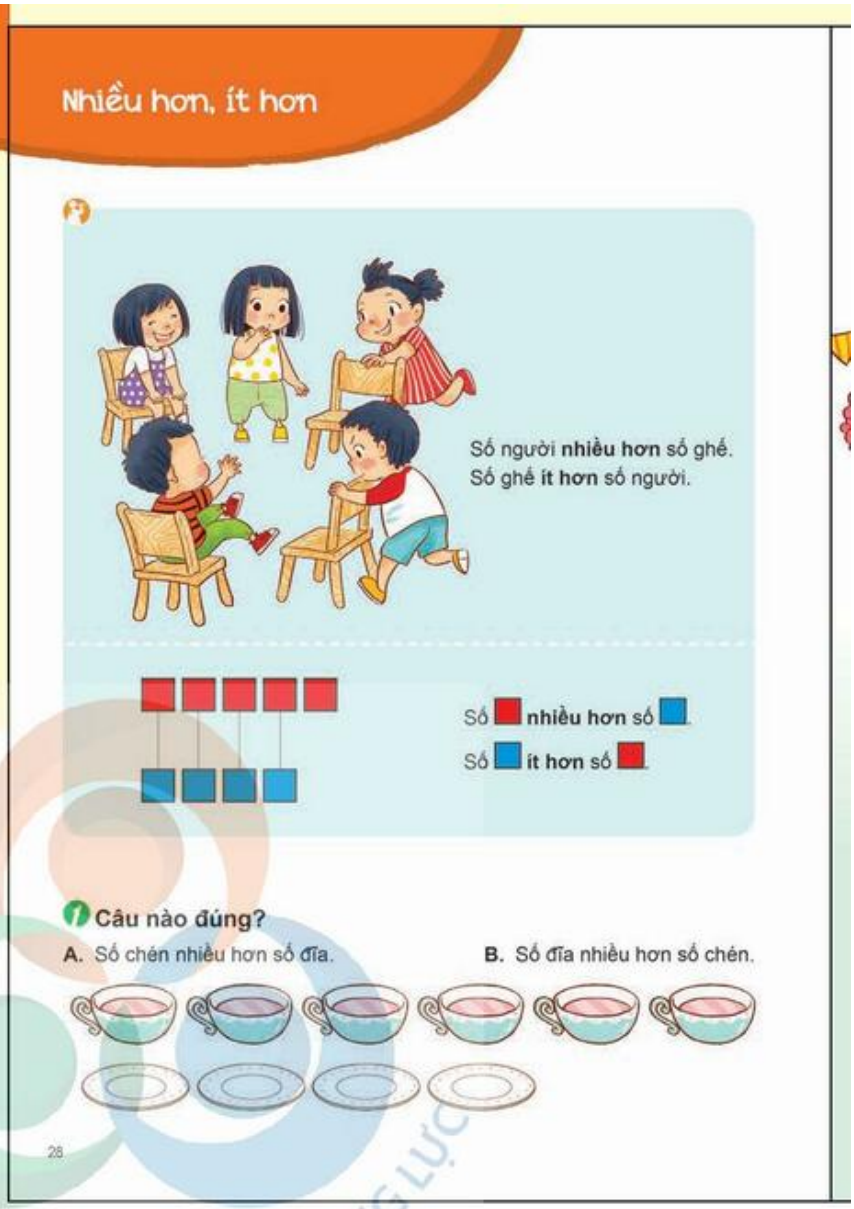

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS chơi trò chơi "nhanh chân tìm ghế". *GV chuẩn bị 4 chiếc ghế nhỏ xếp vòng tròn, chọn 5 HS chơi.*

GV phổ biến cách chơi: Cả lớp hát một bài hát quen thuộc (cho HS chọn), 5 bạn vừa hát theo vừa nhảy múa di chuyển theo nhịp bài hát vòng quanh 4 chiếc ghế. Khi bài hát vừa kết thúc thì mỗi bạn nhanh chóng tìm một chiếc ghế và ngồi vào, **1 chiếc ghế chỉ được 1 người ngồi.**

Sau 1 lần "tìm ghế" thì cho HS dừng chơi và HS ngồi nguyên trên chiếc ghế mà mình "tìm được". HS quan sát tình huống thực này, trả lời câu hỏi: **"Số người nhiều hơn số ghế hay số người ít hơn số ghế?"**.

GV giới thiệu: bài học hôm nay là xem trong hai nhóm đồ vật, nhóm này có nhiều đồ vật hơn hay ít đồ vật hơn nhóm kia.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

(Cá nhân hoặc cặp đôi)

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. **Nhận biết thế nào là nhiều hơn.** Các bước:

– HS xem kĩ hình trò chơi "nhanh chân tìm ghế" ở tranh Khám phá, tự trả lời câu hỏi: **"Số người nhiều hơn số ghế hay số người ít hơn số ghế? Vì sao?"**. Một số HS trả lời trước lớp.

– HS lắng nghe GV tóm tắt tổng hợp các ý kiến của HS và chốt: "Các em đã thấy 1 ghế chỉ được 1 người ngồi, có 1 **người thừa ra** vì không đủ ghế, và ta nói **số người nhiều hơn số ghế.**"

2. **Chốt kiến thức bằng mô hình.** *GV gắn hoặc vẽ 5 hình vuông đỏ và 4 hình vuông xanh như trong SHS lên bảng. HS cũng xếp như vậy trên bảng con.* Các bước:

– HS tự thực hiện theo lệnh: **"Hãy nối một hình vuông đỏ với một hình vuông xanh!"**. Một HS thực hiện việc nối trên bảng, các HS khác nhận xét, xác nhận việc nối đã đúng.

– HS tự trả lời câu hỏi: **"Số hình vuông đỏ nhiều hơn số hình vuông xanh hay số hình vuông xanh nhiều hơn số hình vuông đỏ? Vì sao?"**

– Một số HS được chỉ định trả lời trước lớp, các HS khác nhận xét. *GV xác nhận ý kiến đúng và chốt:* ***Ghép đôi một hình vuông đỏ với một hình vuông xanh. Có hình vuông đỏ***

timdapan.com

2 Trả lời câu hỏi.

a. Số mũ nhiều hơn hay ít hơn số người?

b. Số hoa màu nào ít hơn?

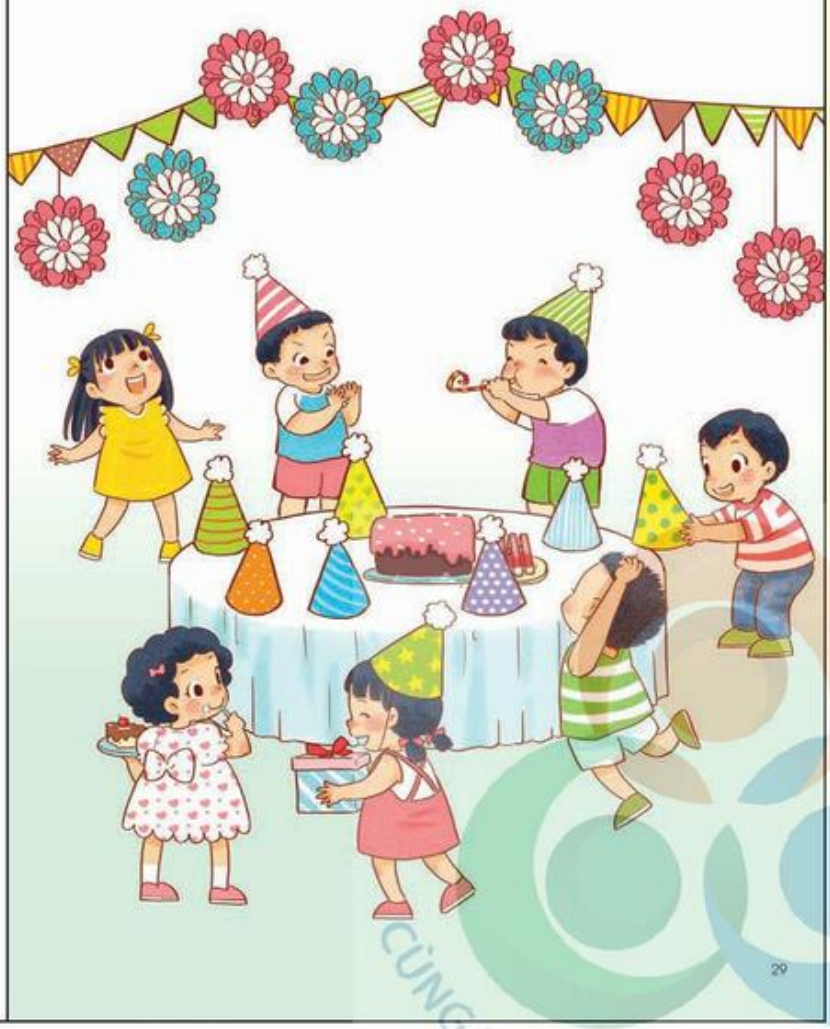

29

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Bằng cách nối (ghép đôi) 1 vật của nhóm này với 1 vật của nhóm kia, nhận biết được nhóm nào có vật thừa ra và biết kết luận nhóm đó có nhiều vật hơn, nhóm kia có ít vật hơn.**
- **Nối ghép thành thạo, có thể không vẽ (chỉ tưởng tượng đường nối trong đầu) mà vẫn nhận biết được nhóm nào có vật thừa ra.**

thừa ra thì nói là "Số hình vuông đỏ nhiều hơn số hình vuông xanh", cũng còn nói là "Số hình vuông xanh ít hơn số hình vuông đỏ".

– HS nói đồng thanh nhiều lần các câu bên phải mô hình hình vuông.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

(Cặp đôi) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ1 nhằm củng cố cho HS cách xác định nhóm nào trong hai nhóm vật có nhiều vật hơn. Các bước:

– Mỗi cặp HS trao đổi, tìm kết quả.

– Một số đại diện cặp đôi nói kết quả và giải thích trước lớp. HS khác nhận xét.

– *GV xác nhận đúng* (Câu trả lời đúng: A. Số chén nhiều hơn số đĩa. Cách giải thích: **"nối"** mỗi chiếc chén với một chiếc đĩa thấy **có chén bị thừa**).

– HS nói cách khác nội dung câu trả lời trên theo yêu cầu của GV (Số đĩa ít hơn số chén).

– HS nói hai câu trả lời trên nhiều lần.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ2 nhằm cho HS vận dụng cách xác định nhóm nào trong hai nhóm có nhiều hơn. Các bước trong mỗi HĐ 2a, 2b tương tự như HĐ1 nhưng việc nối ghép ở HĐ2a là việc hình dung mỗi bạn đội một chiếc mũ xem thừa hay thiếu mũ, ở HĐ2b nối ghép một bông hoa xanh với một bông hoa đỏ và thấy thừa ra 2 bông hoa đỏ.

   Trả lời đúng:

   2a: Số mũ nhiều hơn số người (Giải thích: nếu mỗi người đội một mũ thì thừa mũ).

   2b: Số hoa màu xanh ít hơn số hoa màu đỏ (Giải thích: ghép 1 bông hoa xanh và 1 bông hoa đỏ thành một cặp thì thừa ra 2 bông hoa màu đỏ).

2. HS trả lời câu hỏi dạng "Số ... nhiều hơn hay ít hơn số ...?".

– HS nghe GV nêu câu hỏi với hai nhóm đồ vật trong lớp.

– HS tự tìm câu trả lời.

– Một số HS được chỉ định trả lời câu hỏi và giải thích. Thực hiện như vậy với khoảng thời gian còn lại của tiết học.

timdapan.com

Lớn hơn, bé hơn. Dấu >, <

MỤC TIÊU

- **Biết trong hai số đã cho, số nào lớn hơn số kia.**
- **Biết sử dụng các dấu >, < để thay cho diễn đạt bằng lời.**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

- **Lớn hơn.**
- **Bé hơn.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS chơi trò chơi "Thỏ tìm cà rốt". *GV chuẩn bị 6 mũ có hình tai thỏ và 4 mũ có hình củ cà rốt.* Chọn 6 HS đóng vai thỏ và 4 HS đóng vai cà rốt. Mỗi chú thỏ sẽ đi tìm 1 củ cà rốt trên nền một bài hát mà cả lớp cùng hát, tìm được thì nắm tay nhau. HS dưới lớp quan sát và tự trả lời câu hỏi **"Số thỏ nhiều hơn hay ít hơn số củ cà rốt, vì sao?"**.

Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp, HS khác nhận xét.

*GV giới thiệu bài học mới: Có hai chú thỏ không có cà rốt. Ta nói số thỏ **nhiều hơn** số củ cà rốt, hay số củ cà rốt **ít hơn** số thỏ. Khi số thỏ **nhiều hơn** số củ cà rốt ta còn nói gì nữa, bài học hôm nay chúng ta sẽ biết điều đó.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

(Cá nhân hoặc cặp đôi)

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. **Nhận biết khi nào thì nói lớn hơn, bé hơn, nhận biết dấu >, <.** Các bước:

– *HS quan sát kĩ các lọ và các nắp lọ trong tranh Khám phá, tự trả lời câu hỏi: **"Số nắp nhiều hơn hay ít hơn số lọ?"**.*

– Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp (có giải thích). HS khác theo dõi nhận xét.

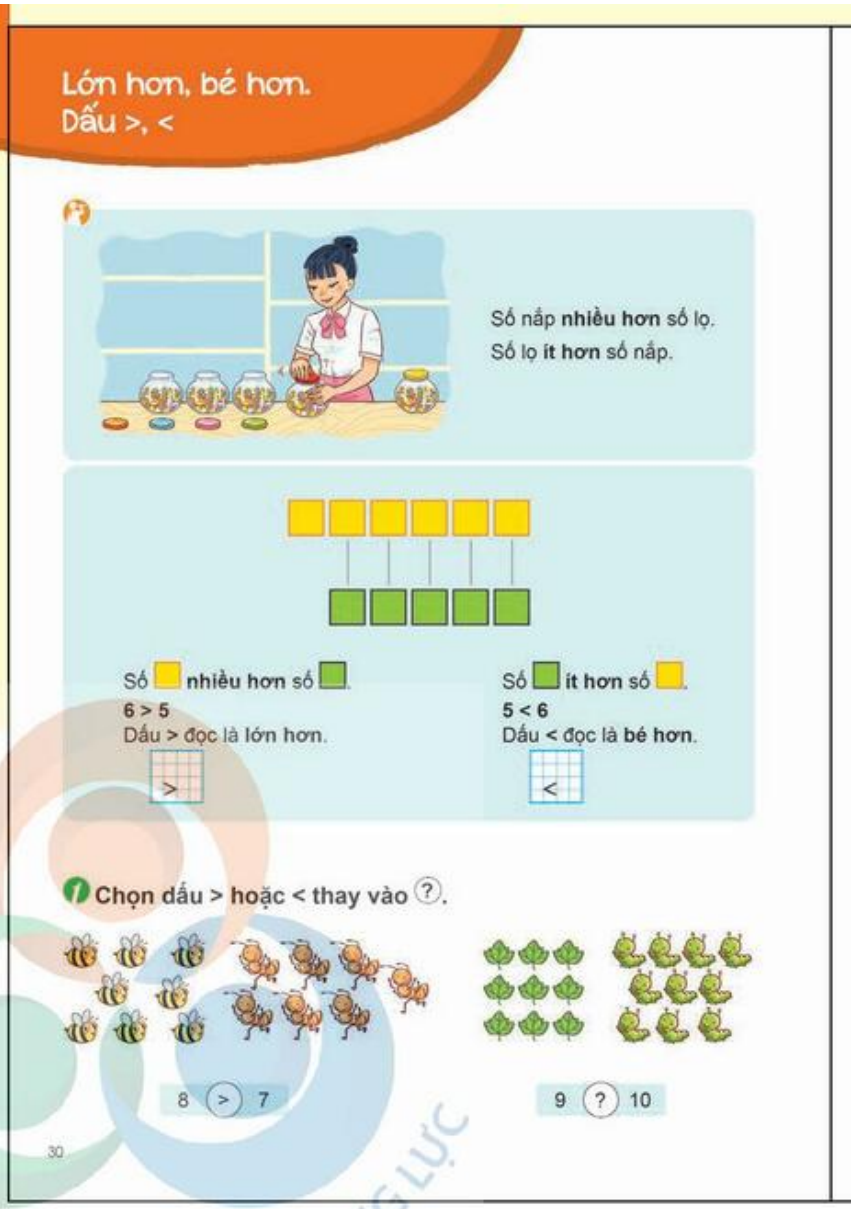

GV chốt: Câu trả lời đúng là ***"Số nắp nhiều hơn số lọ"***, vì *mỗi nắp đậy vào một lọ kẹo ta thấy thừa ra một nắp.* HS cả lớp nhắc lại câu trả lời và giải thích.

– HS tự đếm và trả lời câu hỏi: **"Có bao nhiêu nắp, bao nhiêu lọ?"** Một số HS trả lời trước lớp. *GV nói: "Khi số nắp nhiều hơn số lọ thì viết: **6 > 5**.* HS viết theo GV và đọc vài lần: ***sáu lớn hơn năm***.

*GV gợi ý để HS nói được ý ngược lại: **"Số lọ ít hơn số nắp"**, giới thiệu cách viết 5 < 6, đọc: **năm bé hơn sáu**.*

2. **Chốt kiến thức bằng mô hình.** *GV gắn hoặc vẽ 6 hình vuông vàng và 5 hình vuông xanh như trong SHS lên bảng. HS cũng xếp như vậy trên bảng con.* Các bước:

– HS quan sát hình, tự suy nghĩ để trả lời câu hỏi: **"Số hình vuông vàng nhiều hơn hay ít hơn số hình vuông xanh?"**. GV theo dõi hỗ trợ HS chưa trả lời được hoặc chưa biết cách diễn đạt.

– Một số HS trả lời trước lớp. Câu trả lời đúng: "Số hình vuông vàng nhiều hơn số hình vuông xanh".

– HS lấy thẻ số là số hình vuông vàng (6), là số hình vuông xanh (5) và xếp thẻ dấu > hoặc < giữa hai số (theo yêu cầu của GV) rồi đọc (***sáu lớn hơn năm*** hoặc ***năm bé hơn sáu***).

timdapan.com

2 Hãy xếp que tính rồi chọn > hoặc <.

3 < 4

2 ? 5 5 ? 4 7 ? 3

3

a. Tranh nào có số bò ít hơn?

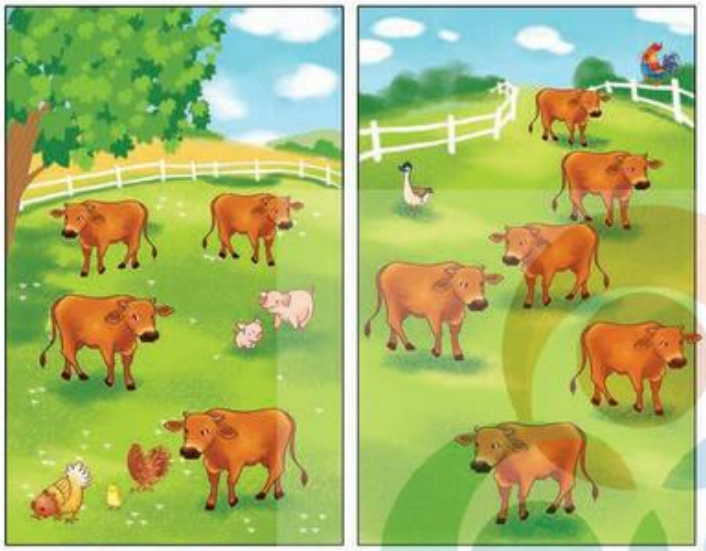

b. Chọn > hoặc <.

4 ? 6

31

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Bằng cách hình dung mỗi số là số lượng vật của một nhóm, so sánh xem nhóm nào có nhiều vật hơn thì kết luận số lượng vật của nhóm đó lớn hơn.**
- **Biết chuyển từ cách nói "Nhóm này nhiều (ít) hơn nhóm kia" sang cách nói "Số lượng vật của nhóm này lớn (bé) hơn số lượng vật của nhóm kia".**
- **Biết sử dụng dấu >, < để biểu thị số này lớn hơn, bé hơn số kia.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cặp đôi) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ1 nhằm cho HS thực hành xác định nhóm vật này có số lượng nhiều hơn (hay ít hơn) số lượng của nhóm vật kia, từ đó biết số là số lượng của nhóm này lớn hơn (hay bé hơn) số là số lượng của nhóm kia. HĐ1 cũng cho HS nhận biết và sử dụng dấu >, <. Các bước:

– Mỗi cặp HS trao đổi, giải thích tại sao 8 > 7.

– Một số HS được chỉ định giải thích 8 > 7. GV gợi ý để HS trình bày theo ý như trên.

– HS tự thực hiện, dán thẻ số và thẻ dấu (>, <) vào bảng: 9 < 10.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ2 nhằm cho HS biết so sánh hai số và biết viết dấu > hoặc < để thể hiện kết quả so sánh. Các bước:

– HS nghe GV gợi ý: Coi mỗi số là một số lượng que tính, với số 3 thì lấy 3 que tính xếp dưới số 3, với số 4 thì lấy 4 que tính xếp dưới số 4. GV làm trên bảng và HS làm trên bảng con như sau:

3 ◯ 4

– HS tự trả lời câu hỏi "3 bé hơn hay lớn hơn 4?". Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp và giải thích. *GV chốt câu trả lời và cách giải thích đúng* ***(nhóm 3 que tính ít hơn nhóm 4 que tính nên số 3 bé hơn số 4)***.

– HS tự viết dấu vào ô tròn. Một HS viết dấu trên bảng. HS sai sửa bài.

– HS tiếp tục tự thực hiện với các cặp số còn lại. *GV theo sát từng HS để biết tình hình, đánh giá từng HS qua sản phẩm học tập này. Cuối cùng một số HS viết kết quả so sánh trên bảng.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HS thực hiện HĐ3 trong SHS. HĐ3 nhằm cho HS thể hiện việc vận dụng các kiến thức đã học để so sánh số lượng hai nhóm vật: đếm để biết mỗi nhóm có bao nhiêu con bò, xét xem nhóm nào nhiều / ít hơn nhóm kia và từ đó biết số lượng nhóm nào lớn/bé hơn nhóm kia để chọn dấu thích hợp (> hoặc <) vào ô tròn. **HS tự thực hiện HĐ3.** Một số HS trình bày kết quả trước lớp, HS nào làm sai thì làm lại. Kết quả:

4 < 6

timdapan.com

Sắp thứ tự các số trong phạm vi 10

MỤC TIÊU

Biết sắp thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé một nhóm số có không quá 4 số trong phạm vi 10.

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

- **Thứ tự từ bé đến lớn. Thứ tự từ lớn đến bé.**
- **Số lớn nhất. Số bé nhất.**

Sắp thứ tự các số trong phạm vi 10

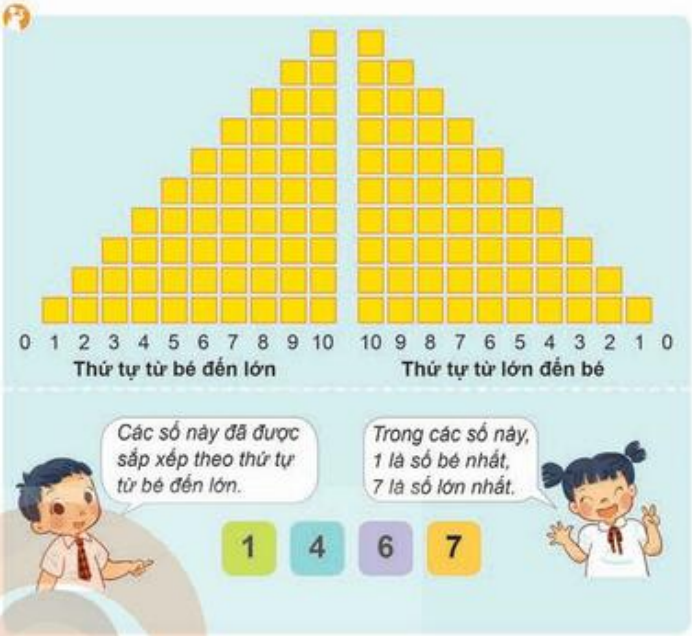

Nêu số trên mỗi chiếc ghế theo đúng thứ tự.

32

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Thi ai nhanh và đúng nhất: GV gắn lên bảng mô hình hai số bằng những hình vuông theo hai cột (như mẫu dưới đây), yêu cầu HS viết số dưới mỗi mô hình và dấu > hoặc < giữa hai số. HS nào giơ tay trước sẽ được lên bảng viết, nếu đúng thì được đánh dấu một ngôi sao cạnh tên HS. Hoạt động như vậy với khoảng 5 cặp số. Ví dụ:

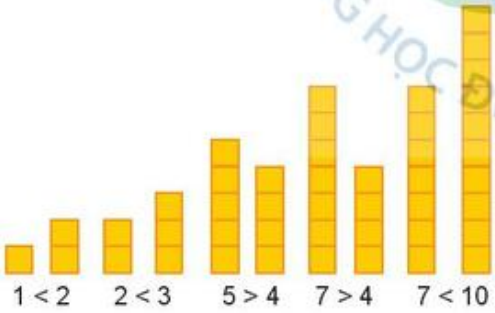

Từ đó GV đặt vấn đề rằng với các số từ 0 đến 10 nếu **số bé hơn được viết trước, số lớn hơn được viết sau** thì thứ tự sẽ là thế nào? Và ngược lại?

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

(Cá nhân hoặc cặp đôi)

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. **Nhận biết thứ tự từ bé đến lớn của các số từ 0 đến 10.**
Các bước:
– HS xem kĩ mô hình bên trái của các số từ 0 đến 10 ở tranh Khám phá, tự trả lời các câu hỏi: 1 lớn hơn các số nào, 2 lớn hơn các số nào, ..., 10 lớn hơn các số nào?
– Một số HS trả lời trước lớp, HS khác cùng GV nhận xét.
– HS nghe GV giới thiệu **thứ tự từ bé đến lớn** của các số từ 0 đến 10 là 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9,10 (1 > 0, 2 > 1, 3 > 2, ..., 9 > 8, 10 > 9).
2. **Nhận biết thứ tự từ lớn đến bé của các số từ 10 đến 0.** Các bước tương tự như mục 1 với mô hình bên phải của các số từ 10 đến 0 ở tranh Khám phá.
3. **Chốt kiến thức** bằng việc HS đọc thứ tự từ bé đến lớn của các số từ 0 đến 10 và thứ tự từ lớn đến bé của các số từ 10 đến 0: to, nhỏ, nhẩm. Sau đó từng HS đọc thuộc trước lớp.
4. **HS sắp thứ tự từ bé đến lớn nhóm số 4, 7, 6, 1.** Các bước:
– HS tự sắp xếp. *GV theo dõi từng HS, có thể gợi ý cho HS cách làm: đọc theo **thứ tự từ bé đến lớn** các số từ 0 đến 10, đến số nào trong nhóm số đã cho thì viết (đến số 1 thì viết 1, tiếp theo đến số 4 rồi số 6, 7).*

timdapan.com

2 Đổi chỗ hai số để có thứ tự

a. từ bé đến lớn

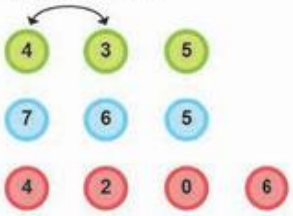

b. từ lớn đến bé

3 Bạn Bút chì đi lần lượt từ số bé nhất đến số lớn nhất. Bạn ấy vẽ nên hình gì?

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và nhớ được thứ tự các số từ bé đến lớn từ 0 đến 10, từ lớn đến bé từ 10 đến 0.
- Biết sắp xếp một nhóm số có không quá 4 số trong phạm vi 10 theo thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé.
- Biết tìm số lớn nhất, số bé nhất trong một nhóm số từ 0 đến 10.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ2 cũng với mục tiêu như HĐ ở mục 2 (luyện tập) nhưng được nâng lên một mức: chọn được 2 số để đổi chỗ cho nhau sao cho có thứ tự các số theo yêu cầu. Các bước:

– HS nghe GV đọc lệnh và quan sát mẫu đổi chỗ hai số để nhận ra việc phải làm.

– HS tự thực hiện với từng nhóm số: vẽ mũi tên vào vở. *GV theo dõi từng HS, có thể nhắc lại cho HS (nếu cần) cách sắp thứ tự một nhóm số rồi vẽ mũi tên đổi chỗ hai số. Qua theo dõi, GV đánh giá từng HS về việc thuộc thứ tự từ bé đến lớn (từ lớn đến bé) của các số từ 0 đến 10 và mức độ kĩ năng sắp thứ tự một nhóm số trong phạm vi 10.*

– Một số HS vẽ mũi tên chuyển chỗ 2 số trên bảng (GV đã viết sẵn các nhóm số trong HĐ2 trên bảng). GV cùng HS nhận xét, xác nhận đúng. Kết quả đúng: Thứ tự từ bé đến lớn là đổi chỗ 7 và 5, 4 và 0; Thứ tự từ lớn đến bé là đổi chỗ 9 và 7, 6 và 7, 1 và 5.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ3 nhằm để GV đánh giá HS việc thuộc thứ tự từ bé đến lớn của các số từ 0 đến 10. Đây cũng là một hoạt động để HS vui, thư giãn. Các bước: HS tự thực hiện vào vở. Một HS thực hiện trên bảng (GV vẽ sẵn các điểm và đoạn thẳng để HS nối theo thứ tự như trong SHS).

– Một số HS nói kết quả sắp thứ tự từ bé đến lớn, các HS khác và GV xác nhận kết quả đúng: 1, 4, 6, 7 và cách làm hợp lí.

– Tiếp theo HS nói số bé nhất, lớn nhất trong các số đã cho (cách nói như bóng nói), có giải thích theo yêu cầu của GV. (Giải thích: 1 là số bé nhất vì 1 bé hơn cả ba số còn lại là 4, 7, 6. 7 là số lớn nhất vì lớn hơn cả ba số còn lại là 4, 6, 1).

Làm tương tự như vậy với việc sắp thứ tự từ lớn đến bé.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm để đánh giá việc thuộc thứ tự từ lớn đến bé của các số từ 10 đến 1 và để HS thấy một ứng dụng rất thông thường trong cuộc sống của sắp thứ tự các số. HS tự viết số vào vở. Một số HS viết trên bảng đến khi đúng.

2. (Cặp đôi) **Thực hành sắp thứ tự một nhóm số đã cho.** HĐ này nhằm để HS luyện tập việc sắp thứ tự một nhóm số, tìm ra số bé nhất, lớn nhất của nhóm; đồng thời HS được luyện thuộc thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé của các số trong phạm vi 10. Các bước: HS tự thực hiện với mỗi nhóm số mà GV đưa ra (không quá 4 số); Một số HS nêu kết quả, HS khác và GV nhận xét; HS tìm số bé nhất, lớn nhất trong mỗi nhóm.

timdapan.com

Ôn tập 2

MỤC TIÊU

- **Biết so sánh số lượng hai nhóm vật và nói, viết được kết quả so sánh đó.**
- **Biết sắp thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé, tìm số lớn nhất / số bé nhất đối với một nhóm số (không quá 4 số) trong phạm vi 10.**

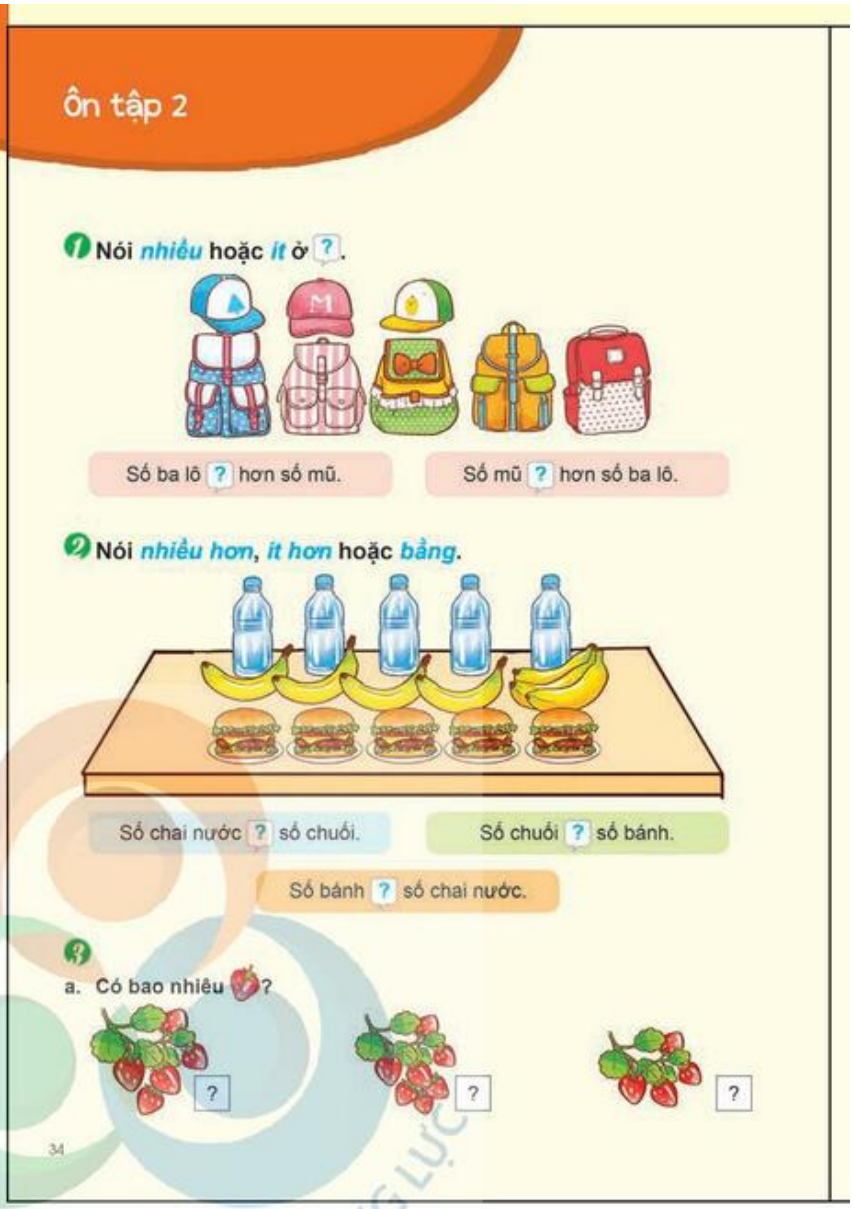

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Thi trả lời nhanh. *GV chuẩn bị một bức tranh trong đó có bốn nhóm vật, ví dụ tranh hồ nước có 6 con vịt, 7 con ếch và 7 chiếc lá sen, 4 bông hoa sen.*

– HS quan sát tranh và trả lời nhanh (theo các cách có thể) từng câu hỏi: **"Kết quả so sánh số lượng vịt và ếch thế nào?", "Kết quả so sánh số lượng ếch và số lượng lá sen thế nào?", "Vịt, ếch và hoa sen, loại nào ít nhất, loại nào nhiều nhất?"**

– HS trả lời đúng và nhanh nhất mỗi lần được một ngôi sao vẽ cạnh tên HS, mỗi cách trả lời đúng được tính một ngôi sao, ví dụ: "số con vịt ít hơn số con ếch", "số con ếch nhiều hơn số con vịt".

GV nhận xét, đánh giá việc nhớ kiến thức về so sánh và sắp thứ tự các số của HS.

*GV giới thiệu nội dung giờ học hôm nay là **ôn, luyện tập để nhớ và thành thạo hơn việc so sánh, sắp thứ tự các số, viết và nói đúng cách kết quả so sánh đó.***

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS ôn luyện cách dùng từ "nhiều", "ít"; và các cách để xác định "nhiều" hay "ít" (nối ghép cặp hoặc đếm số đồ vật của mỗi nhóm). Các bước:

– HS nghe GV đọc lệnh của HĐ1, nhận biết phải chọn từ thích hợp ở mỗi ?.

– HS nghe GV đọc từng câu rồi chọn từ thích hợp và đọc cả câu. *GV theo dõi từng HS về cách so sánh số lượng hai nhóm ba lô và mũ, nói từ có thích hợp không, trên cơ sở đó kịp thời giúp HS ôn luyện cho vững.*

– Một số HS nói kết quả và giải thích, HS khác và GV xác nhận kết quả đã đúng. Nói đúng: Số ba lô nhiều hơn số mũ; Số mũ ít hơn số ba lô.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm tiếp tục cho HS ôn luyện kĩ 2 cách so sánh số lượng hai nhóm vật: 1) **"nối" mỗi vật ở nhóm này với một vật ở nhóm kia**; 2) **đếm số lượng rồi vận dụng thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé của các số** để biết nói từ "nhiều hơn", "ít hơn" hay "bằng". Các bước tương tự như với HĐ1.

Nói đúng: Số chai nước ít hơn số chuối; Số chuối nhiều hơn số bánh; Số bánh bằng số chai nước.

timdapan.com

b. Chọn > hoặc <.

7 ? 5 4 ? 5

Nêu số theo đúng thứ tự.

a. 0 1 2 ? ? 5 ? ? 8 ? 10

b. 10 9 8 ? ? ? 4 ? ? ? 0

CÙNG CHƠI

Trò chơi "Tìm số, sắp thứ tự các số".

Hình thức: thi đua giữa các nhóm.
Chuẩn bị: mỗi nhóm một bộ thẻ số từ 0 đến 10.

1. Nghe lệnh, ví dụ: "Tìm các thẻ số lớn hơn 6, sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé".
2. Tìm các thẻ số lớn hơn 6.
3. Xếp các thẻ số lần lượt đúng thứ tự từ lớn đến bé, ví dụ:

4. Nhóm nào chọn đủ và sắp xếp đúng thứ tự thì được khen. Trong các nhóm được khen, nhóm nào nhanh nhất là nhóm thắng cuộc.

35

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **So sánh thành thạo số lượng của hai nhóm vật bằng cách "nối" mỗi vật của nhóm này với một vật của nhóm kia. Biết nói kết quả so sánh với việc dùng từ chính xác: nhiều hơn, ít hơn, số lượng bằng nhau.**
- **Thuộc kết quả sắp thứ tự các số trong phạm vi 10; sử dụng thành thạo kết quả này để so sánh hai số, sắp thứ tự một nhóm số theo chiều từ bé đến lớn / từ lớn đến bé và xác định số bé / lớn nhất trong nhóm số đó.**
- **Ngược lại, dùng kết quả so sánh hai số để so sánh số lượng của hai nhóm vật.**

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS đếm số lượng rồi so sánh và viết kết quả so sánh (với 5) bởi dấu > hoặc <. Các bước:

– HS tự đếm rồi viết số vào từng ô vuông trong phần **a**, viết dấu > hoặc < vào từng ô tròn trong phần **b** dựa vào thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé của các số đến 10, HS cũng có thể "nối" mỗi quả ở cành có 7 hoặc 4 quả với một quả có vị trí tương ứng ở cành có 5 quả, nếu thấy thừa hoặc thiếu quả thì kết luận lớn hơn 5 (viết dấu > vào vở) hoặc bé hơn 5 (viết dấu < vào vở).

– Một số HS đọc kết quả trước lớp, HS khác nhận xét, GV chiếu hoặc viết kết quả đúng:

a. 5; 7; 4.

b. 7 > 5, 4 < 5.

4. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS ôn luyện để thật thuộc thứ tự từ bé đến lớn và thứ tự từ lớn đến bé của các số trong phạm vi 10. Các bước:

– HS tự viết số vào các ô trống ở phần **a** và phần **b** vào vở.

– Một số HS viết vào ô trống trên bảng (*GV vẽ, viết số sẵn như trong SHS*), nói đây là thứ tự từ bé đến lớn hay thứ tự từ lớn đến bé.

– HS khác và GV nhận xét, xác nhận kết quả đúng. **Từng HS đọc thuộc hai thứ tự này rồi cả lớp đọc.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Cả lớp, chia thành một số nhóm) **HS chơi trò chơi "Tìm số, sắp thứ tự các số".** HĐ này nhằm cho HS luyện kĩ năng vận dụng việc thuộc thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé của các số trong phạm vi 10 để so sánh rồi chọn thẻ số thật nhanh, sắp xếp các thẻ số đã chọn theo thứ tự mà người điều khiển trò chơi yêu cầu. Các bước chơi như đã nêu trong SHS.

Trò chơi này có thể kéo dài đến khi các HS đã thành thạo chọn thẻ số, sắp xếp nhanh các số theo thứ tự định trước. Vì vậy GV sắp xếp thời gian, tổ chức cho HS chơi cả ngoài giờ học.

timdapan.com

ÔN TẬP CHUNG

MỤC TIÊU

- **Nhớ kiến thức cơ bản về các số đến 10 và so sánh, sắp thứ tự các số.**
- **Kết hợp nhuần nhuyễn các kiến thức cơ bản để giải quyết những vấn đề về số lượng và so sánh số lượng của các nhóm vật.**

ÔN TẬP CHUNG

BẠN ĐÃ HỌC

- Đếm đến 10. Đếm số lượng vật của một nhóm có từ 1 đến 10 vật.

  Đọc, viết các số từ 0 đến 10.
- So sánh số lượng vật của hai nhóm, nói kết quả: nhóm này nhiều vật hơn hay ít vật hơn nhóm kia.

  So sánh hai số, nói và viết được kết quả số này lớn hơn hay bé hơn số kia bằng lời và bằng dấu > hoặc <.
- Sắp xếp một nhóm gồm 3 hoặc 4 số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé; xác định số bé nhất, số lớn nhất của nhóm số đó.

1 Có bao nhiêu viên bi?

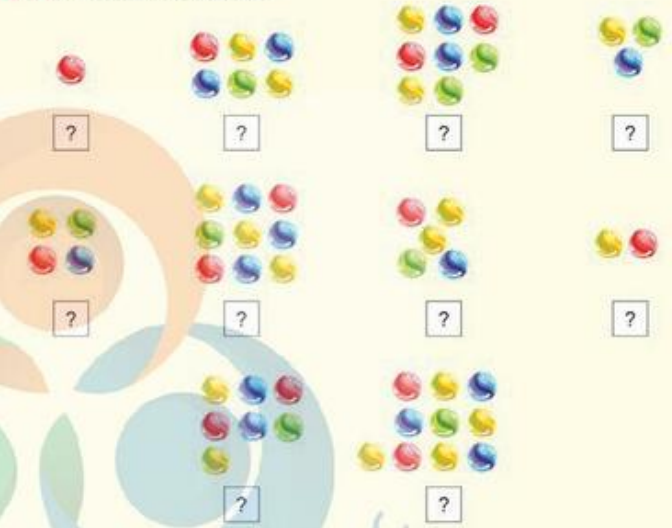

36

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp, chia nhóm)

GV đã chuẩn bị sẵn những túi hình (trong Bộ đồ dùng học toán): đa số túi có số lượng hình khác nhau, có ít nhất hai túi có số lượng bằng nhau (mỗi túi đều không có quá 10 hình). HS đại diện mỗi nhóm nhận 1 túi mang về nhóm mình. Mỗi nhóm gắn hình trong túi vào bảng con của nhóm mình, đếm xem có bao nhiêu hình.

Nhóm thảo luận rồi HS đại diện nhóm trả lời lần lượt từng câu hỏi của GV: **"Nhóm em có bao nhiêu hình, làm thế nào để biết được điều đó?", "Nói và viết kết quả so sánh số hình của nhóm ... và nhóm ... !", "Viết số hình của các nhóm theo thứ tự từ bé đến lớn!", "Nhóm nào có nhiều hình nhất, nhóm nào có ít hình nhất?"**

GV nhận xét, đánh giá mức độ thành thạo về đếm, xác định số lượng của nhóm hình, so sánh và sắp thứ tự các số của HS qua các câu trả lời.

*GV nhắc lại các kiến thức HS đã được học ở chủ đề 1 và chủ đề 2 (như bảng BẠN ĐÃ HỌC trong SHS), giới thiệu nội dung giờ học hôm nay là **ôn, luyện tập, vận dụng thành thạo các kiến thức này**.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS ôn luyện về đếm, xác định số lượng vật của mỗi nhóm, viết số. Các bước:

– HS quan sát tranh các nhóm bi, nghe câu hỏi của HĐ này, tự đếm và viết số vào ô trong vở. *GV quan sát, theo dõi để nhắc những HS viết số sai phải đếm và viết lại.*

– Một số HS được chỉ định đọc số lượng của từng nhóm bi và viết số vào ô trên bảng. Từng cặp HS soát bài nhau, HS nào còn sai thì đếm và viết số lại. Kết quả đúng:

1	6	8	3
4	9	5	2
	7	10	

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS ôn luyện việc xác định đối tượng đếm, đếm, xác định số lượng của mỗi loại đối tượng, viết số vào vở. Các bước tổ chức tương tự như với HĐ1. *GV nhấn mạnh với HS rằng phải quan sát kĩ để tìm đúng, đủ các vật của mỗi loại. Chú ý:*

timdapan.com

2 Mỗi loại có bao nhiêu?

? ? ? ? ?

3 Chọn > hoặc <.

1 ? 4 5 ? 2

6 ? 5 8 ? 10

7 ? 9 9 ? 8

37

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Thành thạo việc xác định số lượng của một nhóm vật có từ 0 đến 10 đồ vật. Thành thạo đọc, viết các số từ 0 đến 10.
- Thuộc thứ tự các số từ 0 đến 10 và sắp xếp nhanh một nhóm số theo thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé, tìm được số bé / lớn nhất trong nhóm số đã cho.
- Sử dụng thành thạo các dấu >, <.
- Biết lấy một số lượng vật đã định trước.
- Sử dụng kết quả so sánh hai số để nói được trong hai nhóm vật, nhóm nào nhiều (ít) vật hơn.

Cả lớp cùng bàn luận để biết có những cách nào so sánh hai số. *GV gợi ý để HS nhớ có 2 cách so sánh. Cách 1: coi mỗi số là số lượng của một nhóm rồi nối mỗi vật của nhóm này với một vật của nhóm kia (như đã hướng dẫn ở bài LỚN HƠN, BÉ HƠN trong SGV.*

Cách 2: sử dụng thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé (đã thuộc).

Lúc mới học, phải so sánh bằng cách 1. Bây giờ đã thuộc thứ tự từ bé đến lớn/từ lớn đến bé thì so sánh bằng cách 2 sẽ nhanh hơn.

trong tranh không có quả na nào nên số lượng quả na là 0.
Viết số đúng:

6 4 0 10 3

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS ôn luyện lại thứ tự từ bé đến lớn của các số chính là thứ tự các số đếm và vận dụng điều đó vào việc so sánh hai số.

– HS tự viết dấu > hoặc < vào mỗi ◯ trong vở.

– Một số HS được chỉ định viết dấu vào ô tròn trên bảng và giải thích đến khi đúng.

Kết quả đúng:

1 < 4 5 > 2

6 > 5 8 < 10

7 < 9 9 > 8

timdapan.com

4. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS**. HĐ này tiếp tục cho HS ôn luyện: **so sánh số lượng** hai nhóm vật / người; *nói câu đúng hay sai với từ "bằng", "nhiều hơn"*.

a. Thấy có 5 con hải cẩu và 5 quả bóng nên **câu đúng** khi kết luận là "Số con hải cẩu bằng số quả bóng".

b. Thấy có 5 chú hề và 4 chiếc mũ nên **câu đúng** là "Số chú hề nhiều hơn số mũ".

Thấy có 5 chú hề và 5 quả bóng nên câu "Số chú hề nhiều hơn số bóng" là sai.

5. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ5 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS ôn luyện việc sắp thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé một nhóm số. Cách làm như đã hướng dẫn ở bài SẮP THỨ TỰ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 (Chủ đề 2).

Kết quả đúng:

a. **từ bé đến lớn:**

7, 3, 10, 4 [3], [4], [7], [10]

b. **từ lớn đến bé:**

0, 9, 5, 8 [9], [8], [5], [0]

6. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ6 trong SHS**. HĐ này cũng tương tự như HĐ5, nhưng trước hết HS phải đếm số quả ở mỗi giỏ. HS cũng có thể không cần đếm mà chỉ nhận xét theo vị trí các quả thấy so với giỏ C thì giỏ A hơn 1 quả dâu tây, giỏ B kém 1 quả na và 2 quả dâu tây nên giỏ B có số quả ít nhất, giỏ A có số quả nhiều nhất Kết quả đúng: [B], [C], [A]

Các bước: HS tự quan sát tìm ra thứ tự các giỏ rồi viết kết quả xếp thứ tự các giỏ; Một vài HS viết trên bảng đến khi được GV và HS cả lớp xác nhận đã đúng; Cả lớp cùng bàn luận để biết có những cách nào tìm ra thứ tự đó. GV gợi ý để HS nói được 2 cách như đã nêu ở trên.

4 Hãy nói mỗi câu sau đúng hay sai.

a.

Số con hải cẩu bằng số quả bóng.

b.

Số chú hề nhiều hơn số mũ.

Số chú hề nhiều hơn số bóng.

5 Sắp xếp các số đã cho theo thứ tự

a. **từ bé đến lớn**

7, 3, 10, 4 [?], [?], [?], [?]

b. **từ lớn đến bé**

0, 9, 5, 8 [?], [?], [?], [?]

6 Sắp xếp ba giỏ A, B, C từ ít quả nhất đến nhiều quả nhất.

[B] [?] [?]

38

Bài Ôn tập chung này thực hiện 2 tiết. Tiết 1 dừng ở HĐ3. GV có thể bổ sung thêm những HĐ cần thiết phù hợp với đối tượng HS của mình và nếu còn thời gian của tiết học.

timdapan.com

B CỘNG, TRỪ TRONG PHẠM VI 10

Thời gian: Học kì 1; Tuần 6 – 13; Số tiết 21.

CHỦ ĐỀ BÀI ÔN TẬP	NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
CHỦ ĐỀ 3. Cộng trong phạm vi 10	1. NL tư duy và lập luận toán học: thực hiện các thao tác tư duy ở mức độ đơn giản như quan sát, đọc hiểu tình huống dẫn đến phép cộng / phép trừ, ... 2. NL mô hình hoá toán học: từ một tình huống cụ thể gộp lại / bớt đi, chọn phép tính cộng / trừ, ... 3. NL giải quyết vấn đề: biết viết phép tính theo tình huống; tính và kết luận đúng, ... 4. NL sử dụng công cụ, phương tiện toán học: sử dụng mô hình số để tính toán, ...	– Nhận biết tình huống gộp lại, thêm vào đối với 2 nhóm vật. Biết dùng phép cộng để tính số lượng của cả 2 nhóm. – Biết hai cách tìm kết quả phép cộng: gộp lại rồi đếm từ đầu, đếm tiếp. – Nhận biết a + 0 = a, 0 + a = a, trong các tình huống cụ thể. – Biết cộng nhẩm trong phạm vi 10 bằng cách vận dụng các bảng cộng đã học. – Biết dùng phép cộng để giải những bài toán đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.
CHỦ ĐỀ 4. Trừ trong phạm vi 10		– Nhận biết tình huống bớt đi của một nhóm vật. Biết dùng phép trừ để tính số lượng vật còn lại. – Biết sử dụng các phương pháp khác nhau để thực hiện phép trừ: bớt đi rồi đếm số vật còn lại, đếm lùi. – Biết trừ nhẩm trong phạm vi 10 bằng cách vận dụng các bảng trừ đã học. – Biết khi nào dùng phép trừ để giải những bài toán đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.
Ôn tập chung		Thông qua các bài ôn tập, kiểm tra xem HS có khả năng để: – Gộp hai nhóm vật và tìm số lượng sau khi gộp. – Biểu thị phép trừ bằng cách bớt đi một số vật. – Cộng, trừ thành thạo hai số trong phạm vi 10. – So sánh số lượng vật của hai nhóm và xem nhóm này nhiều hơn / ít hơn nhóm kia bao nhiêu. – Biểu thị bằng phép cộng hoặc phép trừ những tình huống đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.

Trong quá trình học phần này, HS sẽ được trải nghiệm:

– Cộng bằng cách gộp lại hai nhóm vật rồi đếm để tìm số lượng vật sau khi gộp.

– Cộng bằng cách đếm tiếp với một nhóm vật.

– Trừ bằng cách bớt đi một số lượng vật rồi đếm để tìm số lượng vật còn lại hoặc đếm lùi với một nhóm vật.

– Giải những bài toán cộng, trừ trong những tình huống đơn giản của cuộc sống hằng ngày.

timdapan.com

CHỦ ĐỀ 3
CỘNG TRONG PHẠM VI 10

Thời gian: Học kì 1; Tuần 6 – 10; Số tiết 11.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Bài 1. Gộp lại, thêm vào. Cộng (1 tiết)	– Hai tình huống gộp lại, thêm vào. – Trả lời câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?"	– Nhận biết được tình huống gộp lại, tình huống thêm vào. – Biết biểu thị việc tính kết quả sau khi gộp lại hoặc thêm vào bằng phép tính cộng (2 số lượng). – Biết rằng để trả lời được câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?" thì phải biết được số lượng vật sau khi đã gộp lại (thêm vào) từ các nhóm. Nghĩa là kết quả sau khi cộng.	– SHS, Bài1. – VBT, Bài 1. – Sách mềm - VBT, Bài 1. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 1. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 1. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 1. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 2. Phép cộng. Dấu +, dấu = (1 tiết)	Dùng dấu + để biểu thị các tình huống gộp lại, thêm vào dẫn tới phép cộng.	– Biết biểu thị kết quả sau khi gộp lại hoặc thêm vào dưới dạng a + b, trong đó a, b là số lượng vật của hai nhóm. Biết đọc, viết và hiểu nghĩa dấu +, dấu = để thể hiện kết quả a + b. – Biết chuyển kết quả phép cộng thành câu trả lời cho câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?" theo tình huống thực tế lúc đầu.	– SHS, Bài 2. – VBT, Bài 2. – Sách mềm - VBT, Bài 2. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 2. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 2. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 2. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 3. Cộng trong phạm vi 3 (1 tiết)	– Lập bảng cộng trong phạm vi 3. – Cộng một số với 0.	– Từ mô hình trực quan, viết được phép tính cộng có kết quả bằng 2, 3. – Lập và thuộc bảng cộng trong phạm vi 3. – Từ hình ảnh trực quan nhận biết a + 0 = 0 + a = a.	– SHS, Bài 3. – VBT, Bài 3. – Sách mềm - VBT, Bài 3. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 3. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 3. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 3. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 4. Cộng trong phạm vi 6 (2 tiết)	– Lập bảng cộng trong phạm vi 6. – Cộng một số với 0.	– Từ mô hình trực quan, viết được các phép tính cộng có kết quả bằng 4, 5, 6. – Lập và thuộc bảng cộng trong phạm vi 6. – Từ hình ảnh trực quan, nhận biết a + 0 = 0 + a = a.	– SHS, Bài 4. – VBT, Bài 4. – Sách mềm - VBT, Bài 4. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 4. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 4. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 4. – ĐDDT: Mô hình số.

timdapan.com

Bài 5. Cộng bằng cách đếm tiếp (1 tiết)	Tìm kết quả của phép cộng bằng cách đếm tiếp.	– Biết đếm tiếp bằng cách dùng mô hình số. – Nhận ra: để tìm nhanh được kết quả phép cộng a + b, thì bắt đầu từ số a đếm tiếp b bước. – Biết nói kết quả của phép cộng sau khi đếm tiếp.	– SHS, Bài 5. – VBT, Bài 5. – Sách mềm - VBT, Bài 5. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 5. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 5. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 5. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 6. Cộng trong phạm vi 9 (2 tiết)	Lập bảng cộng trong phạm vi 9.	– Từ mô hình trực quan, viết được các phép tính cộng có kết quả bằng 7, 8, 9. – Lập và thuộc bảng cộng trong phạm vi 9. – Từ hình ảnh trực quan, nhận biết a + 0 = 0 + a = a.	– SHS, Bài 6. – VBT, Bài 6. – Sách mềm - VBT, Bài 6. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 6. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 6. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 6. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 7. Cộng trong phạm vi 10 (1 tiết)	Lập bảng cộng trong phạm vi 10.	– Từ mô hình trực quan, viết được các phép tính cộng có kết quả bằng 9, 10. – Lập được bảng cộng trong phạm vi 10 và thuộc bảng này. – Biết a + 0 = 0 + a = a; a = 0, ..., 10. – Vận dụng cho tình huống thực tế.	– SHS, Bài 7. – VBT, Bài 7. – Sách mềm - VBT, Bài 7. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 7. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 7. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 7. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 8. Cộng ba số (1 tiết)	Tình huống gộp 3 nhóm vật; cộng ba số trong phạm vi 10.	– Thông qua mẫu cụ thể, hiểu rằng phép tính cộng ba số được lần lượt thực hiện từ trái sang phải: a + b + c = (a + b) + c. – Cộng thành thạo ba số trong phạm vi 10. – Vận dụng cho tình huống thực tế.	– SHS, Bài 8. – VBT, Bài 8. – Sách mềm - VBT, Bài 8. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 8. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 8. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 8. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 9. Ôn tập 3 (1 tiết)	– Luyện tập về nhận biết tình huống cộng. – Luyện tập các phương pháp, kĩ năng cộng hai số trong phạm vi 10.	– Nhận dạng nhanh tình huống gộp lại, thêm vào rồi viết bằng phép cộng hai số. Biết rằng phải tính được kết quả cộng hai số đó để trả lời câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?" – Cộng nhẩm nhanh hai số trong phạm vi 10. Viết được một số bằng phép cộng của các cặp số.	– SHS, Bài 9. – VBT, Bài 9. – Sách mềm - VBT, Bài 9. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 9. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 9. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 9. – ĐDDT: Mô hình số.

timdapan.com

Gộp lại, thêm vào. Cộng

MỤC TIÊU

- **Nhận biết được hai tình huống gộp lại, thêm vào. Hiểu được câu dạng "3 cộng 2 bằng 5".**
- **Trả lời được câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?"**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

- **Gộp lại. Thêm vào. Cộng.**
- **Có tất cả bao nhiêu?**

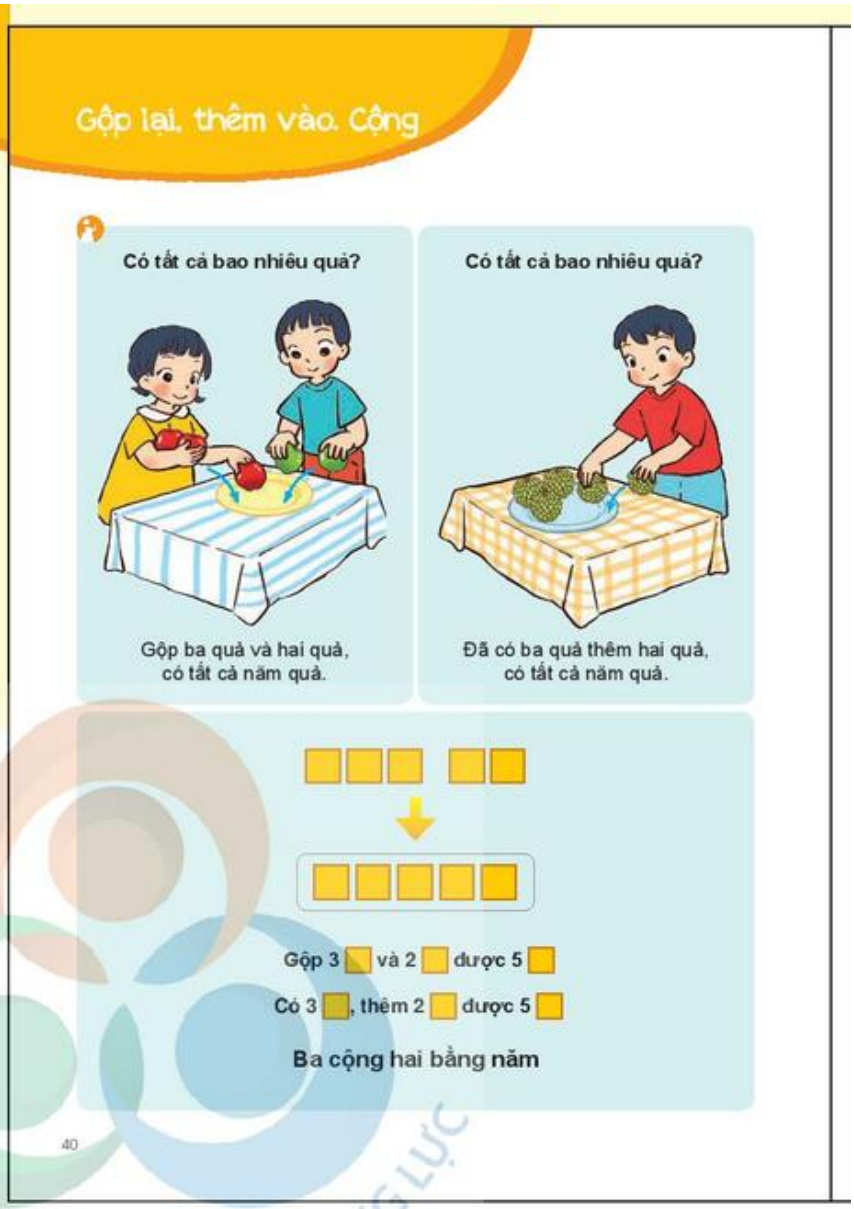

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS trả lời câu hỏi: **"Có tất cả bao nhiêu?"** Ví dụ *GV vừa thao tác minh hoạ vừa hỏi*: **"Tay trái cô cầm 2 quyển vở, tay phải cô cầm 1 quyển vở. Cô cầm tất cả bao nhiêu quyển vở?"; "Trên bảng đã gắn 4 hình, cô gắn thêm 2 hình nữa thì trên bảng có tất cả bao nhiêu hình?"**. Một số HS trả lời trước lớp, các HS khác nhận xét, GV xác nhận câu trả lời đúng.

GV giới thiệu: "Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ biết việc tìm xem hai nhóm vật có tất cả bao nhiêu vật được gọi là gì, cách tìm thế nào."

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

1. **Nhận biết thế nào là "gộp lại" và trả lời câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?".**

a. (Cá nhân) Mỗi HS chuẩn bị 2 nhóm đồ vật: một nhóm có 3 đồ vật, nhóm kia có 2 đồ vật và 1 chiếc rổ (hoặc gì đó để chứa các đồ vật). Các bước:

– HS nghe lệnh rồi thực hiện: **Xếp cả nhóm có 3 vật và nhóm có 2 vật vào cùng một rổ!**

– HS nghe GV giới thiệu: *việc làm vừa rồi là **"gộp 3 vật và 2 vật lại với nhau"***. HS nhắc lại lời GV vài lần.

– HS trả lời câu hỏi của GV: **"Gộp 3 vật và 2 vật thì có tất cả bao nhiêu vật, làm thế nào để biết điều đó?"**. Một số HS trả lời trước lớp, các HS khác và GV xác nhận câu trả lời đúng. HS vừa nói vừa thao tác gộp 3 vật với 2 vật vào đĩa, đếm tất cả rồi nói kết quả có tất cả … vật.

b. (Hoạt động chung cả lớp). *GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung*. Các bước:

– HS quan sát tranh ở khung thứ nhất, tự trả lời từng câu hỏi của GV: **"Có bao nhiêu quả táo đỏ, bao nhiêu quả táo xanh?", "Người ta đã làm gì với các quả táo này?", "Có tất cả bao nhiêu quả?"**. Một số HS trả lời, HS khác nhận xét. *GV gợi ý để HS nói được **"Gộp 3 quả táo đỏ và 2 quả táo xanh lại thì có tất cả 5 quả"***.

2. **Nhận biết thế nào là "thêm vào" và trả lời câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?".** Các bước hoạt động tương tự như với **"gộp lại"**.

3. (Cá nhân) **Tiếp nhận cách nói "3 cộng 2 bằng 5".** Các bước:

– HS lắng nghe *GV nhắc lại từng tình huống trong khung Khám phá và giới thiệu: "Gộp 3 (tên vật) với 2 (tên vật) thì có tất cả 5 (tên vật). Ta nói điều đó là **3 cộng 2 bằng 5**"; "Đã có*

timdapan.com

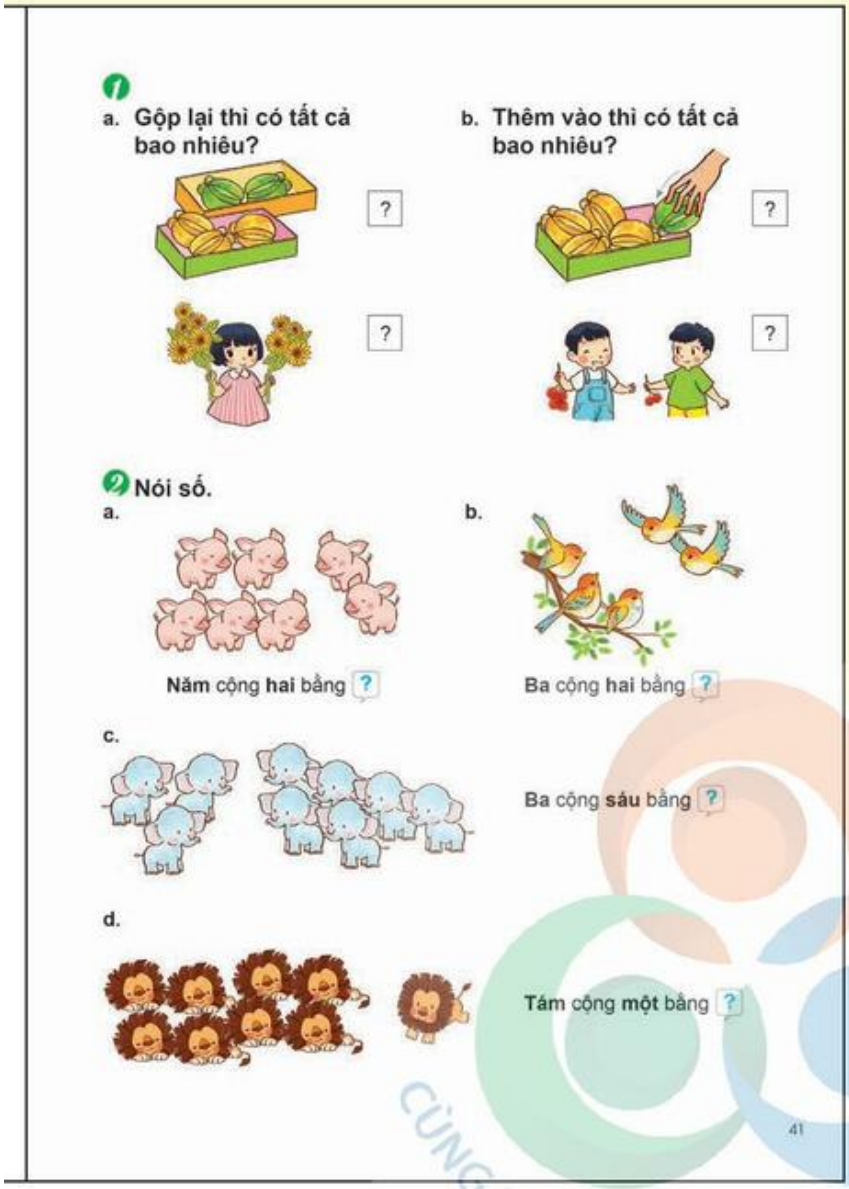

1

a. Gộp lại thì có tất cả bao nhiêu?

b. Thêm vào thì có tất cả bao nhiêu?

2 Nói số.

a. Năm cộng hai bằng ?

b. Ba cộng hai bằng ?

c. Ba cộng sáu bằng ?

d. Tám cộng một bằng ?

41

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được tình huống nào là gộp lại hoặc thêm vào.
- Biết rằng để trả lời được câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?" thì phải biết được số lượng vật sau khi đã gộp lại (thêm vào) từ các nhóm.
- Hiểu câu nói dạng "3 cộng 2 bằng 5" là tìm số lượng vật của cả hai nhóm có 3 vật và có 2 vật.

*3 (tên vật), thêm 2 (tên vật) thì có tất cả 5 (tên vật). Ta cũng nói điều đó là **3 cộng 2 bằng 5**".* GV chú ý: mô hình hình vuông thể hiện cả hai tình huống gộp lại và thêm vào.

– HS nhắc lại từng tình huống ở khung Khám phá và cuối tình huống nói ***"3 cộng 2 bằng 5"***.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ1 nhằm cho HS củng cố khái niệm "gộp lại", "thêm vào" và trả lời câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?" Các bước:

a. – HS quan sát từng tranh, nghe GV hỏi (ví dụ: "Gộp 2 quả khế xanh và 3 quả khế chín lại thì có tất cả bao nhiêu quả khế?"), rồi tự tìm câu trả lời.

– Một số HS được chỉ định nêu cách tìm kết quả và trả lời trước lớp, HS khác cùng GV nhận xét, xác nhận đúng.

b. Tương tự như **a**.

*GV hướng dẫn HS chốt: **"Muốn biết gộp hai nhóm vật lại (thêm ...) có tất cả bao nhiêu vật thì ta đếm tất cả các vật của cả hai nhóm".*** Kết quả:

a. 5
9

b. 5
6

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS củng cố ý nghĩa của từ "cộng". Các bước:

– HS quan sát từng tranh, nói trong tranh có hai nhóm nào, mỗi nhóm có mấy con (nói tên vật).

– HS nhìn vào tranh hai nhóm lợn, trả lời câu hỏi của GV: "dưới tranh này viết "năm cộng hai" có nghĩa là thế nào?", câu trả lời đúng là "gộp 5 con lợn và 2 con lợn lại".

– HS trả lời tiếp câu hỏi "5 cộng 2 bằng bao nhiêu?" (GV có thể gợi ý: gộp 5 con lợn và 2 con lợn lại thì có tất cả bao nhiêu con?).

– HS nói kết quả của ô ? theo hướng dẫn của GV để hoàn thành HĐ2a.

– Với mỗi HĐ **2b**, **2c**, **2d**, các bước tương tự như với **2a**.

timdapan.com

Phép cộng. Dấu +, dấu =

MỤC TIÊU

- **Biết dùng dấu + để biểu thị các tình huống gộp lại, thêm vào.**
- **Hiểu rằng kết quả của phép tính cộng là câu trả lời cho câu hỏi "có tất cả bao nhiêu?".**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

- **Cộng, kí hiệu +**
- **Bằng, kí hiệu =**

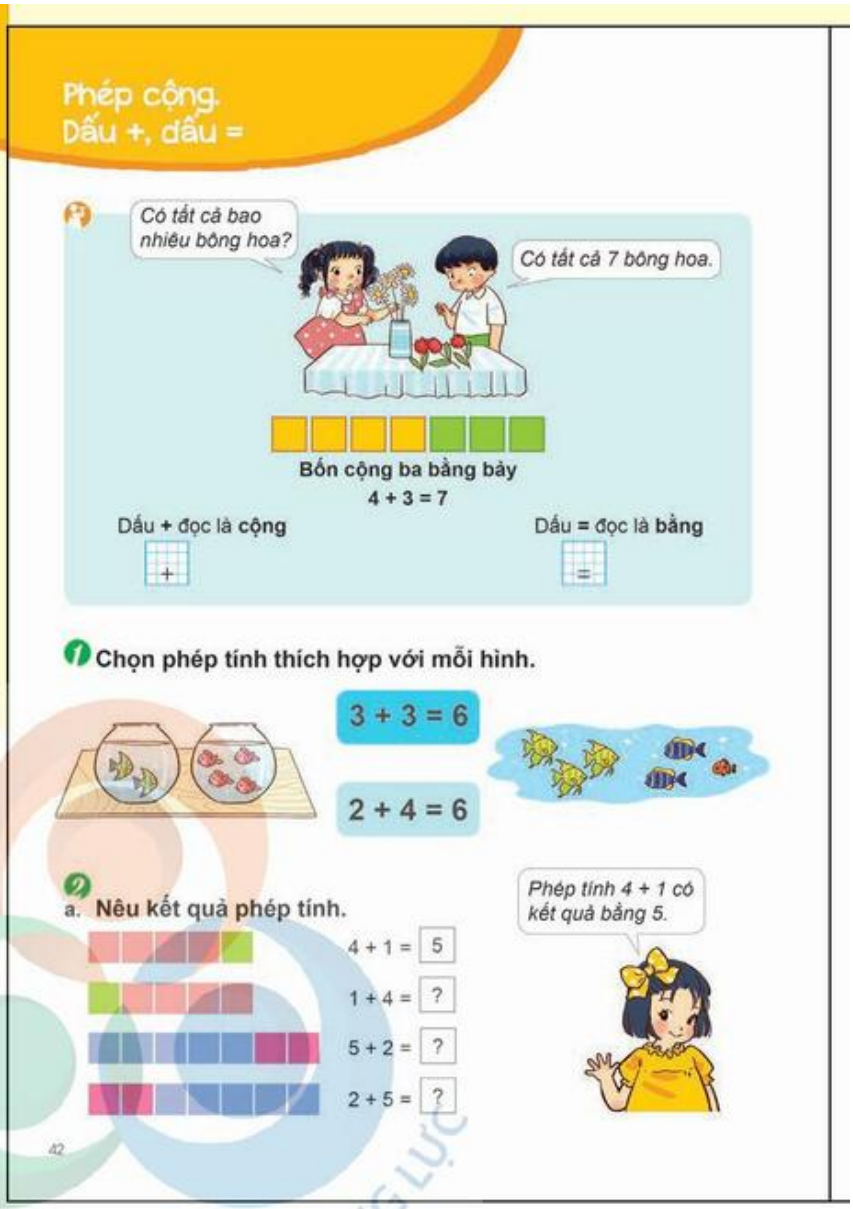

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS trả lời câu hỏi: **"Có tất cả bao nhiêu?"**. Ví dụ: *GV chuẩn bị 5 chiếc bút. GV thao tác và hỏi:*

Lần 1 *GV cầm ở tay trái 4 chiếc, tay phải 1 chiếc và hỏi* ***"Cô đã cầm tất cả bao nhiêu chiếc bút?", "Em đã làm thế nào để biết?".***

Lần 2 *tay trái GV cầm 4 chiếc bút, tay phải lấy thêm 1 chiếc bút nữa và hỏi như lần 1.*

Mỗi lần đó HS quan sát GV làm rồi tự trả lời, một số HS trả lời trước lớp. *GV có thể phải gợi ý để HS nói được ở* lần 1: "Gộp 4 chiếc bút và 1 chiếc bút rồi đếm tất cả được 5 chiếc bút", ở lần 2: "có 4 chiếc bút, thêm 1 chiếc nữa rồi đếm tất cả được 5 chiếc bút".

HS trả lời câu hỏi: "Bài học trước chúng ta đã biết **gộp 4 chiếc bút và 1 chiếc bút được 5 chiếc bút** và **có 4 chiếc bút thêm 1 chiếc nữa được 5 chiếc** cùng được nói bằng câu gì?" câu trả lời đúng là "**4 cộng 1 bằng 5**"

GV giới thiệu: Bài hôm nay chúng ta sẽ biết dùng kí hiệu toán học để viết câu "4 cộng 1 bằng 5".

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. **HS trả lời câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?" theo tình huống trong tranh.**
   HS quan sát, mô tả tranh Khám phá trong SHS rồi trả lời lần lượt các câu hỏi: "Có tất cả bao nhiêu bông hoa?", "Để biết có tất cả bao nhiêu bông hoa em đã làm gì?". Một số HS trả lời trước lớp, trả lời đúng: gộp lại rồi đếm cả hai loại hoa (câu trả lời với ý là gộp hay thêm đều được chấp nhận). GV gợi ý để HS nói câu chốt là "4 cộng 3 bằng 7".
2. **HS trả lời câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?" theo các hình vuông dưới tranh.** HS hoạt động tương tự như mục **1** với các hình vuông cho đến khi nói "4 cộng 3 bằng 7".
3. **HS tiếp nhận kí hiệu + và kí hiệu =.** HS quan sát dòng viết: "4 + 3 = 7" bên dưới các hình vuông rồi đọc theo hướng dẫn của GV. Từ đó HS nhận ra "+" được thay cho "cộng", "=" được thay cho "bằng". GV giới thiệu dấu +, dấu = cho HS. HS đọc một số lần cách viết "4 + 3 = 7".
   Củng cố: HS đọc cách viết: 5 + 1 = 6; 4 + 4 = 8; ...

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ1 nhằm cho

timdapan.com

b. **Ai viết đúng?**

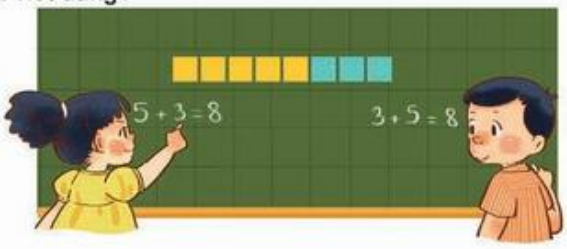

3 Nêu kết quả phép tính.

2 + 4 = ? 1 + 5 = ? 1 + 3 = ?

4 + 2 = ? 5 + 1 = ? 3 + 1 = ?

4 Xem tranh rồi nêu số.

a.

2 + 1 = ?

Có tất cả ? con cáo.

b.

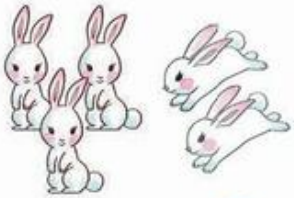

? + 2 = ?

Có tất cả ? con thỏ.

43

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Biết mô hình hoá một tình huống thực tế dạng gộp lại hoặc thêm vào dưới dạng a + b, trong đó a, b là số lượng vật của hai nhóm. Biết đọc, viết và hiểu nghĩa dấu +.**
- **Biết đọc, viết và sử dụng dấu = để thể hiện kết quả a + b.**
- **Biết tìm kết quả a + b bằng cách đếm các vật trên mô hình của hai số a và b.**
- **Biết chuyển kết quả phép cộng thành câu trả lời cho câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?".**

HS củng cố nghĩa của dấu + và dấu =. Các bước:

– HS mô tả tranh, đọc từng phép tính: 3 + 3 = 6, 2 + 4 = 6.

– HS nghe GV đọc lệnh của HĐ1 rồi nhắc lại lệnh, tự nối mỗi phép tính với tranh thích hợp trong vở.

– Một số HS được chỉ định nói trước lớp chọn phép tính nào cho mỗi tranh, các HS khác nhận xét, GV xác nhận kết quả đúng. GV chỉ định một số HS giải thích tại sao chọn phép tính 3 + 3 = 6 cho tranh một bể có hai nhóm cá, tương tự với tranh và phép tính còn lại.

2. **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.**

a. **HĐ2a** nhằm tiếp tục củng cố về nghĩa của +, = và tìm kết quả phép tính cộng. *GV vẽ hoặc gắn sẵn các hình vuông và phép tính như trong SHS lên bảng.* Các bước:

– HS nhắc lại câu hỏi sau khi nghe GV đọc, tự viết số vào ô trong vở. *GV theo dõi từng HS xem có biết sử dụng các hình vuông cạnh phép tính để tìm kết quả phép tính không, hướng dẫn HS (nếu cần).*

– Một số HS viết số vào ô trên bảng, HS khác và GV xác nhận kết quả đúng.

b. (Cặp đôi) **HĐ2b** nhằm cho HS trực quan nhận ra đổi chỗ hai số trong phép tính cộng thì kết quả vẫn không thay đổi. Các bước: Từng cặp đôi thảo luận tìm ra câu trả lời "Ai viết đúng?"; Một số HS được chỉ định trả lời trước lớp. Trả lời đúng: Cả hai bạn viết đúng.

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này luyện tập cho HS theo hai nội dung (a, **b**) ở HĐ2. Các bước như các HĐ khác. *GV đánh giá HS qua sản phẩm học tập này.*

4. (Cá nhân) HS tập viết dấu +, dấu = vào vở, GV hướng dẫn.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HS thực hiện HĐ4 trong SHS. HĐ này cho HS vận dụng tổng hợp: nhận ra tình huống gộp lại hoặc thêm vào, viết số vào ☐ rồi nói kết luận ("Có tất cả 3 con cáo",...). Các bước:

– HS tìm hiểu tranh **a**, nghe GV đọc và nhắc lại lệnh, tự thực hiện vào vở. Một số HS nói phép tính đã viết hoàn chỉnh, nói kết luận.

– GV cùng HS phân tích để dẫn tới việc viết số vào ☐ trong vở.

– Hoạt động tương tự như trên với tranh **b**.

GV chốt bài: ***Dùng dấu + để thể hiện việc tìm số lượng của cả hai nhóm vật, dùng dấu = để thể hiện kết quả tính cộng.***

timdapan.com

Cộng trong phạm vi 3

MỤC TIÊU

Biết cộng thành thạo hai số có kết quả trong phạm vi 3.

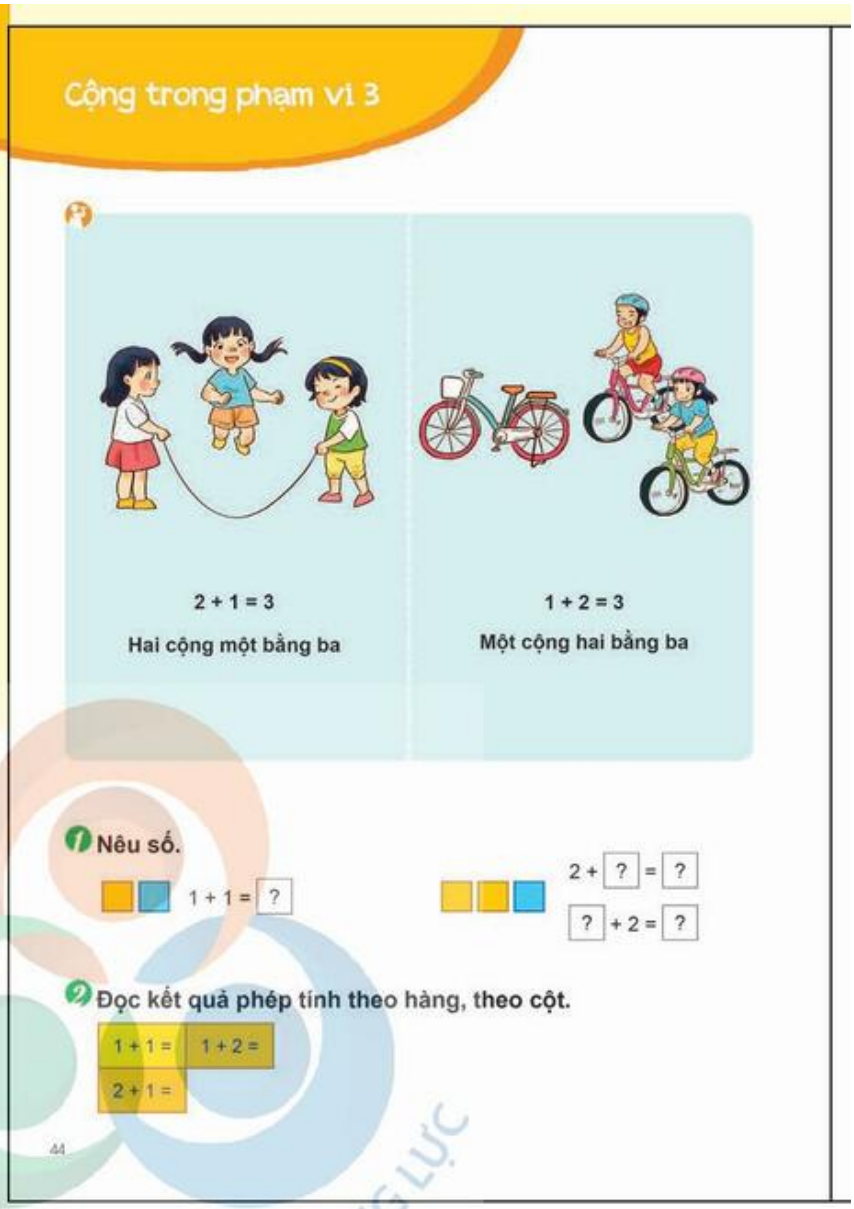
Cộng trong phạm vi 3

2 + 1 = 3

Hai cộng một bằng ba

1 + 2 = 3

Một cộng hai bằng ba

1 Nêu số.

1 + 1 = ?

2 + ? = ?

? + 2 = ?

2 Đọc kết quả phép tính theo hàng, theo cột.

1 + 1 = | 1 + 2 =

2 + 1 =

44

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS trả lời câu hỏi: **"Có tất cả bao nhiêu?"**. Ví dụ *GV chuẩn bị 2 hình vuông và 4 hình tam giác (mỗi hình tam giác này bằng một nửa hình vuông) gắn trên bảng. GV nói: "Hãy xem cô xếp hình gì nhé"*. HS quan sát GV xếp hình trên bảng rồi nói cô đã xếp hình gì. HS trả lời lần lượt các câu hỏi: **"Để xếp được chiếc thuyền buồm này cô đã dùng bao nhiêu hình tam giác, bao nhiêu hình vuông?", "Cô đã dùng tất cả bao nhiêu hình?".**

GV vẽ hình, viết số theo câu trả lời của HS, hỏi HS cách tìm xem có tất cả bao nhiêu hình rồi viết phép tính cộng:

4 + 2 = 6

HS đọc phép tính nhiều lần.

GV giới thiệu bài mới: Bài học hôm nay chúng ta sẽ luyện tính kết quả một số phép tính cộng rồi sắp xếp chúng thành bảng để dễ nhớ.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

(Cá nhân) **HS củng cố lại ý nghĩa phép tính cộng:**

– HS tự trả lời từng câu hỏi: **"Có tất cả bao nhiêu bạn đang chơi nhảy dây?", "Có tất cả bao nhiêu chiếc xe đạp?"**. Một số HS trả lời trước lớp.

– HS tự nói ý nghĩa của từng phép tính cộng theo tranh minh hoạ. Một số HS được chỉ định lên bảng nói cho đến khi đúng:

Có 2 bạn quăng dây và 1 bạn nhảy nên phép tính cộng để tìm tất cả số bạn chơi dây là 2 + 1 = 3;

Có 1 chiếc xe đạp đang dựng không có người và 2 chiếc xe đạp đang có người đi nên phép tính cộng để tìm tất cả số xe đạp là 1 + 2 = 3.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ1 nhằm cho HS xây dựng các phép tính cộng trong phạm vi 3, luyện đọc phép tính theo 2 cách. Các bước:

– HS tự hoàn thành các phép tính, viết vào vở. *GV theo sát từng HS, nhắc ý nghĩa của hình bên cạnh (nếu cần) cho HS viết đúng các phép tính.*

– Một số HS được chỉ định viết số vào ☐ trên bảng, HS khác cùng GV xác nhận kết quả đúng: 1 + 1 = 2; 2 + 1 = 3; 1 + 2 = 3. HS viết sai thì viết sửa lại.

timdapan.com

3 Xem tranh rồi nêu số.

a.

? + ? = ?

Có tất cả ? bạn chơi.

b.

? + ? = ?

Cả hai tổ chim có ? quả trứng.

c.

? + ? = ?

Có ? con chim đậu trên hai cành.

4 Theo phép tính, hãy xếp đủ số ■ vào mỗi □. Nói kết quả phép tính.

2 + 0 =

5 Chỉ ra các phép tính có kết quả bằng nhau.

1 + 1 | 1 + 0 | 2 + 1 | 2 + 0 | 0 + 1 | 0 + 3

45

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Viết được phép tính cộng có kết quả bằng 2, bằng 3 theo mô hình.
- Nhận biết đặc điểm bảng cộng trong phạm vi 3 và thuộc bảng này.
- Từ hình ảnh trực quan biết 2 + 0 = 2, 3 + 0 = 3, 0 + 1 = 1, ...

– Một số HS được chỉ định đọc từng phép tính trước lớp.

2. **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS học thuộc kết quả 3 phép tính cộng trong phạm vi 3 và bắt đầu sắp xếp bảng cộng trong phạm vi 10 sau này. Các bước:

– HS tự viết kết quả mỗi phép tính, viết trong vở. Một số HS viết trên bảng *(GV đã vẽ sẵn bảng cộng như trong SHS)*.

– HS học thuộc bảng theo sự điều khiển của GV: HS đọc theo hàng, theo cột; GV che kết quả và chỉ định HS nói nhanh kết quả từng phép tính.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS quan sát tranh, nhìn ra hai nhóm đối tượng của câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?" liên hệ với phép tính tương ứng với ý nghĩa đó. HĐ3b và HĐ3c còn nhằm cho HS tiếp cận với phép tính cộng có số hạng là 0. Các bước:

– HS quan sát tranh, mô tả các nhóm vật theo định hướng của GV: **a.** Có mấy nhóm bạn chơi?; **b.** Có mấy tổ chim, mỗi tổ có bao nhiêu quả trứng?; **c.** Có mấy cành cây, mỗi cành có bao nhiêu con chim?

– HS tự viết số vào mỗi ? rồi trả lời câu hỏi **a.** Một số HS được chỉ định trả lời trước lớp, có giải thích. *GV có thể gợi ý để HS nói được hai nhóm bạn và phép tính cộng tương ứng:* Có 2 bạn đang chơi bóng và 1 bạn đang nhảy dây, 2 + 1= 3; Có tất cả 3 bạn chơi.

– Hoạt động tương tự như trên với các câu hỏi **b**, **c**. HS phải nói được: **b.** Một tổ không có trứng và một tổ có 2 quả trứng, 0 + 2 = 2; Cả hai tổ chim có 2 quả trứng. **c.** Một cành có 3 con chim và một cành không có con chim nào, 3 + 0 = 3; Có 3 con chim đậu trên hai cành.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS**. HĐ này tiếp tục củng cố cho HS về ý nghĩa **phép tính cộng một số với số 0**. Thứ tự các bước như các HĐ khác. Theo phép tính, GV hướng dẫn HS lấy đủ số ■ trong bộ ĐDHT xếp vào □. Từ đó HS viết đúng kết quả phép tính: 2 + 0 = 2.

3. **HS thực hiện HĐ5 trong SHS**. HĐ này là sự kết hợp các vấn đề của bài học. HS nối hai phép tính có kết quả bằng nhau (trong vở). *GV đánh giá HS qua sản phẩm học tập này.*

Kết quả nối:

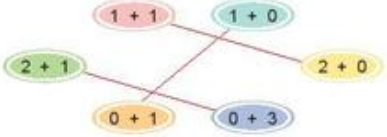

timdapan.com

Cộng trong phạm vi 6

MỤC TIÊU

Biết cộng thành thạo hai số có kết quả trong phạm vi 6.

Cộng trong phạm vi 6

3 + 1 = 4 1 + 3 = 4 2 + 2 = 4

Nêu kết quả phép tính.

a. 4 + 1 = 5 1 + 4 = 5

3 + 2 = ? 2 + 3 = ?

b. 5 + 1 = ? 1 + 5 = ?

4 + 2 = ? 2 + 4 = ?

3 + 3 = ?

46

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS trả lời câu hỏi **"Có tất cả bao nhiêu?"**. Ví dụ: *GV chuẩn bị 3 hộp kín, lần lượt các hộp đựng 3, 1, 2 đồ vật, và một số đồ vật bên ngoài hộp.* Ba HS được chỉ định lần lượt lên lấy 1, 3, 2 đồ vật cho thêm vào hộp. Mỗi lần như vậy HS nghe và tự trả lời câu hỏi: **"Trong hộp đã có 3** (1, 2) **đồ vật, cho thêm vào 1** (3, 2) **đồ vật nữa thì có tất cả bao nhiêu đồ vật?"**, một số HS trả lời trước lớp và viết phép tính trên bảng, nói cách tính theo yêu cầu của GV. HS khác và GV xác nhận cách tính đúng (cách đếm tiếp là cách hợp lí hơn cả).

GV giới thiệu bài mới: Hôm nay chúng ta sẽ lập bảng cộng gồm các phép tính cộng có kết quả trong phạm vi 6.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV vẽ hoặc gắn sẵn trên bảng.

HS thi đua lên viết nhanh, đủ các phép tính cạnh mỗi hình (như trong khung Khám phá) đến khi đúng.

HS nhận xét đặc điểm chung của các phép tính này (các kết quả đều bằng 4).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS tự viết kết quả là 5, là 6 của phép tính cộng theo mô hình bên cạnh. *GV vẽ hoặc gắn sẵn trên bảng các hình vuông (mô hình) và phép tính cộng như trong sách.* Các bước:

– HS nghe GV đọc câu hỏi của HĐ1, tự viết kết quả của phép tính vào vở.

– Một số HS viết trên bảng, ví dụ:

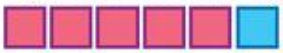

5 + 1 = 6 1 + 5 = 6

GV và cả lớp xác nhận khi đã đúng, HS viết sai sửa bài. *GV theo dõi từng cá nhân xem đã viết, sửa đúng chưa, có thể hướng dẫn HS viết cho đúng.*

– HS đọc to, thầm rồi thuộc các phép tính cộng có kết quả bằng 4, bằng 5, bằng 6. HS thi đua đọc thuộc các bảng này trước lớp.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ2 nhằm cho HS nhận ra việc mở rộng bảng cộng từ phạm vi 3 ra phạm vi 6, nhận ra quy luật sắp xếp của bảng để từ đó dễ nhớ; đồng thời đây cũng là thêm một cơ hội để HS thuộc các

timdapan.com

2 **Đọc kết quả phép tính theo mỗi hàng, mỗi cột.**

1 + 1 = 2	1 + 2 = 3	1 + 3 =	1 + 4 =	1 + 5 =
2 + 1 = 3	2 + 2 =	2 + 3 =	2 + 4 =	
3 + 1 =	3 + 2 =	3 + 3 =		
4 + 1 =	4 + 2 =			
5 + 1 =				

3 **Chỉ ra kết quả của mỗi phép tính.**

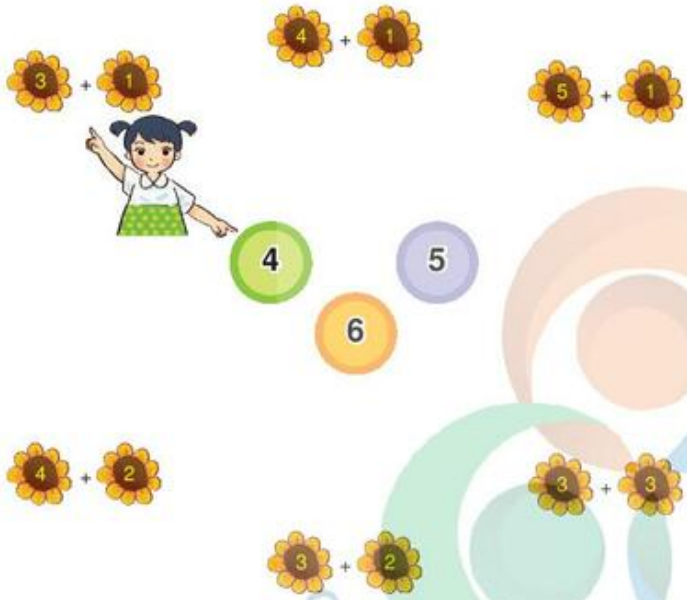

47

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Thành thạo việc viết phép tính cộng có kết quả bằng 4, 5, 6 theo mô hình.**
- **Nhận biết đặc điểm bảng cộng trong phạm vi 6 và thuộc bảng này.**
- **Từ hình ảnh trực quan biết 0 + 5 = 5, 6 + 0 = 6, 4 + 0 = 4, ...**

phép tính cộng trong phạm vi 6. Các bước:

– HS tự điền kết quả từng phép tính, viết vào vở. *GV theo sát từng HS để xem mức độ thuộc các phép tính của HS, có thể gợi ý HS đối chiếu với kết quả của HĐ1 xem đúng chưa, nếu sai thì sửa.*

– Một số HS được chỉ định viết trên bảng đến khi được GV và cả lớp xác nhận đúng.

– HS tự học thuộc các phép tính theo dòng, theo cột của bảng. Lần lượt HS đọc phép tính trước lớp, *GV hướng dẫn HS học thuộc bằng cách che kết quả của từng dòng, từng cột để HS nói kết quả.*

– HS trả lời trước lớp các câu hỏi mà *GV nêu tương tự như bóng nói (đây cũng là một cách nhớ các phép tính và cách sắp xếp bảng cộng).*

3. **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS tự kiểm tra mức độ thuộc kết quả những phép tính cộng trong phạm vi 6 của mình. Các bước:

– HS tự chỉ kết quả từng phép tính. *GV theo sát từng HS để xem mức độ thuộc kết quả các phép tính của HS, chú ý giúp những HS chậm và thiếu tập trung.*

– Một số HS được chỉ định nói trước lớp và vẽ đường nối phép tính với kết quả trên bảng (*GV đã viết, vẽ sẵn trên bảng như trong SHS). GV có thể tổ chức thành trò chơi nhanh để thay đổi trạng thái cho vui vẻ.*

Kết quả nối:

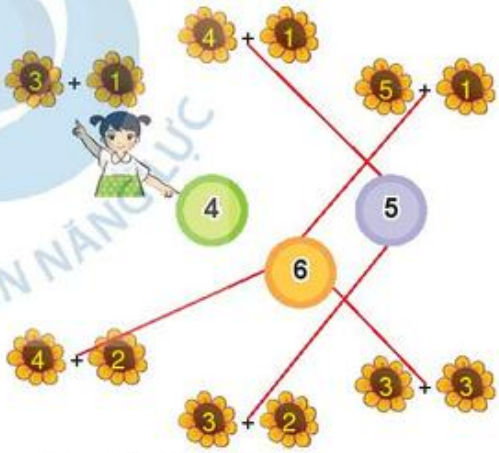

Tiết 1 kết thúc ở đây.

timdapan.com

Tổ chức
HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS **vận dụng** việc thuộc bảng cộng trong phạm vi 6 để điền số vào ô. Đây cũng là HĐ để hoạt hoá kiến thức, khởi động tiết 2. Các bước:

– Lần lượt các HS đọc bảng cộng trong phạm vi 6 theo yêu cầu của GV: đọc các phép tính có kết quả là 4, là 5, là 6; đọc theo hàng (ví dụ 1 + 1 = 2, 1 + 2 = ..., ...); đọc theo cột (ví dụ 1 + 1 = 2, 2 + 1 = ..., ...).

– HS xem mẫu cách tìm số trong [?], tự điền số vào [?]. *GV theo dõi từng HS, giúp HS nào còn chưa thuộc hoặc chưa biết **vận dụng** việc thuộc bảng cộng để suy ra số trong [?], gợi ý HS.*

– HS xung phong điền số trên bảng *(GV đã viết, vẽ sẵn trên bảng như trong SHS)*, giải thích tại sao điền số đó. HS khác và GV nhận xét, HS sửa bài đến khi đúng.

Kết quả đúng:

2 + 3 = [5] 2 + [3] = 5	2 + 4 = [6] [2] + 4 = 6
1 + 4 = [5] [1] + 4 = 5	2 + 2 = [4] 2 + [2] = 4
5 + [1] = 6 [5] + 1 = 6	4 + [2] = 6 [4] + 2 = 6

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ5 trong SHS**. HĐ này trước hết cho HS tiếp tục làm quen giải quyết vấn đề trả lời câu hỏi dạng "Có tất cả bao nhiêu?": Xác định tất cả có hai nhóm vật nào, số lượng vật mỗi nhóm, viết kết quả phép tính cộng để biết số lượng của cả hai nhóm và kết luận. HS cũng được **vận dụng việc thuộc bảng cộng để tính ra ngay kết quả** phép tính. Các bước:

a.

– HS tìm hiểu, biết nội dung tình huống theo tranh và bóng nói, biết câu lệnh *(GV đọc bóng nói, câu lệnh cho HS nghe)*. Một số HS nói trước lớp nội dung đó. Nội dung cần nói số trong [?]: bạn trai bắt được 2 con dế, bạn gái bắt được 3 con, cả hai bạn bắt được bao nhiêu con dế?

– HS tự viết vào vở kết quả phép tính, câu kết luận. *GV theo dõi từng HS, gợi ý giúp HS* (nếu cần).

– Một vài HS viết trên bảng đến khi GV và cả lớp xác nhận đã đúng. Phép tính đúng: 2 + 3 = [5].

Cả hai bạn bắt được [5] con dế.

b và **c**. Tương tự như **a**, đồng thời để HS trực quan **nhận ra có phép tính cộng của một số (từ 1 đến 6) với số 0 và tự tìm kết quả cũng như rút ra quy luật chung về kết quả** của các phép tính dạng này.

Trả lời đúng:

b. 0 + 5 = [5]

Cả hai khay có [5] quả trứng;

c. 6 + 0 = [6]

Hai cây có tất cả [6] quả.

Sau cùng, GV gợi ý để HS nhận xét được: kết quả phép tính cộng một số (1, 2, 3, 4, 5, 6) với số 0 là chính số đó.

4 Tìm số.

2 + 3 = ? 2 + ? = 5	2 + 4 = ? ? + 4 = 6	1 + 4 = ? ? + 4 = 5
2 + 2 = ? 2 + ? = 4	5 + ? = 6 ? + 1 = 6	4 + ? = 6 ? + 2 = 6

5 Xem tranh rồi nêu số.

a.

2 + 3 = ?

Cả hai bạn bắt được ? con dế.

48

timdapan.com

b.

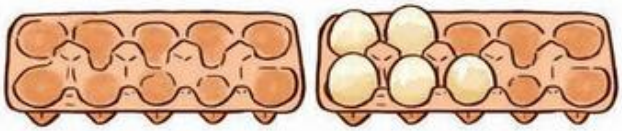

0 + 5 = ?

Cả hai khay có ? quả trứng.

c.

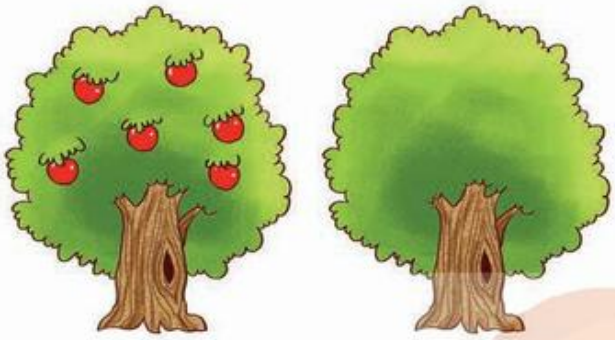

6 + 0 = ?

Hai cây có tất cả ? quả.

Chọn >, = hoặc <.

2 + 2 ? 7

5 + 1 ? 5

0 + 3 ? 3

6 + 0 ? 4 + 1

49

Chốt bài: GV tổ chức cho HS đọc bảng cộng trong phạm vi 6 có bổ sung các phép tính cộng một số (1, 2, 3, 4, 5, 6) với số 0, với hình thức vui như một trò chơi (đọc theo hàng hoặc theo cột).

3. **HS thực hiện HĐ6 trong SHS.** HĐ này là sự tích hợp tính cộng với so sánh hai số. Các bước:

– Sau khi nghe GV đọc giúp lệnh của HĐ6, HS tự suy nghĩ, tự thực hiện điền dấu vào ô tròn trong 2 + 2 ◯ 7 trong vở.

– Một số HS nói việc mình đã làm và kết quả. *GV gợi ý, dẫn dắt HS thảo luận để nhận ra cách tìm dấu điền vào ô tròn:* ***tính 2 + 2 = 4, so sánh 4 và 7 thấy 4 < 7, điền dấu < vào ô tròn.***

– HS tự thực hiện các phần còn lại, viết vào vở. *GV theo dõi từng HS, gợi ý giúp HS còn lúng túng, nhắc HS vận dụng bảng cộng đã thuộc.*

– Một số HS được chỉ định điền dấu vào ô trên bảng (*GV viết sẵn*), giải thích theo từng bước như đã thảo luận. Nếu không có HS nào có nhận xét đặc biệt về trường hợp 5 + 1 ◯ 5 thì *GV gợi ý* để HS thấy **không cần phải tính 5 + 1 = 6 cũng so sánh được 5 + 1 > 5.**

Kết quả đúng:

2 + 2 < 7

5 + 1 > 5

0 + 3 = 3

6 + 0 > 4 + 1

timdapan.com

Cộng bằng cách đếm tiếp

MỤC TIÊU

Biết đếm tiếp để tìm kết quả của phép tính cộng.

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Đếm tiếp.

Cộng bằng cách đếm tiếp

1 **Hãy cộng bằng cách đếm tiếp.**

a. 3 + 3 = ?

3 4 5 6

Vậy 3 + 3 = 6

6 + 2 = 5 + 4 =

b. 3 + 4 = ?

3 4 5 6 7

Vậy 3 + 4 = 7

2 + 4 = 4 + 4 =

50

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS trả lời câu hỏi **"Có tất cả bao nhiêu?"**. Ví dụ: GV yêu cầu và HS thực hiện: **"Tổ 1 cho cô mượn 5 chiếc bút!"**, **"Tổ 2 cho cô mượn 3 chiếc bút!"**; HS tự trả lời câu hỏi: **"Cả hai tổ đã cho cô mượn tất cả bao nhiêu chiếc bút? Hãy nói cách tính ra kết quả đó!"**. Một số HS nói câu trả lời trước lớp, HS khác nhận xét. *HS trả lời "đếm tất cả các bút của hai tổ cho cô mượn" hoặc cách nêu phép tính 5 + 3 và kết quả đều được chấp nhận.*

GV giới thiệu bài mới: Để biết hai nhóm vật có tất cả bao nhiêu vật thì ta cộng hai số lượng vật của hai nhóm, để biết kết quả cộng thì ta đếm tất cả các vật của hai nhóm đó. Bài học hôm nay chúng ta sẽ biết một cách đếm nhanh gọn để tìm kết quả cộng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. (Cặp đôi) **Tiếp cận cách đếm tiếp.** Các bước:

– HS quan sát tranh, nghe GV đọc câu thoại giữa hai bạn rồi mô tả lại tình huống tranh.

– Cặp đôi HS thảo luận để trả lời câu hỏi: **"Bạn gái đã đếm thế nào? Vì sao lại đếm như vậy?"**. Đại diện cặp đôi được chỉ định trả lời, HS khác nhận xét.

GV chốt: **Đã biết trên giá có 4 quyển sách nên khi xếp thêm 2 quyển sách vào thì chỉ cần bắt đầu từ 4 đếm tiếp là 5, 6 sẽ biết có tất cả 6 quyển sách.**

2. (Cá nhân) **Tiếp nhận cách tìm kết quả phép tính cộng bằng đếm tiếp.** Các bước:

– HS tự trả lời câu hỏi: **"Để trả lời câu hỏi của bạn trai thì phải làm phép tính nào?"**. Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp. Trả lời đúng: **"4 + 2"**.

– HS quan sát sơ đồ 4 5 6, nghe GV giới thiệu: ***Sơ đồ này thể hiện trong ngăn đã có 4 quyển sách, bạn gái đếm tiếp 2 quyển được xếp thêm vào, được tất cả 6 quyển sách.***

GV vừa nói vừa thao tác mẫu để chốt: ***Như vậy để tính kết quả 4 + 2, ta có cách đếm tiếp như sau:***

Bắt đầu từ 4*, coi như đã có 4 vật,* ***đếm tiếp thêm 2 vật nữa*** *(lấy ra 2 vật).*

Đếm tiếp: (cầm một vật và đếm) ***5***, (cầm vật tiếp theo và đếm) ***6*** (hết). ***Kết quả là 4 + 2 = 6.***

timdapan.com

c. 5 + 3 = ?

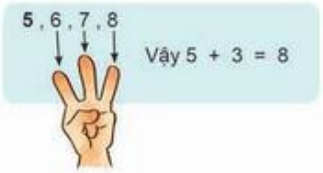

6 + 3 = 7 + 2 =

2 Xem tranh rồi nêu số.

a.

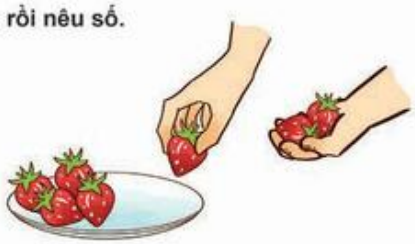

4 + ? = ?

Thêm vào 3 quả thì đĩa có ? quả.

b.

7 + ? = ?

Sau khi được An cho, bạn Nam có tất cả ? viên bi.

51

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Hiểu đếm tiếp là thế nào.**
- **Nhận ra: để tìm nhanh được kết quả phép tính cộng a + b thì bắt đầu từ số a đếm tiếp b bước nữa.**
- **Biết đếm tiếp bằng cách dùng mô hình số (hình vuông, que tính, ngón tay,...).**
- **Biết nói kết quả của phép tính cộng sau khi đếm tiếp.**

– HS thực hiện theo từng thao tác đếm tiếp để tính 4 + 2 và lặp lại thêm một số lần nữa.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

(Cá nhân, cặp đôi) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ1 nhằm cho HS thực hành đếm tiếp để tìm kết quả phép tính cộng. Các bước phần **a**:

– HS xem dòng tính mẫu 3 + 3, tự trả lời câu hỏi: **"Em thấy trong sách đã làm gì để tìm được 3 + 3 = 6?"**. Một số HS trả lời trước lớp. *GV gợi ý để HS trả lời được: tính 3 + 3 bằng cách đếm tiếp.*

– Cặp đôi thao tác cho nhau xem đếm tiếp bằng những hình vuông trong Bộ đồ dùng học toán để tính 3 + 3 = 6.

– HS tự thực hiện các thao tác đếm tiếp để tính các phép tính cộng tiếp theo trong phần **a**. *GV theo dõi từng HS để biết tình hình và giúp HS nào còn chưa vững.*

– Với mỗi phép tính, một số HS thực hiện rành mạch từng thao tác đếm tiếp trước lớp, viết kết quả trên bảng. HS khác nhận xét, sửa đến khi ở trên bảng và vở của HS đã đúng.

Hoạt động với phần **b** dùng que tính và phần **c** dùng ngón tay tương tự như phần **a** nhưng tốc độ nhanh dần lên.

GV đánh giá mỗi HS về việc cộng bằng cách đếm tiếp qua thực hiện thao tác ở HĐ1.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HS thực hiện HĐ2 trong SHS. *GV đọc cho HS nghe lệnh của HĐ này.*

a. HS quan sát tranh, GV gợi ý để HS nhận ra trên đĩa đã có 4 quả, xếp thêm 3 quả nữa vào đĩa thì trên đĩa có tất cả 4 + 3 quả. Muốn tính 4 + 3 thì đếm tiếp (4, 5, 6, 7) hoặc đếm từ đầu (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7).

Điền số: 4 + 3 = 7

Thêm vào 3 quả thì đĩa có 7 quả.

b. Sau khi HS tự suy nghĩ, *GV có thể phải gợi ý để các HS nhận ra Nam đã có 7 viên bi. Nam được cho thêm 3 viên nữa thì Nam có 7 + 3 viên bi. Muốn tính tất cả số bi Nam có sau khi được An cho thêm 3 viên thì **bắt đầu từ 7 đếm tiếp thêm 3 viên nữa** (đếm tiếp bằng ngón tay: 7, 8, 9, 10).*

Trả lời: Sau khi được An cho, bạn Nam có tất cả 10 viên bi.

timdapan.com

Cộng trong phạm vi 9

MỤC TIÊU

Biết cộng thành thạo hai số có kết quả trong phạm vi 9.

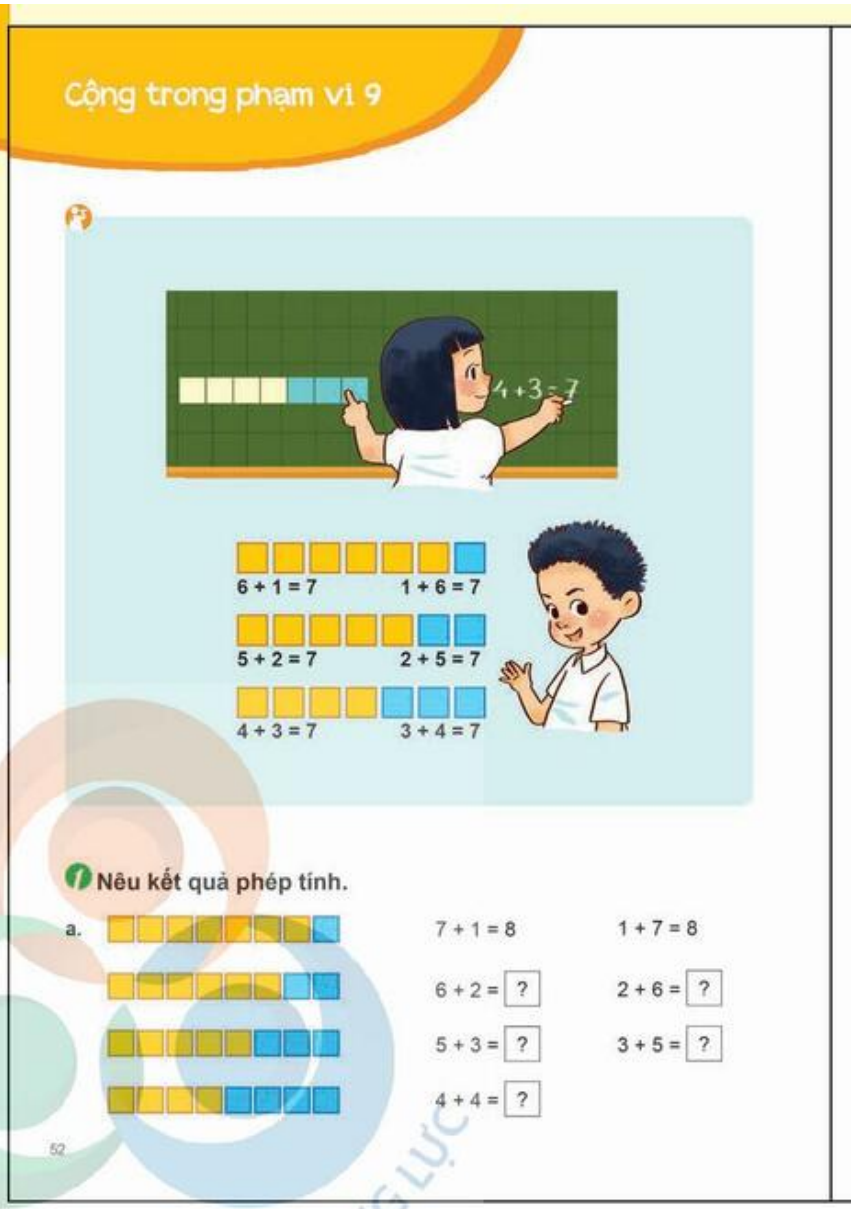

Tổ chức
HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS trả lời câu hỏi **"Có tất cả bao nhiêu?"**. Ví dụ: *GV chuẩn bị 3 hộp kín, lần lượt các hộp đựng 4, 6, 5 đồ vật, và một số đồ vật bên ngoài hộp.* Ba HS được chỉ định lần lượt lên lấy 3, 1, 2 đồ vật cho thêm vào hộp. Mỗi lần như vậy HS nghe và tự trả lời câu hỏi: **"Trong hộp đã có 4 (6, 5) đồ vật, cho thêm vào 3 (1, 2) đồ vật nữa thì có tất cả bao nhiêu đồ vật?"**, một số HS trả lời trước lớp và viết phép tính trên bảng, nói cách tính theo yêu cầu của GV. HS khác và GV xác nhận cách tính đúng (cách đếm tiếp là cách hợp lí hơn cả).

GV giới thiệu bài mới: Hôm nay chúng ta sẽ lập bảng cộng gồm các phép tính cộng có kết quả trong phạm vi 9.

Tổ chức
HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

(Hoạt động chung cả lớp)

GV vẽ hoặc gắn sẵn trên bảng.

HS thi đua lên viết nhanh, đủ các phép tính cạnh mỗi hình (như trong khung Khám phá) đến khi đúng.

HS nhận xét đặc điểm chung của các phép tính này (các phép tính đều có kết quả bằng 7).

Tổ chức
HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS tự viết kết quả là 8, là 9 của phép tính cộng theo mô hình bên cạnh. *GV vẽ hoặc gắn sẵn trên bảng các hình vuông (mô hình) và phép tính cộng như trong sách.*

   Các bước:

   – HS nghe GV đọc lệnh của HĐ1, tự tìm rồi nêu kết quả các phép tính vào vở.

   – Một số HS viết trên bảng các phép tính theo mô hình, ví dụ: 7 + 1 = 8, 1 + 7 = 8. GV và cả lớp xác nhận khi đã đúng, HS viết sai sửa bài. *GV theo dõi từng cá nhân xem đã viết, sửa đúng chưa, có thể hướng dẫn HS viết cho đúng.*

   – HS đọc to, thầm rồi thuộc các phép tính cộng có kết quả bằng 7, bằng 8, bằng 9. HS thi đua đọc thuộc các bảng này trước lớp.

timdapan.com

b.

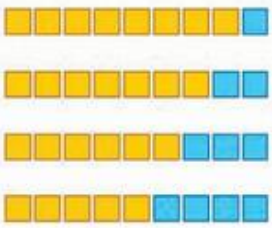

8 + 1 = ?	1 + 8 = ?
7 + 2 = ?	2 + 7 = ?
6 + 3 = ?	3 + 6 = ?
5 + 4 = ?	4 + 5 = ?

2 **Đọc kết quả phép tính theo mỗi hàng, mỗi cột.**

1 + 1 = 2	1 + 2 = 3	1 + 3 = 4	1 + 4 = 5	1 + 5 = 6	1 + 6 =	1 + 7 =	1 + 8 =
2 + 1 = 3	2 + 2 = 4	2 + 3 = 5	2 + 4 = 6	2 + 5 =	2 + 6 =	2 + 7 =	
3 + 1 = 4	3 + 2 = 5	3 + 3 = 6	3 + 4 =	3 + 5 =	3 + 6 =		
4 + 1 = 5	4 + 2 = 6	4 + 3 =	4 + 4 =	4 + 5 =			
5 + 1 = 6	5 + 2 =	5 + 3 =	5 + 4 =				
6 + 1 =	6 + 2 =	6 + 3 =					
7 + 1 =	7 + 2 =						
8 + 1 =							

3 **Chỉ ra kết quả của mỗi phép tính.**

a.

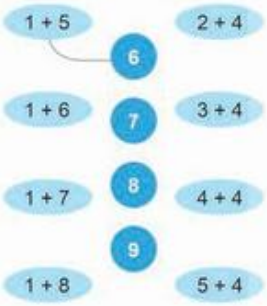

b.

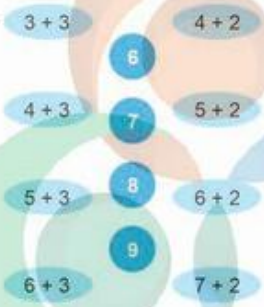

53

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Thành thạo việc viết phép tính cộng có kết quả bằng 7, bằng 8, bằng 9 theo mô hình.**
- **Nhận biết đặc điểm bảng cộng trong phạm vi 9 và thuộc bảng này.**
- **Từ hình ảnh trực quan biết 0 + 9 = 9, 8 + 0 = 8, 7 + 0 = 7, ...**

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ2 nhằm cho HS nhận ra việc mở rộng bảng cộng từ phạm vi 6 ra phạm vi 9, nhận ra quy luật sắp xếp của bảng để từ đó dễ nhớ; đồng thời đây cũng là thêm một cơ hội để HS thuộc các phép tính cộng trong phạm vi 9. Các bước:

– HS tự điền kết quả từng phép tính, viết vào vở. *GV theo sát từng HS để xem mức độ thuộc các phép tính của HS, có thể gợi ý HS đối chiếu với kết quả ở HĐ1 xem đúng chưa, nếu sai thì sửa.*

– Một số HS được chỉ định viết trên bảng đến khi được GV và cả lớp xác nhận đúng.

– HS tự học thuộc các phép tính theo hàng, theo cột của bảng. Lần lượt HS đọc phép tính trước lớp, *GV hướng dẫn HS học thuộc bằng cách che kết quả của từng hàng, từng cột để HS nói kết quả.*

– HS trả lời trước lớp các câu hỏi mà *GV nêu tương tự như bóng nói (đây cũng là một cách nhớ các phép tính và cách sắp xếp bảng cộng).*

3. **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS tự kiểm tra mức độ thuộc kết quả những phép tính cộng trong phạm vi 9 của mình. Các bước:

– HS tự vẽ đường nối trong vở. *GV theo sát từng HS để xem mức độ thuộc kết quả các phép tính của HS, chú ý giúp những HS chậm và thiếu tập trung.*

– Một số HS được chỉ định nói trước lớp và vẽ đường nối phép tính với kết quả trên bảng *(GV đã viết, vẽ sẵn trên bảng như trong SHS).*

Kết quả đúng:

a. b.

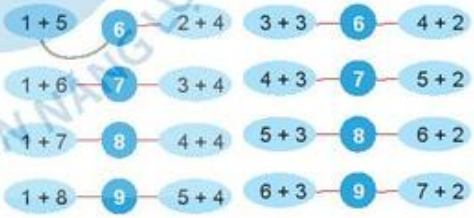

4. **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS nhớ: đổi chỗ hai số trong phép tính cộng thì kết quả không thay đổi. Các bước như các HĐ khác. HS tự vẽ đường nối từng cặp phép tính có kết quả bằng nhau vào vở. GV đánh giá HS qua sản phẩm học tập này. Kết quả đúng:

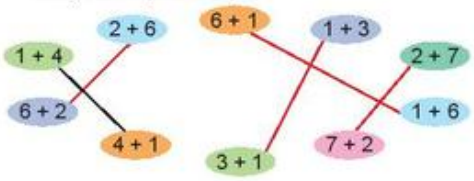

Tiết 1 kết thúc ở đây.

timdapan.com

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ5 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS vận dụng việc thuộc bảng cộng trong phạm vi 9 để điền số vào ô. Đây cũng là HĐ để hoạt hoá kiến thức, khởi động tiết 2. Các bước:

– Lần lượt các HS đọc bảng cộng trong phạm vi 9 theo yêu cầu của GV, ví dụ đọc theo hàng: các phép tính cộng có số đầu tiên là 4 (ví dụ 4 + 1 = 5, 4 + 2 = ..., ...).

– HS tìm hiểu nội dung HĐ qua mẫu.

– HS tự nhẩm bảng cộng để tìm kết quả mỗi phép tính, ví dụ: tìm kết quả 4 + 5 có thể **nhẩm theo cột: 1 + 5 = 6, 2 + 5 = 7, 3 + 5 = 8, 4 + 5 = 9**. *GV theo dõi từng HS để biết tình hình và giúp HS chưa biết vận dụng việc thuộc bảng cộng tương tự như trên, hoặc gợi ý HS dùng cách đếm tiếp nếu chưa thuộc bảng cộng.*

– HS thi đua điền số trên bảng *(GV treo tranh hoặc vẽ sẵn trên bảng như trong SHS)*. GV và cả lớp xác nhận khi đã đúng.

Kết quả đúng:

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ6 trong SHS**. HĐ này trước hết cho HS tiếp tục làm quen giải quyết vấn đề trả lời câu hỏi dạng "Có tất cả bao nhiêu?" (Xác định: tất cả có hai nhóm vật nào, số lượng vật mỗi nhóm, ý nghĩa phép tính cộng hai số lượng của hai nhóm, kết luận). HS **vận dụng việc thuộc bảng cộng để tính ra ngay kết quả**. Các bước:

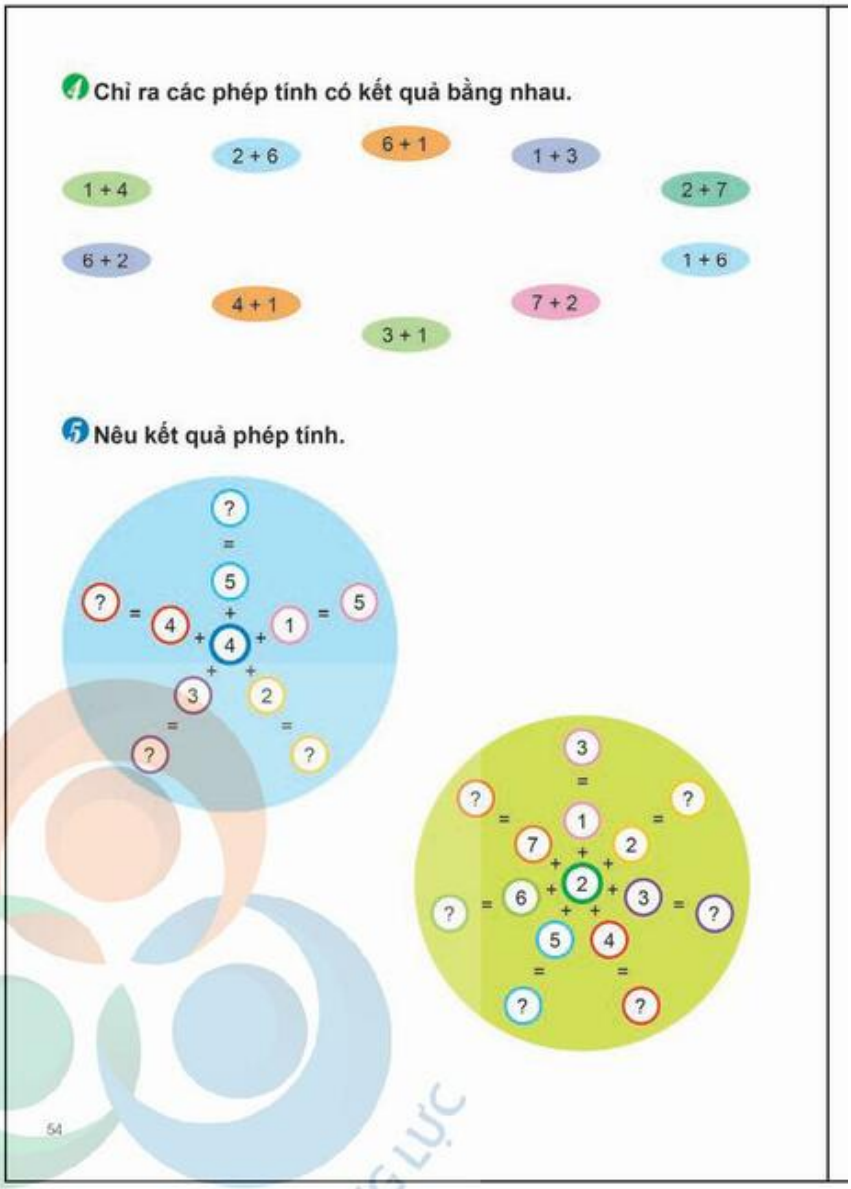

a.

– HS tìm hiểu, biết nội dung tình huống theo tranh và bóng nói, biết lệnh nêu số thay vào mỗi ô $\boxed{?}$ *(GV đọc bóng nói, lệnh cho HS nghe)*. Một số HS nói trước lớp nội dung đó. Nội dung cần nói: bạn gái tặng Minh 5 quyển truyện, bạn trai tặng Minh 3 quyển truyện. Hai bạn tặng Minh tất cả bao nhiêu quyển?

– HS tự nói phép tính để tìm số lượng quyển truyện cả hai bạn tặng Minh, từ đó biết viết số vào mỗi ô $\boxed{?}$. *GV theo dõi từng HS, gợi ý giúp HS chưa xác định được ngay phép tính, nhắc HS vận dụng bảng cộng đã thuộc hoặc đếm tiếp để tính.*

– Một số HS được chỉ định viết trên bảng đến khi GV và cả lớp xác nhận đã đúng. Phép tính đúng: 5 + $\boxed{3}$ = $\boxed{8}$. Kết luận đúng: Minh được tặng tất cả $\boxed{8}$ quyển truyện.

– HS tự trả lời câu hỏi. Một số HS trả lời trước lớp đến khi GV và cả lớp xác nhận đã đúng: Minh được tặng tất cả 8 quyển truyện.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

timdapan.com

Xem tranh rồi nêu số.

a.

5 + ? = ?

Minh được tặng tất cả ? quyển truyện.

b.

0 + ? = ?

Cả hai bình có ? bông hoa.

c.

8 + ? = ?

Hai cốc có tất cả ? kẹo mút.

55

b và **c.** Tương tự như a, đồng thời để HS **nhận ra có phép tính cộng của một số (8, 9) với số 0 và tự tìm kết quả cũng như rút ra quy luật chung về kết quả của các phép tính dạng này.** HS tự viết phép tính đúng và kết luận vào vở:

b. 0 + 9 = 9

Cả hai bình có 9 bông hoa;

c. 8 + 0 = 8

Hai cốc có tất cả 8 kẹo mút.

Sau cùng, GV gợi ý để HS nhận xét được: kết quả của phép tính cộng một số (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9) với số 0 là chính số đó.

Chốt bài: GV tổ chức cho HS đọc bảng cộng trong phạm vi 9 có bổ sung các phép tính cộng một số (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9) với số 0, với hình thức vui như một trò chơi (đọc theo hàng hoặc theo cột).

timdapan.com

Cộng trong phạm vi 10

MỤC TIÊU

Biết cộng thành thạo hai số có kết quả trong phạm vi 10.

Cộng trong phạm vi 10

Tiếp theo là các phép tính nào?

1 Đọc kết quả phép tính theo mỗi hàng, mỗi cột.

1 + 1 = 2	1 + 2 = 3	1 + 3 = 4	1 + 4 = 5	1 + 5 = 6	1 + 6 = 7	1 + 7 = 8	1 + 8 = 9	1 + 9 =
2 + 1 = 3	2 + 2 = 4	2 + 3 = 5	2 + 4 = 6	2 + 5 = 7	2 + 6 = 8	2 + 7 = 9	2 + 8 =	
3 + 1 = 4	3 + 2 = 5	3 + 3 = 6	3 + 4 = 7	3 + 5 = 8	3 + 6 = 9	3 + 7 =		
4 + 1 = 5	4 + 2 = 6	4 + 3 = 7	4 + 4 = 8	4 + 5 = 9	4 + 6 =			
5 + 1 = 6	5 + 2 = 7	5 + 3 = 8	5 + 4 = 9	5 + 5 =				
6 + 1 = 7	6 + 2 = 8	6 + 3 = 9	6 + 4 =					
7 + 1 = 8	7 + 2 = 9	7 + 3 =						
8 + 1 = 9	8 + 2 =							
9 + 1 =								

2 Chỉ ra các phép tính có kết quả bằng 10.

4 + 5 9 + 1 2 + 8 5 + 5 6 + 4 3 + 7 8 + 1

56

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS trả lời câu hỏi **"Có tất cả bao nhiêu?"**. Ví dụ: *GV chuẩn bị 5 hộp kín, lần lượt các hộp đựng 5, 6, 7, 8, 9 đồ vật, và một số đồ vật bên ngoài hộp.* Năm HS được chỉ định lần lượt lên lấy 5, 4, 3, 2, 1 đồ vật cho thêm vào hộp. Mỗi lần như vậy HS nghe và tự trả lời câu hỏi: "**Trong hộp đã có 5** (*6, 7, 8, 9*) **đồ vật, cho thêm vào 5** (4, 3, 2, 1) **đồ vật nữa thì có tất cả bao nhiêu đồ vật?**", một số HS trả lời trước lớp và viết phép tính trên bảng, nói cách tính theo yêu cầu của GV. HS khác và GV xác nhận cách tính đúng (cách đếm tiếp là cách hợp lí hơn cả).

GV giới thiệu bài mới: Hôm nay chúng ta sẽ lập bảng cộng gồm các phép tính cộng có kết quả trong phạm vi 10.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. (Hoạt động chung cả lớp) **HS viết các phép tính theo mỗi thanh hình vuông.** *GV vẽ hoặc gắn sẵn trên bảng các thanh hình vuông*

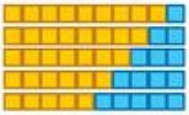

Các bước:

– HS tự nói các phép tính theo mỗi thanh hình vuông. GV theo dõi từng HS xem HS đã tính thế nào, giúp HS chậm.

– HS thi đua lên viết nhanh, viết đúng, đủ các phép tính. HS khác nhận xét.

– Một số HS nói cách tính. Cách tính: Đếm tất cả số hình vuông trên thanh.

2. **HS đọc, học thuộc các phép tính cộng có kết quả là 10.** *GV lựa chọn cách tổ chức thích hợp.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ1 nhằm cho HS xếp mỗi phép tính cộng có kết quả bằng 10 vào đúng chỗ, việc này để củng cố thêm về quy luật sắp xếp các phép tính của bảng cộng trong phạm vi 10. *GV gắn hoặc vẽ trên bảng các ô phép tính như trong sách.* Các bước:

– HS tự viết kết quả phép tính vào mỗi ô trống, viết trong vở. *GV theo dõi từng HS, gợi ý về quy luật xếp cho những HS còn lúng túng.*

– Một số HS lên viết (xếp) phép tính trên bảng. HS khác nhận xét, *GV khẳng định khi HS đã xếp đúng.*

– HS học thuộc bảng theo điều khiển của GV như các bài trước.

timdapan.com

3 Tìm số.

8 + ? = 10 8 + ? = 9 9 + ? = 10

9 + ? = 9 7 + ? = 9

4 Theo phép tính, hãy xếp đủ số | vào mỗi □. Nói kết quả phép tính.

10 + 0 =

5 Xem tranh rồi nêu số.

7 + ? = ?

Nhà Nam có tất cả ? con gà.

57

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Thành thạo việc viết phép tính cộng có kết quả bằng 10 theo mô hình.**
- **Nhận biết đặc điểm bảng cộng trong phạm vi 10 và thuộc bảng này.**
- **Từ hình ảnh trực quan biết 10 + 0 = 10.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

2. **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS tự kiểm tra mức độ thuộc bảng cộng trong phạm vi 10, đặc biệt các phép tính cộng có kết quả bằng 10. *GV đã gắn hoặc vẽ sẵn trên bảng các phép tính như trong SHS.* Các bước:

– HS tự đánh dấu vào phép tính có kết quả bằng 10. *GV theo dõi đánh giá từng HS.*

– Một số HS đánh dấu trên bảng. HS khác nhận xét, HS sai sửa bài. Kết quả:

2 + 8 9 + 1 6 + 4 3 + 7 5 + 5

3. **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ này với mục tiêu tương tự như HĐ2 nhưng ở mức cao hơn ở chỗ HS phải rất thuộc bảng cộng thì mới điền nhanh và đúng số vào □ trong phép tính cộng có kết quả cho trước. *GV đã gắn hoặc vẽ sẵn các phép tính trên bảng như trong SHS. Các bước tương tự HĐ2.* Kết quả:

8 + 2 = 10 8 + 1 = 9 9 + 1 = 10

9 + 0 = 9 7 + 2 = 9

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS vận dụng kĩ năng tạo tình huống tương ứng với phép tính cho trước, từ đó tìm được kết quả phép tính, nhận biết kết quả 10 cộng 0 là 10. Các bước:

– HS nghe GV nêu nhiệm vụ của HĐ này, chú ý phép tính trên hình, tự vẽ | vào mỗi khung hình trong vở với số lượng thích hợp (Khung bên trái 10 |, khung bên phải không có |. *GV theo dõi từng HS, gợi ý cho những HS còn lúng túng.*

– Một vài HS thực hiện trên bảng, HS khác nhận xét cho đến khi đúng. HS sai sửa bài.

– HS nói kết quả: "10 cộng 0 bằng ...".

2. **HS thực hiện HĐ5 trong SHS.** HĐ này trước hết cho HS tiếp tục làm quen giải quyết vấn đề trả lời câu hỏi dạng "Có tất cả bao nhiêu?", đồng thời cho HS vận dụng bảng cộng có kết quả là 10. Các bước: tương tự như các HĐ loại này.

Phép tính đúng: 7 + 3 = 10 với 7 là số con gà đang ăn trong hình vẽ, 3 là số con gà chưa về (không nhìn thấy). Trả lời: Nhà Nam có tất cả 10 con gà.

timdapan.com

Cộng ba số

MỤC TIÊU

- **Nhận biết tình huống gộp 3 nhóm vật hoặc thêm vào một nhóm vật hai nhóm vật khác nữa. Hiểu rằng số lượng vật của cả 3 nhóm là kết quả phép tính cộng của 3 số lượng.**
- **Cộng thành thạo 3 số có kết quả trong phạm vi 10.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS trả lời câu hỏi **"Có tất cả bao nhiêu?"**. Ví dụ: HS thi **lấy hình nhanh, trả lời nhanh**. Từng nhóm HS thực hiện theo lệnh của GV như sau:

Bước 1: HS lấy 3 nhóm hình vuông gồm nhóm màu vàng 4 hình, nhóm màu đỏ 2 hình và nhóm màu xanh 3 hình dán vào bảng con.

Bước 2: Trả lời câu hỏi **"Ba nhóm có tất cả bao nhiêu hình vuông?"**. Nhóm HS thực hiện xong bước 1 thì giơ hình lên, *GV khen nhóm nhanh nhất và khen nhóm biết phân công hợp tác* (ví dụ nhóm đã phân công mỗi HS lấy một nhóm hình). GV xác nhận nhóm lấy đúng số hình. Đại diện từng nhóm HS trả lời câu hỏi và cách tìm kết quả. *GV khen nhóm trả lời đúng.*

GV giới thiệu bài học mới: Chúng ta đã biết cộng hai số. Bài học hôm nay chúng ta sẽ học cộng ba số.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. (Cá nhân) **HS nhận biết tình huống trong tranh Khám phá.** Các bước:

– HS quan sát tranh và nghe GV đọc từng bóng nói để thấy rõ có ba nhóm HS và số lượng HS mỗi nhóm đã vào thư viện trường. HS nói lại điều này.

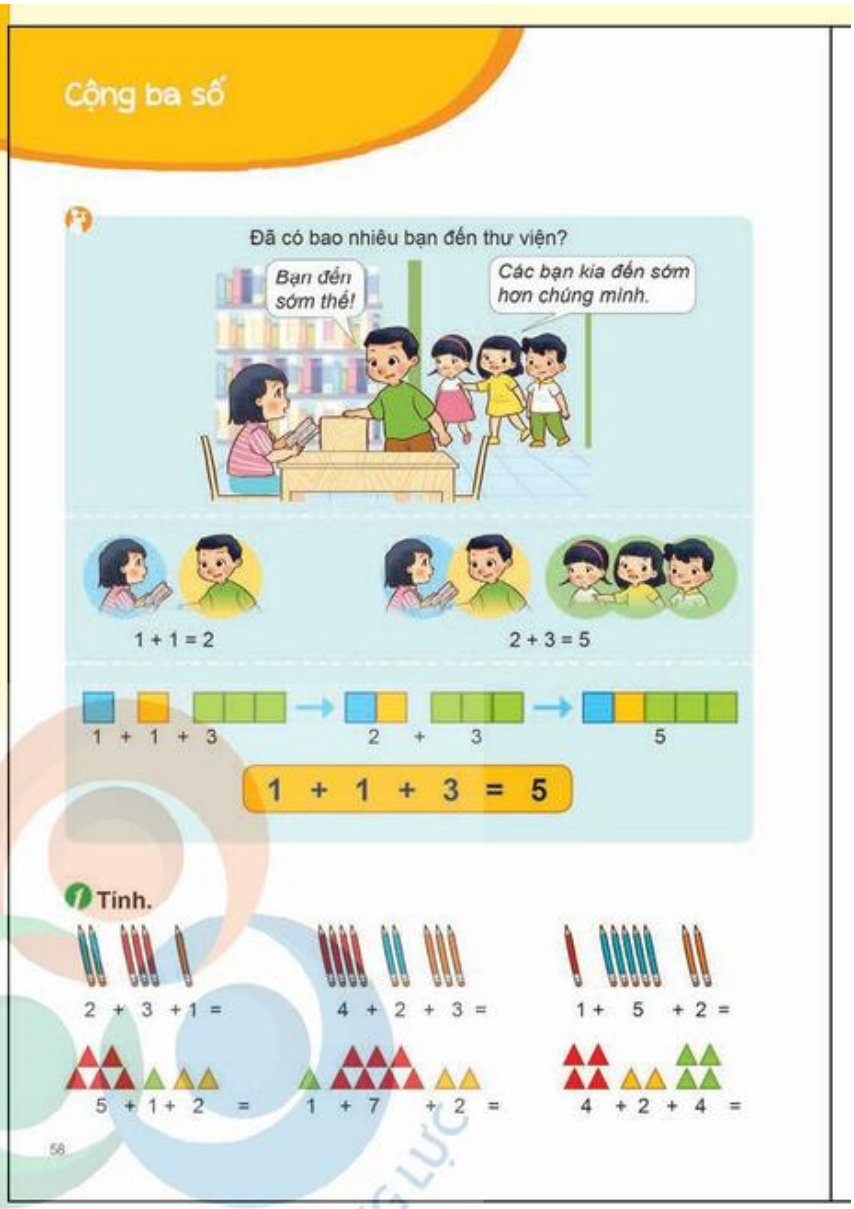

– HS tự trả lời câu hỏi **"Có tất cả bao nhiêu HS vào thư viện?"**. Một số HS trả lời trước lớp, nói cách tìm ra kết quả theo yêu cầu của GV (Cách tìm kết quả hoàn toàn bằng việc đếm cũng được chấp nhận). GV và cả lớp nhận xét các cách tìm kết quả mà HS đã nêu.

2. **HS nhận biết thế nào là cộng ba số.** Các bước:

– HS tự viết phép tính, trả lời lần lượt từng câu hỏi: "Nhóm thứ nhất có 1 bạn, nhóm thứ hai có 1 bạn nên cả hai nhóm đầu có bao nhiêu bạn?"; "Hai nhóm đầu có 2 bạn, thêm nhóm thứ ba có 3 bạn nên ba nhóm có tất cả bao nhiêu bạn?". Một số HS nói phép tính, trả lời từng câu hỏi trước lớp.

GV gắn hoặc vẽ lên bảng ba nhóm hình *, viết 1 + 1 + 3 dưới nhóm hình như trong sách.*

– HS quan sát hình và phép tính, nghe GV giới thiệu: *Ta viết 1 + 1 + 3 để thể hiện việc tính xem ba nhóm có tất cả bao nhiêu hình vuông.* Đó là viết "phép tính cộng ba số ".

– HS tự trả lời câu hỏi: "Làm thế nào để tính ba nhóm có tất cả bao nhiêu hình vuông?". Một số HS lần lượt lên bảng trình bày cách làm. *GV gợi ý để HS nói được các bước cộng như sách:*

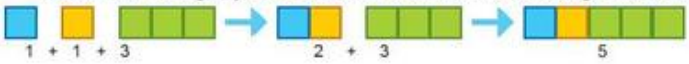

timdapan.com

2 Tính.

3 + 4 + 1 = 8

6 + 1 + 1 =

1 + 4 + 5 =

2 + 3 + 2 =

3 Xem tranh rồi nêu số.

? + ? + ? = ?

Ba nhóm có tất cả ? bạn.

VUI MỘT CHÚT

1 + 2 + 1 = 4, con thỏ 4 sẽ ăn củ cà rốt 1 + 2 + 1

Mỗi con thỏ sẽ ăn củ cà rốt nào?

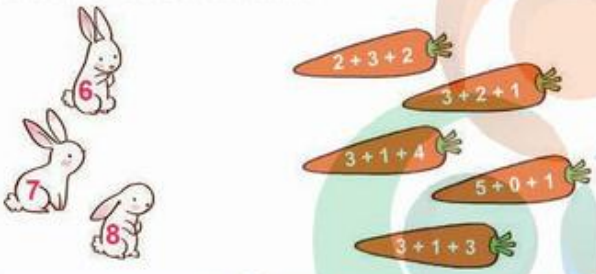

59

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Thông qua mẫu cụ thể, hiểu rằng phép tính cộng a + b + c = (a + b) + c (cộng 3 số là cộng 2 số đầu rồi cộng tiếp kết quả đó với số thứ 3).**
- **Cộng thành thạo 3 số có kết quả trong phạm vi 10.**
- **Hiểu ý nghĩa giải quyết vấn đề thực tế tương ứng với câu hỏi dạng "Ba ... (nhóm) có tất cả bao nhiêu ... (vật)?" bằng phép tính cộng ba số.**

– HS quan sát mẫu, tự nói từng bước tính 3 + 4 + 1 (như bóng nói), viết kết quả vào vở. Một số HS nói các bước tính nhẩm này trước lớp.

– HS tự tính các phép tính còn lại, viết kết quả vào vở. *GV đánh giá HS về kĩ năng cộng ba số qua sản phẩm học tập này.*

Kết quả đúng:

6 + 1 + 1 = 8 1 + 4 + 5 = 10

2 + 3 + 2 = 7

và viết kết luận.

1 + 1 + 3 = 5

GV chốt: Khi cộng ba số ta **tìm kết quả cộng hai số rồi cộng kết quả đó với số còn lại.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ1 nhằm củng cố cho HS thế nào là cộng ba số, thực hiện cộng ba số thế nào. Các bước:

– HS tự nói từng bước thực hiện phép tính cộng ba số thứ nhất. *GV theo dõi từng HS để biết mức độ hiểu cộng ba số và biết thực hiện đến đâu, giúp HS còn lúng túng.*

– Một số HS được chỉ định nói cách thực hiện trước lớp và viết kết quả trên bảng, HS khác và GV nhận xét. *Chú ý: HS cộng hai số nào với nhau trước cũng được, rồi cộng tiếp với số còn lại.*

– HS nhắc lại lời *GV chốt* ở cuối HĐ Khám phá.

– HS tự thực hiện 2 phép tính tiếp theo (tính số bút chì). 3 phép tính còn lại (tính số hình tam giác).

2. **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS tập tính kết quả phép tính cộng ba số trên cơ sở đã biết cách thực hiện cộng ba số và thuộc bảng cộng trong phạm vi 10. Cách làm:

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS tiếp tục làm quen giải quyết vấn đề trả lời câu hỏi dạng "Có tất cả bao nhiêu?", đồng thời cho HS vận dụng tính cộng ba số. Các bước tương tự như các HĐ loại này. Kết quả:

[3] + [2] + [4] = [9],

trả lời: Ba nhóm có tất cả [9] bạn.

Chú ý: Có thể đổi vị trí các số trong phép tính.

2. **HĐ VUI MỘT CHÚT.** HĐ này nhằm cho HS chơi mà học: tính nhẩm nhanh phép tính trên mỗi củ cà rốt rồi nối với con thỏ mang kết quả phép tính. GV có thể tổ chức theo hình thức thi nối nhanh trên bảng.

timdapan.com

Ôn tập 3

MỤC TIÊU

- **Thành thạo việc chuyển từ vấn đề cần giải quyết là trả lời câu hỏi dạng "Có tất cả bao nhiêu?" thành phép tính cộng (mô hình hoá).**
- **Nhuần nhuyễn kĩ năng cộng hai số, cộng ba số.**

Ôn tập 3

1 Chọn phép tính thích hợp với mỗi hình. Tính kết quả.

4 + 2 = ?
3 + 3 = ?
5 + 1 = ?
0 + 6 = ?

2 Quan sát mỗi cách xếp 5 quả hồng vào 2 đĩa rồi nêu số.

5 = 1 + 4
5 = ? + ?
5 = ? + ?
5 = ? + ?

3 Tính nhẩm.

3 + 5 = 7 + 1 = 6 + 2 = 4 + 4 =
3 + 5 + 1 = 7 + 1 + 2 = 6 + 2 + 1 = 4 + 4 + 2 =

60

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS chơi tiếp sức **Viết kết quả phép tính**: GV viết sẵn trên bảng 4 cột, số phép tính mỗi cột bằng nhau như:

1 + 3 = ...	1 + 4 = ...	1 + 5 = ...	1 + 6 = ...
2 + 3 = ...	2 + 4 = ...	2 + 5 = ...	2 + 6 = ...
3 + 3 = ...	3 + 4 = ...	3 + 5 = ...	3 + 6 = ...
4 + 3 = ...	4 + 4 = ...	4 + 5 = ...	4 + 6 = ...
5 + 3 = ...	5 + 4 = ...	5 + 5 = ...	1 + 7 = ...
6 + 3 = ...	6 + 4 = ...	1 + 8 = ...	2 + 7 = ...
7 + 3 = ...	1 + 9 = ...	2 + 8 = ...	3 + 7 = ...

Bốn đội chơi, số người các đội bằng nhau. Mỗi đội xếp thành hàng dọc, mỗi lượt HS chỉ được viết một kết quả, HS trước viết xong thì đứng xuống cuối hàng và HS sau lên viết, nếu phát hiện bạn trước viết sai thì sửa coi như một lần viết kết quả. Trong các đội **viết đúng hết các phép tính** trong cột, đội nào nhanh nhất thì thắng.

GV giới thiệu: Chúng ta đã được học về cộng trong phạm vi 10. Hôm nay chúng ta sẽ ôn luyện để tính thành thạo và vận dụng tốt trong cuộc sống.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS nhận ra tình huống gộp (thêm vào) và phép tính cộng tương ứng, đồng thời ôn các phép tính cộng có kết quả bằng 6. Các bước:

– HS quan sát tranh, phép tính và nghe GV nói lệnh, tự chọn phép tính thích hợp với tranh: nối tranh với phép tính (nối trong vở). *GV theo dõi từng HS, đánh giá HS về phần kiến thức này, giúp HS chậm.*

– *GV chiếu hoặc gắn lên bảng các tranh và các phép tính như trong SHS.* Một số HS nói trước lớp kết quả chọn phép tính thích hợp với tranh, nối tranh với phép tính trên bảng và giải thích (ví dụ: nhóm có 4 đèn ông sao và 2 đèn con cá, tất cả số đèn ông sao và đèn con cá được tính là 4 + 2). Kết quả đúng:

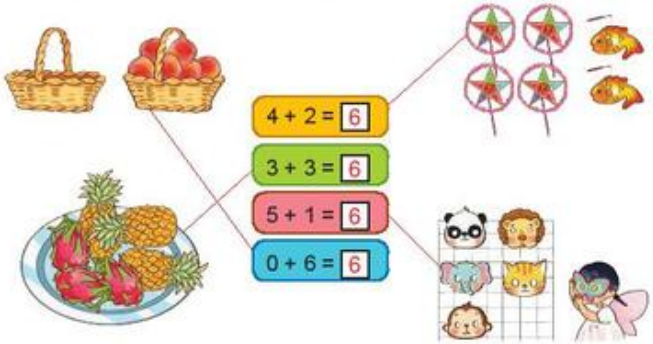

timdapan.com

4 **Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.**

a. Có tất cả bao nhiêu diễn viên?

3 + 4 = ?

b. Có tất cả bao nhiêu con vật?

4 ? 2 ? ? = ?

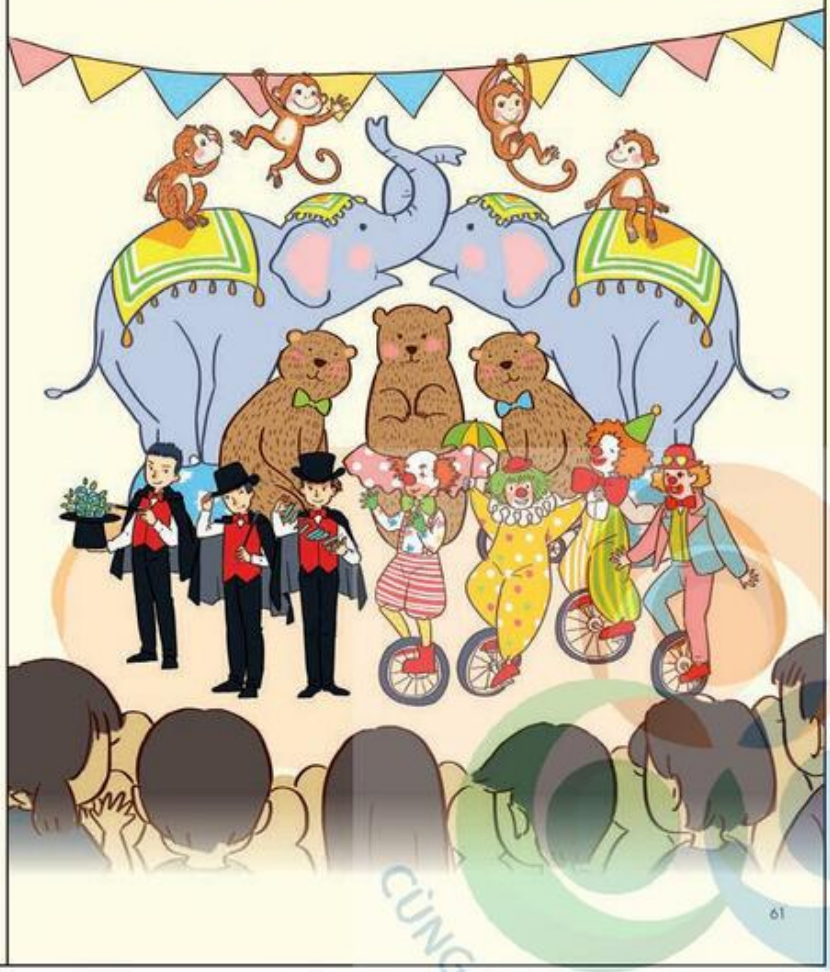

61

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Nhận dạng nhanh tình huống gộp lại, thêm vào rồi viết phép tính cộng hai số, ba số. Biết rằng phải tìm được kết quả phép tính cộng hai số hoặc ba số đó để trả lời câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?"**
- **Thành thạo tính cộng hai số, ba số trong phạm vi 10: thuộc bảng cộng hoặc đếm tiếp. Biết tính nhẩm dựa vào việc thuộc bảng cộng trong phạm vi 10.**
- **Viết được một số thành phép tính cộng của các cặp số khác nhau.**

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm ôn các phép tính có kết quả bằng 5 và luyện phân tích một số thành phép tính cộng hai số. Các bước:

– HS quan sát tranh và phép tính, tự nói nội dung tranh và liên hệ với phép phân tích 5 = 1 + 4 theo gợi ý của GV. Một số HS nói trước lớp đến khi rõ ràng: **Có 5 quả hồng, xếp 1 quả vào đĩa màu vàng, còn 4 quả xếp vào đĩa màu xanh; 5 = 1 + 4.**

– GV nói lệnh của HĐ2 để HS tự viết vào vở các phép phân tích khác tương ứng với mỗi cách xếp hồng vào đĩa. Kết quả đúng: 5 = 2 + 3; 5 = 3 + 2; 5 = 4 + 1.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS vận dụng bảng cộng có kết quả là 8, 9, 10 để nhẩm kết quả cộng hai số, cộng ba số. Các bước:

– HS tự viết kết quả 2 phép tính 3 + 5 = … và 3 + 5 + 1 = … Một số HS nói trước lớp kết quả và cách tính. *GV có thể phải gợi ý để HS nhận ra sử dụng kết quả 3 + 5 = 8 để nhẩm tiếp 8 + 1 = 9 đối với phép tính 3 + 5 + 1 = … sẽ tiện, nhanh hơn.*

– HS tự tính nhẩm cặp phép tính khác có liên quan như trên. *GV theo dõi từng HS, đánh giá HS về kĩ năng này, giúp HS chậm.*

– Một số HS nói trước lớp kết quả và cách nhẩm đến khi đúng.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS luyện tập giải quyết vấn đề trả lời câu hỏi dạng "Có tất cả bao nhiêu?", đồng thời cho HS vận dụng tính cộng hai số, ba số. Các bước tương tự như các HĐ loại này. Kết quả:

a. 3 + 4 = 7

(3 diễn viên ảo thuật và 4 chú hề),

trả lời: Có tất cả 7 diễn viên.

b. 4 + 2 + 3 = 9

(4 con khỉ, 2 con voi và 3 con gấu),

trả lời: Có tất cả 9 con vật.

3. Xem như một hoạt động ngoại khoá.

timdapan.com

CHỦ ĐỀ 4
TRỪ TRONG PHẠM VI 10

Thời gian: Học kì 1; Tuần 10 - 12; Số tiết 8.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Bài 1. Bớt đi. Phép trừ, dấu – (1 tiết)	– Tình huống bớt đi. – Phép trừ, dấu – . – Câu hỏi "Còn bao nhiêu?" và câu trả lời.	– Nhận biết được tình huống bớt đi. Biết dùng dấu – biểu thị tình huống này. – Trả lời được câu hỏi "Còn bao nhiêu?". Biết rằng sau khi bớt đi thì số vật còn lại là kết quả để trả lời câu hỏi này.	– SHS, Bài 1. – VBT, Bài 1. – Sách mềm - VBT, Bài 1. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 1. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 1. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 1. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 2. Trừ bằng cách đếm lùi (1 tiết)	– Cách đếm lùi. – Thực hiện phép trừ bằng cách đếm lùi.	– Biết dùng mô hình số để bắt đầu từ số a đếm lùi b bước để có kết quả a – b. – Biết nói kết quả của phép trừ sau khi đếm lùi.	– SHS, Bài 2. – VBT, Bài 2. – Sách mềm - VBT, Bài 2. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 2. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 2. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 2. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 3. Trừ trong phạm vi 5 (1 tiết)	– Bảng trừ trong phạm vi 5. – Phép tính trừ dạng a – a, a – 0.	– Trừ thành thạo bằng cách đếm lùi và lập được bảng trừ trong phạm vi 5. – Thuộc và sử dụng được bảng trừ này. – Nhận biết a – a = 0, a – 0 = a qua hình ảnh trực quan.	– SHS, Bài 3. – VBT, Bài 3. – Sách mềm - VBT, Bài 3. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 3. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 3. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 3. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 4. Trừ trong phạm vi 8 (2 tiết)	Bảng trừ trong phạm vi 8.	– Trừ thành thạo bằng cách đếm lùi và lập được bảng trừ trong phạm vi 8. – Thuộc và sử dụng được bảng trừ này. – Nhận biết a – a = 0, a – 0 = a qua hình ảnh trực quan.	– SHS, Bài 4. – VBT, Bài 4. – Sách mềm - VBT, Bài 4. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 4. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 4. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 4. – ĐDDT: Mô hình số.

timdapan.com

Bài 5. Trừ trong phạm vi 10 (2 tiết)	Bảng trừ trong phạm vi 10.	– Trừ thành thạo bằng cách đếm lùi và lập được bảng trừ trong phạm vi 10. – Thuộc và sử dụng được bảng trừ này. – Nhận biết a – a = 0, a – 0 = a qua hình ảnh trực quan.	– SHS, Bài 5. – VBT, Bài 5. – Sách mềm - VBT, Bài 5. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 5. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 5. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 5. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 6. Ôn tập 4 (1 tiết)	– Luyện tập về ý nghĩa của phép tính trừ qua tình huống thực tế. – Luyện tính trừ bằng cách vận dụng bảng trừ hoặc đếm lùi.	– Nhận dạng nhanh tình huống với câu hỏi "Bớt đi…thì còn lại bao nhiêu?", "Nhóm này nhiều hơn nhóm kia bao nhiêu?". Thành thạo viết phép tính trừ để trả lời. – Thành thạo phép tính trừ trong phạm vi 10. – Áp dụng vào giải quyết vấn đề thực tế.	– SHS, Bài 6. – VBT, Bài 6. – Sách mềm - VBT, Bài 6. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 6. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 6. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 6. – ĐDDT: Mô hình số.

ÔN TẬP PHẦN B

Thời gian: Học kì 1; Tuần 13; Số tiết 2.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Ôn tập chung (OTC) (2 tiết)	Ôn tập về: – Ý nghĩa của phép cộng, phép trừ thông qua các tình huống cụ thể. – Các bảng cộng, trừ trong phạm vi 10. – Các cách cộng, trừ trong phạm vi 10. Thực hiện phép tính cộng, trừ.	– Cộng, trừ thành thạo hai số đã cho trong phạm vi 10. – So sánh số phần tử của hai nhóm và xem nhóm này nhiều hơn/ít hơn nhóm kia bao nhiêu. – Tìm số chưa biết trong một mệnh đề có liên quan đến cộng và trừ. – Nhận biết và sử dụng đúng các dấu + và –. Mô tả và giải được bằng phép cộng hoặc phép trừ những tình huống đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.	– SHS, Bài OTC. – VBT, Bài OTC. – Sách mềm - VBT, Bài OTC. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài OTC. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài OTC. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài OTC. – ĐDDT: Mô hình số.

timdapan.com

Bớt đi.
Phép trừ, dấu –

MỤC TIÊU

- **Nhận biết được tình huống bớt đi. Biết dùng dấu – để biểu thị tình huống này về số lượng.**
- **Trả lời được câu hỏi "Còn lại bao nhiêu?".**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Phép trừ, dấu –

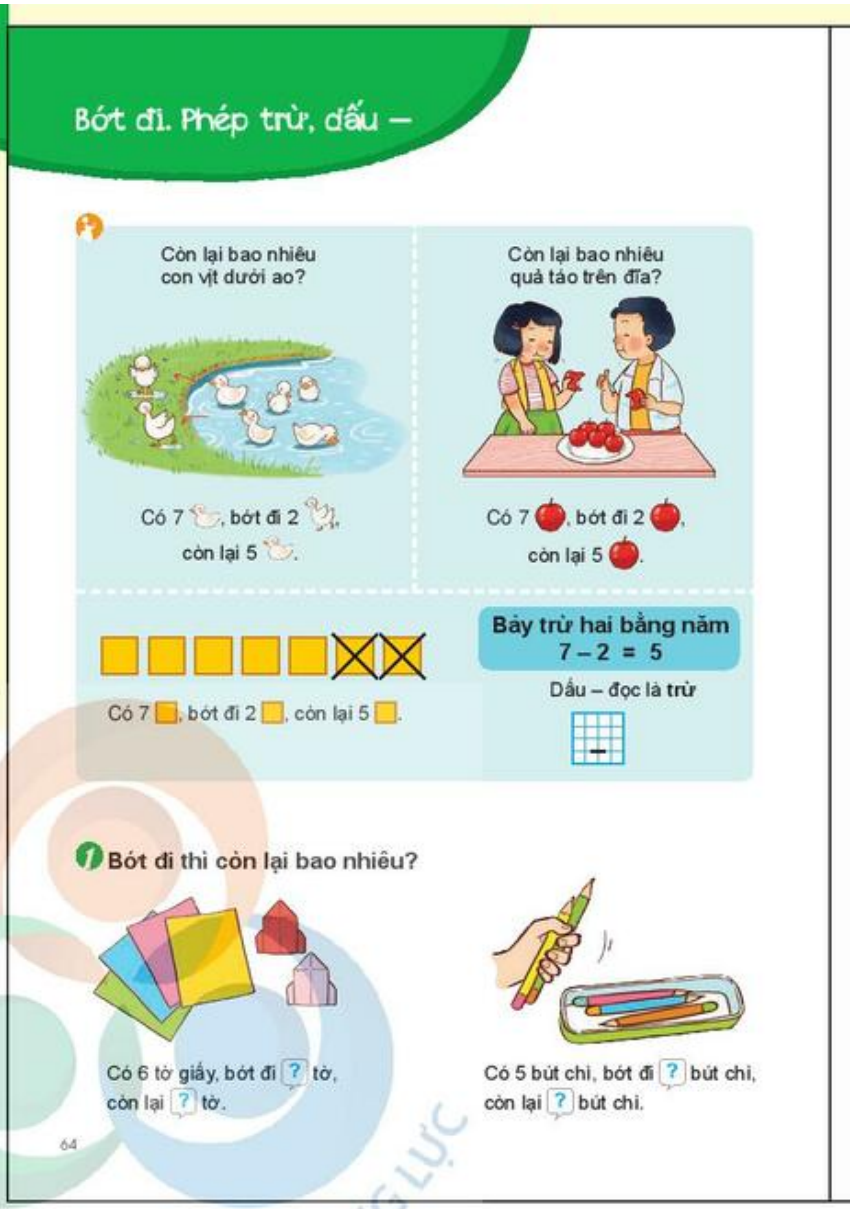

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Cá nhân)

HS trả lời câu hỏi "**Còn lại bao nhiêu?**". Ví dụ: *GV yêu cầu* và HS thực hiện lần lượt từng việc:

HS đếm và dán vào bảng con 7 hình, nói : "Có 7 hình".

HS thực hiện theo lệnh của GV: "Bỏ bớt ra 2 hình", nói: "Bớt đi 2 hình".

HS trả lời câu hỏi "**Còn lại bao nhiêu hình?**".

GV giới thiệu bài mới: Từ tình huống "Gộp lại" hoặc tình huống "Thêm vào" chúng ta có phép tính gì? (Trả lời: phép tính cộng). Từ tình huống "Bớt đi" như vừa làm thì chúng ta có phép tính gì? Bài học hôm nay ta sẽ biết điều đó.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

1. (Cá nhân) **Tìm hiểu nội dung tranh và liên hệ với tình huống "bớt đi"**. *GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.* Các bước:

– HS quan sát tranh, mô tả nội dung từng tranh.

– HS trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh.

– Sau khi một số HS được chỉ định trả lời trước lớp, *GV gợi ý để HS hiểu hai tình huống trong tranh đều là "bớt đi". Ở tranh vịt "bớt đi" là di chuyển đi, ở tranh đĩa táo "bớt đi" là đã ăn. GV yêu cầu HS nói:* **Dưới ao có 7 con vịt, bớt đi 2 con** *(đã lên bờ)*, **còn lại 5 con; Trong đĩa có 7 quả táo, bớt đi 2 quả** *(đã ăn)*, **còn lại 5 quả**. HS nhắc lại nhiều lần mỗi câu trên.

2. (Hoạt động chung cả lớp) **Khám phá và ghi nhận cách biểu thị tình huống "bớt đi" bằng mô hình số và bằng phép tính trừ.** Các bước:

– HS quan sát các hình vuông với sự chú thích của GV: *Lúc đầu có 7 hình vuông; Có 2 hình vuông bị gạch chéo thể hiện bớt đi 2 hình vuông.*

– HS mô tả tình huống "bớt đi" hình vuông. Sau khi một số HS mô tả trước lớp, *GV gợi ý để HS trả lời được như câu dưới mô hình.*

– HS nghe GV giới thiệu cách nói và cách viết phép tính trừ tương ứng với mỗi tình huống bớt đi (hình vuông, vịt, táo): **"Có 7** … (tên vật), **bớt đi 2** …(tên vật)" ta nói **"7 trừ 2"**; **"còn lại 5** … (tên vật)" ta nói "**bằng 5 ...** (tên vật)". *GV viết lên bảng (dưới các tranh tình huống):* **7 trừ 2 bằng 5**.

– HS nói lại từng tình huống rồi nói **7 trừ 2 bằng 5**.

timdapan.com

2 Nêu số.

a.

Có 4 bớt đi 2 còn ?

4 – 2 = ?

b.

Có 8 bớt đi 3 còn ?

? – ? = ?

c.

Có 7 bớt đi 3 còn ?

? – ? = ?

d.

Có 9 bớt đi 1 còn ?

? – ? = ?

3 Xem tranh rồi nêu số.

8 – ? = ?

Còn lại ? con chim đậu trên cành.

65

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Nhận biết được tình huống bớt đi.**
- **Biết biểu thị tình huống bớt đi b vật từ một nhóm có a vật dưới dạng a – b.**
- **Trả lời được câu hỏi "Còn lại bao nhiêu?". Biết rằng sau khi bớt đi, thì số vật còn lại là kết quả của phép trừ a – b và là câu trả lời cho câu hỏi "Còn lại bao nhiêu?".**

– HS quan sát dòng viết: 7 – 2 = 5 trong sách, *GV viết như vậy trên bảng*. GV có thể hỏi HS mỗi dấu –, = nghĩa là gì rồi chính thức giới thiệu nghĩa của hai dấu đó.

GV chốt: Từ tình huống "bớt đi" ta có phép tính trừ, còn lại bao nhiêu chính là kết quả (sau dấu =) của phép tính trừ đó.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cặp đôi) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ này nhằm để HS nhận ra tình huống "bớt đi" và còn lại bao nhiêu.

   Từng cặp đôi HS thảo luận để tìm số viết vào □, mỗi HS tự viết vào vở của mình. Sau khi một số cặp đôi HS được chỉ định nói số ở □, cả lớp xác nhận kết quả đúng, *GV yêu cầu HS nói lại đầy đủ mỗi tình huống, có thể hỏi thêm về phép tính theo mỗi tình huống đó (chỉ nói)*.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ2 nhằm củng cố ý niệm phép trừ và các dấu – , =. Các bước: HS quan sát tranh rồi tự viết số vào trong vở (*GV theo sát từng HS để biết tình hình và giúp đỡ HS chưa vững*); Một số HS được chỉ định viết kết quả trên bảng, giải thích theo tình huống trong tranh kèm theo, GV gợi ý để HS nói được rành mạch như a. 4 trừ 2 có nghĩa là lúc đầu có 4 khúc xương, hai chú cún gặm mất 2 khúc, còn lại 2 khúc nên 4 trừ 2 bằng 2, viết phép tính 4 – 2 = 2. HS sai thì sửa bài trong vở của mình.

3. (Cá nhân) HS tập viết dấu – trong vở theo hướng dẫn của GV.

4. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ3 nhằm để HS thể hiện đã tiếp thu đến đâu những kiến thức, kĩ năng trong bài học này: **nhận ra trong tranh tình huống lúc đầu có bao nhiêu vật, bớt đi bao nhiêu vật; phép tính trừ để tìm số vật còn lại; trả lời câu hỏi.**

   Các bước: HS tự viết số vào □ trong vở sau khi tìm hiểu tình huống và nghe GV nói yêu cầu của HĐ. *GV đánh giá từng HS qua sản phẩm học tập này cùng với trả lời câu hỏi của tình huống.*

   Kết quả đúng:

   8 – 5 = 3.

   Còn lại 3 con chim đậu trên cành.

Chốt bài: *GV đưa ra một tình huống "bớt đi" cùng câu hỏi "còn lại bao nhiêu?", yêu cầu HS* ***viết phép tính****, dùng các hình vuông để* ***thực hiện bớt đi tìm kết quả còn lại, trả lời câu hỏi****.*

timdapan.com

Trừ bằng cách đếm lùi

MỤC TIÊU

Biết tính kết quả phép tính trừ bằng cách đếm lùi.

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Đếm lùi.

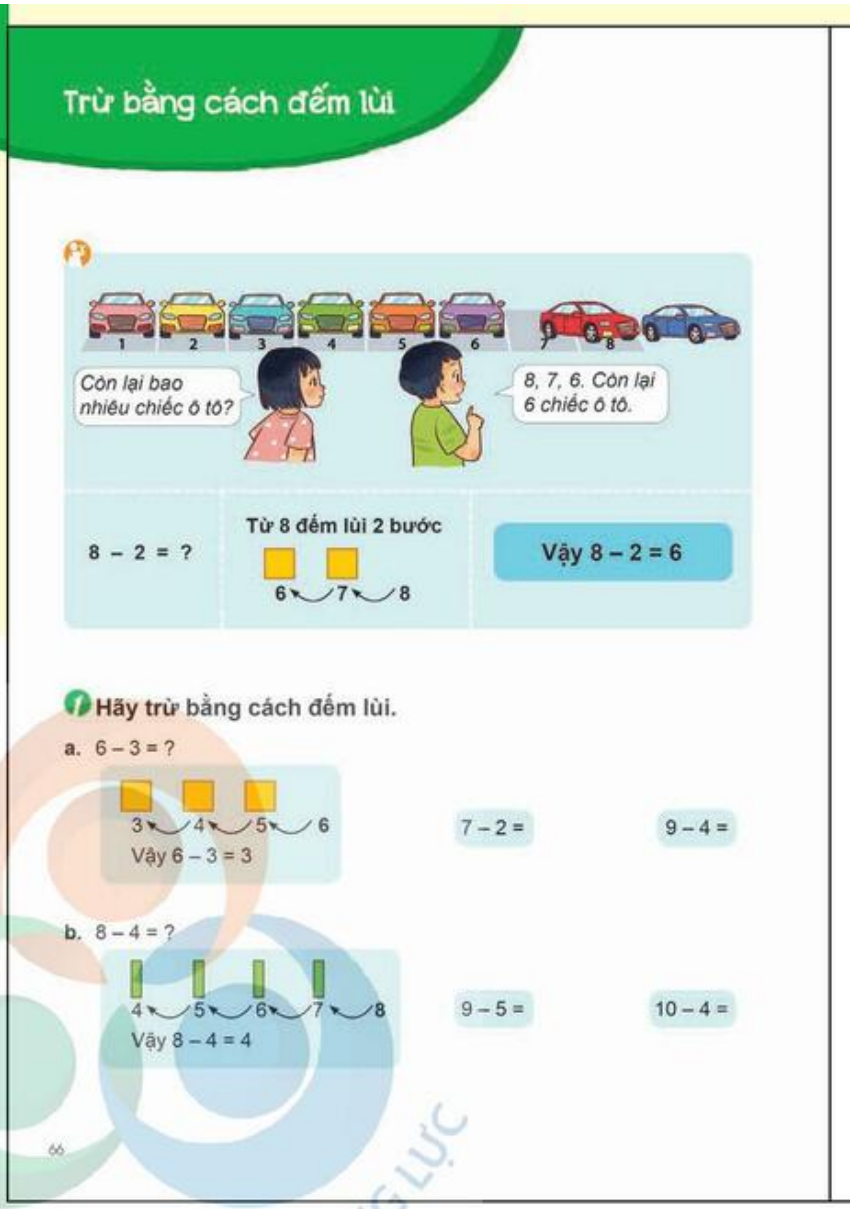

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động nhóm)

HS trả lời câu hỏi **"Còn lại bao nhiêu?"**. Ví dụ: *GV yêu cầu* và HS thực hiện lần lượt từng việc:

– Lấy 7 đồ vật cho vào đĩa (hoặc giỏ, ...), nói: **Trong đĩa (giỏ) có 7**... (tên đồ vật).

– Lấy từ trong đĩa (giỏ) 2 đồ vật bỏ ra ngoài rồi trả lời câu hỏi **"Trong đĩa (giỏ) còn lại bao nhiêu ... (tên đồ vật)?"**.

HS đại diện nhóm được chỉ định trả lời câu hỏi, nói cách tìm số đồ vật còn lại theo yêu cầu của GV. Các HS khác cùng GV xác nhận kết quả và cách làm đúng. Một HS thực hiện lại tất cả quá trình đó trên bảng. (Cách tìm kết quả theo bài học trước: **đếm số đồ vật còn lại sau khi bỏ 2 đồ vật ra ngoài.)**

GV dẫn dắt HS tiếp cận bài học mới:

– *Yêu cầu HS: viết phép tính thể hiện có 7 đồ vật, bớt đi 2 đồ vật, còn lại 5 đồ vật; nói lại cách tìm kết quả.*

– *Giới thiệu: Ta đã biết cách tìm kết quả phép trừ bằng cách đếm số vật còn lại sau khi đã bớt đi. Bài học hôm nay chúng ta sẽ biết một cách khác, đó là đếm lùi.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

1. (Cá nhân) **Khám phá cách tìm số xe ô tô còn lại bằng cách đếm lùi.** *GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.*

– HS quan sát tranh, mô tả nội dung tranh. *HS có thể đếm, nhưng GV cần hướng HS nhận biết có tất cả 8 chiếc ô tô qua việc đánh số "chuồng" từ 1 đến 8.*

– HS trả lời câu hỏi: "Bạn trai đã làm thế nào để biết còn lại 6 chiếc ô tô?".

Sau khi HS nói câu trả lời, HS khác nhận xét, bình luận, *GV có thể phải gợi ý để HS nói chuẩn câu trả lời:* **Từ chiếc ô tô thứ 8, bạn trai đếm lùi (đếm ngược) qua 2 chiếc đã đi ra, đến chiếc số 6 còn đỗ, vì vậy bạn nói còn lại 6 chiếc ô tô.**

HS trả lời câu hỏi: "Từ 8 đếm lùi mấy bước thì đến 6?". *Nếu HS trả lời sai hoặc lúng túng thì GV gợi ý: Từ 8 đếm lùi đến 7 là một bước, đếm lùi tiếp đến 6 là một bước nữa.* Câu trả lời đúng: **Từ 8 đếm lùi 2 bước thì đến 6.**

2. (Cá nhân) **Tiếp nhận cách tìm kết quả phép tính trừ bằng cách đếm lùi.**

– HS viết phép tính thể hiện có 8 chiếc ô tô, 2 chiếc đi ra, còn lại 6 chiếc.

timdapan.com

c. 10 – 3 = ?

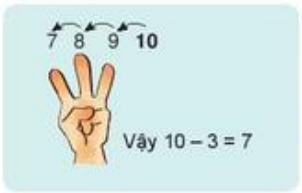

7 – 4 =

9 – 2 =

Xem tranh rồi nêu số.

a.

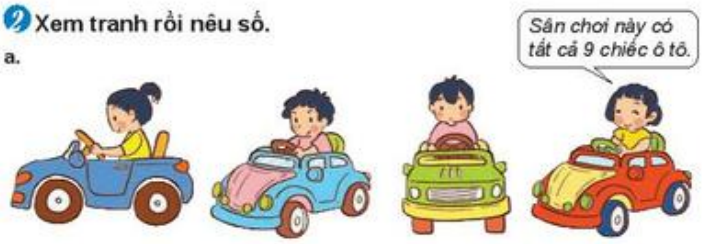

9 – 4 = ?

Còn ? chiếc ô tô nữa.

b.

8 – ? = ?

Còn lại ? cốc kem chưa ăn.

67

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Hiểu thế nào là đếm lùi.**
- **Biết dùng mô hình số để bắt đầu từ số a đếm lùi b bước để có kết quả a – b.**
- **Biết nói kết quả của phép trừ sau khi đếm lùi.**

– HS trả lời câu hỏi: "Bạn trai trong tranh đã tìm kết quả phép trừ này thế nào?". Câu trả lời đúng: **từ 8 đếm lùi 2 bước thì đến 6, kết quả 8 – 2 = 6.**

GV hướng dẫn để HS chốt các thao tác tìm kết quả phép trừ bằng cách đếm lùi: Để tìm kết quả 8 – 2 bằng cách đếm lùi thì

- *Lấy 2 vật (để đếm lùi 2 bước).*
- *Từ **8** đếm lùi 2 bước (đếm trên 2 vật) thì được 6.*
- *Kết luận (viết hoặc nói): 8 – 2 = 6.*

HS phải được thao tác vài lần để nhớ từng thao tác trên.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

(Cá nhân)

HS thực hiện HĐ1 trong SHS. HĐ này nhằm luyện cho HS thực hiện được chắc chắn các thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép trừ. Các bước với **a**:

– HS quan sát mẫu đếm lùi trên những hình vuông, để tính 6 – 3 rồi nói từng thao tác tương tự như ba thao tác đã chốt ở HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ.

– HS tự thực hiện với các phép tính khác.

GV theo sát từng HS, hướng dẫn lại cho HS chưa rõ.

*Với **b** đếm lùi trên những que tính và với **c** đếm lùi trên những ngón tay cũng tương tự như **a**.*

– *GV đánh giá mỗi HS về kĩ năng đếm lùi để tính trừ qua thực hiện thao tác ở HĐ1.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS làm quen giải quyết vấn đề trả lời câu hỏi "Còn lại bao nhiêu?" bằng phép tính trừ, tính bằng đếm lùi. Các HĐ diễn ra lần lượt với mỗi phần **a**, **b**: HS mô tả đúng, đủ nội dung mỗi tình huống và nói câu hỏi; HS hiểu được ý nghĩa phép tính để tìm số lượng còn lại từ đó viết được số vào □; HS **vận dụng đếm lùi** để tìm kết quả phép trừ (**a.** Từ 9 đếm lùi trên 4 chiếc ô tô thì biết 9 – 4 = 5; **b.** Từ 8 đếm lùi trên 3 chiếc cốc thì biết 8 – 3 = 5); HS trả lời câu hỏi (**a.** Còn 5 chiếc ô tô nữa; **b.** Còn lại 5 cốc kem chưa ăn).

Chốt bài: HS tính kết quả một phép trừ, chẳng hạn 9 – 2, bằng hai cách: **cách bớt đi** (lấy 9 que tính, bớt đi 2 que rồi đếm số que còn lại) và **cách đếm lùi** (lấy 2 que tính, từ **9** đếm lùi trên 2 que đó). HS so sánh cách nào nhanh hơn.

timdapan.com

Trừ trong phạm vi 5

MỤC TIÊU

Nhận biết đặc điểm của bảng trừ trong phạm vi 5 và thuộc để sử dụng.

Trừ trong phạm vi 5

1 Đọc kết quả phép tính theo mỗi hàng, mỗi cột.

2 – 1 =	3 – 2 =	4 – 3 =	5 – 4 =
3 – 1 =	4 – 2 =	5 – 3 =	
4 – 1 =	5 – 2 =		
5 – 1 =			

2 Chọn kết quả cho mỗi phép tính.

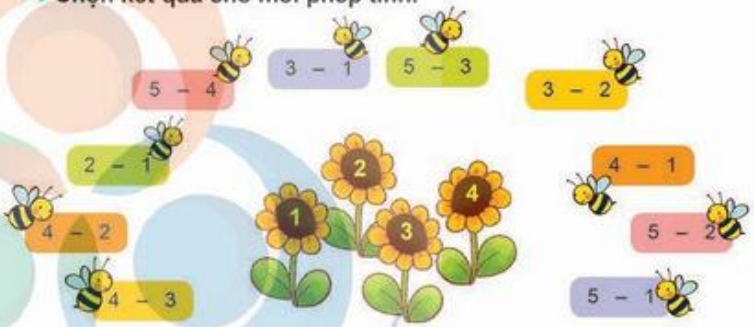

68

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Cá nhân)

HS thi tính nhanh, tính đúng:

Tính bằng **cách đếm lùi**: 6 – 3; 8 – 4; 7 – 3; 7 – 4.

GV khen thưởng những HS tính nhanh và đúng, những tổ có nhiều HS làm tốt.

GV giới thiệu bài học mới: Chúng ta vừa làm tính trừ bằng cách đếm lùi. Bài học hôm nay chúng ta sẽ làm như vậy để tính kết quả và lập bảng tất cả các phép tính trừ trong phạm vi 5.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

(Hoạt động chung cả lớp)

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

– HS quan sát tranh, mô tả nội dung tranh. *GV có thể phải gợi ý để HS mô tả đủ các ý: Các bạn cùng nhau tính kết quả phép tính trừ 5 – 2. Bạn trai tính bằng cách đếm lùi, từ 5 đếm lùi 2 bước: xoè 2 ngón tay, bắt đầu từ 5 đếm lùi trên 2 ngón tay là 4, 3 và nói 5 – 2 = 3.*

– HS thao tác và nói lại từng bước tính 5 – 2 theo cách đếm lùi. Một số HS được chỉ định thao tác trước lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (Cá nhân)

1. **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ này nhằm luyện cho HS kĩ năng tính trừ bằng cách đếm lùi, đồng thời lập bảng trừ trong phạm vi 5, tuy rằng khung bảng đã vẽ sẵn nhưng HS tự tính và viết kết quả rồi nhận biết đặc điểm của bảng. *GV vẽ sẵn hoặc dán khung bảng trừ trong phạm vi 5 như trong SHS lên bảng.* Các bước:

– HS tự tính rồi viết kết quả mỗi phép tính trong bảng, viết trong vở. *GV nhắc HS: dùng ngón tay để đếm lùi.*

GV theo sát từng HS để hướng dẫn lại kịp thời cho những HS chưa thạo đếm lùi.

– Một số HS được chỉ định nói, GV viết kết quả các phép tính vào bảng trừ.

– HS quan sát bảng trừ, trả lời lần lượt từng câu hỏi:

"Các phép tính trong cùng một hàng có gì giống nhau?". *GV có thể phải gợi ý để HS nhận ra và nói được:* ***Các phép tính ở hàng thứ nhất đều có kết quả bằng 1; ở hàng thứ hai đều có kết quả bằng 2 ;...***

"Các phép tính trong cùng một cột có gì giống nhau?". *GV có thể phải gợi ý để HS nhận ra và nói được:* ***Các phép tính ở cột thứ nhất đều là một số (từ 2 đến 5) trừ đi 1,***

timdapan.com

3 Xem tranh rồi nêu số.

a.

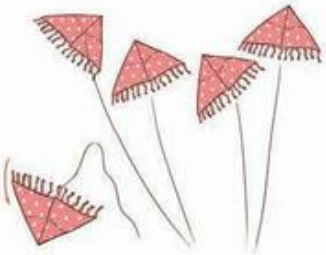

5 – ? = ?

Còn ? chiếc diều đang bay lên.

b.

5 – 5 = ?

Còn lại ? con chim đậu hàng rào.

c.

3 – ? = ?

Còn lại ? chiếc bánh.

69

kết quả là từ 1 đến 4; ở cột thứ hai đều là một số (từ 3 đến 5) trừ đi 2, kết quả từ 1 đến 3…

– HS đọc nhiều lần để có thể thuộc bảng trừ trong phạm vi 5 theo cách hướng dẫn của GV. *GV có thể che từng phần bảng trừ để HS nhớ lại và đọc ra, …*

2. **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ2 nhằm để thể hiện mức độ thuộc bảng trừ của HS. Các bước:

– HS tự thực hiện trong 2 phút: lấy ngón tay nối từ mỗi phép tính đến kết quả. *GV theo sát từng HS xem HS đã thuộc hay phải dò kết quả trên bảng trừ.*

– Một số HS được chỉ định nói trước lớp kết quả của phép tính mà *GV chỉ ra* đến khi đúng. *Cuối cùng GV chiếu hoặc treo tranh có kết quả đúng:*

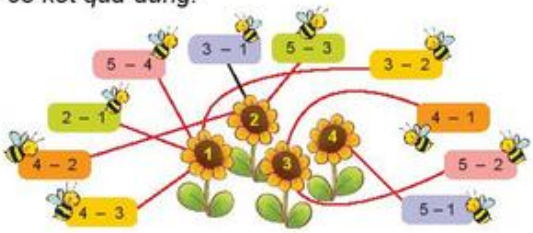

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Trừ thành thạo bằng cách đếm lùi.**
- **Nhận biết đặc điểm mỗi hàng, mỗi cột của bảng trừ trong phạm vi 5, từ đó thuộc được bảng.**
- **Vận dụng vào tình huống thực tế.**
- **Qua tình huống thực tế, biết 5 – 5 = 0, 3 – 0 = 3.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS làm quen giải quyết vấn đề trả lời dạng câu hỏi "Còn lại bao nhiêu?", hiểu ý nghĩa phép tính trừ, tìm kết quả bằng đếm hoặc thuộc bảng trừ. Các bước với phần **a**:

– HS mô tả đúng, đủ nội dung tình huống và nói câu hỏi theo dạng "Còn lại bao nhiêu?": Có 5 chiếc diều bớt đi 1 chiếc diều rơi xuống thì còn lại bao nhiêu chiếc diều đang bay lên?

– HS viết số vào mỗi ☐ (viết trong vở) rồi trả lời.

Phần **b** và **c** tương tự **a**, đồng thời qua tình huống thực tế cho HS nhận ra rằng: một số trừ đi chính nó thì bằng 0 (hết), một số trừ đi 0 thì bằng chính nó (còn nguyên).

Phép tính đúng:

b. 5 – 5 = 0

Còn lại 0 con chim đậu hàng rào.

c. 3 – 0 = 3

Còn lại 3 chiếc bánh.

Chốt bài: *Cho HS đọc bảng trừ và yêu cầu HS phải thuộc bảng đó.*

timdapan.com

Trừ trong phạm vi 8

MỤC TIÊU

Lập được và thuộc bảng trừ trong phạm vi 8 để sử dụng.

Trừ trong phạm vi 8

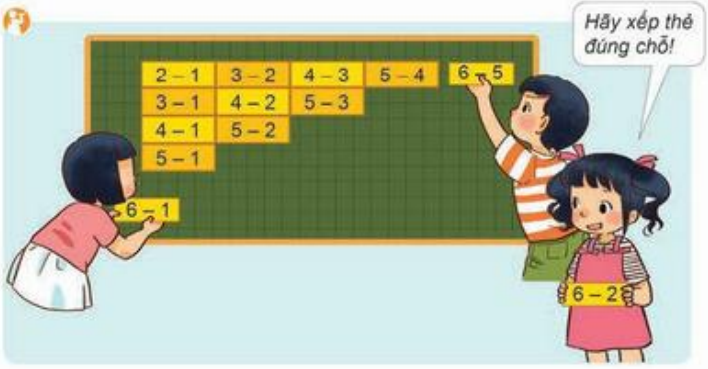

1 Nêu kết quả phép tính theo mỗi hàng, mỗi cột.

2 – 1 = 1	3 – 2 = 1	4 – 3 = 1	5 – 4 = 1	6 – 5 = ?	7 – 6 = ?	8 – 7 = ?
3 – 1 = 2	4 – 2 = 2	5 – 3 = 2	6 – 4 = ?	7 – 5 = ?	8 – 6 = ?	
4 – 1 = 3	5 – 2 = 3	6 – 3 = ?	7 – 4 = ?	8 – 5 = ?		
5 – 1 = 4	6 – 2 = ?	7 – 3 = ?	8 – 4 = ?			
6 – 1 = ?	7 – 2 = ?	8 – 3 = ?				
7 – 1 = ?	8 – 2 = ?					
8 – 1 = ?						

70

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Cá nhân, tổ nhóm)

HS thi đọc thuộc bảng trừ trong phạm vi 5. *GV gắn sẵn các thẻ phép tính trừ trong phạm vi 5 thành bảng*

2 – 1	3 – 2	4 – 3	5 – 4
3 – 1	4 – 2	5 – 3	
4 – 1	5 – 2		
5 – 1			

HS đọc tất cả các phép tính của bảng và kết quả, đọc theo hàng hay cột do GV yêu cầu. Khi HS đọc hàng hay cột nào thì GV che hàng hoặc cột đó.

Tổ HS đọc tiếp sức, mỗi lượt HS đọc 1 phép tính, HS trước đọc sai thì HS sau phải đọc lại và tính là 1 lượt. GV làm trọng tài. Cách đọc theo hàng hay cột do GV quy định. Tính thời gian đọc hết bảng để tính thành tích.

GV khen thưởng những HS đọc nhanh và đúng, những tổ tiếp sức hoàn thành trong thời gian ít nhất.

GV giới thiệu bài học mới: Bài học hôm nay chúng ta tiếp tục lập bảng trừ trong phạm vi 8 và thuộc bảng đó để sử dụng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

(Hoạt động chung cả lớp)

HĐ này nhằm cho HS tự mở rộng khung bảng trừ trong phạm vi 5 thành khung bảng trừ trong phạm vi 8, cũng là để HS sắp xếp những thẻ phép tính theo đúng quy luật sắp xếp của bảng trừ trong phạm vi 5: *GV chuẩn bị các thẻ phép trừ trong phạm vi 8 để HS gắn tiếp lên bảng.*

HS quan sát tranh của mục Khám phá trong SHS, bình luận xem hai nhân vật trong tranh xếp thẻ đúng chỗ chưa.

HS thi đua lên gắn tiếp thẻ phép trừ đúng chỗ và nhanh. *Hình thức thi đua do GV tổ chức.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (Cá nhân)

1. **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ này nhằm luyện cho HS kĩ năng tính trừ bằng cách đếm lùi đồng thời lập bảng trừ trong phạm vi 8. Các bước:

– HS tự viết kết quả các phép tính trừ vào mỗi ô trống của bảng trừ trong vở.

– HS tự tính rồi viết kết quả mỗi phép tính trong bảng.

GV nhắc HS: dùng que tính để đếm lùi.

GV theo sát từng HS để hướng dẫn lại kịp thời cho những HS chưa tính thạo.

timdapan.com

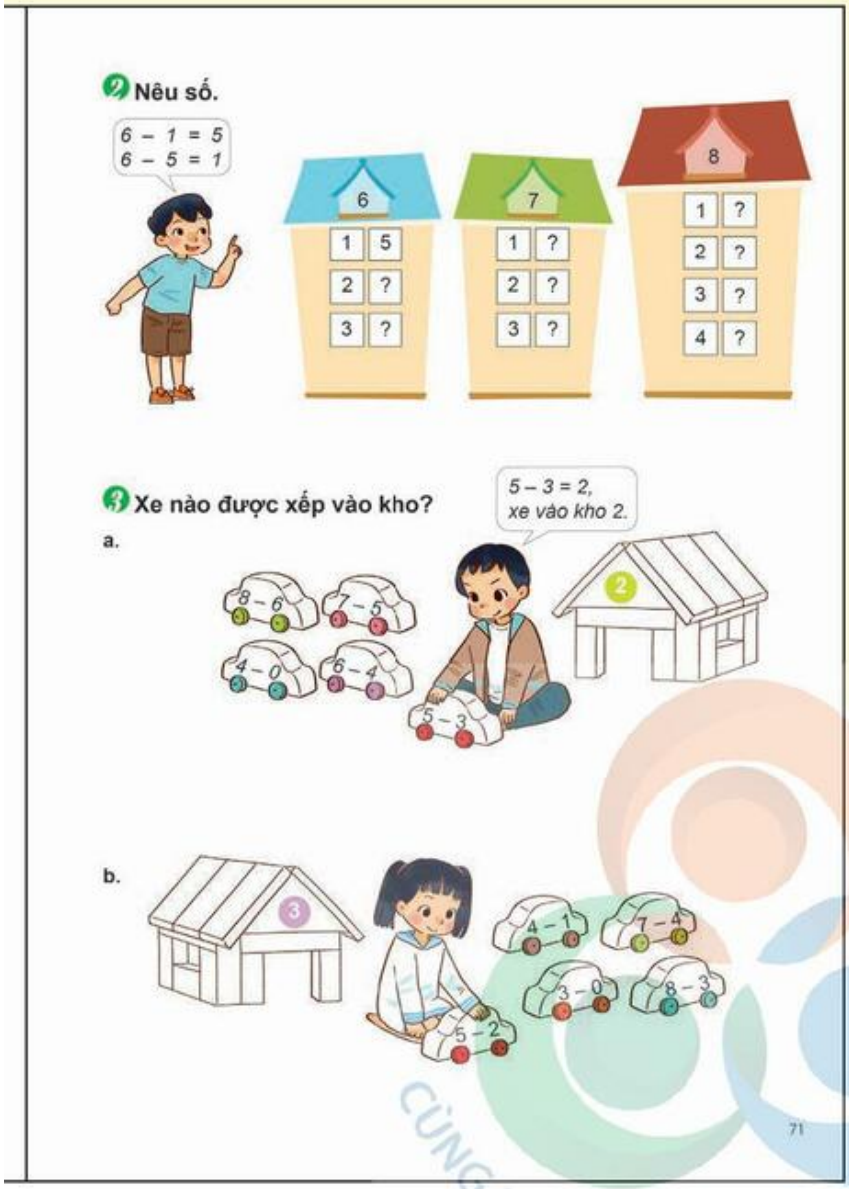

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Trừ thành thạo bằng cách đếm lùi và lập được bảng trừ trong phạm vi 8.**
- **Nhận biết đặc điểm mỗi hàng, mỗi cột của bảng trừ trong phạm vi 8, từ đó thuộc được bảng.**
- **Vận dụng vào tình huống thực tế.**
- **Qua tình huống thực tế, biết 8 – 8 = 0, 6 – 0 = 6.**

– Một số HS được chỉ định nói, GV viết các phép tính đúng vào bảng trừ.

– HS quan sát bảng trừ, trả lời lần lượt từng câu hỏi: **"Các phép tính trong cùng một hàng có gì giống nhau?"** (Câu trả lời đúng: Các phép tính ở hàng thứ nhất đều có kết quả bằng 1; ở hàng thứ hai đều có kết quả bằng 2; ...) **"Các phép tính trong cùng một cột có gì giống nhau?"**. (Câu trả lời đúng: Các phép tính ở cột thứ nhất đều là một số (từ 2 đến 8) trừ đi 1, kết quả là từ 1 đến 7; ở cột thứ hai đều là một số (từ 3 đến 8) trừ đi 2, kết quả là từ 1 đến 6; ...)

– HS đọc nhiều lần để có thể thuộc bảng trừ trong phạm vi 8 theo hướng dẫn của GV. *GV có thể che từng phần bảng trừ để HS nhớ lại và đọc ra, ...*

2. **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ2 là một tổng kết về các phép tính mới khi mở rộng bảng trừ trong phạm vi 5 thành bảng trừ trong phạm vi 8.

HĐ2 nhằm để thể hiện mức độ thuộc bảng trừ, cũng là để kiểm nghiệm đặc điểm từng cặp phép tính. Ví dụ: 6 – 1 = 5 và 6 – 5 = 1.

Các bước: Sau khi tìm hiểu quy luật các ô số qua bóng nói, HS tự viết số vào ☐ (viết trong vở). *GV theo sát từng HS để biết mức độ thuộc bảng, kĩ năng vận dụng những hiểu biết về phép trừ.*

GV đánh giá mỗi HS về bài học này qua bài làm đó. Có thể kết thúc tiết 1 tại đây.

3. **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ3 tiếp tục cho HS thể hiện việc thuộc và áp dụng bảng trừ để tìm các xe xếp vào mỗi kho. Có thể coi đây là HĐ khởi động cho tiết 2.

timdapan.com

Các bước:

– HS tìm hiểu vấn đề của HĐ3 là gì. Sau khi HS trình bày vấn đề tự phát hiện, *GV có thể phải gợi ý (từ bóng nói và chiếc ô tô mẫu) để HS nói được là chiếc ô tô nào mang phép tính có kết quả bằng 2 ở câu* **a**, *bằng 3 ở câu* **b** *mới được chọn xếp vào kho tương ứng.*

– HS tự tìm các ô tô được xếp vào kho 2, vào kho 3 rồi báo kết quả. *GV nên tổ chức hình thức hoạt động sao cho vui để HS thấy hứng thú khi bước vào tiết 2.*

Kết quả: Các xe được viết 2 sẽ vào kho 2, được viết 3 sẽ vào kho 3:

4 **Còn lại bao nhiêu?**

Có 6 🍌, ăn hết 4 🍌, còn lại ? 🍌.

Có 8 🧍 trên cây, 5 🧍 xuống đất, còn lại ? 🧍 trên cây.

Chậu cúc có 7 🌼, 2 🌼 đã bị héo, còn lại ? 🌼 vẫn tươi.

5 **Xem tranh rồi nêu số.**

a.

8 – 6 = ?

Đu quay còn ? khoang chưa có người.

b.

8 – ? = ?

Đu quay còn ? khoang chưa có người.

72

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Cá nhân).

1. **HS thực hiện HĐ4 trong SHS**. HĐ4 nhằm để HS chuyển tình huống bớt đi trong thực tế thành phép tính trừ rồi áp dụng bảng trừ tìm ra số để viết vào ô trống. Các bước:

– HS nói số trong ☐ ở tình huống thứ nhất rồi trả lời câu hỏi. HS được chỉ định nói phép tính để tìm số trong ☐.

– HS tự thực hiện tiếp 2 tình huống còn lại, *GV theo sát từng HS, chú ý nhiều tới HS học chưa tốt.* HS trình bày như trên.

2. **HS thực hiện HĐ5 trong SHS**. Với HĐ5, HS được làm quen việc **phân tích một tình huống thực tế thường gặp để chuyển thành phép tính**. Ví dụ ở phần **a** phân tích như sau: Đu quay có 8 khoang, 6 khoang đã có người ngồi, còn lại là khoang trống, từ đó chuyển thành phép tính để tìm số khoang trống là 8 – 6; áp dụng bảng trừ để tìm kết quả phép tính. Yêu cầu trả lời câu hỏi được đưa ra nhằm rèn **kĩ năng diễn đạt, giao tiếp** (khi đã có câu hỏi thì phải trả lời).

Các bước phần **a**:

– HS tự mô tả nội dung tranh phần **a** và ý nghĩa của phép tính 8 – 6, trình bày trước lớp, *GV có thể phải gợi ý để HS nói đầy đủ như đã phân tích ở trên.*

– HS tự viết số vào các ô ☐ (viết vào vở). *GV yêu cầu một vài HS nói kết quả phép tính và kết luận: Đu quay còn* 2 khoang chưa có người.

Các bước phần **b**: tương tự như phần **a**, nhưng HS phải xác định được số ở ? sau dấu – là số nào. Phép tính đúng là 8 – 8 = 0. *GV yêu cầu HS giải thích vì sao viết số* 8.

Phần **b** của HĐ5 muốn cho HS thấy một tình huống để có phép tính dạng một số trừ đi chính nó và phép tính dạng đó có kết quả bằng 0. *GV nhấn mạnh với HS về dạng phép tính này.*

Kết quả:

b. 8 – 8 = 0

timdapan.com

Xem tranh rồi nêu số.

a.

6 – 2 = ?

Còn ? bát cháo chưa có thìa.

b.

? – ? = ?

Còn ? bát cháo chưa có thìa.

VUI MỘT CHÚT

Bác Thỏ tốt bụng đã mang đi giỏ cà rốt nào?

73

– *Nói ngoài bảng vừa đọc, trong phạm vi 8 còn các phép tính đặc biệt dạng một số trừ đi 0 và một số trừ đi chính nó, GV yêu cầu HS nói kết quả phép tính mỗi dạng đó.*

MỤC VUI MỘT CHÚT: *GV có thể kể câu chuyện theo tranh* rồi để HS tự suy nghĩ tìm câu trả lời cho câu hỏi của mục này. Có thể dặn HS về nhà mời người thân cùng tham gia. Nếu có thời gian có thể tổ chức cho HS trình bày cách tìm ra giỏ cà rốt mà bác Thỏ đã mang đi.

Câu chuyện theo tranh nên kể đơn giản: Gia đình Thỏ thu hoạch cà rốt và xếp vào ba chiếc giỏ. Bác Thỏ đã mang một giỏ về nhà, nhưng trên đường đi bác thấy ba chú chuột con đang bị đói nên đã cho 3 củ, gặp ông chuột già yếu không có gì ăn nên đã cho 2 củ và bác chỉ còn 2 củ mang về.

Các cách tìm ra câu trả lời:

Cách sử dụng phép trừ: Thử với từng giỏ. Đếm số củ trong giỏ, lấy số đó trừ đi 3 củ cho chuột con, số còn lại trừ tiếp đi 2 củ cho chuột già, nếu còn lại 2 củ thì tức là bác Thỏ đã mang giỏ đó. Kết quả đúng: Bác Thỏ đã mang giỏ có 7 củ cà rốt.

3. **HS thực hiện HĐ6 trong SHS.** HĐ6 tương tự như HĐ5 nhưng ở mức độ khó hơn ở chỗ chưa có gợi ý về phép tính. Vì vậy khi HS mô tả tình huống, *GV yêu cầu HS nói rõ có bao nhiêu bát cháo, bao nhiêu bát **đã có thìa**, còn lại bao nhiêu bát **chưa có thìa**.*

Kết quả:

a. 6 – 2 = 4.

Còn 4 bát cháo chưa có thìa.

b. 6 – 0 = 6.

Còn 6 bát cháo chưa có thìa.

Cả 6 bát cháo đều chưa có thìa.

Phần **b** của HĐ6 muốn cho HS thấy một tình huống có phép tính dạng một số trừ đi 0 và kết quả bằng chính số đó. *GV nhấn mạnh với HS về dạng phép tính này.*

Nếu thời gian cho phép, trước khi chốt bài học *GV đưa ra các phép tính 7 – 0, 8 – 0, 6 – 6 , 7 – 7, … để HS nói kết quả, GV giúp HS cùng đưa ra những tình huống minh hoạ.*

GV chốt bài bằng các việc:

– *Yêu cầu HS đọc một lượt bảng trừ trong phạm vi 8;*

timdapan.com

Trừ trong phạm vi 10

MỤC TIÊU

Lập được và thuộc bảng trừ trong phạm vi 10 để sử dụng.

Trừ trong phạm vi 10

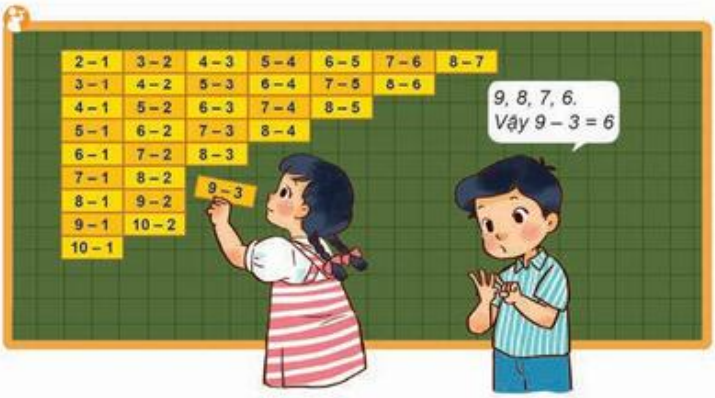

Nêu kết quả phép tính theo mỗi hàng, mỗi cột.

74

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Cá nhân, tổ nhóm)

HS thi đọc thuộc bảng trừ trong phạm vi 8. *GV gắn sẵn các thẻ phép tính trừ trong phạm vi 8 thành bảng*

2 – 1	3 – 2	4 – 3	5 – 4	6 – 5	7 – 6	8 – 7
3 – 1	4 – 2	5 – 3	6 – 4	7 – 5	8 – 6	
4 – 1	5 – 2	6 – 3	7 – 4	8 – 5		
5 – 1	6 – 2	7 – 3	8 – 4			
6 – 1	7 – 2	8 – 3				
7 – 1	8 – 2					
8 – 1						

– HS tự đọc tất cả các phép tính của bảng và kết quả.

– Tổ HS đọc tiếp sức, mỗi lượt HS đọc 1 phép tính và kết quả, HS trước đọc sai thì HS sau phải đọc lại và tính là 1 lượt. GV làm trọng tài. Cách đọc theo hàng hay cột do GV quy định. Tính thời gian đọc hết bảng để tính thành tích.

GV khen những tổ tiếp sức hoàn thành trong thời gian ít nhất.

GV giới thiệu bài học mới: Bài học hôm nay chúng ta tiếp tục lập bảng trừ trong phạm vi 10 và thuộc bảng đó để sử dụng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

(Hoạt động chung cả lớp)

HĐ này nhằm cho HS tự mở rộng khung bảng trừ trong phạm vi 8 thành khung bảng trừ trong phạm vi 10, đồng thời nhắc lại cách tính kết quả phép trừ bằng đếm lùi. *GV chuẩn bị các thẻ phép trừ trong phạm vi 10 để HS gắn tiếp lên bảng.*

– HS thi lên gắn thẻ phép trừ đúng chỗ và nhanh. *Hình thức thi do GV tổ chức.*

– HS quan sát tranh, mô tả hai bạn đang làm gì. *GV yêu cầu HS nhắc lại các thao tác, các bước thực hiện đếm lùi để tìm kết quả phép tính trừ như trong tranh, có thể nói thêm với một vài phép tính trừ khác nữa.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm tiếp tục luyện HS kĩ năng tính trừ bằng cách đếm lùi. Các bước:

– HS tự tính rồi viết kết quả mỗi phép tính trong bảng. *GV nhắc HS dùng que tính để đếm lùi. GV theo sát từng HS để hướng dẫn lại kịp thời cho những HS chưa tính thạo.*

timdapan.com

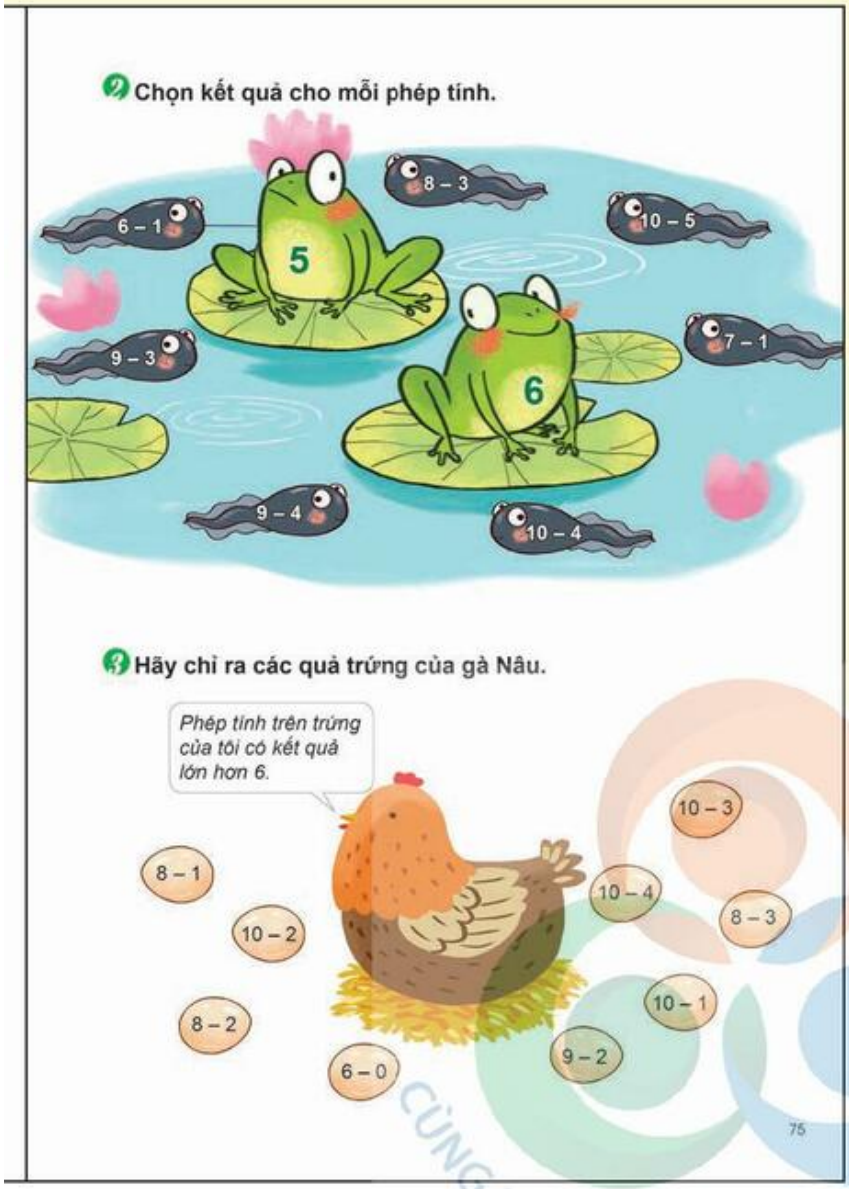

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trừ thành thạo bằng cách đếm lùi và lập được bảng trừ trong phạm vi 10.
- Nhận biết đặc điểm mỗi hàng, mỗi cột của bảng trừ trong phạm vi 10, từ đó thuộc được bảng.
- Vận dụng vào tình huống thực tế.
- Qua tình huống thực tế, biết 10 – 0 = 10, 10 – 10 = 0.

– Một số HS được chỉ định nói, GV viết kết quả các phép tính vào bảng trừ trên bảng.

– HS đọc nhiều lần để có thể thuộc bảng trừ trong phạm vi 10 theo hướng dẫn của GV.

– HS thi đọc thuộc từng phần bảng trừ như thuộc từng cột hoặc thuộc từng hàng. *GV có thể tổ chức theo hình thức tiếp sức để thêm phần hứng thú.*

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ2 nhằm cho HS sử dụng bảng trừ trong phạm vi 10. Các bước:

– HS *nghe GV đọc lệnh*, tự xác định các yêu cầu của HĐ2.

– HS tự thực hiện: lấy ngón tay nối từ mỗi phép tính (viết trên con nòng nọc) đến kết quả (viết trên con ếch).

– Một số HS được chỉ định trình bày trên bảng đến khi được xác định đúng: nói 6 – 1 = 5 và nối từ con nòng nọc mang phép tính 6 – 1 đến con ếch mang số 5.

Kết quả:

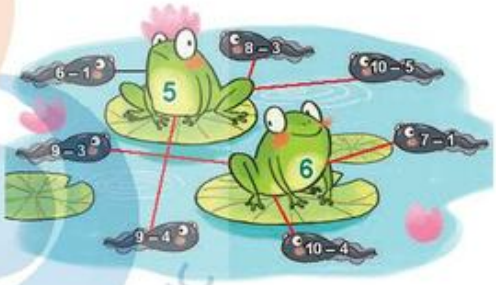

Có thể kết thúc tiết 1 tại đây.

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này tiếp tục cho HS sử dụng bảng trừ trong phạm vi 10, cũng là để HS thêm thuộc bảng này. HS phải nhẩm kết quả phép tính trên mỗi quả trứng, đồng thời so sánh kết quả đó với 6 để chọn được quả trứng của gà Nâu (kết quả lớn hơn 6).

Có thể khởi động tiết 2 bằng HĐ này. Để tăng thêm phần hứng thú cho HS bước vào tiết học, *GV tổ chức HS thi đọc thuộc bảng trừ trong phạm vi 10, rồi thi trong 2 phút ai tìm được hết các quả trứng của gà Nâu.*

Các bước:

– HS quan sát hình, nghe GV đọc yêu cầu của HĐ3 và đặc điểm các quả trứng của gà Nâu, HS nói cần phải tìm các quả trứng nào rồi tự tìm, tìm được quả nào thì đánh dấu vào quả đó (bằng bút chì). GV theo dõi từng HS, khen thưởng các HS tìm đúng và đủ các quả trứng của gà Nâu trong 2 phút.

timdapan.com

– Một số HS được chỉ định lên bảng đánh dấu vào quả trứng của gà Nâu đã tìm được và giải thích tại sao đó là quả trứng của gà Nâu, cứ như vậy đến khi các quả trứng của gà Nâu đã được tìm đúng hết. Kết quả đúng:

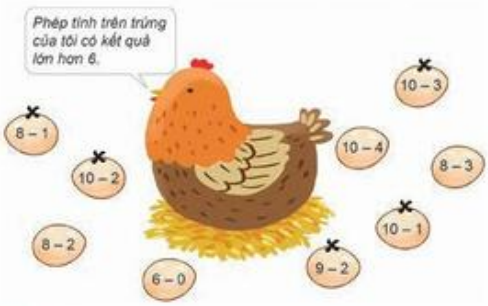

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Cá nhân)

1. **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** HĐ4 nhằm cho HS thấy một tình huống dẫn tới phép trừ một số cho chính nó (9 – 9), phép trừ một số cho 0 (9 – 0) cùng với kết quả. Phép tính đầu tiên (9 – 3) vừa để vận dụng bảng trừ vừa để HS xác định cách lập phép trừ từ các tình huống đã cho (số lượng tất cả bông hoa trừ đi số bông hoa đã được tô màu bằng số bông hoa chưa được tô màu). Các bước:

a.

– HS tự viết số và dấu vào các ô trống, viết vào vở. Một số HS viết các phép tính và kết quả trên bảng, trả lời câu hỏi. *GV yêu cầu HS giải thích tại sao lại viết phép tính đó.* GV gợi ý để HS nói đúng: Có 9 bông hoa, đã tô màu ... bông, số bông còn lại là chưa được tô màu. Kết quả đúng:

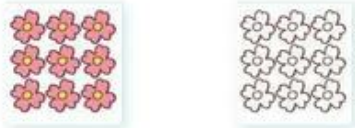

9 – 9 = 0 9 – 0 = 9

– HS sửa bài nếu sai.

– HS nói để ghi nhớ hai phép tính cuối: 9 – 9 = 0, 9 trừ đi chính nó thì bằng 0; 9 – 0 = 9, 9 trừ đi 0 bằng chính nó.

b. Tương tự như **a.** Lưu ý HS đếm để thấy có 10 bông hoa, đã tô màu ...

Phép tính đúng 10 – 5 = 5;
10 – 6 = 4.

4 **Nêu phép tính để tìm số bông hoa chưa được tô màu.**

a.

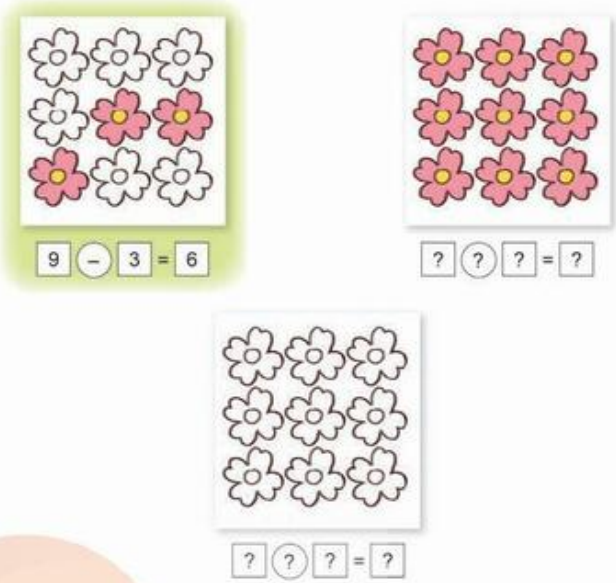

b.

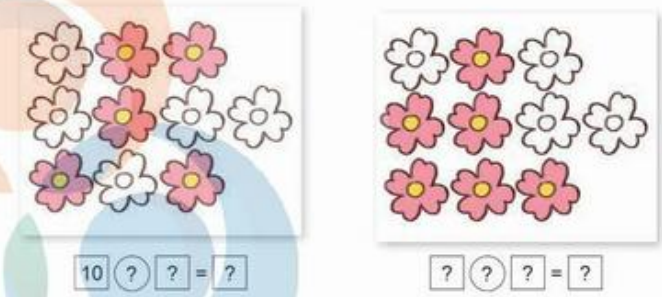

76

2. **HS thực hiện HĐ5 trong SHS.** HĐ5 cũng như HĐ4 nhằm cho HS thấy một tình huống dẫn tới phép trừ một số cho chính nó (10 – 10), phép trừ một số cho 0 (10 – 0) cùng với kết quả. Phép tính đầu tiên (10 – 4) vừa để vận dụng bảng trừ vừa để HS xác định cách lập phép trừ từ các tình huống đã cho (số lượng tất cả chiếc bút trừ đi số chiếc bút đã cho mượn hoặc cho đi bằng số chiếc bút còn lại). Ở HĐ5 không viết sẵn dấu trừ nên cần phải có bước phân tích rõ để HS nhận ra các tình huống này là có bao nhiêu, bớt đi bao nhiêu và thể hiện bằng phép tính gì. Các bước:

– HS quan sát rồi mô tả nội dung tranh phần **a**. *GV có thể phải gợi ý để HS nói rành mạch: Nam có 10 chiếc bút màu, cho bạn mượn 4 chiếc.*

– HS quan sát rồi mô tả nội dung tranh phần **b** và phần **c** tương tự phần **a**.

– HS xác định các yêu cầu của HĐ5.

– HS nhắc lại nội dung tranh phần **a** và câu hỏi, tự viết kết quả phép tính ở phần **a**, viết vào vở.

timdapan.com

5 Nêu phép tính để tìm số chiếc bút còn lại của Nam.

a.

10 – 4 = ?

b.

? ? 0 = ?

c.

? ? ? = ?

77

– Một số HS viết các phép tính và kết quả trên bảng, trả lời câu hỏi. *GV yêu cầu HS giải thích tại sao lại viết phép tính đó.* GV gợi ý để HS nói đúng.

– HS hoạt động với phần **b** và **c** tương tự như với phần **a**.

Kết quả đúng:

a. 10 – 4 = 6. Nam còn 6 chiếc bút.

b. 10 – 0 = 10. Nam vẫn còn nguyên 10 chiếc bút.

c. 10 – 10 = 0. Nam không còn chiếc bút nào.

– HS sửa bài nếu sai.

– HS nói để ghi nhớ hai phép tính cuối: **b. 10 – 0 = 10, 10 trừ đi 0 thì bằng chính nó; c. 10 – 10 = 0, 10 trừ đi chính nó bằng 0**.

Chốt bài: *GV hỏi HS xem tất cả các phép tính trừ trong phạm vi 10 gồm những phép tính nào? (Trả lời đúng:* ***các phép tính trong bảng trừ và những phép tính một số trừ đi 0, một số trừ đi chính nó****).* HS đọc các phép tính trừ trong phạm vi 10 theo yêu cầu của GV.

timdapan.com

Ôn tập 4

MỤC TIÊU

- **HS thành thạo viết phép tính trừ để tìm câu trả lời cho câu hỏi. "Bớt đi ... thì còn lại bao nhiêu?"**
- **Trừ thành thạo trong phạm vi 10.**

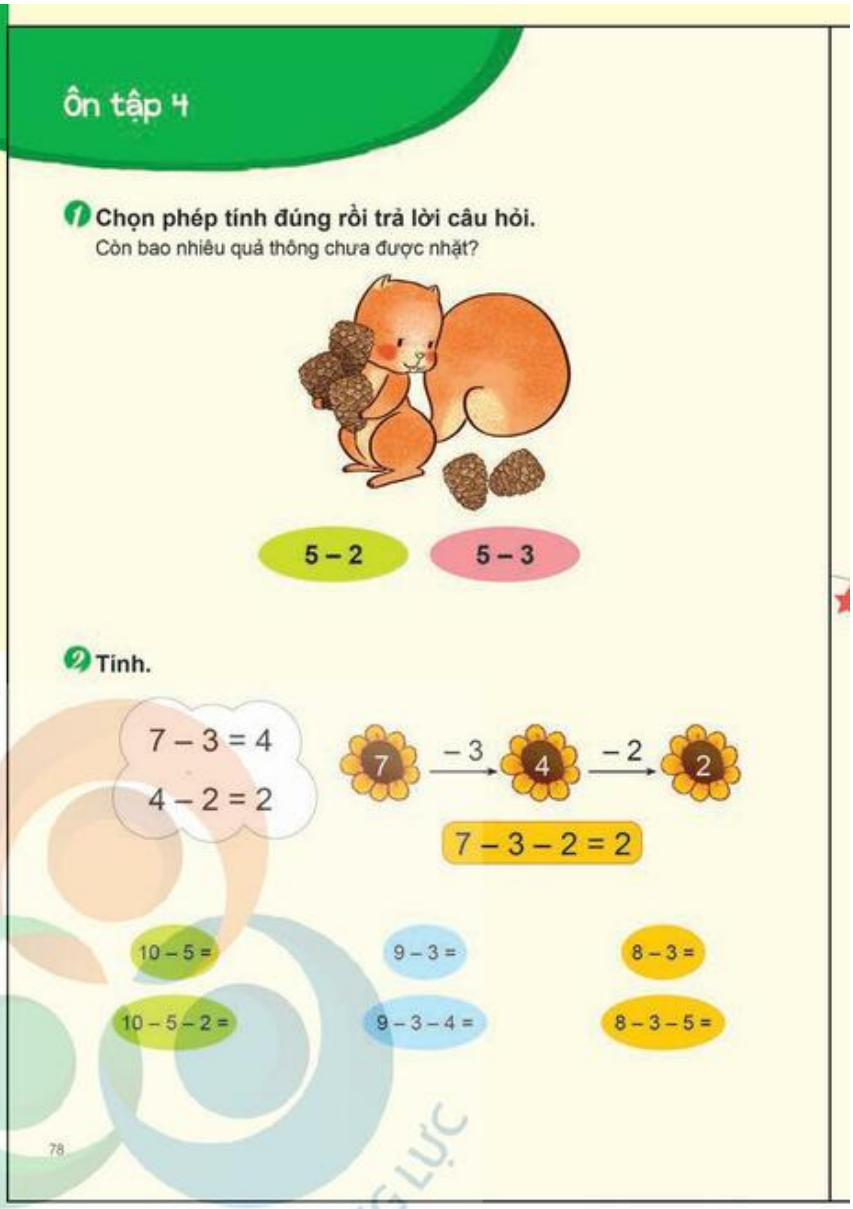
Ôn tập 4

1 Chọn phép tính đúng rồi trả lời câu hỏi.
Còn bao nhiêu quả thông chưa được nhặt?

5 – 2 | 5 – 3

2 Tính.

7 – 3 = 4
4 – 2 = 2

7 –3→ 4 –2→ 2

7 – 3 – 2 = 2

10 – 5 = | 9 – 3 = | 8 – 3 =
10 – 5 – 2 = | 9 – 3 – 4 = | 8 – 3 – 5 =

78

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Cá nhân)

HS chơi tiếp sức **Viết kết quả phép tính:** *GV viết sẵn trên bảng 4 cột, số phép tính mỗi cột bằng nhau như:*

10 – 4 = ...	10 – 7 = ...	9 – 5 = ...	8 – 2 = ...
9 – 4 = ...	10 – 6 = ...	8 – 5 = ...	8 – 6 = ...
8 – 4 = ...	10 – 5 = ...	7 – 5 = ...	6 + 2 = ...
7 – 4 = ...	10 – 4 = ...	6 – 5 = ...	9 – 3 = ...
6 – 4 = ...	10 – 3 = ...	5 – 5 = ...	9 – 6 = ...
5 – 4 = ...	10 – 2 = ...	5 – 0 = ...	9 – 0 = ...
4 – 4 = ...	10 – 0 = ...	6 – 0 = ...	9 – 9 = ...

Bốn đội chơi, số người các đội bằng nhau. Mỗi đội xếp thành hàng dọc, mỗi lượt HS chỉ được viết một kết quả, HS trước viết xong thì đứng xuống cuối hàng và HS sau lên viết, nếu phát hiện bạn trước viết sai thì sửa coi như một lần viết kết quả. Trong các đội **viết đúng hết các phép tính** trong cột, đội nào nhanh nhất thì thắng.

GV giới thiệu bài: Chúng ta đã học về phép trừ, hôm nay chúng ta sẽ thực hiện một số việc để xem mình có nhớ, có hiểu rõ kiến thức đã học không. Nếu có chỗ nào chưa rõ thì sẽ chú ý để hiểu rõ, để nhớ kiến thức.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ1 nhằm cho HS ôn về ý nghĩa của phép trừ: "Có ..., bớt đi ..., còn lại...".

Các bước:

– HS tự thực hiện HĐ1 sau khi đã cùng cả lớp xác định được từng yêu cầu của HĐ này. *GV theo sát để thấy rõ HS có nhận ra ngay phép tính tương ứng với tình huống và câu hỏi không, khi đó sẽ hướng dẫn, giúp đỡ kịp thời cho HS (nếu cần).*

– Một số HS trình bày kết quả chọn phép tính. HS cả lớp thảo luận kĩ, xác định tình huống của tranh kết hợp câu hỏi dẫn đến việc chọn phép tính thích hợp với tranh. Xác định đúng:

Có 5 quả, Sóc lấy đi 3 quả, còn ... quả → 5 – 3.

GV hướng dẫn HS chốt: Tình huống dẫn tới phép trừ.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ2 nhằm để HS ôn luyện tính trừ: HS có thể nhẩm theo bảng trừ đã thuộc hoặc đếm lùi. Trong HĐ này HS cũng được luyện kĩ năng quan sát, nhận xét đặc điểm các phép tính đã cho để thực hiện nhanh hơn thông thường, ví dụ: Nhẩm được 7 – 3 = 4 thì đến phép tính 7 – 3 – 2 chỉ việc nhẩm 4 – 2 = 2 là kết luận 7 – 3 – 2 = 2. Các bước:

– HS tự tính nhẩm trong khoảng 2 phút, viết kết quả vào vở. *GV theo sát để thấy HS thuộc bảng và có nhận xét để nhẩm*

timdapan.com

3 Chọn >, = hoặc <.

9 – 2 ? 7 – 1 | 5 – 2 ? 8 – 3 – 2 | 9 – 5 ? 4 + 2

4 Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.

a. Tốp ca có bao nhiêu bạn trai?

? – 4 = ?

b. Mỗi bạn trai đứng cùng một bạn gái. Còn mấy bạn trai đứng riêng?

? ? 4 = ?

79

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Biết phân tích để nhận ra tình huống với câu hỏi "Bớt đi ... thì còn lại bao nhiêu?", thành thạo việc viết phép tính để tìm câu trả lời cho câu hỏi đó.**
- **Thành thạo tính trừ trong phạm vi 10.**
- **Thành thạo việc so sánh xem nhóm này nhiều / ít hơn nhóm kia bao nhiêu.**
- **Áp dụng được các điều trên vào những tình huống thực tế.**

nhanh hay không, từ đó nhắc nhở những HS chưa thuộc bảng trừ hoặc gợi ý nhận xét để HS biết tính nhanh.

– Sau 2 phút, HS cùng GV thảo luận để tất cả HS đều biết nhận xét tính nhanh rồi HS tự thực hiện các phần còn lại. Một số HS viết kết quả và nói từng bước trên bảng. Kết quả đúng:

10 – 5 = 5 | 9 – 3 = 6 | 8 – 3 = 5

10 – 5 – 2 = 3 | 9 – 3 – 4 = 2 | 8 – 3 – 5 = 0

3. **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ3 tương tự HĐ2 ở việc tính nhẩm nhờ bảng trừ và nhận xét đặc điểm các phép tính ở hai vế để so sánh nhanh hơn. Ví dụ: so sánh 9 – 2 và 7 – 1, nhẩm được 9 – 2 = 7 thì nhận xét 7 > 7 – 1 và kết luận ngay 9 – 2 > 7 – 1. Tất cả các phép so sánh ở HĐ này đều có đặc điểm mà nếu nhận xét thì thực hiện nhanh được. Các bước tương tự HĐ2.

Kết quả đúng:

9 – 2 > 7 – 1

5 – 2 = 8 – 3 – 2

9 – 5 < 4 + 2

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Nhóm, cá nhân)

HS thực hiện HĐ4 trong SHS. HĐ4 nhằm để HS vận dụng những điều đã ôn luyện ở trên. Các bước lần lượt ở mỗi phần **a**, **b**: Nhóm cùng nhau xác định tình huống và câu hỏi dẫn tới phép tính gì rồi trình bày trước lớp; Lớp cùng GV xác nhận ý kiến đúng **a.** Tốp ca có 10 bạn, 4 bạn gái đã đến đủ, còn (10 – 4) bạn trai; **b.** Có 4 bạn gái, 6 bạn trai nên 4 bạn trai đứng cùng bạn gái thì còn lại (6 – 4) bạn trai đứng riêng. HS nói phép tính, nhẩm ra kết quả và trả lời câu hỏi; Một số HS trình bày trên bảng, HS sai thì sửa bài.

Chốt bài: *GV yêu cầu HS nói đã học được gì trong chủ đề 4, bổ sung nếu HS nói chưa đủ.*

timdapan.com

ÔN TẬP CHUNG

MỤC TIÊU

- **Hiểu rõ ý nghĩa và viết thành thạo phép cộng, phép trừ theo tình huống.**
- **Tính cộng, trừ thành thạo.**

ÔN TẬP CHUNG

BẠN ĐÃ HỌC

- Tìm số lượng vật của cả hai nhóm bằng phép tính cộng.
- Tìm số vật còn lại sau khi bớt đi bằng phép tính trừ.
- Cộng bằng cách đếm tiếp. Trừ bằng cách đếm lùi.
- Cộng, trừ trong phạm vi 10. Kết quả phép tính cộng một số với 0; Kết quả phép tính trừ một số với 0, trừ một số với chính nó.

1 Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.
Có tất cả bao nhiêu quả bóng màu đỏ, vàng?

5 + 1 = 6

a. Có tất cả bao nhiêu quả màu đỏ, vàng, xanh?

? ? ? = ?

b. Nếu bỏ bớt 2 quả màu xanh thì còn bao nhiêu quả cả ba màu?

? ? ? = ?

80

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (Cá nhân, tổ nhóm)

1. **HS thi đua đọc thuộc bảng trừ trong phạm vi 10.** *GV gắn sẵn các thẻ phép tính trừ trong phạm vi 10 thành bảng*

2 – 1	3 – 2	4 – 3	5 – 4	6 – 5	7 – 6	8 – 7	9 – 8	10 – 9
3 – 1	4 – 2	5 – 3	6 – 4	7 – 5	8 – 6	9 – 7	10 – 8	
4 – 1	5 – 2	6 – 3	7 – 4	8 – 5	9 – 6	10 – 7		
5 – 1	6 – 2	7 – 3	8 – 4	9 – 5	10 – 6			
6 – 1	7 – 2	8 – 3	9 – 4	10 – 5				
7 – 1	8 – 2	9 – 3	10 – 4					
8 – 1	9 – 2	10 – 3						
9 – 1	10 – 2							
10 – 1								

– HS tự đọc tất cả các phép tính của bảng và kết quả.

– Tổ HS đọc tiếp sức, mỗi lượt HS đọc 1 phép tính và kết quả, HS trước đọc sai thì HS sau phải đọc lại và tính là 1 lượt. GV làm trọng tài. Cách đọc theo hàng hay cột do GV quy định. Tính thời gian đọc hết bảng để tính thành tích.

GV khen những tổ tiếp sức hoàn thành trong thời gian ít nhất.

2. **HS viết phép tính theo tình huống.**

– HS lấy 6 hình vuông và 3 hình tam giác dán vào bảng, vừa giơ bảng vừa nói **"Có 6 hình vuông và có 3 hình tam giác"**. HS nghe yêu cầu của GV: Hãy viết phép tính và trả lời câu hỏi **"Có tất cả bao nhiêu hình?"**. HS thực hiện viết phép tính dưới các hình, giơ bảng; HS được chỉ định trả lời câu hỏi. (Phép tính đúng: 6 + 3 = 9, trả lời: Có tất cả 9 hình).

– HS bỏ bớt đi 5 hình vuông, vừa giơ bảng vừa nói **"Có 9 hình, bớt đi 5 hình"**. HS nghe yêu cầu của GV: Hãy viết phép tính và trả lời câu hỏi **"Còn lại bao nhiêu hình?"**. HS thực hiện viết phép tính dưới các hình, giơ bảng; HS được chỉ định trả lời câu hỏi. (Phép tính đúng: 9 – 5 = 4, trả lời: Còn lại 4 hình).

Sau mỗi bước ở trên, GV khen những HS viết phép tính đúng và nhanh, trả lời đúng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (Cá nhân)

1. HS và GV cùng nhắc lại đã biết những gì sau khi học về phép cộng và phép trừ. Chốt như bảng BẠN ĐÃ HỌC trong SHS.
2. **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm tiếp tục luyện kĩ năng viết phép tính theo tình huống. Các bước:

– HS tìm hiểu lệnh "Viết phép tính để tính số quả bóng bay" ứng với mỗi yêu cầu **a, b.**

– HS phân tích từng yêu cầu rồi viết phép tính. *Kết quả đúng: Yêu cầu là tính tất cả số quả đỏ và vàng nên viết phép tính cộng 5 + 1 = 6; Yêu cầu a là tính tất cả số quả ba màu đỏ,*

timdapan.com

2 Tính nhẩm.

a. 3 + 3 = 5 + 4 =

2 + 7 = 2 + 8 =

b. 9 – 3 = 10 – 3 =

8 – 6 = 10 – 8 =

3 Tính.

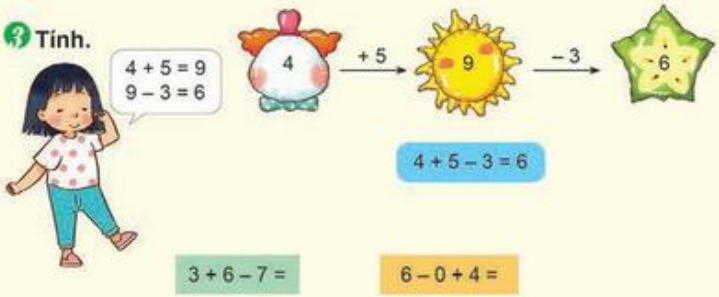

4 + 5 – 3 = 6

3 + 6 – 7 = 6 – 0 + 4 =

1 + 8 – 9 = 5 – 5 + 10 =

4 Với mỗi hình dưới đây:

a. Chọn hai số để số lớn trừ số bé được số ở giữa hình.

b. Chọn ba số để cộng với nhau được số ở giữa hình.

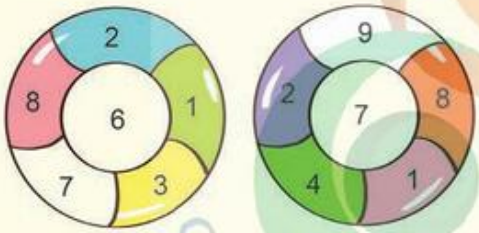

81

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Thành thạo việc biểu thị một tình huống "gộp lại", "thêm vào" bằng phép cộng hai số, ba số.
- Thành thạo việc biểu thị một tình huống "bớt đi" bằng phép trừ.
- Cộng, trừ thành thạo hai số đã cho trong phạm vi 10: cộng bằng đếm tiếp, trừ bằng đếm lùi và nhẩm theo bảng cộng, bảng trừ đã thuộc.
- Tính được nhóm này nhiều hơn/ ít hơn nhóm kia bao nhiêu vật.

3 + 6 – 7 = 2 6 – 0 + 4 = 10

1 + 8 – 9 = 0 5 – 5 + 10 = 10

Tiết 1 kết thúc tại đây.

*vàng, xanh, nhưng đã biết tất cả số quả đỏ và vàng là 6 nên viết phép tính là 6 + 4 = 10; Yêu cầu **b** là tính số quả ba màu sau khi bớt đi 2 quả xanh, mà số quả ba màu đã biết là 10 nên viết phép tính 10 – 2 = 8.*

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS ôn lại tính cộng và tính trừ theo các cách đã học (đếm tiếp, đếm lùi hoặc bảng cộng, trừ).

   HS tự thực hiện các phép tính trong HĐ2. *GV có thể tổ chức hình thức thi đua nào đó thật vui.*

4. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ3 nhằm cho HS luyện tính nhẩm cộng và trừ, đồng thời luyện thực hiện liên tiếp hai phép tính cộng, trừ (dãy tính). Các bước:

– HS tìm hiểu mẫu để biết cách tính kết quả dãy tính có hai phép tính cộng, trừ 4 + 5 – 3 = 6: lấy kết quả phép tính thứ nhất 4 + 5 (là 9) trừ đi 3.

– HS tự thực hiện tính rồi viết kết quả từng dãy tính vào vở. *GV yêu cầu HS tính nhẩm.* Kết quả:

timdapan.com

5. **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** Với HĐ4 HS tiếp tục được luyện tính (nhẩm). Các bước:

– HS tìm hiểu để biết rõ yêu cầu của HĐ4 là với mỗi hình đều thực hiện theo cả hai yêu cầu **a**, **b**.

– HS tự thực hiện với hình bên trái. HS nói hết các kết quả chọn số theo yêu cầu **a**, yêu cầu **b**. Lớp xác nhận kết quả đúng (8 – 2 = 6, 7 – 1 = 6; 2 + 1 + 3 = 6).

– HS tự thực hiện với hình bên phải. Kết quả đúng (9 – 2 = 7, 8 – 1 = 7; 2 + 4 + 1 = 7).

GV có thể tổ chức hình thức thi đua nào đó thật vui, coi như một hoạt động khởi động tiết 2.

6. **HS thực hiện HĐ5 trong SHS.** HĐ5 tiếp tục cho HS luyện tính nhẩm, tích hợp với so sánh hai số (là kết quả hai vế). *GV chú ý nhắc HS quan sát nhận ra đặc điểm liên quan giữa hai vế để tìm ra kết quả so sánh nhanh nhất, ví dụ: vế trái là 5, vế phải là 3 + 2 – 1 thì nhẩm 3 + 2 = 5 rồi nhận xét 5 > 5 – 1, từ đó viết ngay được dấu > vào ô tròn.* Trong HĐ5, tất cả các phép so sánh đều có thể nhận xét để tìm được kết quả nhanh.

HS tự thực hiện rồi thảo luận chung cả lớp về nhận xét đặc điểm để tìm kết quả nhanh. Kết quả:

5 (>) 3 + 2 – 1 7 (=) 7 + 1 – 1

4 (<) 8 – 1 + 2 5 – 3 (<) 3 + 2 – 1

7. **HS thực hiện HĐ6 trong SHS.** HĐ6 nhằm để HS vận dụng tổng hợp hai bảng cộng, trừ và bước đầu nhận ra mối liên quan giữa phép tính cộng và phép tính trừ. Các bước:

– HS tìm hiểu nghĩa của từng số trong mô hình ba hình vuông qua mẫu. *GV gợi ý: che số ở một ô trong mô hình mẫu và yêu cầu HS nói phép tính để tìm lại số đó.*

– HS tự thực hiện viết số vào các ô □, viết trong vở. Khi HS báo kết quả thì *GV yêu cầu HS nói phép tính để tìm ra số đó.* Kết quả đúng:

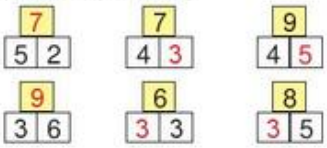

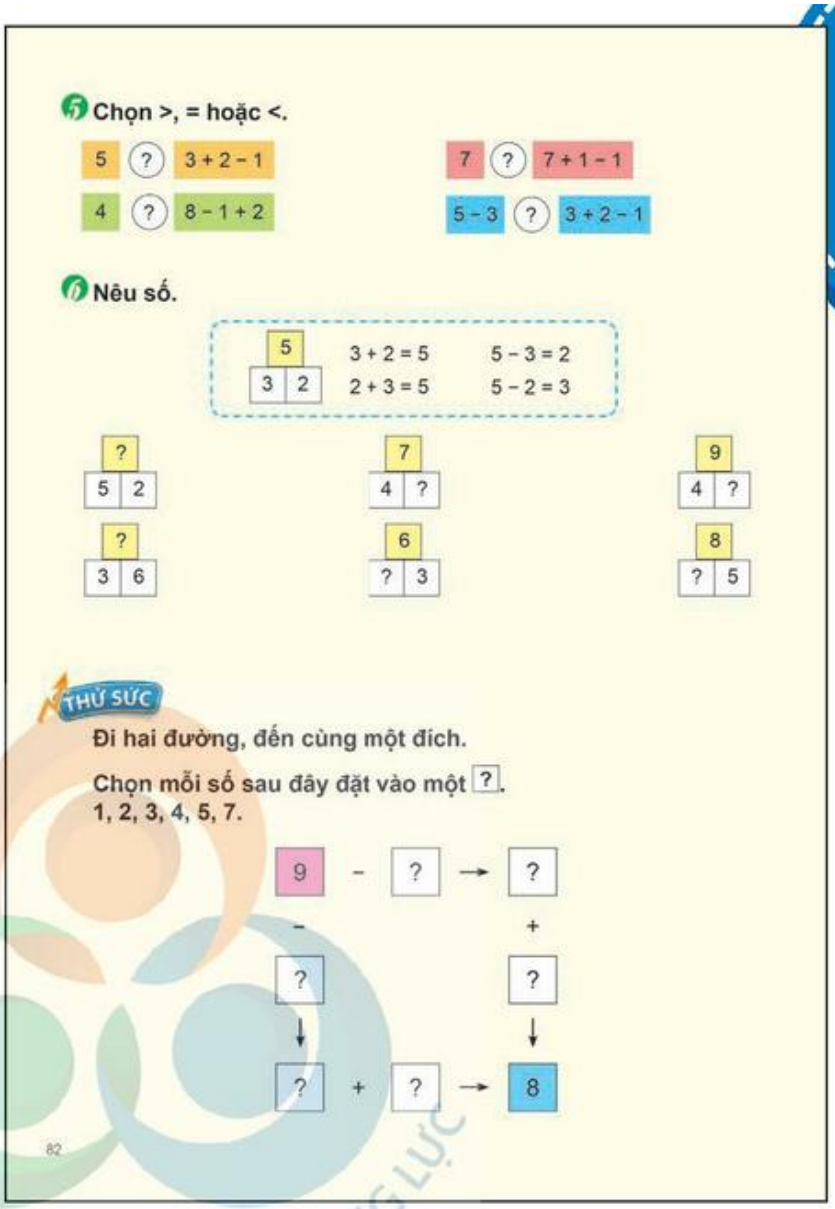

8. (Nhóm hoặc cặp đôi) **HS cùng THỬ SỨC**. Với HĐ này HS vừa phải tính nhẩm tốt đồng thời phải suy luận. Các bước:

– HS tìm hiểu lệnh, các số đã cho, sơ đồ các ô (với gợi ý của GV) để nhận biết ô xuất phát (ô hồng), hai đường đi, ô đích (ô xanh), mũi tên chỉ hướng đi đồng thời cũng thay thế dấu =.

– Nhóm HS cùng thảo luận để viết số vào mỗi ô □. *GV đến từng nhóm theo dõi thảo luận, gợi ý cho HS. GV hướng dẫn suy luận.* Cách suy luận: bắt đầu từ đích, ví dụ đích là 8 thì xem hai cặp số nào trong các số đã cho cộng với nhau bằng 8 (3 + 5 = 8, 7 + 1 = 8), thử vị trí của mỗi số trong từng cặp kết hợp vị trí của hai số chưa chọn để phù hợp với phép tính là được. Kết quả :

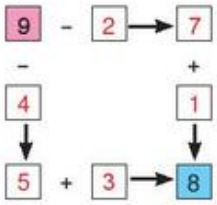

Có thể hoán đổi hai đường đi.

timdapan.com

C

CÁC SỐ ĐẾN 20. CỘNG, TRỪ TRONG PHẠM VI 20

Thời gian: Học kì 1; Tuần 13 – 17; Số tiết 11.

CHỦ ĐỀ BÀI ÔN TẬP	NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
CHỦ ĐỀ 5. Các số đến 20	1. NL tư duy và lập luận toán học: Biết phân tích mỗi số thành số chục và số đơn vị; Biết chọn cách tính để thực hiện nhanh một phép tính cộng, trừ, ... 2. NL mô hình hoá toán học: đọc hiểu mô hình các số từ 10 đến 20, nhận ra mỗi số như thế gồm số chục và số đơn vị,... 3. NL giải quyết vấn đề toán học: Nhận biết vấn đề cần giải quyết khi gặp một tình huống gộp lại; Tìm cách giải quyết vấn đề: chọn được phép tính cộng phù hợp; Thực hiện: tính và trả lời,... 4. NL sử dụng công cụ và phương tiện toán học: sử dụng mô hình số để so sánh, tính toán,... 5. NL giao tiếp toán học: Nghe, hiểu câu hỏi và trả lời,...	– Đếm, đọc, viết thành thạo các số đến 20. – Nhận biết cấu tạo của các số từ 10 đến 20. – Nhận biết thứ tự đếm từ 0 đến 20 là thứ tự từ bé đến lớn; Biết sắp thứ tự một nhóm không quá 4 số trong phạm vi 20.
CHỦ ĐỀ 6. Cộng, trừ trong phạm vi 20		– Biết các cách cộng, trừ và cộng, trừ không nhớ thành thạo trong phạm vi 20. – Nhận ra tình huống cộng, trừ, chọn đúng phép tính, tính và trả lời được câu hỏi đặt ra trong tình huống.
Ôn tập chung		Thông qua bài ôn tập, kiểm tra xem HS có khả năng để: – Đếm, đọc, viết thành thạo các số đến 20. – Nhận biết cấu tạo của các số đến 20. – So sánh và sắp thứ tự một nhóm không quá 4 số. – Cộng, trừ không nhớ các số trong phạm vi 20. – Giải bài toán thực tế bằng cách sử dụng phép cộng hoặc phép trừ.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

timdapan.com

Trong quá trình học phần này, HS sẽ được trải nghiệm:

- Phân loại và đếm đến 20 vật.
- Đọc, viết các số đến 20. Đếm xuôi và đếm ngược trong phạm vi 20; Bổ sung được các thành phần còn thiếu trong dãy số tự nhiên từ 0 đến 20.
- So sánh và sắp thứ tự một nhóm không quá 4 số trong phạm vi 20.
- Sử dụng các số thứ tự đến 20 trong những tình huống thực tế.
- Cộng bằng cách gộp lại rồi đếm hoặc đếm tiếp với hai nhóm vật cụ thể.
- Trừ bằng cách bớt đi hoặc đếm lùi với một nhóm vật cụ thể.
- Giải những bài toán cộng, trừ trong những tình huống đơn giản của cuộc sống hằng ngày.

CHỦ ĐỀ 5
CÁC SỐ ĐẾN 20

Thời gian: Học kì 1; Tuần 13 - 15; Số tiết 5.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Bài 1. Đếm đến 20 (1 tiết)	– Đếm và xác định số lượng một nhóm có đến 20 vật. – Đọc, viết các số từ 11 đến 20.	– Biết đếm tiếp từ 10 những nhóm vật có 11, 12, …, 19, 20 vật. Biết đếm lùi từ 20 đến 11. – Biết lấy ra một nhóm vật có số lượng định trước (không quá 20). – Biết đọc, viết thành thạo các số từ 11 đến 20.	– SHS, Bài 1. – VBT, Bài 1. – Sách mềm - VBT, Bài 1. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 1. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 1. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 1. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 2. Chục và đơn vị (1 tiết)	– Chục, đơn vị. – Cấu tạo số: Mỗi số từ 10 đến 20 gồm số chục và số đơn vị.	– Bằng việc phân chia một nhóm có từ 11 đến 20 vật thành hai phần: 10 vật và các vật lẻ, hiểu rằng mỗi số từ 11 đến 19 gồm 1 chục và số đơn vị. – Biết sắp xếp một nhóm vật có số lượng đã cho trong phạm vi từ 10 đến 20 thành 2 nhóm chục và đơn vị.	– SHS, Bài 2. – VBT, Bài 2. – Sách mềm - VBT, Bài 2. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 2. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 2. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 2. – ĐDDT: Mô hình số.

timdapan.com

Bài 3. **So sánh, sắp thứ tự các số trong phạm vi 20** (1 tiết)	– So sánh (lớn hơn, bé hơn) hai số trong phạm vi 20. – Sắp thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé một nhóm đến 4 số trong phạm vi 20.	– Biết quy trình để so sánh hai số: so sánh các chục; so sánh các đơn vị. – Biết thứ tự đếm là thứ tự từ bé đến lớn: 1, 2, ..., 10, 11, ..., 19, 20. – Biết sắp thứ tự một nhóm có đến 4 số bằng hai cách: so sánh các chục, các đơn vị rồi sắp thứ tự; dùng thứ tự đếm để sắp thứ tự.	– SHS, Bài 3. – VBT, Bài 3. – Sách mềm - VBT, Bài 3. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 3. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 3. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 3. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 4. **Ôn tập 5** (2 tiết)	– Luyện tập kiến thức cơ bản về các số đến 20 và so sánh, sắp thứ tự các số. – Liên hệ thực tế: giải quyết một vấn đề về số lượng và so sánh số lượng của các nhóm đồ vật. – Hoạt động trải nghiệm: Cùng chơi.	– Thành thạo việc xác định số lượng của một nhóm vật có từ 0 đến 20 đồ vật. – Thành thạo đếm, đọc, viết các số từ 0 đến 20. Biết viết mỗi số 10, ..., 20 dưới dạng chục và đơn vị. – Thuộc thứ tự các số từ 0 đến 20 và sắp xếp nhanh một nhóm số (có đến 4 số) theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé, tìm được số bé / lớn nhất trong nhóm số đã cho. – Sử dụng kết quả so sánh hai số để nói được trong hai nhóm vật, nhóm nào nhiều / ít vật hơn.	– SHS, Bài 4. – VBT, Bài 4. – Sách mềm - VBT, Bài 4. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 4. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 4. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 4. – ĐDDT: Mô hình số.

timdapan.com

Đếm đến 20

MỤC TIÊU

- **Biết đếm thành thạo các vật của một nhóm có đến 20 vật.**
- **Đọc, viết được các số từ 11 đến 20.**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Mười một, 11; mười hai, 12; mười ba, 13; mười bốn, 14; mười lăm, 15; mười sáu, 16; mười bảy, 17; mười tám, 18; mười chín, 19; hai mươi, 20.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Cá nhân)

HS trả lời câu hỏi **"Có bao nhiêu?"**. Ví dụ: *GV yêu cầu* và HS thực hiện lần lượt từng việc:

– HS đếm và dán vào bảng con 10 hình, nói: **"Có 10 hình"**.

– HS lấy 3 hình nữa dán tiếp vào bảng, đếm tiếp theo yêu cầu của GV (Đếm đúng: mười một, mười hai, mười ba). GV khen những HS đếm đúng.

– HS trả lời câu hỏi **"Có bao nhiêu hình?"** (Có mười ba hình). GV khen những HS đếm đúng.

– *GV giới thiệu bài mới: Muốn biết có bao nhiêu vật thì phải đếm đúng. Hôm nay chúng ta sẽ học đếm nhiều hơn 10 đồ vật.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

1. **HS đếm đến 10.** *GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.* Các bước:

– HS nhìn vào tranh trong sách của mình, đếm các ô tô ở khung đầu tiên (10 chiếc ô tô). Sau khi vài HS đếm trước lớp đã đúng thì cả lớp đếm đồng thanh theo tay GV chỉ vào từng chiếc ô tô.

Đếm đến 20

84

HS nhắc lại nguyên tắc đếm (không bỏ sót vật cần đếm, không đếm lặp lại).

HS trả lời câu hỏi của GV: "Khung này **có bao nhiêu chiếc ô tô?**" *(GV chỉ vào khung hình đầu tiên)*.

2. **HS đếm nhiều hơn 10 vật, trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu?"**. Các bước với mỗi khung:

– HS tự đếm tiếp các ô tô ở khung thứ hai. Sau khi một số HS đếm trước lớp đã đúng, cả lớp đếm đồng thanh theo tay GV chỉ vào từng chiếc ô tô.

– HS trả lời câu hỏi **"Có bao nhiêu chiếc ô tô?"** (trả lời đúng: Có mười một chiếc).

– HS nghe GV hướng dẫn cách viết số 11 rồi viết một số 11 vào vở.

Hoạt động tương tự với lần lượt mỗi khung tiếp sau đó.

3. **HS đọc các số đếm lần lượt từ 10 đến 20**, chú ý cách đọc số 15 (mười lăm). Đây là chốt kiến thức cơ bản.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ này nhằm để HS luyện đếm các vật của một nhóm có hơn 10 vật và

timdapan.com

1 Số thuyền mỗi đội là số nào? Đọc số đó.

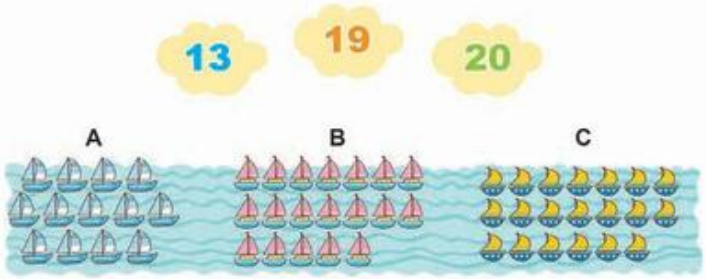

2 Mỗi loại có bao nhiêu?

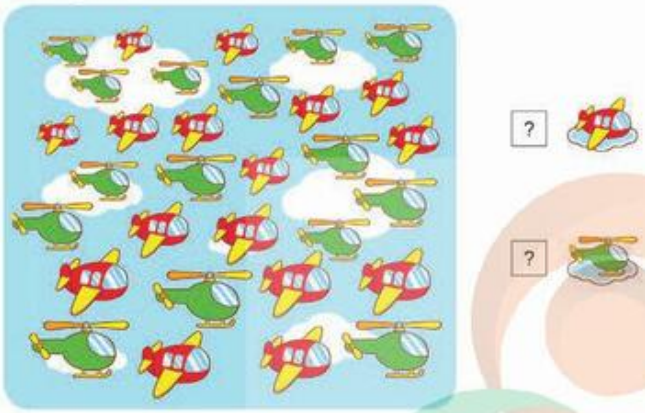

3 Nói lần lượt các số còn thiếu. Đọc tất cả các số trên đoàn tàu.

kết luận nhóm có bao nhiêu vật. *GV chiếu hoặc treo tranh của HĐ1*. Các bước:

– HS xác định các yêu cầu của HĐ: đếm để kết luận số chiếc thuyền của mỗi đội; di ngón tay nối từ mỗi đội thuyền đến số; đọc số.

– HS tự thực hiện. *GV theo sát từng HS để kịp thời giúp những HS đếm nhiều hơn 10 vật chưa vững.*

– Một số HS lên bảng đếm, kết luận số thuyền rồi nối số với đội thuyền. Cả lớp đếm đồng thanh xem HS đó làm đúng không, sửa lại đường nối nếu sai. Số thuyền của mỗi đội lần lượt từ trái sang phải là 13, 19, 20.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm để HS luyện xác định vật cần đếm, tiếp tục luyện đếm và kết luận như HĐ1, đồng thời luyện viết và đọc số. *GV chiếu hoặc treo tranh của HĐ2*. Các bước:

– HS xác định các yêu cầu của HĐ này (đếm xác định số lượng chiếc máy bay từng loại màu đỏ, màu xanh; viết số lượng mỗi loại vào ô trong vở; đọc số).

– HS tự thực hiện đến khi hoàn thành các yêu cầu, viết số vào ☐ trong vở. *GV theo sát từng HS để kịp thời giúp những HS chưa làm đúng yêu cầu.*

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Biết đếm tiếp từ 10 những nhóm vật có 11, 12, ..., 19, 20 vật.**
- **Biết lấy ra một nhóm vật có số lượng bằng một số đã cho (từ 11 đến 20).**
- **Biết đọc, viết thành thạo các số từ 11 đến 20.**

– Một số HS đếm rồi viết số trên bảng, cả lớp đếm đồng thanh để xác định HS đó làm đúng không, sửa bài nếu sai.

Kết quả:

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**: HĐ3 nhằm cho HS viết và đọc các số đếm từ 1 đến 20. HS tự viết vào vở. *GV đánh giá mỗi HS về đếm và viết số đến 20 qua bài làm này.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Nhóm, cá nhân)

HS lấy một số lượng (từ 11 đến 20) **đồ vật** nào đó theo lệnh của GV. HS kiểm tra chéo nhau xem kết quả lấy đồ vật có đúng yêu cầu không. Thực hiện vài lần như vậy. GV nên tổ chức theo hình thức trò chơi nào đó cho vui.

Chốt bài: HS viết số; đọc xuôi, đọc ngược các số từ 1 đến 20. *GV tổ chức sao cho vui, nhẹ nhàng.*

timdapan.com

Chục và đơn vị

MỤC TIÊU

- **Biết rằng khi đếm để biết số lượng các vật, mỗi vật là một đơn vị, 10 đơn vị là một chục.**
- **Nhận biết được mỗi số từ 10 đến 20 gồm hai phần: chục và đơn vị.**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Chục. Đơn vị.

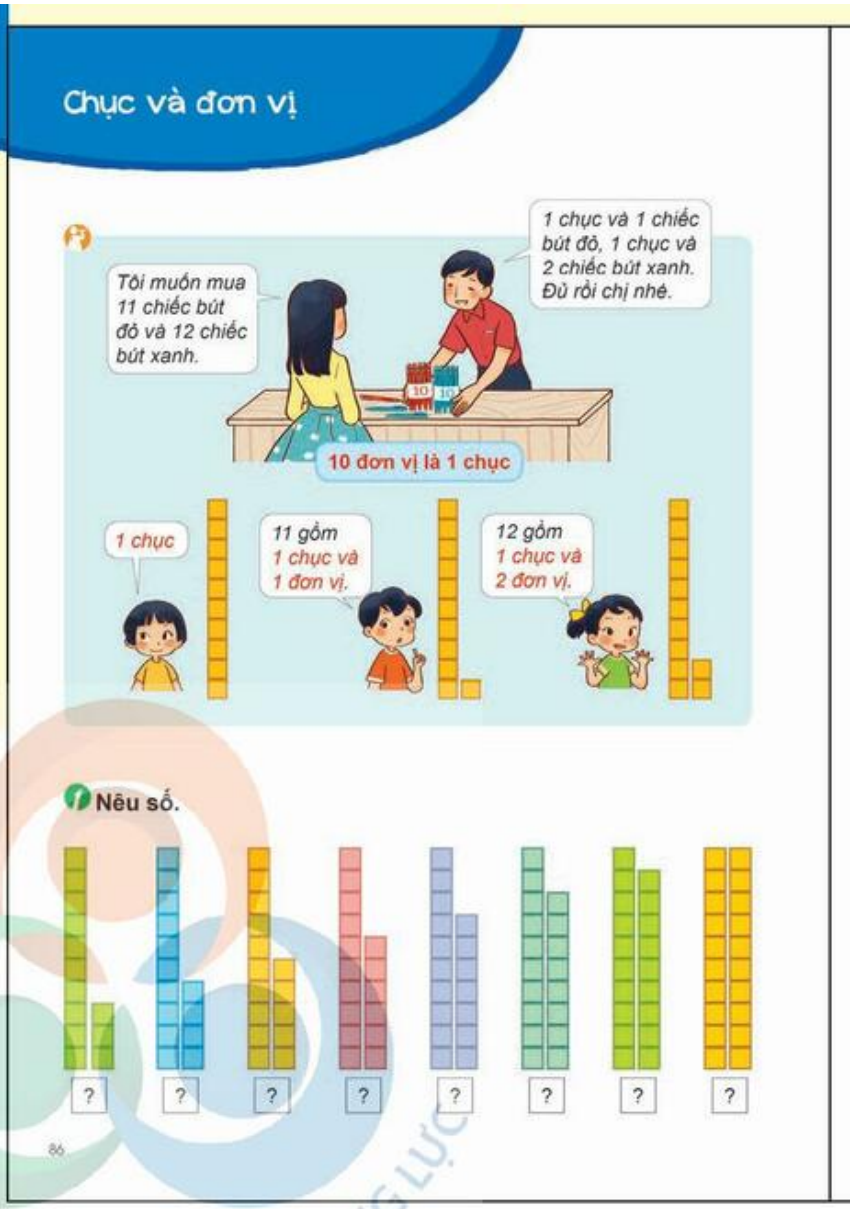

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Cá nhân)

HS trả lời các câu hỏi như: "**Một chục quả trứng là bao nhiêu quả trứng?**", "**Một chục quả cam là bao nhiêu quả cam?**"; ... *GV chiếu hình mục* **Bạn có biết** *của bài* SỐ 10 *ở* Chủ đề 1 *để HS đối chiếu xem các câu trả lời có đúng không.*

GV giới thiệu: Bài học hôm nay chúng ta sẽ biết nhận ra chục và đơn vị có trong một số.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

(Hoạt động chung cả lớp)

1. **HS quan sát tranh của mục Khám phá trong SHS, nhận biết chục và đơn vị.** *GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.* Các bước:

– HS cả lớp quan sát tranh, mô tả nội dung tranh.

– HS nhắc lại nhiều lần hai bóng nói, trả lời các câu hỏi: "**1 chục chiếc bút đỏ là bao nhiêu chiếc bút đỏ?**", "**1 chục và 1 chiếc bút đỏ là bao nhiêu chiếc bút đỏ?**"; "**1 chục chiếc bút xanh là bao nhiêu chiếc bút xanh?**", "**1 chục và 2 chiếc bút xanh là bao nhiêu chiếc bút xanh?**". *GV xác nhận và khen những HS trả lời đúng.*

– HS nghe GV giới thiệu và nhắc lại nhiều lần: "**1 chục chiếc bút đỏ gồm 10 chiếc, 1 chiếc bút đỏ được gọi là 1 đơn vị, 1 chục gồm 10 đơn vị**"; "1 chục chiếc **bút xanh** gồm 10 chiếc, **2 chiếc bút xanh được gọi là 2 đơn vị, 1 chục gồm 10 đơn vị**."

2. **HS nhận biết chục và đơn vị của 3 số 10, 11, 12 thể hiện qua mô hình hình vuông.** Các bước:

HS quan sát mô hình hình vuông của 3 số 10, 11, 12 và tự đọc bóng nói.

HS trả lời câu hỏi: "11 gồm bao nhiêu chục, bao nhiêu đơn vị?", "12 gồm bao nhiêu chục, bao nhiêu đơn vị?", "10 gồm bao nhiêu chục, bao nhiêu đơn vị?". Đây chính là chốt phần Khám phá.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ này nhằm để HS luyện xác định số: mỗi mô hình hình vuông gồm bao nhiêu chục và bao nhiêu đơn vị (hình vuông) từ đó nhận ra mỗi số từ 13 đến 20 tương ứng với mỗi mô hình. *GV chiếu hoặc treo tranh mô hình hình vuông của HĐ1 để HS cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận.* Các bước:

timdapan.com

2 Nêu số.

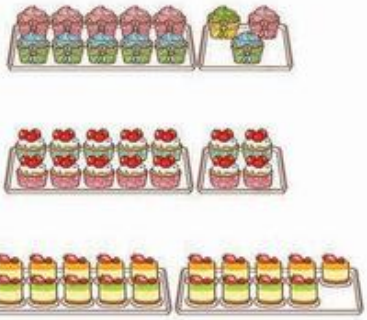

1 chục và 3 đơn vị là 13

1 chục và 4 đơn vị là ?

1 chục và 9 đơn vị là ?

3 Đọc đầy đủ mỗi câu sau.

Mười sáu gồm ? chục và ? đơn vị.

Mười chín gồm ? chục và ? đơn vị.

4 Đếm theo chục và đơn vị rồi trả lời câu hỏi.

Có bao nhiêu quả trứng? Có bao nhiêu quả cam?

87

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Hiểu 1 chục gồm 10 đơn vị, ví dụ: 1 chục chiếc bút đỏ gồm 10 chiếc bút đỏ, 1 chục chiếc bút xanh gồm 10 chiếc bút xanh, 1 chục hình vuông gồm 10 hình vuông, ...**
- **Nhận biết được một số qua mô hình chục và đơn vị. Liên hệ những tình huống thực tế.**
- **Biết sắp xếp một nhóm vật có số lượng đã cho thành 2 phần: chục và các đơn vị.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Nhóm, cá nhân)

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này để HS luyện nhớ cấu tạo các số từ 10 đến 20. Các bước:

– HS tự viết số vào ☐ trong vở. *GV theo dõi và giúp HS chậm.*

– Một số HS nói và viết vào từng ☐ trên bảng đến khi GV và HS cả lớp xác nhận kết quả đúng. HS sửa bài nếu sai.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS**. HĐ này hướng dẫn HS vận dụng cấu tạo chục và đơn vị (đếm theo chục và đơn vị) để nhận ra số lượng đồ vật. *GV chiếu hoặc treo tranh của HĐ4*. HS tìm hiểu hoạt động mẫu rồi tự thực hiện theo lệnh của HĐ4, *GV theo sát để giúp HS còn lúng túng*. Một số HS thực hiện trên bảng đến khi đúng (13 quả trứng, 15 quả cam).

Chốt bài: *HS nói "11 gồm 1 chục và 1 đơn vị" (hoặc ngược lại, theo yêu cầu của GV), ...*

HS lấy thanh chục và những hình vuông xếp thành mô hình số 11, ...

– HS quan sát mô hình đầu tiên, trả lời câu hỏi: "Có bao nhiêu chục và bao nhiêu hình vuông?"

– HS tự nói số ở ô dưới mô hình đầu tiên. Một số HS viết số vào ô trên bảng đến khi đúng (13).

– HS tự nói số ở các ô còn lại. *GV theo sát* để giúp HS (nếu cần).

– Một số HS nói trước lớp mỗi nhóm hình vuông có bao nhiêu chục và bao nhiêu đơn vị rồi đọc số, viết số trên bảng. Cả lớp cùng GV xác nhận kết quả đúng (14, 15, ..., 20).

– **Chốt:** HS nói **"11 gồm 1 chục và 1 đơn vị, 12 gồm .... , 19 gồm ..., 20 gồm ...".** Đây là chốt về cấu tạo các số từ 11 đến 20.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ2 nhằm để HS nhận biết số lượng đồ vật (đã được sắp xếp theo chục và đơn vị). HS tự thực hiện (viết số vào ☐ trong vở) rồi kiểm tra chéo nhau. *GV đánh giá mỗi HS về nhận biết một số theo cấu tạo chục và đơn vị qua bài làm này.*

timdapan.com

So sánh các số trong phạm vi 20

MỤC TIÊU

- **Biết so sánh (lớn hơn, bé hơn) hai số trong phạm vi 20.**
- **Biết sắp thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé một nhóm đến 4 số trong phạm vi 20.**

So sánh các số trong phạm vi 20

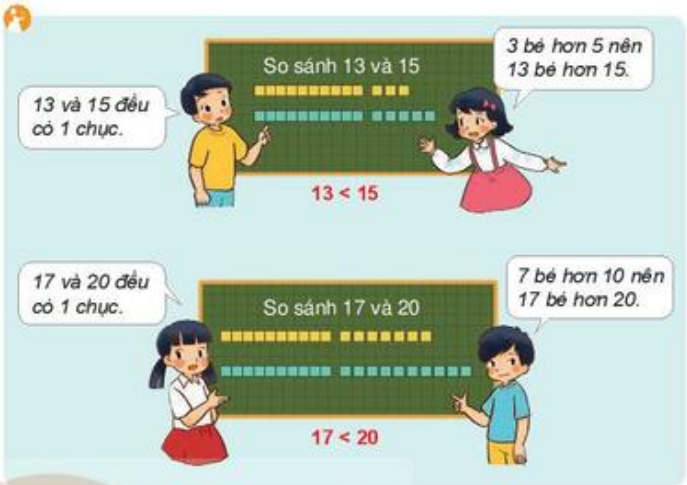

1 Chọn > hoặc <.

a.

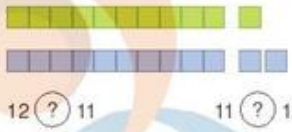

12 ? 11 11 ? 12

b.

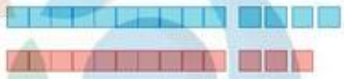

14 ? 13 13 ? 14

88

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Cá nhân)

1. HS trả lời câu hỏi: "**Số nào lớn hơn?**", "**Số nào bé hơn?**" với các số trong phạm vi 10. Ví dụ: "5 và 8 số nào lớn hơn?", "6 và 7 số nào bé hơn?", ...
2. HS trả lời câu hỏi dạng: "12 gồm bao nhiêu chục và bao nhiêu đơn vị?", ...

   GV giới thiệu: Chúng ta đã biết so sánh hai số trong phạm vi 10. Bài học hôm nay chúng ta sẽ học cách so sánh hai số từ 10 đến 20 và biết thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé của các số trong phạm vi 20.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

(Hoạt động cá nhân, chung cả lớp)

HS nhận biết cách so sánh hai số từ 10 đến 20 là so sánh phần đơn vị của hai số đó.

1. **So sánh 13 và 15.** Các bước:

– HS lấy thanh chục và những hình vuông gắn vào bảng con thành mô hình hai số 13 và 15 theo hàng ngang (như tranh của mục Khám phá trong SHS).

– HS tự nhận xét ở mô hình hai số có phần nào như nhau (đều có 1 chục như nhau).

– HS tự so sánh phần đơn vị của hai số (3 < 5) từ đó kết luận (13 < 15)

2. **So sánh 17 và 20.** Các bước tương tự như **1**.
3. **Chốt** (Chung cả lớp):

   HS trả lời câu hỏi: "Các số từ 10 đến 20 có phần nào như nhau?" (Trả lời đúng: đều có 1 chục như nhau).

   Muốn so sánh hai số từ 10 đến 20 thì so sánh thế nào?" (Trả lời đúng: chỉ cần so sánh phần đơn vị, nếu số nào có phần đơn vị lớn hơn thì số đó lớn hơn; riêng 20 gồm 10 và 10 nên 20 lớn hơn các số đến 19).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm để HS thực hành so sánh hai số từ 10 đến 20 theo cách đã chốt ở trên. Các bước:

– HS tự thực hiện viết dấu vào ◯ trong vở, *GV theo sát từng HS để hướng dẫn cho HS chưa biết rõ cách so sánh.*

– HS viết dấu vào lần lượt các ô tròn (*GV đã gắn sẵn mô hình số và vẽ các ô tròn như trong SHS trên bảng*) và giải thích vì sao viết dấu đó đến khi cả lớp xác nhận kết quả đúng.

Kết quả:

a. 12 (>) 11 11 (<) 12 **b.** 14 (>) 13 13 (<) 14

timdapan.com

c.

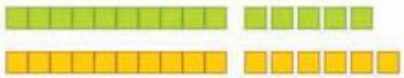

15 ? 16 16 ? 15

d.

20 ? 13 13 ? 20

2 **Sắp xếp các số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn.**

15, 12, 10 10, 12, 15

10, 18, 11, 16 ?, ?, ?, ?

Cả ba số đều có 1 chục. 0 < 2, 2 < 5. Thứ tự là 10, 12, 15.

3 **Trả lời câu hỏi.**

a. Khay nào có nhiều bánh hơn?

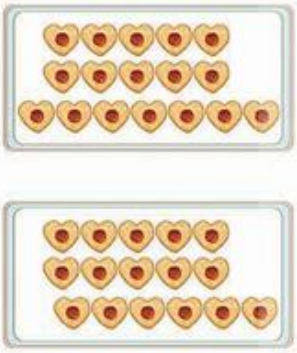

b. Đĩa nào có nhiều quả hơn?

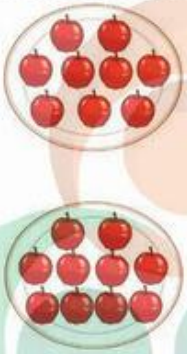

89

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Biết quy trình so sánh hai số: so sánh các chục; so sánh các đơn vị.**
- **Biết thứ tự đếm là thứ tự từ bé đến lớn: 10, 11, ... 19, 20.**
- **Biết sắp thứ tự một nhóm số có đến 4 số bằng cách so sánh số chục và so sánh số đơn vị hoặc cách dùng thứ tự đếm.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Cá nhân)

HS thực hiện HĐ3 trong SHS. HĐ này nhằm cho HS vận dụng so sánh hai số để trả lời câu hỏi. HS tự thực hiện rồi một số HS viết trên bảng, trả lời trước lớp đến khi HS cả lớp cùng GV xác nhận đúng. Ở phần **a**, khay trên có 17 chiếc bánh, khay dưới có 16 chiếc, 17 > 16 nên khay trên nhiều bánh hơn khay dưới. Ở phần **b**, đĩa dưới (10 quả) nhiều hơn đĩa trên (9 quả).

Chốt bài: *HS nói đã biết gì qua bài học này.*

c. 15 < 16 16 > 15 d. 20 > 13 13 < 20

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này để HS nhớ lại "**sắp thứ tự từ bé đến lớn**" là **bắt đầu từ số bé nhất, số sau lớn hơn tất cả các số đứng trước nó**. *GV hướng dẫn HS vận dụng so sánh hai số **từ 10 đến 20 và thứ tự các số trong phạm vi 10** để có cách sắp thứ tự các số đó, ví dụ sắp thứ tự 15, 12, 10: 0 < 2, 5 nên 10 < 12, 15; 2 < 5 nên 12 < 15 tức là có thứ tự 10, 12, 15.*

– HS tự thực hiện viết số vào ☐ trong vở. Một số HS viết kết quả trên bảng (GV đã vẽ sẵn các ô như trong SHS) đến khi đúng, giải thích vì sao viết như vậy. *GV gợi ý để chốt cách làm như đã nêu ở trên.*

– *GV theo dõi, đánh giá từng HS về so sánh và sắp thứ tự các số từ 10 đến 20 qua kết quả thực hiện HĐ này, đồng thời giúp HS chậm.* Cuối cùng *GV tổ chức HS xác nhận kết quả đúng và HS sửa bài nếu sai.* Kết quả: 10, 11, 16, 18.

timdapan.com

Ôn tập 5

MỤC TIÊU

- **Hiểu rõ các số đến 20 và so sánh, sắp thứ tự các số.**
- **Giải quyết một số bài về số lượng và so sánh số lượng của các nhóm đồ vật.**

Ôn tập 5

1 Đếm rồi trả lời câu hỏi.

a. Có bao nhiêu chiếc bút sáp màu?

b. Có bao nhiêu que tính?

c. Có bao nhiêu chiếc bút chì?

d. Có bao nhiêu chiếc tẩy?

2 Lá và hoa nào chỉ cùng một số?

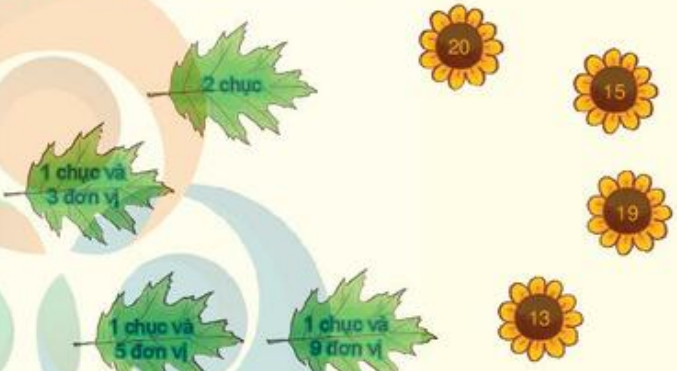

90

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Chung cả lớp)

HS chơi **"Xếp thẻ số theo thứ tự từ bé đến lớn"**.

Chuẩn bị: Có 4 đội chơi, mỗi đội 5 HS. GV tráo 20 thẻ số (thẻ số 1, ..., thẻ số 20), chia đều thành 4 phần mỗi phần 5 chiếc phát cho 4 đội trưởng, đội trưởng phát cho mỗi bạn 1 thẻ.

Cách chơi:

GV công bố tặng mỗi đội 10 ngôi sao.

GV yêu cầu mỗi đội nhắc lại nhiệm vụ: "**Xếp 20 thẻ số theo thứ tự từ bé đến lớn**". GV yêu cầu xếp theo hàng ngang.

Sau khi GV phát lệnh, các HS lần lượt tự động gắn thẻ số lên bảng, bắt đầu từ HS cầm thẻ số 1 rồi đến HS cầm thẻ số 2, ... Khi HS cầm một thẻ không đúng thứ tự lên bảng để gắn thì đội đó bị trừ đi 2 ngôi sao. Sau khi HS trước gắn xong, GV cùng cả lớp đếm xong "1, 2, 3" mà HS cầm thẻ tiếp theo chưa lên gắn tiếp thì đội bị trừ 1 ngôi sao, đếm xong "4, 5, 6" mà chưa lên gắn thì bị trừ tiếp 1 ngôi sao nữa, ... HS gắn đúng và không chậm thì đội được thêm 1 ngôi sao. HS cầm thẻ số 1 lên gắn chậm cũng bị trừ điểm theo luật chơi.

GV thưởng 2 điểm cho đội có HS giơ tay nhanh nhất và trả lời đúng câu hỏi "Còn số nào chưa có ở đây?" (Trả lời đúng: số 0); thêm 2 điểm cho HS gắn thẻ số 0 đúng chỗ trong hàng.

Kết thúc trò chơi GV cùng cả lớp tổng kết xem đội nào nhiều ngôi sao nhất, đội nào có cách tổ chức tốt (chẳng hạn như: xếp hàng lên gắn theo thứ tự từ bạn cầm thẻ số bé nhất đến bạn cầm thẻ số lớn nhất).

GV giới thiệu: Chúng ta đã biết các số từ 0 đến 20 và biết thứ tự từ bé đến lớn của các số đó. Tiết học này chúng ta sẽ luyện tập về các số này để biết áp dụng trong cuộc sống hằng ngày.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. Qua HĐ này HS được ôn luyện kĩ năng nhận ra số lượng từ 10 đến 20 bằng việc đếm hoặc xác định được phần chục và phần đơn vị. Các bước:

– HS viết vào bảng con số lượng bút (bên trái), số lượng que tính (bên phải) rồi giơ lên. *GV xác nhận kết quả đúng.*

– Một số HS được chỉ định trình bày cách xác định số lượng từng loại và trả lời câu hỏi. HS có thể đếm tiếp từ 10; có thể

timdapan.com

3

a. Nêu số viên bi.

? ? ?

b. Câu nói nào đúng?

Số bi đỏ ít hơn số bi vàng.

Số bi xanh nhiều hơn số bi vàng.

Số bi đỏ nhiều hơn số bi xanh.

4 Ai có nhiều kẹo nhất?

91

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Thành thạo đếm, đọc, viết các số từ 0 đến 20. Biết mỗi số 10, ..., 20 gồm bao nhiêu chục và bao nhiêu đơn vị.**
- **Thành thạo việc xác định số lượng của một nhóm vật có từ 0 đến 20 đồ vật. Biết lấy một số lượng vật đã định trước.**
- **Thành thạo việc so sánh hai số, thuộc thứ tự các số từ 0 đến 20 và sắp xếp nhanh một nhóm số theo thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé.**
- **Sử dụng kết quả so sánh hai số để nói được trong hai nhóm vật, nhóm nào nhiều / ít vật hơn.**

nói 10 và 4 là 14, 10 và 7 là 17. *GV nhấn mạnh rằng 1 chục và 4 là 14, ...*

Kết quả:

a. 14 chiếc bút sáp màu. b. 17 que tính.

c. 15 chiếc bút chì. d. 17 chiếc tẩy.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. Qua HĐ này HS được ôn luyện kĩ năng nhận biết một số từ cấu tạo số (gồm phần chục và phần đơn vị) và ngược lại từ một số biết phần chục và phần đơn vị của số đó. HS tự nói chiếc lá và bông hoa thích hợp. Một số HS được chỉ định nói trước lớp lá nào thích hợp với hoa nào và giải thích tại sao.

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. Ở phần **a** của HĐ này HS tiếp tục được ôn luyện kĩ năng nhận ra số lượng từ 10 đến 20. HS có thể khoanh (khoanh vào vở) để xác định phần chục và phần đơn vị, cũng có thể đếm từng đồ vật (viên bi) từ 1 đến hết, rồi viết số vào ☐ trong vở. Ở phần **b** HS so sánh nhẩm hai số là số lượng mỗi nhóm bi (bằng cách so sánh phần đơn vị, hoặc theo thứ tự đếm: số đếm sau lớn hơn số đếm trước) rồi chọn câu đúng ghi vào trong vở.

Các bước: Với mỗi phần **a**, **b** HS tự thực hiện rồi báo kết quả trên bảng và giải thích đến khi HS cả lớp và GV xác nhận đúng. Kết quả đúng:

a. 18 🔴, 20 🟢, 14 🟡.

b. Số 🔴 nhiều hơn số 🟡 (vì 18 gồm 1 chục và 8, 14 gồm 1 chục và 4, 8 > 4 nên 18 > 14; hoặc theo thứ tự đếm 18 đếm sau 14 nên 18 > 14). Tương tự như vậy: Số 🟢 nhiều hơn số 🟡, số 🔴 ít hơn số 🟢. Vậy câu đúng là: Số bi xanh nhiều hơn số bi vàng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Cá nhân) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** HĐ4 cho HS sử dụng kết quả so sánh và sắp thứ tự các số để kết luận người nào có **nhiều / ít** đồ vật (viên kẹo) hơn. Để ra kết quả so sánh và sắp thứ tự, HS phải xác định số lượng kẹo của mỗi người rồi viết số. HS vận dụng điều đã biết: thứ tự các số đếm đến 20 là thứ tự từ bé đến lớn (số đếm sau lớn hơn số đếm trước) để biết ai có nhiều kẹo nhất. Như vậy HĐ4 đòi hỏi HS vận dụng tổng hợp các kiến thức chủ đề 5. HS tự thực hiện vào vở để ra sản phẩm học tập. *GV đánh giá từng HS qua sản phẩm đó.* Kết quả: Hà nhiều kẹo nhất.

timdapan.com

CHỦ ĐỀ 6
CỘNG, TRỪ TRONG PHẠM VI 20

Thời gian: Học kì 1; Tuần 15 - 16; Số tiết 4.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Bài 1. Phép tính cộng dạng 10 + 3 (1 tiết)	Tìm kết quả phép tính cộng dạng 10 + 3 bằng cách sử dụng cấu tạo số hoặc đếm tiếp.	– Biết tính kết quả 10 + 3 bằng hai cách: + Dùng cấu tạo số: 10 và 3 là 13. + Đếm tiếp: từ 10 đếm tiếp thêm 3. – Nhẩm nhanh được kết quả phép tính cộng dạng 10 + 3.	– SHS, Bài 1. – VBT, Bài 1. – Sách mềm - VBT, Bài 1. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 1. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 1. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 1. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 2. Phép tính cộng dạng 14 + 3 (1 tiết)	Thông qua một mô hình số, hiểu được: để cộng số có 2 chữ số với số có một chữ số (không nhớ) ta cộng số đơn vị với số đơn vị, giữ nguyên chục.	Biết đặt phép tính cộng theo cột để thực hiện phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 20.	– SHS, Bài 2. – VBT, Bài 2. – Sách mềm - VBT, Bài 2. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 2. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 2. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 2. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 3. Phép tính trừ dạng 17 – 3 (1 tiết)	Thông qua một mô hình số, hiểu được: để trừ số có 2 chữ số cho số có một chữ số (không nhớ), ta trừ số đơn vị với số đơn vị, giữ nguyên chục.	Biết đặt phép tính trừ theo cột để thực hiện phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 20.	– SHS, Bài 3. – VBT, Bài 3. – Sách mềm - VBT, Bài 3. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 3. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 3. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 3. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 4. Ôn tập 6 (1 tiết)	Luyện tập về các cách cộng, trừ (không nhớ) trong phạm vi 20.	– Nhớ nguyên tắc cộng, trừ (không nhớ) số có 2 chữ số với số có 1 chữ số: cộng, trừ đơn vị với đơn vị, giữ nguyên chục. – Thành thạo cộng, trừ (không nhớ) theo cột.	– SHS, Bài 4. – VBT, Bài 4. – Sách mềm - VBT, Bài 4. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 4. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 4. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 4. – ĐDDT: Mô hình số.

timdapan.com

ÔN TẬP PHẦN C

Thời gian: Học kì 1; Tuần 16 - 17; Số tiết 2.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Ôn tập chung (OTC) (2 tiết)	– Luyện tập đếm, đọc, viết các số từ 0 đến 20; So sánh và sắp thứ tự được một nhóm có đến 4 số. – Luyện tập các cách cộng, trừ (không nhớ) trong phạm vi 20.	– Đếm, đọc, viết thành thạo các số trong phạm vi 20. – Thành thạo, so sánh và sắp thứ tự trong phạm vi 20. – Cộng, trừ (không nhớ) thành thạo trong phạm vi 20. – Vận dụng được vào những tình huống cộng hoặc trừ trong thực tế.	– SHS, Bài OTC. – Sách mềm - VBT, Bài OTC. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài OTC. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài OTC. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài OTC. – ĐDDT: Mô hình số.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

timdapan.com

Phép tính cộng dạng 10 + 3

MỤC TIÊU

Biết kết quả phép tính cộng 10 + 3 là 13.

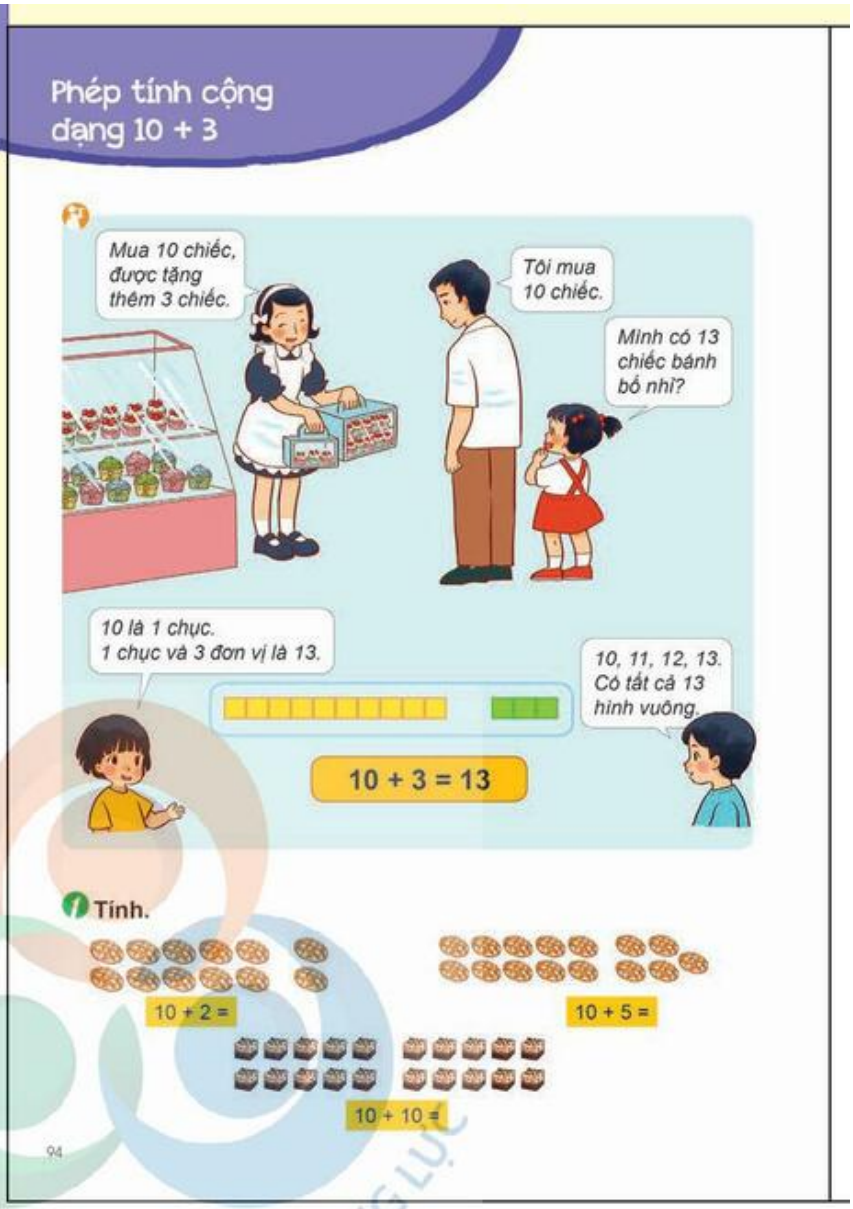

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Chung cả lớp)

HS trả lời câu hỏi **"Có bao nhiêu?"**. Ví dụ: *GV cho HS xem một nhóm đồ vật gồm một gói (túi, vỉ, hộp, ...) 10 đồ vật và một số đồ vật lẻ từ 1 đến 9, yêu cầu HS trả lời câu hỏi **"Có tất cả bao nhiêu (tên đồ vật)?"**.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

(Cá nhân, chung cả lớp)

1. **HS quan sát tranh ở mục Khám phá trong SHS, nhận ra tình huống "thêm vào" dẫn tới phép tính cộng 10 + 3.** *GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.* Các bước:

– HS quan sát tranh, nhằm nội dung tranh. Một số HS được chỉ định nói nội dung tranh trước lớp. *GV điều khiển để HS nói đúng nội dung chính:* ***Bố mua 10 chiếc bánh, được tặng thêm 3 chiếc nữa.***

– HS thực hiện yêu cầu: **Viết phép tính** vào bảng con, **trả lời câu hỏi** "Bố mua 10 chiếc bánh thì được tất cả bao nhiêu chiếc bánh?". *GV cho HS đối chiếu, xác định xem bạn gái trong tranh nói đúng không (Phép tính: 10 + 3, bạn gái nói đúng).*

2. **HS tính 10 + 3 bằng hai cách.** *GV dán lên bảng 10 hình vuông vàng (thanh chục) và 3 hình vuông xanh.*

Các bước:

– HS viết vào bảng con phép tính tìm số hình vuông cả hai màu vàng và xanh. Một số HS nói, viết trên bảng (10 + 3).

– HS viết vào bảng con kết quả phép tính (10 + 3 = 13). Lần lượt một số HS được chỉ định trình bày cách tính, viết kết quả.

*GV gợi ý HS chốt **hai cách** tìm kết quả phép tính 10 + 3:*

***Cách 1: 10** (1 chục) và **3** (đơn vị) là **13**;*

***Cách 2:** Đếm tiếp từ 10 thêm 3 đơn vị (**10**, 11, 12, 13).*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ1 nhằm luyện HS tìm kết quả phép tính dạng 10 + 3. Các bước:

– HS quan sát từng bộ hình vẽ và phép tính, trả lời các câu hỏi "Phép tính 10 + 2 là phép tính tìm số lượng gì?" (trả lời đúng: tìm số lượng bánh của cả hai nhóm 10 chiếc và 2 chiếc), ...

– *HS viết phép tính và kết quả vào bảng con. GV theo sát từng HS để kịp thời giúp những HS chậm.* Một số HS được chỉ định viết phép tính và kết quả trên bảng và trình bày cách tìm ra số đó.

timdapan.com

2 Nêu kết quả phép tính.

10 + 1 = ?	10 + 4 = ?	10 + 8 = ?
7 + 10 = ?	9 + 10 = ?	6 + 10 = ?

3 Tính.

6 + 4 + 3 = ?

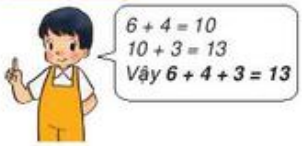

7 + 3 + 6 =	9 + 1 + 2 =
5 + 5 + 4 =	2 + 8 + 5 =

THỬ SỨC

Bạn hãy làm theo cách của mỗi bạn dưới đây nhé!

95

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Bằng việc hiểu 10 và 3 là 13, HS suy ra 10 + 3 = 13.**
- **Bằng việc từ 10 đếm tiếp thêm 3, HS biết được 10 + 3 = 13.**
- **HS nhẩm nhanh kết quả các phép tính cộng dạng 10 + 3.**

*GV gợi ý để HS nhận ra tìm kết quả phép cộng theo **cách 1** nhanh hơn và có thể nhẩm ngay được.*

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm để HS luyện nhẩm kết quả phép tính cộng dạng 10 + 3. Các bước:

– HS tự thực hiện, viết số vào ☐ trong vở. *GV theo sát, đánh giá từng HS về cộng dạng 10 + 3 qua kết quả viết số vào ô.*

– Một số HS được chỉ định nói, viết trên bảng lần lượt kết quả điền số đến khi HS dưới lớp cùng GV xác nhận đúng. Từng cặp HS soát bài của nhau, yêu cầu bạn sửa nếu sai.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** Với HĐ3, HS vận dụng tính nhẩm dạng 10 + 3 khi cộng ba số trong đó có kết quả cộng hai số là 10. Các dãy tính ở đây đều có kết quả cộng hai số đầu là 10, chưa đề cập tính chất kết hợp, giao hoán. Các bước:

– HS tự nghiên cứu mẫu (nhanh, vì HS đã quen cộng ba số). Một số HS được chỉ định nói cách nhẩm trước lớp.

– HS tự thực hiện đến khi hoàn thành tính xong các dãy tính, viết kết quả vào vở. *GV theo sát từng HS để kịp thời giúp những HS chưa vững.*

– Lần lượt HS nói các bước tính nhẩm và kết quả (*GV viết trên bảng*). Từng cặp HS soát bài cho nhau, yêu cầu bạn sửa bài nếu sai.

Chốt bài: HS trả lời lần lượt từng câu hỏi sau:

– Qua các việc làm hôm nay chúng ta biết được gì? (*GV gợi ý để HS nói được*: **biết tìm kết quả phép tính cộng 1 chục (10) với một số đơn vị**).

– Có những cách nào để tìm kết quả? Em thích cách nào hơn, vì sao? (GV viết ra một ví dụ phép tính để HS trình bày cho dễ).

2. **HS thực hiện THỬ SỨC** (tuỳ theo thời gian cho phép): HĐ nhằm gợi mở để HS vận dụng ***hai cách*** đã biết để tìm kết quả phép tính cộng hai số có 1 chữ số mà kết quả vượt quá 10. HS lần lượt làm theo cách gợi ý của 2 bạn trong tranh: bạn bên trái (lấy 4 từ 8 cộng với 6 cho đủ 10, 10 và 4 còn lại thành 14), bạn bên phải (từ 6, đếm tiếp thêm 8).

timdapan.com

Phép tính cộng dạng 14 + 3

MỤC TIÊU

- **Biết cách cộng 14 + 3: cộng đơn vị với đơn vị, giữ nguyên 1 chục.**
- **Biết cách cộng theo cột dọc.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động nhóm)

HS thi cộng nhẩm nhanh: 3 nhóm hoặc 4 nhóm thi, các nhóm có số người bằng nhau.

Chuẩn bị: *GV làm sẵn các thẻ phép tính cho mỗi nhóm, các nhóm có số phép tính bằng nhau, với dạng phép tính giống nhau.* Ví dụ:

10 + 5 =	10 + 2 =	10 + 4 =
7 + 10 =	9 + 10 =	6 + 10 =
3 + 7 + 4 =	5 + 5 + 6 =	9 + 1 + 3 =
.....	.....	.....

GV phát tập thẻ cho nhóm trưởng. Khi GV nói "Bắt đầu!" thì các nhóm trưởng tổ chức cho nhóm của mình viết kết quả phép tính vào thẻ. Nhóm nào viết xong hết các thẻ thì nộp lại cho GV.

Nhóm nào có nhiều phép tính đúng và nhanh nhất sẽ thắng cuộc. *GV khen nhóm biết tổ chức tốt, chẳng hạn cách nhóm trưởng phát thẻ cho các bạn viết kết quả rồi phân công soát kết quả của nhau, ...*

Sau khi tuyên bố xếp hạng các nhóm, GV đưa ra phép tính 14 + 3, hỏi HS có tính được không. Nếu có HS tính được thì khen HS đó rồi ***giới thiệu bài mới:*** *Hôm nay chúng ta sẽ học phép tính cộng dạng 14 + 3.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

1. (Cặp đôi) **HS khám phá cách tính 14 + 3:**

– HS dán vào bảng con 14 hình vuông vàng (1 thanh chục và 4 hình vuông) rồi dán thêm 3 hình vuông xanh. *GV cũng dán hình như vậy trên bảng.*

Phép tính cộng dạng 14 + 3

14 + 3 = ?

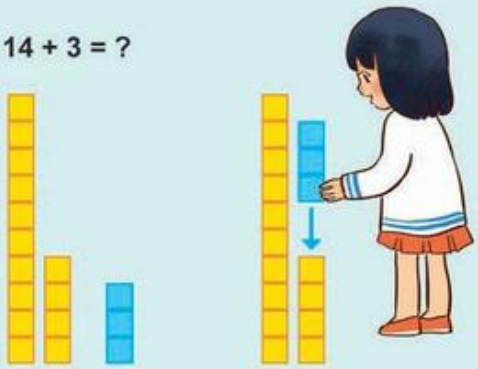

$\begin{array}{r} 14 \\ +\ 3 \\ \hline 17 \end{array}$ 4 cộng 3 bằng 7, viết 7. Hạ 1 chục, viết 1.

Vậy 14 + 3 = 17

Tính.

$\begin{array}{r} 11 \\ +\ 5 \\ \hline 16 \end{array}$ $\begin{array}{r} 13 \\ +\ 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 15 \\ +\ 2 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 12 \\ +\ 7 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 10 \\ +\ 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 14 \\ +\ 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 12 \\ +\ 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 11 \\ +\ 8 \\ \hline \end{array}$

96

– Viết vào bảng con phép tính tìm số lượng hình vuông cả hai màu (phép tính đúng: 14 + 3).

– Các nhóm lần lượt nói kết quả và trình bày cách tính (HS có thể đếm, đếm tiếp, có thể nhận thấy kết quả cộng gồm 1 chục và 7 đơn vị). *GV gợi ý để HS nhận ra;* ***khi gộp 14 hình vàng và 3 hình xanh*** *thì có* ***1 thanh chục*** *và số hình vuông lẻ là* ***4 (hình vàng) + 3 (hình xanh) = 7 (hình)****, tức là có 17 hình vuông (lúc này GV di chuyển 3 hình xanh chồng lên 4 hình vàng). Như vậy khi* ***cộng 14 với 3 thì****:*

- ***4 cộng 3***
- ***giữ nguyên 1 chục***

2. (Cá nhân) **HS làm quen với cách viết phép tính theo cột:**

– HS quan sát phép tính theo cột ở mục Khám phá trong SHS, viết lại phép tính theo cột đó vào bảng con và tính kết quả. Một số HS được chỉ định viết trên bảng.

Chốt:

– HS nói các bước cộng: 14 + 3. *GV chỉ vào mô hình hình vuông theo từng bước mà HS nói.*

– HS viết theo cột rồi tính một phép tính cộng dạng 14 + 3 mà GV đưa ra (ví dụ 12 + 7). *GV gợi ý để HS biết cách đặt tính*

timdapan.com

2 **Đặt tính rồi tính.**

13 + 5 =	16 + 2 =
15 + 4 =	11 + 7 =

3 **Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.**

Nam có tất cả bao nhiêu chiếc bút chì màu?

? ? 12 = ?

THỬ SỨC

Hãy tính xem hai mẹ con đã bẻ được bao nhiêu bắp ngô.

97

theo cột: viết số đơn vị thẳng cột với số đơn vị (để cộng các đơn vị với nhau), viết dấu cộng bên trái và giữa hai dòng số, vẽ gạch ngang dưới hai số, viết kết quả dưới gạch. HS viết sai thì sửa lại cho đúng rồi mới tính.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm để HS thực hành tính theo cột.

– HS tự thực hiện, viết vào vở. *GV theo sát từng HS để kịp thời giúp HS làm cho đúng:* **Viết kết quả cộng các số đơn vị với nhau, hạ 1 chục xuống kết quả;** *đánh giá từng HS.*

– Một số HS thực hiện cộng trên bảng đến khi GV cùng cả lớp xác nhận đúng, HS sai thì sửa bài.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này yêu cầu HS tự đặt tính rồi tính để HS được khắc sâu: cộng đơn vị với nhau nên phải viết hai số đơn vị thẳng cột với nhau (sau này là cộng các số cùng đơn vị hàng với nhau). Các bước:

– HS viết vào bảng con phép tính 13 + 5 theo cột. *GV quan sát, nếu thấy HS viết sai thì cho HS cả lớp xem một bảng viết đúng và một bảng viết sai*, HS nhận xét và chốt phải viết đơn vị thẳng cột với đơn vị.

– HS tự viết và tính tất cả các phép tính vào vở. *GV theo sát từng HS, giúp đỡ những HS chưa vững.*

– 4 HS được chỉ định thực hiện 4 phép tính trên bảng đến khi GV và HS dưới lớp xác nhận đúng. HS sai thì sửa bài.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Thực hiện thành thạo các bước cộng theo cột.**
- **Hiểu cách cộng 14 + 3: cộng đơn vị với đơn vị, giữ nguyên 1 chục.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. Cách tổ chức HĐ này như những HĐ cùng dạng trước đó. HS phải viết được phép tính 3 + 12 = 15 và trả lời câu hỏi.

THỬ SỨC Đây là một **gợi ý** để HS tự tìm ra **cách** cộng ngoài dạng đã học: 17 + 3. *GV gợi ý HS đếm tiếp để tính 17 + 3.*

Chốt bài: HS nói hai bước cộng dạng 14 + 3.

timdapan.com

Phép tính trừ dạng 17 – 3

MỤC TIÊU

- **Biết thực hiện phép tính trừ dạng 17 – 3: trừ đơn vị với đơn vị, giữ nguyên 1 chục.**
- **Biết cách trừ theo cột dọc.**

Phép tính trừ dạng 17 – 3

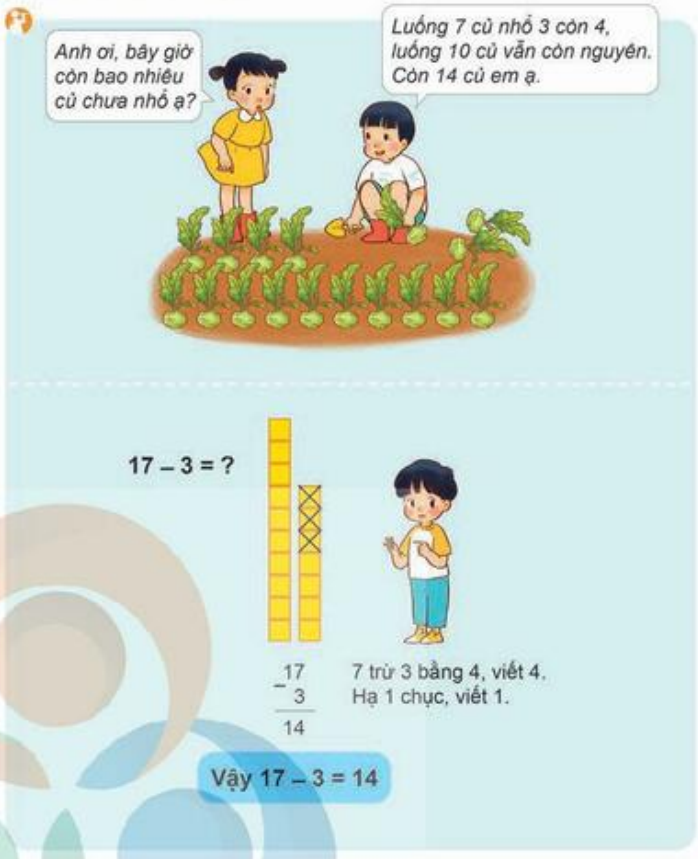

98

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Cá nhân)

HS trả lời câu hỏi **"Còn lại bao nhiêu?"**. Ví dụ: *GV yêu cầu* và HS thực hiện lần lượt từng việc:

– HS đếm và dán vào bảng con 17 hình, nói: **"Có 17 hình"**.

– HS bớt đi 3, nói: **"Bớt đi 3 hình"**

– HS trả lời câu hỏi **"Còn lại bao nhiêu hình?"** GV giới thiệu bài mới: *Hôm nay chúng ta sẽ học phép tính trừ dạng 17 – 3.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

1. (Cá nhân) **HS quan sát tranh, nhận biết cách tính số củ su hào còn lại.** *GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.* Các bước:

– HS quan sát tranh trong sách của mình, tìm hiểu cách nhổ và cách tính số củ su hào còn lại qua bóng nói của người anh. Một số HS được chỉ định mô tả lại, *GV gợi ý để HS mô tả ý chính:* Vườn có 17 củ su hào gồm một luống 10 củ và một luống 7 củ, hai anh em nhổ 3 củ ở luống 7 củ.

– HS trả lời câu hỏi: "Người anh đã tính số củ su hào còn lại bằng cách nào?".

2. (Cặp đôi) **HS nhận biết cách tính 17 – 3.** Các bước:

– Cặp đôi HS lấy 17 hình vuông dán vào bảng con theo mô hình gồm 1 chục và 7 đơn vị, giơ bảng và đọc số 17.

– Cặp đôi HS nói và thao tác trên các hình vuông để tìm kết quả 17 – 3, viết kết quả rồi giơ bảng con. *GV bao quát để biết HS nào bớt 3 hình vuông từ cột đơn vị, HS nào bớt từ cột chục, chỉ định 2 HS bớt theo 2 cách khác nhau giơ bảng cho cả lớp xem.*

– HS nhận xét nên làm theo cách nào, giải thích vì sao. *GV có thể phải gợi ý để HS nhận ra cách bớt 3 hình vuông ở cột đơn vị hợp lí hơn vì nhìn vào thấy ngay còn 1 chục và 4 đơn vị.*

– HS quan sát tranh mô hình tính trừ 17 – 3 trên bảng (*GV chiếu hoặc treo sẵn*). Một số HS nói từng bước thực hiện theo bóng nói và kết quả, *GV viết phép tính dạng cột theo từng bước đó.*

– HS viết phép tính 17 – 3 dạng cột vào vở, nói và viết từng bước khi tính:

+ 7 trừ 3 bằng 4, viết 4

+ giữ nguyên 1 chục, viết 1. Kết quả là 14.

timdapan.com

1 Tính.

14	17	15	16	19
− 1	− 5	− 2	− 6	− 8

2 Đặt tính rồi tính.

14 – 3 =	13 – 1 =	16 – 5 =	18 – 6 =
19 – 4 =	15 – 3 =	12 – 2 =	17 – 7 =

3 Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.

Có bao nhiêu con vịt đã vào trong vườn?

99

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Thực hiện thành thạo các bước trừ theo cột.**
- **Từ việc hiểu cách trừ 17 – 3: trừ đơn vị với đơn vị, giữ nguyên 1 chục, HS biết tính nhẩm phép tính trừ dạng 17 – 3.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này để HS thực hành phép tính theo cột.

– HS tự thực hiện, viết vào vở. *GV theo sát từng HS để kịp thời giúp HS làm cho đúng:* **viết kết quả trừ các số đơn vị với nhau, hạ 1 chục xuống kết quả**; *đánh giá từng HS.*

– Một số HS vừa nói vừa viết từng bước tính trên bảng, mỗi HS viết một phép tính đồng thời HS cùng GV xác nhận đúng. HS sửa bài nếu sai.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này yêu cầu HS tự đặt tính rồi tính để HS được khắc sâu: trừ đơn vị với nhau nên phải viết hai số đơn vị thẳng cột với nhau (sau này là trừ các số cùng đơn vị hàng với nhau). Các bước:

– HS viết vào bảng con phép tính 14 – 3 theo cột. *GV quan sát, nếu thấy HS viết sai thì cho HS cả lớp xem một bảng viết đúng và một bảng viết sai*, HS nhận xét và chốt phải viết đơn vị thẳng cột với đơn vị.

– HS tự viết và tính tất cả các phép tính vào vở. *GV theo sát từng HS, giúp đỡ những HS chưa vững.*

– Một số HS được chỉ định thực hiện phép tính trên bảng đến khi GV và HS dưới lớp xác nhận đúng. HS sai thì sửa bài.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** Các bước:

– HS xác định các việc qua lệnh của HĐ3.

– HS quan sát tranh, nhận biết nội dung của tranh qua bóng nói. Một số HS được chỉ định mô tả lại nội dung, *GV gợi ý để HS mô tả ý chính:* Nhà Mai có 19 con vịt. 8 con ở đây (nhìn thấy), còn lại đã vào trong vườn (không nhìn thấy).

– HS nhận ra bớt đi 8 con vịt ở đây từ số 19 con vịt, số con còn lại là vịt đã vào trong vườn. *GV có thể phải gợi ý để HS nói được điều đó.* Một số HS nói trước lớp.

– HS tự viết vào vở phép tính để tìm số con vịt đã vào trong vườn. Một số HS được chỉ định viết phép tính trên bảng rồi trả lời câu hỏi (phép tính đúng: 19 – 8 = 11).

Chốt bài: HS nói hai bước tính trừ dạng 17 – 3.

timdapan.com

Ôn tập 6

MỤC TIÊU

Thành thạo cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 20.

Ôn tập 6

1 Tính.

$$\begin{array}{r} 10 \\ +\ 5 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 13 \\ +\ 6 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 12 \\ +\ 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 14 \\ -\ 3 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 18 \\ -\ 7 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 18 \\ -\ 8 \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính.

16 + 2 = 14 + 5 =

19 – 6 = 17 – 7 =

3 Tính.

12 + 3 – 4 = 19 – 9 + 5 =

19 – 3 – 2 =

4 Chọn >, = hoặc <.

12 + 7 ? 19 – 1 13 + 6 ? 10 + 9

18 – 5 ? 18 – 4

100

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Cá nhân)

– HS trả lời 2 dạng câu hỏi **"Có tất cả bao nhiêu?"**, **"Còn lại bao nhiêu?"**. *GV yêu cầu* HS theo dõi "câu chuyện" rồi trả lời câu hỏi và nói cách tính, ai đúng và nhanh nhất sẽ được thưởng (hình thức thưởng nào đó thích hợp làm cho HS vui vẻ). Ví dụ về "câu chuyện":

Có 10 chú thỏ trắng đang ăn cà rốt trong vườn, bỗng có 3 chú thỏ nâu ở đâu chạy tới cùng ăn. Bây giờ có tất cả bao nhiêu chú thỏ cùng ăn cà rốt?

– Ăn no rồi 2 chú thỏ rủ nhau chạy ra sân. Còn lại bao nhiêu chú thỏ vẫn ở trong vườn?... Cứ thế GV tiếp tục tạo thêm các tình huống cộng, trừ dạng đã học, kéo dài câu chuyện. Thời gian khởi động này chỉ nên lâu nhất là 5 phút.

GV dẫn: Để tính toán tốt, trả lời nhanh những câu hỏi như vừa rồi, hôm nay chúng ta sẽ ôn và luyện tập cộng, trừ trong phạm vi 20 theo các dạng đã học.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ1 nhằm để HS luyện tính theo cột, cũng là để HS nhớ rằng phải cộng, trừ các đơn vị với nhau, giữ nguyên 1 chục. *GV viết sẵn các cột tính trên bảng*. Các bước:

– HS tự thực hiện các phép tính cộng, viết vào vở. *GV theo sát từng HS để biết rõ mức độ kĩ năng về cộng dạng 14 + 3 của từng HS, giúp đỡ những HS chưa vững (chú ý nhắc HS cộng đơn vị trước, viết kết quả thẳng cột đơn vị; giữ nguyên 1 chục tức là viết 1 vào kết quả thẳng cột trên xuống).*

– 3 HS được chỉ định tính 3 phép tính cộng trên bảng. HS dưới lớp nhận xét. HS sai thì sửa bài.

– HS được chỉ định nói các bước tính cộng dạng 14 + 3.

Hoạt động với phép tính trừ tương tự như với phép tính cộng.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này yêu cầu HS tự đặt tính rồi tính để HS được khắc sâu: cộng / trừ đơn vị với nhau nên phải viết hai số đơn vị thẳng cột với nhau (sau này là cộng / trừ các số cùng đơn vị hàng với nhau). Các bước:

– HS viết vào bảng con phép tính 16 + 2 theo cột. *GV quan sát, nếu thấy HS viết sai thì cho HS cả lớp xem một bảng viết đúng và một bảng viết sai*, HS nhận xét và chốt phải viết đơn vị thẳng cột với đơn vị.

– HS tự viết và tính tất cả các phép tính. *GV theo sát từng HS, giúp đỡ những HS chưa vững.*

timdapan.com

5 Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.

a. Cả hai đội ném được bao nhiêu quả bóng vào rổ?

10 ? 8 = ?

b. Đội đỏ có một bạn ném được 3 quả vào rổ. Các bạn còn lại của đội đó ném được bao nhiêu quả vào rổ?

10 ? 3 = ?

101

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Nhớ thực hiện các phép tính cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 20 theo nguyên tắc cộng, trừ các số đơn vị với nhau và giữ nguyên 1 chục (nếu có).**
- **Thành thạo cộng trừ không nhớ theo cột dạng 14 + 3 (bao gồm cả dạng 10 + 3), 17 – 3 (bao gồm cả dạng 17 – 7).**

– 4 HS được chỉ định thực hiện 4 phép tính trên bảng đến khi GV và HS dưới lớp xác nhận đúng. HS sai thì sửa bài.

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HS tự tính. HS được chỉ định nói các bước tính từng dãy tính (ví dụ: 12 + 3 = 15, 15 – 4 = 11, vậy 12 + 3 – 4 = 11). Kết quả:

12 + 3 – 4 = 11 19 – 9 + 5 = 15

19 – 3 – 2 = 14

4. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS**. HĐ này nhằm để HS tiếp tục luyện tính, đồng thời tích hợp so sánh hai số từ 10 đến 20. HS cũng có cơ hội luyện kĩ năng quan sát, nhận xét đặc điểm riêng để so sánh ngay mà không cần phải tính hết cả hai vế. Các bước:

– HS tự thực hiện, viết dấu vào ◯ trong vở. *GV theo sát từng HS để đánh giá kĩ năng tính toán và so sánh hai số, đặc biệt xem có HS nào nhận ra đặc điểm để so sánh ngay mà không cần tính kết quả cả hai vế của* 12 + 7 ◯ 19 – 1 *và* 18 – 5 ◯ 18 – 4.

– Một số HS được chỉ định trình bày tính rồi viết dấu vào ◯ (trên bảng). *GV mời HS biết nhận xét để so sánh nhanh trình bày trước lớp, nếu không có HS nào thì GV gợi ý cho HS nhận ra đặc điểm để HS suy luận. Kết quả:*

12 + 7 > 19 – 1 13 + 6 = 10 + 9

18 – 5 < 18 – 4

5. **HS thực hiện HĐ5 trong SHS.** HS tiếp tục được ôn luyện kĩ năng viết phép tính thích hợp với tình huống và câu hỏi đặt ra. Phần **a** là tình huống gộp lại và trả lời câu hỏi dạng **"Tất cả có bao nhiêu?"** đã rất quen thuộc với HS. Phần **b** là tình huống bớt đi thì còn lại bao nhiêu bằng phép tính trừ. Các bước:

– HS tìm hiểu nội dung tranh, đếm số quả bóng trong rổ của mỗi đội.

– HS tự thực hiện phần **a.** viết phép tính vào vở và nói câu trả lời. HS được chỉ định viết phép tính (trên bảng) và trả lời câu hỏi. Phép tính đúng: 10 + 8 = 18.

– HS tự thực hiện phần **b.** GV gợi ý nếu HS lúng túng. HS được chỉ định viết phép tính (trên bảng) và trả lời câu hỏi. Phép tính đúng: 10 – 3 = 7.

Chốt chủ đề: HS nói sau khi học CỘNG, TRỪ TRONG PHẠM VI 20 đã biết:

Tính các phép tính dạng 10 + 3, 14 + 3, 17 – 3. Đặc điểm chung của cách tính các phép tính đó là: cộng (trừ) số đơn vị với số đơn vị, giữ nguyên 1 chục.

timdapan.com

ÔN TẬP CHUNG

MỤC TIÊU

Học sinh nhuần nhuyễn các kĩ năng đếm, đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 20 và kĩ năng cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 20.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

1. HS trả lời câu hỏi **"Có bao nhiêu hình?"**, **"Có tất cả bao nhiêu hình?"**. *GV chuẩn bị sẵn những cặp bảng con đã dán hình, ví dụ một bảng đã dán 10 hình vuông màu vàng và 2 hình tam giác màu vàng, một bảng đã dán 5 hình tam giác màu xanh.* Mỗi lần có 2 HS lên nhận một cặp bảng, lần lượt từng HS giơ bảng và hỏi **"Có bao nhiêu hình?"**, sau đó GV hỏi **"Cả hai bảng có tất cả bao nhiêu hình?"**. Sau mỗi câu hỏi HS giơ tay nhanh nhất được trả lời, nếu đúng thì được 1 sao.
2. HS trả lời câu hỏi **"Có bao nhiêu hình?"**, **"Ai có nhiều hình hơn?"**. *GV chuẩn bị sẵn những cặp bảng con đã dán hình, ví dụ một bảng đã dán 10 hình vuông màu vàng và 2 hình tam giác màu vàng, một bảng đã dán 5 hình tam giác màu xanh.* Mỗi lần có 2 HS lên nhận một cặp bảng, lần lượt từng HS giơ bảng và hỏi **"Có bao nhiêu hình?"**, sau đó GV hỏi **"Ai có nhiều hình hơn?"**. Sau mỗi câu hỏi HS giơ tay nhanh nhất được trả lời, nếu đúng thì được 1 sao.

GV dẫn vào bài: Chúng ta đã được học tiếp các số từ 11 đến 20, so sánh hai số trong phạm vi 20 và một số phép tính cộng, trừ trong phạm vi 20. Hôm nay chúng ta sẽ tự biết mình đã học tốt phần này thế nào qua thực hiện các việc sau đây.

BẠN ĐÃ HỌC

- Đếm, đọc, viết các số từ 11 đến 20.
- So sánh hai số trong phạm vi 20. Sắp xếp một nhóm gồm 3 hoặc 4 số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé. Tìm số bé nhất, số lớn nhất của nhóm số đó.
- Phép tính cộng dạng 10 + 3, 14 + 3. Phép tính trừ dạng 17 – 3.
- Cộng, trừ bằng cách đặt phép tính theo cột.

1 Nói số hạt trong mỗi ô.

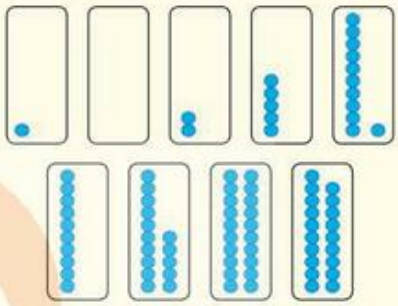

2 Nêu số.

a. 8, 9, 10, [?], [?], [?].

b. 16, 17, 18, [?], [?].

c. 15, 14, 13, [?], [?], [?].

d. 11, [?], 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, [?], [?], [?].

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Với mỗi HĐ: *HS tự thực hiện, sau đó HS được chỉ định thực hiện trên bảng, HS khác nhận xét, từng cặp HS soát bài của nhau và nhắc nhau sửa bài nếu sai.GV đánh giá kĩ năng của từng HS qua kết quả viết và trả lời.*

1. **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm để HS tự đánh giá và luyện tập kĩ năng nhận ra số lượng (số chấm trong mỗi khung), bằng cách nói mỗi khung có ... hạt, HS cả lớp thảo luận để xác định số đúng mỗi khi một HS nói.
2. **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm để HS tự đánh giá và luyện tập kĩ năng đọc viết các số đếm đúng thứ tự xuôi, ngược (cũng là thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé của các số). Kết quả viết số:

a. 8, 9, 10, [11], [12], [13].

b. 16, 17, 18, [19], [20].

c. 15, 14, 13, [12], [11], [10].

d. 11, [10], 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, [2], [1], [0].

timdapan.com

3 **Đếm theo chục và đơn vị rồi đọc kết quả.**

a.

? chục và ? chú heo đất là ? chú heo đất.

b.

? chục và ? chú heo đất là ? chú heo đất.

4 **Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.**

Cả hai chiếc vòng có bao nhiêu hạt?

a.

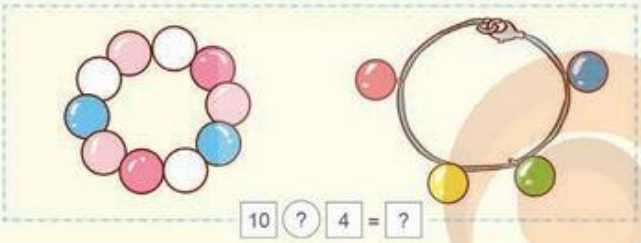

b.

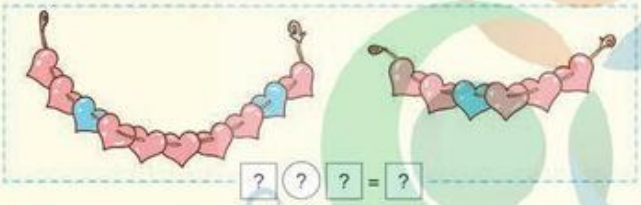

103

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Thuộc hệ thống các số đếm đến 20.
- Thành thạo việc nhận ra một số lượng từ 0 đến 20.
- Thành thạo việc so sánh hai số trong phạm vi 20 và sắp thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé một nhóm số (có không quá 4 số) trong phạm vi 20.
- Cộng, trừ thành thạo các dạng 10 + 3, 14 + 3, 17 – 3.
- Vận dụng tốt các kĩ năng trên vào tình huống thực tế.

Cuối HĐ này *GV yêu cầu HS đọc xuôi các số đếm từ 1 đến 20 rồi đọc ngược các số từ 20 đến 1, 0.*

3. **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ này nhằm để HS tự đánh giá và luyện tập kĩ năng xác định một số lượng vật từ 11 đến 20 vật: *khi các vật chưa được sắp theo chục thì trước hết phải sắp theo chục rồi đếm số vật còn lẻ sẽ biết ngay số lượng vật.* Kết quả khoanh và viết số vào ☐:

a. 10 và 3 là 13

Nói 1 chục và 3 chú heo đất là 13 chú heo đất.

b. 10 và 7 là 17

Nói 1 chục và 7 chú heo đất là 17 chú heo đất.

4. **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** HĐ này nhằm để HS tự đánh giá và luyện tập kĩ năng cộng dạng 10 + 3 đồng thời cũng là kĩ năng nhận ra một số lượng từ 11 đến 20: ví dụ 10 + 4 cũng chính là 10 và 4, là 14. Ngoài ra qua HĐ này HS tiếp tục được luyện kĩ năng viết phép tính tìm kết quả cho câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?" và kĩ năng diễn đạt, giao tiếp khi trả lời câu hỏi. Kết quả viết phép tính:

a. 10 + 4 = 14

b. 10 + 6 = 16

Tiết thứ nhất có thể kết thúc tại đây.

timdapan.com

5. **HS thực hiện HĐ5 trong SHS.** HĐ này là khởi động cho tiết học thứ hai, *GV tổ chức hoạt động sao cho vui để HS bước vào tiết học thật hứng thú. HĐ này nhằm cho HS ôn luyện các thao tác so sánh hai số từ 10 đến 20, cách nói về số lượng "nhiều hơn", "ít hơn" tương ứng với cách nói về số "lớn hơn", "bé hơn".* HS viết trong vở kết luận: >, < vào ô tròn, "nhiều hơn", "ít hơn" vào ?. Kết quả:

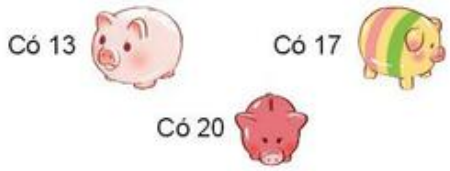

a. 13 < 17 20 > 17

b. Số ít hơn số

Số nhiều hơn số

GV yêu cầu HS nói cách so sánh hai số từ 10 đến 20 (so sánh phần đơn vị với nhau, số nào có phần đơn vị lớn hơn thì số đó lớn hơn).

6. **HS thực hiện HĐ6 trong SHS.** HĐ này nhằm để HS tự đánh giá và luyện tập kĩ năng so sánh, sắp một nhóm số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé. *GV có thể phải gợi ý phương pháp chung: **Nếu sắp thứ tự từ bé đến lớn thì sắp các số bé hơn 10 trước, tiếp theo sắp thứ tự các số từ 10 đến 19 (sắp theo đơn vị), 20 là số lớn nhất. Nếu sắp thứ tự từ lớn đến bé thì làm ngược lại.***

a. *Sắp thứ tự từ bé đến lớn: 9 < 10 nên viết 9 trước; trong các số 10 , 14 , 19 thì nhìn vào đơn vị thấy 0 < 4 < 9 nên 10 < 14 < 19.*

Kết quả viết số vào ô:

9 ~ 10 ~ 14 ~ 19

Số bé nhất là 9

Số lớn nhất là 19

5 Có: 13 17 20

a. Chọn > hoặc <.

13 ? 17 20 ? 17

b. Hãy nói *nhiều hơn* hoặc *ít hơn*.

Số ? số

Số ? số

6 Sắp xếp các số đã cho theo thứ tự

a. từ bé đến lớn

10, 14, 19, 9

? ~ ? ~ ? ~ ?

Số bé nhất là ?

Số lớn nhất là ?

b. từ lớn đến bé

4, 7, 20, 15

? ~ ? ~ ? ~ ?

Số lớn nhất là ?

Số bé nhất là ?

7 Đặt tính rồi tính.

11 + 7 = 17 – 3 =

3 + 14 = 19 – 5 =

104

b. *Sắp thứ tự từ lớn đến bé: 20 là số lớn nhất nên viết 20 trước; 15 lớn hơn 4 và 7 nên tiếp theo 20 là viết số 15; do 7 > 4 nên 4 được viết sau cùng.*

HS viết số vào ☐ trong vở.

Kết quả viết số vào ô:

20 ~ 15 ~ 7 ~ 4

Số lớn nhất là 20

Số bé nhất là 4

timdapan.com

8 **Tính.**

15 + 2 =	18 – 6 =	10 + 8 =
12 + 3 + 4 =	19 – 3 – 6 =	14 – 4 =

9 **Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.**

a. Cửa hàng có tất cả bao nhiêu chiếc mũ?

12 ? 6 = ?

b. Mai còn bao nhiêu tờ giấy màu?

16 ? ? = ?

105

Kết quả:

15 + 2 = 17	18 – 6 = 12
12 + 3 + 4 = 19	19 – 3 – 6 = 10
10 + 8 = 18	
14 – 4 = 10	

9. HS thực hiện HĐ9 trong SHS. HĐ này nhằm để HS tự đánh giá và luyện tập kĩ năng viết phép tính tìm kết quả cho mỗi câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?", "Còn lại bao nhiêu?" và kĩ năng diễn đạt, giao tiếp khi trả lời câu hỏi. HS viết phép tính vào vở. GV theo sát từng HS, nghe HS trả lời mỗi câu hỏi khi HS đã viết xong phép tính.

a. 12 + 6 = 18

b. 16 – 3 = 13

Chốt chủ đề 5 và chủ đề 6: HS nói đã biết kiến thức nào và biết làm gì sau khi học chủ đề 5 và chủ đề 6. *GV có thể gợi ý để HS trả lời đủ ý như mục BẠN ĐÃ HỌC trong SHS.*

7. HS thực hiện HĐ7 trong SHS. HĐ này nhằm để HS tự đánh giá và luyện tập kĩ năng đặt tính theo cột và tính. *GV theo sát từng HS để biết còn HS viết các số đơn vị chưa thẳng cột thì nhắc HS làm cho đúng. HS viết đặt tính và kết quả vào vở. GV yêu cầu HS nói cách viết phép tính cộng, trừ theo cột và các bước tính khi thực hiện trên bảng.*

Kết quả:

11 + 7 = 18	3 + 14 = 17	17 – 3 = 14	19 – 5 = 14
11	3	17	19
+ 7	+ 14	– 3	– 5
18	17	14	14

8. HS thực hiện HĐ8 trong SHS. HĐ này nhằm để HS tự đánh giá và luyện tập kĩ năng tính cộng, trừ các phép tính dạng 10 + 3, 14 + 3, 17 – 3. HS có thể đặt cột ra giấy nháp để tính, có thể tính nhẩm cộng / trừ các số đơn vị với nhau và giữ nguyên 1 chục đều được. HS viết kết quả vào vở.

GV khuyến khích HS thực hiện theo cách tính nhẩm các số đơn vị và giữ nguyên 1 chục.

timdapan.com

ÔN TẬP HỌC KÌ 1

Thời gian: Học kì 1; Tuần 17 - 18; Số tiết 5.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Bài 1. Ôn tập các số đến 20 (1 tiết)	Luyện tập đếm, đọc, viết và cấu tạo số từ 0 đến 20.	– Đếm, viết số, đọc số thành thạo và hiểu rõ cấu tạo các số từ 0 đến 20. – Thành thạo việc xác định một số lượng có đến 20 vật trên cơ sở hiểu cấu tạo các số từ 0 đến 20.	– SHS, Bài1. – VBT, Bài 1. – Sách mềm - VBT, Bài 1. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 1. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 1. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 1. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 2. Ôn tập so sánh các số trong phạm vi 20 (1 tiết)	Luyện tập so sánh, sắp thứ tự các số trong phạm vi 20.	– Dùng đúng thuật ngữ "nhiều hơn" hay "lớn hơn", "ít hơn" hay "bé hơn", "số lượng bằng nhau" khi kết luận về so sánh số lượng hai nhóm vật. – Thuộc lòng thứ tự từ bé đến lớn (từ lớn đến bé) của các số đến 20, áp dụng thành thạo thứ tự đó để so sánh hai số hoặc sắp thứ tự một nhóm có không quá 4 số trong phạm vi 20.	– SHS, Bài 2. – VBT, Bài 2. – Sách mềm - VBT, Bài 2. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 2. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 2. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 2. – ĐDDT: Mô hình số.
Bài 3. Ôn tập cộng, trừ trong phạm vi 20 (2 tiết)	– Luyện tập các cách cộng, trừ (không nhớ) trong phạm vi 20. – Luyện tập nhận biết tình huống cộng, tình huống trừ (bằng tranh); chọn phép tính; tính và nói kết quả.	– Thành thạo việc giải quyết vấn đề tìm "Cả hai nhóm có tất cả bao nhiêu vật?", "Bớt đi … vật từ nhóm có … vật thì còn lại bao nhiêu vật?". – Thành thạo tính cộng, trừ trong phạm vi 20. Sử dụng phương pháp thích hợp (sử dụng bảng cộng, trừ đã thuộc, đếm tiếp, đếm lùi) để tính cộng, trừ. – Nhận dạng vấn đề và chọn đúng phép tính; tính và trả lời đúng yêu cầu của bài toán tình huống thực tế.	– SHS, Bài 3. – VBT, Bài 3. – Sách mềm - VBT, Bài 3. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 3. – ĐDHT: Thẻ số, mô hình số.	– SGV, Bài 3. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 3. – ĐDDT: Mô hình số.

timdapan.com

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1

(Đề giáo viên tham khảo)

Câu 1. Điền số vào chỗ trống:

20, 19, 18, ..., 16, ..., ..., 13, ..., ..., 10, 9, ..., ..., ..., 5.

Câu 2. Trong vườn có 12 cây na, 10 cây bưởi, 8 cây táo.

a. Sắp xếp số cây theo thứ tự từ ít cây nhất đến nhiều cây nhất:

....., ..., ...

b. Loại cây nào có ít nhất? Loại cây nào có nhiều nhất?

Cây .....có ít nhất; Cây .....có nhiều nhất.

Câu 3. Thực hiện các phép tính.

15 + 4 = ...; 18 – 3 = ...; 16 – 6 = ...; 17 + 3 = ...

Câu 4. Viết phép tính. Trả lời câu hỏi.

a. Sân trường có 11 chậu hoa. Xếp thêm 4 chậu hoa nữa.
Sân trường có tất cả bao nhiêu chậu hoa?

.... = ...

Sân trường có tất cả ..... chậu hoa.

b. Nam có 16 quyển vở mới. Nam đã dùng 5 quyển để ghi chép.
Nam còn lại bao nhiêu quyển vở mới?

.... = ...

Nam còn lại ..... quyển vở mới.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

THANG ĐIỂM

Câu 1. 1 điểm

Câu 2. 3 điểm

a. 2 điểm

b. 1 điểm

Câu 3. 2 điểm (Thực hiện đúng mỗi phép tính 0,5 điểm)

Câu 4. 4 điểm

a. 2 điểm (Viết đúng phép tính 1 điểm; tính và trả lời đúng 1 điểm).

b. 2 điểm (Viết đúng phép tính 1 điểm; tính và trả lời đúng 1 điểm).

timdapan.com

Các số đến 20

MỤC TIÊU

Đếm, đọc, viết và hiểu cấu tạo số từ 0 đến 20.

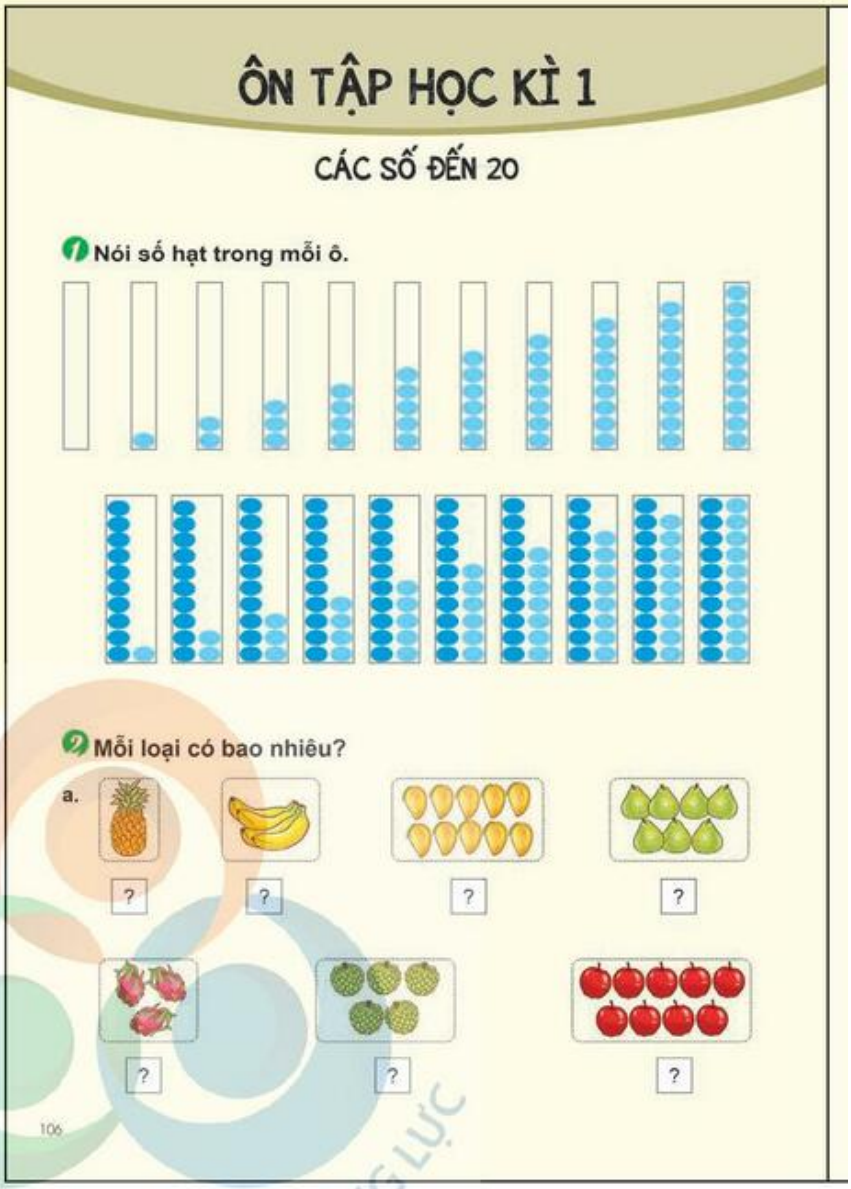

ÔN TẬP HỌC KÌ 1

CÁC SỐ ĐẾN 20

1 Nói số hạt trong mỗi ô.

2 Mỗi loại có bao nhiêu?

a.

106

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS thi **Ai nhanh, ai đúng?** *GV yêu cầu HS chuẩn bị bảng con và các hình vuông để xếp mô hình số.* HS nghe GV hướng dẫn nội dung: "Khi cô nói số nào thì lấy đủ số hình vuông dán vào bảng theo cột, mỗi cột nhiều nhất 10 hình". HS thực hiện mỗi khi GV nói số (trong phạm vi 20, không theo thứ tự), ai nhanh nhất và đúng thì được đánh dấu sao. Cuối cùng GV tổng kết, khen thưởng HS có nhiều sao.

GV giới thiệu: Bài hôm nay chúng ta sẽ ôn tập về các số đã học (các số trong phạm vi 20).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS ôn tập hệ thống số từ 0 đến 20 qua mô hình: đếm (đối với các số từ 1 đến 10) hoặc nhận ra số lượng hạt trong ống nhờ việc nhớ cấu tạo số (đối với các số từ 11 đến 20). *GV treo tranh vẽ hoặc gắn sẵn các hạt trong hình ống như trong SHS. Các bước:*

– HS tự nói số ở mỗi ống. *GV theo dõi HS, đánh giá từng HS về phần kiến thức này.*

– Một số HS nói số trước lớp. HS khác và GV nhận xét, HS sai sửa đến khi đúng.

– Lần lượt HS đọc số trước lớp theo tay chỉ của GV.

– HS trả lời câu hỏi dạng: **12 gồm 10 và bao nhiêu?**

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS vận dụng các vấn đề đã ôn ở HĐ1 vào việc xác định số lượng từng nhóm vật. GV chiếu hoặc gắn lên bảng tranh các nhóm vật như trong SHS. Các bước:

– HS tự viết số (trong vở) dưới mỗi nhóm vật. GV theo dõi HS, đánh giá từng HS về phần kiến thức này.

– Một số HS nói trước lớp kết quả viết số và giải thích. HS khác và GV xác nhận kết quả đúng. Những HS làm sai sửa bài. Kết quả đúng:

a.

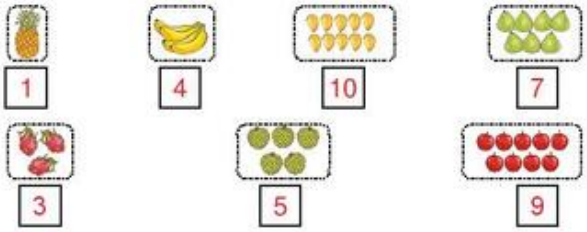

timdapan.com

b.

3 Đếm theo chục và đơn vị rồi nói kết quả.

a.

Có ? bông hồng.

b.

Có ? lá cờ.

c.

Có ? ô tô đồ chơi.

d.

Có ? chong chóng.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS đếm, viết số, đọc số thành thạo và hiểu rõ cấu tạo các số từ 0 đến 20.
- HS thành thạo việc xác định một số lượng có đến 20 vật trên cơ sở hiểu cấu tạo các số từ 0 đến 20.

Kết quả đúng:

a.

Có 15 bông hồng.

b.

Có 14 lá cờ.

c.

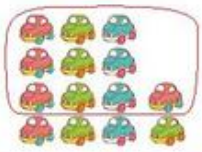

Có 14 ô tô đồ chơi.

d.

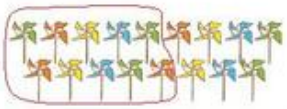

Có 17 chong chóng.

b.

Giải thích đúng: 10 chiếc bút màu trong hộp và 3 chiếc bút màu bên ngoài là 13 chiếc bút màu, ...

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này nhằm gợi ý lại cho HS cách xác định số lượng của một nhóm vật bằng cách xem nhóm vật đó gồm 1 chục và bao nhiêu vật nữa. Các bước:

– HS tự thực hiện, đếm khoanh và viết số vào ☐ trong vở, sau khi nghe GV đọc lệnh của HĐ.

– Một số HS khoanh, viết số trên bảng (GV có thể chiếu bài làm của HS). GV và HS khác nhận xét, xác nhận đúng, HS sửa bài nếu sai.

timdapan.com

So sánh các số trong phạm vi 20

MỤC TIÊU

HS thành thạo việc so sánh, sắp thứ tự các số trong phạm vi 20.

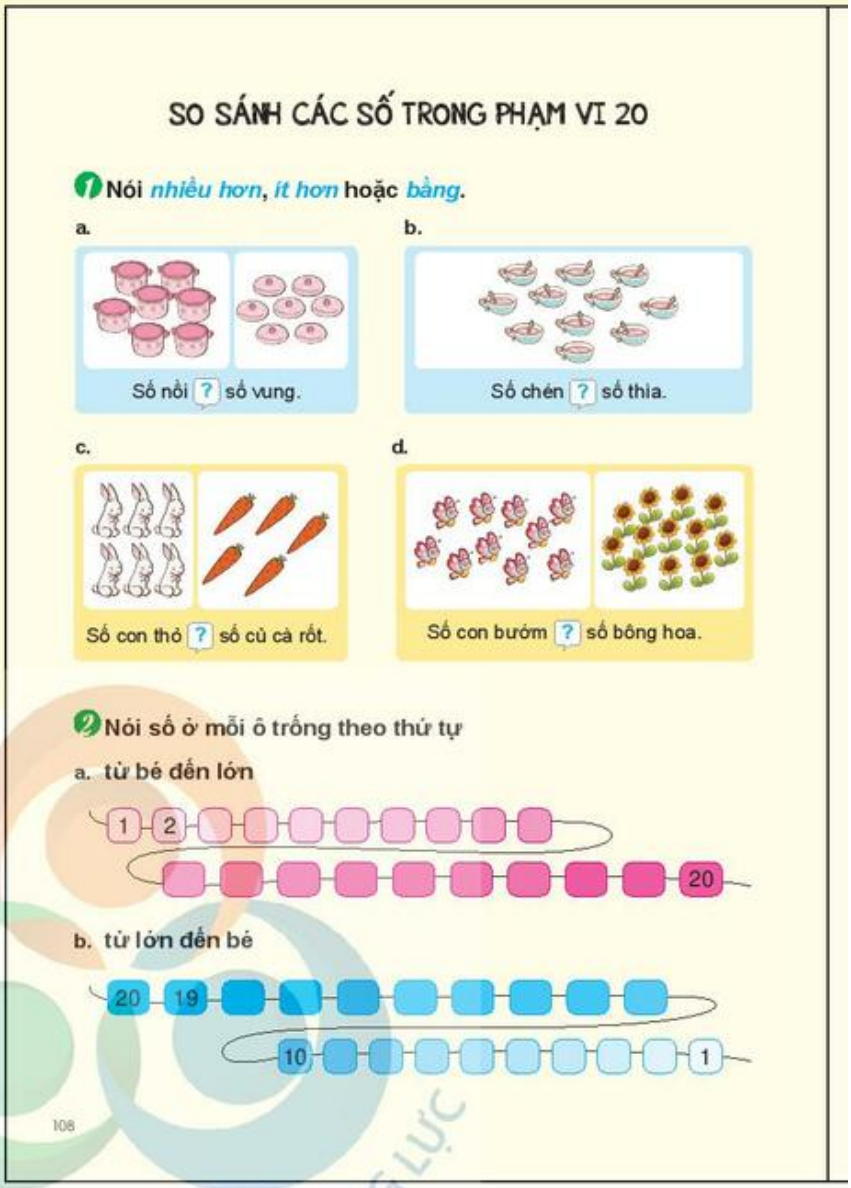

SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 20

1 Nói *nhiều hơn*, *ít hơn* hoặc *bằng*.

a. Số nồi ? số vung.

b. Số chén ? số thìa.

c. Số con thỏ ? số củ cà rốt.

d. Số con bướm ? số bông hoa.

2 Nói số ở mỗi ô trống theo thứ tự

a. từ bé đến lớn

1 2 ... 20

b. từ lớn đến bé

20 19 ... 10 ... 1

108

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS thi **Ai nhiều, ai đúng**? GV yêu cầu HS chuẩn bị bảng con và các thẻ số. HS nghe GV hướng dẫn nội dung: "Khi cô viết trên bảng một số và dấu > hoặc < thì lấy các thẻ số thích hợp dán vào bảng, khi cô gõ thước thì giơ bảng". HS thực hiện mỗi khi GV viết số và dấu trên bảng (ví dụ: GV viết 11 > thì HS lấy thẻ số dán vào bảng 11 > 10, 9, 8 ...), ai dán đúng nhiều thẻ số nhất thì được đánh dấu sao. Cuối cùng GV tổng kết, khen thưởng HS có nhiều sao.

GV giới thiệu: Bài hôm nay chúng ta sẽ ôn tập về so sánh, sắp thứ tự các số đã học (các số trong phạm vi 20).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS ôn tập cách dùng từ "nhiều hơn", "ít hơn", "bằng"; đồng thời cho HS ôn tập các cách so sánh số lượng của hai nhóm vật (có 2 cách: Nối ghép cặp; Sử dụng thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé của các số trong phạm vi 20). GV treo tranh vẽ hoặc gắn sẵn các hình và viết như trong SHS. Các bước:

– HS tự nói từ thích hợp ở ? phần a. GV theo dõi HS, đánh giá từng HS về phần kiến thức này, gợi ý cho HS nhớ lại nếu HS đó không còn nhớ rõ.

– Một số HS nói ở ? và giải thích, HS khác nhận xét. GV gợi ý để HS giải thích đúng một trong hai cách: Cách 1: nối ghép cặp 1 cái nồi với 1 cái vung thì thấy không thừa nồi và không thừa vung; Cách 2: đếm thấy 7 nồi và 7 vung nên "Số nồi bằng số vung". Việc này cũng là chốt kiến thức cần ôn tập ở HĐ này.

– HS nhận xét trong 2 cách trên thì cách nào dễ hơn? Từ đó HS tự lựa chọn cách để tự thực hiện phần **b, c, d**. Sau đó GV tổ chức tiếp các bước còn lại như thường lệ.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này để HS ôn lại thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé của các số trong phạm vi 20. Các bước:

– HS tự nói số ở mỗi ô trống. GV theo dõi HS, đánh giá từng HS về phần kiến thức này, gợi ý cho HS nhớ lại nếu HS đó không còn nhớ rõ.

– Một số HS nói trước lớp.

timdapan.com

3 Chọn > hoặc <.

3 ? 5 | 9 ? 6 | 0 ? 8 | 7 ? 13

12 ? 9 | 10 ? 14 | 20 ? 18 | 17 ? 19

4 Sắp xếp các số đã cho theo thứ tự

a. **từ bé đến lớn**
11, 8, 13, 7

Số bé nhất là ?, số lớn nhất là ?

b. **từ bé đến lớn**
10, 0, 6, 14

Số bé nhất là ?, số lớn nhất là ?

c. **từ lớn đến bé**
20, 5, 19, 12

Số lớn nhất là ?, số bé nhất là ?

109

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **HS dùng đúng thuật ngữ "nhiều hơn", "ít hơn","số lượng bằng nhau" khi kết luận về so sánh số lượng hai nhóm vật.**
- **HS thuộc lòng thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé của các số trong phạm vi 20, áp dụng thành thạo thứ tự đó để so sánh hai số hoặc sắp thứ tự một nhóm số trong phạm vi 20.**

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS ôn lại các cách so sánh hai số như gợi ý ở hai bóng nói. Các bước:

– HS tự thực hiện, sau khi nghe GV đọc lệnh của HĐ. GV theo dõi HS, đánh giá mức độ thành thạo của từng HS về phần kiến thức này, gợi ý cho HS nếu cần.

– Một số HS viết trên bảng (GV đã vẽ sẵn như trong sách), HS khác và GV xác nhận khi kết quả đã đúng. Kết quả đúng:

3 < 5 | 9 > 6 | 0 < 8 | 7 < 13

12 > 9 | 10 < 14 | 20 > 18 | 17 < 19

4. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS**. HĐ này cho HS ôn tập cách sắp thứ tự một nhóm số, cũng là để HS tự đánh giá và GV đánh giá HS về mức độ thành thạo, linh hoạt sử dụng kiến thức đã ôn. Các bước:

– HS tự thực hiện cả ba phần **a**, **b**, **c** viết vào vở. GV theo dõi HS, đánh giá mức độ thành thạo của từng HS, gợi ý cách làm thích hợp với mỗi phần.

– Một số HS thực hiện trên bảng (GV có thể chiếu bài làm của HS). GV và HS khác nhận xét, xác nhận đúng, HS sai sửa bài.

Kết quả đúng:

a. **từ bé đến lớn.** 11, 8, 13, 7

7, 8, 11, 13

Số bé nhất là 7, số lớn nhất là 13.

b. **từ bé đến lớn.** 10, 0, 6, 14

0, 6, 10, 14

Số bé nhất là 0, số lớn nhất là 14.

c. **từ lớn đến bé.** 20, 5, 19, 12

20, 19, 12, 5

Số lớn nhất là 20, số bé nhất là 5.

timdapan.com

Cộng, trừ trong phạm vi 20

MỤC TIÊU

- **Hiểu được ý nghĩa phép cộng, phép trừ, nhận biết và giải được những bài toán thực tế liên quan phép cộng hoặc phép trừ.**
- **Thực hiện thành thạo cộng, trừ (không nhớ) trong phạm vi 20.**

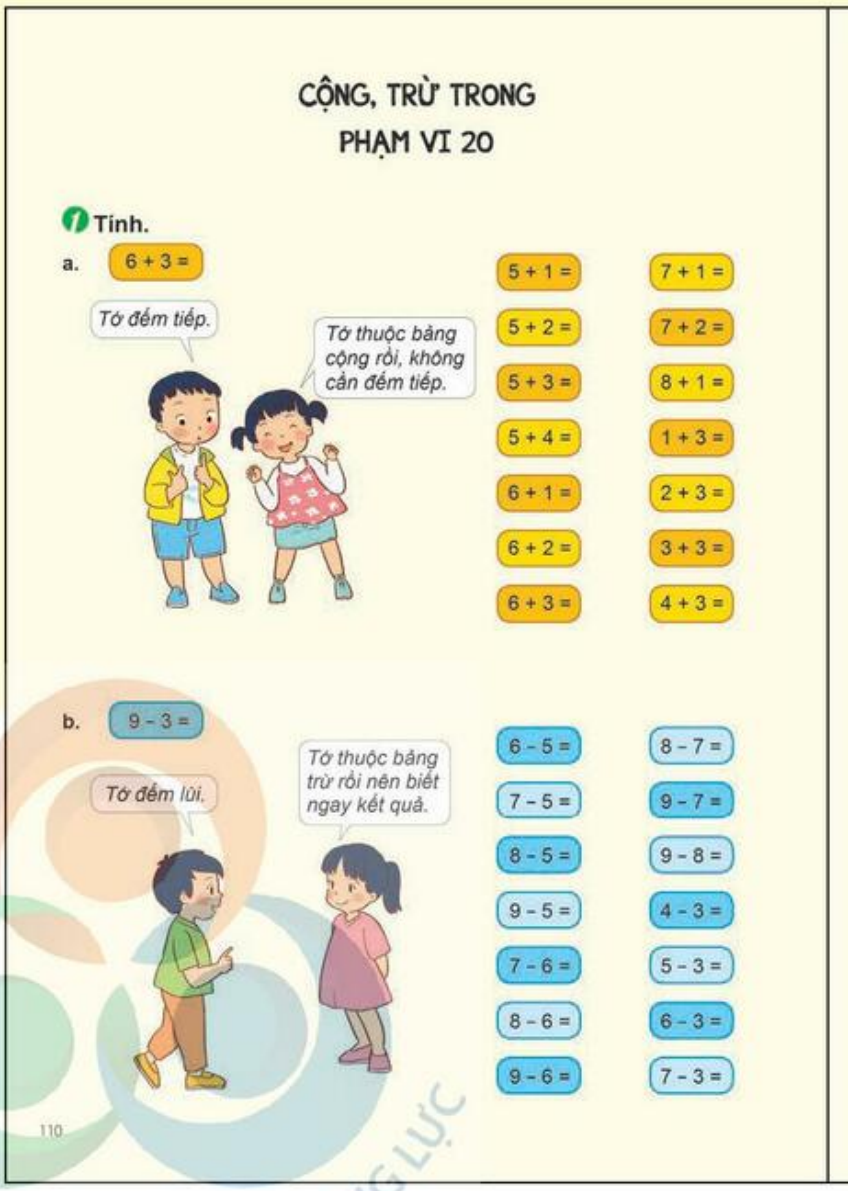

CỘNG, TRỪ TRONG PHẠM VI 20

1 Tính.

a. 6 + 3 =

Tớ đếm tiếp.

Tớ thuộc bảng cộng rồi, không cần đếm tiếp.

5 + 1 =	7 + 1 =
5 + 2 =	7 + 2 =
5 + 3 =	8 + 1 =
5 + 4 =	1 + 3 =
6 + 1 =	2 + 3 =
6 + 2 =	3 + 3 =
6 + 3 =	4 + 3 =

b. 9 – 3 =

Tớ đếm lùi.

Tớ thuộc bảng trừ rồi nên biết ngay kết quả.

6 – 5 =	8 – 7 =
7 – 5 =	9 – 7 =
8 – 5 =	9 – 8 =
9 – 5 =	4 – 3 =
7 – 6 =	5 – 3 =
8 – 6 =	6 – 3 =
9 – 6 =	7 – 3 =

110

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS thi **Ai nhanh, ai đúng?** *GV yêu cầu HS chuẩn bị bảng con và các thẻ số, thẻ phép tính.* HS nghe GV hướng dẫn nội dung: "Khi cô nói câu chuyện và đặt câu hỏi xong thì dán vào bảng phép tính thích hợp tìm kết quả để trả lời, ai xong thì giơ bảng ngay". GV nói câu chuyện là tình huống gộp (thêm) hoặc bớt đi, ví dụ: "Mai đã có 5 con búp bê, hôm qua các bạn tặng mai 3 con búp bê nữa. Bây giờ Mai có tất cả bao nhiêu con búp bê?", "Minh có 16 viên bi. Minh cho Dũng 5 viên thì Minh còn lại bao nhiêu viên bi?". Ai dán đúng và nhanh nhất thì được đánh dấu sao. Cuối cùng GV tổng kết, khen thưởng HS có nhiều sao.

GV giới thiệu: Bài hôm nay chúng ta sẽ ôn tập về cộng, trừ các số trong phạm vi 20.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS ôn luyện các cách để tính kết quả một phép tính cộng hoặc trừ trong phạm vi 10, đây là cơ sở để tính cộng, trừ trong phạm vi 20 và sau này là phạm vi lớn hơn.

Thông thường với mỗi phép tính cộng (trừ) có 2 cách: Trước hết HS vận dụng bảng cộng (trừ) đã thuộc; Nếu có lúc HS quên kết quả một phép tính cộng (trừ) nào thì vận dụng cách đếm tiếp (đếm lùi).

Các bước tổ chức hoạt động tương tự như các HĐ khác: HS tự thực hiện; Một số HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét; *GV khéo léo gợi nhớ các cách cộng, trừ đã nói ở trên.* Khi HS tự thực hiện thì *GV theo dõi từng HS để đánh giá mức độ thành thạo và có thể giúp đỡ kịp thời cho những HS còn chưa thạo.*

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS ôn lại phép cộng dạng 10 + 3 kết hợp với cấu tạo số từ 11 đến 20. Với dạng phép tính này HS phải ghép ngay 1 chục với số đơn vị, chẳng hạn 10 + 4 = 14. Các bước tương tự như các HĐ khác. Khi HS tự thực hiện thì *GV theo dõi HS, đánh giá mức độ thành thạo của từng HS về phần kiến thức này.*
3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS ôn lại việc cộng, trừ theo cột. Các bước tương tự như các HĐ khác. Khi HS tự thực hiện thì *GV theo dõi HS, đánh giá mức độ thành thạo của từng HS về phần kiến thức này.*

timdapan.com

2 Tìm số.

10 + 4 = ? 10 + 5 = ? 10 + 8 = ?

10 + ? = 15 10 + ? = 19 10 + ? = 20

3 Tính.

$\begin{array}{r} 11 \\ +\ 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 16 \\ +\ 3 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 18 \\ -\ 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 15 \\ -\ 5 \\ \hline \end{array}$

4 Đặt tính rồi tính.

12 + 5 = 14 + 3 = 19 – 4 = 16 – 6 =

5 Tính.

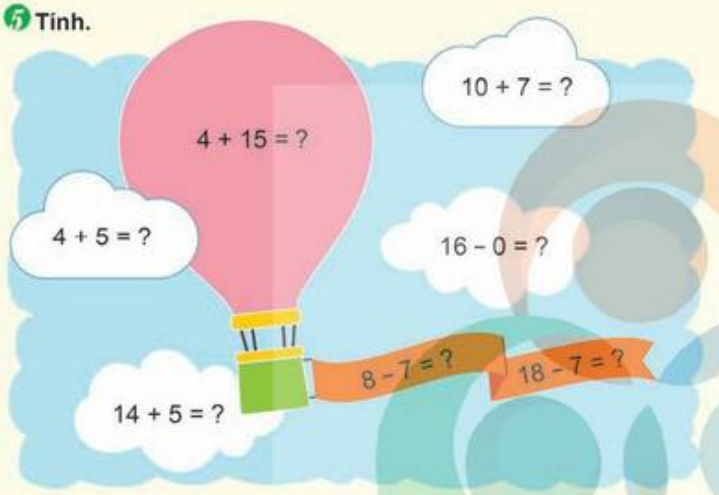

111

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Thành thạo việc giải quyết vấn đề tìm "Cả hai nhóm có tất cả bao nhiêu vật?", "Bớt đi ... vật từ nhóm có ... vật thì còn lại bao nhiêu vật?".
- Thành thạo tính cộng, trừ trong phạm vi 20. Sử dụng phương pháp thích hợp (sử dụng bảng cộng, trừ đã thuộc, đếm tiếp, đếm lùi) để tính cộng, trừ.
- Vận dụng tốt các kiến thức, kĩ năng đã nêu trên để giải bài toán có liên quan.

Kết quả đúng:

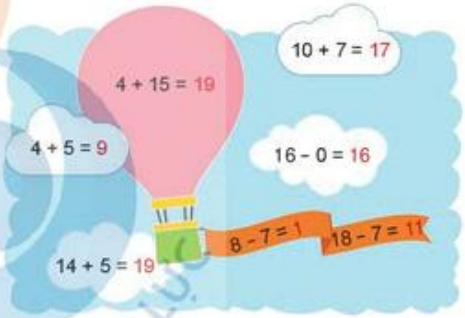

4. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS**. HĐ này cho HS ôn tập việc đặt tính cộng, trừ theo cột và tính với ghi nhớ rằng: cộng, trừ các số đơn vị với nhau.

   Các bước tương tự như các HĐ khác. Khi HS tự thực hiện thì *GV theo dõi HS, đánh giá mức độ thành thạo của từng HS về phần kiến thức này.*

5. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ5 trong SHS**. HĐ này cho HS ôn luyện tính cộng, trừ trong phạm vi 20. Ở HĐ này HS thể hiện được rõ mức độ thành thạo về tính cộng, trừ ở độ chính xác và nhanh, tính nhẩm mà không cần đặt cột để tính những phép tính có số lớn hơn 10.

   Các bước tương tự như các HĐ khác. Khi HS tự thực hiện thì *GV theo dõi HS, đánh giá mức độ thành thạo của từng HS về phần kiến thức này.*

timdapan.com

6. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ6 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS ôn tập cách cộng, trừ liên tiếp ba số. Ở bài này HS cũng thể hiện được mức độ thành thạo về tính cộng, trừ, có khả năng tính nhẩm thế nào. Các bước tương tự như các HĐ khác. Khi HS tự thực hiện thì *GV theo dõi HS, đánh giá mức độ thành thạo của từng HS về phần kiến thức này.*

Kết quả đúng:

4 $\xrightarrow{+4}$ 8 $\xrightarrow{-6}$ 2

18 $\xrightarrow{-6}$ 12 $\xrightarrow{-2}$ 10

11 $\xrightarrow{+3}$ 14 $\xrightarrow{+2}$ 16

17 $\xrightarrow{-4}$ 13 $\xrightarrow{+3}$ 16

7. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ7 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS ôn tập những vấn đề được giải quyết bằng phép tính cộng hoặc trừ. *GV chiếu hoặc treo tranh vẽ và viết như trong SHS*. Các bước:

– HS tự viết phép tính vào vở, trả lời từng câu hỏi ở mỗi phần **a**, **b**. *GV theo dõi HS, đánh giá từng HS về phần kiến thức này.*

– Một số HS viết phép tính trên bảng, trả lời câu hỏi trước lớp. HS khác và GV nhận xét, xác nhận đã đúng.

Phép tính đúng:

a. 10 + 7 = 17

b. 10 – 3 = 7

– HS tự chốt theo gợi ý của GV: Muốn biết hai nhóm có tất cả bao nhiêu vật thì cộng số vật của hai nhóm lại; Muốn biết một nhóm sau khi bị bớt đi một số vật còn lại bao nhiêu thì lấy số vật ban đầu trừ đi số vật đã bị bớt đi. HS cả lớp nhắc lại một số lần.

8. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ8 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS ôn luyện giải quyết vấn đề bằng phép tính cộng hoặc trừ. Các bước với mỗi phần **a**, **b:**

– HS tự tìm hiểu vấn đề theo tranh và bóng nói. Một số HS nói trước lớp vấn đề cần giải quyết. *GV có thể phải gợi ý để HS nói được rành mạch:*

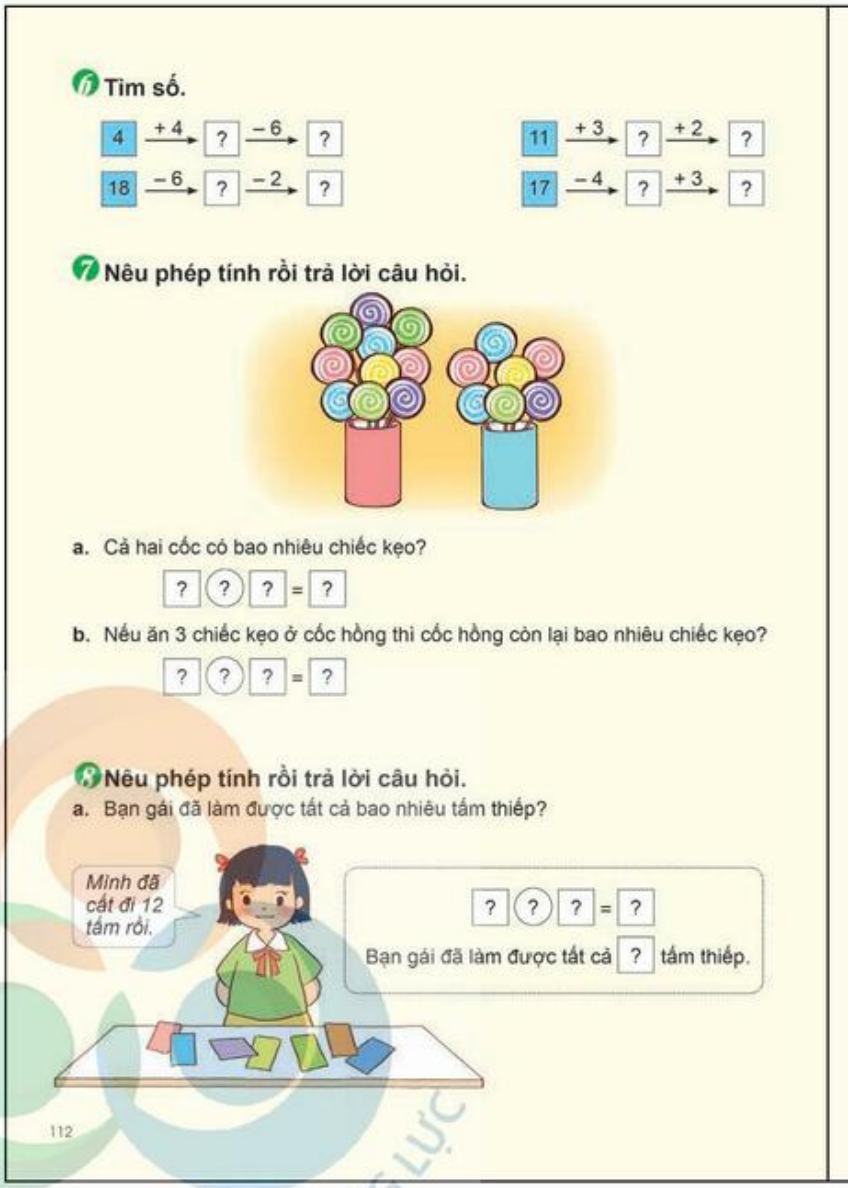

6 Tìm số.

4 $\xrightarrow{+4}$? $\xrightarrow{-6}$?

18 $\xrightarrow{-6}$? $\xrightarrow{-2}$?

11 $\xrightarrow{+3}$? $\xrightarrow{+2}$?

17 $\xrightarrow{-4}$? $\xrightarrow{+3}$?

7 Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.

a. Cả hai cốc có bao nhiêu chiếc kẹo?

? ? ? = ?

b. Nếu ăn 3 chiếc kẹo ở cốc hồng thì cốc hồng còn lại bao nhiêu chiếc kẹo?

? ? ? = ?

8 Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.

a. Bạn gái đã làm được tất cả bao nhiêu tấm thiếp?

Mình đã cắt đi 12 tấm rồi.

? ? ? = ?

Bạn gái đã làm được tất cả ? tấm thiếp.

112

a. Bạn gái đã làm được 12 tấm thiếp đem cắt đi và 7 tấm còn bày ở trên bàn, phải tìm xem bạn gái đã làm được tất cả bao nhiêu tấm thiếp.

b. Bạn trai đã vẽ được 17 con cá nhưng mực đổ làm che khuất một số con cá chỉ còn nhìn thấy 6 con, phải tính xem bao nhiêu con cá đã bị che khuất.

– HS tự viết phép tính vào vở để tính ra số cần phải tìm.

– Một số HS viết trên bảng phép tính và kết quả vào ô trống trong câu trả lời, đọc câu trả lời trước lớp. HS khác nhận xét. Với câu **b** *GV có thể phải gợi ý để HS viết được hoặc giải thích được tại sao viết phép tính trừ 17 – 6, có thể gợi ý theo mô hình "bớt đi".*

timdapan.com

b. Vệt màu đã che khuất bao nhiêu con cá?

? ? ? = ?

Vệt màu đã che khuất ? con cá.

9 Chọn 3, 6 hoặc 14.

9 – 2 > ? 10 + 3 < ?

10 – 7 + 3 > ?

113

9. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ9 trong SHS**. HĐ này cho HS vận dụng kĩ năng tính cộng, trừ tích hợp với so sánh các số. Các bước:

– HS tự chọn số thay vào ? trong 9 – 2 > ?.

– Một số HS được chỉ định nêu kết quả, giải thích tại sao. GV chốt cách làm: tính 9 – 2 = 7, 7 > 3 và 7 > 6 nên chọn 3 hoặc chọn 6.

– HS tự thực hiện 2 ô còn lại, GV chỉ định một số HS trình bày cách làm và kết quả trước lớp.

– HS viết vào vở theo hướng dẫn của GV:

9 – 2 > 3 10 + 3 < 14

9 – 2 > 6 10 – 7 + 3 > 3

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Kết quả đúng:

a. Bạn gái đã làm được tất cả bao nhiêu tấm thiếp?

12 + 7 = 19

Bạn gái đã làm được tất cả 19 tấm thiếp.

b. Vệt màu đã che khuất bao nhiêu con cá?

17 – 6 = 11

Vệt màu đã che khuất 11 con cá.

timdapan.com

D Hình học

Thời gian: Học kì 2; Tuần 19 – 22; Số tiết 10.

CHỦ ĐỀ BÀI ÔN TẬP	NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
CHỦ ĐỀ 7. Hình phẳng	1. NL tư duy và lập luận toán học: Tìm kiếm sự giống nhau và khác nhau trong các đối tượng hình học,... 2. NL sử dụng công cụ, phương tiện toán học: sử dụng các mô hình hình phẳng, hình khối để thực hiện những nhiệm vụ học tập,... 3. NL giải quyết vấn đề toán học: xếp, ghép các mẫu hình để trang trí hay tạo lập một hình mới,...	– Nhận dạng, nói đúng tên các hình: vuông, chữ nhật, tam giác, tròn. Phát hiện được hình vuông, chữ nhật, tròn, tam giác trên các vật thật. – Nhận ra quy luật của một mẫu hình đơn giản và vẽ bổ sung được những thành phần của mẫu này. – Biết xếp, ghép một số hình thành một hình mới.
CHỦ ĐỀ 8. Hình khối		– Xác định được vị trí mỗi vật thể trong không gian: trên – dưới, bên phải – bên trái, trước – sau, ở giữa. – Nhận biết các hình có dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật và những vật thể có dạng đã nêu trong môi trường xung quanh. – Biết xếp, ghép một số khối lập phương hoặc khối hộp chữ nhật thành khối mới hoặc mô hình xe, nhà, ... – Nhận ra các dạng hình phẳng tạo nên các mặt xung quanh của một khối hình không gian.
Ôn tập chung		Thông qua các bài ôn tập, kiểm tra xem HS có khả năng: – Nhận dạng và nhóm được các hình cùng loại. – Xác định được vị trí của một hình, vật thể so với hình, vật thể khác. – Xếp/ghép hình, đồ vật thành một hình/vật có dạng cho trước.

Trong quá trình học phần này, học sinh sẽ được trải nghiệm:

– Quan sát trong thực tế, phân loại, gọi tên các hình phẳng và hình khối.

– Sử dụng các thuật ngữ về vị trí để sắp xếp các hình vận dụng vào đời sống thực tế.

– Xác định một mẫu hình phẳng và sắp xếp các thành phần tiếp theo của mẫu đó.

timdapan.com

CHỦ ĐỀ 7
HÌNH PHẲNG

Thời gian: Học kì 2; Tuần 19 - 20; Số tiết 5.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Bài 1. Hình chữ nhật, hình vuông (1 tiết)	– Nhận dạng hình vuông, hình chữ nhật thông qua những vật thật, đồ dùng học toán. – Trong một nhóm hình, chỉ ra được những hình nào là hình vuông, hình nào là hình chữ nhật, hình nào không phải là hình vuông và hình chữ nhật. Nhóm được các hình cùng loại. – Liên hệ thực tế: chỉ được một số đồ vật/phần của đồ vật có dạng hình vuông hoặc hình chữ nhật.	– Kĩ năng quan sát: tìm ra các hình ở các vị trí, kích thước khác nhau; phát hiện được hình vuông, hình chữ nhật trên một số vật thật. – Kĩ năng phân loại: dựa vào hình dạng, phân biệt được các hình vuông, hình chữ nhật.	– SHS, Bài 1. – VBT, Bài 1. – Sách mềm - VBT, Bài 1. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 1. – ĐDHT.	– SGV, Bài 1. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 1. – ĐDDT.
Bài 2. Hình tam giác, hình tròn (1 tiết)	– Nhận dạng hình tam giác, hình tròn thông qua những vật thật, đồ dùng học toán. – Trong một nhóm hình, chỉ ra được những hình nào là/không là hình tam giác, hình nào là/không là hình tròn. Nhóm được các hình cùng loại. – Liên hệ thực tế: chỉ được một số đồ vật/phần của đồ vật có dạng hình tam giác hoặc hình tròn.	– Kĩ năng quan sát: tìm ra các hình ở các vị trí, kích thước khác nhau; phát hiện được hình tam giác, hình tròn trên một số vật thật. – Kĩ năng phân loại: dựa vào hình dạng, phân biệt được các hình vuông, tròn, tam giác, chữ nhật.	– SHS, Bài 2. – VBT, Bài 2. – Sách mềm - VBT, Bài 2. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 2. – ĐDHT.	– SGV, Bài 2. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 2. – ĐDDT.
Bài 3. Thực hành xếp, ghép hình (3 tiết)	– Sử dụng bộ đồ dùng học toán, hoặc vật thật để xếp/ghép hình vuông, chữ nhật, tam giác, tròn thành những hình mới hoặc hình ảnh của vật thật như cây, nhà,... – Làm quen với quy luật sắp xếp các hình. – Hoạt động trải nghiệm: Chơi với những que tính.	– Kĩ năng thực hành theo mẫu: biết lựa chọn hình, các bước xếp ghép để được một mẫu hình. – Kĩ năng phân tích một hình đã cho gồm bao nhiêu hình vuông, chữ nhật, tam giác,... ghép lại. – Kĩ năng quan sát: tìm ra quy luật của hình mẫu và xếp, ghép các hình theo mẫu.	– SHS, Bài 3. – VBT, Bài 3. – Sách mềm - VBT, Bài 3. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 3. – ĐDHT.	– SGV, Bài 3. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 3. – ĐDDT.

timdapan.com

Hình chữ nhật, hình vuông

MỤC TIÊU

- Nhận dạng được hình vuông, hình chữ nhật.
- Nói đúng tên hình.

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Hình vuông. Hình chữ nhật.

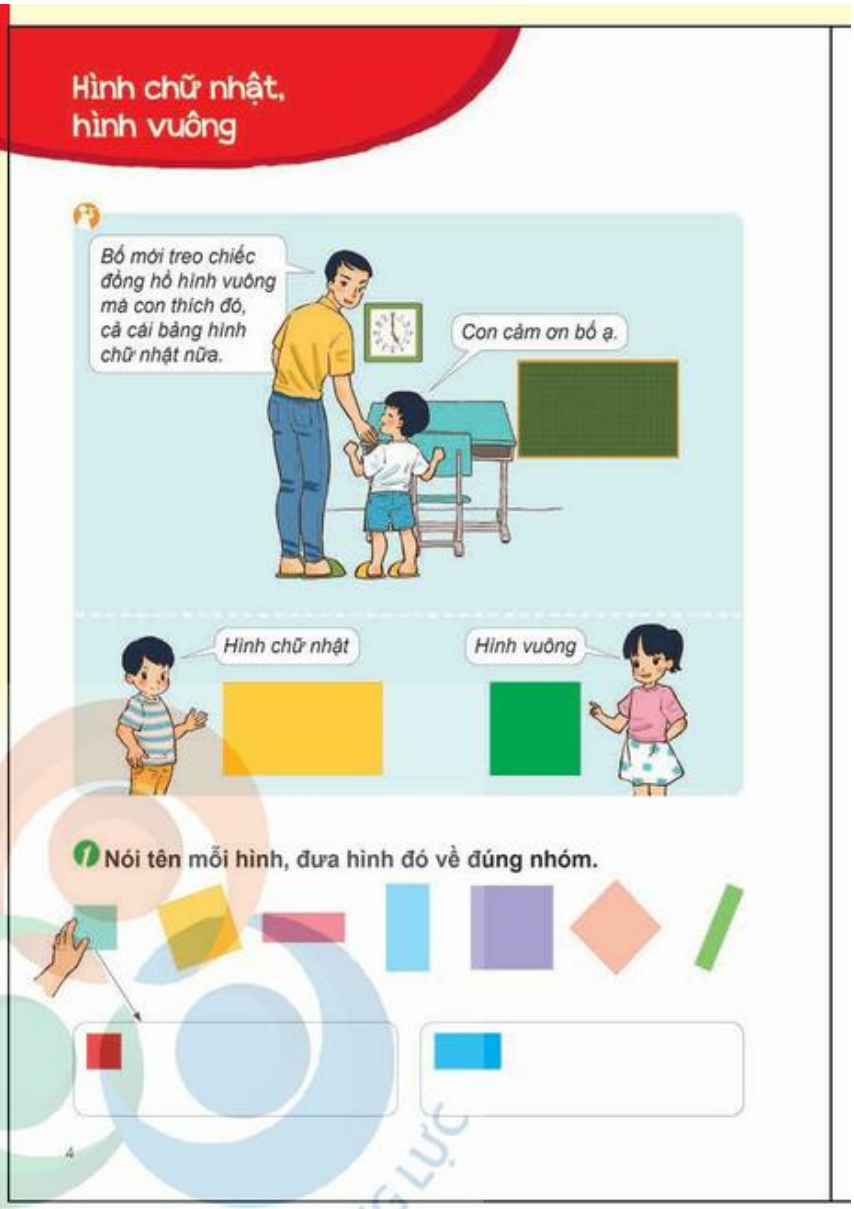

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Ai biết? HS quan sát những hình mà *GV đưa ra* và trả lời câu hỏi "Bạn nào biết hình này là hình gì?". Những hình mà GV đưa ra là hình chữ nhật và hình vuông, đó là những miếng bìa hoặc hình vẽ trên bảng.

GV khen những HS trả lời đúng (hình chữ nhật; hình vuông)

GV giới thiệu: Trong bài học hôm nay tất cả chúng ta sẽ làm quen và nhận biết hình chữ nhật, hình vuông.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. (Cả lớp) **Tìm hiểu nội dung của tranh Khám phá**. Các bước:

HS quan sát rồi thi đua nói nội dung tranh. *GV gợi ý để HS nói đúng trọng tâm:* Bố đã treo chiếc đồng hồ hình vuông và bảng hình chữ nhật cho con.

2. **Nhận biết hình chữ nhật, hình vuông trong tranh Khám phá.** Các bước:

– HS chỉ vào từng hình cuối khung Khám phá và đọc tên hình như bóng nói: HS tự đọc rồi đọc trước lớp, cả lớp đọc đồng thanh,...

– HS chỉ vào đồ vật trong tranh và trả lời câu hỏi "Vật có dạng hình chữ nhật là vật nào trong tranh?". Trả lời đúng: Vật có dạng hình chữ nhật là chiếc bảng bố đã treo (HS có thể nói mặt chiếc bàn cũng được chấp nhận). GV khen HS đã hình dung tốt.

– HS chỉ vào đồ vật trong tranh và trả lời câu hỏi "Vật có dạng hình vuông là vật nào trong tranh ?". Trả lời đúng: Vật có dạng hình vuông là chiếc đồng hồ bố đã treo.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS nhận dạng hình chữ nhật, hình vuông và bước đầu cảm nhận sự khác nhau giữa hình chữ nhật và hình vuông. Các bước:

– HS tự chỉ vào mỗi hình và đọc tên hình. Một số HS đọc trước lớp. Với các hình đặt ở vị trí "nghiêng" thì *GV gợi ý để HS xác nhận đúng hay sai như sau: xoay sách cho hình ở vị trí có một cạnh nằm ngang rồi đối chiếu với hình chữ nhật và hình vuông mẫu ở khung Khám phá.*

timdapan.com

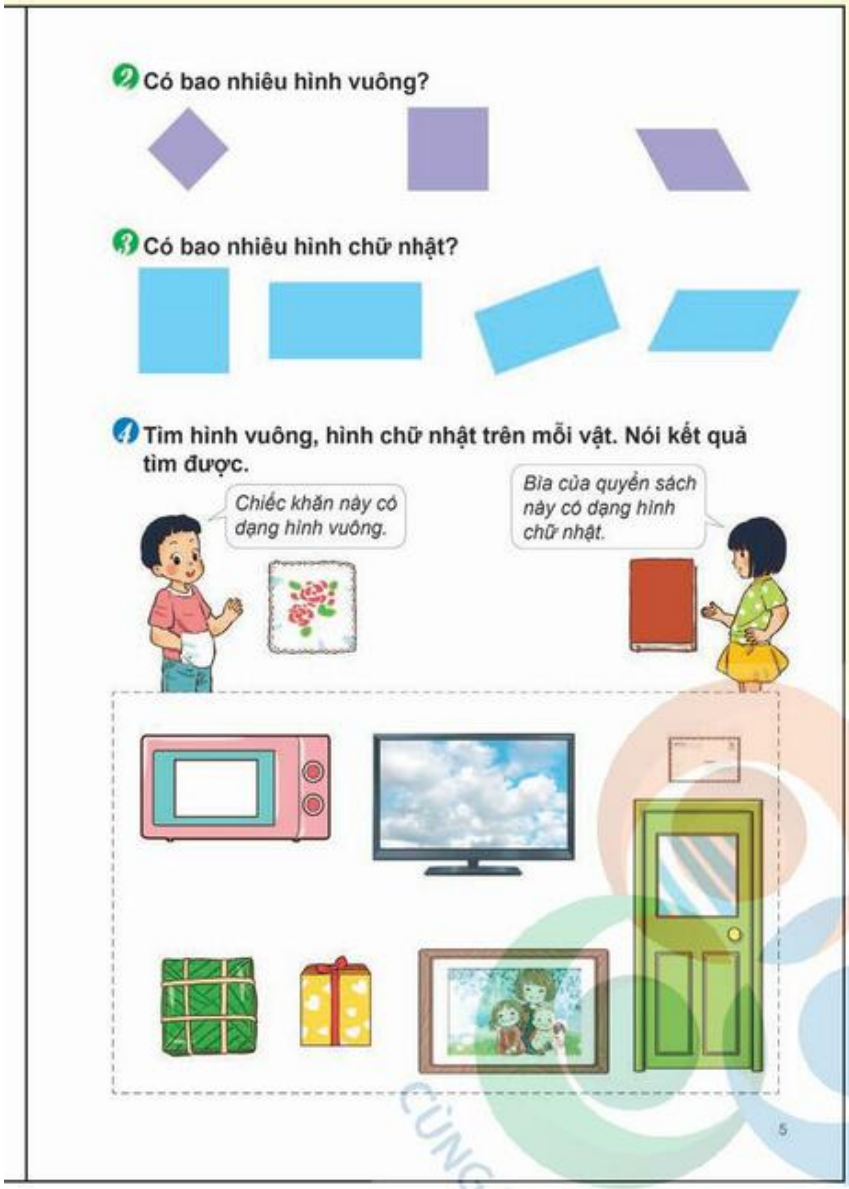

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Nhận dạng được hình chữ nhật, hình vuông.**
- **Trong một nhóm hình, chỉ ra được những hình nào là hình vuông, hình nào là hình chữ nhật, hình nào không phải là hình vuông và hình nào không phải hình chữ nhật.**
- **Liên hệ thực tế: chỉ được một số đồ vật/phần của đồ vật có dạng hình vuông hoặc hình chữ nhật.**

– HS di ngón tay nối mỗi hình với một khung chứa hình cùng loại (hình chữ nhật hoặc hình vuông). Một vài HS thực hiện trên bảng đến khi đúng:

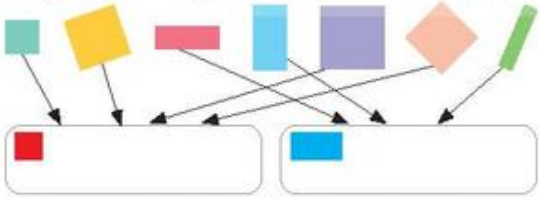

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này cũng nhằm cho HS nhận dạng hình vuông, đồng thời nhận biết được hình không phải hình vuông. HĐ này sẽ giúp HS cảm nhận về hình vuông ở yếu tố góc được mô tả là 2 cạnh bên "đứng thẳng" trên cạnh nằm ngang. Các bước như HĐ thông thường. *GV gợi ý để HS xác nhận đúng hay sai như sau: xoay sách cho hình ở vị trí có cạnh nằm ngang xem hai cạnh bên có "đứng thẳng" trên cạnh nằm ngang không, hình không phải hình vuông là* . Kết quả đúng: có hai hình vuông.
3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này cũng nhằm cho HS nhận dạng hình chữ nhật, đồng thời nhận biết được hình không phải là hình chữ nhật. HĐ này sẽ giúp HS cảm nhận về hình chữ nhật ở yếu tố góc được mô tả là 2 cạnh bên "đứng thẳng" trên cạnh nằm ngang, hình không phải hình chữ nhật là . Kết quả đúng: có 3 hình chữ nhật.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cả lớp) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS nhận ra hình vuông, hình chữ nhật trên những đồ vật quen thuộc trong đời sống thường ngày: là một bề mặt hoặc một phần bề mặt của vật.

   HS thi đua nói kết quả nhận ra tương tự như bóng nói.

   Ví dụ về chiếc cánh cửa: cánh cửa có dạng hình chữ nhật, ô kính của cánh cửa có dạng hình vuông, hai ô phía dưới đều có dạng hình chữ nhật, ... *GV gợi ý để HS diễn đạt, mô tả được kết quả.*
2. (Cá nhân) **HS tìm các đồ vật xung quanh mà trên bề mặt đồ vật đó có hình chữ nhật hoặc hình vuông.**

   HS tự tìm rồi nói trước lớp kết quả tìm được. *GV gợi ý để HS diễn đạt, mô tả được kết quả.*

timdapan.com

Hình tam giác, hình tròn

MỤC TIÊU

- **Nhận dạng được hình tam giác, hình tròn.**
- **Nói đúng tên hình.**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Hình tam giác. Hình tròn.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Ai biết? HS quan sát những hình mà *GV đưa ra* và trả lời câu hỏi "Bạn nào biết hình này là hình gì?". Những hình mà GV đưa ra là hình tam giác và hình tròn, đó là những miếng bìa hoặc hình vẽ trên bảng.

GV khen những HS trả lời đúng (hình tam giác; hình tròn).

GV giới thiệu: Trong bài học hôm nay tất cả chúng ta sẽ làm quen và nhận biết hình tam giác, hình tròn.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. (Cả lớp) **Tìm hiểu nội dung của tranh Khám phá.**

   HS quan sát rồi thi đua nói nội dung tranh. *GV gợi ý để HS nói đúng trọng tâm*: Các bạn đang xem những biển báo cấm hình tròn và biển báo nguy hiểm hình tam giác.

2. **Nhận biết hình tam giác, hình tròn trong tranh Khám phá.** Các bước:

– HS chỉ vào từng hình cuối khung Khám phá và đọc tên hình như bóng nói: HS tự đọc rồi đọc trước lớp, cả lớp đọc đồng thanh, ...

Hình tam giác, hình tròn

Nói tên của mỗi hình dưới đây.

– HS chỉ vào đồ vật trong tranh và trả lời câu hỏi "Vật có dạng hình tam giác là vật nào trong tranh ?". Trả lời đúng: Vật có dạng hình tam giác là biển báo nguy hiểm màu vàng viền đỏ.

– HS chỉ vào đồ vật trong tranh và trả lời câu hỏi "Vật có dạng hình tròn là vật nào trong tranh?". Trả lời đúng: Vật có dạng hình tròn trong tranh là biển báo cấm màu trắng viền đỏ.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS nhận dạng hình tam giác, hình tròn và bước đầu cảm nhận sự khác nhau giữa hình tròn với các hình còn lại, giữa hình tam giác với các hình còn lại.

   HS tự chỉ vào mỗi hình và đọc tên hình. Một số HS đọc trước lớp, cả lớp đọc đồng thanh theo que chỉ của GV.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này cũng nhằm cho HS nhận dạng hình tam giác, đồng thời nhận biết được hình không phải hình tam giác. HĐ này sẽ giúp HS cảm nhận về hình tam giác ở yếu tố cạnh (HS có thể nhận ra một hình tam giác có 3 cạnh). Các bước như HĐ thông thường. Sau khi HS nói kết quả tìm được có 4 hình tam giác *GV gợi ý để HS xác nhận đúng hay sai* [illegible]

timdapan.com

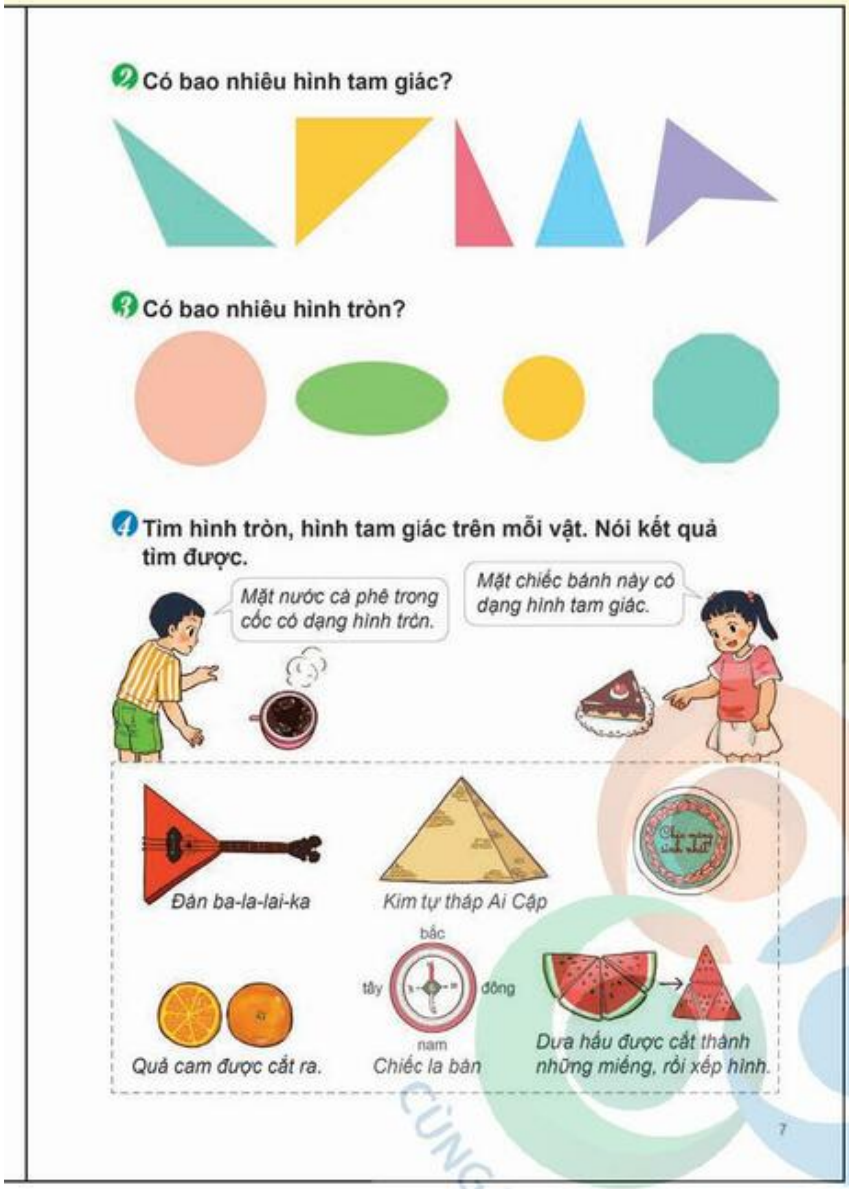

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Nhận dạng được hình tam giác, hình tròn.**
- **Trong một nhóm hình, chỉ ra được những hình nào không phải là hình tam giác và hình nào không phải hình tròn.**
- **Liên hệ thực tế: chỉ được một số đồ vật/phần của đồ vật có dạng hình tam giác hoặc hình tròn.**

– *Hình nào khác các hình còn lại? Khác ở điều gì?*

– *Các hình còn lại có đặc điểm gì chung?*

– *GV chỉ vào một hình trong các hình còn lại hỏi có đúng là hình tam giác không.*

Từ đó HS nhận ra các hình còn lại là hình tam giác và hình khác các hình còn lại không phải hình tam giác. Cũng từ đó HS cảm nhận được hình tam giác có 3 cạnh, hình không phải hình tam giác là . Kết quả đúng: có 4 hình tam giác.

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này cũng nhằm cho HS nhận dạng hình tròn, đồng thời nhận biết được hình không phải là hình tròn. HĐ này sẽ giúp HS cảm nhận về hình tròn ở hai đặc điểm: không có cạnh và "tròn xoe" chứ không dài, hình không phải hình tròn là và . Kết quả đúng: có 2 hình tròn.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cả lớp) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS nhận ra hình tam giác, hình tròn trên những đồ vật quen thuộc trong đời sống thường ngày: là một bề mặt hoặc một phần bề mặt của vật.

   HS thi đua nói kết quả nhận ra tương tự như bóng nói. Ví dụ về những miếng dưa hấu: người ta cắt những miếng dưa hấu có dạng hình tam giác, xếp 4 miếng dưa hấu hình tam giác đó thành một hình tam giác như hình bên phải; về chiếc đàn ba-la-lai-ka: hộp âm của chiếc đàn có dạng hình tam giác; về chiếc bánh sinh nhật: mặt trên của chiếc bánh trong hình có dạng hình tròn; ... *GV gợi ý để HS diễn đạt, mô tả được kết quả.*

2. (Cá nhân) **HS tìm các đồ vật xung quanh mà trên bề mặt đồ vật đó có hình tam giác hoặc hình tròn.**

   HS tự tìm rồi nói trước lớp kết quả tìm được. *GV gợi ý để HS diễn đạt, mô tả được kết quả.*

timdapan.com

Thực hành xếp, ghép hình

MỤC TIÊU

Biết xếp, ghép một số hình thành một hình mới.

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Xếp hình, ghép hình.

Thực hành xếp, ghép hình

1 Nêu số.

Hình này gồm:

? hình vuông.

? hình chữ nhật.

? hình tam giác.

? hình tròn.

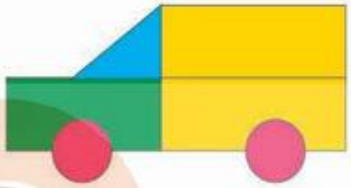

Hình này gồm:

? hình vuông.

? hình chữ nhật.

? hình tam giác.

? hình tròn.

Hình này gồm:

? hình vuông.

? hình chữ nhật.

? hình tam giác.

? hình tròn.

8

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Lấy hình, xếp thành hình đồ vật. HS lấy đúng số lượng hình theo lệnh của GV, xếp thành đồ vật theo ý thích và sáng tạo riêng. Ví dụ

GV nói: Lấy 1 hình chữ nhật và 3 hình tam giác, GV giơ mẫu

HS lấy đủ hình dán vào bảng con giơ lên.

GV nói: Hãy xếp thành hình đồ vật mà em thích. HS xếp dán vào bảng rồi giơ lên, GV khen HS xếp hình nhanh và đẹp nhất.

GV giới thiệu: Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ dùng các hình trong bộ đồ dùng học toán xếp, ghép thành những đồ vật, hình trang trí.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Tiết 1

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS làm quen với việc xếp, ghép hình từ những miếng hình trong bộ đồ dùng học toán, nhận ra mỗi hình mẫu là hình gì, trong mỗi hình mẫu cần bao nhiêu miếng hình mỗi loại.

HS tự thực hiện lần lượt từ trên xuống dưới. HS nói trước lớp kết quả cũng lần lượt như vậy: Hình bông hoa gồm có 6 hình tròn, 2 hình tam giác và 1 hình chữ nhật; Hình chiếc ô tô gồm 3 hình chữ nhật, 1 hình tam giác và 2 hình tròn; Hình chiếc thuyền buồm gồm 4 hình tam giác và 1 hình chữ nhật.

2. (Cặp đôi hoặc nhóm 4) **HS chọn lấy hình trong bộ đồ dùng học toán và xếp theo mẫu từng hình ở HĐ1 trong SHS.** Với HĐ này HS sẽ có cơ hội **nhận dạng hình kĩ hơn**, ví dụ ở hình chiếc thuyền buồm có hai kiểu hình tam giác khác nhau, ... Với HĐ này HS sẽ làm quen với **cảm nhận về kích thước** của hình để ghép cho vừa. Với HĐ này HS sẽ phải **quan sát để xác định vị trí từng miếng ghép** trong hình mẫu. Đó là HS đã được luyện những kĩ năng cần thiết để xếp, ghép hình theo mẫu rồi sau này sẽ tiến tới sáng tạo.

HS xếp từng mẫu rồi trình bày kết quả trước lớp. HS có thể phải vẽ một số chi tiết nhỏ, ví dụ cành của bông hoa.

timdapan.com

2 Dùng các hình sau đây để ghép hình.

a. Ghép bằng 4 hình vuông

b. Ghép bằng 4 hình tam giác

c. Ghép bằng 1 hình vuông và 4 hình tam giác

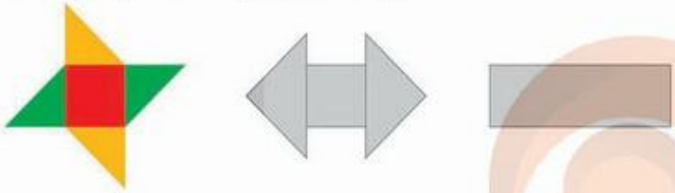

d. Ghép bằng 4 hình vuông và 4 hình tam giác

9

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận dạng các hình: vuông, chữ nhật, tam giác, tròn. Phân biệt sự khác nhau giữa các hình đó.
- Biết ghép một số hình thành một hình mới.
- Nhận ra quy luật của một mẫu hình đơn giản và xếp ghép bổ sung tiếp theo mẫu này.

b.

c.

Phần d. Phần này bắt đầu cho HS làm quen với quy luật xếp hình. Ở đây một chu kì của quy luật gồm 8 hình như đã cho, được xếp như mẫu. Các bước:

– HS phải chọn lấy 2 bộ hình như đã cho, xếp 1 bộ theo mẫu.

– HS phải thấy, nhớ thứ tự của 8 hình đã cho (quy luật) để xếp tiếp vào mẫu.

Tiết 2

3. (Cá nhân hoặc cặp đôi) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này cũng là xếp ghép hình theo mẫu nhưng mức độ khó hơn HĐ1 ở chỗ không rõ vị trí từng miếng ghép. Muốn ghép được các hình đã cho vào khung hình đòi hỏi HS phải hình dung vị trí, cảm nhận về kích thước của các miếng ghép có vừa với khung hay không. Các bước với mỗi phần **a**, **b**, **c**:

– HS chọn 2 nhóm hình đã chỉ định cho từng phần để chuẩn bị ghép vào 2 khung.

– HS ghép theo mẫu (đã rõ vị trí những miếng ghép).

– HS ghép hình vào từng khung, HS nào xong cả 2 khung thì giơ bảng. *GV khen HS làm tốt, gợi ý để HS chưa biết làm sẽ làm được.*

GV đánh giá HS về chủ đề Hình phẳng qua sản phẩm học tập này.

Kết quả:

a.

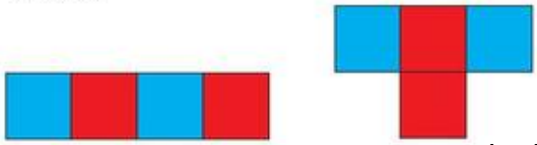

timdapan.com

HĐ trải nghiệm **CHƠI VỚI NHỮNG QUE TÍNH** được HS thực hiện ngay trong tiết 2 nếu thời gian cho phép, hoặc GV sẽ bố trí thời gian thích hợp để HS thực hiện sau tiết học này. HĐ này nhằm luyện cho HS kĩ năng quan sát kết hợp với suy luận, tính toán. Cũng từ đó HS có thể sáng tạo.

Phần a. GV hướng dẫn để HS thấy rằng: Xếp 1 tam giác cần 3 que tính, xếp 2 tam giác cần 6 que tính (3 + 3 = 6), vậy **5 que tính xếp thành 2 hình tam giác thì phải có 1 que tính chung cho cả 2 tam giác.**

Áp dụng cách trên cho việc dùng 7 que tính xếp thành 3 tam giác, HS phải trả lời được các câu hỏi trước khi xếp que tính:

– Nếu xếp 3 tam giác tách rời nhau thì cần bao nhiêu que tính? (3 + 3 + 3 = 9).

– Nếu chỉ có 7 que tính để xếp 3 tam giác như vậy thì còn thiếu bao nhiêu que tính? (9 – 7 = 2).

– Làm thế nào để xếp được 3 tam giác bằng 7 que tính? (Có 2 que tính, mỗi que phải được dùng chung cho 2 tam giác).

Từ đó HS sẽ suy nghĩ để 2 que tính nào sẽ được dùng chung cho 2 tam giác. Kết quả:

Tổ chức hoạt động tương tự như vậy với việc xếp 7 que tính thành 2 hình vuông. Kết quả:

Phần b. GV hướng dẫn để HS thấy rằng chuyển 2 que tính ở hình bên trái có (3 hình vuông) thành hình bên phải (có 2 hình vuông, hình nhỏ lồng trong hình to – tưởng tượng lồng hình nhỏ đè lên hình to).

GV gợi ý để HS tìm cách chuyển 3 que tính để được 3 hình vuông (không đè lên nhau):

– 12 que tính xếp thành 3 hình vuông thì 3 hình vuông đó có phải chung nhau que tính nào không? (mỗi hình vuông cần 4 que tính, 3 hình vuông không chung nhau que tính nào vì 12 = 4 + 4 + 4).

CHƠI VỚI NHỮNG QUE TÍNH

a. Với 6 que tính ta xếp thành 2 hình tam giác:

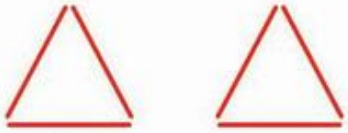

Với 5 que tính ta cũng xếp thành 2 hình tam giác:

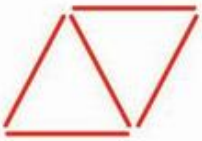

Bạn hãy dùng 7 que tính để xếp thành:

- 3 hình tam giác
- 2 hình vuông

b. Với 10 que tính ta xếp thành 3 hình vuông:

Nếu ta di chuyển 2 que tính đến vị trí khác thì lại thành 2 hình vuông đè lên nhau:

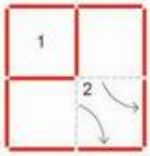

4 hình vuông dưới đây được xếp từ 12 que tính. **Bạn hãy di chuyển 3 que tính đến vị trí thích hợp để thành 3 hình vuông không đè lên nhau nhé!**

10

– Vậy di chuyển đi 3 que tính nào để lắp vào với 1 que (giữ nguyên chỗ cũ) thì được hình vuông mới?

Kết quả:

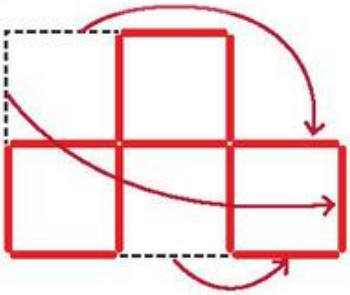

timdapan.com

CHỦ ĐỀ 8
HÌNH KHỐI

Thời gian: Học kì 2; Tuần 20 - 21; Số tiết 3.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Bài 1. **Vị trí** (1 tiết)	Vị trí các hình, các vật thể: trên - dưới, trước - sau, bên phải - bên trái, ở giữa.	– Quan sát và mô tả đúng vị trí đối tượng. – Nghe mô tả, xác định được vị trí đối tượng.	– SHS, Bài 1. – VBT, Bài 1. – Sách mềm - VBT, Bài 1. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 1. – ĐDHT.	– SGV, Bài 1. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 1. – ĐDDT.
Bài 2. **Khối lập phương, khối hộp chữ nhật** (1 tiết)	Nhận dạng khối lập phương (KLP), khối hộp chữ nhật (KHCN) và các vật thể có dạng khối hình đã nêu trong môi trường xung quanh.	– Chỉ ra được trong đồ dùng học toán và trong thực tế những vật có dạng KLP, KHCN. – Đưa các KLP, các KHCN về nhóm khối hình cùng loại.	– SHS, Bài 2. – VBT, Bài 2. – Sách mềm - VBT, Bài 2. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 2. – ĐDHT.	– SGV, Bài 2. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 2. – ĐDDT.
Bài 3. **Thực hành xếp, ghép hình** (1 tiết)	Dùng một số hình khối để ghép thành KLP hoặc KHCN hoặc đồ vật.	– Quan sát nhận biết một mẫu sắp xếp những khối hình. – Biết xếp các khối hình theo mẫu.	– SHS, Bài 3. – VBT, Bài 3. – Sách mềm - VBT, Bài 3. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 3. – ĐDHT.	– SGV, Bài 3. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 3. – ĐDDT.

ÔN TẬP PHẦN D

Thời gian: Học kì 2; Tuần 21 - 22; Số tiết 2.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Ôn tập chung (OTC) (2 tiết)	– Luyện tập nhận dạng các hình, khối hình đã học. – Xác định vị trí của một hình, vật thể so với hình, vật thể khác.	– Thành thạo quan sát, nhận biết các hình, khối hình. – Thành thạo sắp xếp các hình, khối hình theo mẫu.	– SHS, Bài OTC. – VBT, Bài OTC. – Sách mềm - VBT, Bài OTC. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài OTC. – ĐDHT.	– SGV, Bài OTC. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài OTC. – ĐDDT.

timdapan.com

Vị trí

MỤC TIÊU

Xác định được vị trí các hình, các vật thể trong môi trường xung quanh

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

- **Trên – Dưới. Trước – Sau.**
- **Trái – Phải. Ở giữa.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Tìm sách giúp bạn. HS xem tranh ở mục Khám phá trong SHS mà *GV chiếu hoặc treo* trên bảng rồi thi đua chỉ vào quyển sách mà bạn trai trong tranh đang tìm.

GV khen những HS chỉ đúng, nói đúng cách tìm quyển sách.

GV giới thiệu: Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ làm quen với những cách nói vị trí của một vật hoặc một hình: biết nói vị trí của vật để người khác tìm ra nó, hiểu khi nghe người khác nói vị trí của vật để tìm ra nó.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của các khung về vị trí – mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. (Cả lớp) **Làm quen và hiểu cách nói vị trí "trên", "dưới".**

– HS quan sát rồi thi đua nói vị trí từng hộp màu trong tranh. *GV gợi ý để HS nói đúng vị trí tương đối của mỗi hộp so với hộp kia (như cách nói trong SHS).*

– Lần lượt từng HS nói vị trí tương đối của một hộp màu so với hộp kia.

2. (Cả lớp) **Làm quen và hiểu cách nói vị trí "trước", "sau".**

Các bước tương tự như **1**.

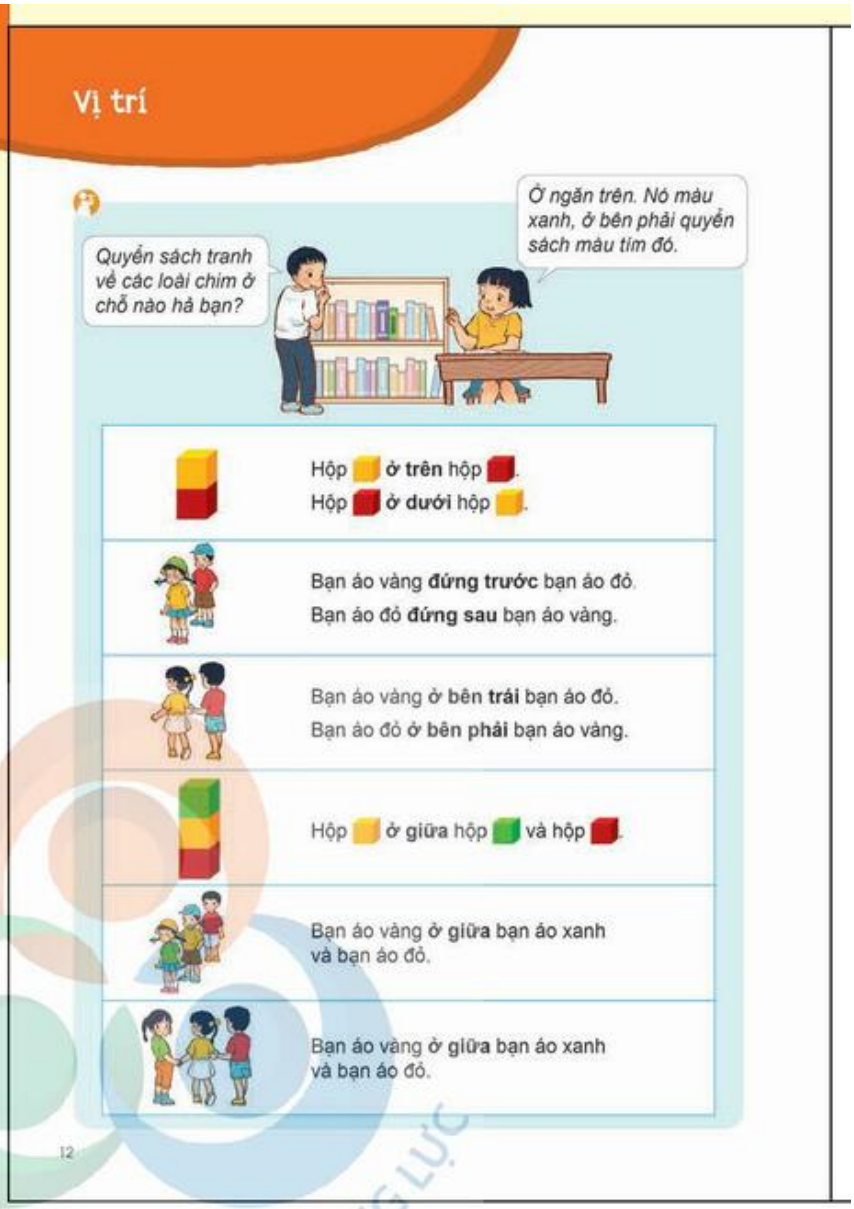

3. (Cả lớp) **Làm quen và hiểu cách nói vị trí "bên trái", "bên phải".**

Các bước tương tự như **1**.

4. (Cả lớp) **Làm quen và hiểu cách nói vị trí "Ở giữa".**

Các bước tương tự như **1**.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HS thực hiện HĐ1 trong SHS. HĐ này nhằm cho HS thực hành cách nói vị trí của các vật, người trong tranh. Với phần **a**, **b** thì đúng như mẫu ở khung kiến thức, mục Khám phá. Với phần **c** thì HS phải hình dung bên phải, bên trái theo hướng ngược lại với mẫu: ở tranh mẫu (mục Khám phá) ba bạn nhỏ quay lưng lại nên bên phải của các bạn trong tranh cũng là bên phải của người xem tranh, nhưng ở HĐ**1c** các bạn nhỏ quay mặt lại. Các bước với mỗi phần:

– HS tự nói vị trí theo yêu cầu của HĐ. *GV theo sát từng HS, gợi ý để HS nói đúng vị trí từng vật hoặc người nếu cần.*

– HS được chỉ định nói vị trí tương đối của mỗi vật hoặc người so với những vật hoặc người kia.

timdapan.com

1 Nói vị trí.

a. Nói *trên*, *dưới* hoặc *ở giữa*.

b. Nói *trước*, *sau* hoặc *ở giữa*.

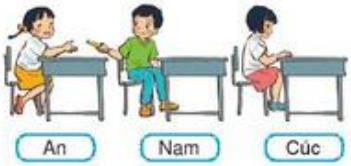

c. Nói *bên phải*, *bên trái* hoặc *ở giữa*.

2 Chỉ đúng bàn của từng bạn.

13

Nói đúng:

a. Ống bút vàng ở trên ống bút xanh. Ống bút đỏ ở trên chiếc ô tô đồ chơi.

– Ống bút tím ở dưới ống bút xanh. Chiếc máy bay đồ chơi ở dưới chiếc ô tô đồ chơi.

– Ống bút xanh ở giữa ống bút vàng và ống bút tím. Chiếc ô tô đồ chơi ở giữa ống bút đỏ và chiếc máy bay đồ chơi.

b. Bạn Cúc ngồi trước bạn Nam. Bàn bạn Cúc ở trước bàn bạn Nam.

– Bạn An ngồi sau bạn Nam. Bàn bạn An ở sau bàn bạn Nam.

– Bàn bạn Nam ở giữa bàn bạn Cúc và bàn bạn An.

c. Bạn Hoa ngồi bên phải bạn Hải. Bàn bạn Hoa ở bên phải bàn bạn Hải.

– Bạn Mai ngồi bên trái bạn Hải. Bàn bạn Mai ở bên trái bàn bạn Hải.

– Bạn Hải ngồi giữa bạn Mai và bạn Hoa. Bàn bạn Hải ở giữa bàn bạn Mai và bàn bạn Hoa.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Quan sát vị trí một số vật (đồ dùng học toán/vật thật), nhận ra: vật này ở trên/dưới (đứng trước/đứng sau, bên trái/bên phải) vật kia; với ba vật thẳng hàng, nhận ra vật này ở giữa hai vật khác.**
- **Liên hệ thực tế: nói được vị trí các tổ, các dãy bàn học, bảng đen, chỗ ngồi,... trong lớp học. Biết mô tả vị trí các vật thể trong môi trường xung quanh.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân) **HS dùng từ bên phải/trái, trước/sau, ở giữa để mô tả vị trí chỗ ngồi của mình hoặc của bạn trong lớp học.** *GV đánh giá HS về việc dùng từ mô tả vị trí qua hoạt động này.*
2. (Cá nhân hoặc nhóm) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS xác định chỗ ngồi của từng bạn trong tranh dựa vào mô tả vị trí: bên phải/trái, trước/sau, ở giữa. HS phải biết vị trí của mỗi bạn tiếp theo được xác định theo vị trí của các bạn đã biết vị trí và có liên quan. *GV đánh giá HS về hiểu mô tả vị trí qua sản phẩm này.*

Các bước:

– HS nhận biết vị trí của các bạn Hồng, Bình, Nam.

– HS tìm vị trí của các bạn mà theo mô tả liên quan với bạn Hồng, Bình, Nam.

Kết quả:

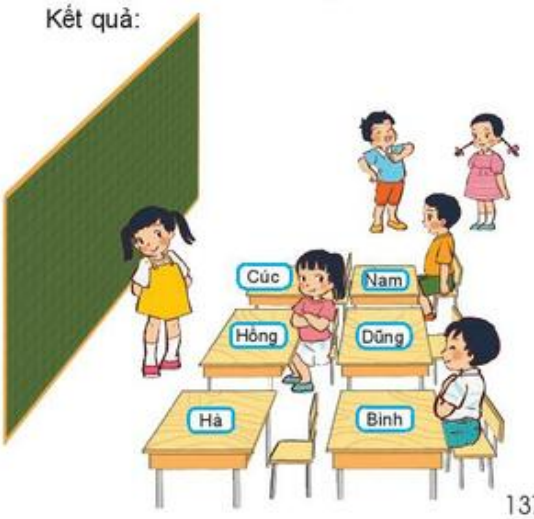

timdapan.com

Khối hộp chữ nhật, khối lập phương

MỤC TIÊU

Nhận dạng được khối lập phương, khối hộp chữ nhật và các vật thể có dạng khối hình đã nêu trong môi trường xung quanh.

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Khối lập phương. Khối hộp chữ nhật.

Khối hộp chữ nhật, khối lập phương

Nói tên mỗi khối hình, đưa khối hình đó về đúng nhóm.

14

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Phân thành hai loại hộp. *GV chuẩn bị cho mỗi nhóm HS 4 hoặc 5 hộp quà gồm hai loại: hộp chữ nhật và hộp lập phương (chú ý tránh để HS hiểu lầm là hai loại màu sắc khác nhau hoặc hai loại giấy bọc khác nhau, tốt nhất là các hộp cùng màu và cùng loại giấy bọc như nhau).* Khi có hiệu lệnh "Bắt đầu!", mỗi nhóm HS phân loại các hộp của nhóm thành hai loại khác nhau.

GV khen những nhóm HS phân loại nhanh và rõ là hai loại khác nhau.

GV giới thiệu: Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ làm quen với hai loại hình khối rất hay gặp trong cuộc sống hằng ngày, ví dụ như những hộp quà mà các em vừa mới phân loại.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. (Cả lớp) Tìm giỏ hoa trong tranh có hình dạng giống hộp chữ nhật. Nếu GV chuẩn bị vật thật thì tốt hơn. Vật thật gồm: 1 giỏ hoa dạng khối lập phương, 1 giỏ hoa dạng khối hộp chữ nhật và 1 giỏ hoa dạng khác. Các bước:

– HS quan sát tranh của mục Khám phá và quan sát lại chiếc hộp chữ nhật mà GV giơ lên, nghe câu hỏi "Giỏ hoa nào có dạng giống với hộp này?".

– HS trả lời câu hỏi, chỉ vào giỏ hoa đã chọn.

– HS nghe GV giới thiệu về khối hộp chữ nhật: *GV giơ khối hộp chữ nhật trong bộ đồ dùng dạy học toán để HS nhận ra chiếc hộp chữ nhật, giỏ hoa hình hộp chữ nhật đều có hình dạng giống khối hộp chữ nhật trong bộ đồ dùng dạy học toán. GV chỉ vào khối hộp chữ nhật trong bộ đồ dùng dạy học toán và giới thiệu "Đây là một khối hộp chữ nhật", giơ chiếc hộp và giỏ hoa lên và nói "Những vật này có dạng khối hộp chữ nhật".*

2. (Cả lớp) **Tìm giỏ hoa có hình dạng giống hộp lập phương.** Các bước tương tự như **1.**

3. (Cá nhân) **HS nhận ra hình vẽ khối hộp chữ nhật, hình vẽ khối lập phương trong mục Khám phá.**

HS tự chỉ vào từng hình vẽ khối hình trong sách của mình và nói tên khối hình đó. *GV theo sát từng HS để nghe HS nói.* Tiếp theo một số HS nói tên khối hình mà GV chỉ vào hình vẽ của nó trên bảng.

timdapan.com

2 Tìm khối lập phương, khối hộp chữ nhật.

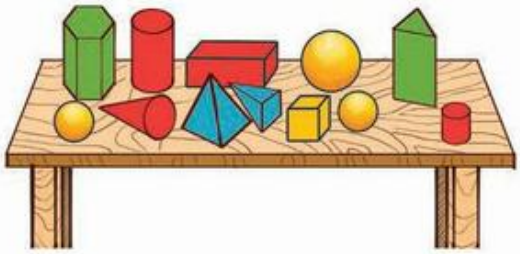

3 Mỗi vật sau có dạng khối lập phương hay khối hộp chữ nhật?

15

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Chỉ ra được những đồ dùng học toán, một số đồ vật trong thực tế có dạng khối lập phương/ khối hộp chữ nhật.
- Trong một nhóm những vật thể, chỉ ra được vật nào là khối lập phương, khối hộp chữ nhật.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS nhận dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương và bước đầu cảm nhận sự khác nhau giữa khối hộp chữ nhật, khối lập phương. Các bước:

– HS tự chỉ vào mỗi khối hình và đọc tên khối hình đó. Một số HS đọc trước lớp.

– HS di ngón tay nối mỗi khối hình với một khung chứa hình vẽ khối hình cùng loại (khối hộp chữ nhật hoặc khối lập phương). Một vài HS thực hiện trên bảng đến khi đúng:

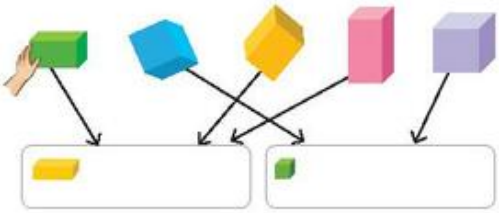

GV nên cho HS hoạt động như vậy với các khối thật trước khi thực hiện HĐ1.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS nhận ra khối hộp chữ nhật, khối lập phương trong số rất nhiều loại khối hình khác. GV nên cho HS hoạt động như vậy với các khối thật trước khi thực hiện HĐ2.

GV theo dõi từng HS để biết kết quả HS đã tìm được, từ đó đánh giá HS về nhận biết khối hộp chữ nhật, khối lập phương. Kết quả đúng:

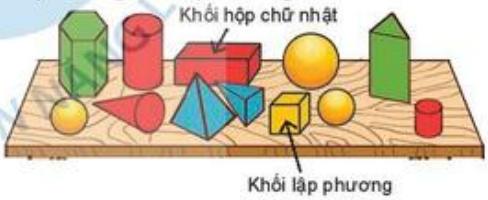

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân hoặc nhóm) **HS tìm các vật xung quanh có dạng khối hộp chữ nhật, có dạng khối lập phương.**
2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ3 nhằm cho HS hình dung các vật trong thực tế theo hình vẽ ở đây, từ đó nhận biết mỗi vật này có dạng khối hộp chữ nhật hay khối lập phương.

Kết quả: Các vật có dạng khối lập phương là khối ru-bic, con xúc xắc, hộp quà. Các vật có dạng khối hộp chữ nhật là quyển sách, hộp trà, hộp bánh, chiếc tủ.

timdapan.com

Thực hành xếp, ghép hình

MỤC TIÊU

Biết dùng các khối để xếp thành một khối hộp chữ nhật, khối lập phương hoặc đồ vật, ...

Thực hành xếp, ghép hình

1 Hãy ghép những khối hình đã cho thành một khối hình mới. Nói tên khối hình mới đó.

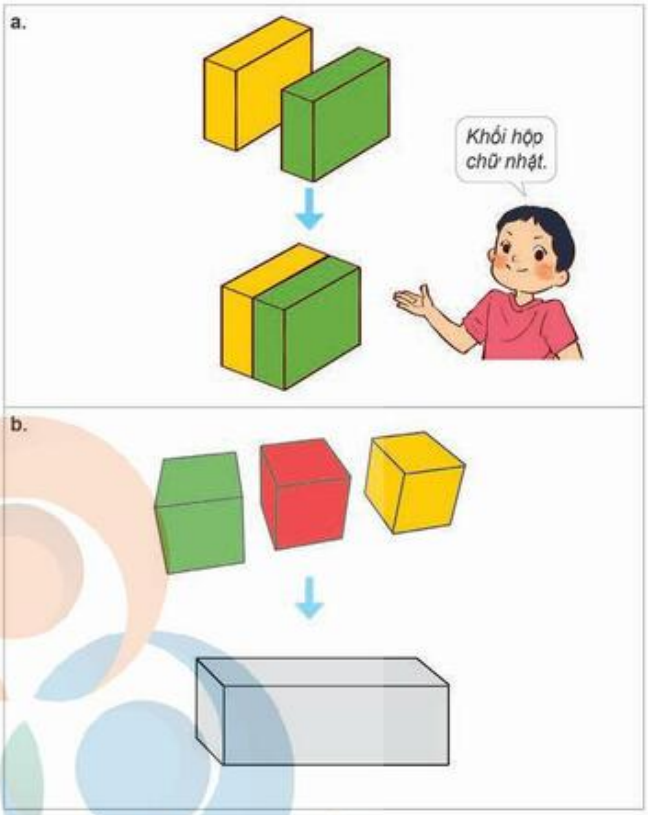

16

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Xếp thành khối mới. HS lấy 2 khối hộp chữ nhật mà GV chỉ định *(GV giơ lên 2 khối hộp chữ nhật như ở phần a của HĐ1)*, thi đua xếp thành khối mới và nói tên khối mới đó.

GV khen những HS xếp nhanh, nói đúng.

GV giới thiệu: Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ sử dụng những khối hình có trong bộ đồ dùng học toán và một số đồ vật để ghép thành khối hộp chữ nhật, khối lập phương và những đồ vật khác.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân hoặc nhóm) **HS chọn lấy khối hình trong bộ đồ dùng học toán và xếp theo mẫu từng hình ở HĐ1 trong SHS.** Với HĐ này HS sẽ làm quen với **cảm nhận về kích thước** của khối hình để ghép cho vừa. Với HĐ này HS sẽ phải **quan sát để xác định vị trí từng khối hình** trong mẫu. Đó là HS đã được luyện những kĩ năng cần thiết để xếp, ghép theo mẫu rồi sau này sẽ tiến tới sáng tạo.

   HS xếp từng mẫu rồi trình bày kết quả trước lớp.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS luyện tập việc dùng các cụm từ chỉ vị trí để mô tả cách lắp ghép các khối hình và đồ vật thành chiếc ô tô tải (ô tô chở hàng). Các bước:

– HS mô tả vị trí tương đối của mỗi khối hình/đồ vật so với các khối hình/đồ vật khác.

– HS mô tả toàn bộ thứ tự lắp ghép các khối hình, đồ vật thành chiếc ô tô tải. *GV có thể phải gợi ý nếu cần.*

Mô tả đúng thứ tự:

1) Đặt khối lập phương lên trên phần đầu của khối hộp chữ nhật to. Khối lập phương này chính là đầu của chiếc ô tô tải.
2) Đặt khối hộp chữ nhật nhỏ lên trên khối hộp chữ nhật to và ở sau đầu ô tô. Khối hộp chữ nhật nhỏ này chính là thùng đựng hàng của ô tô tải.
3) Dán hình tròn cân đối hai bên khối hộp chữ nhật to để làm bánh xe.

3. (Cá nhân hoặc nhóm) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HS thực hành lắp ghép chiếc ô tô tải như ở HĐ2. Để thực hiện được HĐ này tại lớp HS cần chuẩn bị 4 hình tròn làm 4 chiếc bánh xe. Trước khi lắp ghép, HS phải chọn trong bộ đồ dùng

timdapan.com

2 Nói vị trí các khối hình trên chiếc xe ô tô.

3 Hãy chọn đủ các khối hình và hình tròn trong bộ đồ dùng học toán để ghép thành chiếc ô tô ở trên.

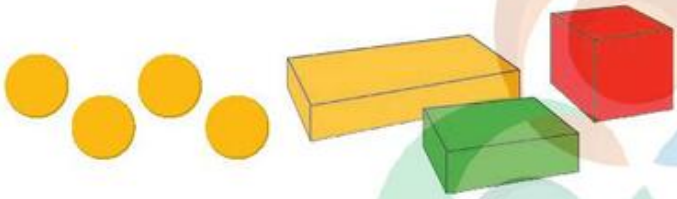

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết các khối có dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật, và những vật thể có dạng đã nêu trong môi trường xung quanh.
- Biết ghép một số khối thành khối mới.

học toán 2 khối hộp chữ nhật và 1 khối lập phương như ở HĐ2. Với việc chọn 3 khối hộp này HS sẽ được cảm nhận về kích thước của 3 khối đó để phù hợp với việc lắp ghép chiếc ô tô theo hình mẫu: xếp khối lập phương và khối hộp chữ nhật nhỏ chồng lên khối hộp chữ nhật to thì vừa khít, không thừa hay thiếu. Các bước:

– HS chọn các khối hình, chuẩn bị làm trục bánh xe. GV có thể hướng dẫn hoặc giúp HS chọn 3 khối hình.

– HS tự lắp ghép các khối hình và dán hình tròn thành chiếc xe tải.

timdapan.com

ÔN TẬP CHUNG

MỤC TIÊU

- **Nhận dạng được các hình phẳng, hình khối đã học.**
- **Xác định được vị trí của một hình, khối, vật thể so với hình, khối, vật thể khác.**
- **Biết xếp/ghép hình, đồ vật thành một hình/vật có dạng cho trước.**

ÔN TẬP CHUNG

BẠN ĐÃ HỌC

- Nhận dạng những hình phẳng: hình chữ nhật, hình vuông, hình tam giác, hình tròn. Nhận biết các hình phẳng này trên những đồ vật ở quanh ta.
- Nhận biết các hình khối: khối hộp chữ nhật, khối lập phương và những đồ vật có dạng hình khối này.
- Nhận biết và nói vị trí: trên – dưới, bên phải – bên trái, trước – sau, ở giữa.
- Xếp, ghép hình phẳng và hình khối.

1 Ghép hình cây theo mẫu bằng cách dùng những hình chữ nhật, hình tam giác, hình tròn.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Tiết 1

1. (Cá nhân hoặc nhóm) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS sử dụng những miếng hình trong bộ đồ dùng học toán để xếp, ghép hình theo mẫu. Đó là HS đã được ôn luyện về nhận biết hình dạng của mỗi hình phẳng, về kĩ năng xếp, ghép hình theo mẫu: cảm nhận về kích thước (to, nhỏ), xác định vị trí của mỗi miếng hình trong hình mẫu và chọn đúng, đủ số lượng miếng hình mỗi loại để chuẩn bị xếp, ghép hình.

   Các bước với hoạt động xếp, ghép mỗi hình mẫu:

– HS quan sát hình mẫu, chọn đúng và đủ số miếng ghép mỗi loại. *GV theo dõi, đánh giá HS về nhận biết hình dạng, cảm nhận về kích thước (to, nhỏ), số lượng miếng ghép mỗi loại; gợi ý để HS nhận ra đã chọn sai, chọn thiếu miếng ghép nào (nếu có).*

– HS quan sát hình mẫu và xếp ghép theo mẫu. *GV theo dõi, đánh giá HS về xác định vị trí của mỗi miếng hình trong hình mẫu, sự khéo léo, nhanh nhẹn.*

2. (Nhóm) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS sử dụng những khối hình trong bộ đồ dùng học toán để xếp, ghép hình theo mẫu. Đó là HS đã được ôn luyện về nhận biết dạng của một khối hình, về kĩ năng xếp ghép hình theo mẫu: cảm nhận về kích thước (to, nhỏ), xác định vị trí của mỗi khối hình trong hình vật mẫu và chọn đúng, đủ số lượng khối hình mỗi loại để chuẩn bị xếp ghép.

   Ngoài việc xếp ghép các khối hình, ở HĐ này HS còn có thể sử dụng những hình phẳng để dán vào bề mặt những khối hình như: những hình vuông màu trắng làm cửa sổ ngôi nhà, hình chữ nhật làm cửa lớn. Như vậy HS đã được làm quen sự kết hợp giữa hình phẳng và hình khối để tạo hình đồ vật.

   Các bước với hoạt động xếp, ghép theo mẫu hình vật mẫu:

– HS quan sát hình vật mẫu, chọn đúng và đủ số khối hình mỗi loại. *GV theo dõi, đánh giá HS về nhận biết dạng khối hình, cảm nhận về kích thước (to, nhỏ), số lượng khối hình mỗi loại; gợi ý để HS nhận ra đã chọn sai, chọn thiếu khối hình nào (nếu có). GV hướng dẫn HS chuẩn bị các miếng phẳng (có thể cắt hoặc xé giấy) để dán lên vật sau khi đã ghép xong.*

timdapan.com

2 Hãy cùng nhóm bạn xếp những khối hộp chữ nhật, khối lập phương thành ngôi nhà.
Cắt giấy, dán thành các cửa.

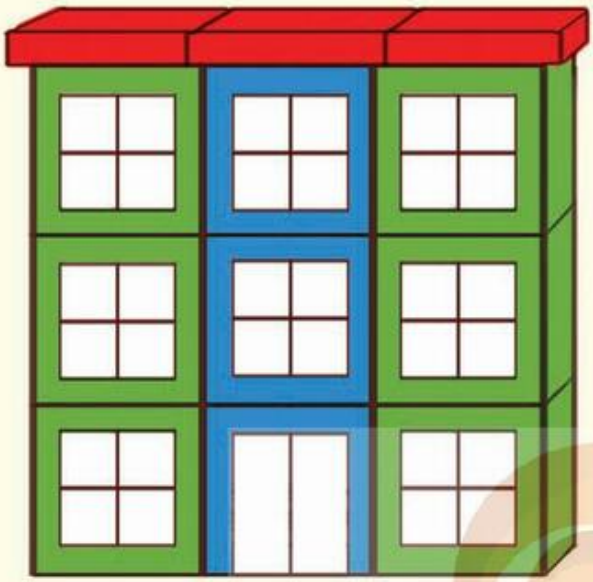

19

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Quan sát, nhận ra: các mặt xung quanh khối lập phương, khối hộp chữ nhật là những hình vuông hoặc hình chữ nhật.
- Thành thạo kĩ năng sắp xếp các hình, vật thể theo vị trí cho trước trong một mẫu và bước đầu hướng tới sự sáng tạo.

– HS quan sát hình vật mẫu và xếp ghép theo mẫu. *GV theo dõi, đánh giá HS về xác định vị trí của mỗi khối hình trong hình mẫu, sự khéo léo, nhanh nhẹn.*

– HS dán những miếng hình phẳng lên vật đã ghép (cửa sổ, cửa lớn ngôi nhà).

timdapan.com

Tiết 2

3. (Nhóm) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS nhận ra một quy luật qua một đoạn dãy hình đã ghép và thể hiện quy luật nhận ra bằng việc chỉ ra 1 hình thay thế vào chỗ [?].

Các bước với mỗi phần **a**, **b**, **c**:

– Nhóm HS xếp hình theo mẫu, thảo luận nhóm về quy luật của dãy hình và xếp hình thay thế vào chỗ [?]. *GV theo dõi từng nhóm HS thảo luận, tôn trọng cách nhìn nhận quy luật của HS. Nếu HS chọn hình chưa rõ quy luật thì yêu cầu HS xếp kéo dài dãy hình (thêm một số hình nữa) để xem HS có thật sự tìm được hoặc sáng tạo được quy luật hay không. Từ đó GV đánh giá HS về việc nhận biết hoặc sáng tạo quy luật của dãy hình trên cơ sở một đoạn dãy hình đã cho sẵn.*

– Đại diện nhóm HS trình bày trước lớp quy luật của dãy hình như đã làm ở nhóm.

– HS nghe GV phân tích đề ra một quy luật gọn và cân đối. Kết quả mỗi dãy hình mà GV hướng dẫn HS nhận ra là:

a.

b.

c.

4. (Nhóm) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS nhận ra một quy luật sắp xếp 3 khối lập phương theo thứ tự về màu sắc, kích thước. Các bước tương tự như hoạt động mỗi phần của HĐ3. Kết quả mà GV hướng dẫn HS nhận ra là:

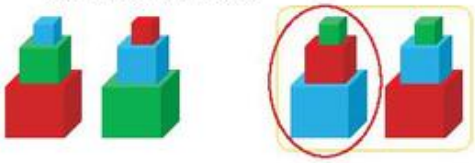

3 Chọn hình để xếp tiếp.

a.

b.

c.

4 Chọn tháp hình để xếp tiếp.

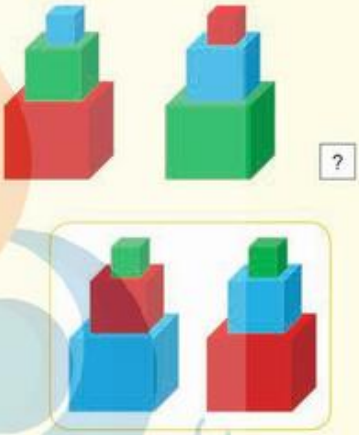

20

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

timdapan.com

E

CÁC SỐ ĐẾN 100. CỘNG, TRỪ TRONG PHẠM VI 100

Thời gian: Học kì 2; Tuần 22 – 30; Số tiết 24.

CHỦ ĐỀ BÀI ÔN TẬP	NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
CHỦ ĐỀ 9. Các số đến 100	1. NL tư duy và lập luận toán học: thực hiện các thao tác tư duy ở mức độ đơn giản như quan sát, phân tích, tìm ra quy luật,... 2. NL mô hình hoá toán học: từ những tình huống thực tế, xác định mô hình số, mô hình phép toán cộng / trừ,... 3. NL giải quyết vấn đề: nhận biết vấn đề cần giải quyết, chẳng hạn trong tình huống thực tế, thực hiện cách giải,... 4. NL giao tiếp toán học: nghe/đọc hiểu, giải quyết vấn đề, nói/viết được kết quả,... 5. NL sử dụng công cụ, phương tiện toán học: sử dụng mô hình số để so sánh và tính toán,...	– Thành thạo đếm theo chục và đếm từ 1 đến 100. – Biết xác định số lượng vật của một nhóm theo số chục và số đơn vị (vật). Nhận biết mỗi số có hai chữ số gồm số chục và số đơn vị. – Thành thạo đọc và viết số có hai chữ số. – So sánh và sắp thứ tự một nhóm số có không quá 4 số.
CHỦ ĐỀ 10. Cộng, trừ (không nhớ) trong phạm vi 100		– Thành thạo cộng, trừ nhẩm các chục. – Thực hiện được việc cộng, trừ các số có hai chữ số, không nhớ trong phạm vi 100 bằng các cách thích hợp. – Nhận biết và viết được phép tính cộng / trừ phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính được kết quả đúng.
Ôn tập chung		Thông qua các bài ôn tập, kiểm tra xem HS có khả năng: – Xác định được số lượng của một nhóm có không quá 100 vật. – Đọc, viết các số đến 100. – Biết so sánh một nhóm có không quá 4 số, trong phạm vi 100 và sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé. – Biết thực hiện phép tính cộng và phép tính trừ không nhớ bằng các phương pháp thích hợp. – Chọn được phép tính và tính đúng kết quả cho các bài toán thực tế đơn giản.

Trong quá trình học phần này, HS sẽ được trải nghiệm:

– Phân chia nhóm vật theo chục và đơn vị, đếm và xác định được số lượng của nhóm vật.

– So sánh 2 số có hai chữ số bằng cách so sánh số chục, số đơn vị.

– Tìm số bé nhất / lớn nhất trong nhóm có 4 số. Lặp lại việc này cho những số còn lại,... Bằng cách đó sắp xếp được một nhóm số theo thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé.

– Thực hiện các phép tính cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100 bằng các cách khác nhau: đếm tiếp / đếm lùi theo số bước nhỏ hơn 10; đặt tính theo cột.

– Giải bài toán cộng / trừ trong những tình huống thực tế đơn giản.

timdapan.com

CHỦ ĐỀ 9
CÁC SỐ ĐẾN 100

Thời gian: Học kì 2; Tuần 22 – 25; Số tiết 10.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Bài 1. Đếm đến 50 (1 tiết)	– Đếm đến 50. – Trả lời câu hỏi "Nhóm có bao nhiêu vật?"	– Thành thạo đếm từ 1 đến 50. – Biết đếm các vật của một nhóm để trả lời câu hỏi: "Nhóm có bao nhiêu vật?"	– SHS, Bài 1. – VBT, Bài 1. – Sách mềm - VBT, Bài 1. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 1. – ĐDHT: thẻ số, các thanh chục, đơn vị.	– SGV, Bài 1. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 1. – ĐDDT.
Bài 2. Các số đến 50 (1 tiết)	– Đọc, viết các số từ 20 đến 50. – Xác định số lượng của mỗi nhóm vật có số lượng đến 50 vật.	– Đọc / viết đúng các số đến 50 theo cách đọc truyền thống. – Biết cách xác định số lượng của một nhóm đồ vật (không quá 50) bằng đếm số chục và đếm số đơn vị vật lẻ.	– SHS, Bài 2. – VBT, Bài 2. – Sách mềm - VBT, Bài 2. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 2. – ĐDHT.	– SGV, Bài 2. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 2. – ĐDDT.
Bài 3. Đếm theo chục. Số tròn chục (1 tiết)	– Đếm, đọc, viết các số chục. – Nhận biết số lượng của mỗi nhóm vật có số lượng chẵn chục.	– Đọc, viết thành thạo các số tròn chục: 10, 20, ..., 90. – Biết cách xác định số lượng của nhóm đồ vật có số lượng chẵn chục: phân chia, sắp xếp, khoanh thành các nhóm 1 chục.	– SHS, Bài 3. – VBT, Bài 3. – Sách mềm - VBT, Bài 3. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 3. – ĐDHT.	– SGV, Bài 3. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 3. – ĐDDT.
Bài 4. Đếm đến 100 (1 tiết)	– Đếm, đọc, viết các số từ 50 đến 100. – Nhận biết số lượng của mỗi nhóm vật có số lượng đến 100 vật. – Biết 100 là 99 thêm 1.	– Đếm thành thạo từ 1 đến 100. – Đọc, viết thành thạo các số từ 50 đến 100. – Biết cách xác định số lượng của nhóm đồ vật có số lượng chẵn chục: phân chia, sắp xếp, khoanh thành các nhóm 1 chục, các đơn vị.	– SHS, Bài 4. – VBT, Bài 4. – Sách mềm - VBT, Bài 4. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 4. – ĐDHT: thanh chục và đơn vị.	– SGV, Bài 4. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 4. – ĐDDT.

timdapan.com

Bài 5. **Các số có hai chữ số** (1 tiết)	– Cấu tạo của số có hai chữ số: số chục và số đơn vị. – Dùng chục và đơn vị để nói về số lượng một nhóm vật.	– Nhận biết được cấu tạo số thông qua xác định số lượng vật theo số chục và số đơn vị. – Biết nói số lượng vật của một nhóm gồm mấy chục, mấy đơn vị.	– SHS, Bài 5. – VBT, Bài 5. – Sách mềm - VBT, Bài 5. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 5. – ĐDHT: các thanh chục và đơn vị.	– SGV, Bài 5. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 5. – ĐDDT.
Bài 6. **So sánh các số có hai chữ số** (1 tiết)	– So sánh hai số có hai chữ số. – Áp dụng so sánh các số có hai chữ số vào những bài toán cụ thể về lớn hơn/bé hơn.	Biết hai cách so sánh hai số: – So sánh số chục, rồi so sánh số đơn vị; – So sánh theo thứ tự đếm.	– SHS, Bài 6. – VBT, Bài 6. – Sách mềm - VBT, Bài 6. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 6. – ĐDHT: các thanh chục và đơn vị.	– SGV, Bài 6. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 6. – ĐDDT.
Bài 7. **Sắp thứ tự ba số** (1 tiết)	– Tìm số lớn nhất, số bé nhất trong ba số. – Sắp thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé ba số.	– Biết vận dụng cách so sánh hai số để biết số nào lớn / bé hơn cả hai số kia, từ đó tìm ra số lớn / bé nhất. – Biết sắp ba số theo thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé: số bé / lớn nhất đứng trước tiên, số lớn / bé nhất đứng sau cùng.	– SHS, Bài 7. – VBT, Bài 7. – Sách mềm - VBT, Bài 7. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 7. – ĐDHT: các thanh chục và đơn vị.	– SGV, Bài 7. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 7. – ĐDDT.
Bài 8. **Sắp thứ tự các số trong phạm vi 100** (1 tiết)	Sắp thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé một nhóm có không quá 4 số, trong phạm vi 100.	– Biết thứ tự đếm đến 100 từ bé đến lớn của các số từ 1 là thứ tự từ bé đến lớn. – Thành thạo sắp một nhóm số (không quá 4 số) theo thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé bằng hai cách: Dựa vào thứ tự đếm; Tìm số bé / lớn nhất xếp trước rồi lại tìm số bé / lớn nhất trong các số còn lại xếp tiếp theo, cứ thế cho đến hết.	– SHS, Bài 8. – VBT, Bài 8. – Sách mềm- VBT, Bài 8. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 8. – ĐDHT: các thanh chục và đơn vị.	– SGV, Bài 8. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 8. – ĐDDT.
Bài 9. **Ôn tập 9** (2 tiết)	– Đếm, đọc, viết các số trong phạm vi 100. – Cấu tạo số có hai chữ số. – So sánh và sắp thứ tự các số trong phạm vi 100. – Hoạt động trải nghiệm: Cùng chơi.	– Đếm, đọc, viết thành thạo từ 0 đến 100. – Xác định thành thạo số lượng của một nhóm đồ vật theo số chục và số đơn vị. – Sắp thứ tự thành thạo một nhóm số có không quá 4 số.	– SHS, Bài 9. – VBT, Bài 9. – Sách mềm - VBT, Bài 9. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 9. – ĐDHT: các thanh chục và đơn vị.	– SGV, Bài 9. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 9. – ĐDDT.

timdapan.com

Đếm đến 50

MỤC TIÊU

- **Biết đếm đến 50 vật.**
- **Trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu?".**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

- **Số 21. Số 22. ... . Số 29. Số 30.**
- **Số 31. ... . Số 39. ... . Số 49. Số 50.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Đếm lấy 20 và thêm nữa. Ví dụ, **Đếm lấy 20:** HS lần lượt đứng vào hàng và tự đếm, hàng thứ nhất đủ 10 người rồi thì HS tiếp theo phải tự động sang hàng thứ hai, cộng hai hàng có 20 người. HS nào làm sai thì đứng ra ngoài để cuối cuộc chơi phải nhảy lò cò. **Thêm nữa:** GV mời thêm 1 (2, 3, ..., 9) HS nữa xếp vào hàng thứ ba và hỏi: "Bây giờ có bao nhiêu bạn xếp hàng?". Nếu HS nào trả lời đúng thì khen thưởng.

GV giới thiệu bài học mới: Chúng ta đã biết đếm đến 20. Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ học **đếm nhiều hơn 20**.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. (Cặp đôi) **Nhận biết những số đếm tiếp theo 20.**

Các bước:

– HS quan sát tranh ba bạn nhỏ (trong Khám phá), trả lời các câu hỏi: "Ba bạn trong tranh đang làm gì?" (Trả lời đúng: Ba bạn cùng đếm bi, bạn sau đếm tiếp theo bạn trước); "Ba bạn đếm bi để làm gì?" (Trả lời đúng: Đếm để biết có bao nhiêu viên bi).

– Cặp đôi trao đổi để làm theo yêu cầu: "Em hãy đếm lại các viên bi đó! Trả lời câu hỏi trong tranh!"

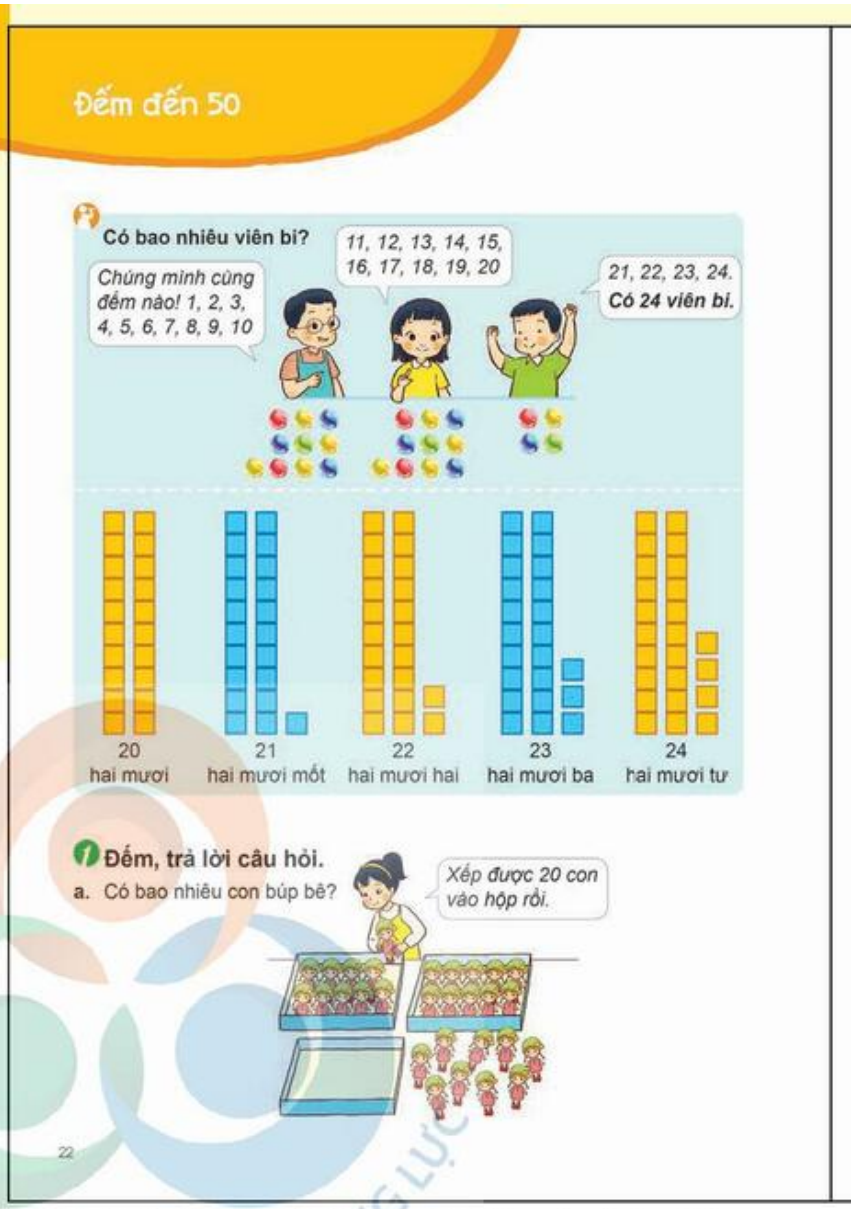

– Một số đại diện cặp đôi đếm các viên bi trong tranh treo trên bảng, đếm đến viên nào thì chỉ vào viên đó, rồi trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu viên bi?". *GV sửa cách đọc số đếm nếu HS đọc sai.*

2. (Cặp đôi) **Nhận biết thứ tự các số đếm, cách viết và cách đọc số.** Các bước:

– HS xem mô hình đếm các hình vuông trong tranh Khám phá, đọc các số đếm lần lượt từ trái sang phải.

– Mỗi cặp đôi lấy ra 2 thanh chục và 4 hình vuông rời. Mỗi HS trong cặp đôi chỉ vào từng hình vuông đếm cho HS còn lại nghe và sửa cho nhau.

– Một số đại diện cặp đôi lên bảng đếm các hình vuông như trong tranh Khám phá. *GV sửa cho HS nếu HS đọc số đếm sai, yêu cầu HS kết luận có bao nhiêu hình vuông.*

– *Chốt phần Khám phá* bằng việc cho HS đọc các số đếm từ 21 đến 29, từ 1 đến 29: cả lớp đọc, tổ đọc, cá nhân đọc, đọc tiếp sức, ...

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS thực hành đếm đến 50.

timdapan.com

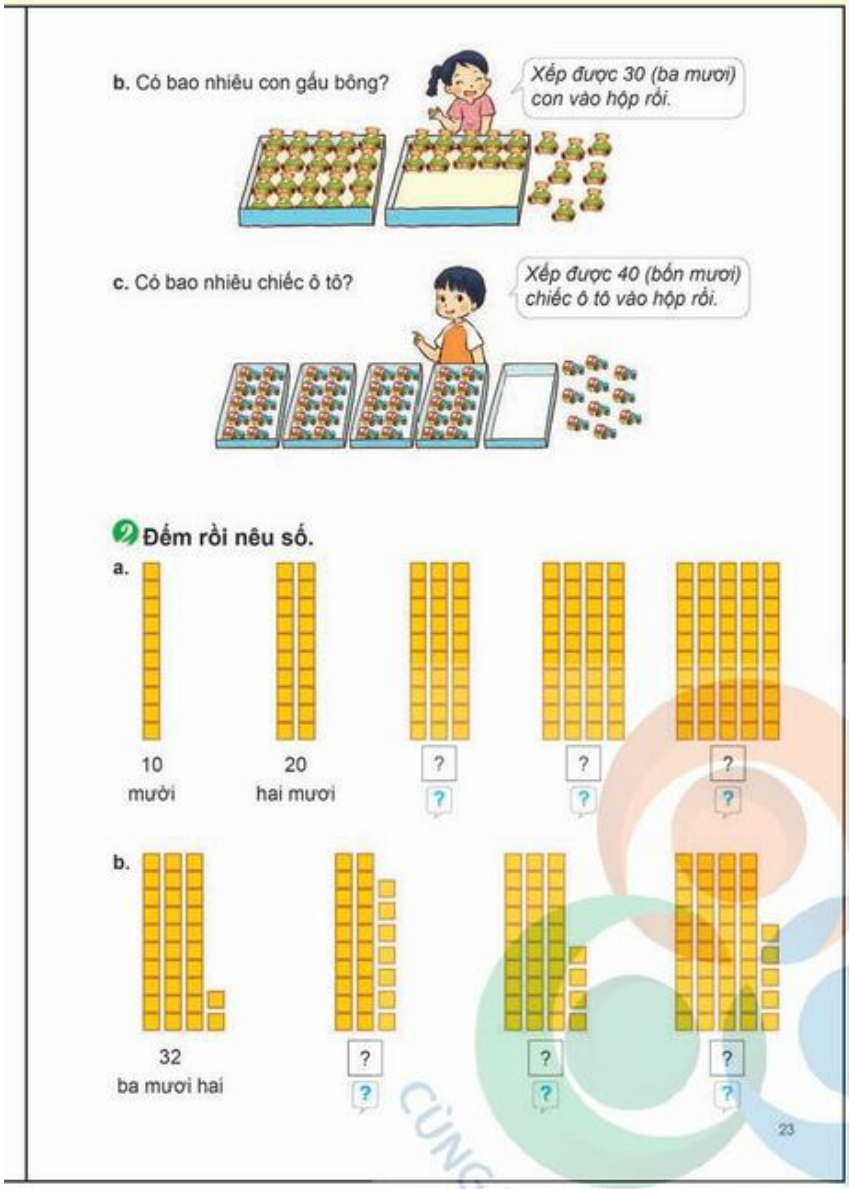

HĐ1a. (Cá nhân) HĐ này nhằm cho HS luyện đếm đến 29 rồi trả lời câu hỏi. Các bước:

– HS tự đếm để xem có đúng 20 con búp bê đã được xếp vào hộp không. Một số HS đếm trên tranh phần a.

– HS tự đếm xem có tất cả bao nhiêu con búp bê (cả trong hộp và ngoài hộp) rồi trả lời câu hỏi. *GV hướng dẫn HS từ 20 đếm tiếp các con búp bê chưa xếp vào hộp.* Một số HS đếm và trả lời trước lớp. HS khác và GV xác nhận cách đếm và câu trả lời đúng (Trả lời đúng: Có 29 con búp bê).

HĐ1b. (Cặp đôi) HĐ này nhằm cho HS luyện đếm đến hơn 30 (theo tranh là 38 con gấu bông) rồi trả lời câu hỏi. Các bước: tương tự như HĐ1a. *GV theo dõi từng cặp HS và hướng dẫn đếm:* ở bước đầu đếm từ 1 đến 30 (đếm các con gấu đã xếp vào hộp); ở bước sau từ 30 đếm tiếp các con gấu chưa xếp vào hộp. Sau mỗi bước, một số đại diện cặp đôi đếm và trả lời câu hỏi trước lớp. (Trả lời đúng: Có 38 con gấu bông).

HĐ1c. (Cặp đôi) HĐ này nhằm cho HS luyện đếm đến 50 (50 chiếc ô tô) rồi trả lời câu hỏi. Các bước: tương tự như HĐ1b. *GV theo dõi từng cặp HS và hướng dẫn đếm:* ở bước đầu đếm đến 40 (đếm các ô tô đã xếp vào hộp); ở bước sau từ 40 đếm tiếp các ô tô chưa xếp vào hộp. Sau mỗi bước, một số đại diện cặp đôi đếm và trả lời câu hỏi trước lớp. (Trả lời đúng: Có 50 chiếc ô tô).

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Đếm thành thạo từ 1 đến 50. Đọc đúng các số có cách đọc đặc biệt như: 21 hai mươi mốt, 31 ba mươi mốt, ...; 24 hai mươi tư, 34 ba mươi tư, ...; 15 mười lăm, 25 hai mươi lăm, ..., 45 bốn mươi lăm.**
- **Sau khi đếm, kết luận được có bao nhiêu vật.**

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS tiếp tục thực hành đếm đến 50.

HĐ2a. (Cặp đôi) HĐ này nhằm cho HS luyện đếm từng nhóm hình vuông có số lượng chẵn chục đến 50. Các bước:

– Cặp đôi HS cùng nhau đếm từng nhóm hình vuông và viết kết quả vào vở. Một số đại diện cặp đôi HS đếm và nói kết quả trước lớp. HS khác và GV xác nhận khi kết quả đã đúng. *GV hướng dẫn HS đếm theo chục: 1 chục (10), 2 chục (20), 3 chục (30), ..., 5 chục (50).*

– HS đếm các chục như GV đã hướng dẫn.

HĐ2b. (Cá nhân) HĐ này nhằm cho HS luyện đếm từng nhóm ô vuông: đếm các chục ô vuông rồi đếm tiếp từng ô vuông rời. Các bước:

– HS tự đếm nhóm đầu tiên, đối chiếu kết quả đã viết sẵn. Một số HS đếm trước lớp. *GV hướng dẫn để HS cả lớp biết đếm: 10, 20, 30, 31, 32.*

– HS tự đếm các nhóm ô còn lại theo cách trên. *GV theo sát, đánh giá từng HS, giúp đỡ những HS còn lúng túng với cách đếm theo chục rồi đếm tiếp theo đơn vị.*

Chốt bài: Một số HS rồi cả lớp cùng đếm lại từng nhóm ô vuông theo cách trên.

timdapan.com

Các số đến 50

MỤC TIÊU

- **Biết đọc, viết các số đến 50.**
- **Nhận biết số lượng của mỗi nhóm vật có số lượng đến 50 vật.**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

- **Số 21. Số 22. ... . Số 29. Số 30.**
- **Số 31. ... . Số 39. ... . Số 49. Số 50.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

1. **HS đọc lại các số đếm đến 50.** Ví dụ *thi đọc tiếp sức các số đếm đến 50*: Mỗi nhóm có 5 HS, mỗi HS trong nhóm đọc 10 số đếm liên tiếp. Mỗi nhóm có 5 ngôi sao, HS nào đọc sai thì nhóm bị trừ đi 1 ngôi sao và nhóm phải đọc lại từ đầu. Nhóm nào còn nhiều sao nhất thì thắng.
2. **HS trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu?".** Ví dụ, *GV dán lên bảng 35 hình gì đó xếp thành 3 cột chục và một cột 5 hình lẻ, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: "Có bao nhiêu hình?"*. Khi HS trả lời thì yêu cầu HS đếm các hình đó.

   GV giới thiệu bài học mới: Chúng ta đã biết đếm đến 50 để biết số lượng của một nhóm vật có đến 50 vật. Bài học hôm nay chúng ta học cách nhận ra nhanh các số lượng đó, học **đọc và viết các số đến 50**.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV gắn hoặc chiếu lên bảng các nhóm hình vuông như mục Khám phá trong SHS để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. (Cá nhân) **Nhận ra số lượng của mỗi nhóm hình vuông**. Các bước:

Các số đến 50

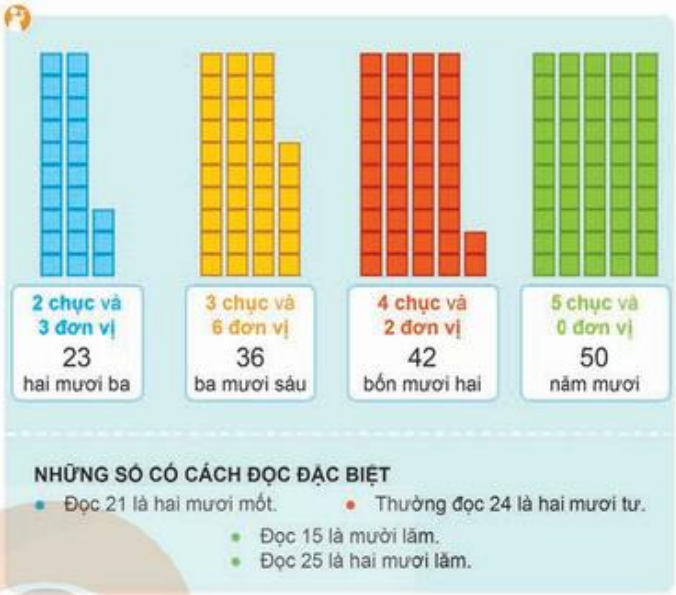

Đếm số chục và số đơn vị rồi nêu số.

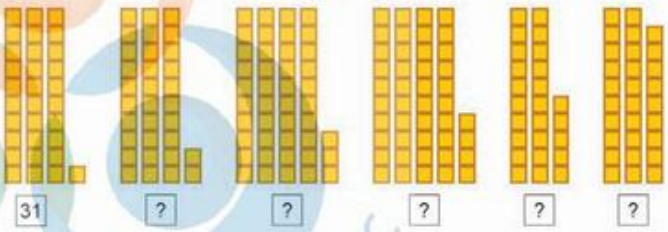

24

– HS tự trả lời từng câu hỏi của GV: "Có bao nhiêu hình vuông màu xanh da trời (vàng, đỏ, xanh lá cây)?"

– Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp và thể hiện việc đếm để ra kết quả. *GV có thể phải nhắc để HS thực hiện cách đếm các chục rồi đếm tiếp các hình vuông lẻ.*

– HS cả lớp đếm theo cách trên.

2. (Cặp đôi) **Nhận biết cách viết và cách đọc số.** Các bước:

– Cặp đôi HS thảo luận để trả lời các câu hỏi của GV: "Số lượng hình vuông màu xanh da trời (vàng, đỏ, xanh lá cây) được viết và đọc thế nào? Giải thích cách viết, cách đọc đó."

– Đại diện một số cặp đôi trả lời câu hỏi trước lớp. HS khác và GV nhận xét. (Giải thích đúng: tương tự như ô dưới mô hình.)

– *GV chốt phần này bằng việc đưa ra một số mô hình số tương tự ở tranh Khám phá gồm các chục và các đơn vị lẻ để HS viết số, đọc số (Chú ý có số có cách đọc đặc biệt).*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS thực hành xác định số lượng hình của mỗi nhóm hình vuông, viết và đọc số. Các bước:

timdapan.com

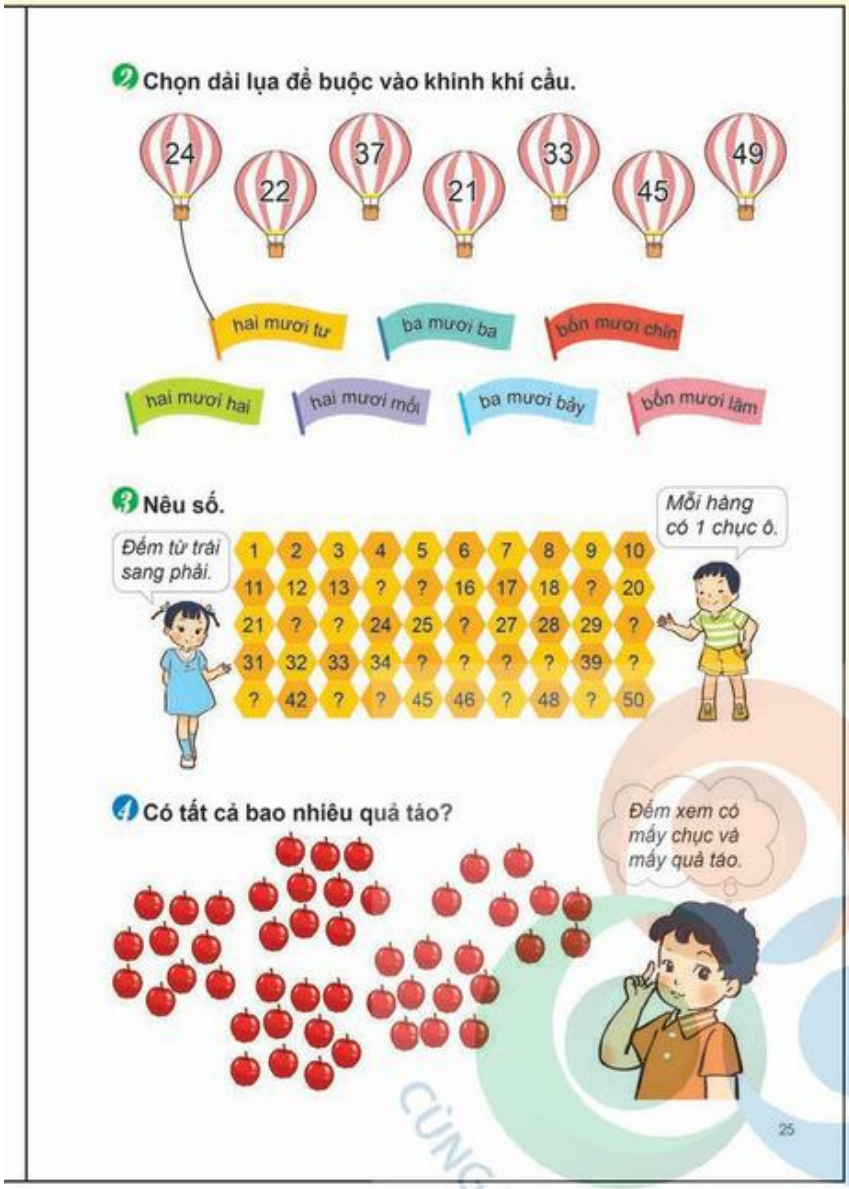

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Biết: 20 và 1 là 21;...; 20 và 9 là 29; 20 và 10 là 30; 30 và 1 là 31; ...**
- **Biết đọc, viết các số đến 50. Ghi nhớ các số có cách đọc đặc biệt như: 21 hai mươi mốt, 31 ba mươi mốt, ...; 24 hai mươi tư, 34 ba mươi tư, ...; 15 mười lăm, 25 hai mươi lăm, ..., 45 bốn mươi lăm.**
- **Biết xác định số lượng của một nhóm đồ vật (không quá 50) bằng đếm số chục và đếm số đơn vị.**

– HS tự đếm và viết số vào □ trong vở. *GV theo sát từng cá nhân, nhắc HS đếm số chục, số đơn vị lẻ và cách viết số.*

– Một số HS thực hiện trên bảng. HS khác và GV xác nhận khi đã đúng (Viết đúng: 31, 32, 43, 44, 25, 29). HS cả lớp lần lượt nói cách viết số tương tự như ô dưới mô hình ở mục Khám phá.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS luyện tập để khắc sâu sự tương ứng giữa cách đọc số với cách viết số, cũng là để hiểu nghĩa cách viết số. Các bước:

– HS tự tìm hiểu nhiệm vụ của HĐ này qua mẫu nối và tự thực hiện nối. *GV theo sát từng cá nhân, gợi ý cho HS về cách viết số.*

– Một số HS nói nhiệm vụ của HĐ và nối khinh khí cầu với dải lụa trên bảng. HS khác và GV xác nhận khi đã đúng.

– HS viết số khi nghe GV đọc số, *GV đọc thêm nhiều số có cách đọc đặc biệt để HS viết số. Ngược lại GV viết số để HS đọc số.*

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS đếm, viết số, đọc các số từ 1 đến 50. Ngoài việc viết số theo thứ tự đếm, *GV có thể hướng dẫn HS nhận biết mỗi hàng ngang là 1 chục, từ trên xuống và từ trái sang phải có bao nhiêu hàng và bao nhiêu ô thì tương ứng là có bấy nhiêu chục và bấy nhiêu đơn vị, từ đó viết đúng số vào ô.* Các bước tương tự như các HĐ thông thường khác.

GV đánh giá về việc hiểu, nhớ, viết và đọc các số đến 50 của HS qua sản phẩm học tập của HĐ này.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Cá nhân) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS xác định số lượng quả táo có trong tranh, cách xác định đã được gợi ý: "khoanh vào mỗi chục".

HĐ này vừa là HĐ vận dụng vừa là chốt lại bài học: **với mỗi số đến 50** (HS mới được học), **biết số chục và số đơn vị lẻ thì sẽ viết, đọc được số đó.**

Các bước:

– HS tự thực hiện theo lệnh của HĐ. *GV theo sát, hướng dẫn thêm cho những HS còn lúng túng. GV đánh giá từng HS về bài học này qua sản phẩm HĐ4 của HS.*

– Một vài HS thực hiện trên bảng đến khi đúng. HS nào sai thì sửa bài (kết quả đúng: 48 quả táo).

timdapan.com

Đếm theo chục. Số tròn chục

MỤC TIÊU

- **Biết đếm, đọc, viết các số tròn chục.**
- **Nhận biết số lượng của mỗi nhóm vật có số lượng tròn chục.**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

- **10_ mười, 1 chục ; 20_ hai mươi, 2 chục ; ... ; 90_ chín mươi, 9 chục.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

HS nhận ra các số lượng: 10, 20, 30, 40, 50. Ví dụ ***thi tìm nhóm đồ vật có số lượng là 10 (hay 1 chục)*** *(tương tự là 20 (hay 2 chục), 30 (hay 3 chục), 40 (hay 4 chục), 50 (hay 5 chục)): GV dán hoặc chiếu tranh những nhóm đồ vật trong đó có một vài nhóm có số lượng là 10. GV nói lệnh "Hãy tìm các nhóm vật có số lượng là 10 (hay 1 chục)!".* HS nào tìm ra đủ các nhóm có số lượng là 10 và tìm ra nhanh nhất thì được khen thưởng. Nói lệnh tương tự với 20, 30, ...

GV chú ý:

– Trong mỗi nhóm đồ vật, các chục được xếp giống nhau, ví dụ 36 quả cam thì cứ 10 quả cam được xếp vào trong một đĩa, như vậy có 3 đĩa cam và 6 quả lẻ bên ngoài đĩa.

– Để sinh động, GV nên đưa ra nhiều nhóm đồ vật khác nhau. Trong trường hợp đơn giản nhất có thể dùng các thanh chục và các hình vuông rời.

GV giới thiệu bài học mới: Chúng ta đã đếm để biết các số lượng 10, 20, 30, 40, 50 vật và đã biết 10 là 1 chục, 20 là 2 chục, 30 là 3 chục, 40 là 4 chục, 50 là 5 chục. Bài học hôm nay chúng ta học **đếm theo chục với số lượng nhiều hơn 5 chục.**

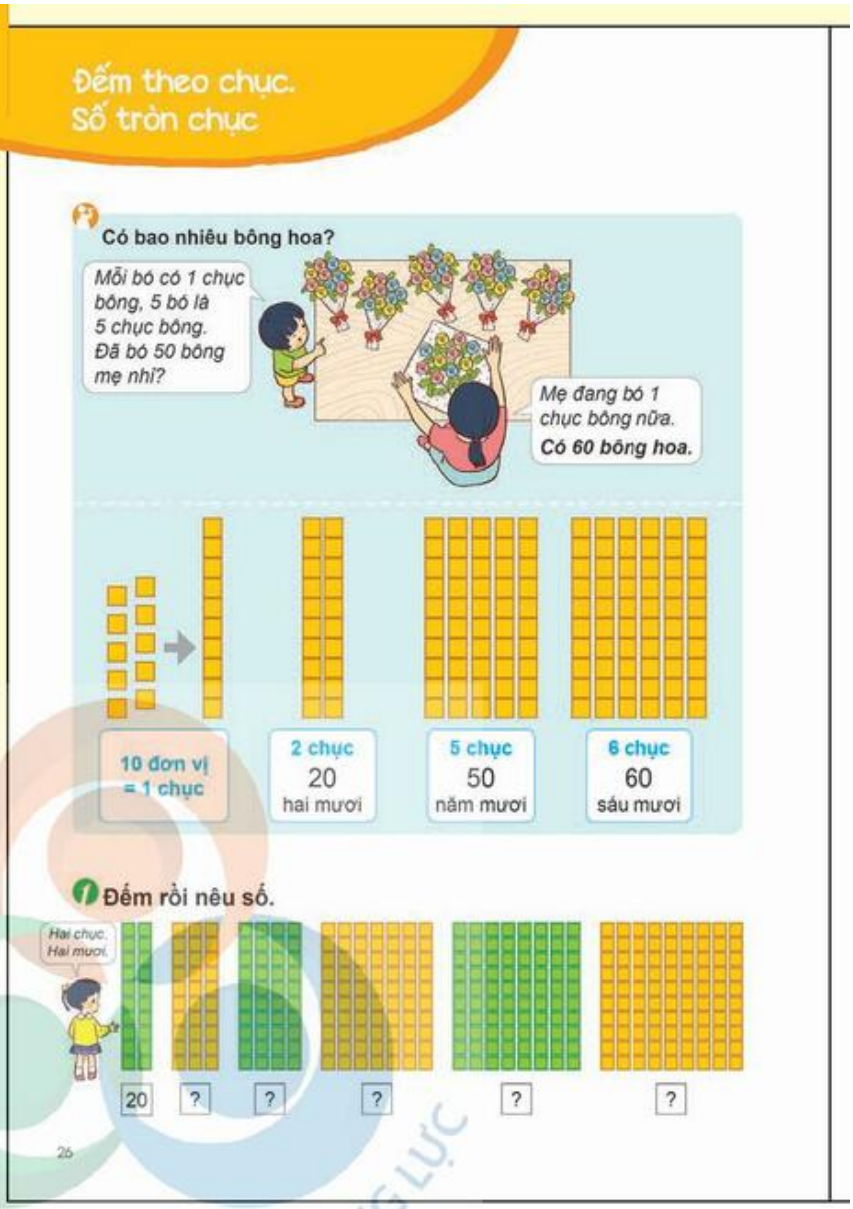

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV gắn hoặc chiếu lên bảng tranh của mục Khám phá trong SHS để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. (Cặp đôi) **Nhận ra số lượng 6 chục** (6 bó) **hay 60 bông hoa trong tranh**. Các bước:

– Mỗi cặp đôi HS cùng quan sát tranh, tìm hiểu nội dung tranh qua các bóng nói, trả lời câu hỏi của GV: "Có tất cả bao nhiêu bông hoa? Vì sao em biết?".

– Một số đại diện cặp đôi HS trả lời từng câu hỏi trước lớp và đếm để ra kết quả (GV yêu cầu HS đếm theo chục (bó)). *GV giới thiệu: Có 6 chục bông hoa, tức là có sáu mươi bông hoa, viết số là 60.*

2. (Cặp đôi) **Đếm theo chục, viết số, đọc số**. Các bước:

GV gắn (chiếu) trên bảng các nhóm hình vuông như trong tranh Khám phá và hỏi: "Mỗi nhóm có bao nhiêu chục hình vuông? Có bao nhiêu hình vuông?"

– Mỗi cặp đôi HS tự đếm mỗi nhóm hình vuông rồi đọc số, viết số.

– Một số đại diện cặp đôi thực hiện trên bảng. HS khác và GV xác nhận khi đã đúng, HS sai sửa bài.

– HS cả lớp cùng đếm lại theo chục từng nhóm hình vuông, đọc số (đọc đúng: 2 chục, hai mươi; 5 chục, năm mươi; 6 chục, sáu mươi).

timdapan.com

2 Nêu số.

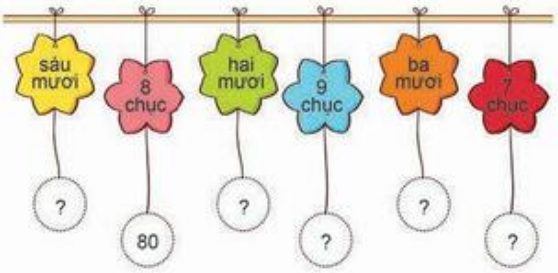

3 Đếm rồi trả lời câu hỏi.

a. Có bao nhiêu chiếc bánh?

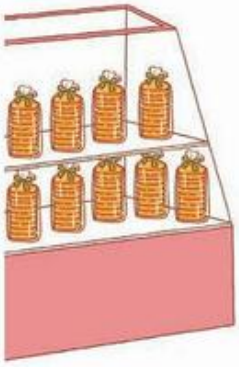

b. Có bao nhiêu quả cam?

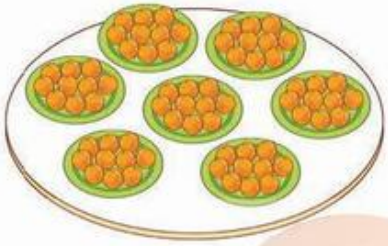

THỬ SỨC

Nêu số.

a. Trong giỏ có 2 chục quả chuối.
Cho thêm vào giỏ 10 quả chuối nữa thì trong giỏ có ? quả chuối.

b. Mẹ đã mua 4 chục chiếc bánh gai về để ăn và làm quà. Vì bánh ngon quá nên mẹ mua thêm 1 chục chiếc nữa.
Mẹ đã mua tất cả ? chiếc bánh gai.

27

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Đọc, viết thành thạo các số tròn chục: 10, 20, ..., 90.**
- **Xác định được số lượng của nhóm đồ vật có số lượng chẵn chục.**
- **Chỉ ra trong thực tế những loại đồ vật thường được xếp (bó, đựng trong hộp, ...) theo từng chục.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS luyện tập đếm theo chục và viết các số tròn chục. Các bước:

– HS tự tìm hiểu nhiệm vụ của HĐ này qua mẫu và bóng nói rồi tự thực hiện. *GV theo sát từng cá nhân, nhắc HS kiểm tra xem mỗi thanh có đúng 1 chục không rồi đếm các chục (thanh).*

– Một số HS thực hiện trên bảng. HS khác và GV xác nhận khi đã đúng (Viết và đọc số đúng: 30, ba mươi; 40, bốn mươi; 70, bảy mươi; 80, tám mươi; 90, chín mươi).

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS luyện viết các số tròn chục tương ứng với cách đọc số tròn chục. Các bước:

– HS tự tìm hiểu nhiệm vụ của HĐ này qua mẫu rồi tự thực hiện, viết số vào ô trống trong vở. *GV theo sát từng cá nhân, giúp những HS còn lúng túng.*

– Một số HS thực hiện trên bảng. HS khác và GV xác nhận khi đã đúng (Viết số đúng từ trái sang phải: 60, 80, 20, 90, 30, 70).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS vận dụng các kĩ năng: tìm câu trả lời cho câu hỏi "Có bao nhiêu?" (cách tìm câu trả lời "Có bao nhiêu?" ở đây là đếm); cách đếm phù hợp với thực tế (ở đây là đếm theo chục). Các bước:

– HS tự thực hiện HĐ3a và HĐ3b. *GV đánh giá từng HS qua sản phẩm học tập này.* Trả lời đúng: Có 90 (hoặc 9 chục) chiếc bánh; Có 70 (hoặc 7 chục) quả cam.

Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp, trình bày cách tìm ra câu trả lời. *GV có thể phải gợi ý để HS nào cũng biết được rằng cách tìm ra câu trả lời là đếm theo các chục bánh (túi bánh), theo các chục cam (đĩa cam).*

2. (Cá nhân) **HS thực hiện THỬ SỨC.** Tại thời điểm này HS chưa được học cộng các chục nên nội dung HĐ này là thử sức với HS. HĐ này nhằm cho HS có cơ hội vận dụng linh hoạt những gì đã biết: coi mỗi đơn vị đếm là một chục quả hoặc một chục chiếc bánh để xác định số lượng chục quả hoặc số lượng chục bánh cần tìm, từ đó chuyển sang thành số quả, số bánh cần tìm. Các bước như các HĐ khác. *GV có thể phải gợi ý, ví dụ: 10 quả chuối là 1 chục quả chuối, 2 chục thêm 1 chục là mấy chục?...* Kết quả đúng:

a. 30 quả chuối; **b.** 50 chiếc bánh gai.

timdapan.com

Đếm đến 100

MỤC TIÊU

- **Biết đếm, đọc, viết các số đến 100.**
- **Nhận biết số lượng của mỗi nhóm vật có đến 100 vật.**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

- **51, năm mươi mốt;**
  52, năm mươi hai; ...;
  99, chín mươi chín;
  100, một trăm.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

1. **HS đếm, viết số tròn chục đến 90.** Ví dụ, GV gắn lên bảng một số nhóm gồm 1 hoặc 2, hoặc 3, ..., hoặc 9 thanh chục, chỉ định một HS **đếm theo chục rồi đọc số, viết số lượng hình vuông** dưới nhóm thứ nhất, nếu HS đó thực hiện đúng thì có quyền chỉ định bạn thực hiện với nhóm tiếp theo,... GV khen thưởng HS làm tốt, nhắc nhở HS chưa tốt phải làm lại cho đúng.
2. **HS trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu?".** Ví dụ, *GV dán lên bảng 31 hình gì đó xếp thành 3 cột chục và một cột 1 hình lẻ, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: "Có bao nhiêu hình?"*. Khi HS trả lời thì yêu cầu HS đếm các hình đó. GV thêm dần các chục, đến 51 thì bắt đầu thêm dần các đơn vị (2 hoặc 3), mỗi lần thêm lại *yêu cầu HS trả lời câu hỏi: "Có bao nhiêu hình?"*,

   GV giới thiệu bài học mới: Chúng ta đã biết đếm đến 50 để biết số lượng của một nhóm vật có đến 50 vật và biết đếm theo chục đến 90. Bài học hôm nay chúng ta học **đếm và cách nhận ra những số lượng nhiều hơn 50, học đọc và viết các số đó.**

Đếm đến 100

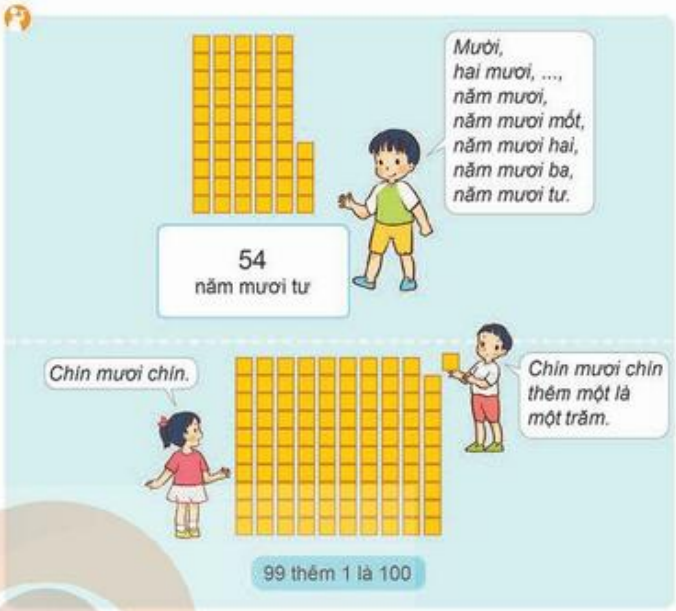

Đếm rồi nêu số.

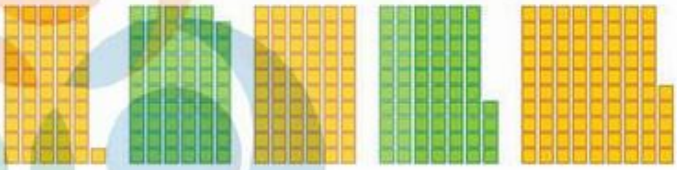

51 ? ? ? ?

28

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV gắn hoặc chiếu lên bảng tranh của mục Khám phá trong SHS để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. (Cá nhân) **Nhận ra số lượng của mỗi nhóm hình vuông.** Các bước:
   - HS tự trả lời từng câu hỏi của GV: "Mỗi nhóm có bao nhiêu hình vuông?"
   - Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp và thể hiện việc đếm để ra kết quả. GV có thể phải nhắc để HS thực hiện cách đếm các chục rồi đếm tiếp các hình vuông lẻ.
   - HS cả lớp đếm theo cách trên và nói kết quả.
2. (Cá nhân) **HS nhận biết số 100**. Các bước:
   - HS tự đếm các hình đã xếp vào các cột của nhóm hình vuông cuối (nhóm 99 hình vuông). Một số HS đếm và nói kết quả, viết số trên bảng.
   - HS trả lời câu hỏi: "Các em có biết đã có 99 hình vuông, thêm 1 hình vuông nữa thành bao nhiêu hình vuông?" (HS có thể xem bóng nói trong sách rồi trả lời).
   - HS nói theo hướng dẫn của GV (GV hướng dẫn theo mô hình 99 thêm 1): 90 và 9 là 99, 99 thêm 1 là 100.

timdapan.com

2 Nêu số.

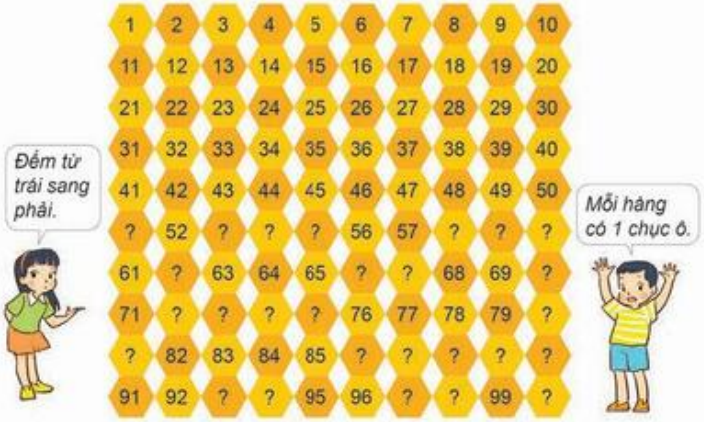

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
?	52	?	?	?	56	57	?	?	?
61	?	63	64	65	?	?	68	69	?
71	?	?	?	?	76	77	78	79	?
?	82	83	84	85	?	?	?	?	?
91	92	?	?	95	96	?	?	99	?

? Đếm rồi trả lời câu hỏi.

a. Có bao nhiêu quả bí xanh?

b. Có bao nhiêu quả bí đỏ?

c. Có bao nhiêu củ cà rốt?

29

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Đếm thành thạo từ 1 đến 100.**
- **Đọc, viết thành thạo các số từ 50 đến 100.**
- **Hiểu rằng 100 là 99 thêm 1, từ đó biết 100 là 10 chục.**
- **Xác định được số lượng của một nhóm vật có không quá 100 vật.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS thực hành xác định số lượng hình của mỗi nhóm, viết và đọc số. Các bước:

– HS tự thực hiện. *GV theo sát từng cá nhân, gợi ý cho HS đếm số chục rồi đếm tiếp số đơn vị lẻ, viết số thế nào.*

– Một số HS thực hiện trên bảng. HS khác và GV xác nhận khi HS đã đếm đúng (Viết số đúng: 51, 59, 60, 64, 85). HS cả lớp lần lượt nói cách đếm và viết số tương tự như đã hướng dẫn.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS đếm, viết số, đọc các số từ 1 đến 100. Ngoài việc viết số theo thứ tự đếm *GV có thể hướng dẫn HS nhìn nhận mỗi hàng ngang là 1 chục, từ trên xuống và từ trái sang phải có bao nhiêu hàng là bấy nhiêu chục rồi đếm tiếp các ô lẻ thì được số để viết đúng số vào ô*. Các bước tương tự như các HĐ thông thường khác.

GV đánh giá về việc đếm, viết và đọc các số đến 100 của HS qua sản phẩm học tập của HĐ này.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HS thực hiện HĐ3 trong SHS. HĐ này nhằm cho HS vận dụng đếm theo chục rồi đếm tiếp theo đơn vị để xác định số lượng của một nhóm vật.

HĐ3a. (Cá nhân) Các bước như các HĐ khác. *GV có thể gợi ý: mỗi thúng (rổ) có bao nhiêu quả bí xanh?*

Kết quả: 44 quả bí xanh.

HĐ3b. (Cá nhân) Tương tự như HĐ3a, nhưng cần gợi ý thêm cho HS: Bao nhiêu rổ thì có 1 chục quả bí đỏ?

Kết quả: 48 quả bí đỏ.

HĐ3c. (Cá nhân) Tương tự như HĐ3b, nhưng cần gợi ý thêm cho HS khoanh từng chục củ cà rốt bên ngoài rổ.

Kết quả: 52 củ cà rốt.

timdapan.com

Các số có hai chữ số

MỤC TIÊU

- **Nhận biết giá trị của mỗi chữ số trong một số có hai chữ số.**
- **Biết xác định một số có hai chữ số gồm bao nhiêu chục và bao nhiêu đơn vị.**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

- **Số chục.**
- **Số đơn vị.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Lấy đủ số lượng. Ví dụ, HS thực hiện theo lệnh của GV: "Lấy 4 hình tam giác", "Lấy 8 hình vuông", "Lấy 15 hình vuông", "Lấy 42 hình vuông".

Viết số. HS viết số dưới mỗi nhóm hình đã lấy ở trên.

GV giới thiệu bài học mới: Số "bốn" được viết bằng một chữ số 4, số "tám" được viết bằng một chữ số 8, số "mười lăm" được viết bằng hai chữ số 1 và 5, số "bốn mươi hai" được viết bằng hai chữ số 4 và 2. Các số như 4, 8 là các số có 1 chữ số, các số như 15, 42 là các số có 2 chữ số. Bài học hôm nay chúng ta sẽ được biết rõ hơn **về các số có hai chữ số**.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV gắn hoặc chiếu lên bảng tranh của mục Khám phá trong SHS để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. (Cá nhân) **Nhận ra số lượng của mỗi nhóm đồ vật gồm có mấy chục vật và mấy vật lẻ**. Các bước:

– HS quan sát tranh, tự trả lời câu hỏi: "Em kiểm tra xem bạn trai có lấy đủ 52 chiếc bút chì không, bạn gái có lấy đủ 60 tờ giấy vẽ không?". *GV đến với từng HS để theo dõi và (nếu cần) có thể hướng dẫn HS kiểm tra xem có đủ không: mỗi hộp có 10 bút, đếm 5 hộp là 50 bút, đếm tiếp thêm 2 bút lẻ nữa là 52 chiếc bút; với giấy vẽ cũng tương tự như vậy.*

– Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp và thể hiện việc đếm để kiểm tra. HS khác và GV nhận xét, xác nhận câu trả lời đúng.

Chốt: lần lượt các HS trả lời trước lớp các câu hỏi: "52 chiếc bút gồm mấy chục và mấy chiếc bút lẻ?", "60 tờ giấy gồm mấy chục và mấy tờ giấy lẻ?"

2. (Cá nhân) **Nhận biết giá trị của từng chữ số trong một số có hai chữ số.** Các bước:

– HS tự viết các số "năm mươi hai", "sáu mươi". Một số HS viết trên bảng đến khi đúng: 52, 60.

– HS trả lời câu hỏi: "số 52 có phải là số có hai chữ số không? Chữ số nào chỉ số chục, chữ số nào chỉ số đơn vị?"; Câu hỏi tương tự như vậy với số 60.

– **Chốt:** HS trả lời câu hỏi: "Trong số có hai chữ số, số bên trái chỉ gì? Số bên phải chỉ gì?", từ đó GV giới thiệu về ý nghĩa từng chữ số như trong SHS và yêu cầu HS nhắc lại.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS luyện nhớ số chục và số đơn vị trong một số có hai chữ

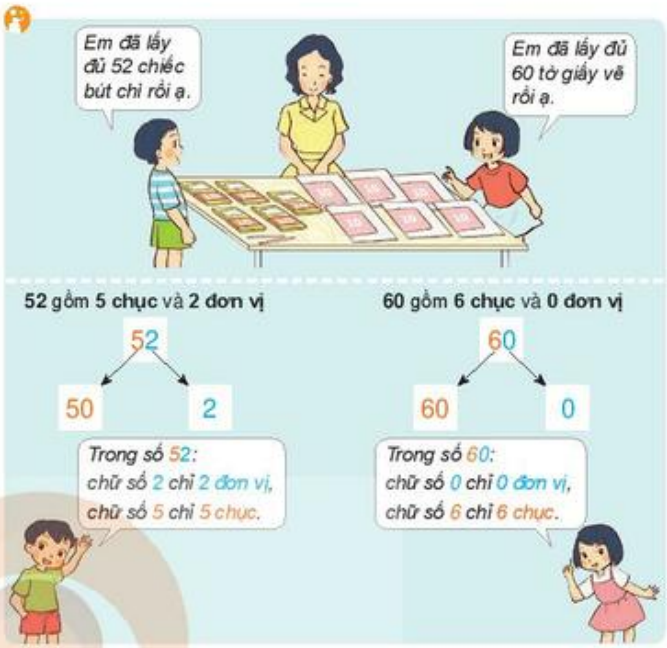

1 **Đọc số trong ⬡. Nêu số thay vào mỗi ?.**

36	36 gồm ? chục và ? đơn vị.	72	72 gồm ? chục và ? đơn vị.
54	54 gồm ? chục và ? đơn vị.	45	45 gồm ? chục và ? đơn vị.

30

timdapan.com

2 Câu nào đúng: A hay B?

Trong số 69:	Trong số 81:	Trong số 75:
A. Chữ số 9 chỉ 9 chục.	A. Chữ số 8 chỉ 8 chục.	A. Chữ số 7 chỉ 7 chục.
B. Chữ số 9 chỉ 9 đơn vị.	B. Chữ số 8 chỉ 8 đơn vị.	B. Chữ số 5 chỉ 50.

3 Hãy nêu:

a. Chữ số chỉ số đơn vị.

b. Chữ số chỉ số chục.

VUI MỘT CHÚT

a. Ghép hai mảnh của một thẻ số.

b. Đọc số trong mỗi thẻ số đã ghép.

31

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Học sinh biết rõ trong số có hai chữ số: chữ số bên trái chỉ số chục, chữ số bên phải chỉ số đơn vị.**
- **Học sinh viết thành thạo một số có hai chữ số khi biết số đó gồm bao nhiêu chục và bao nhiêu đơn vị.**

số: HS đọc số cũng là một bước xác định số chục, số đơn vị rồi sau đó viết số chục, số đơn vị vào đúng chỗ. Các bước:

– HS tự viết số vào ☐ trong vở. *GV theo sát từng cá nhân, giúp những HS còn lúng túng về đọc số hoặc viết số chục và số đơn vị vào ☐.*

– Một số HS thực hiện trên bảng đến khi viết đúng:

36	36 gồm 3 chục và 6 đơn vị.	72	72 gồm 7 chục và 2 đơn vị.
54	54 gồm 5 chục và 4 đơn vị.	45	45 gồm 4 chục và 5 đơn vị.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS khắc sâu ý nghĩa của từng vị trí trong một số có hai chữ số: chữ số ở bên trái chỉ số chục; chữ số ở bên phải chỉ số đơn vị.

Các bước như các hoạt động khác. Kết quả đúng:

Trong số 69:	Trong số 81:	Trong số 75:
A. chữ số 9 chỉ 9 chục.	(A) chữ số 8 chỉ 8 chục.	(A) chữ số 7 chỉ 7 chục.
(B) chữ số 9 chỉ 9 đơn vị.	B. chữ số 8 chỉ 8 đơn vị.	B. chữ số 5 chỉ 50.

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này nhằm tiếp tục cho HS nhớ và khắc sâu về giá trị của mỗi chữ số trong số có hai chữ số: biết rõ chữ số ở vị trí nào thì chỉ số chục, ở vị trí nào thì chỉ số đơn vị.

HS tự thực hiện theo lệnh. Qua sản phẩm học tập này *GV đánh giá mỗi HS về mức độ nhớ, hiểu giá trị của từng chữ số ở mỗi vị trí trong số có hai chữ số.* Kết quả đúng:

a.

b.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HS thực hiện VUI MỘT CHÚT trong SHS. HĐ này nhằm cho HS vận dụng hiểu biết về giá trị của một chữ số tại mỗi vị trí trong số có hai chữ số kết hợp với nhiều kĩ năng khác. HS phải biết chọn hai mảnh ghép cùng màu, biết quan sát mép thẳng và lồi lõm phù hợp để nhận ra mảnh bên trái và mảnh bên phải của một thẻ số, từ đó biết số chục, số đơn vị để đọc và viết số. Các số có được sau khi ghép đúng: 13, 80, 65, 72, 94.

timdapan.com

So sánh các số có hai chữ số

MỤC TIÊU

Biết cách so sánh hai số có hai chữ số.

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Số bé nhất; số lớn nhất.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Nhóm nào dán được nhiều hình hơn? Ví dụ: Hai nhóm HS được chọn ra có số lượng như nhau, mỗi nhóm xếp thành một hàng dọc, giữa hai nhóm có một rổ đựng các hình vuông (số lượng lớn hơn 40 hình). Sau lệnh "Bắt đầu!", mỗi nhóm một HS lấy 1 hình vuông dán lên phần bảng của nhóm mình, HS trước dán xong thì HS tiếp theo lại lấy 1 hình vuông dán tiếp, cứ thế dán sao cho thành cột 1 chục thì chuyển sang cột khác. HS nào dán không đúng (chưa đủ 1 chục đã chuyển sang cột khác hoặc dán thành cột nhiều hơn 1 chục) thì phải dán lại cho đúng. Khi đã hết hình vuông trong rổ, các HS giơ tay để nhận xét nhóm nào dán được nhiều hình vuông hơn. GV khen nhóm làm tốt, khen HS nhận xét đúng và nhanh nhất.

GV giới thiệu bài học mới: **So sánh các số có hai chữ số.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV gắn hoặc chiếu lên bảng tranh của mục Khám phá trong SHS để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. (Cặp đôi) **Nhận biết cách so sánh hai số có hai chữ số.** Các bước:

a) Mỗi cặp đôi HS quan sát mô hình hai số 32 và 23, thảo luận để trả lời câu hỏi "Bạn trai trong tranh nói đúng không? Vì sao?".

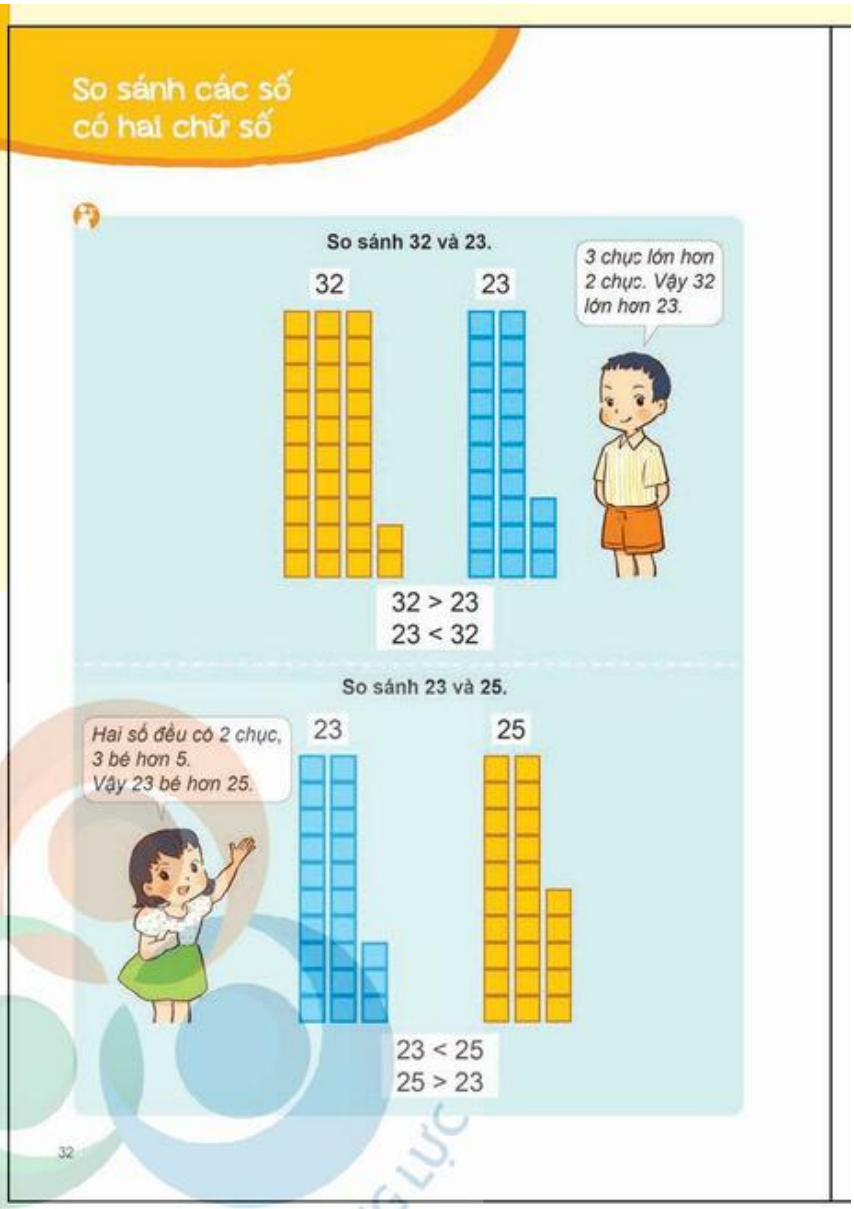

– Đại diện một số cặp đôi trả lời câu hỏi trước lớp. Câu trả lời đúng: Bạn trai trong tranh nói đúng. **3 chục lớn hơn 2 chục thì 3 chục lớn hơn 23 (do 10 lớn hơn 3)** nên 32 lớn hơn 23 (HS có thể nối tương ứng từng cặp hình vuông của mô hình hai số).

– Củng cố trường hợp **so sánh hai số có số chục khác nhau:** HS so sánh từng cặp số có số chục khác nhau mà *GV đưa ra*.

b) Hoạt động tương tự như a) với hai số 23 và 25; củng cố trường hợp **so sánh hai số có số chục như nhau**.

2. **Chốt thứ tự các bước so sánh hai số có hai chữ số**: So sánh số chục, nếu số chục khác nhau thì kết luận. Nếu số chục như nhau thì so sánh tiếp số đơn vị rồi kết luận. *GV đưa ra 2 ví dụ tương ứng với 2 trường hợp để minh hoạ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS thực hành so sánh hai số có hai chữ số theo thứ tự ở **chốt 2. mục Khám phá**). Các bước:

timdapan.com

1 Chọn > hoặc <.

a. 12 ? 27 b. 85 ? 81 c. 51 ? 15

2 Chọn số thích hợp với mỗi ?.

35 41 35 bé hơn 41

a. 56 65 ? lớn hơn ? b. 68 65 ? bé hơn ?

3 Số nào bé nhất? Số nào lớn nhất?

54, 39, 58 Số bé nhất là ? Số lớn nhất là ?

32, 23, 25 Số bé nhất là ? Số lớn nhất là ?

33

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Biết so sánh hai số bằng cách so sánh số chục, rồi so sánh số đơn vị.**
- **Áp dụng so sánh các số có hai chữ số để tìm số bé nhất, số lớn nhất trong ba số đã cho.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS vận dụng so sánh hai số để tìm ra số bé nhất, số lớn nhất trong ba số đã cho. Các bước:

– HS xem mẫu, *GV hướng dẫn để HS hiểu cách tìm số bé nhất, số lớn nhất như bóng nói.*

– HS thực hiện với ba số 32, 23, 25.

– HS tự viết dấu vào ◯ trong vở phần a. *GV theo dõi từng cá nhân HS, kịp thời giúp HS còn lúng túng về cách so sánh và sử dụng dấu <, >.*

– Một số HS viết dấu vào ◯ trên bảng và nói cách so sánh *(GV gợi ý đến khi HS nói rành mạch từng bước so sánh)*.

– HS tự thực hiện các phần còn lại, sau đó một số HS trình bày trên bảng đến khi GV và các HS khác xác nhận đã đúng:

a. <; b. >; c. >.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm tiếp tục cho HS thực hành so sánh hai số có hai chữ số, nhưng hình thức khác so với HĐ1: chọn số viết vào đúng ô vuông để được câu đúng. Các bước tương tự như HĐ1. *GV đánh giá từng HS qua sản phẩm học tập này.* Kết quả đúng.

a. 65 lớn hơn 56 ; **b.** 65 bé hơn 68

timdapan.com

Sắp thứ tự ba số

MỤC TIÊU

Biết sắp thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé của ba số.

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Thứ tự từ bé đến lớn; thứ tự từ lớn đến bé.

Sắp thứ tự ba số

Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn.

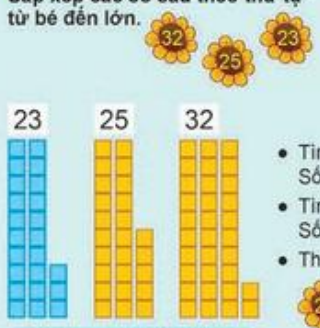

- Tìm số bé nhất trong 3 số. Số đó là 23.
- Tìm số bé hơn trong 2 số còn lại. Số đó là 25.
- Thứ tự từ bé đến lớn của các số là 23 25 32

Thứ tự từ bé đến lớn: 23, 25, 32

1 **Sắp xếp các số sau theo thứ tự**

a. **từ bé đến lớn**

61 70 54

Số bé nhất trong 3 số là ?

Số bé hơn trong 2 số còn lại là ?

Thứ tự từ bé đến lớn là ?, ?, ?

b. **từ lớn đến bé**

86 97 92

Số bé nhất trong 3 số là ?

Số bé hơn trong 2 số còn lại là ?

Thứ tự từ bé đến lớn là ?, ?, ?

Thứ tự từ lớn đến bé là ?, ?, ?

34

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Lấy đủ số lượng. So sánh hai số. Ví dụ, 3 HS được chỉ định dán lên bảng **đủ số lượng hình vuông** (cứ 1 chục hình vuông xếp thành một cột) rồi viết số trên nhóm hình đó: HS1 dán 24 hình, HS2 dán 25 hình, HS3 dán 12 hình; Các HS khác thi đua lên viết dấu < hoặc > vào giữa hai số mà GV đã viết trên bảng:

12 ..... 24 25 24

12 ..... 25 25 12

GV khen những HS làm nhanh và tốt.

GV giới thiệu bài học mới: Ta đã biết so sánh hai số. Bài học hôm nay chúng ta sẽ biết cách **tìm xem trong ba số đã cho số nào bé nhất, số nào lớn nhất rồi sắp xếp chúng theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV gắn hoặc chiếu lên bảng tranh của mục Khám phá trong SHS để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. (Cá nhân) **Sắp xếp ba số theo thứ tự từ bé đến lớn**. Các bước:

– HS tự sắp xếp ba số 32, 23, 25 theo thứ tự từ bé đến lớn.

– Một số HS nói trước lớp thứ tự từ bé đến lớn của ba số và giải thích, câu trả lời đúng: 23, 25, 32.

2. (Cả lớp) HS tiếp nhận cách sắp xếp ba số theo thứ tự từ bé đến lớn bằng cách tìm số bé nhất. Các bước:

– HS tìm hiểu từng bước trong mục Khám phá. GV gợi ý, hướng dẫn từng bước.

– HS nhắc lại các bước và kết luận như theo ví dụ ở mục Khám phá.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

(Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS luyện tập từng bước để sắp xếp ba số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé. Các bước:

a) HS tự thực hiện phần **a**. *GV theo dõi từng cá nhân HS, kịp thời giúp HS còn lúng túng các bước tìm số bé nhất và sắp xếp ba số theo thứ tự từ bé đến lớn.*

Một số HS viết kết quả trên bảng và nói cách tìm kết quả. HS khác nhận xét. *GV gợi ý để HS nói rành mạch* **cách tìm số bé nhất**.

– 5 chục < 6 chục và 5 chục < 7 chục nên số bé nhất trong ba

timdapan.com

2 Sắp xếp các số sau theo thứ tự

a. từ bé đến lớn

99, 95, 98 ?, ?, ?

b. từ lớn đến bé

21, 9, 12 ?, ?, ?

3 Ai có nhiều trứng nhất?

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Biết vận dụng cách so sánh hai số để biết số nào lớn / bé hơn cả hai số kia, từ đó tìm ra số lớn / bé nhất.**
- **Biết sắp ba số theo thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé: số bé / lớn nhất đứng trước tiên, số lớn / bé nhất đứng sau cùng.**

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS vận dụng linh hoạt tìm số lớn nhất vào tình huống thực tế, chuyển "lớn nhất" thành "nhiều nhất" khi trả lời câu hỏi. Các bước như thường làm. *GV có thể gợi ý rằng ở đây ba bạn đều có 3 khay trứng to như nhau, chỉ phải so sánh số trứng lẻ còn lại: 10 lớn hơn 9 và 3 nên Hồng có nhiều trứng nhất.*

số 61, 70, 54 là 54.

– 6 chục < 7 chục nên số bé hơn trong hai số 61 và 70 là 61.

– Thứ tự từ bé đến lớn của ba số là 54, 61, 70.

b) HĐ tương tự **a** với phần **b**.

Kết quả từng bước là:

– Số bé nhất trong ba số 86, 97, 92 là 86.

– Số bé hơn trong hai số 97, 92 là 92.

– Thứ tự từ bé đến lớn là 86, 92, 97.

– Thứ tự từ lớn đến bé là 97, 92, 86.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS vận dụng quy trình sắp xếp ba số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé đã được luyện ở HĐ1. Các bước như các HĐ thông thường. *GV theo dõi từng HS, đánh giá kĩ năng tìm số bé nhất và sắp xếp thứ tự ba số của từng HS qua sản phẩm học tập này.* Kết quả:

a. 95, 98, 99. b. 21, 12, 9.

timdapan.com

Sắp thứ tự các số trong phạm vi 100

MỤC TIÊU

- **Biết sắp thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé của một nhóm số (không quá 4 số) trong phạm vi 100.**
- **Biết thứ tự đếm đến 100 chính là thứ tự từ bé đến lớn của các số trong phạm vi 100.**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Thứ tự từ bé đến lớn; thứ tự từ lớn đến bé.

Sắp thứ tự các số trong phạm vi 100

Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn.

- Tìm số bé nhất trong 4 số. Số đó là 34.
- Tìm số bé nhất trong 3 số còn lại. Số đó là 35.
- Tìm số bé hơn trong 2 số còn lại. Số đó là 43.
- Thứ tự từ bé đến lớn của các số là

1 **Sắp xếp các số sau theo thứ tự**

a. **từ bé đến lớn**

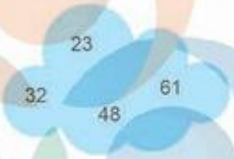

? , ? , ? , ?

b. **từ lớn đến bé**

? , ? , ? , ?

36

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Tạo số lớn nhất, số bé nhất. Ví dụ, mỗi HS lấy ra 3 thẻ số 3 1 4 và thực hiện theo lệnh của GV: a) "Tạo thành số có hai chữ số bé nhất có thể được từ ba thẻ số đã lấy"; b) "Tạo thành số có hai chữ số lớn nhất có thể" (dán hai thẻ số cạnh nhau trên bảng con và giơ lên). GV khen thưởng HS dán đúng và giải thích được tại sao đó là số có hai chữ số bé / lớn nhất có thể được.

GV giới thiệu bài học mới: Ta đã biết tìm số bé / lớn nhất trong ba số đã cho, từ đó sắp xếp ba số theo thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé. Bài học hôm nay chúng ta sẽ **sắp nhiều hơn ba số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

(Cả lớp) **Nhận ra cách sắp xếp một nhóm số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn.** *GV gắn hoặc chiếu lên bảng 4 số: 35, 34, 51, 43 như ở mục Khám phá trong SHS.* Các bước:

– HS cả lớp đọc bốn số đã cho, thi đua tìm số bé nhất. Một số HS nói kết quả trước lớp (là 34), GV viết 34.

– HS cả lớp đọc ba số còn lại, thi đua tìm số bé nhất trong ba số đó. Một số HS nói kết quả trước lớp (là 35), GV viết 35 sau số 34.

– HS cả lớp đọc hai số còn lại, thi đua tìm số bé hơn trong hai số đó. Một số HS nói kết quả trước lớp (Kết quả đúng là 43), GV viết 43 sau số 35 rồi viết 51 sau 43.

– HS trả lời câu hỏi: "Thứ tự các số cô vừa viết có là thứ tự từ bé đến lớn không? Vì sao?".

– HS nhắc lại các bước thực hiện sắp thứ tự 4 số đã cho.

– Củng cố: HS sắp thứ tự từ bé đến lớn 4 số mà GV đưa ra.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS luyện tập sắp xếp một nhóm số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé. Các bước:

a) – HS tự thực hiện phần **a**, viết kết quả vào vở. *GV theo dõi từng cá nhân HS, kịp thời giúp HS còn lúng túng khi sắp xếp nhóm số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn bằng cách tìm số bé nhất.*

– Một số HS lên bảng viết thứ tự các số và nói cách tìm thứ tự đó. GV gợi ý để HS nói được rành mạch cách tìm thứ tự các số bằng việc tìm số bé nhất. Kết quả đúng: 23, 32, 48, 61.

timdapan.com

2 Sắp xếp các tập giấy màu từ ít tờ nhất đến nhiều tờ nhất.

3 Hai bạn nói đúng không?

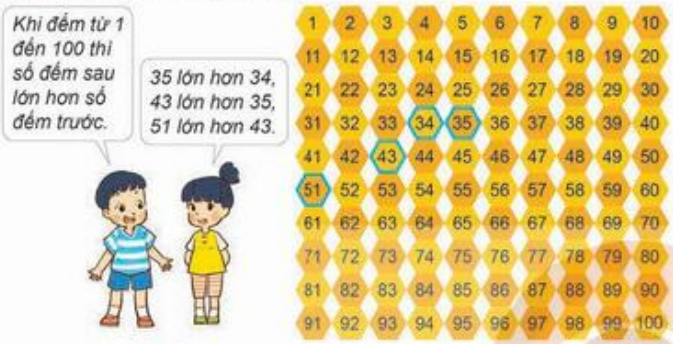

VUI MỘT CHÚT

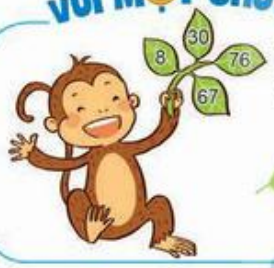

Khỉ ăn lần lượt các lá từ số bé nhất đến số lớn nhất. Hãy nói các lá mà khỉ ăn theo đúng thứ tự.

37

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Biết vận dụng cách so sánh hai số để tìm ra số lớn / bé nhất.**
- **Biết sắp xếp 4 số theo thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé: Tìm số bé / lớn nhất trong 4 số để viết trước; Tìm số bé / lớn nhất trong 3 số còn lại để viết tiếp theo; Tìm số bé / lớn hơn trong 2 số còn lại để viết tiếp rồi viết số còn lại cuối cùng.**

b) HS tự thực hiện phần **b**: HS hoạt động tương tự như phần **a**. HS có thể sắp thứ tự từ bé đến lớn rồi viết ngược thứ tự đó sẽ được thứ tự từ lớn đến bé. GV nên gợi ý HS làm theo cách tìm số lớn nhất. Kết quả đúng: 96, 72, 69, 65.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS vận dụng sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn của các số trong phạm vi 100 vào thực tế. HS tự viết số vào ô trống, một số HS viết trên bảng.

   GV đánh giá từng cá nhân HS qua sản phẩm học tập ở HĐ1 và HĐ2.

   Kết quả:

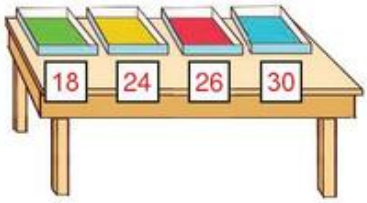

2. (Cả lớp) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ3 nhằm cho HS nhận ra thứ tự đếm đến 100 chính là thứ tự từ bé đến lớn của các số trong phạm vi 100. *GV gắn hoặc chiếu lên bảng 100 ô lục giác như trong SHS.* Các bước:
   - HS đọc số đếm các ô lục giác.
   - HS kiểm nghiệm thứ tự các số đếm cũng là thứ tự từ bé đến lớn của các số (như bóng nói). *GV gợi ý:* 2 có lớn hơn 1 không?, ..., 10 có lớn hơn 9 không?, ..., 35 có lớn hơn 34 không?, ..., 43 có lớn hơn 35 không?, ..., 51 có lớn hơn 43 không?, 100 có lớn hơn 99 không?
   - **Chốt:** HS đọc thứ tự từ bé đến lớn các số từ 1 đến 100 và ngược lại: đọc từng chặng 10 số rồi tăng dần.

3. **HS thực hiện VUI MỘT CHÚT trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS vận dụng sắp thứ tự ba số 30, 76, 67 khi nhận ra ngay 8 là số bé nhất. HĐ này có thể cho HS tự suy nghĩ, thực hiện sau tiết học này. Có thể gợi ý HS vận dụng thứ tự các số đếm.

   Kết quả: Khỉ ăn lần lượt các lá là

timdapan.com

Ôn tập 9

MỤC TIÊU

- **Đếm, đọc, viết đúng các số trong phạm vi 100.**
- **Hiểu cấu tạo số có hai chữ số.**
- **Thành thạo việc so sánh và sắp thứ tự các số trong phạm vi 100.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cá nhân và cả lớp)

Thi đếm, viết số lượng mỗi nhóm đồ vật, so sánh số lượng của các nhóm đồ vật. Ví dụ, GV chuẩn bị 3 (hoặc 4) túi hình vuông với số lượng khác nhau, mỗi nhóm HS nhận một túi. a) Từng nhóm đếm số lượng hình vuông có trong túi của nhóm mình, viết số lượng đó trên bảng. GV khen thưởng nhóm có cách tổ chức hoạt động tốt (phân công hợp lí, xếp theo từng chục) và kết quả chính xác. HS thi đua nói nhóm nào có nhiều/ít hình vuông nhất, GV khen cá nhân giơ tay sớm và nói đúng.

GV giới thiệu: ta đã biết đếm, đọc, viết, so sánh, sắp thứ tự các số trong phạm vi 100. Tiết học này ta sẽ **ôn tập** các điều đó để sử dụng tốt trong cuộc sống và trong các bài học tiếp theo.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. Các bước:

– HS tự đếm bi mỗi màu, viết số vào □ trong vở và trả lời câu hỏi. *GV theo sát từng HS để kịp hướng dẫn bổ sung (nếu cần), đánh giá kĩ năng của HS về:* **đếm** (biết đếm theo chục rồi đếm tiếp đơn vị lẻ), **viết số**, **đọc số**, vận dụng so sánh để **tìm số lớn nhất rồi trả lời câu hỏi**.

– Một số HS trình bày trên bảng, trả lời trước lớp, HS khác nhận xét, cứ thế đến khi đúng. Kết quả đúng:

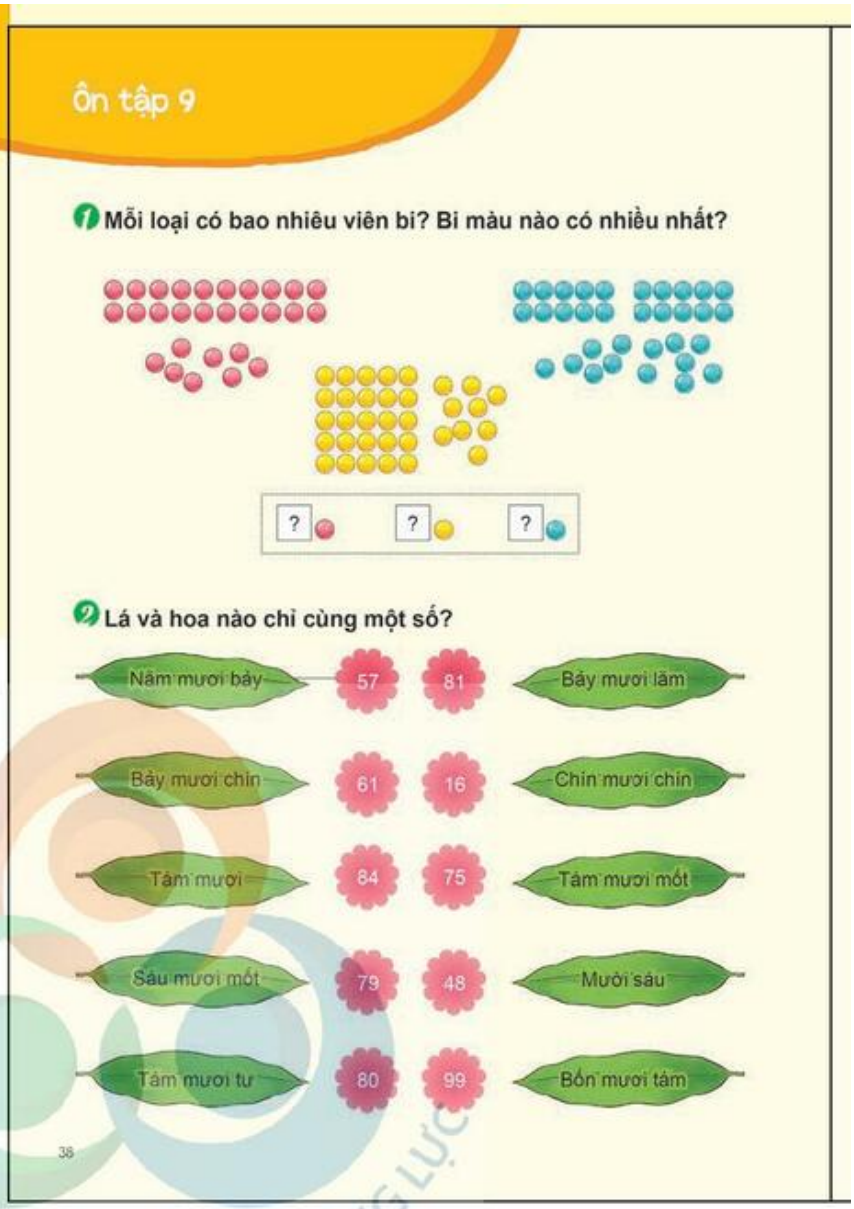

28 ● 34 ● 33 ●; Bi màu vàng có nhiều nhất.

Giải thích: 34 là số lớn nhất trong ba số 28, 34, 33 do 3 chục lớn hơn 2 chục nên 34 > 28, 4 lớn hơn 3 nên 34 > 33.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm để HS thể hiện việc nhớ và hiểu về **cấu tạo số có hai chữ số, số có cách đọc đặc biệt**. Các bước:

– HS tự nối lá và hoa chỉ cùng một số vào trong vở. *GV theo dõi, có thể gợi ý (nếu cần): ví dụ "năm mươi bảy gồm mấy chục và mấy đơn vị?, đánh giá từng HS.*

– Lần lượt từng HS đọc từng cặp lá, hoa. HS khác nhận xét, cứ thế đến khi đúng. Kết quả đúng:

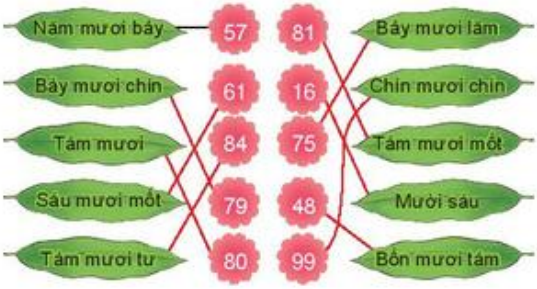

timdapan.com

3 Sắp xếp các số theo thứ tự

a. từ bé đến lớn

52 70 84 55 ? , ? , ? , ?

b. từ lớn đến bé

40 91 89 65 ? , ? , ? , ?

4 Nêu số.

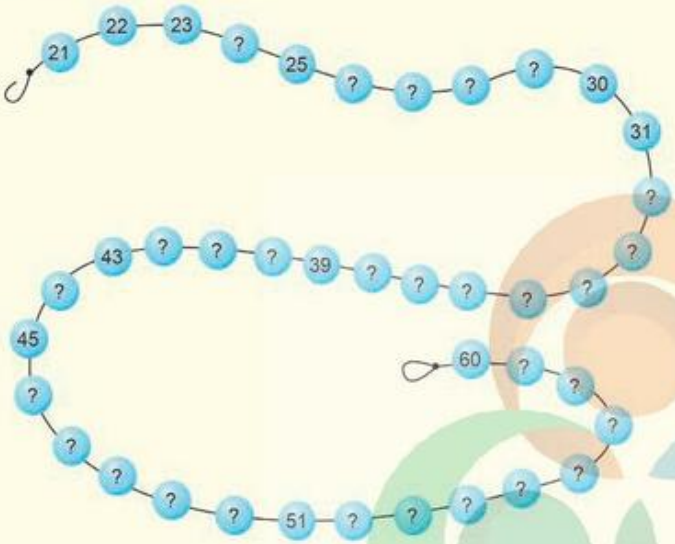

39

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Đếm, đọc, viết thành thạo các số từ 0 đến 100.
- Xác định được số lượng của một nhóm đồ vật bằng cách xác định được nhóm đó gồm bao nhiêu chục và bao nhiêu đồ vật.
- Xác định được giá trị của mỗi chữ số trong một số.
- So sánh và sắp thứ tự thành thạo một nhóm số.

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này nhằm để HS thể hiện kĩ năng tìm số bé nhất, số lớn nhất và sắp thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé một nhóm số đã cho. Các bước:

Phần **a.** HS tự thực hiện, viết số vào ô trong vở. *GV theo dõi, có thể gợi ý (nếu cần): ví dụ "Để viết theo thứ tự từ bé đến lớn thì viết số bé nhất trước hay số lớn nhất trước?...",* đánh giá từng HS.

– Một số HS trình bày trên bảng, HS khác nhận xét, cứ thế đến khi đúng. Kết quả đúng:

Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn.

52 70 84 55 52, 55, 70, 84

Phần **b**: hoạt động tương tự phần **a**. Kết quả đúng:

Viết các số theo thứ tự từ lớn đến bé.

40 91 89 65 91, 89, 65, 40

4. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS thể hiện thuộc thứ tự (thứ tự đếm hoặc thứ tự từ bé đến lớn) các số trong phạm vi 100; HS tự viết rồi một số HS lần lượt viết trên bảng đến khi đúng. Kết quả đúng:

timdapan.com

CHỦ ĐỀ 10
CỘNG, TRỪ TRONG PHẠM VI 100

Thời gian: Học kì 2; Tuần 25 - 29; Số tiết 12.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Bài 1. Cộng, trừ các số tròn chục (không nhớ). (1 tiết)	Cộng, trừ hai số tròn chục (không nhớ).	– Biết cộng, trừ nhẩm thành thạo hai số tròn chục tương tự như cộng, trừ hai số có một chữ số: 3 + 4 = 7, 30 + 40 = 70. – Nhận biết tình huống thực tế thêm / bớt các chục, chọn phép tính, tính ra kết quả và trả lời.	– SHS, Bài 1. – VBT, Bài 1. – Sách mềm - VBT, Bài 1. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 1. – ĐDHT: các thanh chục.	– SGV, Bài 1. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 1. – ĐDDT.
Bài 2. Phép tính cộng dạng 23 + 4 (1 tiết)	Cộng số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).	– Thông qua mô hình số, hiểu cách cộng: cộng đơn vị với đơn vị, giữ nguyên chục. – Kĩ thuật đặt tính cộng theo cột dọc. – Trong trường hợp cộng với đơn vị không vượt quá 5, sử dụng đếm tiếp để tìm kết quả phép tính cộng dạng 23 + 4.	– SHS, Bài 2. – VBT, Bài 2. – Sách mềm - VBT, Bài 2. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 2. – ĐDHT: các thanh chục và đơn vị.	– SGV, Bài 2. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 2. – ĐDDT.
Bài 3. Phép tính trừ dạng 27 – 4 (1 tiết)	Trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số (không nhớ).	– Thông qua mô hình số, hiểu cách trừ: trừ đơn vị cho đơn vị, giữ nguyên chục. – Kĩ thuật đặt tính trừ theo cột dọc. – Trong trường hợp trừ đi số không vượt quá 5, sử dụng đếm lùi để tìm kết quả phép tính trừ dạng 27 – 4.	– SHS, Bài 3. – VBT, Bài 3. – Sách mềm - VBT, Bài 3. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 3. – ĐDHT.	– SGV, Bài 3. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 3. – ĐDDT.
Bài 4. Luyện tập (1 tiết)	– Luyện tập cộng / trừ bằng 3 cách. – Giải quyết một số tình huống liên quan đến phép tính cộng / trừ.	– Thành thạo kĩ thuật cộng / trừ theo các cách khác nhau (cộng / trừ nhẩm đơn vị với đơn vị, giữ nguyên chục; cộng / trừ theo cột dọc; đếm tiếp / đếm lùi). – Nhận biết tình huống cộng, trừ, chọn đúng phép tính cộng hoặc trừ, tính ra kết quả và trả lời.	– SHS, Bài 4. – VBT, Bài 4. – Sách mềm - VBT, Bài 4. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 4. – ĐDHT: các thanh chục và đơn vị.	– SGV, Bài 4. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 4. – ĐDDT.

timdapan.com

Bài 5. Phép tính cộng dạng 49 + 20 (1 tiết)	Cộng số có hai chữ số với số tròn chục (không nhớ).	– Thông qua mô hình số, hiểu cách cộng: giữ nguyên đơn vị, cộng chục với chục. – Thành thạo kĩ thuật đặt tính cộng theo cột dọc.	– SHS, Bài 5. – VBT, Bài 5. – Sách mềm - VBT, Bài 5. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 5. – ĐDHT: các thanh chục và đơn vị.	– SGV, Bài 5. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 5. – ĐDDT.
Bài 6. Phép tính trừ dạng 49 – 20 (1 tiết)	Trừ số có hai chữ số cho số tròn chục (không nhớ).	– Thông qua mô hình số, hiểu cách trừ: giữ nguyên đơn vị, trừ chục cho chục. – Thành thạo kĩ thuật đặt tính trừ theo cột dọc.	– SHS, Bài 6. – VBT, Bài 6. – Sách mềm - VBT, Bài 6. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 6. – ĐDHT: các thanh chục và đơn vị.	– SGV, Bài 6. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 6. – ĐDDT.
Bài 7. Luyện tập (1 tiết)	– Luyện tập cộng / trừ ở 2 dạng đã nêu. – Giải quyết một số tình huống liên quan đến phép tính cộng / trừ.	– Thành thạo kĩ thuật cộng / trừ theo các cách khác nhau (nhẩm, cộng / trừ theo cột dọc). – Nhận biết tình huống cộng, trừ, chọn đúng phép tính cộng hoặc trừ, giải và trả lời.	– SHS, Bài 7. – VBT, Bài 7. – Sách mềm - VBT, Bài 7. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 7. – ĐDHT: các thanh chục và đơn vị.	– SGV, Bài 7. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 7. – ĐDDT.
Bài 8. Phép tính cộng dạng 25 + 34 (1 tiết)	Cộng số có hai chữ số với số có hai chữ số (không nhớ).	– Thông qua mô hình số, hiểu cách cộng: cộng đơn vị với đơn vị, chục với chục. – Thành thạo kĩ thuật đặt tính cộng theo cột dọc.	– SHS, Bài 8. – VBT, Bài 8. – Sách mềm - VBT, Bài 8. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 8. – ĐDHT: các thanh chục và đơn vị.	– SGV, Bài 8. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 8. – ĐDDT.

timdapan.com

Bài 9. **Vận dụng phép tính cộng** (1 tiết)	Giải một số bài toán thực tế có tình huống *gộp lại, thêm vào.*	– Nhận biết tình huống gộp lại, thêm vào và vấn đề cần giải quyết (câu hỏi) của bài toán. – Trình bày rõ, đủ các bước cần thiết: viết phép tính, tính kết quả, viết câu trả lời.	– SHS, Bài 9. – VBT, Bài 9. – Sách mềm - VBT, Bài 9. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 9. – ĐDHT: các thanh chục và đơn vị.	– SGV, Bài 9. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 9. – ĐDDT.
Bài 10. **Phép tính trừ dạng 65 – 34** (1 tiết)	Trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số (không nhớ).	– Thông qua mô hình số, hiểu cách trừ: trừ đơn vị cho đơn vị, chục cho chục. – Thành thạo kĩ thuật đặt tính trừ theo cột dọc.	– SHS, Bài 10. – VBT, Bài 10. – Sách mềm - VBT, Bài 10. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 10. – ĐDHT: các thanh chục và đơn vị.	– SGV, Bài 10. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 10. – ĐDDT.
Bài 11. **Vận dụng phép tính trừ** (1 tiết)	Giải một số bài toán thực tế có tình huống *bớt đi.*	– Nhận biết tình huống bớt đi và vấn đề cần giải quyết (câu hỏi) của bài toán. – Trình bày rõ, đủ các bước cần thiết: viết phép tính, tính kết quả, viết câu trả lời.	– SHS, Bài 11. – VBT, Bài 11. – Sách mềm - VBT, Bài 11. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 11. – ĐDHT: các thanh chục và đơn vị.	– SGV, Bài 11. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 11. – ĐDDT.
Bài 12. **Ôn tập 10** (1 tiết)	– Ôn tập cộng, trừ hai số trong phạm vi 100 (không nhớ). – Ôn tập vận dụng phép tính cộng / trừ giải bài toán thực tế với những tình huống gộp lại, thêm vào, bớt đi đơn giản.	– Thành thạo việc đặt phép tính cộng / trừ theo cột dọc và tính đúng. HS phải tính từ phải sang trái: tính số đơn vị trước, tính số chục sau (để thuận tiện sau này cộng / trừ có nhớ). – Từ việc hiểu cách tính: cộng / trừ đơn vị với nhau, chục với nhau, HS có thể tính nhẩm. – Vận dụng phép tính cộng / trừ giải thành thạo một số bài toán thực tế với những tình huống gộp lại, thêm vào, bớt đi: nhận ra tình huống, chọn đúng phép tính theo câu hỏi, tính đúng và viết đúng câu trả lời.	– SHS, Bài 12. – VBT, Bài 12. – Sách mềm - VBT, Bài 12. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 12. – ĐDHT: các thanh chục và đơn vị.	– SGV, Bài 12. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 12. – ĐDDT.

timdapan.com

ÔN TẬP PHẦN E

Thời gian: Học kì 2; Tuần 29 - 30; Số tiết 2.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Ôn tập chung (OTC) (2 tiết)	Ôn tập về việc: – Đọc, viết các số đến 100. – Xác định cấu tạo số: số chục, số đơn vị. – So sánh, sắp thứ tự các số trong phạm vi 100. – Cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100. – Vận dụng phép tính cộng / trừ giải bài toán thực tế trong những tình huống đơn giản.	– Thành thạo phân chia và đếm mỗi nhóm vật theo chục và đơn vị. – Thành thạo chuyển đổi từ đọc số sang viết số và ngược lại. – Thành thạo so sánh và sắp thứ tự một nhóm không quá 4 số. – Thành thạo cộng / trừ không nhớ hai số bằng các cách khác nhau. – Thành thạo đọc tình huống, chọn phép tính, giải và trả lời cho một số bài toán thực tế.	– SHS, Bài OTC. – VBT, Bài OTC. – Sách mềm - VBT, Bài OTC. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài OTC. – ĐDHT.	– SGV, Bài OTC. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài OTC. – ĐDDT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

timdapan.com

CỘNG, TRỪ CÁC SỐ TRÒN CHỤC

MỤC TIÊU

- **Biết cộng, trừ hai số tròn chục.**
- **Giải được các bài toán liên quan với cộng / trừ các chục.**

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Số tròn chục.

Cộng, trừ các số tròn chục

42

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Đếm lấy nhanh, trả lời nhanh. Hoạt động này nhằm cho HS ôn lại **các số chục, trả lời câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?", "Còn lại bao nhiêu?"**. Ví dụ:

– Mỗi lượt 2 HS được chỉ định lấy hình dán lên bảng **theo từng chục**, HS1 lấy … chục hình, HS2 lấy … chục hình theo lệnh của GV. Các HS khác thi đua trả lời nhanh câu hỏi "Hai bạn đã dán tất cả bao nhiêu hình?".

– Tiếp theo 1 HS được chỉ định lấy đi … chục hình từ các hình dán lên bảng theo lệnh của GV. Các HS khác thi đua trả lời nhanh câu hỏi "Trên bảng còn lại bao nhiêu hình?".

Từ hai việc trên *GV gợi ý* cho HS nói được việc tìm xem cả hai bạn dán bao nhiêu hình là cộng số hình của hai bạn, việc tìm xem còn lại bao nhiêu hình là trừ số hình dán trên bảng cho số hình mà bạn đã lấy đi.

GV giới thiệu: Bài học hôm nay chúng ta sẽ biết cộng, trừ các số tròn chục.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. (Cả lớp) **Nhận ra tình huống gộp lại, tình huống bớt đi của tranh Khám phá.** Các bước:

– HS quan sát rồi thi đua nói nội dung tranh (số bánh mỗi loại? các bạn trong tranh nói gì?), trả lời các câu hỏi: "Bạn trai bên trái nói đúng không?", "Bạn trai bên phải nói đúng không?".

– Với *gợi ý của GV*, HS nói phép tính để tính số lượng tất cả 2 loại bánh, số lượng bánh còn lại nếu ăn hết 30 chiếc (nói đúng: 20 + 30, 50 – 30).

2. (Cặp đôi) **Nhận biết cách cộng, trừ các số tròn chục như cộng, trừ các đơn vị** (2 + 3 = 5, 2 chục + 3 chục = 5 chục; 5 – 3 = 2, 5 chục – 3 chục = 2 chục). Các bước:

– Từng cặp đôi HS lấy các **thanh chục** thể hiện phép tính cộng 20 + 30, thảo luận về cách tính và kết quả. Một số đại diện cặp đôi nói trước lớp cách tính và kết quả của cặp đôi mình. *GV gợi ý* để HS nói thống nhất cách cộng: **2 + 3 = 5, 2 chục + 3 chục = 5 chục, 20 + 30 = 50**. HS xem phần mô hình hình vuông ở tranh Khám phá để đối chiếu với những việc đã tự làm ở trên, đó cũng là chốt cách cộng các số tròn chục.

– Với phép tính trừ 50 – 30 cũng tổ chức hoạt động tương tự như vậy.

timdapan.com

1 Tính nhẩm.

40 + 20 =	40 + 40 =	40 – 10 =	70 – 50 =
30 + 30 =	60 + 20 =	50 – 30 =	80 – 40 =
50 + 20 =	50 + 40 =	60 – 20 =	90 – 20 =
60 + 10 =	60 + 30 =	50 – 40 =	90 – 60 =

2 Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.

a. Có bao nhiêu hạt cả hai màu tím và vàng?

50 ? ? = ?

b. Có bao nhiêu hạt màu xanh?

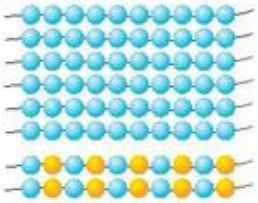

? ? 10 = ?

3 Chọn số thay vào mỗi ?.

10 30 40 70

? + ? = 80 ? – ? = 40 30 + ? = ?

43

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Biết cộng, trừ thành thạo hai số tròn chục tương tự như cộng, trừ hai số có một chữ số: 2 + 3 = 5, 20 + 30 = 50.**
- **Nhận biết được tình huống thực tế ứng với phép tính cộng hoặc trừ các chục. Viết và tính được phép tính rồi trả lời câu hỏi.**
- **Biết áp dụng cách cộng, trừ các chục như đã nói ở trên để cộng, trừ nhẩm thật thành thạo.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

(Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS luyện tính nhẩm cộng, trừ các chục theo cách nhẩm cộng, trừ các số có một chữ số (thuộc bảng cộng trong phạm vi 10 hoặc đếm tiếp). Các bước:

– HS tự nói cách nhẩm 40 + 20. Một số HS nói trước lớp đến khi đúng rồi cả lớp nói.

– HS tự thực hiện toàn bộ các phép tính, viết kết quả vào vở. *GV theo dõi từng HS, hướng dẫn thêm cho cá nhân HS (nếu cần). GV đánh giá từng HS về mức độ tiếp nhận cách cộng / trừ các số tròn chục qua sản phẩm học tập này.* Tiếp theo một số HS nói trước lớp cách nhẩm lần lượt từng phép tính và viết kết quả trên bảng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS vận dụng cộng, trừ các chục với hình ảnh trực quan: mỗi chục là một xâu hạt (mỗi xâu có 10 hạt).

Kết quả:

a. 50 + 30 = 80

Trả lời: Có 80 hạt cả hai màu tím và vàng.

b. 80 – 10 = 70 hoặc

60 + 10 = 70

Trả lời: Có 70 hạt màu xanh.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS vận dụng tính cộng, trừ nhẩm với các số tròn chục đã cho để chọn được cặp số thích hợp viết vào ô trống trong mỗi phép tính. Ví dụ cộng nhẩm từng cặp số trong 4 số đã cho, thấy rằng chỉ có 10 và 70 cộng với nhau bằng 80 nên viết 10 và 70 vào hai ô trống của phép tính đầu tiên. Các bước:

– HS thi đua nói kết quả phép tính thứ nhất và giải thích. GV gợi ý để HS nói rành mạch cách chọn ra được hai số viết vào ô trống.

– HS tự thực hiện với hai phép tính còn lại. Một số HS viết kết quả trên bảng và giải thích. Kết quả đúng:

10 + 70 = 80 70 – 30 = 40

30 + 10 = 40 hoặc 30 + 40 = 70

timdapan.com

PHÉP TÍNH CỘNG DẠNG 23 + 4

MỤC TIÊU

Biết cách cộng số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).

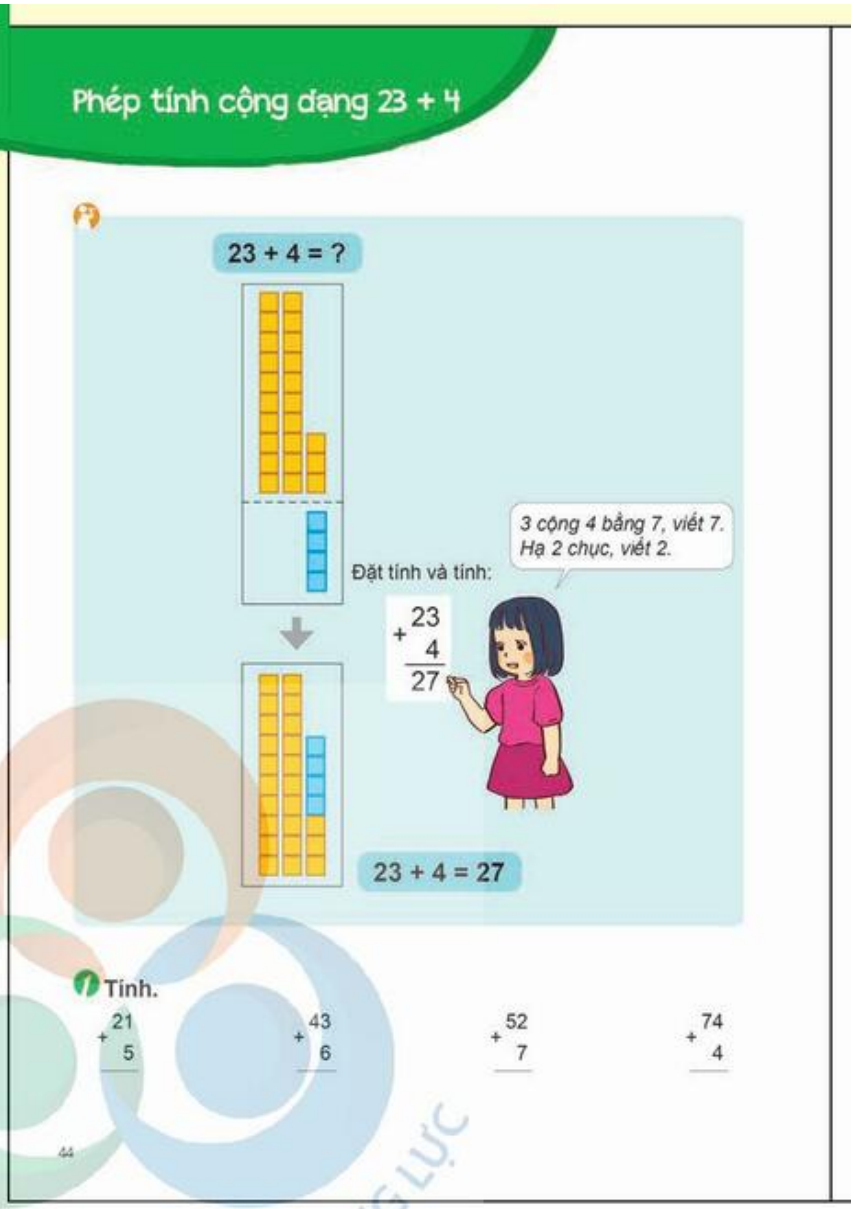

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Thi tính nhanh. *GV viết từng phép tính cộng trên bảng*, HS tính và thi đua nói kết quả nhanh và đúng nhất. Các phép tính cộng GV viết ra theo từng mức:

1) cộng trong phạm vi 10; 2) cộng dạng 13 + 4; cuối cùng là một phép tính cộng dạng 23 + 4.

GV không yêu cầu HS nói cách tính.

GV giới thiệu: Chúng ta đã học tính cộng trong phạm vi 10, biết cộng dạng 13 + 4. Bài học hôm nay chúng ta sẽ biết cộng số có hai chữ số với số có một chữ số, ví dụ là 23 + 4.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

Học sinh nhận biết cách tính phép tính dạng 23 + 4, hiểu cách đặt tính theo cột dọc. Các bước:

– (Cặp đôi) Từng cặp đôi HS lấy các **thanh chục và hình vuông** thể hiện phép tính cộng 23 + 4, thảo luận về cách tính và kết quả. Một số đại diện cặp đôi nói trước lớp cách tính và kết quả của cặp đôi mình. *GV gợi ý* để HS nói thống nhất cách cộng: **3 + 4 = 7, 2 chục vẫn giữ nguyên, 2 chục và 7 là 27, kết quả 23 + 4 bằng 27**. HS xem phần mô hình hình vuông ở tranh Khám phá để đối chiếu với những việc đã tự làm ở trên, đó cũng là chốt cách tính phép tính cộng dạng 23 + 4.

– (Cá nhân) HS tự viết phép tính 23 + 4 theo cột dọc. Một số HS viết trên bảng và giải thích tại sao viết như vậy. GV cùng các HS khác nhận xét đến khi phép tính viết trên bảng đã đúng. *GV gợi ý* để HS nói thống nhất cách đặt tính theo cột: **Viết 4 đơn vị thẳng cột với 3 đơn vị.** Tiếp theo HS nói cách tính và viết kết quả phép tính.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS thực hành cộng theo cột dọc. Các bước:

– HS kiểm tra xem cách đặt mỗi phép tính theo cột đã đúng chưa.

– HS tự tính lần lượt từng phép tính cho đến khi hết, thực hiện vào vở. *GV theo dõi từng HS, nhắc nhở HS cộng các số đơn vị trước, hướng dẫn lại cho những HS chưa vững.* Một số HS thực hiện trên bảng, GV và các HS khác nhận xét để HS sửa trên bảng cho đến khi đúng.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS luyện đặt tính theo cột dọc rồi tính, từ đó khắc sâu cho HS cách cộng số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ) là cộng hai số đơn vị với nhau và giữ nguyên số chục.

HS tự thực hiện vào vở. *GV theo dõi và đánh giá từng HS qua*

timdapan.com

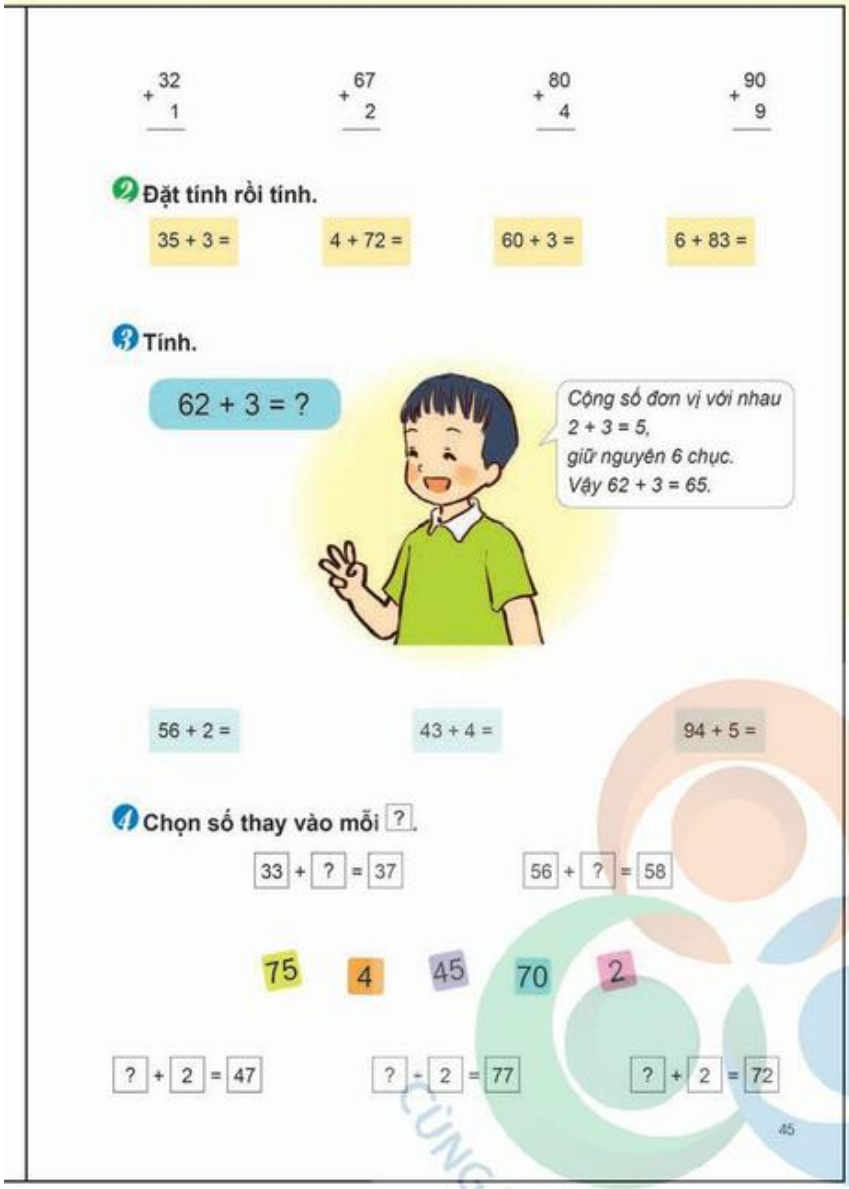

+ 32
  1

+ 67
  2

+ 80
  4

+ 90
  9

2 Đặt tính rồi tính.

35 + 3 = 4 + 72 = 60 + 3 = 6 + 83 =

3 Tính.

62 + 3 = ?

Cộng số đơn vị với nhau 2 + 3 = 5, giữ nguyên 6 chục. Vậy 62 + 3 = 65.

56 + 2 = 43 + 4 = 94 + 5 =

4 Chọn số thay vào mỗi ?.

33 + ? = 37 56 + ? = 58

75 4 45 70 2

? + 2 = 47 ? + 2 = 77 ? + 2 = 72

45

sản phẩm học tập này. Tiếp theo một số HS thực hiện trên bảng, HS làm sai thì chữa bài.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS vận dụng nguyên tắc: cộng số đơn vị với nhau, giữ nguyên số chục để tính mà không cần đặt tính với phép tính dạng 23 + 4. Các bước:

– (Cả lớp) HS tự nghĩ cách **tính mà không cần đặt tính** với phép tính 62 + 3 mà *GV viết trên bảng*. HS thi đua nêu cách mình đã nghĩ. GV và các HS khác xác nhận những cách tính mà đúng là không cần đặt tính (cách như mẫu và cách đếm tiếp). *GV nhấn mạnh với HS hai bước như bóng nói của cách tính mẫu.*

– (Cá nhân) HS tính lần lượt 3 phép tính còn lại mà không cần đặt tính theo cách như mẫu. Một số HS nói cách tính và kết quả trước lớp. GV và các HS khác xác nhận khi đã đúng.

2. **HS thực hiện HĐ4 trong SHS**. HĐ này chủ yếu nhằm cho HS vận dụng kĩ năng cộng dạng 23 + 4 như ở HĐ3 để tìm số trong các số đã cho thay vào ?. Có hai cách:

– Đếm tiếp. Ví dụ với phép tính 33 + ? = 37 từ 33 đếm tiếp thêm 4 bước thì được 37, vậy chọn 4 thay vào ?.

– Suy luận từ cách cộng đơn vị với nhau và giữ nguyên số chục. Ví dụ với phép tính 33 + ? = 37 thấy 33 và 37 cùng có số chục là 3, suy ra 3 đơn vị phải cộng với 4 để được 7 đơn vị, với phép tính ? + 2 = 47 thấy trong các số thì chọn 45 thay vào ? được vì 5 + 2 = 7 và giữ nguyên 4 chục tức là 45 + 2 = 47.

Các bước với từng phép tính: HS tự tìm số thay vào ?, trình bày suy nghĩ và kết quả, GV gợi ý để HS nói rõ như một trong hai cách đã nêu ở trên.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Thông qua mô hình số, hiểu được cách cộng, ví dụ 23 + 4, biết 23 = 20 + 3, thực hiện phép tính 23 + 4 như sau: 3 + 4 = 7, 20 và 7 là 27 nên 23 + 4 = 27.**
- **Thành thạo kĩ thuật đặt tính cộng theo cột dọc.**
- **Cộng không cần đặt tính trên cơ sở hiểu cách cộng: cộng hai số đơn vị với nhau, số chục giữ nguyên.**
- **Sử dụng đếm tiếp để tìm kết quả phép tính cộng dạng 23 + 4.**

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

timdapan.com

PHÉP TÍNH TRỪ DẠNG 27 – 4

MỤC TIÊU

Biết cách trừ số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).

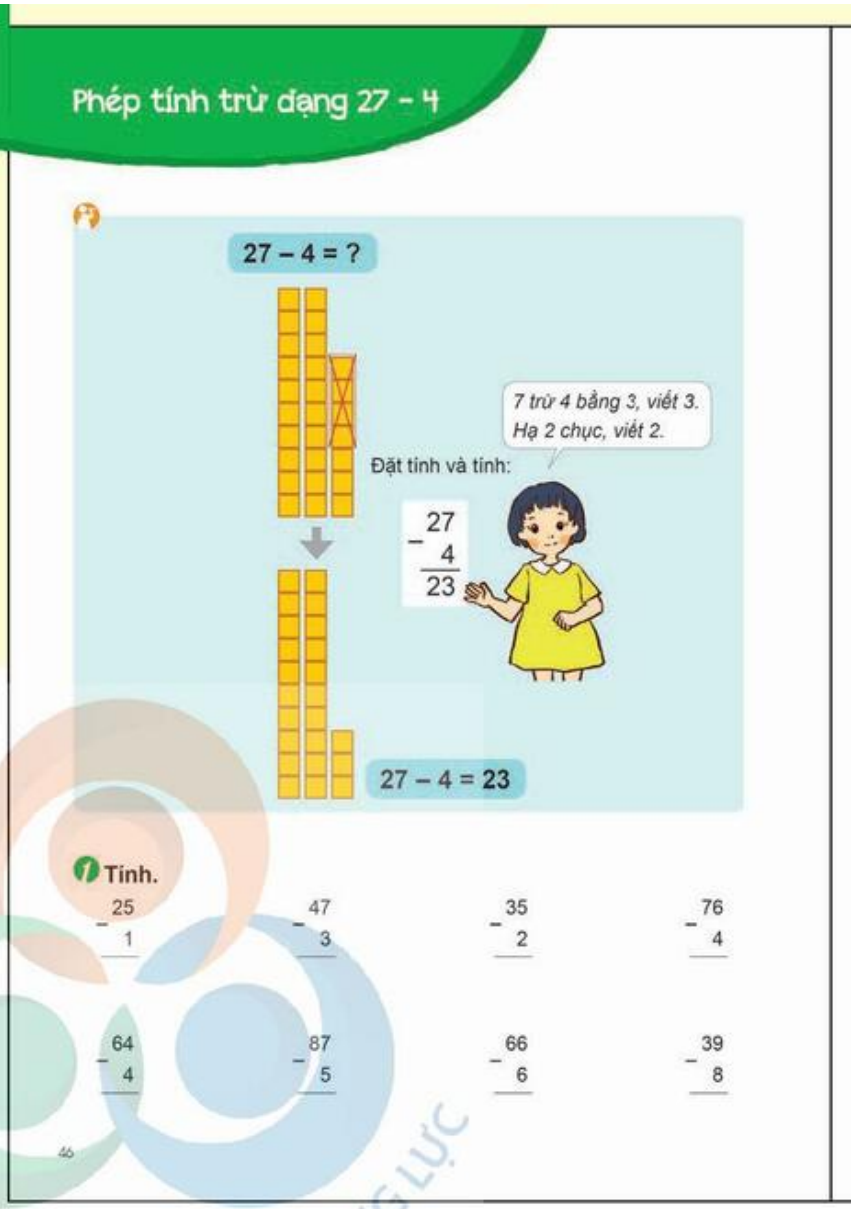

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Thi tính nhanh. *GV viết từng phép tính trừ trên bảng*, HS tính và thi đua nói kết quả nhanh và đúng nhất. Các phép tính trừ GV viết ra theo từng mức:

1) phép tính trừ với hai số có một chữ số; 2) trừ dạng 17 – 4; cuối cùng là một phép tính trừ dạng 27 – 4.

GV không yêu cầu HS nói cách tính.

GV giới thiệu: Chúng ta đã học tính trừ với hai số có một chữ số, biết trừ dạng 17 – 4. Bài học hôm nay chúng ta sẽ biết trừ số có hai chữ số với số có một chữ số, ví dụ là 27 – 4.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

Học sinh nhận biết cách tính phép tính dạng 27 – 4, hiểu cách đặt tính theo cột dọc. Các bước:

– (Cặp đôi) Từng cặp đôi HS lấy các **thanh chục và hình vuông** thể hiện phép tính trừ dạng 27 – 4, thảo luận về cách tính và kết quả. Một số đại diện cặp đôi nói trước lớp cách tính và kết quả của cặp đôi mình. *GV gợi ý* để HS nói thống nhất cách tính: **7 – 4 = 3, 2 chục vẫn giữ nguyên, 2 chục và 3 là 23, kết quả 27 – 4 bằng 23**. HS xem phần mô hình hình vuông ở tranh Khám phá để đối chiếu với những việc đã tự làm ở trên, đó cũng là chốt cách tính phép tính trừ dạng 27 – 4.

– (Cá nhân) HS tự viết phép tính 27 – 4 theo cột dọc. Một số HS viết trên bảng và giải thích tại sao viết như vậy. GV cùng các HS khác nhận xét đến khi phép tính viết trên bảng đã đúng. *GV gợi ý* để HS nói thống nhất cách đặt tính theo cột: **Viết 4 đơn vị thẳng cột với 7 đơn vị**. Tiếp theo HS nói cách tính và viết kết quả phép tính.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS thực hành trừ theo cột dọc. Các bước:

– HS kiểm tra xem cách đặt mỗi phép tính theo cột đã đúng chưa.

– HS tự tính lần lượt từng phép tính cho đến khi hết, viết kết quả vào vở. GV theo dõi từng HS, nhắc nhở HS trừ hai số đơn vị trước, hướng dẫn lại cho những HS chưa vững. Một số HS thực hiện trên bảng, GV và các HS khác nhận xét để HS sửa trên bảng cho đến khi đúng.

timdapan.com

2 Đặt tính rồi tính.

38 – 5 = 29 – 7 = 49 – 4 = 88 – 6 =

3 Tính.

56 – 2 = ?

49 – 3 = 68 – 4 = 87 – 6 =

4 Nêu kết quả phép tính.

23 + 4 = ? 57 – 7 = ?

27 – 4 = ?

50 + 7 = ? 87 – 5 = ?

82 + 5 = ?

47

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Thông qua mô hình cấu tạo số, hiểu được cách trừ, ví dụ 27 – 4, biết 27 = 20 + 7, thực hiện phép tính 27 – 4 như sau: 7 – 4 = 3, 20 còn nguyên nên 27 – 4 = 23.**
- **Thành thạo kĩ thuật đặt tính trừ theo cột dọc.**
- **Trừ không cần đặt tính trên cơ sở hiểu cách trừ: trừ hai số đơn vị với nhau, số chục giữ nguyên.**
- **Sử dụng đếm lùi để tìm kết quả phép tính trừ dạng 27 – 4.**

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS luyện đặt tính theo cột dọc rồi tính, từ đó khắc sâu cho HS cách trừ số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ) là trừ hai số đơn vị với nhau và giữ nguyên số chục.

   HS tự thực hiện, viết vào vở. *GV theo dõi và đánh giá từng HS qua sản phẩm học tập này*. Tiếp theo một số HS thực hiện trên bảng, HS làm sai thì chữa bài.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS vận dụng nguyên tắc: **Trừ nhẩm hai số đơn vị với nhau và giữ nguyên số chục** để tính mà không cần đặt tính với phép tính dạng 27 – 4. Các bước:

– (Cả lớp) HS tự nghĩ cách **tính mà không cần đặt tính** phép tính 56 – 2 mà *GV viết trên bảng*. HS thi đua nêu cách mình đã nghĩ. GV và các HS khác xác nhận những cách tính mà đúng là không cần đặt tính (cách như mẫu và cách đếm lùi). *GV nhấn mạnh với HS hai bước như bóng nói của cách tính mẫu.*

– (Cá nhân) HS tính lần lượt 3 phép tính còn lại. Một số HS nói cách tính mà không cần đặt tính và kết quả trước lớp. GV và các HS khác xác nhận khi đã đúng.

2. **HS thực hiện HĐ4 trong SHS**. HĐ này chủ yếu nhằm cho HS vận dụng kĩ năng cộng, trừ như đã được luyện ở HĐ2 và HĐ3 trong bài trước và bài này. Các bước:

– HS tự tính và viết số vào ô trống. Một số HS viết trên bảng đến khi kết quả đã được GV và các HS khác xác nhận đúng.

– Những HS đã làm đúng trình bày trước lớp cách mà HS đó đã tính. GV gợi ý để HS nói trước lớp hai bước như bóng nói của cách mẫu HĐ3.

timdapan.com

LUYỆN TẬP

MỤC TIÊU

- **Thực hiện thành thạo các phép tính ở 3 dạng đã học.**
- **Giải được các bài toán thực tế liên quan.**

Luyện tập

1 Tính.

a.

34 – 3 =
34
– 3
31

34 + 3 =
4 + 3 = 7
30 + 7 = 37

46 + 3 =
46, 47, 48, 49

68 – 6 = 75 – 4 = 84 + 5 =

97 – 5 = 92 + 7 =

b.

30 + 20 =
50 + 40 =
30 + 20 + 40 =

90 – 20 =
70 – 30 =
90 – 20 – 30 =

2 Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.

a. Nhà bạn Dũng còn bao nhiêu quả cam?

Nhà Dũng mới hái được 64 quả cam. Cho bạn ăn thử nhé.

Thích quá, cảm ơn bạn.

? ? ? = ?

48

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Thi tính nhanh, tính đúng. *GV viết từng phép tính trên bảng*, HS tính và thi đua nói kết quả nhanh và đúng nhất. Các phép tính GV viết ra theo từng loại:

1) Phép tính cộng số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ);
2) Phép tính trừ số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ);
3) Phép tính cộng hoặc trừ hai số tròn chục.

GV không yêu cầu HS nói cách tính.

GV giới thiệu: Chúng ta đã học cách tính các phép tính cộng dạng 23 + 4, các phép tính trừ dạng 27 – 4 và cộng, trừ các số tròn chục. Hôm nay chúng ta sẽ luyện tập để tính các phép tính đó thật thành thạo; vận dụng tốt trong cuộc sống và trong học tập.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HS thực hiện HĐ1 trong SHS. HĐ này nhằm cho HS nhớ lại các cách tính đã biết đối với các phép tính cộng, trừ (không nhớ) dạng 23 + 4, 27 – 4 và cộng, trừ các số tròn chục trong phạm vi 100. Các bước:

– (Cả lớp) HS thi đua nói các cách tính và tính kết quả từng phép tính mà GV viết trên bảng, ví dụ: 45 + 3, 56 – 4. Nếu các ý kiến của HS vẫn chưa đủ ba cách như các bóng nói ở **HĐ1a** thì GV gợi ý để HS nói đủ.

– HS tự thực hiện 5 phép tính ở **HĐ1a** theo cách tự chọn, viết cách tính và kết quả vào vở. *GV đánh giá từng HS về kĩ năng cộng, trừ các phép tính dạng này qua sản phẩm học tập của HS, giúp HS chưa vững.* Một số HS trình bày trước lớp cách tính và kết quả. Với mỗi phép tính, sau khi HS trình bày xong cách đã chọn thì *GV yêu cầu HS đó nói cách tính khác*, ví dụ HS đã trình bày theo đặt cột dọc rồi thì GV có thể yêu cầu HS tính bằng đếm tiếp / đếm lùi ... *GV thật nhấn mạnh cho HS rằng* phải **cộng/ trừ đơn vị với nhau**, đặt tính theo cột dọc thì **số đơn vị phải thẳng cột với số đơn vị**.

– HS tự thực hiện **HĐ1b**, viết kết quả vào vở. *GV đánh giá từng HS về kĩ năng cộng, trừ các phép tính dạng này qua sản phẩm học tập của HS, giúp HS chưa vững.* Một số HS trình bày trước lớp cách tính và kết quả. *GV nhấn mạnh lại:* **cộng / trừ các số tròn chục như cộng / trừ các đơn vị rồi thêm số 0 vào kết quả.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS tiếp tục luyện tập **viết phép tính** để tìm kết quả cho câu trả lời với mỗi câu hỏi dạng "Có tất cả bao nhiêu?",

timdapan.com

b. Bây giờ nhà Nam có bao nhiêu con gà?

Tính rồi nêu kết quả.

a. Trường của Hồng có 24 bạn được giải thi vẽ tranh chủ đề Môi trường xanh và 5 bạn được giải tranh chủ đề Em yêu chú hải quân.

Trường của Hồng có tất cả ? bạn được giải.

b. Trường của Ánh có 50 bạn thi vẽ tranh, 20 bạn không được giải.

Trường của Ánh có ? bạn được giải.

THỬ SỨC

Chọn ba số cho mỗi phép tính.

35 32 37 2 3

32 + 3 = 35

? + ? = ?

? – ? = ?

? – ? = ?

49

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Thành thạo kĩ thuật cộng / trừ theo các cách khác nhau (nhẩm với các số đơn vị, cộng / trừ theo cột dọc, đếm tiếp / đếm lùi).**
- **Nhận biết tình huống thực tế, chọn đúng phép tính cộng hoặc trừ, tính ra kết quả và trả lời.**

"Bớt đi thì còn lại bao nhiêu?", **nhận dạng phép tính và vận dụng các cách tính** đã học để tính ra kết quả. Các bước ở mỗi phần:

a. – HS tự tìm hiểu nội dung tình huống và hiểu câu hỏi. Một số học sinh trình bày trước lớp, *GV có thể gợi ý để HS nói rành mạch nội dung tình huống và vấn đề cần giải quyết:* **Nhà Dũng hái được 64 quả cam, phải tìm xem sau khi Dũng cho bạn 2 quả thì nhà Dũng còn lại bao nhiêu quả cam.**

– HS tự viết phép tính và kết quả vào vở. GV theo dõi, kịp thời gợi ý cho từng HS (nếu cần) để các HS đều viết được phép tính đúng và tính đúng: 64 – 2 = 62.

– Lần lượt từng HS trả lời câu hỏi. *GV cần phải luyện cho HS trả lời rõ ràng, ngắn gọn (rèn kĩ năng diễn đạt, giao tiếp):* Nhà bạn Dũng còn lại 62 quả cam.

b. Các bước hoạt động tương tự như phần **a**. Phép tính: 26 + 2 = 28, trả lời: Bây giờ nhà Nam có 28 con gà.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** Mục tiêu của HĐ này như mục tiêu của HĐ2 nhưng yêu cầu HS phải lập phép tính, tính trong đầu nhanh rồi nêu kết quả:

a. Trường của Hồng có tất cả 29 bạn được giải.

b. Trường của Ánh có 30 bạn được giải.

3. (Cặp đôi hoặc nhóm) **HS thực hiện THỬ SỨC trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS vận dụng linh hoạt các cách tính cộng / trừ dạng 23 + 4 và 27 – 4 để tìm ra bộ ba số viết vào ba ô thích hợp của mỗi phép tính. Với phép tính cộng có thể đếm tiếp hoặc cộng số đơn vị với số đơn vị, ví dụ: 35 đếm tiếp 2 bước được 37 nên chọn 35, 2 và 37 viết vào ba ô có phép tính cộng: 35 + 2 = 37. Với phép tính trừ có thể đếm lùi, ví dụ: từ 37 đếm lùi 2 bước được 35 nên chọn 37, 2, 35 viết vào ba ô có phép tính trừ 37 – 2 = 35. Có thể tổ chức thi tìm nhanh giữa các nhóm với một cặp phép tính cộng, trừ. Với hai phép tính còn lại HS tự thực hiện. Các kết quả có được:

32 + 3 = 35 37 – 2 = 35

35 + 2 = 37 35 – 3 = 32

timdapan.com

PHÉP TÍNH CỘNG DẠNG 49 + 20

MỤC TIÊU

Biết cách cộng số có hai chữ số với số tròn chục (không nhớ).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Thi tính nhanh. HS lấy các thanh chục và hình vuông lẻ xếp vào bảng con theo yêu cầu của GV và thi đua trả lời nhanh câu hỏi: "Có tất cả bao nhiêu hình vuông?". Ví dụ về các yêu cầu của GV:

– Hãy lấy 34 hình vuông, lấy thêm 4 hình vuông nữa.

– Hãy lấy 26 hình vuông, lấy thêm 10 hình vuông nữa.

– Hãy lấy 32 hình vuông, lấy thêm 20 hình vuông nữa.

GV giới thiệu: Chúng ta đã biết cách tính phép tính cộng dạng 23 + 4 (cộng số có hai chữ số với số có một chữ số, không nhớ). Bài học hôm nay chúng ta sẽ biết cách tính phép tính cộng dạng 49 + 20 (cộng số có hai chữ số với số tròn chục).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

1. (Cá nhân) **HS tìm kết quả phép tính 49 + 20 bằng mô hình hình vuông.** Các bước:

– HS lấy các thanh chục và hình vuông lẻ dán vào bảng con thể hiện hai số 49 và 20, đọc số: 49 gồm 4 chục và 9 đơn vị. *GV làm như vậy trên bảng.*

– HS thể hiện việc cộng hai số 49 và 20: di chuyển mô hình số 20 sát vào mô hình số 49. *GV làm như vậy trên bảng.*

– HS chỉ vào mô hình nói kết quả 49 + 20: **4 chục và 2 chục là 6 chục, 9 và 0 vẫn là 9. 6 chục và 9 là 69.** HS viết: 49 + 20 = 69.

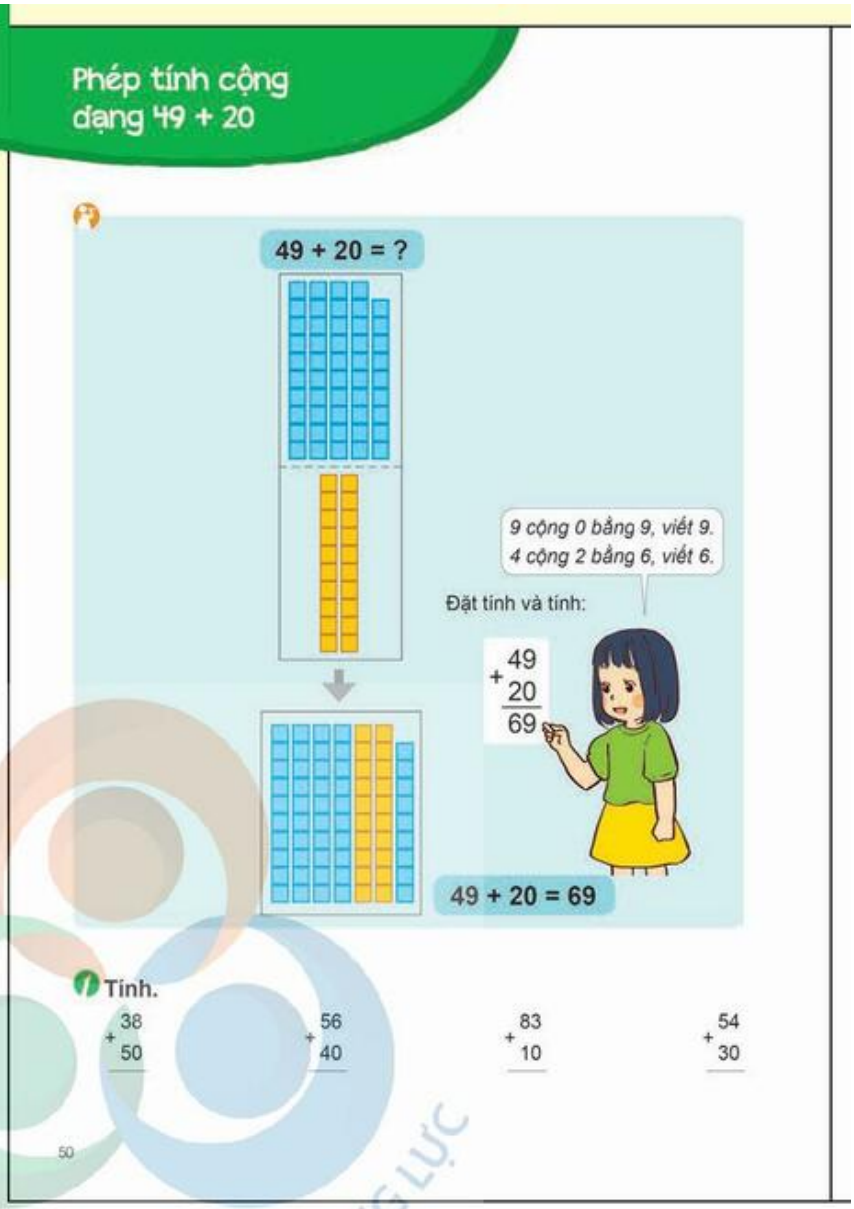

2. (Cả lớp) **HS tiếp nhận và hiểu rõ cách đặt tính theo cột dọc.** Các bước:

– HS quan sát mô hình phép cộng 49 + 20 ở khung Khám phá, trả lời câu hỏi: "Vì sao kết quả phép tính cộng 49 + 20 có 6 chục, có 9 đơn vị?". Trả lời đúng: cộng 4 chục của số 49 với 2 chục của số 20 được 6 chục, cộng 9 của số 49 với 0 của số 20 được 9 đơn vị.

– HS nghe *GV hướng dẫn cách đặt tính theo cột dọc:* vì 9 cộng với 0 nên viết 9 và 0 thẳng cột, vì 4 chục cộng với 2 chục nên viết 4 và 2 thẳng cột. HS viết phép tính theo cột.

– HS vừa viết cộng theo số đơn vị, theo số chục vừa nói như bóng nói *(GV hướng dẫn từng bước, lưu ý HS cộng hai số đơn vị trước).*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS thực hành cộng theo cột dọc. Các bước:

– HS tự thực hiện với 2 phép tính đầu, viết kết quả trong vở. *GV theo dõi từng HS để biết HS nào đã cộng đúng như hướng dẫn, HS nào chưa đúng.* Một số HS được chỉ định thực hiện 2 phép tính này trên bảng, sửa cho đến khi được

timdapan.com

2 Đặt tính rồi tính.

51 + 10 =	45 + 40 =	73 + 20 =
30 + 57 =	50 + 32 =	70 + 24 =

3 Tính.

23 + 40 = ?

31 + 20 = 50 + 23 =

VUI MỘT CHÚT

Chú ếch tính đúng phép tính trên một lá mới được nhảy sang lá tiếp theo. Bạn hãy giúp chú ếch về đích nhanh nhé.

51

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Thông qua mô hình số, hiểu được cách cộng, ví dụ 49 + 20, biết 49 = 40 + 9, thực hiện phép tính 49 + 20 như sau: 40 + 20 = 60, 60 + 9 = 69.**
- **Thành thạo kĩ thuật đặt tính cộng theo cột dọc.**
- **Cộng mà không đặt tính trên cơ sở hiểu cách cộng: giữ nguyên đơn vị, cộng số chục với số chục (9 + 0 = 9, 40 + 20 = 60).**

cả lớp xác nhận đã đúng. HS nào sai thì sửa bài *(GV theo dõi HS sửa bài)*.

– HS tự tính lần lượt từng phép tính còn lại cho đến khi hết, viết vào vở. *GV theo dõi từng HS, nhắc nhở HS cộng hai số đơn vị trước, hướng dẫn lại cho những HS chưa vững.* Một số HS thực hiện trên bảng, GV và các HS khác nhận xét để HS sửa trên bảng cho đến khi đúng hết.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS luyện đặt tính theo cột dọc rồi tính, từ đó khắc sâu cho HS cách cộng số có hai chữ số với số tròn chục là **cộng đơn vị với nhau và cộng chục với nhau.**

   HS tự thực hiện: viết phép tính theo cột dọc (các số đơn vị thẳng cột với nhau, các số chục thẳng cột với nhau) rồi tính. *GV theo dõi và đánh giá từng HS qua sản phẩm học tập này.* Tiếp theo một số HS thực hiện trên bảng, HS làm sai thì chữa bài.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS vận dụng cách cộng: **cộng các số đơn vị với nhau, cộng các số chục với nhau** để cộng nhẩm (không cần đặt tính theo cột). Các bước:

– (Cả lớp) HS tự nghĩ cách **tính mà không cần đặt tính** phép tính 23 + 40 mà *GV viết trên bảng*. HS thi đua nêu cách mình đã nghĩ. GV và các HS khác xác nhận cách tính mà đúng là không cần đặt tính (như bóng nói của bạn trai trong tranh của HĐ3). HS có thể làm theo gợi ý của GV như hình ảnh gợi ý trong HĐ3.

– (Cá nhân) HS tính lần lượt 2 phép tính còn lại. Một số HS nói cách tính mà không đặt tính và kết quả trước lớp. GV và các HS khác xác nhận khi đã đúng.

2. **HS thực hiện VUI MỘT CHÚT trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS vận dụng kĩ năng tính những phép tính dạng 23 + 4 và 49 + 20 để tính lần lượt các phép tính trên lá. Dạng các phép tính này được xếp xen kẽ nhằm cho HS thể hiện được mức độ thành thạo tính cộng các dạng đã học. Có thể tổ chức HĐ này dưới hình thức trò chơi cho vui và nhẹ nhàng.

   Tuỳ theo hình thức tổ chức, kết quả có thể được HS nói hoặc viết. Sau đây kết quả được viết dưới mỗi phép tính:

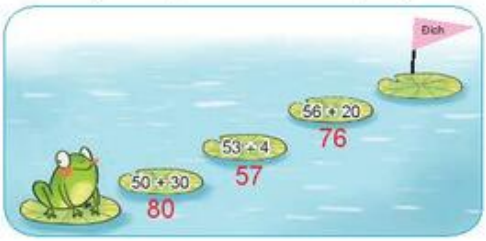

timdapan.com

PHÉP TÍNH TRỪ DẠNG 49 – 20

MỤC TIÊU

Biết cách trừ số có hai chữ số với số tròn chục (không nhớ).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Thi tính nhanh. HS lấy các thanh chục và hình vuông lẻ xếp vào bảng con theo yêu cầu của GV và thi đua trả lời nhanh câu hỏi: "Có ... hình vuông, bớt đi ... hình vuông, còn lại bao nhiêu hình vuông?". Ví dụ về các yêu cầu của GV:

– Hãy lấy 38 hình vuông, bớt đi 5 hình vuông.

– Hãy lấy 36 hình vuông, bớt đi 10 hình vuông.

– Hãy lấy 32 hình vuông, bớt đi 20 hình vuông.

GV giới thiệu: Chúng ta đã biết cách tính phép tính trừ dạng 27 – 4 (trừ số có hai chữ số với số có một chữ số, không nhớ). Bài học hôm nay chúng ta sẽ biết cách tính phép tính trừ dạng 49 – 20 (trừ số có hai chữ số với số tròn chục).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

1. (Cá nhân) **HS tìm kết quả phép tính 49 – 20 bằng mô hình hình vuông.** Các bước:

– HS lấy các thanh chục và hình vuông lẻ dán vào bảng con thể hiện số 49, nói cấu tạo số: 49 gồm 4 chục và 9 đơn vị. *GV làm như vậy trên bảng.*

– HS thể hiện việc từ 49 bớt 20: di chuyển 2 thanh chục (20 hình vuông) từ mô hình số 49 tách ra khỏi nhóm 49 hình vuông lúc đầu. *GV làm như vậy trên bảng.*

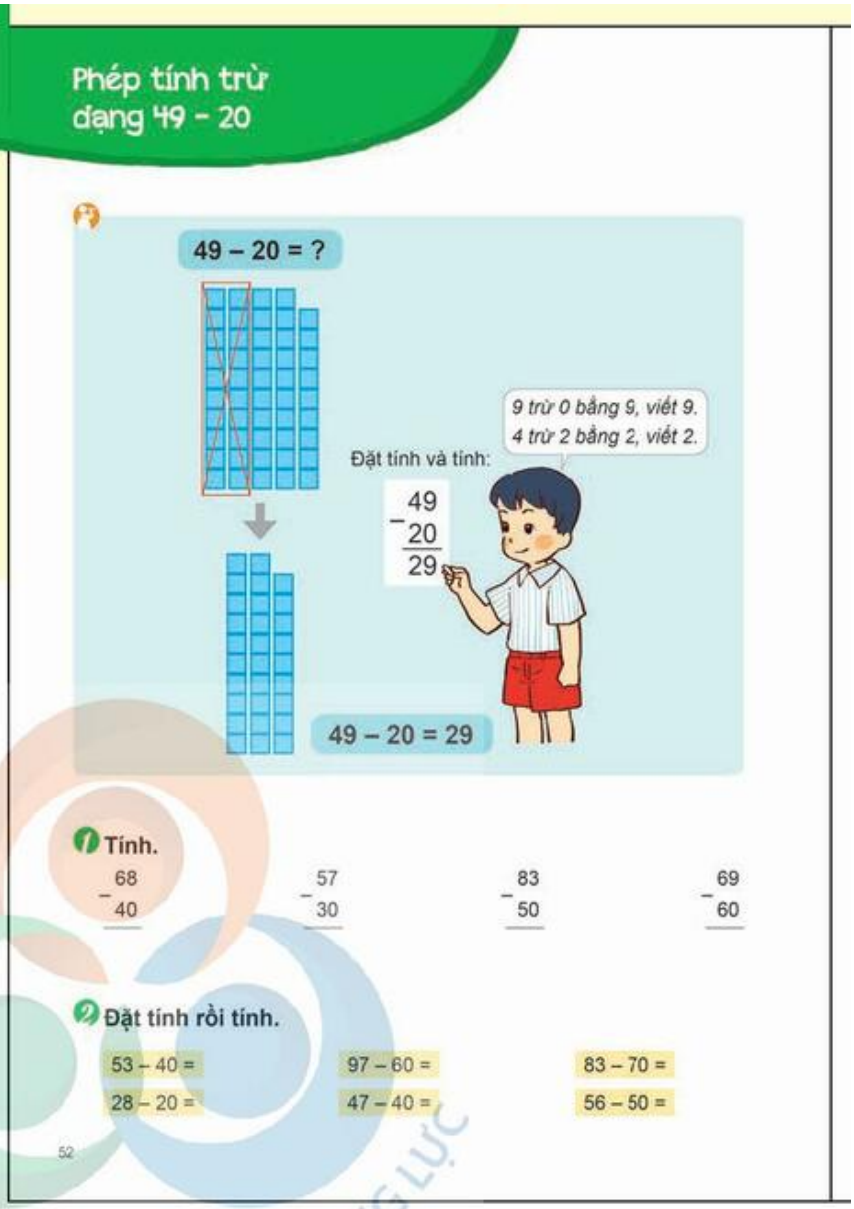

– HS chỉ vào mô hình nói kết quả 49 – 20: **từ 4 chục bớt đi 2 chục còn 2 chục, 2 chục và 9 là 29.** HS viết: 49 – 20 = 29.

2. (Cả lớp) **HS tiếp nhận và hiểu rõ cách đặt tính theo cột dọc.** Các bước:

– HS quan sát mô hình phép tính trừ 49 – 20 ở khung Khám phá, trả lời câu hỏi: "Vì sao kết quả phép tính trừ 49 – 20 có 2 chục, có 9 đơn vị?". Trả lời đúng: lấy 4 chục của số 49 trừ đi 2 chục của số 20 được 2 chục, 9 đơn vị vẫn còn nguyên (lấy 9 trừ đi 0).

– HS nghe *GV hướng dẫn cách đặt tính theo cột dọc:* vì 9 trừ đi 0 nên viết 9 và 0 thẳng cột, vì 4 chục trừ đi 2 chục nên viết 4 và 2 thẳng cột. HS viết phép tính theo cột.

– HS vừa viết kết quả trừ số đơn vị, trừ số chục vừa nói như bóng nói *(GV hướng dẫn từng bước, lưu ý HS trừ hai số đơn vị trước).*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS thực hành trừ theo cột dọc. Các bước:

timdapan.com

Tính.

37 – 20 = ?

37 gồm 3 chục và 7 đơn vị.
3 chục trừ 2 chục bằng 1 chục.
1 chục và 7 đơn vị là 17.
Vậy 37 – 20 = 17.

31 – 20 = 54 – 30 =

THỬ SỨC

Gà mẹ sẽ tìm được gà con nếu đi theo con đường có dãy tính đúng.
Nêu số ở các ô rồi chỉ ra con đường đó.

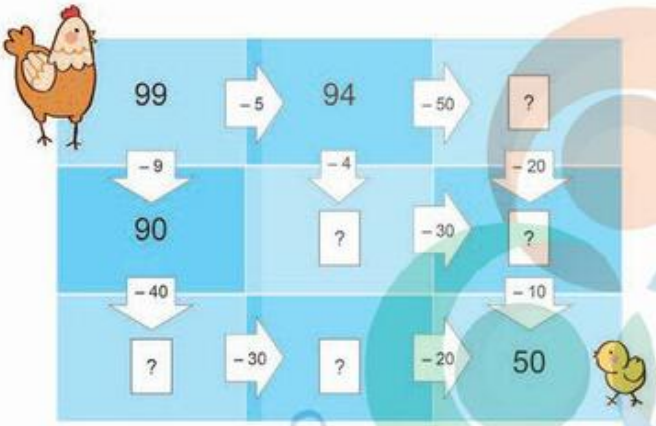

53

– HS tự thực hiện với 2 phép tính đầu, viết vào vở. *GV theo dõi từng HS để biết HS nào đã trừ đúng như hướng dẫn, HS nào chưa đúng.* Một số HS được chỉ định thực hiện 2 phép tính này trên bảng, sửa cho đến khi được cả lớp xác nhận đã đúng. HS nào sai thì sửa bài *(GV theo dõi HS sửa bài)*.

– HS tự tính lần lượt từng phép tính còn lại cho đến khi hết, viết vào vở. *GV theo dõi từng HS, nhắc nhở HS trừ hai số đơn vị trước, hướng dẫn lại cho những HS chưa vững.* Một số HS thực hiện trên bảng, GV và các HS khác nhận xét để HS sửa trên bảng cho đến khi đúng hết.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS luyện đặt tính theo cột dọc rồi tính, từ đó khắc sâu cho HS cách trừ số có hai chữ số với số tròn chục là **số đơn vị trừ số đơn vị và số chục trừ đi số chục**.

HS tự thực hiện: viết phép tính theo cột dọc (hai số đơn vị thẳng cột với nhau, hai số chục thẳng cột với nhau) rồi tính. *GV theo dõi và đánh giá từng HS qua sản phẩm học tập này.* Tiếp theo một số HS thực hiện trên bảng, HS làm sai thì chữa bài.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Thông qua mô hình số, hiểu được cách trừ, ví dụ 49 – 20, biết 49 = 40 + 9, thực hiện phép tính 49 – 20 như sau: 40 – 20 = 20, 20 + 9 = 29.**
- **Thành thạo kĩ thuật đặt tính trừ theo cột dọc.**
- **Trừ không đặt tính trên cơ sở hiểu cách trừ: số đơn vị giữ nguyên, trừ số chục cho số chục (9 – 0 = 9, 40 – 20 = 20).**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS vận dụng cách trừ: **số đơn vị trừ đi số đơn vị, số chục trừ đi số chục** để trừ nhẩm (không cần đặt tính theo cột). Các bước:

– (Cả lớp) HS tự nghĩ cách **tính mà không cần đặt tính** phép tính 37 – 20 mà *GV viết trên bảng*. HS thi đua nêu cách mình đã nghĩ. GV và các HS khác xác nhận cách tính mà đúng là không cần đặt tính (như bóng nói của bạn gái trong tranh của HĐ3). HS có thể làm theo gợi ý của GV như hình ảnh gợi ý trong HĐ3.

– (Cá nhân) HS tính nhẩm lần lượt 2 phép tính còn lại. Một số HS nói cách tính nhẩm và kết quả trước lớp. GV và các HS khác xác nhận khi đã đúng.

2. **HS thực hiện THỬ SỨC trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS vận dụng kĩ năng tính những phép tính trừ dạng 27 – 4, 49 – 20 và số tròn chục trừ số tròn chục để tính lần lượt các phép tính theo từng mũi tên. Dạng các phép tính này được xếp xen kẽ nhằm cho HS thể hiện được mức độ thành thạo tính trừ các dạng đã học. Có thể tổ chức HĐ này dưới hình thức trò chơi cho vui và nhẹ nhàng.

Kết quả:

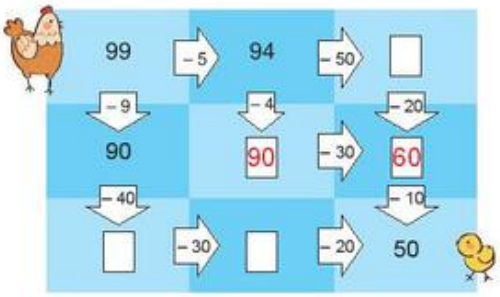

timdapan.com

LUYỆN TẬP

MỤC TIÊU

- **Thực hiện thành thạo các phép tính ở 2 dạng: 49 + 20, 49 – 20.**
- **Giải được các bài toán thực tế liên quan.**

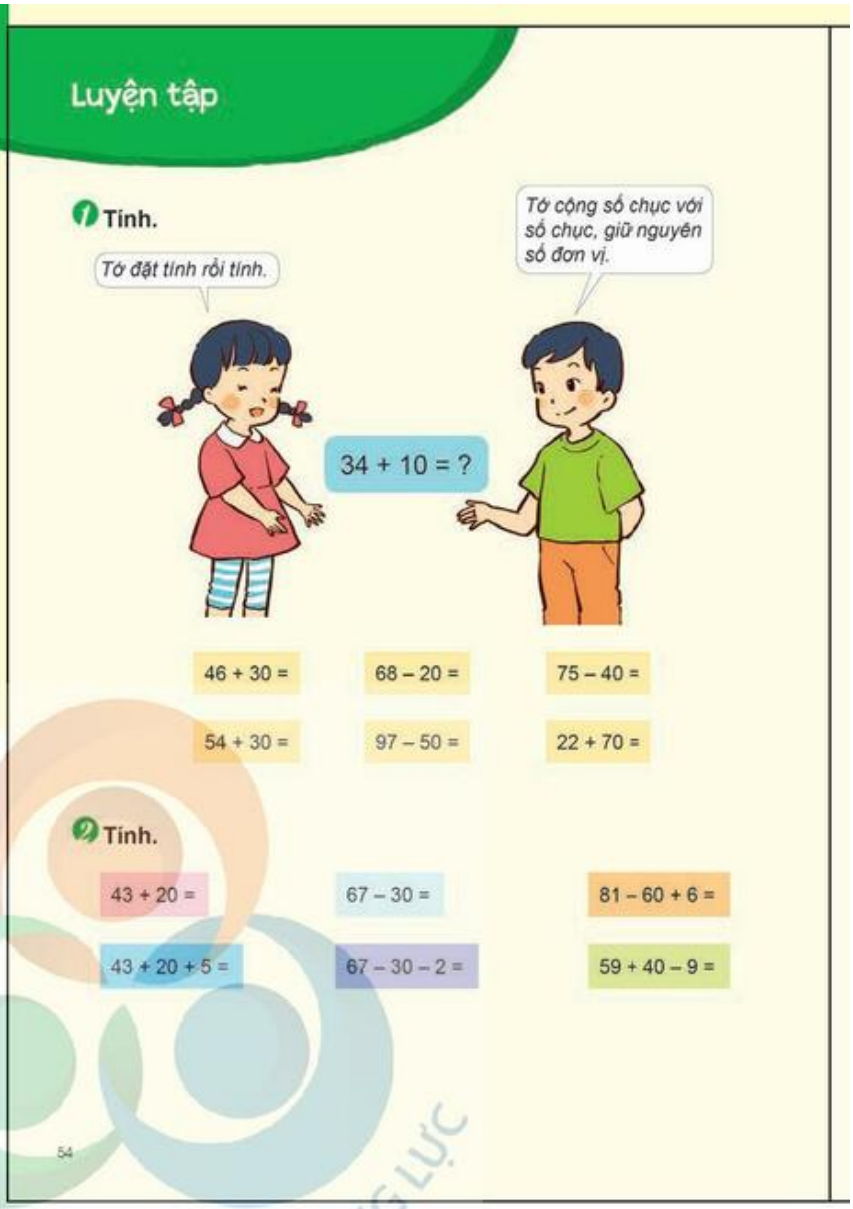

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Thi tính nhanh, tính đúng. *GV viết từng phép tính trên bảng*, HS tính và thi đua nói kết quả nhanh và đúng nhất. Các phép tính GV viết ra theo từng loại:

1) Phép tính cộng số có hai chữ số với số tròn chục (không nhớ);
2) Phép tính trừ số có hai chữ số với số tròn chục (không nhớ).

GV không yêu cầu HS nói cách tính.

GV giới thiệu: Chúng ta đã học cách tính các phép tính cộng dạng 49 + 20, các phép tính trừ dạng 49 – 20. Hôm nay chúng ta sẽ luyện tập tính các phép tính đó thật thành thạo để vận dụng tốt trong cuộc sống và trong học tập.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS nhớ lại các cách đã biết đối với các phép tính cộng, trừ (không nhớ) dạng 49 + 20, 49 – 20. Các bước:

– (Cả lớp) HS thi đua nói các cách tính và kết quả từng phép tính mà GV viết trên bảng, ví dụ: 25 + 30, 56 – 40. Nếu các ý kiến của HS vẫn chưa đủ hai cách như các bóng nói ở HĐ1 thì *GV gợi ý* để HS nói đủ.

– HS tự thực hiện 6 phép tính ở HĐ1 theo cách tự chọn, viết cách tính và kết quả vào vở. *GV đánh giá từng HS về kĩ năng cộng, trừ các phép tính dạng này qua sản phẩm học tập của HS, giúp HS chưa vững hiểu và biết các cách tính.* Một số HS trình bày trước lớp cách tính và kết quả. Với mỗi phép tính, sau khi HS trình bày xong cách đã chọn thì *GV yêu cầu HS đó nói cách tính khác*, ví dụ HS đã trình bày theo cách đặt cột dọc rồi thì GV có thể yêu cầu HS tính nhẩm. *GV thật nhấn mạnh cho HS* rằng phải **cộng / trừ số đơn vị với nhau, số chục với nhau**; đặt tính theo cột dọc thì **số đơn vị phải thẳng cột với số đơn vị, số chục thẳng cột với số chục.**

2. **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS tự chọn cách (đặt tính theo cột hoặc tính nhẩm) để tính các phép tính đã cho, ở đây có cả dạng phép tính cộng / trừ số có hai chữ số với số có một chữ số và với số tròn chục. Hai cột phép / dãy tính đầu, ở mỗi cột, dãy tính dưới sử dụng kết quả của phép tính trên nhằm cho HS nhớ lại việc thực hiện hai phép tính liên tiếp (dãy tính). Cột dãy tính cuối, hai dãy tính không liên quan với nhau nhằm cho HS tự thực hiện liên tiếp hai phép tính (dãy tính) không cần có bước đệm gợi ý. Các bước như các HĐ khác.

timdapan.com

Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.

a. Cả hai lớp góp được bao nhiêu quyển vở?

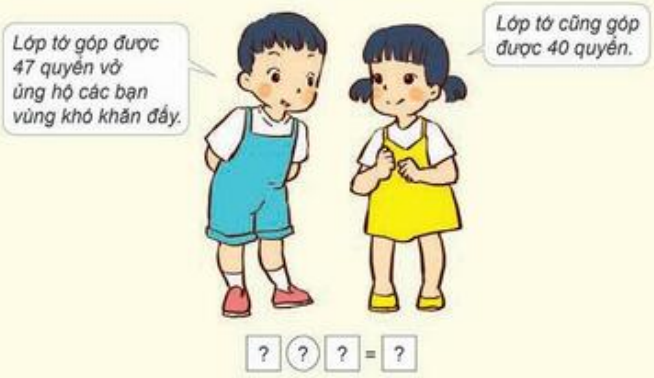

b. Sau khi gửi biếu, ở nhà Nam còn bao nhiêu chiếc bánh?

55

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Thành thạo kĩ thuật cộng / trừ để cộng / trừ nhẩm, cộng / trừ theo cột dọc.**
- **Nhận biết tình huống thực tế, chọn đúng phép tính cộng hoặc trừ, giải và trả lời.**

được phép tính đúng và tính đúng: 47 + 40 = 87.

– Lần lượt từng HS trả lời câu hỏi. *GV cần phải luyện cho HS trả lời rõ ràng, ngắn gọn (rèn kĩ năng diễn đạt, giao tiếp):* Cả hai lớp góp được 87 quyển vở.

b. Các bước hoạt động tương tự như phần **a**. Phép tính:

34 – 10 = 24, trả lời: Sau khi biếu, nhà Nam còn 24 chiếc bánh.

Kết quả:

43 + 20 = 63	67 – 30 = 37	81 – 60 + 6 = 27
43 + 20 + 5 = 68	67 – 30 – 2 = 35	59 + 40 – 9 = 90

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS tiếp tục luyện tập viết phép tính để tìm kết quả cho câu trả lời với mỗi câu hỏi dạng "Có tất cả bao nhiêu?", "Bớt đi thì còn lại bao nhiêu?", **nhận dạng phép tính và vận dụng các cách tính** đã học để tính ra kết quả. Các bước ở mỗi phần:

a. – HS tự tìm hiểu nội dung tình huống và hiểu câu hỏi. Một số học sinh trình bày trước lớp, *GV có thể gợi ý để HS nói rành mạch nội dung tình huống và vấn đề cần giải quyết:* **Một lớp góp 47 quyển vở, lớp kia góp 40 quyển. Phải tìm xem cả hai lớp góp bao nhiêu quyển vở.**

– HS tự viết phép tính và tính, viết vào vở. GV theo dõi, kịp thời gợi ý cho từng HS (nếu cần) để các HS đều viết

timdapan.com

PHÉP TÍNH CỘNG DẠNG 25 + 34

MỤC TIÊU

Biết cách cộng số có hai chữ số với số có hai chữ số (không nhớ).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Thi tính nhanh. HS lấy các thanh chục và hình vuông lẻ xếp vào bảng con theo yêu cầu của GV và thi đua trả lời nhanh câu hỏi: "Có tất cả bao nhiêu hình vuông?". Ví dụ về các yêu cầu của GV:

– Hãy lấy 34 hình vuông, lấy thêm 4 hình vuông nữa.

– Hãy lấy 26 hình vuông, lấy thêm 20 hình vuông nữa.

– Hãy lấy 32 hình vuông, lấy thêm 23 hình vuông nữa.

GV giới thiệu: Chúng ta đã biết các cách tính phép tính cộng dạng 23 + 4 (cộng số có hai chữ số với số có một chữ số, không nhớ) và dạng 49 + 20 (cộng số có hai chữ số với số tròn chục, không nhớ). Bài học hôm nay chúng ta sẽ biết cách tính phép tính cộng hai số có hai chữ số với nhau.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

1. (Cá nhân) **HS tìm kết quả phép tính 25 + 34 bằng mô hình hình vuông.** Các bước:

– HS lấy các thanh chục và hình vuông lẻ dán vào bảng con thể hiện mô hình hai số 25 và 34, đọc cấu tạo số: 25 gồm 2 chục và 5 đơn vị, 34 gồm 3 chục và 4 đơn vị. *GV làm như vậy trên bảng.*

– HS thể hiện việc cộng 25 + 34: di chuyển mô hình số 25 sát vào mô hình số 34. *GV làm như vậy trên bảng* (theo mẫu khung Khám phá trong SHS).

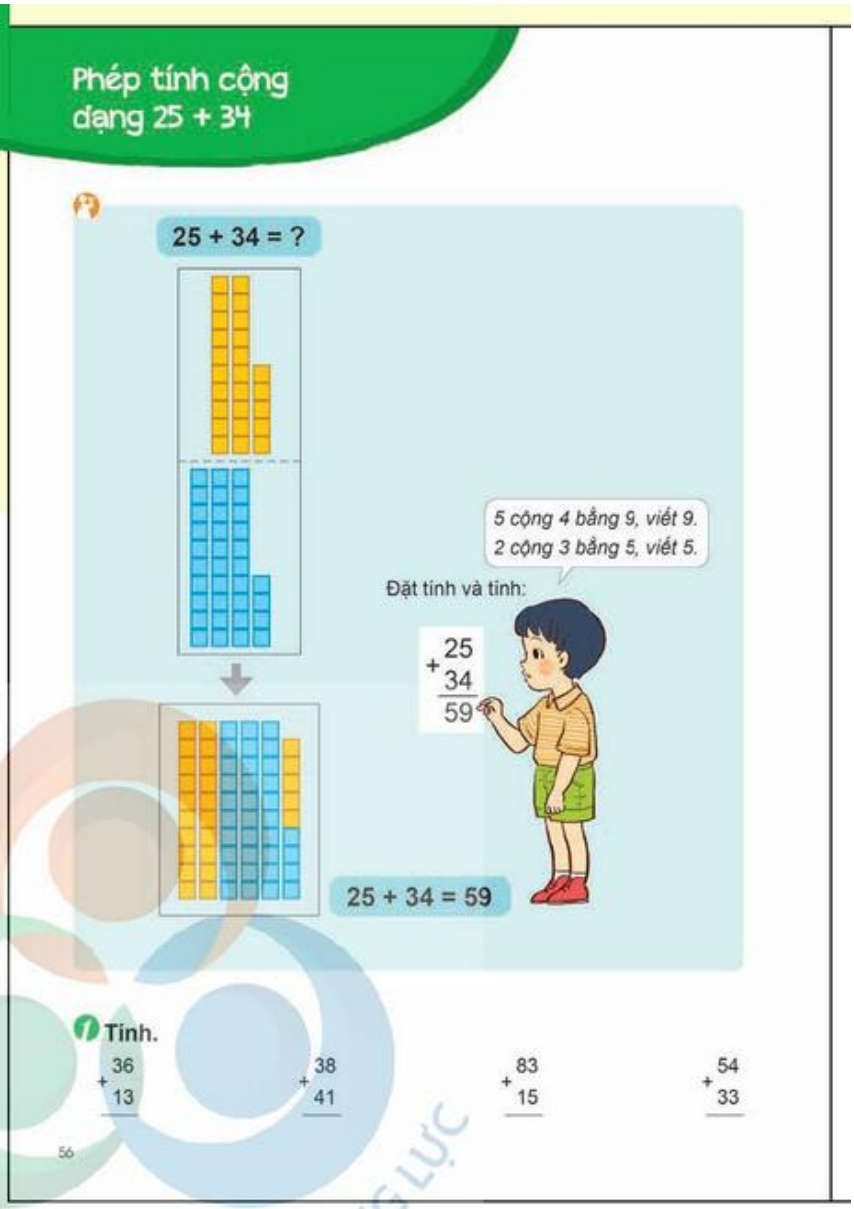

– HS chỉ vào mô hình nói kết quả 25 + 34: **2 chục và 3 chục là 5 chục, 5 và 4 là 9. 5 chục và 9 là 59.** HS viết: 25 + 34 = 59.

2. (Cả lớp) **HS tiếp nhận và hiểu rõ cách đặt tính theo cột dọc.** Các bước:

– HS quan sát mô hình phép cộng 25 + 34 ở khung Khám phá, trả lời câu hỏi: "Vì sao kết quả phép tính cộng 25 + 34 có 5 chục, có 9 đơn vị?". Trả lời đúng: cộng 2 chục của số 25 với 3 chục của số 34 được 5 chục, cộng 5 của số 25 với 4 của số 34 được 9 đơn vị.

– HS tự viết phép tính theo cột. Với HS còn lúng túng, *GV hướng dẫn lại:* vì 5 cộng với 4 nên viết 5 và 4 thẳng cột, vì 2 chục cộng với 3 chục nên viết 2 và 3 thẳng cột. HS viết phép tính theo cột.

– HS vừa viết cộng hai số đơn vị, cộng hai số chục vừa nói như bóng nói. *GV hướng dẫn lại cho HS còn lúng túng, lưu ý HS cộng hai số đơn vị trước.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS thực hành cộng theo cột dọc. Các bước:

timdapan.com

2 Đặt tính rồi tính.

53 + 23 = 67 + 11 = 75 + 24 =

3 Tính.

43 + 32 = ?

35 + 23 = 56 + 31 =

4 Chọn kết quả đúng cho mỗi phép tính.

75 95 59 77

32 + 43 24 + 35 42 + 35 42 + 53

57

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Thông qua mô hình số, hiểu được cách cộng, ví dụ 25 + 34, biết 25 = 20 + 5, 34 = 30 + 4, thực hiện phép tính 25 + 34 như sau: 5 + 4 = 9, 20 + 30 = 50, 50 + 9 = 59.**
- **Thành thạo kĩ thuật đặt tính cộng theo cột dọc.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

– HS tự thực hiện với 2 phép tính đầu, viết vào vở. *GV theo dõi từng HS để biết HS nào đã cộng đúng, hướng dẫn cho HS nào chưa đúng.* Một số HS được chỉ định thực hiện 2 phép tính này trên bảng, sửa cho đến khi được cả lớp xác nhận đã đúng. HS nào sai thì sửa bài *(GV theo dõi HS sửa bài)*.

– HS tự tính lần lượt từng phép tính còn lại cho đến khi hết, viết vào vở. *GV theo dõi từng HS, nhắc nhở HS cộng số đơn vị trước, hướng dẫn lại cho những HS chưa vững.* Một số HS thực hiện trên bảng, GV và các HS khác nhận xét để HS sửa trên bảng cho đến khi đúng hết.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS luyện đặt tính theo cột dọc rồi tính, từ đó khắc sâu cho HS cách cộng hai số có hai chữ số với nhau là **số đơn vị cộng với số đơn vị và số chục cộng với số chục**.

HS tự thực hiện: viết vào vở phép tính theo cột dọc (hai số đơn vị thẳng cột với nhau, hai số chục thẳng cột với nhau) rồi tính. *GV theo dõi và đánh giá từng HS qua sản phẩm học tập này.* Tiếp theo một số HS thực hiện trên bảng, HS làm sai thì sửa bài.

1. **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS vận dụng cách cộng: **số đơn vị cộng với số đơn vị, số chục cộng với số chục** để cộng không cần đặt tính theo cột. Các bước:

– (Cả lớp) HS tự nghĩ cách **tính mà không cần đặt tính** phép tính 43 + 32 mà *GV viết trên bảng*. HS thi đua nêu cách mình đã nghĩ. GV và các HS khác xác nhận cách tính mà đúng là không cần đặt tính (như bóng nói của bạn trai trong tranh của HĐ3). HS có thể làm theo *gợi ý của GV như hình ảnh gợi ý trong HĐ3*.

– (Cá nhân) HS tính theo cách không cần đặt tính lần lượt 2 phép tính còn lại. Một số HS nói cách tính và kết quả trước lớp. GV và các HS khác xác nhận khi đã đúng.

2. **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS vận dụng kĩ năng tính cộng hai số có hai chữ số (đặt tính ra giấy nháp rồi tính hoặc tính nhẩm), tính xong rồi nối với kết quả. HS có thể chỉ cộng nhẩm hai số đơn vị là đã định hướng được nối phép tính với số nào (vì số đơn vị của ba số đã cho đều khác nhau), sau đó cộng nhẩm tiếp hai số chục để khẳng định có nối hay không. Các bước như các HĐ khác.

Có thể tổ chức HĐ này dưới hình thức trò chơi cho vui và nhẹ nhàng.

Kết quả:

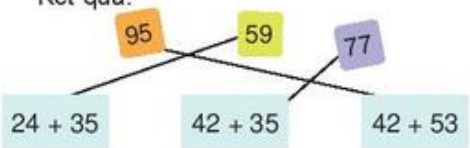

timdapan.com

VẬN DỤNG PHÉP TÍNH CỘNG

MỤC TIÊU

Giải được các bài toán thực tế có tình huống *gộp lại, thêm vào*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Viết phép tính, trả lời câu hỏi. HS lấy các hình dán vào bảng con theo *yêu cầu của GV* và thi đua trả lời nhanh câu hỏi: "Có tất cả bao nhiêu hình?". Ví dụ về các *yêu cầu của GV*:

– Hãy lấy 14 hình vuông, lấy thêm 23 hình vuông nữa.

– Hãy lấy 21 hình vuông và lấy 6 hình tam giác.

GV giới thiệu: Chúng ta đã rất quen với câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?" và đã biết cách tìm câu trả lời. Bài học hôm nay chúng ta sẽ vận dụng các điều này để giải bài toán thực tế có tình huống gộp lại, thêm vào.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cả lớp) **HS làm quen với bài toán mẫu**. Các bước:

– HS đọc bài toán mẫu trong SHS: cá nhân, cả lớp đọc.

– HS thi đua trả lời hai câu hỏi "Ta biết những gì từ bài toán?", "Bài toán yêu cầu ta phải tìm gì?". *GV gợi ý để HS trả lời đủ và rõ từng câu hỏi:* **An có hai loại bi, loại xanh: 12 viên và loại vàng: 15 viên. Bài toán yêu cầu ta phải tìm xem An có tất cả bao nhiêu viên bi hai loại đó.**

– HS tự viết phép tính. *GV theo dõi từng HS, gợi ý cho HS còn lúng túng:* có thể gợi ý bằng hai nhóm hình (12 và 15 hình) hoặc chỉ cho HS xem bóng nghĩ trong bài toán mẫu và gợi ý theo đó. Một số HS viết phép tính trên bảng và giải thích cho đến khi được xác nhận đã đúng (Phép tính: 12 + 15; Giải thích: gộp 12 viên bi xanh và 15 viên bi vàng lại thì có tất cả hai loại bi của An, gộp lại thì viết phép tính cộng).

– HS tính kết quả phép tính cộng 12 + 15. *GV theo dõi xem HS nào đã tính thành thạo* (tính theo cột nhanh và đúng ngay hoặc tính nhẩm), *HS nào tính chưa thạo. GV hướng dẫn HS tính chưa thạo đặt cột dọc rồi tính.*

– HS tự trả lời câu hỏi "An có tất cả bao nhiêu viên bi xanh và vàng?". Một số HS trả lời trước lớp. GV gợi ý để HS có câu trả lời rành mạch (như câu trả lời trong bài toán mẫu).

– HS viết câu trả lời dưới phép tính như mẫu trong bài toán mẫu. *GV hướng dẫn cho HS trước, khi HS viết thì GV theo dõi để giúp HS trình bày ngay ngắn đúng mẫu.* HS có thể đặt tính theo cột để tính ở giấy nháp hoặc trong bài giải như mẫu tuỳ theo yêu cầu cần thiết (ví dụ cần HS thể hiện việc tính phép tính đó).

timdapan.com

2 Nhà An có 17 quả trứng gà. Hôm nay cô của An lại cho 30 quả nữa. Bây giờ nhà An có tất cả bao nhiêu quả trứng gà?

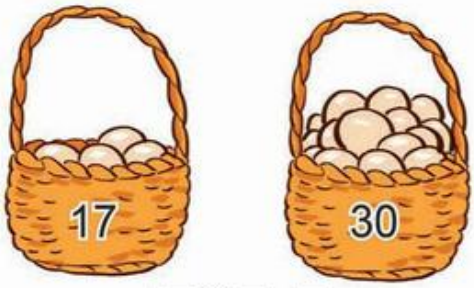

? ? ? = ?

Bây giờ nhà An có tất cả ? quả trứng gà.

3 Mẹ Cúc mua 42 chiếc bánh và được tặng thêm 6 chiếc. Mẹ Cúc có tất cả bao nhiêu chiếc bánh?

? ? ? = ?

Mẹ Cúc có tất cả ? chiếc bánh.

59

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Nhận biết tình huống gộp lại, thêm vào và vấn đề cần giải quyết (câu hỏi) của bài toán.**
- **Chọn đúng phép tính để giải quyết vấn đề (tìm ra kết quả cho việc trả lời câu hỏi), tính ra kết quả và trả lời.**
- **Trình bày rõ, đủ các bước cần thiết: viết phép tính, viết câu trả lời. HS đặt tính theo cột nếu phép tính khó nhẩm ra kết quả.**

– HS nói thứ tự trình bày bài giải. GV có thể gợi ý để HS nói rành mạch: Viết phép tính ở giữa dòng, viết câu trả lời ở dòng dưới.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS thực hành các bước phân tích bài toán để viết được phép tính và trả lời, trình bày bài giải theo gợi ý. Với mỗi bài toán HS thực hiện hai bước:

– Đọc kĩ đề bài, nói rõ **đã biết những gì từ bài toán và bài toán yêu cầu phải tìm gì.**

– HS nhận ra câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?" là phải **tìm số lượng gộp lại của hai nhóm vật nào**, từ đó viết phép tính cộng.

Kết quả đúng:

25 + 34 = 59

Trong tủ kính có tất cả 59 chiếc ô tô.

3. **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS thực hành giải và tự viết trình bày bài giải. *GV đánh giá từng HS về kĩ năng giải quyết vấn đề đạt được mức nào. GV tiếp tục hướng dẫn thêm cho các HS chưa vững.* Các bước như các HĐ khác.

Kết quả đúng:

17 + 30 = 47

Bây giờ nhà An có tất cả 47 quả trứng gà.

4. **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. Tương tự như HĐ2.

42 + 6 = 48

Mẹ Cúc có tất cả 48 chiếc bánh.

timdapan.com

PHÉP TÍNH TRỪ DẠNG 65 – 34

MỤC TIÊU

Biết cách trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số (không nhớ).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Thi tính nhanh. HS lấy các thanh chục và hình vuông lẻ xếp vào bảng con theo yêu cầu của GV và thi đua trả lời nhanh câu hỏi: "Bớt đi … hình thì còn lại … hình ?". Ví dụ về các yêu cầu của GV:

– Lấy 34 hình vuông, bớt đi 3 hình.
– Lấy 36 hình vuông, bớt đi 20 hình.
– Hãy lấy 47 hình vuông, bớt đi 23 hình.

GV giới thiệu: Chúng ta đã biết các cách tính phép tính trừ dạng 27 – 4 (trừ số có hai chữ số với số có một chữ số, không nhớ) và dạng 49 – 20 (trừ số có hai chữ số với số tròn chục, không nhớ). Bài học hôm nay chúng ta sẽ biết cách tính phép tính trừ hai số có hai chữ số với nhau.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

1. (Cá nhân) **HS tìm kết quả phép tính 65 – 34 bằng mô hình hình vuông.** Các bước:

– HS lấy các thanh chục và hình vuông lẻ dán vào bảng con thể hiện số 65, đọc cấu tạo số: 65 gồm 6 chục và 5 đơn vị. *GV làm như vậy trên bảng.*
– HS thể hiện việc trừ 65 – 34: di chuyển 34 hình tách ra khỏi 65 hình. *GV gợi ý để HS bớt đi 3 chục từ 6 chục, bớt đi 4 hình vuông từ 5 hình vuông. GV làm như vậy trên bảng* (theo mẫu khung Khám phá trong SHS).
– HS chỉ vào các hình còn lại nói kết quả 65 – 34: **6 chục trừ đi 3 chục còn 3 chục, 5 trừ đi 4 còn 1. 3 chục và 1 là 31.** HS viết: 65 – 34 = 31.

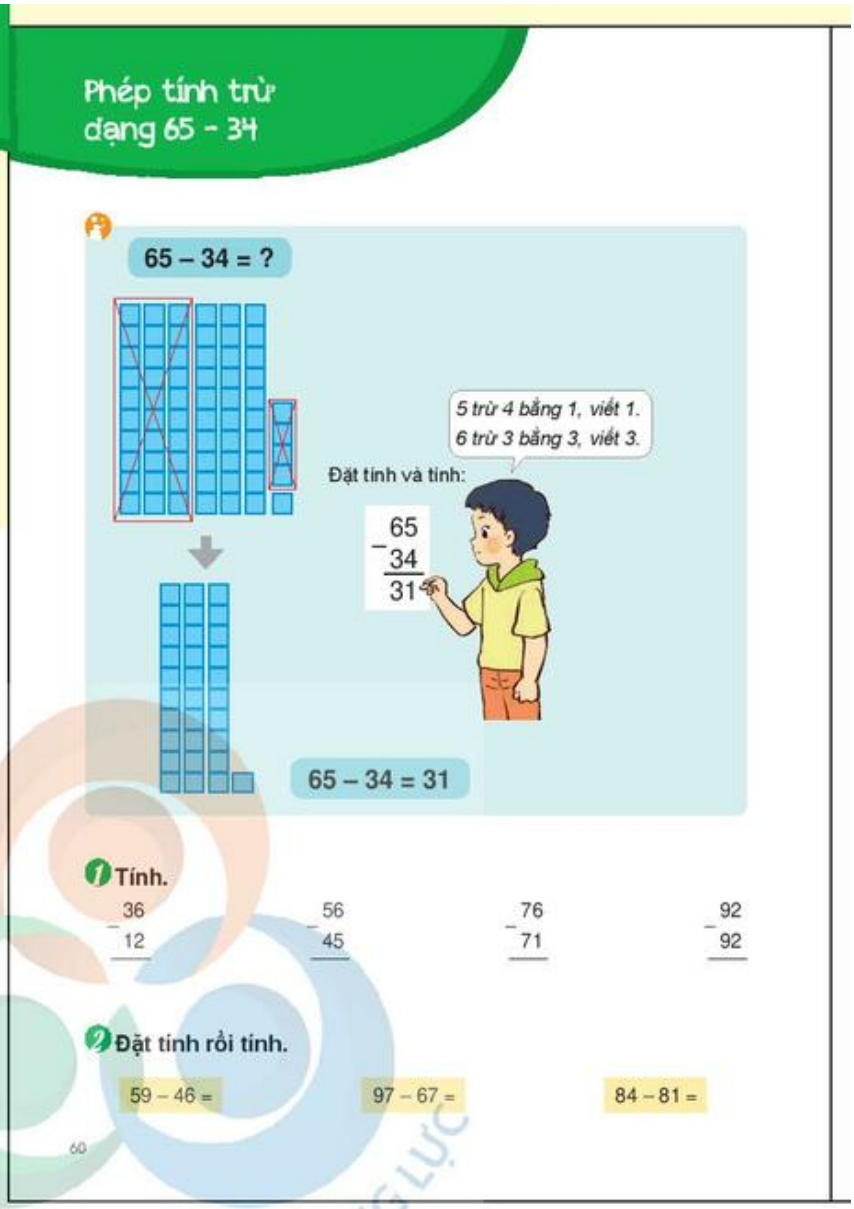

2. (Cả lớp) **HS tiếp nhận và hiểu rõ cách đặt tính theo cột dọc.** Các bước:

– HS quan sát mô hình phép tính trừ 65 – 34 ở khung Khám phá, trả lời câu hỏi: "Vì sao kết quả phép tính trừ 65 – 34 có 3 chục, có 1 đơn vị?". Trả lời đúng: lấy 6 chục của số 65 trừ đi 3 chục của số 34 được 3 chục, lấy 5 của số 65 trừ đi 4 của số 34 được 1 đơn vị.
– HS tự viết phép tính theo cột. Với HS còn lúng túng, *GV hướng dẫn lại:* vì 5 trừ đi 4 nên viết 5 và 4 thẳng cột, vì 6 chục trừ đi 3 chục nên viết 6 và 3 thẳng cột. HS viết phép tính theo cột.
– HS vừa viết trừ số đơn vị, trừ số chục vừa nói như bóng nói. *GV hướng dẫn lại cho HS còn lúng túng, lưu ý HS trừ số đơn vị trước.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho

timdapan.com

3 Tính.

56 – 24 = ?

6 trừ 4 bằng 2.
5 chục trừ 2 chục bằng 3 chục.
3 chục và 2 đơn vị là 32.
Vậy 56 – 24 = 32.

37 – 24 = 78 – 32 =

4 Chọn kết quả đúng cho mỗi phép tính.

22 51 15 32

45 – 23 47 – 32 74 – 23 75 – 43

61

HS thực hành trừ theo cột dọc. Các bước:

– HS tự thực hiện với 2 phép tính đầu, viết vào vở. *GV theo dõi từng HS để biết HS nào đã trừ đúng, hướng dẫn cho HS nào chưa đúng.* Một số HS được chỉ định thực hiện 2 phép tính này trên bảng, sửa cho đến khi được cả lớp xác nhận đã đúng. HS nào sai thì sửa bài *(GV theo dõi HS sửa bài)*.

– HS tự tính lần lượt từng phép tính còn lại cho đến khi hết, viết vào vở. *GV theo dõi từng HS, nhắc nhở HS trừ số đơn vị trước, hướng dẫn lại cho những HS chưa vững.* Một số HS thực hiện trên bảng, GV và các HS khác nhận xét để HS sửa trên bảng cho đến khi đúng hết.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS luyện đặt tính theo cột dọc rồi tính, từ đó khắc sâu cho HS cách trừ hai số có hai chữ số với nhau là **số đơn vị trừ đi số đơn vị và số chục trừ đi số chục.**

HS tự thực hiện: viết phép tính theo cột dọc (hai số đơn vị thẳng cột với nhau, hai số chục thẳng cột với nhau) rồi tính, viết vào vở. *GV theo dõi và đánh giá từng HS qua sản phẩm học tập* này. Tiếp theo một số HS thực hiện trên bảng, HS làm sai thì sửa bài.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Thông qua mô hình số, hiểu được cách trừ, ví dụ 65 – 34, biết 65 = 60 + 5, 34 = 30 + 4, thực hiện phép tính 65 – 34 như sau: 60 – 30 = 30, 5 – 4 = 1, 30 + 1 = 31.**
- **Thành thạo kĩ thuật đặt tính trừ theo cột dọc.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS vận dụng cách trừ: **số đơn vị trừ đi số đơn vị, số chục trừ đi số chục** để trừ không cần đặt tính theo cột. Các bước:

– (Cả lớp) HS tự nghĩ cách **tính mà không cần đặt tính** phép tính 56 – 24 mà *GV viết trên bảng*. HS thi đua nêu cách mình đã nghĩ. GV và các HS khác xác nhận cách tính mà đúng là không cần đặt tính (như bóng nói của bạn gái trong tranh của HĐ3). HS có thể làm theo *gợi ý của GV như hình ảnh gợi ý trong HĐ3*.

– (Cá nhân) HS tính lần lượt 2 phép tính còn lại. Một số HS nói cách tính và kết quả trước lớp. GV và các HS khác xác nhận khi đã đúng.

2. **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS vận dụng kĩ năng tính trừ hai số có hai chữ số: đặt tính ra giấy nháp rồi tính hoặc tính nhẩm số đơn vị, số chục, tính xong rồi nối với kết quả. HS có thể chỉ trừ nhẩm số đơn vị đã định hướng được nối phép tính với số nào (vì số đơn vị của ba số đã cho đều khác nhau), sau đó trừ nhẩm tiếp số chục để khẳng định có nối hay không. Các bước như các HĐ khác.

Có thể tổ chức HĐ này dưới hình thức trò chơi cho vui và nhẹ nhàng.

Kết quả:

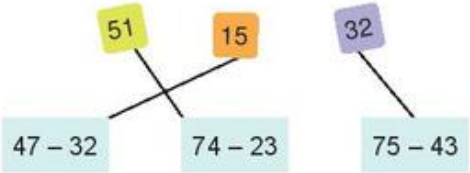

timdapan.com

VẬN DỤNG PHÉP TÍNH TRỪ

MỤC TIÊU

Giải được các bài toán thực tế có tình huống *bớt đi.*

Vận dụng phép tính trừ

Cúc có 28 miếng dán hình trái tim. Cúc cho Mai 13 miếng.
Cúc còn bao nhiêu miếng dán hình trái tim?

28 – 13 = 15

Cúc còn 15 miếng dán hình trái tim.

Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.

1 Lớp Mai có 84 quyển vở. Cô giáo đã phát thưởng 30 quyển cho các bạn có nhiều tiến bộ.
Lớp Mai còn bao nhiêu quyển vở?

? ? ? = ?

Lớp Mai còn ? quyển vở.

62

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Viết phép tính, trả lời câu hỏi. HS lấy các hình vuông dán vào bảng con theo *yêu cầu của GV* và thi đua trả lời nhanh câu hỏi: "Còn lại bao nhiêu hình?". Ví dụ về các *yêu cầu của GV*:

– Lấy 34 hình vuông, bớt đi 23 hình.
– Lấy 27 hình vuông, bớt đi 6 hình.

GV giới thiệu: Chúng ta đã rất quen với câu hỏi "Còn lại bao nhiêu?" và đã biết cách tìm câu trả lời. Bài học hôm nay chúng ta sẽ vận dụng các điều này để giải bài toán thực tế có tình huống bớt đi.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cả lớp) **HS làm quen với bài toán mẫu.** Các bước:

– HS đọc bài toán mẫu trong SHS: cá nhân, cả lớp đọc.
– HS thi đua trả lời hai câu hỏi "Ta biết những gì từ bài toán?", "Bài toán yêu cầu ta phải tìm gì?". *GV gợi ý để HS trả lời đủ và rõ từng câu hỏi:* **Cúc có 28 miếng dán hình, bớt ra 13 miếng để cho Mai. Bài toán yêu cầu ta phải tìm xem Cúc còn lại bao nhiêu miếng dán hình.**
– HS tự viết phép tính. *GV theo dõi từng HS, gợi ý cho HS còn lúng túng:* có thể gợi ý bằng hai nhóm hình (13 và 15 hình) hoặc chỉ cho HS xem bóng nghĩ trong bài toán mẫu và gợi ý theo đó. Một số HS tính phép tính trên bảng và giải thích cho đến khi được xác nhận đã đúng (Phép tính: 28 – 13; Giải thích: lấy 28 miếng dán hình của Cúc có lúc đầu bớt đi 13 miếng cho Mai thì được số miếng còn lại của Cúc).
– HS tính kết quả phép tính trừ 28 – 13. *GV theo dõi xem HS nào đã tính thành thạo* (tính theo cột nhanh và đúng ngay hoặc tính nhẩm), *HS nào tính chưa thạo. GV hướng dẫn HS tính chưa thạo đặt cột dọc rồi tính.*
– HS tự trả lời câu hỏi "Cúc còn lại bao nhiêu miếng dán hình?". Một số HS trả lời trước lớp. GV gợi ý để HS có câu trả lời rành mạch (như câu trả lời trong bài toán mẫu).
– HS viết câu trả lời dưới phép tính như mẫu bài toán mẫu. *GV hướng dẫn cho HS trước, khi HS viết thì GV theo dõi để giúp HS trình bày ngay ngắn đúng mẫu.* HS có thể đặt tính theo cột để tính ở giấy nháp hoặc trong bài giải như mẫu tuỳ theo yêu cầu cần thiết (ví dụ cần HS thể hiện việc tính phép tính đó).

timdapan.com

2 Mai biết dàn đồng ca của Khối lớp một có 42 bạn. Mai đếm thấy có 22 bạn trai. Dàn đồng ca của Khối lớp một có bao nhiêu bạn gái?

? ? ? = ?

Dàn đồng ca của Khối lớp một có ? bạn gái.

3 Lớp Mai có 28 học sinh. Sáng nay, cả lớp đi tham quan. Lúc Mai đến, thấy có 5 bạn đã đến. Còn bao nhiêu bạn chưa đến?

? ? ? = ?

Còn ? bạn chưa đến.

63

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Nhận biết tình huống bớt đi và vấn đề cần giải quyết (câu hỏi) của bài toán.**
- **Chọn đúng phép tính để giải quyết vấn đề (tìm ra kết quả cho việc trả lời câu hỏi), tính ra kết quả và trả lời.**
- **Trình bày rõ, đủ các bước cần thiết: viết phép tính, viết câu trả lời. HS đặt tính theo cột nếu phép tính khó nhẩm ra kết quả.**

– HS nói thứ tự trình bày bài giải. GV có thể gợi ý để HS nói rành mạch: Viết phép tính ở giữa dòng, viết câu trả lời ở dòng dưới.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS thực hành các bước phân tích bài toán để viết được phép tính và trả lời trình bày bài giải theo gợi ý. Với mỗi bài toán HS thực hiện hai bước:

– Đọc kĩ đề bài, nói rõ **đã biết những gì từ bài toán và bài toán yêu cầu phải tìm gì**.

– HS nhận ra câu hỏi "Còn lại bao nhiêu?" là phải **tìm số lượng còn lại của nhóm vật nào sau khi đã bớt đi một số lượng nào**, từ đó viết phép tính trừ.

Kết quả đúng:

84 – 30 = 54

Lớp Mai còn 54 quyển vở.

3. **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS thực hành giải và tự viết trình bày cách giải. *GV đánh giá từng HS về kĩ năng giải quyết vấn đề đạt được mức nào. GV tiếp tục hướng dẫn thêm cho các HS chưa vững*. Các bước như các HĐ khác.

Kết quả đúng:

42 – 22 = 20

Dàn đồng ca của khối lớp một có 20 bạn gái.

4. **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. Tương tự như HĐ2.

Kết quả đúng:

28 – 6 = 22

(28 – 5 – 1 = 22)

Còn 22 bạn chưa đến.

timdapan.com

ÔN TẬP 10

MỤC TIÊU

- **Cộng, trừ thành thạo 2 số trong phạm vi 100 (không nhớ).**
- **Hiểu ý nghĩa phép cộng, phép trừ thông qua những tình huống thực tế.**
- **Giải thành thạo bài toán thực tế vận dụng phép tính cộng / trừ với những tình huống gộp lại, thêm vào, bớt đi.**

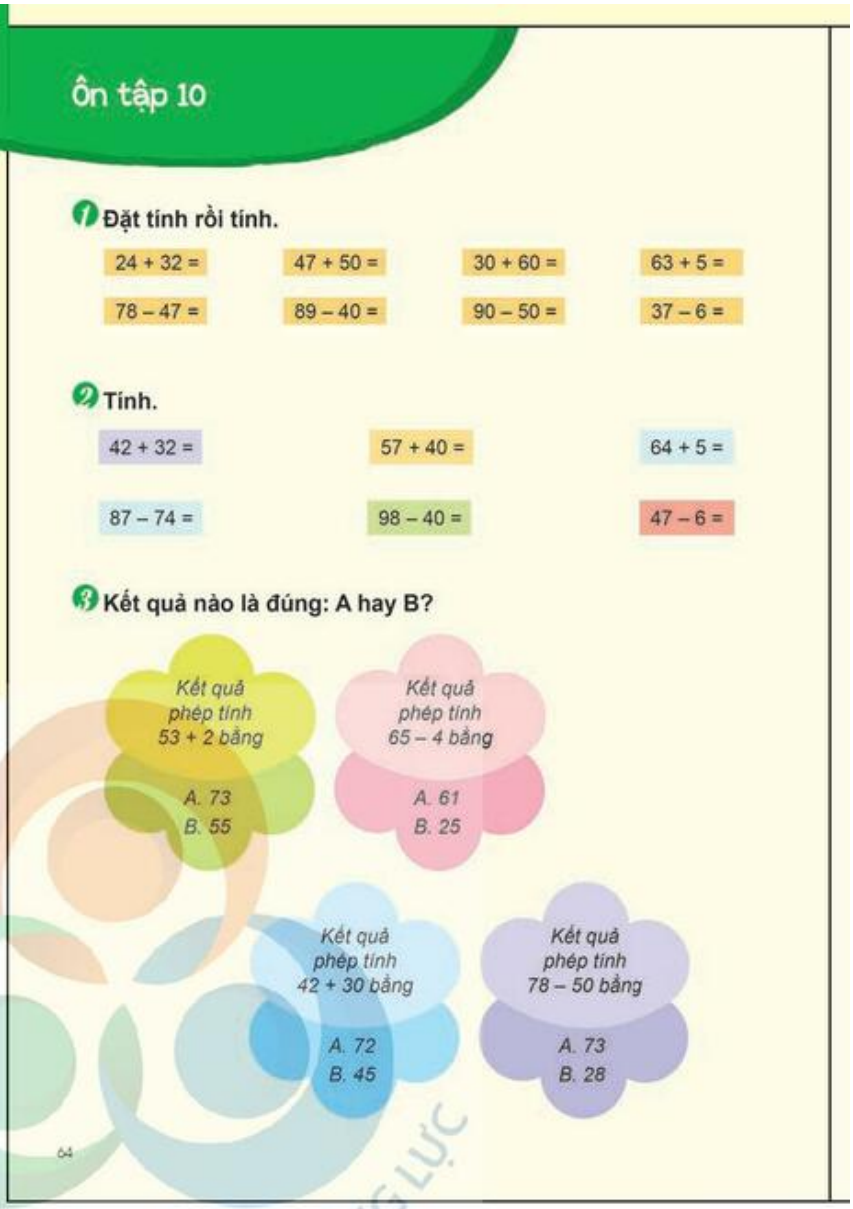

Ôn tập 10

1 **Đặt tính rồi tính.**

24 + 32 =	47 + 50 =	30 + 60 =	63 + 5 =
78 – 47 =	89 – 40 =	90 – 50 =	37 – 6 =

2 **Tính.**

42 + 32 =	57 + 40 =	64 + 5 =
87 – 74 =	98 – 40 =	47 – 6 =

3 **Kết quả nào là đúng: A hay B?**

Kết quả phép tính 53 + 2 bằng
A. 73
B. 55

Kết quả phép tính 65 – 4 bằng
A. 61
B. 25

Kết quả phép tính 42 + 30 bằng
A. 72
B. 45

Kết quả phép tính 78 – 50 bằng
A. 73
B. 28

64

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Chơi tìm bạn. *Chuẩn bị:* **12 bạn chơi và 12 thẻ gồm: 6 thẻ phép tính** (các dạng: cộng, trừ hai số tròn chục; cộng, trừ số có hai chữ số với số có một chữ số; cộng, trừ số có hai chữ số với số có hai chữ số); **6 thẻ số** tương ứng là kết quả của 6 phép tính trên 6 thẻ phép tính. *Cách chơi:* Mỗi bạn chơi nhận một thẻ, xem nội dung trên thẻ, nhằm để nhớ nội dung đó. Bạn có thẻ phép tính và bạn có thẻ số là kết quả tương ứng phải tìm thấy nhau để kết thành đôi bạn. Khi có hiệu lệnh thì người chơi thực hiện, các hiệu lệnh lần lượt là: *Đứng thành vòng tròn! Giơ thẻ lên cao cho bạn nhìn thấy số hoặc phép tính! Tìm bạn!*

Đôi bạn nào tìm thấy nhau trước là đôi bạn chiến thắng.

GV nhận xét về những bạn chơi: ai cộng, trừ đúng, nhanh,...

GV giới thiệu: Chúng ta đã biết tính cộng, trừ các số trong phạm vi 100 (không nhớ). Hôm nay chúng ta sẽ ôn luyện để làm tính nhanh và chắc chắn hơn, có thể làm được nhiều việc, chẳng hạn tham gia trò chơi như vừa rồi tốt hơn.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS ôn luyện cách đặt tính theo cột, cũng là để HS khắc sâu nguyên tắc chung về cộng, trừ: **cộng / trừ các số đơn vị với nhau, cộng / trừ các số chục với nhau.**

   HS tự thực hiện, viết vào vở. *GV theo dõi để đánh giá kĩ năng về đặt tính theo cột, cộng, trừ của mỗi HS. GV cũng chú ý giúp HS chưa chắc chắn để theo kịp mức độ chung của các HS trong lớp.*

   Một số HS thực hiện trên bảng cho đến khi đúng. Sau khi HS cả lớp đã hoàn thiện bài làm của mình, GV gợi ý để HS chốt nguyên tắc chung như đã nêu ở trên.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS luyện kĩ năng tính cộng, trừ dựa trên nguyên tắc chung: **cộng / trừ các số đơn vị với nhau, cộng / trừ các số chục với nhau.**

   HS tự thực hiện, viết kết quả vào trong vở. *GV theo dõi để đánh giá kĩ năng tính của mỗi HS. GV cũng chú ý giúp HS chưa chắc chắn để theo kịp mức độ chung của các HS trong lớp.*

   Một số HS nói trước lớp việc tính từng phép tính cho đến khi đúng, ví dụ với phép tính 42 + 32: cộng 2 với 2 bằng 4, cộng 4 chục với 3 chục bằng 7 chục, 42 + 32 = 74.

timdapan.com

4 **Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.**

Mai chơi nhảy dây, lần đầu nhảy được 45 cái, lần thứ hai nhảy được 52 cái. Cả hai lần Mai nhảy được bao nhiêu cái?

? ? ? = ?

Cả hai lần Mai nhảy được ? cái.

BẠN CÓ BIẾT

Đàn piano có từ rất lâu. Lúc đầu đàn có ít phím thôi. Đến nay đàn đã được cải tiến nhiều. Cây đàn piano chuẩn hiện nay có tất cả 88 phím, trong đó có 36 phím đen, còn lại là phím trắng.

Bạn hãy tính xem có bao nhiêu phím trắng nhé!

65

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Thành thạo việc đặt phép tính cộng / trừ theo cột dọc và tính đúng. HS phải tính từ phải sang trái: tính số đơn vị trước, tính số chục sau (để thuận tiện sau này cộng / trừ có nhớ).**
- **Từ việc hiểu cách tính: cộng / trừ số đơn vị với nhau, số chục với nhau, HS có thể tính nhẩm.**
- **Giải thành thạo bài toán thực tế vận dụng phép tính cộng / trừ với những tình huống gộp lại, thêm vào, bớt đi: nhận ra tình huống, chọn đúng phép tính theo câu hỏi, tính đúng và viết đúng câu trả lời.**

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. Các phép tính ở HĐ này có một số mà số chục hoặc số đơn vị bằng 0, nếu HS không tập trung hoặc không vững nguyên tắc **cộng / trừ các số đơn vị với nhau, cộng / trừ các số chục với nhau** thì rất dễ cộng / trừ nhầm số chục với số đơn vị dẫn đến chọn kết quả sai. *Đó là một cảnh báo cho HS những sai lầm dễ mắc phải, cũng là để cho HS thể hiện mức độ thành thạo và tính cẩn thận mà GV cần biết rõ về mỗi HS của mình từ đó giúp HS tiến bộ hơn. HĐ này cũng nhằm cho HS luyện cách thực hiện trắc nghiệm:* **dựa trên một đặc điểm cần phải có để loại trừ các phương án sai, kiểm nghiệm phương án có thể chọn xem có thật đúng hay không rồi mới chọn.** Ví dụ với phép tính 53 + 2, cộng số đơn vị với nhau: 3 + 2 = 5 thì loại ngay kết quả 73 vì số đơn vị là 3 khác với 5, kiểm nghiệm với kết quả có thể chọn là 55 thì thấy đúng vì cộng số chục: 5 + 0 = 5, vậy khoanh vào B. Các bước:

– (Cả lớp) HS tự suy nghĩ rồi cả lớp thảo luận chung cách chọn kết quả. GV gợi ý để HS biết cách trắc nghiệm như đã nói ở trên.

– (Cá nhân) HS thực hành trắc nghiệm đúng cách với các phép tính còn lại.

Kết quả đúng:

4. **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS ôn luyện kĩ năng giải quyết vấn đề. Các bước:

– HS thực hiện hai bước như đã hướng dẫn ở các bài trước để tìm được phép tính. *GV yêu cầu HS nói từng bước đó.*

– HS viết bài giải vào vở. *GV theo dõi đánh giá từng HS về kĩ năng viết bài giải toán.*

Kết quả đúng:

45 + 52 = 97

Cả hai lần Mai nhảy được 97 cái.

BẠN CÓ BIẾT: HĐ này vừa là một cơ hội cho HS áp dụng các kĩ năng đã có (tính toán, giải toán) vừa cung cấp thông tin, kiến thức khác cho HS thêm hiểu biết. HS thi đua nêu cách tìm số phím trắng và kết quả tìm được (52 phím trắng).

timdapan.com

Ôn tập chung

MỤC TIÊU

- **HS thành thạo đọc, viết các số đến 100.**
- **HS thành thạo so sánh và sắp thứ tự các số trong phạm vi 100.**
- **HS thành thạo việc nhận ra giá trị mỗi chữ số trong một số có hai chữ số.**
- **Thực hiện các phép tính cộng và trừ bằng cách đặt tính theo cột hoặc không cần đặt tính theo cột.**
- **Thành thạo việc giải bài toán thực tế vận dụng phép tính cộng / trừ với những tình huống gộp lại, thêm vào, bớt đi.**

ÔN TẬP CHUNG

BẠN ĐÃ HỌC

- Các số đến 100; mỗi số có hai chữ số gồm số chục và số đơn vị.
- So sánh và sắp thứ tự các số trong phạm vi 100.
- Cách tính các phép tính cộng dạng: 30 + 40, 23 + 4, 49 + 20, 25 + 34; cách tính các phép tính trừ dạng: 70 – 20, 27 – 4, 49 – 20, 65 – 34.
- Viết phép tính để trả lời câu hỏi: "Có tất cả bao nhiêu?", "Còn lại bao nhiêu?".

1 Đếm rồi nêu số.

a.

Có [?] chục và [?] chiếc kẹo.

Có [?] chiếc kẹo mút.

b.

Có [?] chục và [?] quả.

Có [?] quả thanh long.

c.

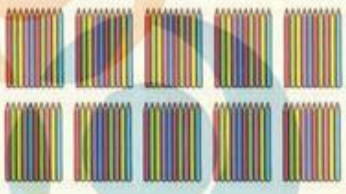

Có [?] chục và [?] chiếc bút.

Có [?] chiếc bút chì.

66

TIẾT 1: Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Trả lời nhanh. 1) **Có bao nhiêu?** *GV đưa ra vật thật hoặc hình ảnh của từng nhóm đồ vật rồi yêu cầu HS trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu ... (tên đồ vật)?".* Ví dụ: 3 hộp phấn (mỗi hộp 10 viên) và 3 viên lẻ; một nắm bút (có 26 chiếc bút).

GV giới thiệu: Chúng ta đã học về các số đến 100 và đã biết so sánh các số đó. Hôm nay chúng ta sẽ luyện tập về tất cả các điều đó để vận dụng trong cuộc sống hằng ngày và trong học tập được tốt hơn.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS luyện tập lại việc xác định số lượng một nhóm vật. Đến thời điểm này chỉ đếm đến 10 tạo thành một chục, sau đó đếm các chục, HS phải nhận biết và viết được số lượng khi đã đếm được số chục cùng với số đơn vị. Các bước như các HĐ luyện tập thông thường với định hướng như trên. Kết quả đúng:

a. Có [5] chục và [7] chiếc kẹo.

Có [57] chiếc kẹo mút.

b. Có [3] chục và [3] quả.

Có [33] quả thanh long.

c. Có [10] chục và [0] chiếc bút.

Có [100] chiếc bút chì.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS luyện thứ tự đếm. HS quan sát những số đã cho của mỗi dãy số để nhận ra phải đếm tiếp hay đếm lùi.

– Ví dụ: với dãy số 16, 17, 18, [?], [?], [?] thì biết là đếm tiếp: 19, 20, 21.

– Ví dụ: với dãy số 76, 75, 74, [?], [?], [?] thì biết là đếm lùi: 73, 72, 71.

timdapan.com

2 Nêu ba số tiếp theo.

a. 16, 17, 18, ?, ?, ? b. 93, 94, 95, ?, ?, ?

c. 100, 99, 98, ?, ?, ? d. 76, 75, 74, ?, ?, ?

3 Chọn > hoặc <.

9 ? 11 87 ? 81 100 ? 60

17 ? 70 45 ? 54 99 ? 100

4 Tổng kết cuối tuần:

Tổ 1 có 38 ★ Tổ 2 có 40 ★ Tổ 3 có 34 ★ Tổ 4 có 43 ★

Tổ nào có nhiều ngôi sao nhất? Tổ nào có ít ngôi sao nhất?

5 Minh, An, Dũng và Bình chơi tâng cầu. Kết quả là:
Minh tâng được 13 lần,
An tâng được 15 lần,
Dũng tâng được 18 lần,
Bình tâng được 20 lần.

Sắp xếp số lần tâng cầu của các bạn từ nhiều nhất đến ít nhất

?, ?, ?, ?

67

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **HS thành thạo việc đếm đến 100 vật (biết số lượng vật có bao nhiêu chục và bao nhiêu đơn vị) rồi viết kết quả, đọc kết quả đếm, trả lời câu hỏi "Có bao nhiêu?".**
- **HS thành thạo việc so sánh và sắp thứ tự các số trong phạm vi 100, sử dụng dấu <, > để biểu thị kết quả so sánh, trả lời các câu hỏi "Nhóm nào có nhiều / ít vật hơn?", "Số lượng vật của nhóm nào lớn / bé hơn?", "Các nhóm vật nào có số lượng bằng nhau?", sắp thứ tự một nhóm số đúng theo yêu cầu *từ bé đến lớn* hoặc *từ lớn đến bé*.**
- **Tính thành thạo các phép tính cộng / trừ không nhớ trong phạm vi 100: có thể đặt cột dọc để tính, có thể tính nhẩm hoặc đếm tiếp / đếm lùi tuỳ tình hình từng đối tượng học sinh.**
- **Giải thành thạo bài toán thực tế vận dụng phép tính cộng / trừ với những tình huống gộp lại, thêm vào, bớt đi: nhận ra tình huống, chọn đúng phép tính theo câu hỏi, tính đúng và viết đúng câu trả lời.**

Với HĐ này thì HS cũng được ôn lại thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé của các số trong phạm vi 100. Các bước như các HĐ thông thường khác.

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS ôn luyện, nâng cao kĩ năng so sánh các số trong phạm vi 100, sử dụng đúng dấu < , >. Có các cách so sánh: Sử dụng **thứ tự các số đếm** (cũng là thứ tự từ bé đến lớn); Với hai số có hai chữ số thì **so sánh số chục, rồi so sánh số đơn vị; số có một chữ số bé hơn số có hai chữ số; Số 100 lớn hơn tất cả các số có một chữ số và hai chữ số.** Các bước: HS tự thực hiện rồi trình bày cách so sánh cùng kết quả trước lớp. *GV gợi ý để HS nói rành rọt cách mà HS đã sử dụng.* Kết quả đúng:

9 < 11 87 > 81 100 > 60

17 < 70 45 < 54 99 < 100

4. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ4 và HĐ5 trong SHS.** Hai HĐ này để HS sắp thứ tự **từ bé đến lớn / từ lớn đến bé** một nhóm số. Sắp thứ tự từ lớn đến bé thì có thể sắp từ bé đến lớn rồi viết ngược lại, hoặc tìm số lớn nhất viết trước, tìm số lớn nhất trong các số còn lại để viết tiếp,... đó chính là thứ tự từ nhiều nhất đến ít nhất. Các bước: HS tự thực hiện rồi trình bày cách so sánh cùng kết quả trước lớp. *GV gợi ý để HS nói rõ cách HS đã sử dụng.* Kết quả đúng:

HĐ4

Tổ 4 có nhiều ngôi sao nhất; Tổ 3 có ít ngôi sao nhất.

HĐ5

Sắp xếp số lần tâng cầu của các bạn từ nhiều nhất đến ít nhất

20, 18, 15, 13.

timdapan.com

TIẾT 2: Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Trả lời nhanh. 2) **Có tất cả bao nhiêu?** GV nói tình huống gộp/thêm rồi yêu cầu HS trả lời câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu ... (tên đồ vật)?". Ví dụ: "Tuấn và Mai cùng nhau góp vở để tặng cho bạn vùng cao. Tuấn góp 12 quyển, Mai góp 13 quyển. Cả hai bạn góp tất cả bao nhiêu quyển vở tặng bạn vùng cao?".

3) **Còn lại bao nhiêu?** GV nói tình huống bớt đi rồi yêu cầu HS trả lời câu hỏi "Còn lại bao nhiêu ...(tên đồ vật)?". Ví dụ: Khay trứng mẹ mua có 30 quả. Hôm nay mẹ lấy 10 quả để làm bánh. Khay trứng đó còn bao nhiêu quả?"

GV giới thiệu: Chúng ta đã học cộng, trừ các số trong phạm vi 100 (không nhớ), biết tìm kết quả phép tính cộng, phép tính trừ như ở trên. Hôm nay chúng ta sẽ luyện tập về tất cả các điều đó để vận dụng trong cuộc sống hằng ngày và trong học tập được tốt hơn.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

5. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ6 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS ôn luyện kĩ năng cộng, trừ các số trong phạm vi 100 (không nhớ). HS có thể đặt tính theo cột rồi tính hoặc tính mà không cần đặt tính. Các bước như các HĐ khác. GV gợi ý để HS nói lại cả hai cách tính, nhưng phải nói được nguyên tắc là cộng số đơn vị với số đơn vị, cộng số chục với số chục. Kết quả đúng:

a. 45 + 14 = 59 | 53 + 30 = 83 | 64 + 3 = 67

b. 84 – 54 = 30 | 97 – 60 = 37 | 39 – 7 = 32

6. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ7 trong SHS.** HĐ này cho HS luyện giải quyết vấn đề có tình huống gộp lại hoặc bớt đi. HS tự thực hiện theo ba bước, viết vào vở. Sau đó những HS được chỉ định trình bày trước lớp. GV gợi ý để HS nói rõ được: tình huống gộp lại và câu hỏi "Có tất cả bao nhiêu?" ở phần **a**; tình huống bớt đi (chỗ trống) và câu hỏi "Còn lại bao nhiêu (chỗ đã có người, tương ứng là hành khách)?" ở phần **b**.

Kết quả đúng:

a. [26] (+) [32] = [58]

Cả hai bộ có [58] khối hình.

b. [48] (–) [5] = [43]

Trên xe đã có [43] hành khách.

7. **HS thực hiện THỬ SỨC trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS thực hiện liên tiếp ba phép tính cộng, trừ. Thực ra nội dung của HĐ này không khó, GV thử sức HS ở việc yêu cầu HS tính thật nhanh.

Kết quả đúng:

95 —(– 24)→ 71 —(+ 28)→ 99 —(+ 1)→ 100

6 Tính.

a. 45 + 14 = | 53 + 30 = | 64 + 3 =

b. 84 – 54 = | 97 – 60 = | 39 – 7 =

7 Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.

a. Cúc và Hoa đều mang bộ xếp hình đi để chơi chung. Bộ của Cúc có 26 khối hình, bộ của Hoa có 32 khối hình. Cả hai bộ có bao nhiêu khối hình?

[?] (?) [?] = [?]

Cả hai bộ có [?] khối hình.

b. Minh cùng mẹ đi xe buýt. Mẹ bảo xe này có 48 chỗ ngồi. Lúc lên xe, Minh đếm thấy còn 5 chỗ trống. Trên xe đã có bao nhiêu hành khách?

[?] (?) [?] = [?]

Trên xe đã có [?] hành khách.

THỬ SỨC

Tính nhẩm để biết số nào trong mỗi ô trống.

95 —(– 24)→ ☐ —(+ 28)→ ☐ —(+ 1)→ ☐

68

timdapan.com

G Độ dài. Thời gian

Thời gian: Học kì 2; Tuần 30 - 33; Số tiết 11.

CHỦ ĐỀ BÀI ÔN TẬP	NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
CHỦ ĐỀ 11. Độ dài	1. NL giải quyết vấn đề: nhận biết những vấn đề thực tiễn về độ dài, thời gian, cách giải quyết vấn đề,... 2. NL sử dụng công cụ, phương tiện toán học: biết chọn đơn vị đo độ dài, biết xem đồng hồ nói giờ đúng,... 3. NL giao tiếp toán học: biết nói kết quả đo độ dài; biết nói thời điểm diễn ra sự việc; biết nói kế hoạch học tập và sinh hoạt trong ngày, trong tuần,... 4. NL tư duy và suy luận toán học: biết hai chuỗi hạt cùng được xâu bằng một loại hạt, chuỗi nào có nhiều hạt hơn thì chuỗi ấy dài hơn; biết rằng khi xếp các khối lập phương cùng loại thành hai chồng, chồng nào có nhiều khối hơn thì cao hơn,...	– Nhận biết được vật này dài hơn / ngắn hơn vật kia. – Biết đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét. Biết thước thẳng với đơn vị đo cm để đo độ dài. Đọc, viết được số đo độ dài đến 100 cm. – Thực hiện được việc đo và ước lượng độ dài theo đơn vị tự quy ước. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan tới đo độ dài.
CHỦ ĐỀ 12. Thời gian		– Nhận biết mỗi tuần lễ có 7 ngày và tên gọi, thứ tự các ngày trong tuần. Xác định được thứ, ngày trong tuần khi xem lịch. – Đọc được giờ đúng trên đồng hồ. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến giờ, xem giờ, xem lịch.
Ôn tập chung		Thông qua các bài ôn tập, kiểm tra xem HS có khả năng: – Nhận biết được vật này dài hơn / ngắn hơn, cao hơn / thấp hơn vật kia. – Biết đo độ dài một vật bằng đơn vị tự chọn thích hợp. – Thành thạo đọc giờ đúng, xem được ngày trong tuần. – Nói được lịch học tập, sinh hoạt trong ngày, trong tuần.

timdapan.com

Trong quá trình học phần này, HS sẽ được trải nghiệm:

- Với 2 vật, sắp đặt để nhận biết vật này dài hơn hay ngắn hơn vật kia, cao hơn hay thấp hơn vật kia.
- Với một nhóm không quá 4 vật, sắp xếp các vật theo thứ tự từ ngắn nhất đến dài nhất, hoặc từ thấp nhất đến cao nhất. Áp dụng điều đó trong việc xếp hàng.
- Chọn đơn vị đo thích hợp để đo độ dài những vật xung quanh. Ví dụ: dùng gang tay đo xem bàn học dài bao nhiêu, rộng bao nhiêu; dùng sải tay đo độ dài cái bảng; dùng bước chân đo độ rộng của sân trường; dùng thước thẳng đo độ dài hộp bút,...
- Đọc, xem đồng hồ. Nói thời gian đến giờ đúng. Mô tả những sự kiện đơn giản theo thời gian trong ngày, trong tuần. Ví dụ: nói giờ vào lớp, giờ ra chơi, giờ ăn trưa,...; nói ngày có tiết học Toán, Tiếng Việt, ngày sinh nhật bạn,...

CHỦ ĐỀ 11
ĐỘ DÀI

Thời gian: Học kì 2; Tuần 30 - 31; Số tiết 5.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Bài 1. Dài hơn, ngắn hơn (1 tiết)	Hình thành ý niệm về "dài hơn" và "ngắn hơn", "cao hơn" và "thấp hơn" thông qua các hình ảnh thực tế.	– Biết đặt hai vật để biết vật này dài hơn hay ngắn hơn; cao hơn hay thấp hơn vật kia. Biết nói kết quả. – Vận dụng: biết một vật có thể đặt được vào ngăn tủ, chiếc hộp,...hay không; Chân có đi vừa giày hay không,...	– SHS, Bài 1. – VBT, Bài 1. – Sách mềm - VBT, Bài 1. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 1.	– SGV, Bài 1. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 1.
Bài 2. Dài bao nhiêu (1 tiết)	Đo độ dài / độ cao một vật / người bằng đơn vị đo tự quy ước.	– Biết cách đo và xác định độ dài / độ cao của một vật bằng đơn vị tự quy ước như gang tay, bước chân,... Nói được kết quả dài / cao khoảng bao nhiêu. – Biết chọn đơn vị đo thích hợp để đo những vật thể ở xung quanh, như: bàn học, bảng,...	– SHS, Bài 2. – VBT, Bài 2. – Sách mềm - VBT, Bài 2. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 2. – ĐDHT: que tính, khối hình,...	– SGV, Bài 2. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 2. – ĐDDT.

timdapan.com

Bài 3. Xăng-ti-mét (1 tiết)	– Nhận biết xăng-ti-mét là một đơn vị đo độ dài, được viết tắt là cm. – Thực hiện đo độ dài / độ cao bằng thước thẳng với đơn vị đo cm.	– Biết cách đo độ dài/độ cao của một vật bằng thước thẳng có chia vạch cm. – Biết đọc và viết độ dài/độ cao một vật bằng đơn vị đo cm.	– SHS, Bài 3. – VBT, Bài 3. – Sách mềm-VBT, Bài 3. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 3. – Thước thẳng.	– SGV, Bài 3. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 3. – ĐDDT.
Bài 4. Thực hành đo độ dài (2 tiết)	Thực hành đo độ dài, độ cao, độ rộng một vật / người bằng đơn vị đo tự quy ước hoặc xăng-ti-mét.	– Biết lựa chọn dụng cụ đo phù hợp. – Biết các bước đo. – Biết nói kết quả đo theo đơn vị đo: bằng… đơn vị, hơn… đơn vị, gần bằng… đơn vị.	– SHS, Bài 4. – VBT, Bài 4. – Sách mềm - VBT, Bài 4. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 4. – Thước thẳng.	– SGV, Bài 4. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 4. – ĐDDT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

timdapan.com

DÀI HƠN, NGẮN HƠN

MỤC TIÊU

HS cảm nhận được về "dài hơn" và "ngắn hơn", "cao hơn" và "thấp hơn".

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Dài hơn, ngắn hơn.

Cao hơn, thấp hơn.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Tóc ai dài hơn? HS quan sát hai bạn gái mà *GV chỉ định đứng trước lớp* và trả lời câu hỏi "Tóc của bạn nào dài hơn?". Hai bạn mà GV chỉ định là có tóc dài, ngắn hơn nhau rõ rệt.

Ai cao hơn? HS quan sát hai bạn mà *GV chỉ định đứng trước lớp* và trả lời câu hỏi "Bạn nào cao hơn?". Hai bạn mà GV chỉ định là cao, thấp hơn nhau rõ rệt.

GV khen những HS trả lời đúng.

GV giới thiệu: Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ được học nhận biết vật này dài hơn hoặc ngắn hơn vật kia, vật hay người này cao hoặc thấp hơn vật hay người kia.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. (Cả lớp) **Tìm hiểu nội dung của tranh Khám phá**. Các bước:

– HS quan sát rồi thi đua nói nội dung tranh. *GV gợi ý để HS nói đúng trọng tâm:* Hai bạn gái chơi ở vườn hoa, mỗi bạn có một quả bóng bay.

– HS trả lời câu hỏi: "Bóng bay của ai bay cao hơn?", "Dây bóng của bạn nào dài hơn?". Trả lời đúng: "Bóng của bạn áo kẻ bay cao hơn", "Dây bóng của bạn áo kẻ dài hơn"

2. **Nhận biết cách đặt hai vật và cảm nhận vật này dài hay ngắn hơn vật kia. Nói câu kết luận.** Các bước:

– HS tự trả lời câu hỏi: "Vì sao em biết dây bóng của bạn áo kẻ dài hơn?".

– HS theo dõi *GV giới thiệu*: **Dây xanh dài hơn dây vàng** bằng hình ảnh ở mục Khám phá. *GV gợi ý để HS chú ý cách đặt hai sợi dây có một đầu ngang bằng nhau (nên dóng thước để thể hiện đầu hai sợi dây cùng xuất phát từ mép thước), quan sát đầu kia của hai sợi dây.*

– HS tập nói kết luận vật này dài hơn vật kia và ngược lại, vật kia ngắn hơn vật này.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS nhận ra và nói câu kết luận vật này dài hơn vật kia và ngược lại: vật kia ngắn hơn vật này. Các bước:

– HS tự quan sát tranh từng cặp vật và nói câu kết luận. *GV theo dõi, nghe từng HS tự nói kết luận, yêu cầu HS giải thích tại sao kết luận được như vậy. GV có thể phải hướng dẫn lại*

timdapan.com

2 Nói cao hơn hoặc thấp hơn.

3 Trả lời câu hỏi.

a. Chiếc thước gỗ này có xếp được vào trong hộp không?

b. Chân có đi vừa giày không?

c. Quyển sách này có dựng được vào trong ngăn không?

71

cho một số HS nếu HS đó chưa chú ý đến cách đặt hai vật có một đầu ngang nhau.

– Một số HS được chỉ định nói hai câu kết luận của mỗi cặp vật. Kết luận đúng: Chiếc bút lông dài hơn chiếc bút chì; Chiếc bút chì ngắn hơn chiếc bút lông. Chiếc bàn chải xanh dài hơn chiếc bàn chải hồng; Chiếc bàn chải hồng ngắn hơn chiếc bàn chải xanh. Chiếc kéo xanh dài hơn chiếc kéo đỏ; Chiếc kéo đỏ ngắn hơn chiếc kéo xanh. Chiếc chìa khoá vàng dài hơn chiếc chìa khoá xanh; Chiếc chìa khoá xanh ngắn hơn chiếc chìa khoá vàng.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS**. HĐ này cho HS nhận ra và nói câu kết luận vật/con vật này cao hơn vật/con vật kia và ngược lại: vật/con vật kia thấp hơn vật/con vật này. Các bước tương tự như HĐ1. Kết luận đúng: Chiếc ghế xanh cao hơn chiếc ghế hồng; Chiếc ghế hồng thấp hơn chiếc ghế xanh. Chiếc lọ hồng cao hơn chiếc lọ xanh; Chiếc lọ xanh thấp hơn chiếc lọ hồng. Chiếc bánh tròn thấp hơn chiếc bánh vuông; Chiếc bánh vuông cao hơn chiếc bánh tròn. Con cò thấp hơn con chim đà điểu; Con chim đà điểu cao hơn con cò.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Biết đặt các vật / người để nhận biết vật này "dài hơn" hay "ngắn hơn" vật kia; vật/người này "cao hơn" hay "thấp hơn" vật/người kia.**
- **Biết kết luận một vật dài/ ngắn hơn so với vật khác; một vật/người cao/ thấp hơn so với vật/người khác.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS**. HĐ này nhằm cho HS nhận ra cặp vật thường dùng với nhau, vật nào dài/cao hơn vật kia hoặc ngược lại. HS vận dụng kinh nghiệm trong cuộc sống và suy luận để trả lời câu hỏi gắn với mỗi cặp vật. Các bước như các HĐ khác. Khi theo dõi HS tự trả lời *GV yêu cầu HS giải thích tại sao trả lời như vậy*. Trả lời đúng: Chiếc thước gỗ này không xếp được vào trong hộp (Vì thước dài hơn hộp). Chân không đi vừa giày (Vì chân dài hơn giày). Quyển sách này không dựng được vào trong ngăn (Vì quyển sách cao hơn ngăn).
2. (Cá nhân) **HS nói "dài hơn", "ngắn hơn", "cao hơn", "thấp hơn" với từng cặp vật có trong lớp học, với từng cặp bạn, với hai cây trong tranh Khám phá, với tóc của hai bạn trong tranh Khám phá, với váy của hai bạn trong tranh Khám phá, ...** Ở HĐ này HS phải tự chọn từ "dài" hay "cao", "ngắn" hay "thấp" theo kinh nghiệm từ thực tế cuộc sống. Qua HĐ này HS được cảm nhận kĩ hơn khi nào thì nói "cao" mà không nói "dài", ...

timdapan.com

DÀI BAO NHIÊU

MỤC TIÊU

Biết cách xác định độ dài của một vật bằng đơn vị đo tự quy ước.

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Dài bao nhiêu? Rộng bao nhiêu?

Dài bao nhiêu

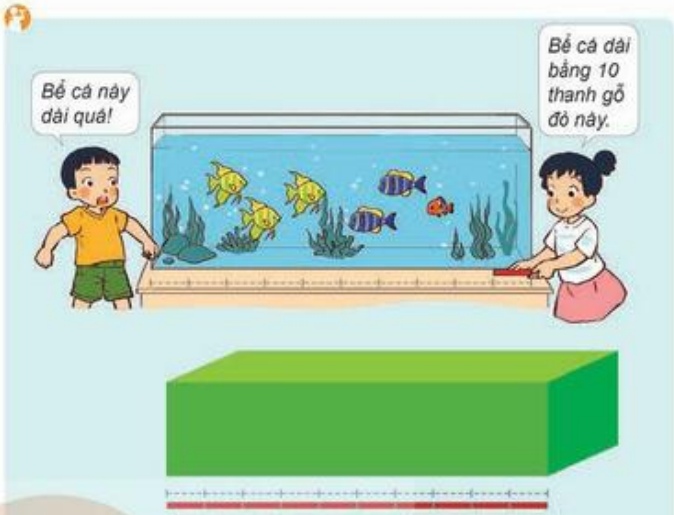

Khối hộp chữ nhật xanh dài bằng 10 thanh gỗ đỏ.

Nhìn hình và trả lời câu hỏi.

a. Chiếc bàn dài bằng bao nhiêu chiếc bút lông?

b. Từ cửa sổ đến góc tường rộng khoảng bao nhiêu sải tay của bạn Hồng?

72

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Xếp được bao nhiêu hình vuông theo hàng ngang vào bảng con thì vừa hết bảng? HS hoặc cặp đôi HS lấy các hình vuông (thường dùng để xếp mô hình số) trong bộ đồ dùng học toán. HS xếp các hình vuông đó sát nhau vào bảng theo hàng ngang, sát mép trên hoặc sát mép dưới. HS đếm số hình vuông đã xếp vào bảng và thi đua nói kết quả "Đã xếp được ... hình vuông theo hàng ngang vào bảng".

GV khen những HS xếp đúng, trả lời đúng.

GV giới thiệu: Kết quả các em vừa nói có thể nói là chiếc bảng dài bằng ... (số lượng hình vuông xếp vào bảng) hình vuông. Trong bài học hôm nay chúng ta làm quen với việc đo để biết một vật dài bằng bao nhiêu vật khác.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. (Cả lớp) **Tìm hiểu nội dung của tranh ở mục Khám phá, làm quen với việc đo.** Các bước:

– HS quan sát rồi thi đua nói nội dung tranh. *GV gợi ý để HS nói đúng trọng tâm:* Bạn gái đã xếp thanh gỗ đỏ cạnh bể cá và đánh dấu vết của thanh gỗ, cuối cùng thấy bể cá dài bằng 10 thanh gỗ đỏ.

– HS theo dõi *GV giới thiệu*: Bạn gái xếp thanh gỗ đỏ như vậy là bạn đã ***đo*** để biết ***bể cá dài bằng bao nhiêu thanh gỗ đỏ.***

2. **Nhận biết khối hộp chữ nhật xanh dài bằng bao nhiêu thanh gỗ đỏ.** Các bước:

– HS quan sát tranh thể hiện đo xem khối hộp chữ nhật dài bằng bao nhiêu thanh gỗ đỏ trong mục Khám phá, tự trả lời câu hỏi: "Khối hộp chữ nhật xanh dài bằng bao nhiêu thanh gỗ đỏ?".

– Một số HS trả lời trước lớp, *GV yêu cầu HS kiểm tra lại xem kết quả có đúng như vậy không. GV hướng dẫn và gợi ý rằng: Hai vật được đặt một đầu ngang nhau mà đầu kia cũng ngang nhau thì khi đó nói hai vật dài bằng nhau (vật này dài bằng vật kia); Hãy tưởng tượng 10 thanh gỗ đỏ nối lại thành một vật mới thì khối hộp chữ nhật xanh có dài bằng vật mới này không?*

– HS tự kiểm tra kết luận **Khối hộp chữ nhật xanh dài bằng 10 thanh gỗ đỏ.** Một số HS được chỉ định trình bày trước lớp việc kiểm tra đó.

timdapan.com

c. Một cánh cửa sổ rộng khoảng bao nhiêu gang tay của bạn Hải?

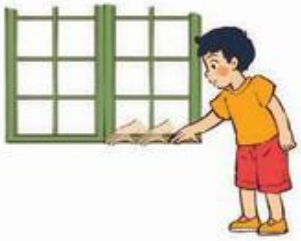

2 Trả lời câu hỏi.

a. Đoàn tàu nào dài hơn?

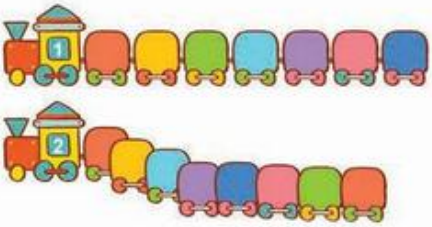

b. Chuỗi hạt nào dài hơn?

c. Nếu xếp các khối lập phương cùng màu chồng lên nhau thành cột thì cột màu nào cao hơn?

73

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Đo và xác định độ dài/độ cao của một vật bằng đơn vị tự quy ước như gang tay, sải tay, bút lông,... Nói được kết quả "dài/cao" khoảng bao nhiêu.**
- **Liên hệ thực tế: những vật nào được đo bằng gang tay, sải tay, ...**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS nhận ra một vật dài hoặc rộng bằng bao nhiêu vật kia theo yêu cầu kèm theo tranh. Với HĐ này HS được làm quen thuật ngữ **rộng, rộng bao nhiêu?** Các bước:

   Với phần a, b và c: Ba phần này tương tự nhau ở chỗ có vết đặt của vật này lên vật kia.

a. HS tự kiểm tra xem **vết đặt của bút lông trên bàn có nối nhau liên tiếp không, tưởng tượng các vết đặt của bút lông nối lại thành một vật mới thì chiếc bàn có dài bằng vật mới này không.** *GV có thể phải gợi ý lại các việc kiểm tra này.* Một số HS trình bày trước lớp việc kiểm tra này.

– HS nói kết quả. Nói đúng: Chiếc bàn dài bằng 3 chiếc bút lông.

b. Từ góc tường đến cửa sổ rộng bằng khoảng 2 sải tay của bạn Hồng.

c. Một cánh cửa sổ rộng bằng khoảng 3 gang tay của Hải.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS vận dụng việc xác định **một vật bằng bao nhiêu vật khác** để biết trong hai vật cùng được quy về số lượng vật khác thì vật nào dài hoặc cao hơn. Các bước như các HĐ khác, *GV có thể gợi ý cho HS:*

a. Hai đoàn tàu đều có đầu tàu như nhau, các toa như nhau. Đoàn tàu số 1 có 7 toa, đoàn tàu số 2 có 8 toa. (Với thông tin đó HS dễ dàng nhận ra đoàn tàu số 2 dài hơn).

b. Tương tự như hai đoàn tàu, vì hai chuỗi hạt đều có các hạt như nhau. Chuỗi màu đỏ có 16 hạt, chuỗi màu vàng có 15 hạt. (Chuỗi hạt màu đỏ dài hơn).

c. Các khối lập phương vàng và đỏ to như nhau. Cột màu vàng có 7 khối lập phương, cột màu đỏ có 8 khối lập phương. (Cột màu đỏ cao hơn).

timdapan.com

Xăng-ti-mét

MỤC TIÊU

Biết xăng-ti-mét là một đơn vị đo độ dài, xăng-ti-mét được kí hiệu là cm.

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Xăng-ti-mét.

Xăng-ti-mét

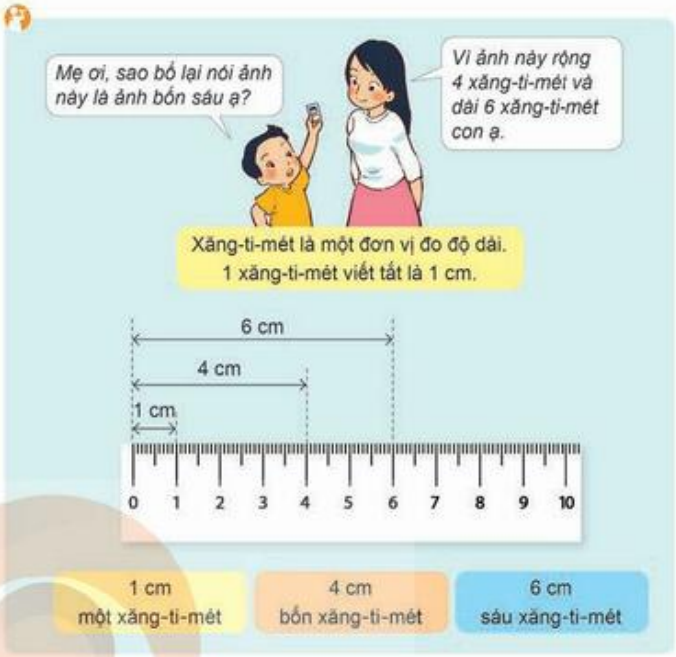

Mỗi vật sau dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Chiếc tẩy dài ? cm.

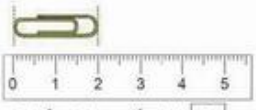

Chiếc ghim giấy dài ? cm.

74

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Ai biết? HS lấy thước thẳng (có vạch xăng-ti-mét) giơ lên. HS trả lời câu hỏi "Ai biết các vạch có các số 0, 1, 2, ... để chỉ gì?"

GV khen những HS trả lời đúng.

GV giới thiệu: Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ được biết đo xem một vật bằng bao nhiêu xăng-ti-mét.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung. ***GV chuẩn bị thêm một số ảnh có kích thước 3 × 4, 4 × 6, ...***

1. (Cả lớp) **Tìm hiểu nội dung của tranh ở mục Khám phá.** Các bước:

– HS quan sát rồi thi đua nói nội dung tranh. *GV gợi ý để HS nói đúng trọng tâm:* Một bạn hỏi mẹ "Sao bố lại nói ảnh này là ảnh bốn sáu?", mẹ giải thích "Vì ảnh này rộng 4 xăng-ti-mét và dài 6 xăng-ti-mét".

– HS xem một tấm ảnh 4 × 6 mà GV đã chuẩn bị, nghe GV giới thiệu: Đây là một tấm ảnh 4 x 6, nó rộng (GV chỉ theo chiều rộng) 4 xăng-ti-mét và dài (GV chỉ theo chiều dài) 6 xăng-ti-mét.

2. (Cả lớp) **Nhận biết 1 xăng-ti-mét, 4 xăng-ti-mét, 6 xăng-ti-mét, ... trên thước thẳng có vạch xăng-ti-mét. Nhận biết kí hiệu xăng-ti-mét là cm.** Các bước:

– HS quan sát thước thẳng trong mục Khám phá, theo dõi GV chỉ trên thước thẳng và giới thiệu: Đoạn mép thước từ vạch 0 đến vạch 1 dài 1 xăng-ti-mét.

– HS theo dõi tay GV chỉ trên thước thẳng, nghe và trả lời câu hỏi. Các câu hỏi lần lượt là:

+ "Đoạn mép thước từ vạch 1 đến vạch 2 có dài 1 xăng-ti-mét không?", "Đoạn mép thước từ vạch 2 đến vạch 3 có dài 1 xăng-ti-mét không?", ...

+ "Đoạn mép thước từ vạch 0 đến vạch 4 dài bao nhiêu xăng-ti-mét?", "Đoạn mép thước từ vạch 0 đến vạch 6 dài bao nhiêu xăng-ti-mét?".

– HS theo dõi tay GV chỉ trên các chữ viết trong mục Khám phá, trả lời câu hỏi: "Em hiểu cách viết 1 cm là gì? 4 cm là gì?, 6 cm là gì?". *GV giới thiệu:* ***Xăng-ti-mét được viết là cm*** *khi viết cùng với số. Xăng-ti-mét là một đơn vị đo độ dài, được dùng phổ biến trên toàn thế giới.*

timdapan.com

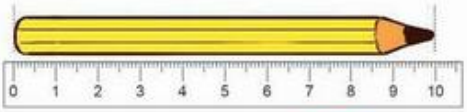

Chiếc bút chì vàng dài ? cm.

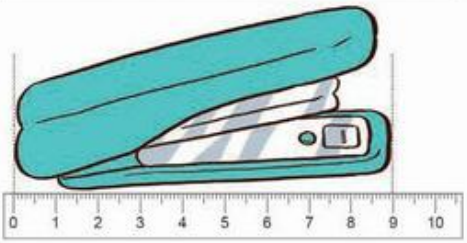

Cái dập ghim dài ? cm.

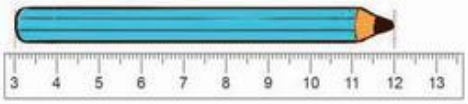

Chiếc bút chì xanh dài ? cm.

2 Bức tranh dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

75

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Biết dùng thước thẳng có chia vạch cm để đo độ dài / độ cao của một vật. Nói được kết quả dài / cao (đúng / khoảng) bao nhiêu xăng-ti-mét.**
- **Biết đọc và viết độ dài / độ cao một vật bằng đơn vị đo xăng-ti-mét.**
- **Liên hệ thực tế: những vật nào cần được đo bằng xăng-ti-mét.**

GV đặt thước đo chiều dài, chiều rộng những tấm ảnh đã chuẩn bị cho HS xem và yêu cầu HS: nói "Tấm ảnh này dài/ rộng… xăng-ti-mét", viết: …cm.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS **nhận biết, viết và đọc được kết quả đo độ dài** từng vật khi nhìn vào thước thẳng đang đặt đo độ dài vật đó.

Bốn trường hợp đầu đều đặt thước đo vật **bắt đầu từ vạch 0 nên HS nhìn vào vạch cuối để nhận biết kết quả đo.** Trường hợp đo chiếc bút chì xanh đặt **thước bắt đầu từ số 3 nên HS dễ mắc sai lầm: xác định kết quả đo là 12 cm.** Các bước:

– HS tự quan sát tranh thước đo mỗi vật lần lượt từ trên xuống dưới, tự viết kết quả vào vở và đọc kết quả đo. *GV theo sát từng HS, nhắc nhở HS (ví dụ: viết là **4 cm** và đọc là **bốn xăng-ti-mét**) nếu HS chưa làm đúng. GV đánh giá HS về nhận biết kết quả đo qua sản phẩm học tập này.*

– Một số HS thực hiện trên bảng 4 trường hợp đầu. HS khác và GV xác nhận khi HS trên bảng đã viết và đọc đúng. Kết quả đúng: Chiếc tẩy dài 4 cm. Chiếc ghim giấy dài 2 cm. Chiếc bút chì vàng dài 10 cm. Cái dập ghim dài 9 cm.

– 2 HS được GV chỉ định thực hiện trên bảng trường hợp đo chiếc bút chì xanh (khi theo dõi HS tự thực hiện GV đã biết trong 2 HS này: 1 HS đã xác định đúng kết quả, HS kia sai). HS khác nhận xét ai đúng, giải thích. *GV xác nhận kết quả đúng* (Chiếc bút chì xanh dài 9 cm) và *hướng dẫn HS kiểm nghiệm: **đếm trên thước từ vạch 3 đến vạch 12 xem có bao nhiêu xăng-ti-mét.** GV phân loại HS về mức độ hiểu việc đo, xác nhận kết quả đo qua sản phẩm học tập này.*

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này cho HS tiếp tục luyện tập xác định kết quả đo độ dài. Với HĐ này, một lần nữa HS được biết một vật hình chữ nhật có hai kích thước cùng được đo là dài và rộng. Các bước:

– HS tự xác định kết quả đo rồi trả lời câu hỏi. *GV theo sát từng HS để xem HS nhìn vào thước đo nào để nhận biết bức tranh dài bao nhiêu xăng-ti-mét, HS xác định độ dài của bức tranh có đúng không,* gợi ý để HS xác định đúng.

– HS được chỉ định trả lời câu hỏi trước lớp. Trả lời đúng: Bức tranh dài 20 xăng-ti-mét.

timdapan.com

Thực hành đo độ dài

MỤC TIÊU

Thực hành đo độ dài, độ cao hoặc độ rộng của các đối tượng bằng thước thẳng có chia vạch xăng-ti-mét, bằng đơn vị tự quy ước.

Thực hành đo độ dài

1 Bạn nào đặt thước đúng, bạn nào đặt thước sai khi đo?

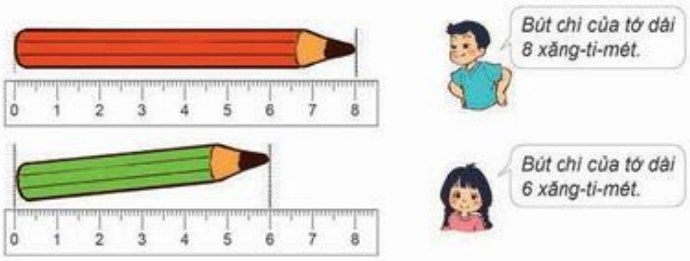

2 Bạn nào nói đúng, bạn nào nói sai kết quả đo?

3 Đo rồi nêu kết quả.

76

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Bạn thấy câu nói nào không hợp? HS lắng nghe GV nói từng câu có từ "dài", "cao", "ngắn", "thấp", "rộng". Sau khi nghe mỗi câu, HS thấy không hợp thì giơ tay. Ví dụ một số câu nói không hợp:

– Chiếc bút chì này rộng 12 xăng-ti-mét.
– Quyển sách này cao 17 xăng-ti-mét.
– Bạn Hải ngắn hơn bạn Dũng.

GV khen những HS phát hiện được nhiều nhất những câu nói không hợp.

GV giới thiệu: Chúng ta đã quan sát người ta đo để nhận biết vật được đo dài bao nhiêu. Hôm nay chúng ta sẽ được tự đo xem một vật dài hoặc rộng hoặc cao bao nhiêu.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Tiết 1

1. (Cả lớp) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này là một chú ý để HS biết đặt thước đúng khi thực hành đo độ dài. *GV yêu cầu mỗi HS chuẩn bị thước thẳng có vạch xăng-ti-mét và một chiếc bút chì.* Các bước:

– HS quan sát hai hình ảnh đo độ dài chiếc bút chì bằng thước thẳng có vạch xăng-ti-mét, tự cảm nhận cách đặt thước đo nào đúng, cách nào sai và nêu cảm nhận đó trước lớp (thường thì HS sẽ nhận ra cách đo đúng).

– HS đặt thước đo chiếc bút chì lần lượt: theo cách đặt thước đo thẳng dọc theo thân bút chì và theo cách đặt lệch nghiêng so với thân bút chì; viết kết quả đo theo từng cách đặt thước. *GV giúp HS thực hiện việc đo để kết quả phản ánh rõ cách đặt thước lệch cho kết quả đo không chính xác* (kết quả đo sẽ bị hụt đi so với cách đặt thước dọc theo thân bút). Từ đó HS biết rằng khi đo phải đặt thước thẳng dọc theo chiều cần đo của vật.

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này là để nhắc HS chú ý trước khi xác định kết quả đo thì phải xem đặt thước đo bắt đầu từ vạch nào (0, 1, 2, ...). Các bước:

– HS tự quan sát hình ảnh đo từng vật, tự trả lời câu hỏi. *GV theo sát để xem HS nào trả lời sai thì gợi ý hoặc hướng dẫn HS đó nhận ra sai do chưa chú ý tới đặt thước bắt đầu từ vạch nào, yêu cầu HS xác định lại kết quả đo để trả lời.*

– Một số HS được chỉ định trả lời các câu hỏi trước lớp.

Trả lời đúng: Bạn gái nói sai kết quả vì đặt thước đo bắt đầu từ vạch 1 mà từ vạch 1 đến vạch 5 dài 4 cm. GV chốt điều cần chú ý trước khi xác định kết quả là: ***Nếu đặt thước***

timdapan.com

? cm.

? cm.

Hãy nói mỗi hộp cao bao nhiêu.

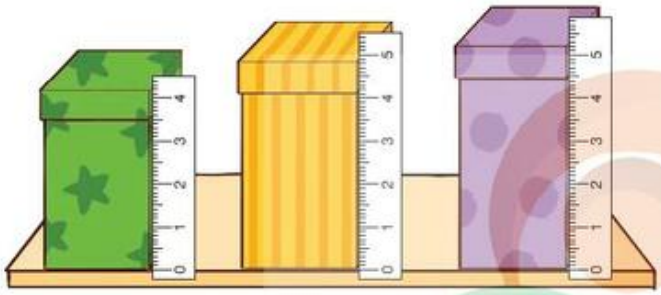

Chiếc hộp xanh cao hơn 4 cm.

Chiếc hộp vàng cao gần 5 cm.

Chiếc hộp tím cao ? 5 cm.

77

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Biết các bước dùng "vật đơn vị" để đo độ dài: bắt đầu từ đâu, đặt liên tiếp vật đơn vị thẳng dọc theo vật cần đo, kết thúc ở đâu? Nói kết quả khi đo đúng, đo thừa, thiếu.**
- **Đo xem mỗi vật dài hoặc cao bao nhiêu xăng-ti-mét. Nói được kết quả đúng, thừa (hơn), thiếu (gần bằng).**
- **Đo xem một bức tranh, tấm ảnh, bàn học, phòng học, ... dài bao nhiêu, rộng bao nhiêu xăng-ti-mét, bao nhiêu gang tay, bao nhiêu bước chân,... Nói kết quả.**

đo bắt đầu từ vạch 0 thì kết quả là số ở vạch kết thúc; Nếu đặt thước đo không bắt đầu từ vạch 0 thì phải đếm (hoặc tính) từ vạch bắt đầu đến vạch kết thúc dài bao nhiêu xăng-ti-mét.

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** Với HĐ này HS được dùng thước thẳng có vạch xăng-ti-mét tự tay đo xem mỗi tấm ảnh dài bao nhiêu, rộng bao nhiêu xăng-ti-mét rồi xác định kết quả đo. Khi thực hành đo và xác định kết quả đo HS phải luôn nhớ hai chú ý đã rút ra từ HĐ1 và HĐ2 để kết quả đo đúng. Các bước:

– HS tự đo và xác định kết quả đo tấm ảnh đầu tiên, viết kết quả vào vở. *GV theo sát từng HS để biết tình hình. Khi hầu hết HS đã thực hiện xong với tấm ảnh đầu tiên, GV chỉ định HS lần lượt trình bày trước lớp cách đo tấm ảnh và kết quả: HS đo chưa chuẩn trình bày trước để cả lớp nhận xét, HS làm tốt trình bày tiếp theo, qua đó tất cả HS rút kinh nghiệm để đo các tấm ảnh sau chuẩn, nhanh, cho kết quả đúng ngay.* Cách đo chuẩn: **Đặt thước đo bắt đầu từ vạch 0, thẳng dọc theo sát mép dài (hoặc rộng) của ảnh; nhìn số ở vạch kết thúc tiếp xúc với ảnh để biết ảnh dài (rộng) bao nhiêu xăng-ti-mét.**

– HS tiếp tục thực hành với hai tấm ảnh còn lại theo cách đo chuẩn. *GV đánh giá HS về đo độ dài qua sản phẩm học tập này.*

Kết quả đo các ảnh in trong SHS lần lượt là: 3×4, 6×9, 10×15.

4. (Cá nhân, cả lớp) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** HS tiếp tục được luyện xác định kết quả đo, nhưng mục tiêu chính của HĐ này là HS làm quen rồi biết cách nói kết quả đo gần đúng (trường hợp như thế này xuất hiện phổ biến trong thực tế). Các bước:

– HS quan sát hình, đọc kết quả đo dưới hai hộp xanh và vàng.

– HS trả lời câu hỏi: "Vì sao nói chiếc hộp xanh **cao hơn** 4 cm?", "Vì sao nói chiếc hộp vàng **cao gần** 5 cm?". Từ đó *GV hướng dẫn HS kết luận kết quả đo khi thấy vật được đo dài không phải nguyên một số đơn vị đo mà thừa ra một chút (chưa đến nửa đơn vị) hoặc thiếu một chút (chưa đến nửa đơn vị) như hai trường hợp trên.*

– HS tự nói kết quả đo chiếc hộp tím rồi nói trước lớp. Nói đúng: "Chiếc hộp tím cao hơn 5 cm."

timdapan.com

Tiết 2

5. (Nhóm) **HS thực hiện HĐ5 trong SHS.** HS tiếp tục được tự đo xem một vật dài hoặc cao bao nhiêu bằng những đơn vị đo tự chọn (không chuẩn) như gang tay, bàn chân, sải tay, que tính. Khi đo bằng những đơn vị đo này kết quả không cố định với những người đo khác nhau, ngay cả với cùng một người đo hai lần khác nhau mà kết quả vẫn có sai khác. Vì vậy khi nói kết quả thường nói "khoảng bằng" hoặc "gần", "hơn" thay vì nói "bằng". Các bước với mỗi phần **a, b, c**:

– HS xem hình ảnh để xác định và thể hiện thử đơn vị đo theo bộ phận cơ thể mình (gang tay, bàn chân, sải tay), nhận biết cách đo (đặt nối tiếp các đơn vị đo thẳng dọc theo chiều đo vật).

– Từng HS đo vật như yêu cầu, HS khác trong nhóm theo dõi và đếm để cùng kết luận kết quả đo.

HS so sánh kết quả đo cùng một vật của mỗi thành viên trong nhóm.

Với phần **d**: cùng đơn vị đo que tính, nhưng vẫn từng HS đo và HS khác đếm rồi kết luận, so sánh kết quả đo của các thành viên trong nhóm để thấy việc đo theo cùng một đơn vị cố định nhưng kết quả đo cũng không hoàn toàn chính xác. *GV có thể yêu cầu HS giải thích tại sao kết quả khác nhau, qua đó HS có ý thức cẩn thận trong từng thao tác đo để hạn chế sự không chính xác.*

6. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ6 trong SHS.** Với HĐ này HS phải kết luận được sợi dây điện nào dài hơn nhưng không trực tiếp so đầu hai dây, cũng không trực tiếp đo mà phải:

+ tự hình dung đơn vị đo: là đúng một vòng dây cuốn quanh lõi.

+ quan sát, nhận xét, cảm nhận: hai lõi để cuốn dây kích cỡ như nhau, nếu sợi dây nào cuốn được nhiều vòng hơn thì dài hơn.

+ đếm số vòng rồi kết luận.

GV phải gợi ý dần theo từng bước như trên để HS kết luận được. Kết luận đúng: Sợi dây điện màu đỏ dài hơn sợi dây điện màu xanh vì sợi đỏ cuốn được hơn 11 vòng và sợi xanh cuốn chưa được 11 vòng.

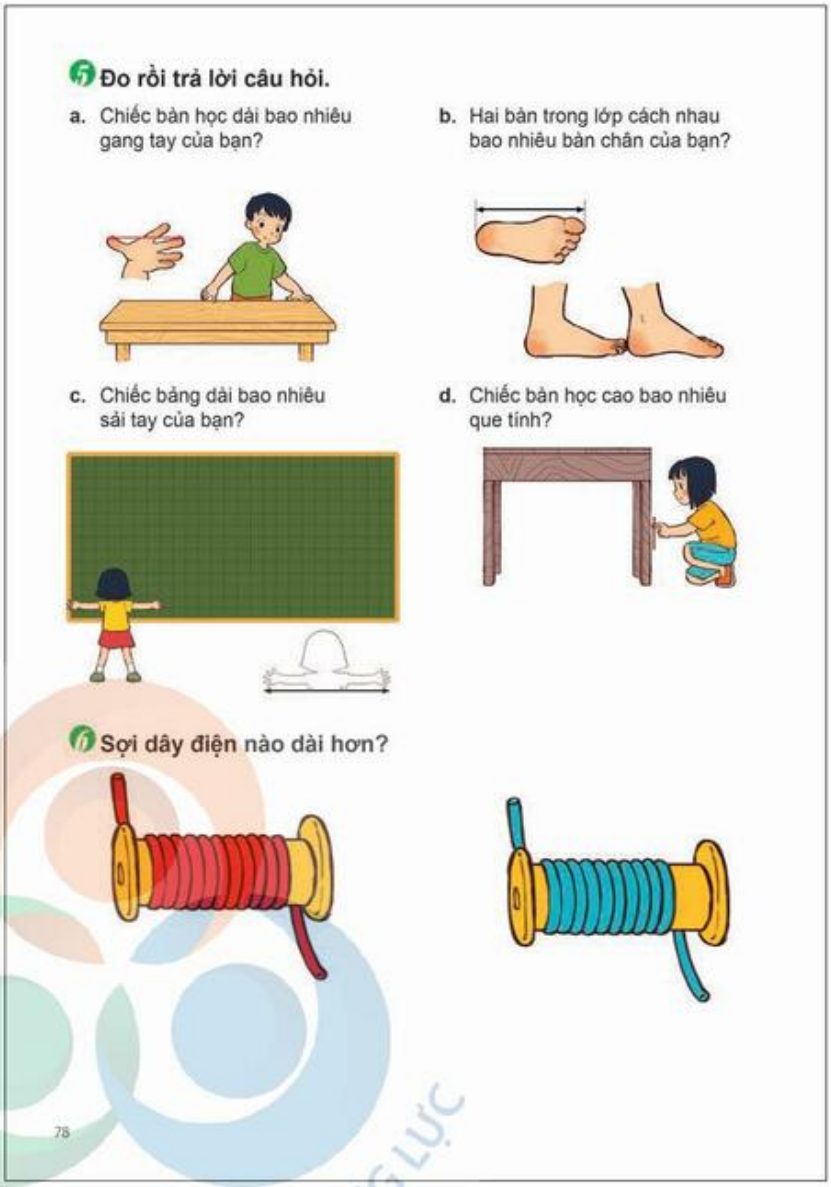

6 Đo rồi trả lời câu hỏi.

a. Chiếc bàn học dài bao nhiêu gang tay của bạn?

b. Hai bàn trong lớp cách nhau bao nhiêu bàn chân của bạn?

c. Chiếc bảng dài bao nhiêu sải tay của bạn?

d. Chiếc bàn học cao bao nhiêu que tính?

6 Sợi dây điện nào dài hơn?

78

GIÁO DỤC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

timdapan.com

CHỦ ĐỀ 12
THỜI GIAN

Thời gian: Học kì 2; Tuần 32 - 33; Số tiết 4.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Bài 1. Các ngày trong tuần (1 tiết)	Các ngày trong một tuần: tên gọi, thứ tự, số ngày trong một tuần.	– Biết được: một tuần lễ có 7 ngày, tên gọi, thứ tự các ngày. – Biết nói lịch học, sinh hoạt trong một tuần.	– SHS, Bài 1. – VBT, Bài 1. – Sách mềm - VBT, Bài 1 – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 1.	– SGV, Bài 1. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 1. – ĐDDT.
Bài 2. Đồng hồ. Xem giờ (1 tiết)	Đọc giờ đúng trên đồng hồ.	– Đọc được giờ đúng trên đồng hồ. – Nói được thời gian học, sinh hoạt trong từng ngày.	– SHS, Bài 2. – VBT, Bài 2. – Sách mềm- VBT, Bài 2 – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 2.	– SGV, Bài 2. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 2. – ĐDDT.
Bài 3. Thực hành nói thời gian (2 tiết)	– Thực hành đọc giờ đúng trên đồng hồ. Quay kim đồng hồ chỉ giờ đúng định trước. – Thực hành nói thời gian học, sinh hoạt trong ngày, trong tuần.	– Thành thạo đọc giờ đúng trên đồng hồ. – Nói được thời gian học tập, sinh hoạt trong ngày, trong tuần.	– SHS, Bài 3. – VBT, Bài 3. – Sách mềm - VBT, Bài 3 – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 3. – ĐDHT: Đồng hồ mô hình.	– SGV, Bài 3. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 3. – ĐDDT.

ÔN TẬP PHẦN G

Thời gian: Học kì 2; Tuần 33; Số tiết 2.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Ôn tập chung (OTC) Hoạt động trải nghiệm (2 tiết)	– Quan sát trong thực tế thấy được vật này dài bằng bao nhiêu vật khác; vật này dài hơn hay ngắn hơn vật kia. – Xác định được thời gian biểu trong ngày, trong tuần.	– Ước lượng được độ dài của vật này so với vật khác. – Quan sát tranh, nói được thời điểm diễn ra sự việc trong tranh.	– SHS, Bài OTC. – VBT, Bài OTC. – Sách mềm - VBT, Bài OTC. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài OTC.	– SGV, Bài OTC. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài OTC.

timdapan.com

CÁC NGÀY TRONG TUẦN

MỤC TIÊU

Nhận biết được các ngày trong một tuần.

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Thứ hai. ...Thứ bảy. Chủ nhật. Thứ mấy. Tuần lễ.

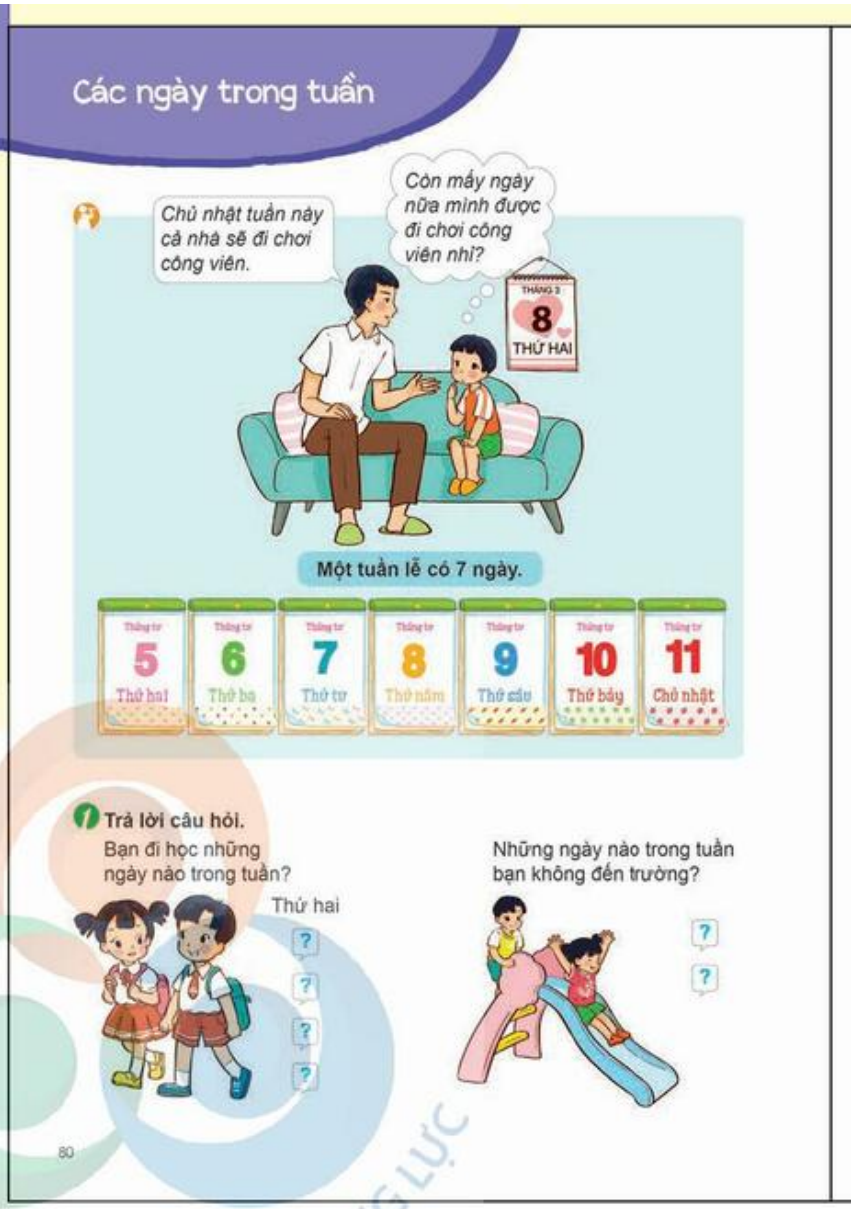

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Cả lớp hát bài *Cả tuần đều ngoan* (Bài hát này HS đã biết từ khi học mẫu giáo).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung.

1. (Cả lớp) **Tìm hiểu nội dung của tranh Khám phá**. Các bước:

– HS quan sát rồi thi đua nói nội dung tranh. *GV gợi ý để HS nói đúng trọng tâm:* Bố nói với con rằng ngày chủ nhật tuần này cả nhà sẽ đi chơi công viên. Con đang tự hỏi rằng còn bao nhiêu ngày nữa sẽ được đi chơi công viên.

– HS trả lời câu hỏi: "Ngày mà hai bố con đang nói chuyện là ngày thứ mấy?". *GV có thể phải gợi ý HS nhìn tờ lịch treo tường trong tranh để biết **đang là ngày thứ hai**.*

– HS trả lời câu hỏi: "Từ thứ hai đến chủ nhật còn mấy ngày nữa?". HS nào biết thì trả lời. Trả lời đúng: **còn 6 ngày nữa, đó là thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật.** *GV khen HS trả lời đúng và nói "Muốn biết còn mấy ngày nữa đến chủ nhật thì phải biết trong một tuần có các ngày nào, thứ tự các ngày đó".*

2. (Cá nhân) **Nhận biết một tuần có bao nhiêu ngày, thứ tự các ngày trong tuần, ngày đầu tuần, ngày cuối tuần.** Các bước:

– HS kể tên các ngày trong tuần. *GV có thể phải gợi ý để HS nhận biết các ngày trong tuần qua bài hát Cả tuần đều ngoan hoặc đọc trên các tờ lịch trong mục Khám phá.*

– HS trả lời các câu hỏi: "Mỗi tuần có bao nhiêu ngày?", "Ngày đầu tuần là ngày nào, ngày cuối tuần là ngày nào?". *GV gợi ý để HS trả lời đúng.*

– HS đọc tên các ngày trong tuần theo thứ tự từ ngày đầu tuần đến ngày cuối tuần.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. Với HĐ này HS được nhắc lại lần lượt các ngày từ đầu tuần đến cuối tuần và liên hệ với lịch học của mình để trả lời câu hỏi. Các bước:

– HS tự trả lời các câu hỏi. *GV theo sát từng HS để đánh giá mức độ thuộc tên các ngày trong tuần và biết liên hệ với lịch đến trường. GV nhắc để HS nói, viết đúng thứ tự các ngày.*

– HS viết vào vở các ngày đến trường và các ngày không đến trường.

timdapan.com

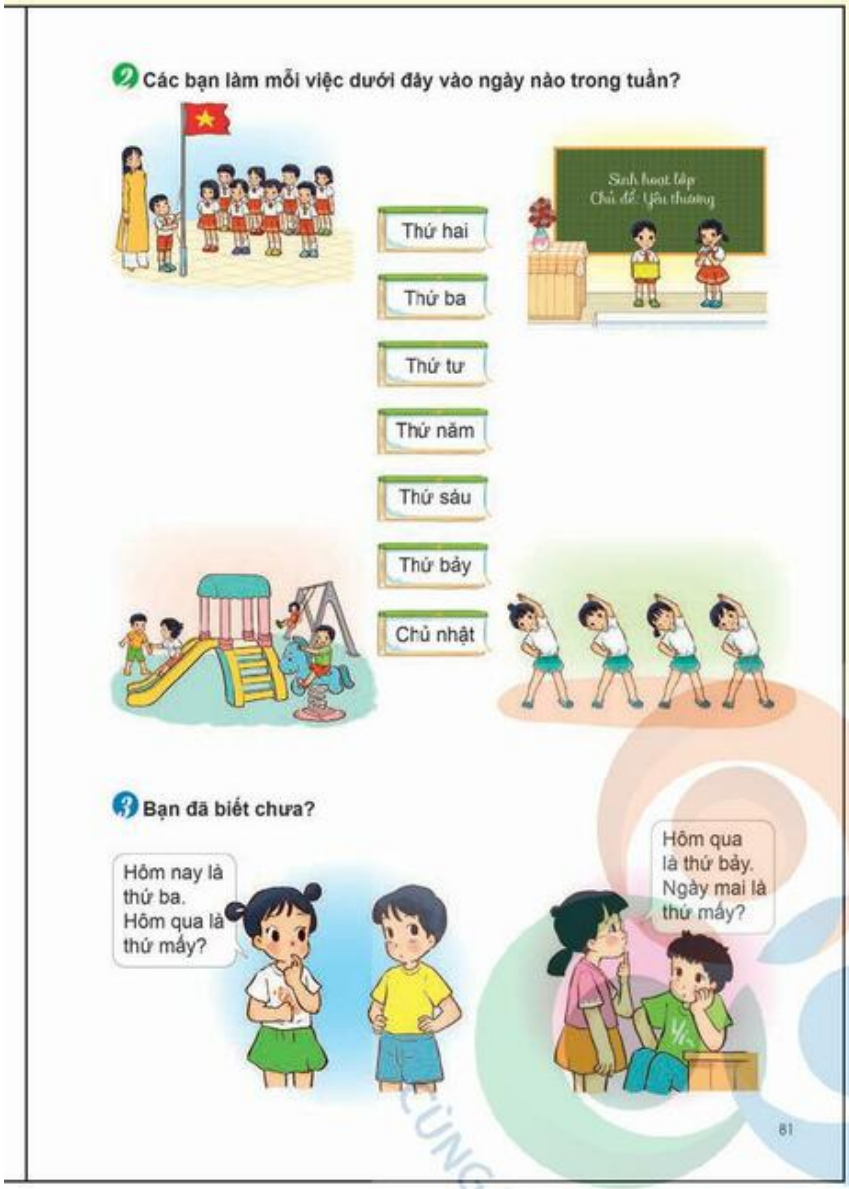

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Biết được một tuần có 7 ngày.**
- **Biết thứ tự và nói tên các ngày trong một tuần.**
- **Liên hệ thực tế: nói lịch học tập, sinh hoạt trong tuần.**

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** Với HĐ này HS nhận biết được mỗi tranh là hoạt động gì, nếu hoạt động thường xuyên thì vào ngày nào trong mỗi tuần, nếu thỉnh thoảng thì sẽ vào ngày nào. HS sẽ phải liên hệ với lịch sinh hoạt ở nhà trường, liên hệ với thời khoá biểu và với nếp sinh hoạt ở gia đình. *GV gợi ý, nhắc nhở để sau HĐ này HS sẽ chủ động quan tâm tới lịch học tập, sinh hoạt của mình hơn, tự chuẩn bị cho việc học và sinh hoạt ở trường theo lịch mà không cần phụ huynh kèm cặp chuẩn bị sẵn cho nữa.* Các bước:

– HS nói mỗi tranh là cảnh sinh hoạt gì, xảy ra ở đâu.

– HS liên hệ với lịch, thời khoá biểu để nối mỗi bức tranh hoạt động ở trường (chào cờ, sinh hoạt lớp, thể dục) với ngày thứ ...; HS liên hệ với nếp sinh hoạt ở gia đình để nối tranh chơi ở công viên với ngày mà gia đình mình hay tổ chức đi chơi.

Kết quả nối phụ thuộc vào thời khoá biểu của từng lớp, lịch sinh hoạt dưới cờ của từng trường và kế hoạch của từng gia đình. Một cảnh có thể nối với 2 ngày, ví dụ cảnh thể dục có thể nối với ngày thứ ba và ngày thứ năm do thời khoá biểu có tiết học thể dục vào hai ngày đó. *GV đánh giá HS nối đúng hay sai theo thời khoá biểu hiện hành của HS.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Cặp đôi) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS biết những từ thông thường trong cuộc sống hằng ngày: **hôm nay, ngày mai, hôm qua**. HS có thể đã biết, đã sử dụng các từ này, nhưng ở đây HS sẽ xác định cụ thể theo ngày trong tuần. Đó là HS đã vận dụng thứ tự các ngày trong tuần, ngày đầu tuần, cuối tuần. Các bước:

– Cặp đôi HS hỏi - đáp theo từng câu hỏi trong HĐ3. *GV theo dõi từng cặp đôi để biết HS có ý niệm về cách nói hôm nay, hôm qua, ngày mai như thế nào.*

– Một số HS trả lời trước lớp câu hỏi "Hôm nay là thứ ba. Hôm qua là thứ mấy?" đến khi HS khác nhận xét và GV xác nhận đúng. GV gợi ý để tất cả HS đều có ý niệm đúng về **hôm qua**, xác định **hôm qua** theo **ngày trong tuần**. Gợi ý: "Ngay trước ngày thứ ba là ngày thứ mấy?". Kết quả đúng: Ngày hôm qua là ngày thứ hai.

– Tương tự như trên với câu hỏi "Hôm qua là thứ bảy. Ngày mai là thứ mấy?". GV gợi ý: "Hôm qua là ngày thứ bảy thì hôm nay là ngày nào?", "Ngay sau ngày chủ nhật là ngày thứ mấy?". Kết quả đúng: Ngày mai là ngày thứ hai.

timdapan.com

ĐỒNG HỒ. XEM GIỜ

MỤC TIÊU

Đọc được giờ đúng trên đồng hồ.

THUẬT NGỮ TOÁN HỌC

Giờ. Mấy giờ?

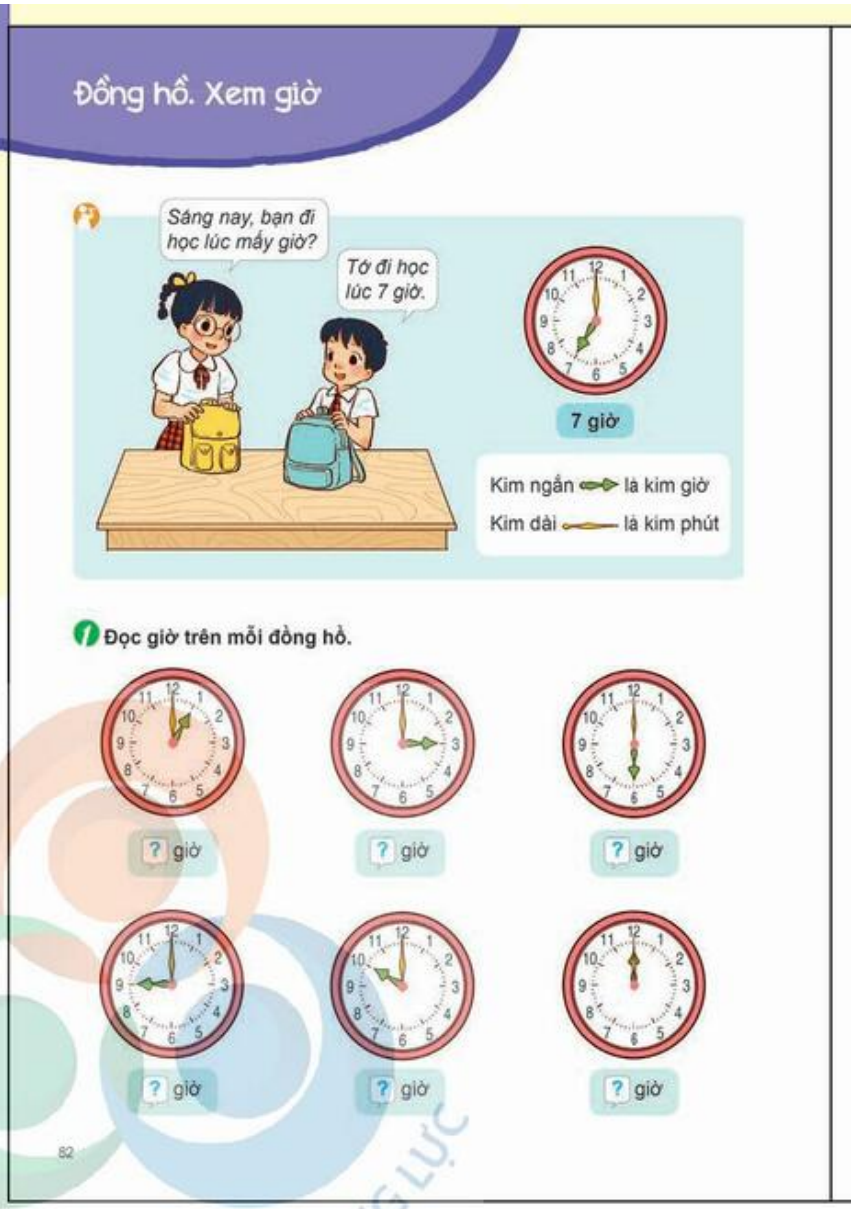

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

Đố là cái gì? HS nghe GV đọc mấy câu sau và nói những câu đó nói về đồ vật nào:

Tích tắc. Tích tắc.

Kim ngắn chỉ giờ,

Kim dài chỉ phút.

GV khen những HS nói đúng: Những câu đó nói về chiếc đồng hồ.

GV giới thiệu: Bài học hôm nay chúng ta học xem giờ trên chiếc đồng hồ.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

GV chiếu hoặc treo tranh của mục Khám phá trong SHS lên để cả lớp cùng theo dõi khi thảo luận chung. GV chuẩn bị chiếc đồng hồ trong bộ đồ dùng học toán.

1. (Cả lớp) **Tìm hiểu nội dung của tranh Khám phá.** Các bước:

– HS quan sát rồi thi đua nói nội dung tranh. *GV gợi ý để HS nói đúng trọng tâm:* Bạn gái hỏi bạn trai sáng nay đi học lúc mấy giờ, bạn trai trả lời bạn ấy đi học lúc 7 giờ.

– HS trả lời câu hỏi: "Để biết giờ đi học thì phải làm gì?". *GV gợi ý để HS trả lời được:* Muốn biết giờ phải xem đồng hồ.

2. **Nhận biết mặt chiếc đồng hồ có các số, có các kim thế nào, cách đọc giờ đúng.** Các bước:

– HS quan sát chiếc đồng hồ mà GV giơ lên, trả lời các câu hỏi: "Em thấy trên mặt chiếc đồng hồ này có những gì?".

– Một số HS trả lời trước lớp. *GV gợi ý để HS nói ngắn gọn, đủ ý:* Vòng quanh mặt đồng hồ có 12 vạch ghi kèm các số từ số 1 đến số 12, giữa mặt đồng hồ gắn 2 chiếc kim dài ngắn khác nhau.

– HS theo dõi *GV vừa quay các kim tới vị trí vừa giới thiệu cách đọc giờ trên đồng hồ, chẳng hạn: Khi kim ngắn chỉ vào số 3 và kim dài chỉ vào số 12 thì đọc là 3 giờ, khi kim ngắn chỉ vào số 5 và kim dài chỉ vào số 12 thì đọc là 5 giờ, khi kim ngắn chỉ vào số 10 và kim dài chỉ vào số 12 thì đọc là 10 giờ. Kim ngắn là kim giờ, kim dài là kim phút.*

– HS nhắc lại nhiều lần "kim ngắn chỉ giờ, kim dài chỉ phút", đọc giờ trên đồng hồ theo vị trí kim đồng hồ mà GV quay (nhiều vị trí kim giờ khác với 7 giờ, kim phút luôn chỉ vào số 12).

– HS quan sát tranh đồng hồ trong mục Khám phá, trả lời câu hỏi: "Đồng hồ này đang chỉ mấy giờ?".

timdapan.com

2 Hãy nói các bạn làm việc này vào lúc mấy giờ.

3 Mỗi việc trong tranh được làm vào lúc mấy giờ?

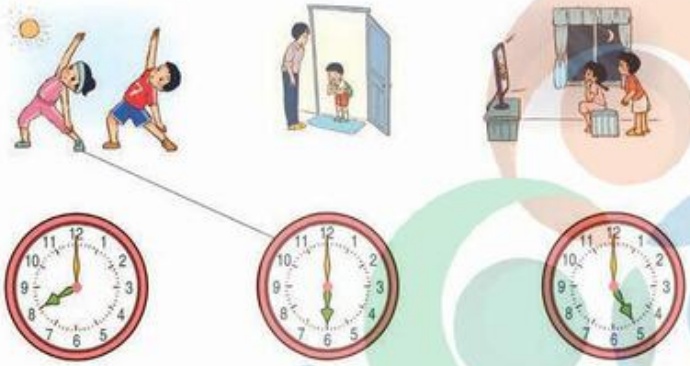

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Đọc được giờ đúng trên đồng hồ.**
- **Nói được thời gian học, sinh hoạt trong từng ngày.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS thực hành đọc giờ đúng trên mỗi mặt đồng hồ. Các bước:

– HS tự đọc giờ trên từng mặt đồng hồ. *GV theo dõi từng HS, đánh giá HS nhận biết đúng kim giờ, kim phút; biết đọc giờ trên đồng hồ chưa, từ đó hướng dẫn thêm cho HS.*

– HS viết kết quả vào vở. Kết quả đúng:

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** Với HĐ này HS được luyện đọc giờ trên đồng hồ tương ứng với tranh rồi điền số giờ vào chỗ trống. Các bước với mỗi tranh:

– HS đọc giờ trên đồng hồ, viết vào chỗ trống (trong vở) tương ứng với mỗi tranh. *GV theo dõi những HS chưa vững xem HS đó đã đọc giờ đúng sau khi được hướng dẫn thêm chưa.*

– HS đọc trước lớp từng câu. Câu đúng:

Nam ăn sáng lúc 6 giờ.

Lúc 8 giờ, các bạn đang học.

Lúc 9 giờ, các bạn tập thể dục giữa giờ.

Các bạn ngủ trưa lúc 12 giờ.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** Với HĐ này HS tiếp tục được luyện đọc giờ trên đồng hồ rồi vận dụng kinh nghiệm sẽ biết từng sinh hoạt thường vào giờ nào để nối mỗi cảnh với chiếc đồng hồ chỉ giờ đó. Kết quả nối:

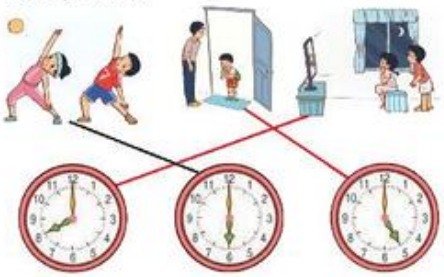

timdapan.com

THỰC HÀNH NÓI THỜI GIAN

MỤC TIÊU

- **Thành thạo đọc giờ đúng. Liên hệ được kế hoạch học tập và sinh hoạt với các ngày trong tuần.**
- **Sắp xếp công việc phù hợp với thời gian trong ngày, trong tuần.**

Thực hành nói thời gian

1 Đồng hồ chỉ mấy giờ?

2 Mỗi bạn lấy một đồng hồ trong bộ đồ dùng học toán. Quay các kim đồng hồ để chỉ các giờ:

2 giờ	3 giờ
11 giờ	4 giờ
9 giờ	7 giờ

84

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(Hoạt động chung cả lớp)

1. **Nói thật nhanh đó là lúc mấy giờ.** HS nói tiếp ngay khi GV vừa đọc xong câu:

– Kim dài chỉ số 12, kim ngắn chỉ số 9, đó là … giờ.

– Kim dài chỉ số 12, kim ngắn chỉ số 12, đó là … giờ.

– Kim dài chỉ số 12, kim ngắn chỉ số 11, đó là … giờ.

– Kim dài chỉ số 11, kim ngắn chỉ số 12, đó là … giờ.

GV chú ý: Câu cuối là để:

– *Cảnh báo HS luôn phải nhận rõ kim dài là kim phút.*

– *Thử xem HS có chú ý đến chiều quay của kim đồng hồ không. Trả lời câu đó là:* Kim dài chỉ số 11, kim ngắn chỉ số 12, đó là gần 12 giờ.

2. **Nói thật nhanh đó là ngày nào trong tuần.** HS nói tiếp ngay khi GV vừa đọc xong câu:

– Sau ngày thứ ba 1 ngày là ngày ……. (thứ tư).

– Sau ngày thứ hai 2 ngày là ngày …….(thứ tư).

– Sau ngày thứ tư 4 ngày là ngày …….. (chủ nhật).

– Trước ngày thứ năm 3 ngày là ngày …… (thứ hai).

– Trước ngày chủ nhật 5 ngày là ngày ……(thứ ba).

– *GV khen những HS trả lời đúng. GV yêu cầu HS giải thích.*

GV giới thiệu: Hôm nay chúng ta sẽ thực hành nói về ngày trong tuần gắn với việc xảy ra và lúc xảy ra việc gì đó.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Tiết 1

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS**. Với HĐ này HS được củng cố việc đọc giờ đúng trên đồng hồ. Ở đây không chỉ có đồng hồ với kim giờ, kim phút mà còn có cả đồng hồ điện tử không có kim. Mặc dù hầu hết HS đã biết đọc giờ trên đồng hồ điện tử, nhưng GV vẫn hướng dẫn chung cho cả lớp cách đọc. Các bước:

– HS tự đọc giờ trên đồng hồ rồi đọc trước lớp. Các HS khác cùng GV xác nhận đúng. *GV giới thiệu cách đọc giờ đúng trên đồng hồ điện tử:* **Số trước dấu : là số giờ, số sau dấu : là số phút, nếu sau dấu : là số 00 thì là chỉ giờ đúng (hay giờ chẵn).**

– HS viết số vào chỗ trống (viết vào vở). Kết quả đúng:

timdapan.com

2 Xem tờ lịch ngày hôm nay dưới đây. Trả lời câu hỏi.

Bạn nào nói đúng?

1 Nói ngày trong tuần và giờ đúng theo tranh.

a.

b.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Sử dụng thành thạo đồng hồ trong bộ ĐDHT để biểu thị giờ đúng.**
- **Thực hành nói thời gian (giờ) học tập, sinh hoạt sáng, trưa, chiều, tối trong một ngày.**
- **Nói về thời gian (buổi) học, sinh hoạt các ngày trong tuần.**

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** Ở HĐ này HS được trực tiếp quay các kim đồng hồ đến vị trí chỉ giờ đã định trước thay vì ở những HĐ trước chỉ đọc giờ. HS luôn quay kim biểu thị đúng giờ đã định là thể hiện sự chắc chắn xem giờ đúng. Các bước:

– HS lấy đồng hồ trong bộ đồ dùng học toán.

– HS quay các kim chỉ từng giờ rồi giơ lên theo sự điều khiển của GV. GV đánh giá HS về mức độ biểu thị giờ cũng như xem giờ qua loạt thực hành này.

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** Với HĐ này một lần nữa HS nhớ lại thứ tự các ngày trong tuần. Ở đây tờ lịch hàm ý hôm nay là ngày thứ sáu.

HS tự thực hiện rồi trả lời trước lớp, viết vào vở. Kết quả đúng: Bạn Nam nói đúng, bạn An nói sai.

4. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS đọc lịch ngày trong tuần và đọc giờ. Các bước:

– HS nói ngày giờ sẽ viết vào chỗ trống và giải thích tại sao biết là ngày đó, giờ đó. HS khác và GV xác nhận đúng.

– HS viết ngày, giờ đúng vào chỗ trống (viết vào vở).

GV cùng HS có thể bàn luận thêm về hai bức tranh này, ví dụ: sáng thứ hai bạn thức dậy sớm hơn hay muộn hơn sáng chủ nhật? vì sao?

timdapan.com

Tiết 2

5. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ5 trong SHS.** HĐ này tiếp tục cho HS đọc lịch ngày trong tuần, đọc giờ. Thêm vào đó HS phải sắp xếp thứ tự các hình ảnh theo thứ tự thời gian để thành một câu chuyện. Đó là cho HS tìm hiểu thêm về thời gian: giờ nào đến trước, giờ nào đến sau. Qua hoạt động kể chuyện HS được luyện về diễn đạt mô tả những sự việc theo một trật tự, đó là một kĩ năng cần thiết trong quá trình học tập và trong cuộc sống. Các bước:

– HS nói ngày giờ sẽ viết vào chỗ trống và giải thích tại sao biết là ngày đó, giờ đó. HS khác và GV xác nhận đúng.

– HS viết ngày, giờ đúng vào chỗ trống (viết vào vở).

– HS nói thứ tự các tranh theo thời gian: hoạt động trong tranh nào xảy ra trước, hoạt động trong tranh nào xảy ra sau. HS khác và GV xác nhận đúng.

– HS viết số (bằng bút chì) bên cạnh mỗi tranh từ 1 đến hết theo thứ tự đã nói ở trên. GV theo sát từng HS xem HS viết số có đúng không.

– Lần lượt từng HS kể lại câu chuyện (*GV cùng HS đặt tên câu chuyện, chẳng hạn Buổi sáng chủ nhật*).

Thứ tự các cảnh trong câu chuyện Buổi sáng chủ nhật:

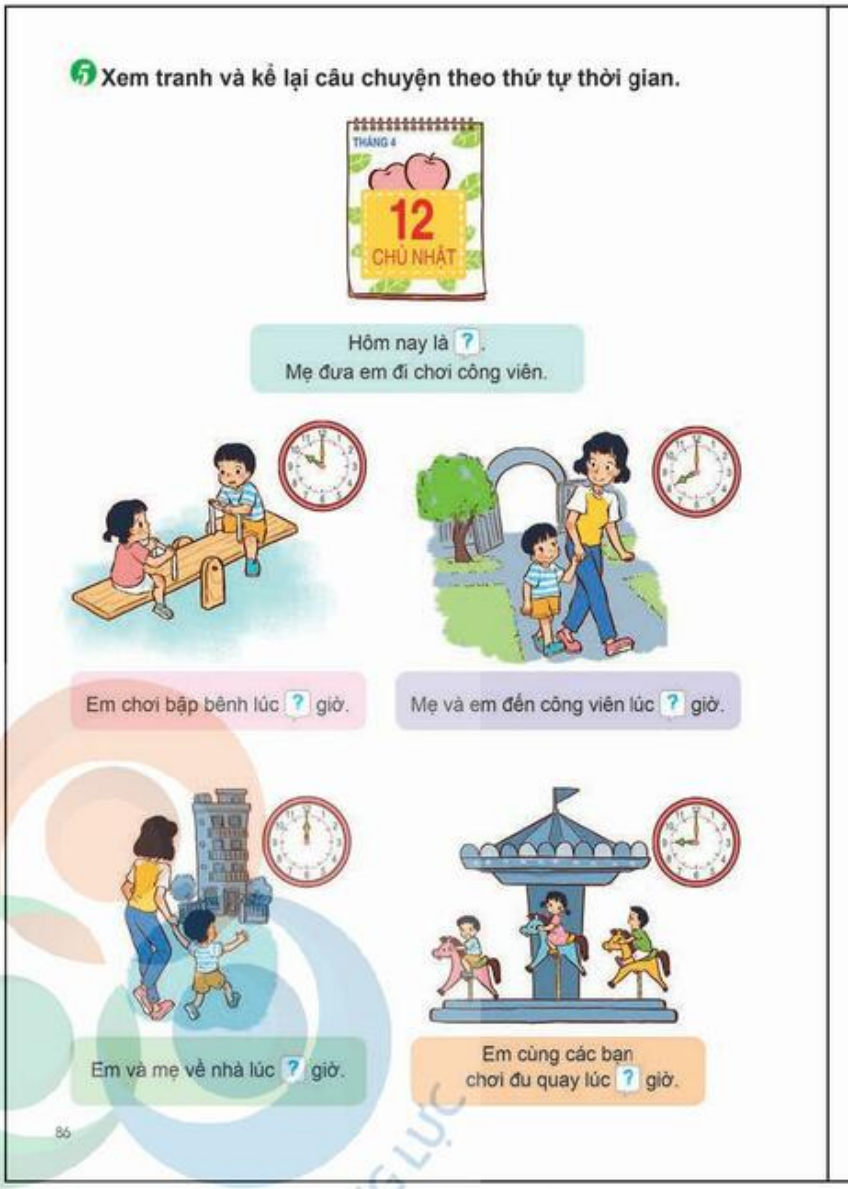

Hôm nay là chủ nhật.
Mẹ đưa em đi chơi công viên.

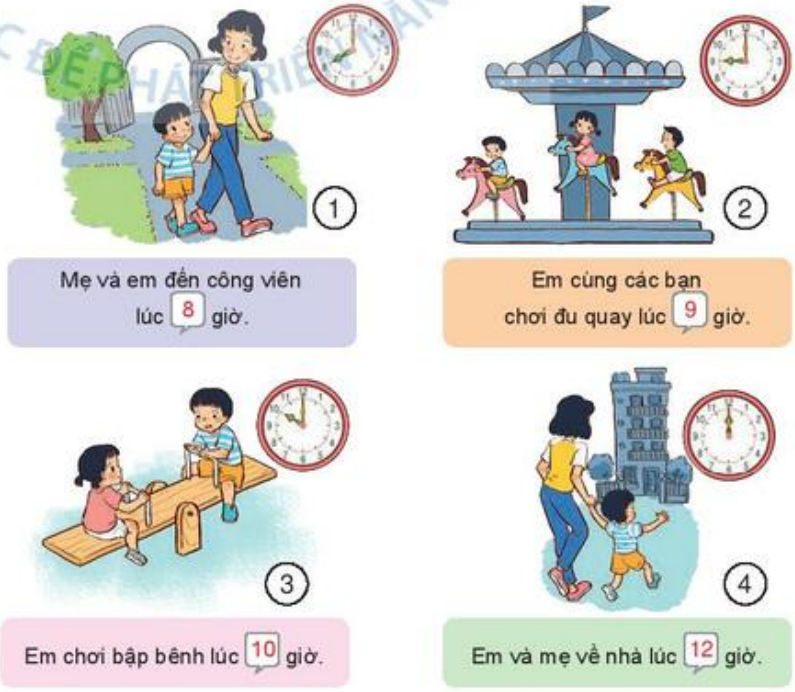

timdapan.com

6 Xem đồng hồ và trả lời câu hỏi.

a. Bố và mẹ, ai đi làm sớm hơn?

b. Hùng và Lan, ai về muộn hơn?

VUI MỘT CHÚT

Mỗi chú ong bay đến bông hoa nào?

Hôm nay là thứ tư.

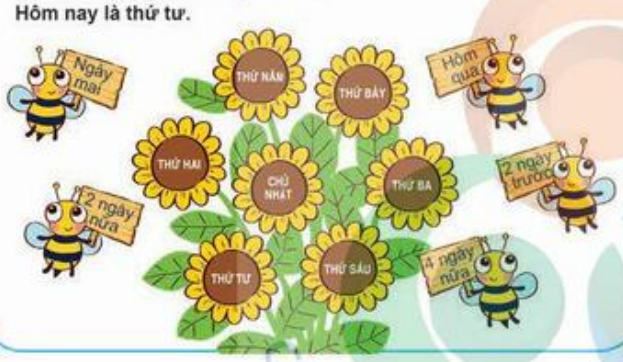

87

VUI MỘT CHÚT

HĐ này vừa để HS vui vẻ cuối giờ học vừa để HS thực hành xác định các ngày trong tuần theo cách nói thường ngày.

Cách xác định: chọn bảng của một chú ong rồi vừa kể tên các ngày trong tuần theo thứ tự vừa đếm đến khi đủ, ví dụ: chọn 2 ngày trước thì kể "thứ ba là một, thứ hai là 2 nên 2 ngày trước là thứ hai; chọn 4 ngày nữa thì kể thứ năm là 1, thứ sáu là 2, thứ bảy là 3, chủ nhật là 4 nên 4 ngày nữa là chủ nhật.

Chú ý: hôm qua là 1 ngày trước, ngày mai là 1 ngày sau, ngày kia là 2 ngày sau.

Kết quả nối:

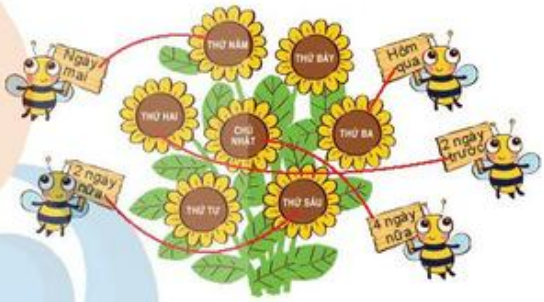

6. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ6 trong SHS.** HĐ này tạo cơ hội cho HS tìm hiểu để biết nói **sớm hơn**, **muộn hơn** khi so sánh thời điểm hoàn thành cùng một việc của hai người, người nào hoàn thành trước thì nói là **sớm hơn** người kia, ngược lại người nào hoàn thành sau thì nói là **muộn hơn**. Các bước với mỗi phần **a**, **b**:

– HS đọc giờ trên đồng hồ tương ứng với tranh.

– HS xác định (với sự gợi ý của GV) như thế nào là sớm/muộn.

– HS nói người nào đi làm / về trước / sau so với người kia, từ đó trả lời câu hỏi.

Kết quả đọc giờ và trả lời đúng:

a. Mẹ đi làm lúc 8 giờ. Bố đi làm lúc 7 giờ.

Bố đi làm sớm hơn.

b. Hùng đi học về lúc 5 giờ. Lan đi học về lúc 4 giờ.

Hùng về muộn hơn.

timdapan.com

Ôn tập chung

MỤC TIÊU

- **Xác định được độ dài một vật bằng bao nhiêu đơn vị đã chọn.**
- **Nhận ra được vật nào dài hơn / ngắn hơn, cao hơn / thấp hơn vật kia.**
- **Xác định được thời gian biểu trong ngày, trong tuần.**
- **Đọc thành thạo giờ đúng.**

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

(Hoạt động chung cả lớp)

Mỗi HĐ trong bài này là một câu chuyện nhỏ. HS theo dõi câu chuyện và trả lời câu hỏi có liên quan đến kiến thức đã học về vật dài hơn - ngắn hơn, đo độ dài, đọc giờ đúng trên đồng hồ, xác định ngày trong tuần và liên hệ với lịch sinh hoạt - học tập.

1. (Cá nhân hoặc nhóm) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS liên hệ, vận dụng những điều đã học vào thực tế cuộc sống hằng ngày:

a. Đọc giờ đúng trên đồng hồ. Kết quả đúng: 10 giờ.

b. Liên hệ thực tế: HS biết có 10 giờ sáng và 10 giờ đêm. HS quan sát cảnh trong tranh nhận ra cảnh đó đang là ban ngày hay ban đêm để trả lời câu hỏi. Kết quả đúng: Cảnh trong tranh đang là buổi sáng (nhìn qua cửa sổ thấy trời sáng và có mặt trời).

Các bước như những HĐ thông thường: HS tự trả lời (GV có thể phải gợi ý); lần lượt HS trả lời trước lớp và giải thích (GV có thể phải gợi ý để HS trả lời rõ, gọn và giải thích đúng); HS khác và GV xác nhận đúng.

2. (Cá nhân hoặc nhóm) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này cũng cho HS vận dụng những điều đã học vào thực tế cuộc sống:

a. Vận dụng thứ tự các ngày trong tuần: Tính xem còn mấy ngày nữa đến sinh nhật của bạn để chúc mừng bạn. Kết quả đúng: Còn 3 ngày nữa sẽ tới sinh nhật An, đó là các ngày thứ tư, thứ năm, thứ sáu.

ÔN TẬP CHUNG

BẠN ĐÃ HỌC

- Nhận biết và nói: trong hai vật, vật nào dài hơn hoặc ngắn hơn vật kia; vật nào cao hơn hoặc thấp hơn vật kia.
- Đo để biết một vật dài hoặc cao bằng bao nhiêu que tính, gang tay, bước chân,...
- Biết xăng-ti-mét (cm) là một đơn vị đo độ dài. Biết dùng thước thẳng có chia vạch xăng-ti-mét để đo và nói kết quả: một vật dài hoặc cao bằng bao nhiêu xăng-ti-mét.
- Đọc giờ đúng trên đồng hồ, đọc đúng lịch tuần và liên hệ với thời gian sinh hoạt và học tập.

1 Quan sát tranh, trả lời câu hỏi.

a. Kim đồng hồ đang chỉ mấy giờ?

b. Cảnh trong tranh là đang buổi sáng hay đêm?

2 Quan sát tranh, trả lời câu hỏi.

a. Hôm nay là thứ ba. Thứ sáu tuần này là sinh nhật bạn An. Còn mấy ngày nữa sẽ tới sinh nhật An? Bạn hãy kể tên những ngày đó.

b. Mai sẽ chọn tấm thiếp nào để gửi chúc mừng An?

88

b. So sánh vật nào dài hơn, vật nào rộng hơn: HS phải biết rằng Mai phải chọn tấm thiếp cho vừa vào phong bì, đó là tấm thiếp ngắn hơn và không rộng bằng phong bì. HS quan sát, có thể ước lượng bằng mắt hoặc đo để tìm ra tấm thiếp ngắn hơn theo cả hai chiều dài và rộng so với phong bì. Kết quả đúng: Mai sẽ chọn tấm thiếp màu hồng để gửi chúc mừng An, vì đó là tấm thiếp sẽ cho vừa vào phong bì.

Các bước như những HĐ thông thường, tương tự HĐ1.

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** Với HĐ này HS được luyện so cao thấp, sắp xếp theo thứ tự cao dần. HS phải thấy rằng 4 bạn nhỏ Hải, Mai, Bình, An đều đứng trên một nền nên nhìn ra ngay ai thấp nhất (thấp hơn tất cả những bạn khác). Theo cách tương tự như sắp các số theo thứ tự từ bé đến lớn: chọn bạn thấp nhất xếp trước, chọn bạn thấp nhất trong các bạn còn lại xếp tiếp theo, chọn bạn thấp hơn trong hai bạn còn lại xếp tiếp theo nữa và bạn kia xếp cuối thì sẽ sắp xếp được 4 bạn này theo thứ tự cao dần. Kết quả đúng:

timdapan.com

3 Trả lời câu hỏi.

Bốn bạn cần phải xếp hàng dọc sao cho bạn đứng trước thấp hơn bạn đứng sau. Mỗi bạn ở vị trí ô nào trong các ô sau?

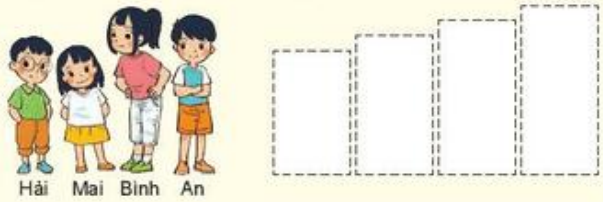

4 Trả lời câu hỏi.

a. Từ trường về nhà An có hai đường đi là đường thẳng không có cây và đường vòng có nhiều cây. Đường nào dài hơn?

b. Hôm nay trời nắng nhiều nên mẹ đón An về nhà đi theo đường nhiều cây cho mát. An và mẹ về đến nhà thì đồng hồ chỉ mấy giờ?

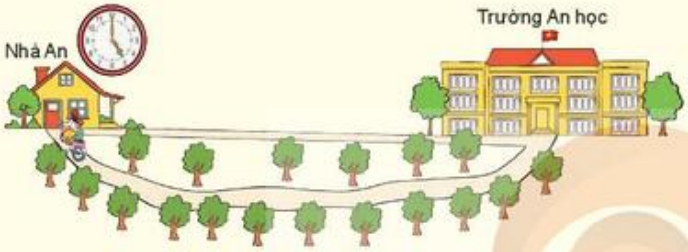

5 Hãy đoán xem mỗi băng giấy màu dài bao nhiêu xăng-ti-mét.

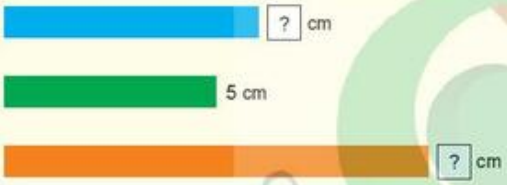

Các bước như những HĐ thông thường: HS tự xếp (GV có thể phải gợi ý); HS nói kết quả trước lớp và giải thích (GV có thể phải gợi ý để HS giải thích rõ, gọn và đúng).

4. (Cả lớp) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS**. Với HĐ này ngoài việc đọc giờ trên đồng hồ HS có cơ hội cảm nhận thêm về so sánh độ dài. Qua việc trời nắng nên mẹ đón An về nhà đi theo đường nhiều cây cho mát, cho HS thấy tác dụng của trồng cây xanh mát bên đường, từ đó có ý thức bảo vệ cây.

a. HS được cảm nhận hai con đường cùng xuất phát từ một nơi và cùng đến một nơi, con đường vòng dài hơn con đường thẳng. Trả lời đúng: Đường vòng có nhiều cây dài hơn đường thẳng.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **Đo độ dài của vật bằng những đơn vị đã chọn, có thể là bất cứ thứ gì.**
- **So sánh được vật nào dài hơn / ngắn hơn, cao hơn / thấp hơn vật kia, có thể chỉ ước lượng mà không cần đo.**
- **Thành thạo đọc giờ đúng, xem lịch tuần.**
- **Xác định được thời gian biểu trong ngày, trong tuần. Xác định lịch học tập, công việc phù hợp với thời gian.**

b. HS đọc đồng hồ. Trả lời đúng: Mẹ và An đi theo đường nhiều cây về đến nhà thì đồng hồ chỉ 5 giờ.

5. (Nhóm) **HS thực hiện HĐ5 trong SHS.** Với HĐ này HS được ước lượng độ dài một vật dựa vào độ dài của một vật khác:

– HS xác định được băng giấy xanh lá dài 5 cm.

– HS nhận ra được băng giấy xanh dương dài hơn băng giấy xanh lá, phần thừa ra khoảng … cm.

Kết luận đúng: Băng giấy xanh dương dài khoảng 6 cm (HS dùng thước thẳng có vạch xăng-ti-mét kiểm nghiệm lại).

– HS nhận ra băng giấy màu cam dài hơn băng giấy xanh lá, phần hơn đó khoảng … cm. Kết luận đúng: Băng giấy màu cam dài khoảng 10 cm (HS đo để kiểm nghiệm lại).

timdapan.com

ÔN TẬP CUỐI NĂM HỌC

Thời gian: Học kì 2; Tuần 34 - 35; Số tiết 6.

Bài	Nội dung dạy học	Kĩ năng	Tư liệu cho học sinh	Tư liệu cho giáo viên
Bài 1. **Các số đến 100** **(1 tiết)**	Ôn tập các vấn đề: – Xác định số lượng; đọc, viết số; xác định cấu tạo số: số chục, số đơn vị. – Số 100 là 99 thêm 1; số 100 là số đếm theo chục: 80, 90, 100	– Xác định thành thạo số lượng vật bằng cách đếm theo chục và đơn vị. – Thành thạo đọc, viết số; xác định cấu tạo số. – Thành thạo đếm, thuộc thứ tự số đếm.	– SHS, Bài 1. – VBT, Bài 1. – Sách mềm - VBT, Bài 1. – Sách mềm - Tự kiểm tra. đánh giá, Bài 1. – ĐDHT.	– SGV, Bài 1. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 1. – ĐDDT.
Bài 2. **So sánh các số trong phạm vi 100** **(1 tiết)**	Ôn tập các vấn đề: – So sánh hai số trong phạm vi 100: các cách so sánh hai số có hai chữ số; các kết quả cần nhớ. – Sắp thứ tự một nhóm số có không quá 4 số: các cách sắp thứ tự; các kết quả cần nhớ.	– Kĩ năng so sánh hai số: thành thạo so sánh hai số có hai chữ số. – Kĩ năng sắp xếp nhóm số: thành thạo các cách sắp xếp một nhóm số theo thứ tự từ bé đến lớn / từ lớn đến bé. – Kĩ năng vận dụng: từ kết quả so sánh số lượng, nói được nhóm này nhiều hơn / ít hơn nhóm kia.	– SHS, Bài 2. – VBT, Bài 2. – Sách mềm - VBT, Bài 2. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 2. – ĐDHT.	– SGV, Bài 2. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 2. – ĐDDT.
Bài 3. **Cộng, trừ trong phạm vi 100** **(2 tiết)**	Ôn tập các vấn đề: – Ý nghĩa của phép cộng, phép trừ: tình huống dẫn đến phép cộng / phép trừ. – Các cách cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100. – Đọc, hiểu bài toán cái gì đã biết, cái gì cần tìm. – Chọn phép tính thích hợp với tình huống. Giải và trả lời.	– Kĩ năng đọc hiểu tình huống dẫn đến phép tính cộng / trừ. – Kĩ năng thực hiện phép tính cộng / trừ: thành thạo cộng / trừ không nhớ bằng các cách khác nhau. – Kĩ năng thực hiện các bước đọc, hiểu tình huống; chọn đúng phép tính; tính và trả lời đúng. – Kĩ năng diễn đạt: rõ ràng, chính xác.	– SHS, Bài 3. – VBT, Bài 3. – Sách mềm - VBT, Bài 3. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 3. – ĐDHT.	– SGV, Bài 3. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 3. – ĐDDT.

timdapan.com

Bài 4. **Hình phẳng, hình khối. Dài, ngắn. Đo độ dài. Đọc giờ trên đồng hồ, xem lịch tuần** **(1 tiết)**	Ôn tập các vấn đề: – Nhận dạng, phân loại hình phẳng, hình khối. – Độ dài: so sánh dài hơn/ ngắn hơn, cao hơn/thấp hơn. Đo độ dài: Chọn đơn vị đo, cách đo, nói kết quả đo. – Nói thời gian: đọc giờ đúng, nói thời gian học và sinh hoạt trong ngày; thuộc thứ tự các ngày trong tuần, nói lịch học tập, sinh hoạt trong tuần.	– Thành thạo kĩ năng nhận dạng hình phẳng, hình khối; kĩ năng phân loại hình. – Thành thạo kĩ năng so sánh dài / ngắn, cao / thấp; kĩ năng đo độ dài / độ cao và nói / ghi kết quả đo. – Thành thạo kĩ năng xem giờ / xem lịch học tập và sinh hoạt; kĩ năng mô tả, nói ngày giờ xảy ra sự việc.	– SHS, Bài 4. – VBT, Bài 4. – Sách mềm - VBT, Bài 4. – Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Bài 4. – ĐDHT.	– SGV, Bài 4. – Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Bài 4. – ĐDDT.

Bài kiểm tra cuối năm học (1 tiết)

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

timdapan.com

CÁC SỐ ĐẾN 100

MỤC TIÊU

- **Xác định thành thạo số lượng vật.**
- **Viết và đọc thành thạo các số đến 100.**
- **Thuộc thứ tự đếm trong phạm vi 100.**

ÔN TẬP CUỐI NĂM HỌC

CÁC SỐ ĐẾN 100

1 Có bao nhiêu khối lập phương?

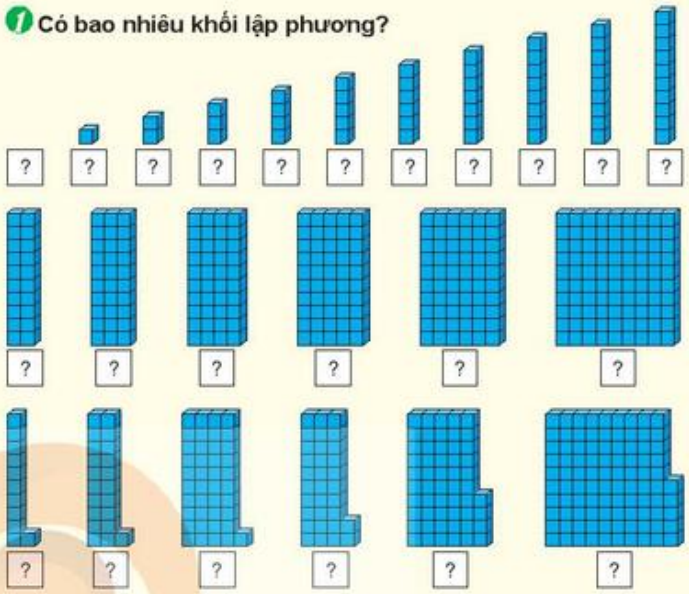

2 Nói thêm 1 thành bao nhiêu.

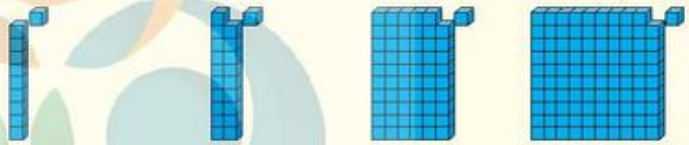

Có 9, thêm 1 thành ?

Có ?, thêm 1 thành ?

Có ?, thêm 1 thành ?

Có ?, thêm 1 thành ?

90

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS ôn tập các số đến 100: nhận biết từng số lượng 0,1, ..., 100; viết và đọc các số trong phạm vi 100; biết một số gồm bao nhiêu chục và bao nhiêu đơn vị lẻ. Các bước:

– HS tự xác định từng số lượng và viết số (viết vào vở).

– Một số HS đọc lần lượt từng số.

– HS trả lời câu hỏi của GV (GV chỉ vào mô hình khối lập phương của từng số và hỏi): "Số ... gồm bao nhiêu chục và bao nhiêu đơn vị?".

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** Với HĐ này, HS được khắc sâu rằng thêm 1 vào một số có 9 đơn vị thì được số chẵn chục, số chục tăng thêm 1: đếm 9 rồi đến 10, đếm 19 rồi đến 20, đếm 29 rồi đến 30, ..., đếm 79 rồi đến 80, đếm 89 rồi đến 90, đếm 99 rồi đến 100 (10 chục). Các bước:

– HS tự tìm và đọc số ở các ☐.

– Một số HS nói số ở từng ☐ (theo tay GV chỉ vào ☐). HS khác và GV xác định đúng.

– HS viết số vào ☐ (viết vào vở).

Có 9, thêm 1 thành 10

Có 19, thêm 1 thành 20

Có 59, thêm 1 thành 60

Có 99, thêm 1 thành 100

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** Với HĐ này HS được trắc nghiệm chỉ ra số nào tương ứng với câu đọc số. Bằng HĐ này, HS được ôn luyện kĩ năng chuyển từ cách đọc số sang cách viết số và ngược lại, ví dụ: đọc "ba mươi hai" thì biết rằng số gồm có 3 chục (số 3 viết trước) và 2 đơn vị (số 2 viết sau). Trên cơ sở hiểu như vậy thì cách trắc nghiệm là: đọc "ba mươi" thì nhìn xem số nào có chữ số 3 ở bên trái để xét tiếp chữ số ở bên phải có phải là 2 ("hai") không rồi chọn hay không chọn số đó. Các bước:

– HS tự chọn số theo cách đọc "ba mươi hai".

– Một số HS nói kết quả và giải thích cách chọn. *GV gợi ý theo cách phân tích ở trên để HS biết cách chọn một cách chắc chắn.*

timdapan.com

3 Chọn số đúng với cách đọc số.

ba mươi hai: 23 32	năm mươi tư: 54 45	tám mươi mốt: 18 81
chín mươi lăm: 59 95	mười bảy: 17 70	

4 Nêu số.

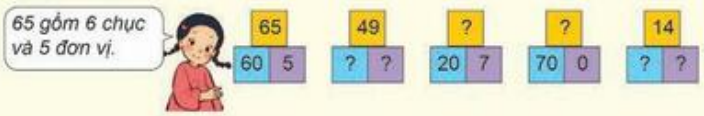

5 Nói số.

a. 8, ?, 10, ?, 12, 13, 14, ?, 16, ?, ?, 19, ?, ?, 22.

b. 89, ?, 91, ?, ?, ?, ?, 96, 97, 98, ?, ?.

6 Hãy chỉ ra cam của mỗi người để trên khăn nào.

91

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Xác định thành thạo số lượng vật bằng cách đếm xem có bao nhiêu chục vật và bao nhiêu vật lẻ.
- Thành thạo việc đọc và viết một số, hiểu ý nghĩa từng chữ số trong cách viết một số.
- Thuộc thứ tự các số đếm trong phạm vi 100.

– HS tiếp tục tự chọn số theo mỗi cách đọc rồi nói kết quả trước lớp.

ba mươi hai: 23 32	năm mươi tư: 54 45	tám mươi mốt: 18 81
chín mươi lăm: 59 95	mười bảy: 17 70	

4. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** Với HĐ này HS tiếp tục được ôn luyện khắc sâu về cấu tạo số: một số có hai chữ số thì chữ số bên trái chỉ số chục và chữ số bên phải chỉ số đơn vị, ngược lại nếu biết số chục và số đơn vị thì viết thành số có hai chữ số. Các bước:

– HS tự tìm số ở mỗi ô trống sau khi đã tìm hiểu mẫu.

– Một số HS nói kết quả trước lớp. HS khác cùng GV xác nhận kết quả đúng.

– HS viết số vào ô trống (viết vào vở).

65	49	27	70	14
60 5	40 9	20 7	70 0	10 4

5. (Nhóm) **HS thực hiện HĐ5 trong SHS.** Với HĐ này HS được ôn lại hệ thống các số đếm đến 100, cũng là các số đến 100 theo thứ tự từ bé đến lớn. Các bước lần lượt: HS tự viết số vào ☐ (viết vào vở); Một số HS viết trên bảng; HS cả lớp và GV xác nhận đúng.

a. 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22.

b. 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100.

6. (Nhóm) **HS thực hiện HĐ6 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS ôn lại, vận dụng cách đếm để xác định số lượng đồ vật: đếm từng chục, xem có bao nhiêu chục và bao nhiêu vật lẻ. Từ đó biết được cam của từng người đặt trên khăn màu nào. Các bước như những HĐ thông thường khác, GV gợi ý để HS thực hiện cách xác định số lượng như trên, không nên đếm liền từ 1 đến hết vì sẽ không nhanh và hay bị sai kết quả.

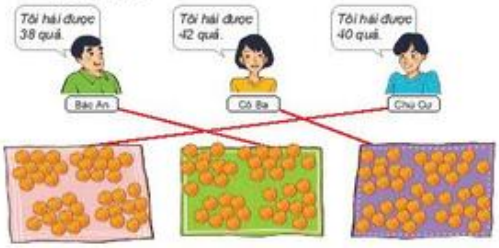

timdapan.com

SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

MỤC TIÊU

- **HS thành thạo việc so sánh các số từ 0 đến 100.**
- **HS thành thạo việc sắp thứ tự một nhóm số (có không quá 4 số) trong phạm vi 100 và tìm số bé nhất, số lớn nhất.**
- **HS biết áp dụng việc so sánh và sắp thứ tự các số vào thực tế.**

SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

1 So sánh hai số.

32 và 25
32 > 25
25 < 32

64 và 71	56 và 85	9 và 27	87 và 83	40 và 48	90 và 100
?	?	?	?	?	?
?	?	?	?	?	?

2 Chọn >, = hoặc <.

27 ? 23 + 10 | 41 ? 30 + 11 | 74 ? 46 + 10

58 ? 63 – 20 | 36 ? 39 – 3 | 6 ? 78 – 32

3

a. **Tìm số bé nhất trong các số đã cho.**

47, 68, 43 — ? | 67, 74, 89, 63 — ? | 13, 70, 9, 57 — ?

b. **Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn.**

47, 68, 43 — ?, ?, ? | 67, 74, 89, 63 — ?, ?, ?, ? | 13, 70, 9, 57 — ?, ?, ?, ?

92

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS ôn luyện so sánh hai số có hai chữ số. Các bước:

– HS tự viết vào bảng con: so sánh cặp số 32 và 25. *GV theo sát từng HS để biết tình hình và hướng dẫn lại (nếu cần) cho HS hiểu: khi so sánh hai số có hai chữ số thì trước hết so sánh số chục của hai số, nếu hai số chục không bằng nhau thì kết luận thế nào, khi hai số chục bằng nhau thì phải làm gì tiếp theo để kết luận được.*

– Một số HS được chỉ định nói rõ cách so sánh và viết kết quả so sánh cặp số trên. *GV có thể phải gợi ý đến khi HS nói được rành mạch cách so sánh.* Các HS khác nói lại cách so sánh trước lớp.

– HS tự so sánh và viết vào vở kết quả với các cặp số còn lại. Một số HS được chỉ định trình bày cách và viết kết quả so sánh từng cặp số trên bảng (GV chú ý cho HS cách so sánh 9 và 27: **số có một chữ số bé hơn số có hai chữ số**; cách so sánh 90 và 100: **100 lớn hơn các số có một chữ số và số có hai chữ số**). *GV kiểm soát để biết những HS làm bài sai, từ đó có kế hoạch hướng dẫn để HS ôn luyện lại cho vững.*

Kết quả đúng:

64 và 71	56 và 85	9 và 27	87 và 83	40 và 48	90 và 100
64 < 71	56 < 85	9 < 27	87 > 83	40 < 48	90 < 100
71 > 64	85 > 56	27 > 9	83 < 87	48 > 40	100 > 90

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS vận dụng linh hoạt cách so sánh đã được ôn luyện ở HĐ1. Các bước:

– HS tự viết dấu vào ô tròn của 27 ◯ 23 + 10 trên bảng con rồi giơ lên. Một số HS được chỉ định giải thích tại sao viết dấu đó. *GV xác nhận các ý kiến đúng rồi gợi ý để các HS nhận thấy có một cách linh hoạt để tìm ra dấu điền vào ô tròn, đó là không cần phải tính 23 + 10 = 33 rồi so sánh 27 với 33 mà* ***so sánh ngay hai số chục có trong hai vế: vế trái có 2 chục, vế phải có 2 chục lại thêm 1 chục nữa nên vế trái có số chục bé hơn, vậy biết vế trái bé hơn vế phải nên điền dấu <.***

– HS tự tìm dấu viết vào các ô tròn còn lại (viết trong vở). GV theo sát từng HS xem còn HS nào viết dấu sai để hướng dẫn thêm cho HS đó.

– Một số HS được chỉ định trình bày cách tìm dấu và viết kết quả trên bảng. *GV xác nhận những giải thích và kết quả đúng, đặc biệt khen các HS có cách tìm dấu linh hoạt như đã được hướng dẫn ở trên. Kết quả đúng:*

timdapan.com

4 Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé.

29, 71, 46 — 71, ?, ?

56, 39, 52 — ?, ?, ?

80, 63, 85, 36 — ?, ?, ?, ?

8, 94, 10, 100 — ?, ?, ?, ?

5 Trả lời câu hỏi.

a. Ai đã đọc được nhiều trang nhất?

b. Bạn Hoa đọc được nhiều hơn ai và ít hơn ai?

93

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Thành thạo so sánh hai số có hai chữ số; biết số có một chữ số bé hơn số có hai chữ số và 100 lớn hơn các số có một, hai chữ số.
- Thành thạo việc sắp thứ tự từ bé đến lớn/từ lớn đến bé một nhóm có không quá 4 số bằng cách tìm số bé nhất/số lớn nhất.
- Biết dùng từ chính xác: nhiều hơn hay lớn hơn, ít hơn hay bé hơn.

27 < 23 + 10 | 41 = 30 + 11 | 74 > 46 + 10

58 > 63 – 20 | 36 = 39 – 3 | 6 < 78 – 32

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** Với HĐ này HS được ôn luyện: vận dụng cách so sánh các số để tìm số bé nhất trong nhóm số đã cho; sắp xếp một nhóm số theo thứ tự từ bé đến lớn bằng cách tìm số bé nhất viết trước, tiếp theo tìm số bé nhất trong các số còn lại, … cứ thế cho đến hết. Các bước:

a. – HS tự tìm số bé nhất trong ba số 47, 68, 43. HS thảo luận cách tìm. *GV gợi ý để HS rõ cách tìm: xét xem số nào có số chục bé nhất, nếu chỉ có một số có số chục bé nhất thì số đó là số bé nhất, nếu có nhiều số cùng có số chục bé nhất thì trong các số đó số có số đơn vị bé nhất là số bé nhất.*

– HS tự thực hiện tìm số bé nhất, viết vào vở. Một số HS được chỉ định viết trên bảng đến khi đúng. Kết quả đúng:

47, 68, 43 — 43

67, 74, 89, 63 — 63

13, 70, 9, 57 — 9

b. – Các bước hoạt động tương tự như phần a. Kết quả đúng:

47, 68, 43 — 43, 47, 68

67, 74, 89, 63 — 63, 67, 74, 89

13, 70, 9, 57 — 9, 13, 57, 70

4. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** Với HĐ này HS được ôn luyện: vận dụng cách so sánh các số để tìm số lớn nhất trong nhóm số đã cho; sắp xếp một nhóm số theo thứ tự từ lớn đến bé bằng cách tìm số lớn nhất viết trước, tiếp theo tìm số lớn nhất trong các số còn lại,… cứ thế cho đến hết. Các bước và những việc mà HS cần rõ tương tự như HĐ3. Kết quả đúng:

29, 71, 46 — 71, 46, 29

56, 39, 52 — 56, 52, 39

80, 63, 85, 36 — 85, 80, 63, 36

8, 94, 10, 100 — 100, 94, 10, 8

5. (Nhóm) **HS thực hiện HĐ5 trong SHS.** Với HĐ này HS được vận dụng vấn đề vừa được ôn luyện ở các HĐ trên và chuyển cách nói lớn nhất sang nhiều nhất, lớn / bé hơn sang nhiều / ít hơn. Có thể tổ chức thi trả lời nhanh hai câu hỏi giữa các nhóm.

Trả lời đúng:

a. Mai đọc được nhiều trang nhất (do 60 > 48, 52, 55).

b. Bạn Hoa đọc được nhiều hơn bạn An và ít hơn hai bạn Mai, Hải (do 52 > 48 và 52 < 60, 55).

timdapan.com

CỘNG, TRỪ TRONG PHẠM VI 100

MỤC TIÊU

- **HS biết chọn phép tính cộng hay trừ thích hợp với vấn đề cần phải giải quyết.**
- **HS tính thành thạo các phép tính cộng, trừ theo dạng đã học.**
- **HS biết chọn phép tính cộng hay trừ để giải quyết vấn đề, trả lời câu hỏi của bài toán.**

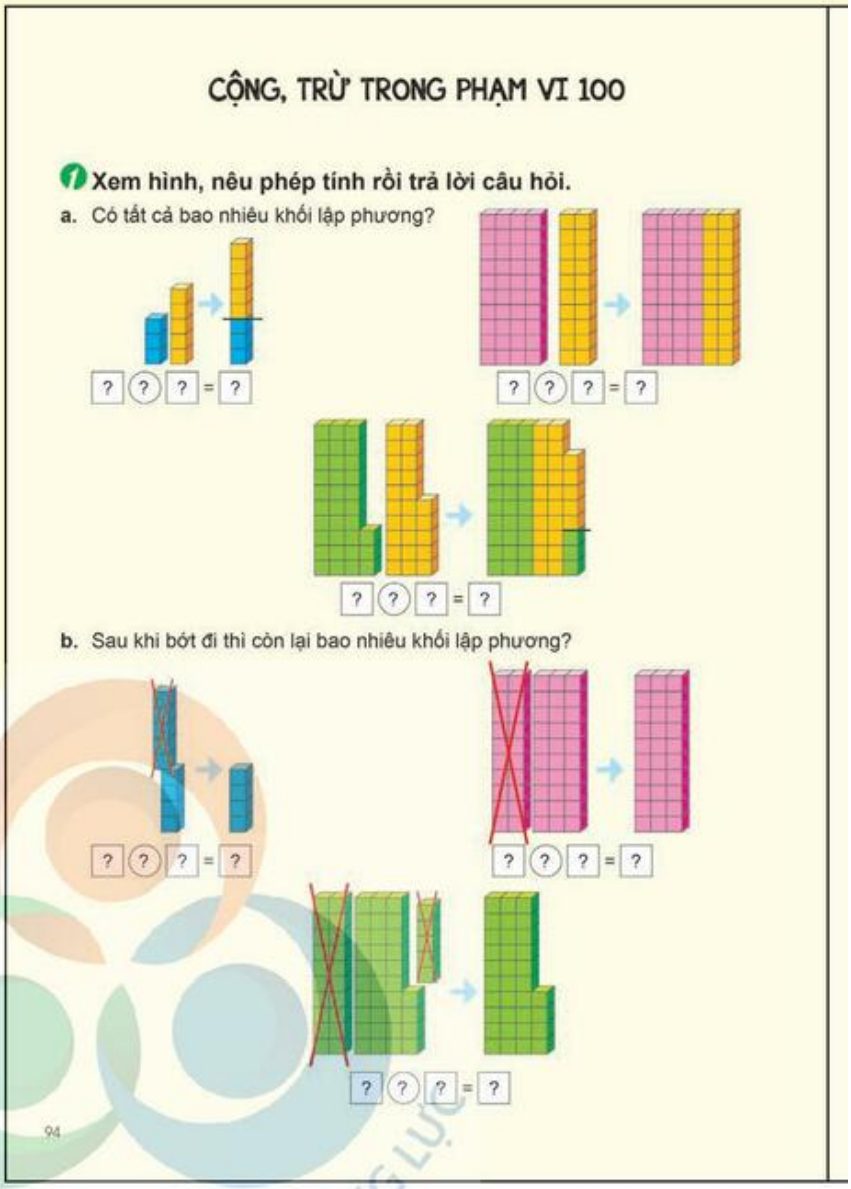
CỘNG, TRỪ TRONG PHẠM VI 100

1 Xem hình, nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.

a. Có tất cả bao nhiêu khối lập phương?

? ? ? = ? ? ? ? = ? ? ? ? = ?

b. Sau khi bớt đi thì còn lại bao nhiêu khối lập phương?

? ? ? = ? ? ? ? = ? ? ? ? = ?

94

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS ôn luyện: để trả lời câu hỏi dạng "Có tất cả bao nhiêu?" thì phải làm tính cộng, để trả lời câu hỏi dạng "Bớt đi ... thì còn lại bao nhiêu?" thì phải làm tính trừ. Các bước:

a. – HS tự quan sát mô hình các khối lập phương

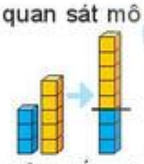

..... = ...

đọc câu hỏi, viết vào bảng con phép tính để tìm số cho câu trả lời rồi giơ lên. GV nhấn mạnh lại với HS: **để tìm hai nhóm có tất cả bao nhiêu vật thì cộng hai số lượng của hai nhóm.**

– HS tự làm tiếp với các mô hình còn lại, viết phép tính và kết quả vào vở. Một số HS được chỉ định viết phép tính trên bảng, nói cách tìm ra kết quả. GV gợi ý để HS nói được: **gộp các đơn vị lẻ với nhau và gộp các chục với nhau, tức là cộng hai số đơn vị với nhau và cộng hai số chục với nhau.**

Kết quả đúng:

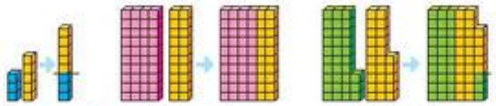

3 + 5 = 8 40 + 20 = 60 33 + 25 = 58

b. – Các bước hoạt động tương tự như phần a, HS nói được cách tìm kết quả phép tính trừ: **trừ hai số đơn vị với nhau và trừ hai số chục với nhau.** Kết quả đúng:

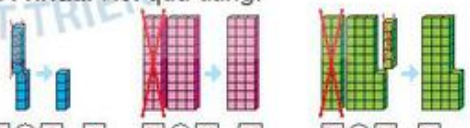

9 − 5 = 4 50 − 20 = 30 59 − 25 = 34

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2, HĐ3 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS ôn luyện kĩ năng tính cộng, trừ theo các dạng đã học. HS phải thấy được dù phép tính dạng nào và tính theo cách nào thì quy tắc chung vẫn là: **cộng / trừ số đơn vị với nhau và cộng / trừ số chục với nhau.** Các bước:

– HS nói cách tính cộng, trừ nhẩm các số tròn chục ở HĐ2 (nếu HS nói theo cách đặt tính cũng được chấp nhận, nhưng *GV hướng HS theo cách nhẩm để tính nhanh hơn*).

– HS tự tính, viết kết quả của HĐ2 vào chỗ trống trong vở. GV theo dõi và hướng dẫn cho những HS chưa vững.

– HS tự tính 4 phép tính dòng thứ nhất của HĐ3, viết vào vở. Một số HS được chỉ định trình bày cách tính và kết quả. *Qua việc theo dõi sát sao, nếu thấy HS tính thành thạo theo cách đặt tính thì GV hướng HS tính nhẩm những phép tính*

timdapan.com

2 Tính nhẩm.

50 + 30 =	70 – 30 =	60 + 40 =
90 – 60 =	40 + 30 =	100 – 10 =

3 Tính.

a.

30 + 5 =	50 + 40 =	8 – 3 =	60 – 10 =
35 + 2 =	53 + 40 =	28 – 3 =	68 – 10 =

b.

25 + 12 =	58 – 23 =	42 + 34 =	76 – 41 =

4 Tính.

23 + 10 + 5 =	69 – 12 – 7 =
78 – 58 + 80 =	38 + 2 =

5 Chọn >, = hoặc <.

47 – 5 ? 23 + 20 23 + 6 ? 29 – 1

99 + 1 ? 100

6 Nêu số.

28	?	59	92
17 11	30 8	24 ?	? 32

95

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- **HS nhận biết ngay được: với câu hỏi dạng "Có tất cả bao nhiêu?" thì phải làm tính cộng; với câu hỏi dạng "Bớt đi ... thì còn lại bao nhiêu?" thì phải làm tính trừ.**
- **HS nắm vững quy tắc cộng / trừ (cộng / trừ số đơn vị với nhau và cộng / trừ số chục với nhau) để: thành thạo việc đặt tính và tính các phép tính cộng, trừ theo dạng đã học, hướng tới tính nhẩm để vận dụng nhanh vào những tình huống trong thực tế học tập và cuộc sống.**

dạng này, ví dụ: 30 + 5 thì kết quả có 3 chục và 5, tức là 35; 35 + 2 thì cộng đơn vị : 5 + 2 = 7, 3 chục vẫn giữ nguyên nên kết quả là 37; 28 – 3 thì đã biết 8 – 3 = 5, 2 chục không bị trừ, còn nguyên 2 chục, vậy kết quả là 25.

– HS tự tính các phép tính còn lại, viết kết quả vào vở. *GV theo sát từng HS để biết tình hình và giúp HS thành thạo.* GV có thể gợi ý về từng cặp phép tính có liên quan để HS sử dụng kết quả phép tính trước tính phép tính sau nhanh hơn, ví dụ: 50 + 40 = 90 nên 53 + 40 = 93.

– HS được chỉ định nói kết quả, HS khác và GV xác nhận khi kết quả đã đúng. HS sai tính lại.

– HS tự tính 2 phép tính 25 + 12 và 58 – 23 của HĐ3, viết cách tính vào trong vở. Một số HS được chỉ định trình bày cách tính và kết quả. *GV điều khiển để mỗi phép tính được các HS trình bày đủ 2 cách.*

– HS viết vào vở việc tính các phép tính còn lại. GV tổ chức tiếp theo tương tự như các phần trên.

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** Với HĐ này HS được vận dụng các kĩ năng đã được ôn luyện ở HĐ2, HĐ3 để tính kết quả dãy tính. HS có thể đặt tính ra giấy nháp rồi tính hoặc tính nhẩm, viết kết quả vào vở. Các bước tổ chức hoạt động tương tự như các hoạt động ở trên. GV lưu ý hướng dẫn nếu HS lúng túng với hai trường hợp: 78 – 58 + 80 (20 + 80 = 100) và 38 + 2 (dùng cách đếm tiếp, từ 38 đếm tiếp thêm 2: 38, 39, 40, vậy 38 + 2 = 40). Kết quả đúng:

23 + 10 + 5 = 38	69 – 12 – 7 = 50
78 – 58 + 80 = 100	38 + 2 = 40

4. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ5 trong SHS.** Với HĐ này HS một lần nữa được vận dụng các kĩ năng tính cộng, trừ trong phạm vi 100 đã học, kết hợp với kĩ năng so sánh hai số trong phạm vi 100. Cách cơ bản là cộng, trừ để tìm kết quả ở hai vế rồi so sánh. Với HS khá, giỏi, GV hướng HS đến tính nhẩm và cách so sánh linh hoạt (đã hướng dẫn ở bài ôn tập SO SÁNH, SẮP THỨ TỰ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100), ví dụ: 47 – 5 ◯ 23 + 20 so sánh số chục thấy vế trái có 4 chục mà vế phải cũng có 4 chục (2 chục + 2 chục) nên so sánh số đơn vị: vế trái có 2 (7 – 5 = 2), vế phải có 3 (3 + 0 = 3), vậy vế trái bé hơn vế phải, viết dấu < vào ô tròn. Kết quả đúng:

47 – 5 < 23 + 20 23 + 6 > 29 – 1

99 + 1 = 100

timdapan.com

5. **HS thực hiện HĐ6** mang tính chất thử sức. Cách tìm số trong ô trống ở đây là tính nhẩm theo đơn vị và theo chục, ví dụ: 24 [59] tức là nhẩm để biết 24 + số nào = 59 như sau:

4 cộng số nào bằng 9? (số 5) 2 chục cộng mấy chục bằng 5 chục (3 chục) từ đó có 24 + 35 = 59, viết 35 vào ô.

Kết quả:

30 [38] 8 | 24 [59] 35 | 60 [92] 32

6. (Cá nhân, cặp đôi) **HS thực hiện HĐ7 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS tập phân tích bài toán để thấy rằng:

– Với bài toán có câu hỏi dạng "Có tất cả bao nhiêu?" thì "Tất cả" là gồm số lượng của các nhóm vật / người nào.

– Với bài toán có câu hỏi dạng "Bớt đi … thì còn lại bao nhiêu?" thì "bớt đi" ở nhóm vật / người nào, có số lượng bao nhiêu và "bớt đi" bao nhiêu vật / người.

Từ đó HS viết được phép tính cho bài giải.

Việc đưa sẵn khung câu trả lời cho HS điền kết quả vào ô trống là để HS luyện tập trả lời câu hỏi của bài toán.

Các bước với bài toán a:

– HS đọc bài toán, nhắc lại nội dung bài toán: **cho biết gì, yêu cầu phải tìm gì** (biết sân chơi có 6 chiếc xe đã có người ngồi và 4 chiếc xe chưa có người ngồi, cần phải tìm có tất cả bao nhiêu chiếc xe ở sân chơi).

– Cặp đôi HS thảo luận để tìm câu trả lời câu hỏi "Tất cả xe trên sân chơi gồm các nhóm nào? Mỗi nhóm có bao nhiêu chiếc?". HS có thể quan sát sơ đồ để trả lời được. Trả lời đúng: Tất cả gồm 2 nhóm xe, nhóm xe đã có người ngồi có 6 chiếc, nhóm xe chưa có người ngồi có 4 chiếc.

– HS tự viết phép tính vào vở. Một số HS viết phép tính trên bảng đến khi HS cả lớp và GV xác nhận đã đúng. Phép tính đúng: 6 + 4 = 10.

– HS viết kết quả 10 vào ô □, đọc câu trả lời.

– Các bước với bài toán **b**, với bài toán **c** tương tự như với bài toán **a**. Bài toán **b**: Câu hỏi phân tích là "Sân chơi có bao nhiêu chiếc xe? Bớt đi bao nhiêu chiếc xe nào thì còn lại các xe chưa có người ngồi?". Trả lời đúng: Sân chơi có 10 chiếc xe, bớt đi 8 chiếc xe đã có người ngồi thì còn lại là xe chưa có người ngồi; phép tính đúng: 10 – 8 = 2; Trả lời đúng: Còn lại 2 chiếc xe chưa có người ngồi.

Bài toán **c**: Câu hỏi phân tích là "Cô có bao nhiêu chiếc bút? Bớt đi bao nhiêu chiếc bút thì còn lại bao nhiêu chiếc?". Trả lời đúng: Cô có 48 chiếc bút, bớt đi 32 chiếc thì còn lại: 48 – 32 = 16 chiếc; Trả lời đúng: Cô giáo còn lại 16 chiếc bút.

7 Nêu phép tính rồi trả lời câu hỏi.

a. Trong sân chơi công viên, Sơn thấy 6 chiếc xe đã có người ngồi và 4 chiếc chưa có người ngồi. Có tất cả bao nhiêu chiếc xe ở sân chơi?

? ? ? = ?

Sân chơi có tất cả ? chiếc xe.

b. Sân chơi có 10 chiếc xe. 8 chiếc đã có người ngồi, còn lại bao nhiêu chiếc chưa có người ngồi?

? ? ? = ?

Còn lại ? chiếc xe chưa có người ngồi.

7. **VUI MỘT CHÚT**. HĐ này dành cho HS nào đã hoàn thành các hoạt động từ HĐ1 đến HĐ7 thực hiện ngay tại lớp, các HS khác có thể thực hiện ngoài giờ học. Cách tìm số thay vào ? tương tự như HĐ6.

Kết quả:

67 – 44 = 23.

Trâu mang thẻ 44.

69 – 44 = 25.

Voi mang thẻ 69.

timdapan.com

c. Nhân dịp đi tham quan, cô giáo mua được 48 chiếc bút. Cô tặng cho mỗi bạn trong lớp Minh một chiếc bút. Biết lớp Minh có 32 học sinh. Hỏi cô còn lại bao nhiêu chiếc bút?

? ? ? = ?

Cô giáo còn lại ? chiếc bút.

VUI MỘT CHÚT

Mỗi bạn Voi và Trâu mang thẻ số bao nhiêu?

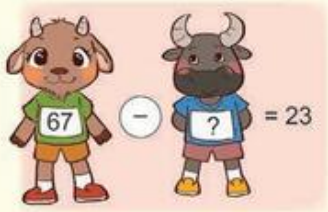

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

timdapan.com

HÌNH PHẲNG, HÌNH KHỐI. DÀI, NGẮN. ĐO ĐỘ DÀI. ĐỌC GIỜ TRÊN ĐỒNG HỒ, XEM LỊCH TUẦN

MỤC TIÊU

- **HS xác định nhanh và đúng từng loại hình phẳng và hình khối.**
- **HS thành thạo việc đo và nói được kết quả đo độ dài.**
- **HS thành thạo việc đọc giờ đúng trên đồng hồ, thuộc thứ tự các ngày trong tuần và liên hệ với lịch học tập, sinh hoạt hằng ngày.**

HÌNH PHẲNG, HÌNH KHỐI. DÀI, NGẮN. ĐO ĐỘ DÀI. ĐỌC GIỜ TRÊN ĐỒNG HỒ, XEM LỊCH TUẦN

1 **Nói tên mỗi hình, khối hình sau.**

2 **Khối hộp chữ nhật xanh cao bằng bao nhiêu khối lập phương đỏ?**

3 **Trả lời câu hỏi.**

a. Mỗi chiếc cốc cao bao nhiêu xăng-ti-mét?

b. Mỗi chiếc cốc rộng bao nhiêu xăng-ti-mét?

98

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. (Cá nhân, cả lớp) **HS thực hiện HĐ1 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS xác định từng hình phẳng, từng hình khối đã được học. Các bước:

– HS xung phong đọc trước lớp tên từng loại hình phẳng, hình khối theo thứ tự hình vẽ trong SHS. GV khen thưởng những HS nói được nhanh nhất và đúng hết: hình tam giác, hình vuông, khối lập phương, hình chữ nhật, khối hộp chữ nhật, hình tròn.

– HS cả lớp cùng đọc lại tên loại hình phẳng, hình khối theo tay GV chỉ (không theo thứ tự hình vẽ trong SHS).

2. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ2 trong SHS.** HĐ này nhằm cho HS quan sát và xác định vật này cao hoặc dài bằng bao nhiêu hình khác. Đó cũng là xác định kết quả đo một vật theo đơn vị đo là vật kia. Ở đây là nhận biết khối hộp chữ nhật màu xanh cao bằng bao nhiêu khối lập phương màu đỏ. Các bước:

– HS quan sát, tự xác định rồi nói khối hộp chữ nhật xanh cao bằng bao nhiêu khối lập phương đỏ.

– HS giải thích làm thế nào biết kết quả đó. *GV gợi ý để HS nói được:* **khối hộp chữ nhật và chồng khối lập phương cùng đứng trên một nền, thấy khối hộp chữ nhật cao bằng chồng khối lập phương, đếm thấy chồng khối lập phương có 5 khối** nên kết luận khối hộp chữ nhật cao bằng 5 khối lập phương.

3. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ3 trong SHS.** Với HĐ này HS tiếp tục được luyện xác định kết quả đo. Ở đây là đo xem mỗi chiếc cốc cao bao nhiêu xăng-ti-mét, rộng bao nhiêu xăng-ti-mét. Các bước tương tự như HĐ2, *lưu ý việc nhận biết kết quả đo chiều rộng của chiếc cốc xanh: từ vạch số 12 đến vạch số 22 là bao nhiêu xăng-ti-mét?*. Kết quả đúng:

a. Cốc màu hồng cao 6 cm, cốc màu xanh cao 8 cm.

b. Cốc màu hồng rộng 10 cm; cốc màu xanh rộng 10 cm (từ vạch 12 đến vạch 22 là 10 cm).

4. (Cá nhân, cả lớp) **HS thực hiện HĐ4 trong SHS.** Với HĐ này HS được ôn luyện đọc giờ đúng trên đồng hồ, nói mỗi việc xảy ra lúc mấy giờ và kết hợp với kinh nghiệm thực tế hằng ngày biết thứ tự việc nào xảy ra trước, việc nào xảy ra sau. Các bước:

– Với từng hình, HS xung phong nói "Lúc … giờ bạn Hải đang …". GV khen thưởng những HS nói được nhanh nhất và đúng.

timdapan.com

4 Xem đồng hồ rồi nêu từng việc Hải làm theo thứ tự thời gian trong một ngày.

5 Hãy làm theo yêu cầu của cô giáo.

Trên bảng cô đã ghi những việc cần chú ý của tuần sau. Các em hãy nói tiếp các ngày trong tuần và việc phải làm trong ngày đó.

VIỆC CẦN CHÚ Ý CỦA TUẦN SAU	
Thứ hai	Đi học sớm hơn để chuẩn bị hát múa dưới cờ.
?	Mang hộp bút màu.
?	
?	Mặc đồng phục thể thao.
?	Đi dã ngoại.
?	
?	

99

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhìn hình phẳng, hình khối và gọi đúng tên loại hình phẳng, hình khối.
- Đọc đúng kết quả đo độ dài một vật.
- Đọc đúng giờ trên đồng hồ, từ đó nói mỗi việc xảy ra lúc mấy giờ.
- Thuộc thứ tự các ngày trong tuần, ghi được lịch học tập, sinh hoạt để thực hiện.

– HS được chỉ định (GV chỉ định những HS chậm) đọc giờ trên mỗi đồng hồ rồi nói lại "Lúc ... giờ bạn Hải đang ...".

– HS tự viết số (bằng bút chì) vào bên cạnh mỗi hình theo thứ tự thời gian (trước khi viết HS phải hiểu lúc 6 giờ bạn Hải tập thể dục là việc xảy ra sớm nhất trong bốn việc ở đây).

– Một số HS xung phong được chỉ định nói kết quả viết số vào ô bên mỗi hình (GV gắn sẵn ô), giải thích. GV gợi ý, có thể quay kim đồng hồ để HS cả lớp nhận ra thứ tự các việc: 6 giờ (buổi sáng) bạn Hải tập thể dục → 12 giờ (buổi trưa) bạn Hải ăn trưa → 5 giờ (buổi chiều) bạn Hải đá bóng → 10 giờ (đêm) bạn Hải ngủ. Thứ tự của các tranh:

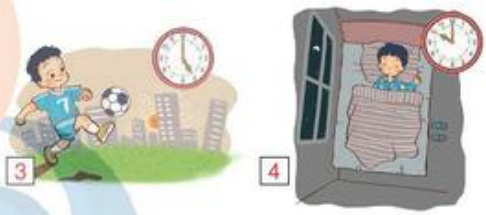

5. (Cá nhân) **HS thực hiện HĐ5 trong SHS.** Với HĐ này HS được vận dụng việc thuộc thứ tự các ngày trong tuần để ghi lại lịch tuần sau mà cô giáo đã dặn dò. Các bước:

– HS nhớ lại và đọc thứ tự các ngày trong tuần: cá nhân đọc, cả tổ đọc rồi cả lớp đọc.

– HS viết vào vở các ngày trong tuần đúng thứ tự theo cột.

– HS đọc lại từng ngày trong tuần cùng với các việc cô giáo đã viết.

GV kiểm soát và khen HS viết đúng, yêu cầu HS viết chưa đúng viết lại.

timdapan.com

GỢI Ý BÀI KIỂM TRA CUỐI NĂM HỌC

Câu 1. Viết số vào chỗ trống.

a. ….. , ….. , 11, 12, 13, ….. , 15, ….. , ….., ….., 19, ….., ….., ….., …..

b. ….. , 99, 98, 97, ….. , 95, ….. , ….. , 92, ….., ….., ….., 88, ….., ….., …..

Câu 2. Viết số vào ô ☐.

10 + 6 = ☐ 7 + 60 = ☐ 59 = 50 + ☐ 32 = 2 + ☐

Câu 3. Viết phép tính. Viết số vào ☐ của câu trả lời.

a. Để trang trí cho lễ tổng kết cuối năm học, bác Ba đại diện Hội cha mẹ học sinh lớp của Hằng đã mang đến hai bó hoa. Hằng đếm thấy bó hoa hồng có 35 bông, bó hoa cẩm chướng có 43 bông. Bác Ba đã mang đến tất cả bao nhiêu bông hoa?

Đặt tính
……
……
……

Phép tính: ……

Trả lời: Bác Ba đã mang đến tất cả ☐ bông hoa.

b. Trong lễ tổng kết năm học này cả 35 bạn ở lớp của Hằng đều tham gia biểu diễn múa hoặc hát. Có 12 bạn chỉ múa mà không hát. Có bao nhiêu bạn hát?

Đặt tính
……
……
……

Phép tính: ……

Trả lời: Có ☐ bạn hát.

Câu 4. Viết kết quả đo.

Cái que tính này dài ….. cm.

Cây bút sáp màu này dài ….. cm.

Câu 5. Trả lời câu hỏi.

Sau một ngày bán hàng, cô bán hàng kiểm lại xem còn bao nhiêu bút bi mỗi màu. Kiểm số túi thì thấy 5 túi bút màu đỏ, 4 túi bút màu đen, 5 túi bút màu xanh, mỗi túi có 10 chiếc bút. Kiểm số bút lẻ thì thấy 6 chiếc bút màu xanh, 2 chiếc bút màu đỏ và 9 chiếc bút màu đen.

a. Còn lại bao nhiêu chiếc bút mỗi loại?

Còn lại: ….. chiếc bút màu đỏ; …. chiếc bút màu đen; ….. chiếc bút màu xanh.

b. Bút màu nào còn nhiều nhất? Bút màu nào còn ít nhất?

Bút màu …… còn nhiều nhất. Bút màu …… còn ít nhất.

THANG ĐÁNH GIÁ (điểm trình bày toàn bài: 0,5 điểm)

Câu 1. (2 điểm): **a.** (1 điểm); **b.**(1 điểm) (Sai hoặc thiếu một số trừ 0,25 điểm)

Câu 2. (2 điểm) (Sai hoặc thiếu một số trừ 0,5 điểm)

Câu 3. (2 điểm) **a.** (1 điểm); **b.** (1 điểm) (Phép tính đúng: 0,5 điểm; Câu trả lời đúng: 0,5 điểm)

Câu 4. (1 điểm) (Mỗi kết quả đo đúng là 0,5 điểm)

Câu 5. (2,5 điểm) **a.** (1,5 điểm) (mỗi kết quả đúng 0,5 điểm); **b.** (1 điểm) (mỗi màu đúng 0,5 điểm)

Xếp loại: Từ 5 điểm đến 8 điểm (đã làm tròn): Hoàn thành; Từ 9 điểm đến 10 điểm (đã làm tròn): Hoàn thành Tốt

timdapan.com